Gabriel Garcia Márquez

TRĂM NĂM CÔ ĐƠN

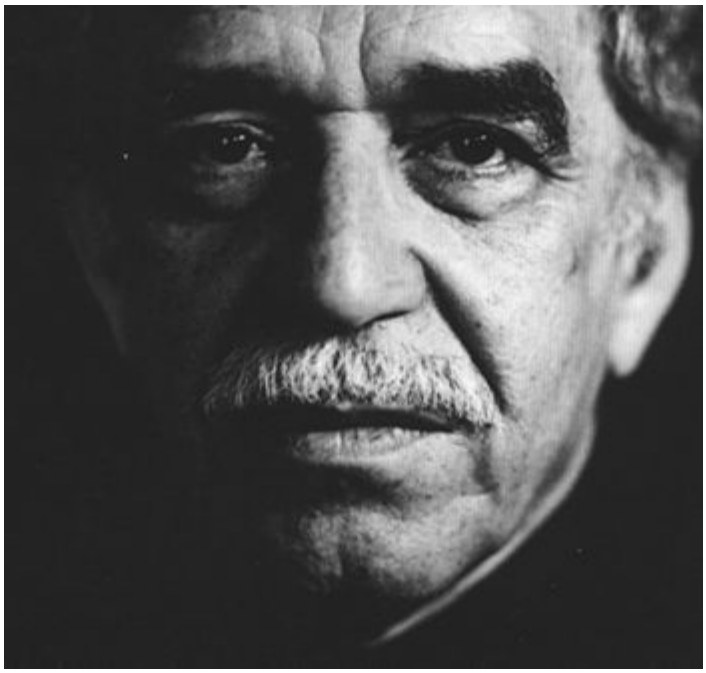

WWW.THUQUAN.NET, 2008.

Gabriel Garcia Márquez

Trăm năm cô đơn

Dịch giả: Nguyễn Trung Đức

Lời giới thiệu

Tiểu thuyết đạt giải noben văn học năm 1982

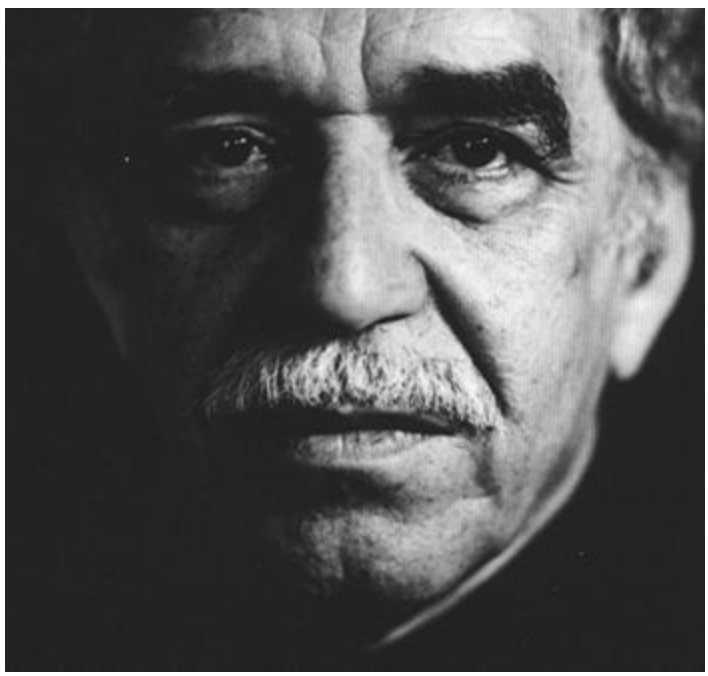

Cho đến nay *Trăm năm cô đơn* vẫn là cuốn tiểu thuyết lớn nhất của Gabrien Gacxia Maket (Gabriel Garcia Márquez, 1928), nhà văn Côlômbia, người được giải Nôben về văn học năm 1982. *Trăm năm cô đơn* ra đời (1967) đã gây dư luận sôi nổi trên văn đàn Mỹ Latinh và lập tức được cả thế giới hâm mộ. Theo số liệu của tác giả đến năm 1970, *Trăm năm cô đơn* đã được in bằng tiếng Tây Ban Nha hơn nửa triệu bản, chưa kể lần in ở Cuba xã hội chủ nghĩa (một lần

hai vạn bản, lần sau tám vạn bản) và mười bảy hợp đồng xin phép tác giả được dịch tác phẩm này ra các thứ tiếng khác. Sau gần hai mươi năm, *Trăm năm cô đơn* đã có mặt ở khắp nới trên hành tinh chúng ta để đến với mọi người và mọi nhà. Rõ ràng *Trăm năm cô đơn* là một cuốn sách ăn khách mặc dù tác giả của nó không viết với mục đích câu khách.

Cốt truyện và đề tài

Trăm năm cô đơn là câu chuyện về dòng họ Buênđya tồn tại bảy thế hệ, người đầu tiên bị trói vào gốc cây và người cuối cùng đang bị kiến ăn, một dòng họ tự lưu đày vào cõi cô đơn để chạy trốn tội loạn luân.

Cái tội loạn luân này khởi sự từ việc tên cướp biển Phranxit Đrăc tấn công Riôacha khiến các cụ tổ của Ucsula Igoaran phải chuyển đến lập nghiệp ở một làng hẻo lánh. Tại đây các cụ tổ của Hôsê Accađiô Buênđya đã lập nghiệp bằng nghề trồng thuốc lá. Qua ba thế kỷ, hai dòng họ này đã có quan hệ thâm giao, cháu chắt họ lấy lẫn nhau dẫn tới thảm hoạ đẻ ra một người đàn ông có đuôi lợn. Chính cái gương tày liếp này đã khiến cha mẹ Hôsê Accađiô Buênđya và Ucsula Igoaran tìm mọi cách ngăn cản nhưng họ vẫn cứ lấy nhau. Khi đã là vợ chồng rồi và dẫu Hôsê Accađiô Buênđya tuyên bố "dù có đẻ ra kỳ đà anh cũng cóc cần". Ucsula Igoaran vẫn sợ đẻ ra đứa con có đuôi lợn, nên khi đi ngủ bao giờ cô cũng mặc chiếc quần trinh tiết do mẹ may cho. Sự việc kéo dài hơn một năm khiến dân làng ngạc nhiên và

đồn rằng anh chồng là kẻ bất lực.
Một hôm, bị thua Hôsê Accađiô Buênđya trong một cuộc chọi gà, Prudênxiô Aghila không kìm được lòng đã lỡm bạn: "Tao mừng cho mày và để xem cái con gà này có làm phúc cho vợ mày không". Vì lời nói lỡm ấy anh ta phải trả cả tính mạng.
Nhưng không vì thế, người chiến thắng được sống thanh thản, trái lại lúc nào cũng bị lương tâm dằn vặt đến mức phải bỏ làng tìm đền một miền đất không được hứa trước để lập ra làng Macôndô, để tự lưu đày trong cõi cô đơn trăm năm. Rồi trong cõi cô đơn ấy, những Hôsê Accađiô và những Aurêlianô, những Rêmêđiôt và những Amaranta đã ra đời, sống cuộc đời với số phận bi đát dường như đã được định trước: lay lắt trong nỗi cô đơn và hoài nhớ, thấp thỏm lo phạm tội loạn luân.
Nhưng lo cũng chẳng được. Lúc còn đang thời sinh nở, sau mỗi lần đẻ Ucsula Igoaran đều cặn kẽ xem con mình có mang bộ phận nào của con vật không. Về già, cụ luôn luôn nhắc nhở đám cháu con hãy mở to mắt để nhận mặt họ hàng, đừng chung đụng xác thịt mà sinh con có đuôi lợn. Nhưng cụ không thể sống đến hết chuyện để khuyên giải Amaranta Ucsula và Aurêlianô Babilônia. Vì không biết rõ gốc gác, không nắm được quan hệ ruột thịt, Amaranta Ucsula và Aurêlianô Babilônia đã yêu nhau mãnh liệt, ăn nằm với nhau và lấy nhau với hy vọng tình yêu sẽ cải tạo nòi giống mình. Nhưng họ đã đẻ ra đứa con quái thai có đuôi lợn và con vật huyền thoại này đã kết liễu dòng họ Buênđya tồn tại bảy thế hệ. Rõ ràng trong thế giới cô đơn và hoài nhớ ấy, những người trong dòng họ Buênđya đã phạm tội loạn luân dù cho họ cô ý chạy trốn tội loạn luân. Như vậy chúng ta thấy trong *Trăm năm cô đơn*, loạn luân là một đề tài đã mở và đóng

lại một thiên truyện. Nhưng sự ra đời và tồn tại của dòng họ Buênđya lại gắn rất chặt với số phận của làng Macôndô.

Lúc đầu Macôndô là một làng quê hiền hoà. Tại đây chưa một ai đã ngoài ba mươi tuổi. Macôndô chưa có nghĩa địa, dân trí Macôndô chưa được khai sáng. Đứng đầu làng là Hôsê Accađiô Buênđya, một tộc trưởng. Ông chăn dắt dân Macôndô theo lề thói của công xã nông thôn. Dân Macôndô sống hiền lành, không phạm tội giết người nên không cần có quan cai trị (phần đời) và cha cố (phần hồn). Mặc dù sống biệt lập với thế giới bên ngoài, dân Macôndô đã biết làm cho làng mình trở thành một làng quê trù mật và yên vui. Người Digan, theo tiếng chim hót và tiếng nhạc đồng hồ, đã tìm được đường đến với Macôndô. Họ mang tới đây biết bao thứ mới lạ mà dân Macôndô chưa hề biết tới. Họ mang tới làng nghề thủ công và nghề buôn bán. Họ lập ra phố Thổ Nhĩ Kỳ.

Macôndô từ một làng quê trở thành một thị trấn. Chính phủ trung ương phái tới làng một Quan thanh tra. Đó là ông Apôlina Môscôtê. Sự có mặt của Quan thanh tra đã làm cho cuộc sống vốn thanh bình của Macôndô bỗng trở nên bị xáo trộn. Cuộc nội chiến triền miên và khốc liệt giữa hai phái Bảo hoàng và Tự do đã nhiều phen tàn phá Macôndô, làm cho dân chúng phải nhiều phen điêu đứng. Tương ứng với thời kỳ này của Macôndô là sự trưởng thành của thế hệ thứ hai dòng họ Buênđya mà người tiêu biểu là đại tá Aurêlianô Buênđya.

Ngài đã phát động ba mươi hai cuộc chiến và ngài phải chịu thất bại hoàn toàn, buộc phải kí hiệp định đình chiến Neclanđia mà thực chất của bản hiệp định này là sự đầu hàng của lực lượng Tự do trước lực lượng Bảo hoàng.

Nhờ có đường xe lửa, Macôndô thực sự giao lưu với thế giới bên ngoài. Phim ảnh, máy phát điện, máy hát, gái điếm, khách du lịch đã tràn ngập Macôndô. Công ty chuối (thực chất là Công ty hoa quả Mỹ) cũng đến đây và lập đồn điền chuối. Dân tứ xứ đổ về Macôndô. Cuộc sống Macôndô sầm uất lên. Giai đoạn này của Macôndô tương ứng với thế hệ thứ tư dòng họ Buênđya mà người tiêu biểu là hai anh em sinh đôi: Aurêlianô Sêgundô và Hôsê Accađiô Sêgundô. Aurêlianô Sêgundô to khoẻ đầy sinh lực, sôi nổi sống hết mình trong cõi đời thế tục. Ngược lại Hôsê Accađiô Sêgundô vóc người mảnh khảnh nhưng rất thông minh, đã tham gia lãnh đạo cuộc đấu tranh của công nhân chuối đòi cải thiện sinh hoạt và tăng lương. Người Mỹ, ở đây là ngài Trao, rất xảo quyệt và tráo trơ tìm mọi cách thoái thác những yêu cầu chính đáng của công nhân. Khi cuộc đấu tranh lên đến cao trào, người Mỹ đã thẳng tay tắm máu công nhân bằng một vụ thảm sát tất cả những ai có mặt ở sân ga và sau đó dùng đoàn tàu dài hơn hai trăm toa chở xác chết ném xuống biển như Công ty chuối vẫn đổ chuối thối.

Công ty chuối rút khỏi Macôndô. Bằng phép màu, Công ty chuối đã dìm chết Macôndô trong một trận mưa lụt kéo dài bốn năm mười một tháng hai ngày và sau đó lại rang khô nó trong nạn hạn hán kéo dài mười một năm. Macôndô tiêu điều xơ xác. Cỏ dại, sâu bọ sinh sôi

nảy nở nhanh chóng và hung hãn tiến công con người ngày một quyết liệt hơn để đến một ngày kia một trận cuồng phong nổi lên xoá Macôndô khỏi mặt đất này.

KẾT CẤU VÀ THỜI GIAN NGHỆ THUẬT

Khi đọc đến Aurêlianô Babilônia giải được mã của Menkyađêt viết trên những tấm da thuộc, chúng ta nhận thấy *Trăm năm cô đơn* là chuyện về dòng họ Buênđya được viết tỉ mỉ đến từng chi tiết theo phương thức thời gian đồng hiện với một kết cấu phức tạp và chặt chẽ. Viết được như vậy chính là vì Gacxia Mackêt đã khởi công viết cuộn sách này từ năm 1950. Khi ấy, ông mới mười bảy tuổi làm một nhà báo tập sự, từng có một ít truyện ngắn đăng trên các báo chí địa phương. Sống trên gác xép một toà nhà bốn tầng, nhiều bữa phải ăn cơm của các cô gái điếm nghèo cùng trọ trong ngôi nhà ấy, Gacxia Mackêt viết cuốn tiểu thuyết nhan đề Ngôi nhà (La Casa) bao gồm những chuyện về ngôi nhà có ma, ngôi nhà của chính ông bà ngoại mình. Đây là câu chuyện ông biết được qua miệng người bà ngoại có biệt tài kể chuyện. Và đây cũng là cuộc nội chiến giữa phái Bảo hoàng và phái Tự do qua miệng người ông ngoại, một cựu chiến binh của phái Tự do. Những chuyện này gắn bó với tuổi ấu thơ của nhà văn. ông phải bỏ dở cuốn sách, có lẽ vì ông còn quá trẻ. Sau đó chúng ta thấy ông lần lượt cho ra mắt bạn đọc những tác phẩm như. *Đôi mắt chó xanh* (tập truyện, 1955), *Lá rụng* (tiểu thuyết, 1955), *Ngài đại tá chờ thư* (truyện, 1957), *Giờ xấu* (tiểu thuyết, 1962) và *Đám tang của bà Mẹ vĩ đại* (tập truyện, 1962). Chúng ta thấy những nhân vật này có mặt nhiều lần trong các tác phẩm trên và

chúng có liên quan với nhau vì chúng đều ở làng Macôndô hoặc có dịp qua lại làng Macôndô.

Hơn thế nữa, chúng ta thấy nhiều nhân vật đó lại có mặt trong *Trăm năm cô đơn*. Như vậy, ta có thể nói rằng qua các trang này, Gacxia Mackêt đã rèn luyện, thử thách ngòi bút mình, đã tìm ra được cái giọng điệu độc đáo của mình trước khi bước vào viết cuốn sách ông từng ấp ủ nhiều năm, đó là *Trăm năm cô đơn*. Ông thuộc lòng câu chuyện đến mức có thể kể ngược rồi kể xuôi cho các bạn mình nghe. Vào một ngày tốt lành năm 1965, ông bảo Mecxeđet Baccha, vợ ông, rằng: "Từ nay em lo chuyện nhà cửa để anh chuyên viết sách". Ông dành mười tám tháng, ngày nào cũng như ngày nào, sáng bắt đầu từ tám giờ, chiều kết thúc vào lúc ba giờ, cặm cụi viết. Khi viết được hai trăm trang, ông đọc tiểu thuyết *Thế kỷ ánh sáng* của nhà văn Alêhô Cacpentiê. Vì nhận thấy lời văn cuốn sách mình đang viết na ná giống lời văn của *Thế kỷ ánh sáng*, ông xé bỏ bản thảo, bắt đầu viết lại từ đầu. Cuốn sách được phát hành, đã gây dư luận sôi nổi trên văn đàn Mỹ Latinh. Thành công ấy hoàn toàn không bất ngờ đối với Gacxia Mackêt vì khi rời ghế nhà trường ông mang hai niềm tin lớn: chủ nghĩa xã hội và những cuốn tiểu thuyết hay, vì trách nhiệm của người cầm bút là phải viết cho thật hay. *Trăm năm cô đơn* là một trong những cuốn tiểu thuyết ông mơ ước và đã phấn đấu để có được.

Khi đọc xong *Trăm năm cô đơn* chúng ta thấy ở cuốn sách này có hai văn bản. Văn bản một là cái văn bản chúng ta đọc hết dòng này sang dòng khác chạy suốt từ đầu đến cuối sách. Văn bản hai là văn bản

được Menkyađêt viết trên những tấm da thuộc. Văn bản hai làm nền cho văn bản một. Tương ứng với hai văn bản trên có hai người kể chuyện. Một là người kể chuyện ở văn bản một, chúng tôi gọi là người kể chuyện thứ nhất, và người kia là Menkyađêt kể chuyện ở văn bản hai, chúng tôi gọi là người kể chuyện thứ hai. Sau khi đã thuộc lòng câu chuyện về dòng họ Buênđya do người kể chuyện thứ hai ghi trên những tấm da thuộc, người kể chuyện thứ nhất, với tư cách nhà thông thái, người hiểu biết tất cả, theo sở thích của mình kể lại cho chúng ta nghe chính những câu chuyện ấy.
Rồi trong khi kể cho chúng ta nghe, người kể chuyện thứ nhất đã vận dụng kết cấu sự kiện để làm nổi bật tính cách một nhân vật hoặc bản chất một sự kiện bằng cách hội tụ các sự kiện, các tình tiết theo thứ tự biên niên sử.
Tương ứng với hai người kể chuyện, trong tiểu thuyết *Trăm năm cô đơn* có hai thời gian sau đây:

a) Thời gian của người kể chuyện thứ nhất tương ứng với văn bản một, bắt đầu với việc giới thiệu một nhân vật, rồi đến thế kỷ, sau đó lại tiếp nối cùng với việc kể tiếp về nhân vật ấy.
Thời gian của người kể chuyện thứ nhất dường như lấp kín mọi khoảng không gian trong đó nhân vật tồn tại và nó cho ta cảm quan về toàn bộ cuộc đời nhân vật ấy. Ví dụ: kể về cuộc đời đại tá Aurêlianô Buênđya, cuốn sách mở đầu: "*Rất nhiều năm sau này, trước đội hành hình, đại tá Aurêlianô Buênđya đã nhớ lại buổi chiều xa xưa ấy, cái buổi chiều cha chàng dẫn chàng đi xem nước đá*". Trong sách cái thời điểm Aurêlianô Buênđya sắp bị hành quyết nằm ở chương thử bảy. Sự kiện cha chàng dẫn chàng đi xem nước đá lại

được kể ngay từ chương thứ nhất. Như vậy là trong suốt bảy chương đầu cuốn sách, tác giả nói về cuộc đời niên thiếu, trưởng thành cho đến khi đi trận của đại tá Aurêlianô. Tiếp đó thời gian của người kể chuyện thứ nhất mới vận động tiếp để kể cho chúng ta biết về những hành động, những thất bại chua cay sau này của đại tá Aurêlianô. Cuộc đời các nhân vật khác như Aurêlianô Sêgundô và Aurêlianô Babilônia cũng được trình bày tương tự. Như vậy, thời gian của người kể chuyện thứ nhất là thời gian tâm lý gắn với quá trình nhớ lại, quá trình hồi tưởng.

b) Thời gian của người kể chuyện thứ hai gắn với văn bản hai. Thời gian này là thời gian dòng họ Buêndya ra đời, thịnh đạt và tuyệt diệt. Nhưng vì dòng họ này là một dòng họ đã được khẳng định, không phát triển tới một tương lai nào nên thời gian của người kể chuyện thứ hai chuyển động vòng tròn.

Thời gian của người kể chuyện thứ hai là thời gian cốt truyện mang tính biên niên sử, nó là thời gian thực tại, tồn tại độc lập với ý thức của người kể chuyện thứ nhất.

Trong *Trăm năm cô đơn* chúng ta thấy hai loại thời gian này đan bện lấy nhau, hoà quyện vào nhau, trong đó thời gian của người kể chuyện thứ hai, thời gian thực tại, giữ vai trò then chốt, tạo thành thời gian nghệ thuật của tác phẩm, phản ánh được đặc trưng trì động, chậm phát triển cua Mỹ Latinh: "Xét về mặt hình thức mà nói thời gian của sự chậm phát triển thường vận động theo chu kỳ khép kín và về mặt kỹ thuật mà nói nó thường bị chia vụn thành các khoảnh khắc. Nó có tính chất vận động theo chu kỳ khép kín, là vì cái quá trình lịch sử không bao giờ được kết thúc. Khởi nghĩa không bao giờ

có tác động đẩy sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc đi tới nền độc lập thật sự Đất nước không bao giờ đi tới độc lập thực sự. Cá nhân không bao giờ đi tới sự tự ý thức hoàn toàn. Tất cả đều thay đổi đều chuyển hoá nhưng tất cả đều giẫm chân tại chỗ"(1).

Thời gian đa chiều, thời gian nghệ thuật của *Trăm năm cô đơn* là một thành tựu của Gacxia Macket. Nhưng thời gian nghệ thuật của tác phẩm chỉ đạt hiệu quả nghệ thuật cao khi Gacxia Macket tạo ra được một Macôndô, sản phẩm tuyệt vời của hư cấu nghệ thuật. Chúng ta có thể dễ dàng nhận ra Atacarata là nguyên mẫu của Macôndô vì trong tác phẩm, nhất là phần cuối, chúng ta có thể nhận ra những người thật việc thật của Atacarata, quê hương của tác giả. Ví dụ theo Hecman Vacgat, nhà phê bình văn học Côlômbia, bạn thân của Gacxia Macket, thì cụ già bán sách cổ người Catalunha chính là cụ Ramôn Viniêt. Bốn người bạn trẻ chơi thân với nhau chính là tác giả (vai Gabrien) và các bạn của ông như Anva chính là nhà văn Anvarô Xêpêda: Xamuđiô, Vacgat chính là nhà phê bình văn học Hecman Vacgat và Anphôrô chính là hoạ sĩ Anphônxô Phuênmađô. Dù có thế đi nữa Macôndô vẫn không phải là Atacarata mà ngược lại Macôndô là bất kì một thành phố nào của Côlômbia nói riêng, của Mỹ Latinh nói chung. Macôndô là một địa danh hư cấu đủ sức dung nạp mọi chuyện, từ chuyện có thực đến chuyện tưởng tượng - dù tưởng tượng theo nguyên tắc hư cấu nghệ thuật hay tưởng tượng theo nguyên tắc huyền thoại. Nhờ vậy, thực tại đời sống ùa vào tác phẩm một cách phong phú, đa dạng, không chỉ cái có thực mà còn có cả cái không có thực theo những cấp độ sau đây:

1. Cái có thực vốn là những sự kiện lịch sử từng xảy ra ở Côlômbia và Mỹ Latinh được tác giả tái hiện chính xác tới từng chi tiết. Đó là cuộc nội chiến triền miên và khốc liệt giữa phái Bảo hoàng và phái Tự do. Sĩ quan hai phái ban ngày đánh nhau kịch liệt, ban đêm làm bạn cờ bạc. Trong *Trăm năm cô đơn*, điều đó được phản ảnh trong quan hệ bạn bè giữa đại tá Aurêlianô và tướng Raken Môncađa.

2. Cái có thực vốn là cái lạc hậu, cổ hủ của Mỹ Latinh được tác giả tái hiện trong tác phẩm theo phương pháp phúng dụ. Chính nhờ thế, giọng điệu hài hước đã nổi đậm trong *Trăm năm cô đơn*. Ví dụ: đá nam châm, kính lúp, thước đo góc, la bàn, nước đá (ở phần đầu), máy hát, máy nổ, phim ảnh, xe lửa (ở phần cuối). Đó là những công cụ từng được sáng chế và sử dụng phổ biến trên thế giới nhưng vẫn là những thứ tân kì đối với dân chúng Macôndô.

3. Cái có thực mang tính chất kì diệu được tác giả đưa vào tác phẩm. Đó là khả năng ngoại cảm tuyệt vời của đại tá Aurêlianô Buênđya. Đó là sự đồng cảm tuyệt đối giữa hai chú bé sinh đôi khi người này uống nước chanh thì người kia, mặc dù không uống, vẫn cứ nói đúng trăm phần trăm là nước chanh không pha đường..

4. Cái có thực được nhà văn tưởng tượng theo nguyên tắc huyền thoại hoá đẩy nó tới mức phi thường hoặc quái dị. Đó là trường hợp Rêmêđiôt - Người đẹp là một cô hầu người Anhđiêng. Cô ta vốn không đẹp. Cô ta vô cớ bỏ nhà chủ và chủ nhà không hay biết cô ta bỏ đi lúc nào và đi đâu. Trong *Trăm năm cô đơn*, cái cô người ở ấy đã trở thành người trong gia đình, người đẹp và cô ta đã bay lên trời

vì cô ta là hiện thực là cái đẹp không thuộc cõi thế tục này. Ngược lại với trường hợp cô gái là vụ thảm sát hơn ba ngàn người là chuyện có thực từng xảy ra ở Côlômbia vào cuối những năm hai mươi thế kỉ này, nhưng đã được Gacxia Mackêt huyền thoại hoá theo hướng quái dị để bộc lộ bản chất xấu xa, đê tiện, tàn nhẫn của tư bản Mỹ. 5. Cái không có thực do nhà văn căn cứ vào cảm quan cửa mình trước thực tại xã hội mà tưởng tượng ra rồi đưa vào tác phẩm theo nguyên tắc huyền thoại hoá. Mưa hoa trong đám tang của Hôsê Accađiô Buênđya là cảm quan xót thương của tác giả trước một con người đầy nghị lực, đầy thông minh, luôn đam mê hiểu biết. Trận mưa lụt là cảm quan của tác giả trước thực tại trì động đã đến ngày tận thế của xã hội Mỹ Latinh. Cái đuôi con lợn của thằng bé cuối cùng trong dòng họ Buênđya là cảm quan của tác giả về loại người chưa thành người hoặc đã bị hạ cấp dưới mức người.

Nhân vật và thông điệp

Thành công của Gacxia Macket trong việc tạo ra một không gian và thời gian nghệ thuật như trên đã mở ra một khả năng to lớn trong việc xây dựng các nhân vật có cá tính. Chúng ta dễ dàng nhận ra những nhân vật trong *Trăm năm cô đơn* là những nhân vật siêu mẫu, tức là những con người phi thường, dị hợm và quái dị. Nhờ tính chất siêu mẫu nầy, các nhân vật trong *Trăm năm cô đơn* đã gây hào hứng cho độc giả để rồi mãi mãi đọng lại trong tâm trí bạn đọc. Quả vậy, trong *Trăm năm cô đơn* có khoảng sáu mươi nhân vật, kẻ cả chính lẫn phụ. Nhân vật nào cũng có cá tính rất sông động trước mắt chúng ta. Thành công này có được là nhờ Gacxia Macket đã vận dụng và nâng cao thủ pháp xây dựng nhân vật của truyện kể dân gian: chỉ chấm phá đôi nét còn nhường chỗ cho trí tưởng tượng của người đọc người nghe. Tuỳ từng nhân vật cụ thể, ông thấy cần nhấn mạnh nét cá tính nào thì ông tập trung miêu tả những biểu hiện của cá tính ấy. Cần phải làm nổi bật tư chất thị dân của Piêtrô Crêspi thì ông miêu tả và chỉ miêu tả cái bàn tay có nước da mai mái xanh của anh ta. Cần làm nổi bật trái tim yêu rạo rực của Pila Tecnêra, Gacxia Macket luôn nhấn mạnh đến cái mùi khen khét phả ra từ nách ả, đến

cái tiếng cười khanh khách của ông như tiếng gù cù cù rục của con bồ câu. Cần làm nổi bật tư chất rầu rĩ của đại tá Aurêlianô Buênđya ông nhấn mạnh tiếng khóc từ trong bụng mẹ của đại tá. Cần làm nổi bật tư chất trác táng, đam mê rượu chè và hội hè của Aurêlianô Sêgunđô ông nhắc đi nhắc lại nhiều lần cái câu nói đầy khẩu khí của anh ta: "Hỡi những con bò cái hãy dạng háng ra kẻo cuộc đời ngắn ngủi lắm" v.v… và v.v…

Như vậy chúng ta thấy mỗi nhân vật được khu biệt hoá với các nhân vật khác bởi chỉ một hoặc vài ba điểm. Trong nhiều trường hợp, những đặc điểm này được phóng đại đến mức quái dị như những chiếc mặt nạ. Và do đó nhân vật trở thành siêu mẫu gây ấn tượng sâu sắc trong người đọc. Chúng ta không thể quên được Babilônia, anh thợ cơ khí của Công ty chuối với đàn bướm vàng, không thể quên được Rêmêđiôt Người đẹp với luồng khí độc có hiệu quả trong việc làm chết những kẻ đam mê cô do không biết cách chứng tỏ tình yêu của mình không thể quên được Menkyađêt với chiếc mũ cánh quạ không thể quên được Pêtra Côtêt mà tình dục của cô ta có ảnh hưởng quyết định đến tính mắn đẻ của gia súc không thể quên được Rêbêca, cô gái nặng hoài nhờ ăn đất, v.v… và v.v… Nhờ thủ pháp này Gacxia Macket giúp chúng ta phân biệt những nhân vật cùng tên trong gia đình Buênđya vốn có thói quen lấy tên cha mẹ đặt cho con(2). Chúng ta dễ dàng nhớ và phân biệt Hôsê Accađiô Buênđya, người sáng lập ra làng Macôndô với Hôsê Accađiô kẻ đi dòng quanh thế giới, với Accađiô Hôsê tên bạo ngược, với Hôsê Accađiô Sêgunđô kẻ trầm tư lánh đời và Hôsê Accađiô kẻ đi tu không đắc đạo. Chúng ta nhớ và phân biệt ngài đại tá Aurêlianô Buênđya, người phát động ba mươi hai cuộc chiến, với Aurêlianô Sêgunđô kẻ

trác táng, với Aurêlianô Babilônia người thông minh chịu học đã đọc được văn bản tiếng Phạn do Menkyađêt viết trên những tấm da thuộc và với Aurêlianô kẻ bị kiến tha. Dĩ nhiên ngoài những đặc điểm bên ngoài làm nổi bật tính cách nhân vật, những Hôsê Accađiô và những Aurêlianô còn được định vị bởi chức vụ nghề nghiệp và thế hệ. Nhưng nếu chúng không được đặc điểm hoá bằng những cá tính khác thường và dị thường, chúng ta sẽ dễ dàng nhầm lẫn bởi chúng giống nhau. Khi còn bé bao giờ họ cũng ngoan ngoãn, đôi khi nhút nhát, hay nghịch ngợm.

Điển hình cho sự giống nhau này là trường hợp hai cậu bé sinh đôi Nhưng càng lớn họ càng khác nhau. Những Aurêlianô có trí thông minh tuyệt vời nhưng lại mắc chứng trầm tư, ủ dột và chán đời. Trong khi đó những Hôsê Accađiô bao giờ cũng khoẻ mạnh, táo gan và sống chan hoà. Hai tuyên nhân vật này có lúc hoán vị tư chất cho nhau. Đó là trường hợp hai anh em sinh đôi: Hôsê Accađiô và Aurêlianô Sêgunđô. Những đặc tính giống nhau này là yếu tố di truyền của ông tổ Hôsê Accađiô Buênđya. Ở ông tổ này, chúng ta thấy vừa có sức mạnh cơ bắp vừa có sức mạnh trí tuệ vừa manh động táo bạo, bốc đồng vừa có ý chí mạnh mẽ và kiên quyết. nhưng đức tính ấy được di truyền lại cho đám cháu con theo hai nhánh: những Hôsê Accađiô và những Aurêlianô. Cái ông tổ này còn di truyền lại cho đám cháu con cả nỗi cô đơn hoài nhớ do lương tri bị dằn vặt trước cái chết của Anxiô Agliđa.

Tuy là những người khoẻ mạnh, thông minh, có ý chí và nghị lực phi thường, nhưng những Hôsê và những Aurêlianô bao giờ cũng thất

bại, cũng phải sống trong cảnh cô đơn.

Chính sự giống nhau này đã gây cho Ucsula Igoaran luôn luôn có cảm giác thời gian quay tròn vì bà lão cứ nhận thấy các thế hệ sau giống hệt thế hệ trước. Khi về già, bà lão luôn luôn nhầm lẫn Hôsê Accađiô Sêgunđô và Aurêlianô Babilô mà với ngài đại tá Aurêlianô Buênđya, con trai bà. Pila Tecnêra cũng nêu ra những nét tương đồng giữa các thế hệ trong dòng họ Buênđya. Hiển nhiên, chúng ta thấy rằng cái sự lặp lại ấy có được là do thời gian của người kể chuyện thứ hai chuyển động theo một đường tròn khép kín. Cái vòng tròn lớn nhất là cái vòng tròn dòng họ Buênđya chạy trốn tội loạn luân - đi lập làng mới - phạm tội loạn luân và bị tuyệt diệt. Trong cái dòng tròn lớn này có các vòng tròn nhỏ, những mảnh vụn của thời gian, trong đó bảy thế hệ dòng họ Buênđya tồn tại. Mỗi vòng tròn là một cuộc đời nhân vật.

Tiêu biểu cho những vòng tròn ấy là vòng tròn - cuộc đời của đại tá Aurêlianô Buênđya khi còn trẻ sản xuất những con cá vàng đi chiến trận về già lại sản xuất những con cá vàng, là vòng tròn - cuộc đời của hai anh em sinh đôi Aurêlianô Sêgunđô và Hôsê Accađiô Sêgunđô: lúc thiếu thời giống nhau như hình với bóng lớn lên, một người béo phì, sôi nổi dấn thân vào cuộc đời thế tục, người kia gầy cao, trầm tư và lánh đời - đến khi chết lại giống nhau như đúc. Những vòng tròn nhỏ này, những mảnh vụn thời gian này, đánh dấu những cố gắng của các thế hệ trong dòng họ Buênđya muốn thoát khỏi cái cô đơn. Nhưng những cố gắng ấy thảy đều vô ích, thảy đều thất bại. Nguyên nhân tự đâu?

Trước hết chúng ta thấy trong *Trăm năm cô đơn* những nhân vật trong dòng họ Buênđya ngày càng tách mình khỏi cộng đồng xã hội và trong quá trình hiện hữu, họ ngày một trở thành những người sống trái tính trái nết. Và cái thói sống trái tính trái nết này đến lượt nó lại đào sâu thêm cái hố ngăn cách họ với cộng đồng xã hội. Bản thân hành động bỏ làng cũ đi lập làng mới (Macôndô) của Hôsê Accađiô Buênđya là bước đầu tiên dòng họ này tự tách mình khỏi cộng đồng xã hội, khỏi lịch sử và truyền thông văn hoá. Rồi ở làng Macôndô, vì thèm khát những tiến bộ khoa học ở bên ngoài, Hôsê Accađiô Buênđya say sưa và bồng bột lao vào những tìm kiếm khoa học. ông tự giam mình trong phòng thí nghiệm, và công việc tìm kiêm những phát kiến đã ngày càng đưa ông tới bờ vực của sự thất bại. Ông trở thành một kẻ điên dại và bị trói vào gốc cây dẻ. Đến người chắt Hôsê Accađiô Sêgundô, cái chân lý duy nhất mà anh ta muốn chứng minh cho mọi người biết: vụ thảm sát rùng rợn những người lao động ở sân ga thành phố là có thật, đã không thể nào đến với quần chúng. Nguyên nhân của thất bại trên là do anh ta quá hoảng sợ nên chạy trốn vào phòng Menkyađêt, tự giam mình trong đó, không chịu tiếp xúc, không chịu đối thoại với bất kì ai ngoại trừ người anh em sinh đôi và thằng cháu họ.

Tự tách mình khỏi cộng đồng xã hội, sống cuộc sống dị thường còn là nguy cơ dẫn cá nhân đến cuộc sống độc đoán chuyên quyền. Khi cá nhân đã có quyền hành trong tay sẽ trở thành tên độc tài, tên bạo chúa khát máu hơn cả bạo chúa thời Trung cổ. Từ khi nhỏ đến khi đi trận, bị bắt làm tù binh, bị án tử hình, Aurêlianô Buênđya là một nhân vật đáng yêu, thậm chí rất đáng yêu. Ấy là lúc anh ta còn gắn với đời

thường, còn biết xuất phát từ thực tiễn mà hành động và suy nghĩ. Anh ta là một chàng thanh niên vừa thông minh, vừa dũng cảm. Nhưng khi trở thành một tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang vùng duyên hải, anh ta đã tự tách cá nhân mình khỏi đồng đội khỏi cộng đồng xã hội thậm chí còn đối lập với đồng đội, với xã hội bằng chính đội quân cấm vệ đông đúc, và cái vòng phấn trắng mà anh ta ngồi ở chính giữa để ban phát các mệnh lệnh và lề luật, để chơi trò chơi chiến tranh. Anh ta chiến đấu không vì một lý tưởng nào, ngay cả đảng Tự do của mình. Anh ta chiến đấu cho bản thân mình, cho niềm kiêu hãnh của cá nhân mình. Với phương châm xử thế. "Người bạn tốt nhất là người bạn vừa chết", anh ta sẵn sàng cho tay chân hoặc nhân danh cách mạng giết những người bạn tốt của mình một khi người bạn ấy đe dọa vị trí của anh ta ví dụ việc giết thủ lĩnh những người da đỏ Têôphilô Vacgat. Bất kể tình bạn keo sơn với đại tá Hêrinêndô Mackêt, anh ta sẵn sàng kết tội tử hình người bạn mình. Anh ta không bạn. Anh ta cô đơn và càng cô đơn hơn nữa khi mà những người bạn cùng chiến hào tư tưởng những người thuộc đảng Tự do, quay lưng lại với anh ta, không chịu ra thông cáo bác bỏ những luận điệu của phái Bảo hoàng vu anh ta là một tên cướp: Rồi cũng vì niềm kiêu hãnh của cá nhân mình, vì danh tiếng của con người mình anh ta kí hiệp định đình chiến Neclanđia mà thực chất của nó là sự đầu hàng, là cú mua bán cuối cùng nhằm đem lại vinh quang cho bản thân anh ta và chính cái vinh quang này, tức là cái huân chương công huân mà Tổng thống nước Cộng hoà tặng, anh ta cũng phải đổi bằng biết bao sinh mạng của những chiến sĩ tự do, những con người cách mạng không tuân theo mệnh lệnh của anh ta, vẫn tiếp tục chiến đấu. Chính cái nỗi nhục của một kẻ đầu hàng quay

lại đi bắn giết những người cùng chí hướng với mình đã buộc anh ta phải từ chối tấm huân chương công huân. Anh ta trở về đoàn tụ với gia đình, sống trong tình thương bao la của Ucsula Igoaran. Anh ta lại sản xuất những con cá vàng không nhằm mục đích kiếm lời mà nhằm mục đích được yên thân, đời sống không cần phải bận tâm, phải suy nghĩ.

Nghĩa là bằng cách sống này anh ta vẫn sống cho bản thân anh ta. Anh ta không yêu ai ngoài bản thân mình. Đó chính là bi kịch của đại tá Aurêlianô Buênđya…

Người duy nhất hiểu được tư chất cá nhân ích kỷ của đại tá Aurêlianô Buênđya là cụ Ucsula Igoaran, người mẹ của đại tá.

Với trí minh mẫn của cụ già sống ngoài trăm tuổi, Ucsula Igoaran đã nhận ra cái tiếng khóc của đại tá ngay từ lúc còn trong bụng mẹ không phải là dấu hiệu của người có tài nói giọng bụng hay có tài tiên tri mà chỉ đơn thuần là dấu hiệu không thể nhầm lẫn được của sự bất lực trước tình yêu. Nó là dấu hiệu của cái cô đơn.

Cũng nhờ sống lâu, nhờ trí minh mẫn, cụ điểm duyệt lại những cháu con của mình và cụ thấy ra tất cả bọn họ, người nhiều người ít đều sống ích kỷ, đều sống trái thói trái nết, đều không thể hoà đồng với gia đình, với làng xóm, với xã hội. Cụ cũng nhận ra cái lối sống ích kỷ, cái lối sống trái thói trái nết ấy cũng đáng kinh tởm như cái đuôi con lợn từng ám ảnh suốt cả cuộc đời cụ. Và cái đuôi lợn của người cuối cùng dòng họ Buênđya là sự vật chất hoá, là sự bản thể hoá

của tác giả về thói sống ích kỷ của loại người đã đánh mất bản chất người - tổng hoà các mối quan hệ xã hội, của loại người thú vật. Bà cụ nhận thấy những người trong dòng họ không thiếu sức mạnh cơ bắp và trí tuệ, không thiếu lòng dũng cảm và ý chí kiên cường. Cái thiếu duy nhất của những Hôsê Accađiô và Aurêlianô là tình yêu, là trái tim yêu thương sôi nổi và mãnh liệt của Rêbêca, người không hề bú dòng sữa của cụ. Tình yêu là cái cần cho dòng họ mình. Bởi chỉ có tình yêu thực sự và chân thành mới là động lực chính khiến cá nhân hoà đồng với gia đình, với làng xóm và cộng đồng xã hội. Tình yêu mới là cái cần thiết để thoát ra khỏi hoàn cảnh cô đơn. Chúng ta nhận ra tư tưởng triết mỹ này vào những lúc các nhân vật sắp đi sang cõi khác đã suy nghĩ về cuộc đời của mình. Chỉ khi đứng trước họng súng đội hành hình, Accađiô Hôsê mới thấy yêu thật sự Rêbêca, Rêmêđiôt (vợ đại tá Aurêlianô). Chỉ đến khi chết, Amaranta, cô gái già, mới thật sự cởi mở lòng mình, thật sự sống cho người khác bằng chính cái việc chuyển thư và lời nhắn của người sống cho các vong hồn dưới âm ty. Chúng ta thấy rõ tư tưởng triết mỹ ấy ở linh động yêu cuồng say của Amaranta Ucsula và Aurêlianô Babilônia và nguyện vọng sinh ra một Aurêlianô chiến thắng cả ba mươi hai cuộc chiến, nghĩa là họ mong muốn bằng tình yêu sẽ cải tạo nòi giống mình. Nhưng cái tình yêu ấy diễn ra trong thế giới cô đơn đến cùng cực đã chỉ đẩy thêm dòng họ Buênđya mau đến ngày tuyệt diệt mà thôi. Chúng ta thấy tu tưởng triết mỹ ấy còn được bộc lộ ở nhân vật Rêmêđiôt - Người đẹp. Biết bao chàng trai si mê Rêmêđiôt - Người đẹp và đã chết oan vì nàng. Kẻ chết gục ngoài chấn song cửa sổ. Kẻ lao đầu từ mái nhà xuống chết tươi. Kẻ bị ngựa đá giập ngực mà chết. có kẻ vì quá si mê nàng mà hoá rồ. Có phải vì Rêmêđiôt

đẹp mang theo mình mùi của tử thần như người ta vẫn đồn đại không không hẳn là như vậy. Bởi vì cái mà trái tim những người đàn ông cảm thấy mỗi bận nàng đi qua chính là tình yêu chân thành và da diết do nàng khêu gợi và đánh thức trong trái tim họ. Nhưng những người đàn ông này không biết chọn chiếc chìa khoá tốt nhất để mở khoá tâm hồn nàng. Họ chỉ biết tỏ tình hoặc vụng dại ngây ngô như cái cách của viên sĩ quan, hoặc thô bạo như cái cách của anh chàng xem trộm nàng tắm, hoặc đểu cáng như cái cách của kẻ bị ngựa đá giập ngực, hoặc quá ư kiểu cách như cái cách của chàng công tử từ xa tới. Qua những cách tỏ tình này chúng ta thấy dù ít dù nhiều những trang nam nhi kia đều coi sắc đẹp của Rêmêđiôt - người đẹp là một thứ cần phải hưởng thụ ngay trên thế gian này. Nhưng vì Người đẹp không thuộc cõi tục này. Vì thế nàng tỏ ra ngây thơ, hơn thế nữa, ngây ngô, nàng dửng dưng với mọi thứ trên đời, nàng tỏ ra là người không biết yêu, là người thấy cuộc sống thế tục này không phù hợp với chính mình. Vì vậy, có thể nói cái chìa khoá tốt nhất để mở cửa tâm hồn nàng là tình yêu. "Có lẽ chỉ cần một thứ tình cảm nguyên thuỷ và giản dị như tình yêu là đủ để không chỉ chinh phục nàng mà còn tránh được mọi nguy hiểm.

Từ đó chúng ta thấy thông điệp của *Trăm năm cô đơn* là lời kêu gọi mọi người hãy sống đúng bản chất người - tổng hòa các mối quan hệ xã hội của mình, hãy vượt qua mọi định kiến, thành kiến cá nhân, hãy lấp bằng mọi hố ngăn cách cá nhân để cá nhân mình tự hòa đồng với gia đình, với cộng đồng xã hội. Vì lẽ đó Gacxia Maket tùng tuyên bố cuốn sách mà ông để cả đời sáng tác là cuốn sách về cái cô đơn và thông qua cái cô đơn ông kêu gọi mọi người đoàn kết,

đoàn kết để đấu tranh, đoàn kết để chiến thắng tình trạng chậm phát triển của Mỹ Latinh, đoàn kết để "*sáng tạo ra một thiên huyền thoại khác hẳn. Một huyền thoại mới, hấp dẫn của cuộc sống, nơi không ai bị kẻ khác định đoạt số phận mình ngay cả cái cách thức chết, nơi tình yêu có lối thoát và hạnh phúc là cái có khả năng thực sự, và nơi những dòng họ bị kết án Trăm năm cô đơn cuối cùng và mãi mãi sẽ có vận may lần thứ hai để tái sinh trên mặt đất này*".

NGUYỄN TRUNG ĐỨC

Chú thích:

(1) Phát biểu của G. Gacxia Mackêt trong buổi trao giải thưởng Nôben được tổ chức tại Phòng Khánh tiết Viện Hàn lâm Thụy Điển.

(2) Dẫn the Manuên Manđônađô Đênix: Tính chất hung bạo của sự chậm phát triển và tính chất chậm phát triển của sự hung bạo, tạp chí Casa số ra tháng 9 năm 1976, trang 24.

Chương 1

Rất nhiều năm sau này, trước đội hành hình, đại tá Aurêlianô Buênđya đã nhớ lại buổi chiều xa xưa ấy, cái buổi chiều cha chàng dẫn chàng đi xem nước đá. Thời ấy Macôndô là một làng gồm vài chục nóc nhà tranh vách đất dựng bên bờ con sông nước trong như pha lê, ào ào chảy qua những tảng đá nhẵn thín, trắng bong, to như những quả trứng thời tiền sử. Thế giới lúc ấy còn ở buổi hồng hoang, chưa có tên gọi các đồ vật và để gọi chúng cần phải dùng ngón tay chỉ đích vào từng cái một. Cứ vào tháng ba hàng năm, một gia đình digan rách rưới dựng một túp lều bạt ngay cạnh lâng, rồi với tiếng kèn trống om xòm quảng cáo những phát minh mới. Đầu tiên, họ mang tới đá nam châm. Một người digan lực lưỡng, hàm râu lởm chởm,. bàn tay lông lá, tự giới thiệu mình tên là Menkyađêt, làm ngay một thí nghiệm kinh rợn trước công chúng về cái mà chính ông ta gọi là kỳ quan thứ tám của các thuật sĩ luyện đá giả kim uyên bác xứ Maxêđoan. Từ nhà này sang nhà khác ông ta kéo hai thỏi kim loại đã nhiễm từ, và thế gian kinh ngạc khi nhìn thấy xanh, chảo, vạc, kìm, bếp lò rơi đổ ngổn ngang, đồ gỗ kêu cọt kẹt bởi đinh, ốc vít đang như

muốn tuột ra khỏi chúng, và hơn nữa, những vật bằng sắt bị mất từ lâu bỗng lại ló ra ở ngay nơi chủ nó từng mất công tìm kiếm. Rồi sau đó, mọi người bị lôi cuốn đổ ra đường, lũ lượt, ồn ĩ theo sau những trò ảo thuật đầy thích thú của Menkyađêt. "Mỗi một vật đều có cuộc sống", người digan quảng cáo với giọng lanh lảnh, "vấn đề là ở chỗ biết đánh thức tâm hồn nó". Hôsê Accađiô Buênđya, người có trí tưởng tượng thường đi xa hơn cả bản thể của giới tự nhiên và còn vượt quá rất xa những phép màu và trò huyền ảo, nghĩ rằng có thể sử dụng phát minh vô bổ ấy vào việc moi vàng từ trong lòng đất. Menkyađêt, vốn là người cao thượng, nói trước cho ông biết: "Đồ này không dùng vào việc ấy được" Nhưng Hôsê Accađiô Buênđya lúc ấy vẫn không tin đức tính cao thượng của người dân digan, vì vậy đã đổi ngay một con lừa và một cặp dê đực để lấy hai thanh nam châm. Ucsula Igoaran, vợ ông, từng nghĩ tới việc dùng những gia súc này vào việc mở rộng ngôi nhà ở của họ vốn dĩ tồi tàn, đã không thuyết phục được ông. "Ôi dà, rồi chúng ta sẽ có ối vàng để xây nhà, lo gì mình ơi", ông cãi lại. Trong vài tháng liền, ông trần lưng làm việc để biến những dự đoán của mình thành hiện thực. ông đào bới cặn kẽ khắp vùng, kể cả dưới lòng sông, rồi kéo rê hai thanh nam châm, khấn rõ to lời cầu nguyện của Menkyađêt. Vật duy nhất mà ông đào bới được là một bộ giáp trụ từ thế kỷ XV, bị lớp han rỉ phủ kín, bên trong như một quả bí khổng lồ chứa đầy đá Khi Hôsê Accađiô Buênđya và bốn người đàn ông trong đội khai quật của mình tháo rời được bộ giáp trụ này, họ thấy một bộ xương người đã hoá vôi, cổ còn lủng lẳng đeo một hộp thánh tích bằng đồng đựng mớ tóc phụ nữ.

Những người digan trở lại làng vào tháng ba. Lần này họ mang theo một kính viễn vọng và một kính lúp có mặt gương to bằng mặt trống, họ trưng bày chúng như thể trưng bày phát kiến mới nhất của những người Do thái ở Amtecđam. Họ cho một cô digan ngồi ở đầu làng và đặt cái kính viễn vọng ở ngay cửa vào của túp lều bạt. Sau khi trả năm đồng *rêan*, dân chúng ghé mắt vào kính viễn vọng và họ nhìn thấy cô digan ở ngay trong tầm tay mình. "Khoa học đã rút ngắn khoảng cách", Menkyađêt quảng cáo: "Chẳng bao lâu, không cần phải ra khỏi nhà mình, con người đã có thể biết được bất kỳ điều gì xảy ra trên trái đất". Một buổi trưa nóng bỏng, bọn họ làm một thử nghiệm khủng khiếp bằng chiếc kính lúp khổng lồ: chồng một đống cỏ khô ở giữa đường rồi lấy kỉnh lúp chiếu tia mặt trời vào, thế là cả đống cỏ bùng cháy. Hôsê Accađiô Buênđya, người vẫn chưa nguôi buồn về sự thất bại của việc dùng nam châm tìm vàng, lại nẩy ra ý định sử dụng phát minh ấy như một thứ vũ khí. Một lần nữa, Menkyađêt lại khuyên can ông. Nhưng rồi chính Menkyađêt phải nhận lại hai thanh nam châm và nhận thêm ba đồng tiền thời thuộc địa để đổi cho Hôsê Accađiô Buênđya chiếc kính lúp. Ucsula khóc lóc thảm thiết. Số tiền ấy là một phần của túi tiền vàng mà cha bà đã tích cóp trong suốt cuộc đời ăn đói mặc rách và bà đã chôn chúng dưới gầm giường chờ dịp cần thiết mới tiêu đến. Hôsê Accađiô Buênđya, ngay đến an ủi vợ cũng không có ý định, đã vội dốc toàn lực vào những việc thí nghiệm với đam mê của một nhà khoa học và hơn thế nữa còn dấn thân vào những nguy hiểm chết người. Để làm rõ hiệu quả của kính lúp đối với quân địch, chính ông đã tự mình đứng ngay vào vùng ánh sáng là nơi kính lúp đã hội tụ tia nhiệt mặt trời, và ông bị bỏng, những vết bỏng này trở thành ung nhọt phải mất nhiều thời

gian mới chữa lành. Suýt nữa ông đốt nhà vì không thể chịu nổi những lời rỉa rói của bà vợ, người từng cảnh giác trước nỗi nguy hiểm của phát minh này. ông ở lỳ trong phòng mình nhiều giờ liền, tính toán-về những khả năng chiến lược của thứ vũ khí mới sáng chế, cho đến khi ông viết được một bản chỉ dẫn mạch lạc có tính sư phạm và đầy sức thuyết phục. ông gửi nó cho nhà chức trách, có kèm nhiều bằng chứng của kinh nghiệm bản thân và vài bản vẽ thuyết trình. Ông giao nó cho một sứ giả mang đi. Người này đi xuyên rừng, bị lạc trong đầm lầy đáng sợ, vượt qua những con sông cuộn sóng, suýt nữa thì mất mạng vì thú dữ, vì thất vọng và dịch bệnh, trước khi tìm thấy con đường mà những con lừa của người đưa thư vẫn qua lại. Mặc dù đường đi đến thủ đô thời ấy là rất khó khăn, Hôsê Accađiô Buênđya đã dự định sẽ chế tạo rất nhanh thứ vũ khí này nếu như chính phủ ra lệnh thử nó ngay trước mặt các nhà quân sự và ông sẽ đích thân hướng dẫn cho họ về nghệ thuật phức tạp của chiến tranh sử dụng năng lượng mặt trời. Trong nhiều năm liền ông chờ đợi thư phúc đáp của chính phủ. Cuối cùng, chán chường vì chờ đợi, ông đành phải than phiền với Menkyađêt về sự thất bại của công việc vừa ở bước khởi đầu. Vậy là người digan lại có dịp bày tỏ tư chất cao thượng của mình: trả lại ông những đồng tiền đôblông để lấy lại chiếc kính lúp ngoài ra còn để lại một số tấm bản đồ của người Bồ Đào Nha, và một vài dụng cụ đi biển. Tự tay mình, Menkyađêt còn viết một bản tổng kết chặt chẽ về những nghiên cứu của thày tu Hecman, rồi đặt vào vị trí của nó để ông có thể sử dụng kính thiên văn, la bàn và thước đo góc 60 độ. Trong những năm tháng mưa dài lê thê, Hôsê Accađiô Buênđya ở lỳ trong cái phòng nhỏ làm ở cuối nhà để không một ai quấy rầy mình trong

lúc làm thí nghiệm. Nhờ hoàn toàn bỏ thói quen ăn, ngủ đúng giờ, ông ở ngoài sân suốt đêm để theo dõi đường đi của các vì sao và suýt nửa mắc bệnh đau đầu vì ý muốn xây dựng một phương pháp chính xác để tìm phương Nam. Khi đã thành thạo sử dụng và điều khiển các dụng cụ, ông có ý niệm về một khoảng không gian mênh mông cho phép ông đi thuyền trên những biển xa lạ, đến những miền đất hoang vu không bóng người và kết bạn với những người hiển hách mà không cần phải ra khỏi bàn làm việc của mình. Đấy là thời kỳ ông mắc tật nói một mình, đi dạo khắp nhà chẳng để ý tới ai trong lúc Ucsula và bọn nhóc nhổ cỏ trong vườn, chăm bón chuối và khoai sọ sắn và củ từ, bí ngô và cà dái dê. Không một dấu hiệu báo trước nào, bỗng nhiên ông ngừng mọi hoạt động sôi nổi để chìm đắm trong suy tưởng. Vài ngày liền, ông cứ như người bị bỏ bùa mê, giọng thì thầm nhắc đi nhắc lại cho chính mình nghe hàng loạt những phỏng đoán đầy kinh ngạc mà ông không cần tin vào sự hiểu biết của chính mình. Cuối cùng, vào giờ ăn trưa, một ngày thứ ba tháng chạp, ông xổ tung tất cả nỗi căng thẳng trong tâm tưởng mình. Bọn trẻ cả đời sẽ nhớ mãi vẻ trang trọng của cha chúng khi ông ngồi vào đầu bàn, người run rẩy lên cơn sốt, gầy rộc đi vì công việc quan sát kéo dài và vì lòng chua xót bởi trí tưởng tượng. ông đã công bố cho chúng biết phát kiến của mình: "Trái đất tròn như thể quả cam ấy? Bà Ucsula không chịu được nữa. "Nếu ông có điên thì một mình ông điên thôi", bà gào, "nhưng xin ông chớ có nhồi sọ bọn trẻ những ý nghĩ bông lông của mình nhét . Hôsê Accađiô Buênđya lặng thinh, không để cho mình sợ hãi trước cơn thất vọng của bà vợ mà trong lúc bực mình bà đã quẳng kính thiên văn xuống sàn nhà làm nó vỡ toang. ông làm cái khác và tụ tập những người đàn ông trong làng ở

ngay trong phòng nhỏ rồi bằng thứ lý thuyết khó hiểu đối với bọn người này ông đã chứng minh cho họ thấy khả năng trở lại điểm xuất phát ban đầu nếu cứ nhằm hướng đông cho tàu thuyền chạy. Cả làng đều nhất loạt đồng ý với nhau rằng Hôsê Accađiô Buênđya đã mất trí.

Giữa lúc ấy, Menkyađêt trở lại để dàn xếp mọi việc. ông công khai biểu dương trí thông minh của con người bằng việc đơn thuần nghiên cứu thiên văn, đã xây dựng được một lý thuyết từng được công nhận trong thực tiễn mặc dù cho đến lúc ấy ở làng Macôndô vẫn chưa ai biết tới, và để bày tỏ lòng ngưỡng mộ của mình ông đã tặng lại Hôsê Accađiô Buênđya một phòng thí nghiệm giả kim, một kỷ vật sẽ gây ảnh hưởng quyết định đối với tương lai của làng này. Vào thời ấy, Menkyađêt già đi nhanh đến mức ai cũng phải ngạc nhiên. Trong những chuyến đầu tiên đến làng này hầu như ông cùng trạc tuổi với Hôsê Accađiô Buênđya. Nhưng trong lúc ông này vẫn giữ được sức khoẻ vâm váp của mình, cái sức chỉ cầm hai tai con ngựa có thể quật ngã nó, thì người digan dường như đã bị suy nhược bởi những đau đớn khủng khiếp. Thực ra đó là hậu quả của rất nhiều thứ bệnh lạ lùng do ông nhiễm phải trong những chuyến du lịch vòng quanh thế giới.

Theo như chính lời ông kể với Hôsê Accađiô Buênđya trong lúc giúp ông này dựng phòng thí nghiệm thì thần chết đuổi theo ông khắp miền, nó cứ đánh hơi ống quần ông mà theo riết nhưng vẫn không túm được ông. Cuộc đời ông là cả một cuộc trốn chạy trước không biết bao nhiêu thứ tai ương và hoạn nạn đã giống xuống đầu cái giống người. ông qua khỏi bệnh phong ở Ba Tư, bệnh hoại huyết ở quần đảo Malaixia, bệnh hủi ở Alêchgiăng, bệnh phù thũng ở Nhật

Bản, bệnh dịch hạch ở đảo Mađagaxca, nạn động đất ở Xixin và nạn đắm tàu xảy ra thường ngày ở eo biển Magadanêt(1). Cái con người kỳ vĩ đó, người từng nói rằng mình nắm được các bí quyết. của Nôstrađam(2), là một người mang vẻ buồn rầu, bởi mặt trời buồn bao quanh ông, với con mắt Á châu dường như đã biết được mặt trái của sự vật. ông dùng một chiếc mũ rộng vành màu đen nom như cánh quạ xoè và một chiếc áo nỉ khoác ngoài bị rêu xanh hàng thế kỷ phủ lên. Nhưng dù có sức hiểu biết quảng bác là thế và có môi trường hoạt động bí hiểm là thế, ông vẫn có một tư chất người, một tư chất thế tức, là cái làm cho ông gắn bó với những vấn đề nhỏ nhặt của cuộc sống thường ngày: ông than vãn về những mệt mỏi của tuổi già, do phải chịu đựng hoàn cảnh kinh tế túng thiếu, và từ lâu ông không mỉm cười vì bệnh hoại huyết đã nhổ hết răng. Hôsê Accađiô Buênđya hiểu rõ rằng cái buổi trưa ngột ngạt Menkyađêt đã bộc bạch những chuyện riêng tư của đời mình mãi mãi sẽ là ngọn nguồn của một tình bạn vĩ đại. Bọn trẻ đầy thán phục trước những câu chuyện huyền thoại của ông. Aurêlianô, lúc ấy chưa quá năm tuổi, sẽ phải nhớ suốt đời hình ảnh Menkyađêt mà cậu đã được nhìn thấy: ông ngồi để cho ánh sáng chói chang trắng bạc từ cửa sổ chiếu vào mặt, trong lúc mồ hôi ròng ròng chảy trên hai thái dương và với giọng nói trầm vang của cây. đại phong cầm ông đã rọi ánh sáng vào những miền tối tăm nhất của trì tưởng tượng. Hôsê Accađiô, ông anh cậu có lẽ sẽ di lại cho con cháu mình cái hình ảnh kỳ diệu ấy như di lại một kỷ vật truyền đời. Trái lại, Ucsula lại giữ mãi kỷ niệm xấu về chuyến thăm viếng ấy, bởi vì bà bước vào phòng đúng lúc Menkyađêt do đãng trí đã làm vỡ một chai thuỷ ngân.
- Đó là mùi của quỷ dữ phải không? - bà hỏi.

- Hoàn toàn không phải, - Menkyađêt bào chữa. - Người ta xác minh rằng quỷ dữ có mìn diêm sinh còn thứ này chẳng qua chỉ có mùi thuỷ ngân thôi, bà ạ!

Lúc nào cũng với tác phong sư phạm, ông làm một cuộc trưng bày về những đặc tính quái đản của chất ngân sa, nhưng Ucsula chẳng hề để ý mà trái lại mang bọn trẻ đi cầu kinh. Cái mùi tử thần ấy, gắn rất chặt với kỷ niệm về Menkyađêt, sẽ mãi mãi lưu lại trong trí óc bà. Phòng thí nghiệm thô sơ - chưa kể tới hàng lô chiếc phễu, bình thí nghiệm, bình lọc và những chiếc rây - bao gồm một bình cơ bản vốn là những bình thuỷ tinh cổ dài và hẹp mô phỏng theo hình chiếc bình giả kim và một nồi cất được người digan làm theo đúng mẫu miêu tả hiện đại của chiếc nồi cất có 3 cánh tay của bà Maria, người Do thái. Ngoài những thứ này Menkyađêt còn để lại bảy thứ kim loại tượng trưng cho bảy hành tinh, những hình mẫu về Moisê và Xôximo; một cục vàng giả và một cuốn sổ trong đó có những lời chỉ dẫn và hình vẽ miêu tả các quá trình của thuật giả kim vĩ đại, những thứ này cho phép người nào biết giảng giải chúng sẽ có ý định hành nghề chế tạo đá giả kim(3). Bị cách thức làm vàng giả tưởng như quá giản đơn này quyến rũ, trong vài tuần liền, Hôsê Accađiô Buênđya tán Ucsula cho mình đào số tiền vàng để nhân số vàng này lên gấp bội. Trước tính gàn của ông, Ucsula phải nhượng bộ chồng như trước đây vẫn nhượng bộ. Thế là Hôsê Accađiô Buênđya đổ ba mươi đồng đôblông vào chảo trộn lẫn chúng với bột đồng, bột diêm sinh và bột chì. Rồi ông để chúng trong một chảo sâu và đun cách thủy trên bếp lửa, cho tới khi chúng chảy ra biến thành một thứ nước xirô đặc quánh, nồng nặc mùi khét, giống kẹo cháy hơn là thứ vàng quý. Trong quá trình chưng cất vất vả đây thất vọng, thất hợp kim này cùng với bảy thứ

kim loại tượng trưng cho bảy hành tinh được ngâm trong dung dịch thủy ngân đặc và muối sun phát, sau đó chúng lại được ngâm trong chảo mỡ lợn (vì không có dầu củ cải nên phải thay bằng mỡ lợn) để đun cách thuỷ trên bếp lửa. Cuối cùng, số vàng quý giá của Ucsula sau quá trình đun nấu công phu đã hoá thành một thứ giống như thứ cháo đặc sệt, cháy thành than, bết chặt lấy đáy chảo không tài nào gờ ra được.

Khi những người digan trở lại làng này, Ucsula đã cố ngăn dân làng không đi xem họ. Nhưng tính hiếu kỳ bao giờ cũng thắng nỗi sợ sệt, bởi vì hôm ấy, những người digan chạy đi khắp làng thổi kèn, khua trống inh ỏi, trong lúc người quảng cáo loan báo tin sẽ trưng bày thành tựu kỳ ảo nhất của những người Naxianxênô(4). Thế là cả làng đổ xô nhau đến lều của người digan. Trả một xu vào cửa, bọn họ nhìn thấy một Menkyađêt trẻ trung, khoẻ mạnh, da dẻ căng bóng, với hàm răng mới trắng bong. Những ai nhớ hàm răng móm mém vì bệnh hoại huyết, đôi mà tóp và đôi môi thâm xịt của ông sẽ phải rùng mình kinh ngạc trước thí nghiệm đầy sức thuyết phục về những khả năng siêu việt của người digan. Dân chúng chuyển từ trạng thái kinh ngạc đến trạng thái sợ hãi khi nhìn thấy Menkyađêt moi hàm răng ra, mới nguyên, được cắm trên hai lợi, rồi chìa cho mọi người xem trong một lát - trong giây lát thoáng qua ấy, Menkyađêt lại trở thành chính cái con người già lụ khụ của những năm trước đây - sau đó ông cắm chúng vào lợi rồi mỉm cười với tất cả sức trẻ trung vừa được khôi phục lại. Ngay đến cả Hôsê Accađiô Buêndya cũng phải thừa nhận rằng hiểu biết của Menkyađêt đã đạt tới những đỉnh cao quá sức tưởng tượng, nhưng rồi ông cảm thấy một niềm vui lành mạnh hơn

khi người digan giải thích riêng cho ông về cách thức trồng răng giả. Điều đó khiến ông thấy vừa đơn giản vừa kỳ diệu, khiến cho ông, chỉ từ đêm đến sáng, mất ngay hứng thú trong việc nghiên cứu thuật giả kim; ông trở nên lầm lỳ khó tính và lại ăn uống thất thường, lại suốt ngày chỉ đi lại trong nhà. "Ngoài đường xảy ra biết bao điều kỳ lạ không thể tưởng được", ông nói với Ucsula.

"Ở bên kia sông, vâng, chính ở đó, có đủ loại máy móc kỳ diệu, trong khi đó chúng ta vẫn sống như những con lừa". Hết thảy những ai quen biết ông từ thuở mới lập làng Macôndô, đều ngạc nhiên thấy dưới ảnh hưởng của Menkyađêt ông đã thay đổi biết nhường nào.

Lúc đầu, Hôsê Accađiô Buênđya là một vị trưởng giả trẻ tuổi người vẫn thường dạy dân việc trồng cấy, khuyên nhủ cách nuôi dạy trẻ nhỏ và gia súc, cộng tác với mọi người, ngay cả trong công việc dùng đến sức mạnh cơ bắp, để đưa cuộc sống chung của làng đi lên, ngày một nhấm khá và yên bình hơn. Bởi vì ngôi nhà của ông ngay từ thuở ban đầu đã là ngôi nhà đẹp nhất làng còn những ngôi nhà khác đều được làm theo hình mẫu của nó: ngôi nhà có cửa ra vào rộng và sáng sủa, có một nhà ăn, làm theo kiểu hành lang vây xung quanh trồng hoa màu sắc sặc sỡ, có hai phòng ngủ, một cái sân rộng với cây dẻ khổng lồ, một vườn cây thẳng hàng và một vườn cỏ rộng mà ở đấy nào dê, nào lợn, nào gà sống thành bầy vui vẻ. Những con vật duy nhất bị cấm nuôi không chỉ ở trong nhà này mà ngay cả trong làng là những chú gà chọi.
Đức cần mẫn của Ucsula sánh ngang với đức cần mẫn của chồng mình. Bà năng nổ, mảnh khảnh, kiên nghị. Người đàn bà run rẩy mà

chẳng một ai nghe thấy cất tiếng hát trong suốt cả cuộc đời mình, là người có mặt ở khắp chốn kể từ lúc trời vừa bừng sáng cho đến khi tối mịt, lúc nào cũng bận bịu với đàn gà kêu chíp chíp. Nhờ có bà, nền nhà đất nện không chút bụi, tường đất không vấy bẩn, bàn ghế giường tủ do chính bàn tay vợ chồng bà làm nên lúc nào cũng sạch sẽ, và những rương hòm cũ đựng quần áo lúc nào cũng dịu thơm mùi húng dồi.

Hôsê Accađiô Buênđya, vốn là người tháo vát chưa từng có trong làng, đã bố trí các nhà theo hình thức sao cho từ mọi nhà đều có thể đi ra sông và không một nhà nào phải gánh nước vất vả hơn nhà nào, đánh những con đường chạy thật khéo để mọi nhà đều chịu nắng như nhau vào mùa nóng. Chỉ trong ít năm, Macôndô là một làng ngăn nắp gọn gàng và chuyên cần hơn bất kỳ làng nào trong số những làng được ba trăm cư dân ở đây biết tới cho đến lúc bấy giờ. Thực tế, đó là một làng hạnh phức, là nơi chưa một ai ngoài ba mươi tuổi, và chưa hề có người chết.

Kể từ những ngày lập làng, Hôsê Accađiô Buênđya đã làm bẫy và làm lồng chim. Chẳng bao lâu, không chỉ trong nhà ông mà trong tất cả các nhà của làng này đều đầy chim: nào chim tổ treo, chim hoàng yến, chim cổ đỏ, chim axulêhô. Tiếng chim tổ treo inh ỏi khiến Ucsula phải lấy sáp ong bịt lỗ tai lại để khỏi mất cảm giác thực. Khi những người digan thuộc bộ tộc của Menkyađêt đến đây lần đầu tiên để bán những viên thuốc đau đầu, thì mọi người lấy làm kinh ngạc nhận thấy bọn người này làm sao có thể tìm đến làng mình, một cái làng chìm trong hơi mù của đồng lầy, và những người digan thú nhận rằng họ

đến được là nhờ tiếng chim hót dẫn đường.

Những tập tục tốt đẹp nhưng còn sơ đẳng ấy, trong thời gian ngắn bị cuốn tuột đi bởi cơn đam mê đá nam châm, bởi những tính toán thiên văn, bởi những mơ mộng biến chì thành vàng và bởi những thèm khát được biết những kỳ quan thế giới của Hôsê Accađiô Buênđya. Vốn là người hoạt bát và sạch sẽ, Hôsê Accađiô Buênđya đã trở thành một người lười nhác, ăn mặc thì lôi thôi lếch thếch, râu ria thì xồm xoàm đến mức Ucsula phải dùng con dao thái thịt cạo cho nó gọn lại. Không thiếu người cho rằng ông là nạn nhân của một thứ bùa yểm quái quỉ nào đó.

Nhưng những người tâm đầu ý hợp với cơn điên của ông đã bỏ công việc và gia đình để theo ông, khi ông đặt lên vai mình bộ đồ nghề thợ mộc và yêu cầu mọi người cùng giúp tay mở một con đường để làng Macôndô có thể giao tiếp với những phát minh lớn của loài người. Hôsê Accađiô Buênđya hoàn toàn không hiểu địa lý của vùng này. ông biết rằng về hướng đông là dãy núi không thể vượt qua dược và ở phía bên kia dãy núi là thành phố cổ Riôacha, nơi trong những thời đã qua - theo như lời ông nội Aurêlianô Buênđya thứ nhất kể với ông - tên cướp biển Phrăngxit Đrăc rất ham mê môn thể thao dùng đại bác săn cá sấu sau đó lột da, nhồi rơm rồi đem chúng tiến dâng nữ hoàng Isaben. Trong thời trai trẻ của mình, ông cùng với những người bạn đã mang vợ, con cái, gia súc cùng nồi niêu bát ba vượt qua dãy núi này để tìm đương ra biển, nhưng sau hai mươi sáu tháng ròng rã, bọn họ đã phải bỏ cuộc và đành phải lập ra làng Macôndô để khỏi phải trở về chốn cũ. Đó là con đường ông không

thích vì nó chỉ có thể dẫn ông trở lại thời quá vãng. Ở phía nam là những hồ nước phủ kín thứ rong bèo lâu đời và cả một thế giới đầm lầy rộng mênh mông mà theo như lời chứng của những người digan thì nó không có bờ bến. Đầm lầy mênh mông ấy biến mất về phía tây với một mặt nước trắng xóa trải đến nơi sắc nước lẫn vào màu trời, là nơi có bộ cá kình gồm những con vật có nước da mềm mại, có đầu và cổ của người phụ nữ. Với ma lực của bộ vú khổng lồ, chúng vẫn thường làm cho những người đi biển mất mạng. Những người dì gan phải mất sáu tháng trời đi thuyền trên con đường thuỷ ấy để cuối cùng gặp được một doi đất liền là nơi những con lừa của người đưa thư qua lại. Theo tính toán của Hôsê Accađiô Buênđya thì khả năng duy nhất để giao lưu với nền văn minh bên ngoài là con đường hướng bắc. Vậy là ông phân phát dỗ nghề thợ mộc và khí giới săn thú cho chính những người từng đi với ông trong chuyến đi tìm và thành lập làng Macôndô; rồi tự tay nhét la bàn, bản đồ vào ba lô và bắt đầu cú thám hiểm quá táo bạo này.
Trong những ngày đầu họ không gặp một trở ngại đáng kể nào. Họ men theo bờ đá lổn nhổn, đi ngược dòng sông cho tới nơi mấy năm trước từng đào được bộ giáp trụ thế kỷ XV, rồi từ đó họ theo con đường mòn len lỏi qua những cây cam dại đi sâu vào rừng rậm. Cuối tuần thứ nhất, họ giết và quay thịt một con nai, nhưng họ bảo nhau chỉ ăn một nửa, phần còn lại ướp muối dành cho những ngày sắp tới. Với tính toán thận trọng ấy, để duy trì cuộc thám hiểm, bọn họ ăn thịt vẹt đuôi dài, một thứ thịt xanh lè có vị hạc của xạ hương. Sau đó, khoảng hơn mười ngày liền, họ không được nhìn thấy mặt trời. Đất dưới chân họ lại ẩm thấp và nhão nhoét giống như tro tàn của núi lửa, và cây cối ngày một rậm rạp, hiểm hóc hơn, tiếng chim kêu

vượn hú ngày một xa dần và quang cảnh lại trở nên mãi mãi buồn tẻ. Những người trong đoàn thám hiểm cảm thấy buồn phiền vì những ký xe cổ xưa nhất của mình trỗi dậy trong cái thiên đường ẩm ướt và quạnh hiu này, cái thiên đường còn xa xưa hơn cả cái thiên đường ở đó giống người đã phạm tội tổ tông, là nơi ủng ngập sâu trong thứ nước bùn giống như dầu bốc hơi và những con dao rựa phải hạ xuống chém ngang thân những cây hoa loa kèn trắng và những chú kỳ nhông vàng ươm. Trong suốt cả một tuần, hầu như không ai mở miệng nói lấy một lời, với bộ ngực tức thở bởi thứ không khí khô nóng tanh mùi máu, bọn họ đi như những kẻ mắc chứng mộng du trong một thế giới ảm đạm, hầu như chỉ được soi sáng nhờ lùa đom đóm lập loè.

Họ không thể quay lui được vì con đường được mở ra theo dấu chân họ chẳng bao lâu đã bị thứ cây cỏ mới, lớn nhanh tưởng như nhìn thấy được, lấp mất lối. "Đừng sợ", Hôsê Accađiô Buênđya nói: "Cất nhất đừng để mất phương hướng". Không lúc nàn rời mắt khỏi la bàn, ông hướng đạo mọi người trong đoàn đi về phương bắc, cho tới khi họ ra tới một vùng đất thú vị. Đó là một đêm tối mịt mùng, không một vì sao, nhưng lại là một đêm thoáng đãng nhờ không khí mới mẻ và trong trẻo. Qua chuyến xuyên rừng dài ngày, mọi người đều mệt phờ vội đi mắc võng và lần đầu tiên trong hai tuần liền họ say sưa ngủ. Khi thức dậy, mặt trời đã lên cao. Họ đều hào hứng. Trước họ là một chiếc tàu Tây Ban Nha khổng lồ, màu trắng và bụi bậm, nổi lên giữa những cây dương xỉ và chà là trong ánh sáng ban mai dịu dàng.

Nó nằm nghiêng về mạn phải. Những mảnh buồm rách còn treo trên những cột buồm nguyên vẹn, nằm giữa những thừng chão có kết

hoa nguyệt quế. Thân tàu, được lớp vẩy cá ép đã hoá đá và lớp rêu xanh phủ kín, hoàn toàn bị gắn chặt xuống nền đá.

Toàn bộ cấu trúc của nó dường như chiếm cứ cả một khung cảnh riêng, cái khung cảnh cô đơn và lãng quên, cái khung cảnh được bảo vệ trước sự phá phách của thời gian và chim chóc. Ở bên trong tàu mà những người thám hiểm đã khéo léo mở được cửa, không có gì khác hơn là một rừng hoa chen kín.
Việc bắt gặp con tàu này, dấu hiệu tỏ rằng biển đã gần kề, như một gáo nước lạnh dội vào ngọn lửa nhiệt tình của Hôsê Accađiô Buênđya. Ông cho rằng việc này như một lời nhạo báng cái số phận trớ trêu của mình: khi đi tìm biển, dù phải trả giá đắt với biết bao hì sinh và khó nhọc, thì không thấy, còn giờ đây không đi tìm thì lại thấy nó lù lù hiện ra trên con dường của mình như một trở ngại không thể nào vượt nổi. Rất nhiều năm sau, đại tá Aurêlianô Buênđya có dịp trở lại vùng này khi nó đã có một dường bưu điện bình thường, vật duy nhất của chiếc tàu ấy mà chàng bắt gặp là một mạn tàu cháy nham nhở nằm giữa cánh đồng hoa mỹ nhân thảo, chỉ đến lúc này, chàng nhận ra rằng cái câu chuyện ấy chẳng qua chỉ là một sản phẩm của trí tưởng tượng của cha mình. Chàng tự hỏi làm sao con tàu ấy đã có thể tiến sâu vào cái địa điểm nằm ngay trên dết liền này.
Nhưng Hôsê Accađiô Buênđya không cần phải bận tâm như vậy khi mà sau bốn ngày đi bộ, ông đã gặp được biển cách chỗ con tàu khoảng mười hai kilômét. Những mơ ước của ông tan biến trước cái biển màu xám tro, ngầu bọt và bẩn tưởi, thật không bõ cái công ông đã khó nhọc trong chuyến mạo hiểm của mình.
- Con c…? - Ông gào -, Macôndô đã bị nước vây quanh rồi.

Cái ý niệm về một bán đảo Macôndô cứ lớn lên trong thời gian dài, được thể hiện trên tấm bản đồ nhiều sai lầm mà Hôsê Accađiô Buênđya đã vẽ nó vào lúc đoàn thám hiểm của ông trở về ông vẽ nó mà lòng đầy giận dữ, do đó đã quá cường điệu những khó khăn giao lưu với bên ngoài. Ông làm thế như là để trừng phạt ngay chính mình vì tội thiếu cân nhắc cặn kẽ khi chọn địa điểm này để lập làng. "Sẽ chẳng bao giờ chúng ta đi tới đâu được", ông thở than trước mặt Ucsula. "Chúng ta đến mục xác trong khi còn sống ở đây mà chẳng thể nào được hưởng những lợi ích của khoa học đem lại". Cái ý nghĩ sáng tỏ ấy, được nung nấu vài tháng trong phòng thí nghiệm dã dẫn ông tới việc thai nghén một kế hoạch chuyển Macôndô đến một địa điểm thích hợp hơn. Nhưng lần này Ucsula phản đối những kế hoạch vội vàng của ông. Trong quá trình vận dộng thầm lặng và khéo léo của một nhời đàn bà cần mẫn, bà chuẩn bị cho các bà phụ nữ trong làng chống lại mọi sự hời hợt của những ông chồng đã bắt đầu chuẩn bị để di chuyển. Hôsê Accađiô Buênđya không biết từ bao giờ và vì sức mạnh chống đối nào mà các kế hoạch của ông cứ lộn nhào trong mớ bòng bong những nguyên cớ và mâu thuẫn để rết cục chúng chỉ còn là một ảo tưởng đơn thuần.

Ucsula chăm chú theo dõi ông, theo dõi ông cho đến khi bà mủi bòng thương. Ấy là buổi sáng bà gặp ông trong căn phòng ở cuối nhà. Trong lúc sắp xếp dụng cụ của phòng thí nghiệm vào các hòm, ông lải nhải dự tính những mơ ước khi di chuyển được làng. Bà để cho ông làm xong. Bà để cho ông đóng đinh các hòm lại và dùng cành bài hương chấm mực viết tắt tên họ mình lên trên mà không hề than với ông một lời, nhưng bà hiểu rằng ông thừa biết (vì bà nghe thấy

ông nói ra trong các cuộc độc thoại) rằng những người đàn ông trong làng sẽ không tham gia kế hoạch di chuyển. Chỉ đến khi ông gỡ cánh cửa phòng ra, lúc ấy bà mới dám hỏi vì sao ông làm thế, và ông chua xót trả lời bà: "Bởi vì không ai đi thì chúng mình cứ đi". Ucsula vẫn bình tĩnh:
- Chúng mình cũng không đi đâu hết, - bà nói. - Chúng mình ở tại đây bởi vì ở đây chúng mình đã sinh hạ được một đứa con.

- Một khi chúng ta chưa có người thân chết để chôn dưới đất thì chúng ta vẫn cứ là những kẻ không quê hương bản quán.
Với lòng kiên nhẫn, bà nhẹ nhàng cãi lại:
- Nếu cần thiết tôi phải chết để các người ở lại đây, tôi sẽ chết.

Hôsê Accađiô Buênđya không tin rằng quyết tâm của vợ mình lại nghiêm túc đến thế. Ông cố thuyết phục bà bằng phép mầu nhiệm của mình, bằng lời hứa về một thế giới huyền ảo nơi chỉ cần rỏ mấy giọt nước thần xuống đất là đủ để cây đơm trái theo ý nguyện của con người, nơi mọi thuốc men và phương tiện chữa bệnh cho con người được bán với giá rẻ. Nhưng Ucsula vẫn điềm nhiên trước những lời đường mật có sức thôi miên của ông:
- Thôi đi, xin ông hãy bỏ những ý nghĩ viển vông ấy đi và hãy lo cho các con, - bà nói. - Hãy nhìn chúng kìa, có thảm không! Ôi những đứa trẻ không được chăm sóc theo đúng ý lành của Thượng đế. Chúng chẳng khác gì những con lừa.
Lần nữa, Hôsê Accađiô Buênđya chăm chú nghe từng lời của vợ mình. Ông nhìn qua cửa sổ và thấy hai đứa trẻ đi chân đất ở ngoài vườn nắng và ông có cảm giác rằng chỉ đến lúc ấy chúng mới bắt

đầu tồn tại. Ông để ý tới chúng nhờ lời khẩn cầu của Ucsula. Vậy là có một cái gì đó đã xảy ra trong tâm trạng ông, cái gì đó thiêng liêng và có thực đôi ông ra khỏi thời hiện tại của mình và đưa ông trôi dần vào cõi nguyên sơ của dòng ký ức.
Trong lúc Ucsula quét nhà, ngôi nhà mà giờ đây chắc chắn bà sẽ gắn cả đời mình với nó, ông ngồi đắm đuối nhìn những đứa trẻ cho đến khi mắt ông đẫm lệ. Ông lấy mu bàn tay chùi đi, thở phào một cách nhẹ nhõm rồi đĩnh đạc nói:

- Thôi được, nào bà hãy bảo chúng nó đến giúp tôi ôi các thứ trong hòm ra?
Hôsê Accađiô, đứa lớn, đã lên mười bốn tuổi. Cậu có cái đầu vuông vức, tóc rễ tre và có đức tính làm theo sở thích riêng y hệt tính cha. Mặc dù cậu to lớn và có sức mạnh cơ bắp nhưng rõ ràng ở tuổi này cậu đã để mất trí tưởng tượng. Cậu được hoài thai và sinh ra trong lúc mọi người đang khó nhọc vượt núi, ấy là lúc trước khi thành lập làng Macôndô. Cha mẹ cậu cảm tạ thượng đế khi xem khắp người cậu không thấy có bộ phận nào là bộ phận của con vật. Aurêlianô, người đầu tiên sinh ra ở Macôndô, sẽ lên sáu tuổi vào tháng ba tới. Cậu bé lặng lẽ và cô ơn. Cậu đã khóc trong bụng mẹ và lọt lòng với đôi mắt mở thao láo. Trong lúc người ta cắt rốn cho cậu thì cậu ngọ nguy cái ẩu từ bên này sang bên kia để làm quen với các vật bày trong phòng và với tính tò mò không sợ hãi, dò xét khuôn mặt của đám đông. Sau đó, mặc kệ những ai đến gần để xem mình, cậu bé cứ chăm chăm nhìn lên mái nhà ọp ẹp xuýt sập xuống dưới sức ép khủng khiếp của cơn mưa. Một ngày nọ, cậu bé Aurêlianô, mới lên ba tuổi, bước vào nhà bếp giữa lúc Ucsula lắc nồi canh ra khỏi bếp

và đặt nó lên bàn, chính trong ngày ấy, bà mới nhớ lại sức nặng của cái nhìn ấy. Cậu bé thập thò ở hoài cửa, nói: "Nó sẽ đổ đấy"… Cái nồi đã được đặt che chắn trên bàn, nhưng bỗng nhiên, đúng như lời cậu báo trước, nó bắt đầu rung lên bần bật rồi lăn ra mép bàn như có sức đẩy từ bên trong, và nó vỡ toang từng mảnh trên sàn nhà. Ucsula hoảng sợ, kể lại câu chuyện với chồng mình, nhưng ông giải thích cái hiện tượng ấy như một hiện tượng tự nhiên. Ông vẫn thường như thế, luôn luôn không để ý đến sự có mặt của các con mình, phần vì coi tuổi thơ như một giai đoạn thiếu trí tuệ và phần vì lúc nào ông cũng quá đam mê trong những lý thuyết hư vô. Nhưng kể từ buổi sáng gọi bọn trẻ đến giúp mình tháo dỡ các dụng cụ của phòng thí nghiệm ra khỏi thùng, ông đã dành cho chúng những giờ quí nhất của mình. Trong căn phòng biệt lập mà trên các tường của nó ngày một dày đặc các bản đồ khó hiểu và các bức hoạ huyền thoại, ông dạy chúng đọc, viết, làm toán và ông nói với chúng về những điều kỳ diệu của thế giới không chỉ dừng lại trong khuôn khổ những hiểu biết mà nhiều khi còn vượt xa trí tưởng tượng của ông. Đây là điều mà bọn trẻ vừa học được: ở một miền đất tận cùng Nam châu Phi, có những người rất đỗi thông tuệ và hiền lành đến mức niềm vui duy nhất của họ là được ngồi suy tư; và rằng người ta có thể lội qua biển Egiê(5) bằng cách nhảy từ đảo này sang đảo khác cho đến tận cảng Xalônich(6). Những buổi học kỳ thú ấy đọng lại như khắc vào ký ức những đứa trẻ, đến mức nhiều năm sau này, một phút trước khi viên sĩ quan của quân đội Bảo hoàng ra lệnh cho đội hành hình nổ súng, đại tá Aurêlianô Buêndya đã sống lại buổi chiều tháng ba êm đềm, cái buổi chiều cha chàng bỏ dở bài học vật lý, đầy hào hứng với một tay giơ lên không và đôi mắt lim dim để đón nghe

từ xa vọng đến tiếng kèn, tiếng trống, tiếng lục lặc của người digan đã nhiều lần tới làng đang rùm beng quảng cáo phát minh mới nhất đầy kình ngạc của các nhà thông thái sứ Memphi(7). Đó là những người digan mới. Những người đàn ông và dàn bà trẻ, chỉ biết chính thứ tiếng mẹ đẻ của mình. Họ là những vật mẫu khả ái về nước da bóng mịn và bàn tay thông minh, mà những điệu nhảy và âm nhạc của họ gieo niềm vui ồn ào trên mọi nẻo đường làng. Họ mang theo những chú vẹt lông nhuộm đủ màu có thể ngâm những bài dân ca Ý; con gà mái đẻ trăm quả trứng vàng theo nhịp trống panđêrêta; con khỉ đã được dạy dỗ đoán điều anh đang suy nghĩ; cỗ máy vạn năng vừa đơm cúc vừa làm hạ cơn sốt; chiếc máy dễ quên đi những ký ức buồn, dữ; lá cao để quên thời gian và hàng nghìn những phát minh khác, tất cả đều rất khéo léo và kỳ thú đến mức Hôsê Accađiô Buênđya cũng muốn chế ra cái máy nhớ để có thể nhớ tất cả. Chỉ trong chốc lát, người digan làm cho làng thay đổi. Những người dân Macôndô bỗng chốc cũng bị lạc đường ở ngay chính quê hương mình, vì họ đang ngây ngất trước hội chợ phong phú này.

Dắt tay từng đứa trẻ để chúng khỏi bị lạc trong đám đông hỗn độn, đụng hoài phải những người làm trò ảo thuật có hàm răng mạ vàng và những người múa rối có sáu cánh tay, ngột ngạt trong mùi dầu hồi và mùi bạc hà do đám đông phả ra, Hôsê Accađiô Buênđya đi tìm Menkyađêt khắp nơi để ông ta giảng giải cho mình nghe những bí mật không lường hết được của nỗi trăn trở huyễn hoặc ấy. Đi mãi, đi mãi, rồi cuối cùng ông cũng đến nơi Menkyađêt vẫn thường dựng lều, nhưng ông lại gặp một người Acmêni lầm lỳ nói tiếng Tây Ban Nha đang quảng cáo một thứ nước xi rô có phép tàng hình. Ông ta

uống đánh ực một cốc nước pha hổ phách trong lúc Hôsê Accađiô Buênđya rẽ đám đông đang trố mắt xem trò ảo thuật và ông đã đến tận nơi để hỏi thăm Menkyađêt. Người digan ngạc nhiên nhìn ông, trước khi tàng hình vào một vũng nước hắc ín đặc sánh và nóng hổi, từ đó vọng lên câu trả lời: "Menkyađêt đã chết rồi ị. Hoảng hốt trước cái tin dữ này, Hôsê Accađiô Buênđya chết lặng người, cố vượt qua nỗi thống khổ, cho đến khi đám người xem bỏ đi theo lời mời chào của các trò ảo thuật khác, và vũng nước của người Acmêni hoàn toàn bay hơi. Sau đó những người digan khác cũng khẳng định với ông rằng quả đúng thế. Menkyađêt đã chết vì sốt rét tại những cồn cát ở Xinhgapo và thi hài của ông ta đã được ném xuống vùng nước sâu nhất của biển Giava. Bọn trẻ không để ý đến tin này. Chúng đang nũng nịu đòi cha dẫn đi xem phát minh mới lạ của các nhà thông thái xứ Memphi, được quảng cáo ở ngay cửa ra vào của quán hàng, theo như lời đồn, nó thuộc về hoàng đế Xalômông. Chúng đòi da diết đến mức Hôsê Accađiô Buênđya phải trả ba mươi đồng *rêan* vào cửa để dẫn các con mình vào ngay giữa quán hàng là nơi có một người khổng lồ thân thể lông lá có cái đầu cạo nhẵn, mũi đeo một chiếc khuyên đồng, cổ chân đeo một chiếc xiềng sắt nặng trịch, đang canh giữ một chiếc hòm bí mật. Khi người khổng lồ mở nắp, từ trong hòm phả ra một luồng hơi lạnh buốt. Trong hòm chỉ có một khối trong suốt với những lỗ nhỏ li ti mà khi ánh hoàng hôn chiếu vào bỗng lấp lánh đủ sắc màu như các vì sao. Lòng đầy hoang mang vì biết rằng bọn trẻ nhà ông đang đợi một lời giải thích ngay tức thì, Hôsê Accađiô Buênđya chỉ dám thầm thì nói:
- Đó là một viên kim cương lớn nhất thế giới.
- Không phải, - người digan chữa lại, - đó là nước đá.

Không hiểu gì, Hôsê Accađiô Buênđya giơ tay định sờ vào tảng nước đá, nhưng gã khổng lồ gạt phắt tay ông đi. "Muốn sờ nó, phải đưa thêm năm đồng rêan nữa!", gã nói. Hôsê Accađiô Buênđya đưa năm đồng *rêan* rồi đặt bàn tay lên tảng nước đá. Ông để nguyên tay vài phút trong lúc tìm ông đập dồn dập đầy vẻ vừa lo sợ vừa thích thú khi được tiếp xúc vôi vật diệu kỳ này.
Không biết nói gì hơn, ông móc túi trả thêm mười đồng *rêan* nữa để cho các con ông cũng được sống cái cảm giác diệu huyền này. Cậu bé Hôsê Accađiô không dám sờ tảng nước đá. Trái lại, Aurêlianô tiến lên phía trước một bước, đặt bàn tay vào tảng nước đá nhưng rụt ngay ra. "Eo ơi, bỏng kinh", cậu hốt hoảng thốt lên. Nhưng cha cậu không để ý đến lời cậu. Lòng đầy cảm kích thước sự hiển nhiên của vật kỳ ảo, lúc này ông quên đi sự thất bại của những công việc viển vông của mình, quên đi cái tử thi Menkyadêt bị ném xuống biển làm mồi cho cá mực. Ông trả thêm năm đồng *rêan* nữa, rồi với bàn tay đặt trên tảng nước đá, như để trình bày một lời chứng trên Kinh Thánh, ông thốt lên:
- Đây là một phát minh lớn nhất của thời đại chúng ta.

Chú thích:

1) Magadanet: vịnh biển ở Chilê, mang tên nhà thám hiểm Phecnamđô đê Magadanêt đã phát hiện ra nó vào năm 1520.

(2) Nôstrađam, còn gái Mighen đơ Nôstređam (1503-1566) nhà chiêm tinh và thầy thuốc người Pháp, tác giả của những lời sấm

truyền nổi tiếng.

(3) Nguyên văn: Piedra filosofal (tiếng Pháp là Pierre Philosophal) có học giả dịch là "điểm kim thạch", một hợp kim mà theo quan niệm của các nhà giả kim thuật có phép màu biến các kim loại thành vàng.

(3) Naxianxênô: dân thành Naxianxô thuộc Tiểu Á.

(5) Biển Egiê là một phần của Địa Trang Hái, nằm giữa bán đáo Ban căng và Anatôli.

(6) Cảng Xalônich thuộc Hy Lạp trong vịnh cùng tên được biển Egiê tạo nên, là mót trung tâm công nghiệp quan trọng.

(7) Memphi, thuộc Hoa Kỳ, một trung tâm công nghiệp nằm trên bờ sông Misisipi

Chương 2

Khi tên cướp biển Phrăngxit Đrăc tấn công Riôacha ở thế kỷ XVI, bà tổ của Ucsula Igoaran đã quá kinh ngạc trước tiếng chuông nhà thờ inh ỏi đổ hồi và tiếng đại bác chát chúa nổ rền, đến mức quẫn trí ngồi vào một bếp than hồng. Những vết sẹo cháy đã làm cho cụ trở thành một người vợ ăn bám suốt đời. Cụ chỉ có thể ngồi nghiêng một phía dựa lưng trên những chiếc gối đệm và đi đứng kỳ dị, bởi thế chẳng bao giờ cụ đi ra ngoài trước con mắt mọi người. Cụ từ bỏ mọi sinh hoạt xã hội vì bị ám ảnh bởi cái ý nghĩ người mình phả ra mùi khét khó chịu. ánh bình minh bắt gặp cụ ở ngoài sân. Cụ không dám ngủ bởi nằm mộng thấy bọn người Anh cùng với những con chó dữ tợn đã trèo qua cửa sổ phòng ngủ và làm cụ chết khiếp vì những cực hình ghê rợn bằng những thanh sắt nung đỏ. Chồng cụ, một thương nhân người vùng Aragông(1), đã có hai con với cụ, tiêu tốn một nửa cửa hàng để thuốc thang và mua vui cho vợ, ngõ hầu làm giảm bớt nỗi sợ hãi. Cuối cùng, ông cụ bỏ nghề buôn, mang gia đình đi sống ở một miền xa biển, trong một xóm những người dân Anhđiêng hiền lành ở sâu trong núi. Tại đây cụ ông đã làm cho vợ một phòng ngủ

không cửa sổ để bọn ướp biển, trong những cơn ác mộng kia, không có lối nhảy vào.

Tại xóm vắng này, trước đó rất lâu có một nhà trồng thuốc lá người Âu, sinh ra trên châu Mỹ. Đó là Đông(2) Hôsê Accađiô Buênđya người mà cụ tổ Ucsula cùng thành lập một tổ hợp sản xuất chỉ trong một thượng ngắn đã có vốn to. Vài thế ky sau, người cháu của ông tổ kết hôn với cô cháu gái của ông tổ Aragông. Vì thế mà mỗi bận Ucsula ra khỏi nhà theo tiếng gọi cuồng nhiệt của chồng mình, đã nhớ lại những ngẫu nhiên xảy ra cách đây ba trăm năm, và nguyền rủa cái giờ mà tên cướp biển Phrăngxit Đrăc tấn công Rioacha. Đó là cách đơn giản để giải phiền, bởi trên thực tế họ đã gắn bó với nhau cho tới khi chết bởi mối liên hệ còn bền chặt hơn cả tình yêu: đó là nỗi dằn vặt lương tâm chung cả hai người. Là anh em với nhau, họ cùng lớn lên trong một xóm cũ mà các bậc tiền bối của mình, bằng lao động và thuần phong mỹ tục, đã biến nó thành một cái làng tốt đẹp nhất trong số các làng thuộc tỉnh này. Mặc dù cuộc hôn nhân của họ đã thấy trước một cách hiển nhiên ngay khi trào đời, nhưng khi họ bộc lộ ý nguyện được lấy nhau thì cha mẹ hai bên đã định ngăn cản. Các cụ sợ rằng hai con người khoẻ mạnh đó thuộc hai dòng họ hàng thế kỷ đã có tình thâm giao sẽ phải sống trong tủi hổ vì sinh ra những con kỳ đà. Trước họ đã có tấm gương tày liếp. Bà cô của Ucsula lấy ông chú của Hôsê Accađiô Buênđya sinh ra một dứa con suốt đời mặc quần rộng thùng thình và chết vì bệnh chảy máu sau khi đã sống một cuộc đời bốn mươi hai tuổi luôn luôn trai tân, bởi vì y sinh ra và lớn lên với cái đuôi xoắn hình chiếc mở nút chai ở cuối có một túm lông. Đó là một cái đuôi lợn mà y không bao giờ để cho bất kỳ người đàn bà nào nom thấy. Và y đã phải trả giá bằng cả cuộc đời

mình khi một người làm nghề đồ tể dùng con dao phay chặt phắt luôn cái đuôi lợn ấy đi. Hôsê Accađiô Buênđya với sự thanh thản của tuổi mười tám đã giải quyết vấn đề này bằng một câu gọn lỏn: "Có đẻ ra lợn anh cũng cóc cần, miễn là biết nói". Thế là họ cưới nhau với tiệc tùng kéo dài ba ngày liền có pháo nổ và các ban nhạc giúp vui. Từ đó trở đi, bọn họ sẽ hạnh phúc biết bao nếu như bà mẹ Ucsula không đe doạ cô bằng tất cả những dị dạng đáng sợ của những đứa con sẽ sinh ra đến mức cô không dám cho động phòng. Vì sợ người chồng vâm váp và ngang ngược sẽ cưỡng dâm trong lúc mình ngủ, Ucsula, trước khi đi nằm, đã mặc một chiếc quần do bà mẹ may cho. Đó là một chiếc quần vải gai được một hệ thống dây da chằng khéo làm cho bền hơn với một chiếc khoá sắt to sụ đóng kín lại. Bọn họ sống như vậy trong mấy tháng liền. Ban ngày, chàng đi chăn dắt những chú gà chọi của mình, còn nàng cùng với mẹ ngồi thêu bên khung thêu. Ban đêm cô phải chống cự trong vài giờ trước khát vọng cuồng nhiệt của chồng mà việc ấy dường như được làm là để thay thế cho sự chung đụng xác thịt, cho tới khi linh cảm của dân chúng đánh hơi thấy có một cái gì không bình thường đang xảy ra và họ liền tung tin đồn rằng Ucsula sau một năm cưới chồng vẫn tiếp tục trinh tiết là do chồng cô bất lực. Hôsê Accađiô Buênđya là người biết tin đồn sau cùng.

- Ucsula này, mình thấy đấy, người ta đang đồn ầm lên, - anh bình tĩnh nói với vợ.

- Thây kệ họ nói, - cô nói, - chỉ cần chúng ta biết với nhau rằng liều đó là không đúng sự thực.

Vậy là vợ chồng họ cứ sống trong tình cảnh ấy trong khoảng sáu tháng nữa, cho đến một ngày chủ nhật bi thương là ngày Hôsê

Accađiô Buênđya đã thắng Pruđênxiô Aghila một trận chọi gà. Giận dữ, điên tiết vì thấy máu con gà của mình, kẻ bị thua liền tách ra xa Hôsê Accađiô Buênđya để mọi người trong sởi chọi gà có thể nghe được lời mình sẽ nói:
- Tao mừng cho mày, - anh ta gào, - để xem xem cuối cùng con gà ấy nó có làm ơn cho vợ mày không nào.
Hôsê Accađiô Buênđya nín thinh, ôm lấy gà mình. "Tôi sẽ trở lại ngay", anh nói với mọi người, sau đó anh nói với Pruđênxiô Aghila:
- Còn mày, liệu xác đấy, hãy trở về nhà và cầm lấy vũ khí đi, kẻo tao sẽ giết mày.
Mười phút sau anh trở lại với cây giáo sắc nhọn của ông nội mình. Ngay ở lối ra vào sởi chọi gà, nơi có đến nửa làng đã tụ tập, Pruđênxiô Aghila đang đứng chờ. Anh ta không có thời gian để tự vệ. Cây giáo của Hôsê Accađiô Buênđya được phóng đi với sức mạnh của con bò tót và với đường bay chính xác của chính cây giáo do cụ Aurêlianô Buênđya Thứ nhất phóng đi từng kết liễu những con hổ trong vùng, đã xuyên qua cổ họng Pruđênxiô Aghila. Đêm ấy, trong lúc mọi người đang viếng tử thi ở ngoài sới chọi gà thì Hôsê Accađiô Buênđya bước vào phòng ngủ giữa lúc vợ anh đang mặc chiếc quần trinh tiết.
Huơ huơ cây giáo trước mặt cô, anh ra lệnh: "Hãy cởi thứ đó ra". Ucsula không nghi ngờ quyết định của chồng. "Mình sẽ phải chịu trách nhiệm về điều vừa xảy ra", anh rền rĩ nói. Hôsê Accađiô Buênđya cắm phập ngọn giáo xuống nền nhà.
- Nếu mình đẻ ra kỳ đà thì chúng mình sẽ nuôi kỳ đà, - anh nói - Nhưng trong cái làng này sẽ không có thêm những người hết vì tội lỗi của mình.

Đó là một đêm tháng bảy đẹp trời, trăng thanh gió mát và bọn họ thức suốt đêm vần nhau trên giường cho đến lúc rạng đông, không để ý tới gió lùa vào phòng mang theo tiếng than khóc của gia quyến Pruđênxiô Aghila.

Đám tang này được liệt hạng đám tang danh dự, nhưng hai người dằn vặt lương tâm. Có một đêm mất ngủ, Ucsula ra sân ống nước, đã nhìn thấy Pruđênxiô Aghila đứng ngay bên cạnh chum. Anh ta đứng đấy, xanh tái, vẻ rầu rĩ, đang muốn dùng ẫm rơm cọ bát để nhét vào lỗ thủng nơi cổ họng. Cô không hãi nhưng mủi lòng thay. Cô trở vào phòng kể lại cho chồng nghe điều mắt mình nhìn thấy nhưng anh không tin. "Những người chết không đi ra khỏi phần mồ của mình", anh nói. "Chẳng qua là chúng mình không chịu nữa sự giày vò của lương tâm mình thôi".

Hai đêm sau, Ucsula lại nhìn thấy Pruđênxiô Aghila ở trong nhà tắm đang dùng bã lau lau vết máu đọng lại ở cổ. Đêm khác cô lại thấy anh ta đang đi lại dưới trời mưa. Giận dữ trước việc vợ mình nhìn thấy ma, Hôsê Accađiô Buênđya cầm giáo bước ra sân. Quả nhiên bóng ma rầu rĩ đang đứng ở đấy.

- Cút mẹ mày đi? - Hôsê Accađiô Buênđya gào lên. - Mày mà cứ lảng vảng ở đây ông sẽ giết?

Pruđênxiô Aghila không đi, mà Hôsê Accađiô Buênđya cũng không dám phóng cây giáo. Từ đấy trở đi anh không thể ngủ ngon giấc. Anh bị dằn vặt bởi chính nỗi buồn mênh mang của người chết từ trong mưa nhìn anh, bởi chính nỗi thương cảm sâu sắc của người chết đối với những người sống, bởi chính cơn khát của người chết lục khắp nhà để tìm nước dấp bã lau. "Có lẽ anh ta đau khổ lắm", Ucsula nói với chồng: "Anh ta quá lẻ loi".

Cô càng cảm động hơn khi lần gần đây nhìn thấy bóng ma đang mở vung nồi bếp thì cô hiểu cái mà nó đang tìm và kể từ lần ấy, cô đặt những tô nước ở khắp nhà cho nó. Một đêm nọ, bắt gặp bóng ma đang rửa vết thương ở ngay trong phòng mình, Hôsê Accađiô Buênđya không thể chịu được thêm nữa, đã nói:
- Được rồi, Pruđênxiô ạ, - anh nói với bóng ma, - chúng tôi sẽ đi khỏi làng mày, đi đến nơi xa nhất mà chúng tôi có thể đi, và chúng tôi sẽ không bao giờ trở lại nữa. Bây giờ cậu hãy đi đi, hãy thanh thản mà đi đi.

Đó là nguyên nhân bọn họ vượt núi. Vài anh bạn của Hôsê Accađiô Buênđya, tất cả đều trai trẻ như anh, náo nức với chuyến đi mạo hiểm này, đã thu dọn đồ đạc rồi mang chúng cùng với vợ con để đi tới miền đất chẳng một ai đã hứa hẹn cho họ. Trước lúc khởi hành, Hôsê Accađiô Buênđya đã chôn cây giáo ở ngay ngoài sân và lần lượt chặt cổ những con gà chọi tuyệt vời của mình mà lòng anh đinh ninh tin rằng làm như thế sẽ an ủi phần nào vong linh Pruđênxiô Aghila. Vật duy nhất mà Ucsula mang theo là một chiếc rương trong đó đựng quần áo cưới một ít đồ ăn và một túi nhỏ đựng những đồng tiền vàng của cha cô để lại. Đoàn người ra đi không đi theo một lộ trình nhất đinh. Họ chỉ mải đi theo hướng ngược lại con đường dẫn tới Riôacha để không bỏ lại một dấu vết nào và để tránh chạm mặt người quen. Đó là một chuyến đi kì dị. Khi đoàn người đi được mười bốn tháng trời, với cái bụng quặn đau vì thịt khỉ và canh rắn, Ucsula đẻ ra một chú bé với tất cả các bộ phận người của chú. Cô đẻ rơi giữa đường ngay lúc nằm trên một chiếc võng hai người khiêng, bởi vì hai chân cô xuống máu sưng vù lên mất cả hình thù, và các tĩnh mạch cứ phồng lên như những vấp rộp. Những đứa trẻ thật đáng

thương hại với cái bụng lép và đôi mắt quầng thâm. Tuy vậy chúng lại tỏ ra dẻo dai hơn cha mẹ chúng trong chuyến đi gian truân này, và trong phần lớn thời gian còn thích thú là khác. Một buổi sáng nọ, sau gần hai năm ròng rã leo núi, họ là những người đầu tiên nhìn thấy sườn phía tây của dấy núi. Từ trên đỉnh núi mù mây phủ họ nhìn thấy mặt nước bằng bao la của một đầm lầy mênh mông trải tới tận bờ bên kia thế giới. Song chẳng bao giờ họ gặp biển. Có một đêm, sau vài tháng lạc lối giữa những đầm nước, những đã cách rất xa nơi cuối cùng họ gặp những người Anhđiêng trên con đường mình đi, họ nghỉ lại bên bờ một con sông nhiều đá, nước trong như một dải pha lê đông lạnh. Nhiều năm sau này, đại tá Accađiô Buênđya định theo con đường ấy để đánh úp Riôacha và sau sáu ngày đi chàng hiểu rằng đó là một cơn điên. Tuy nhiên, cái đêm họ nghỉ lại bên cạnh sông ấy, những người đồng hành của cha chàng đều hoảng hốt như những người chết đuối không nơi bám víu, nhưng con số của họ đã tăng thêm trong cả quá trình vượt núi và tất cả bọn họ quyết sống (dĩ nhiên họ đã tìm cách) cho đến lúc đầu bạc răng long. Đêm ấy Hôsê Accađiô Buênđya nằm mộng thấy ở ngay nơi đó một thành phố đông vui với những ngôi nhà có tường kính đã mọc lên. Ông hỏi đó là thành phố gì và ông được trả lời bằng một cái tên chưa bao giờ nghe thấy, một cái tên chẳng có ý nghĩa gì nhưng nó cứ vang đọng trong giấc mơ: Macôndô. Ngay ngày hôm sau, ông thuyết phục các bạn mình rằng sẽ chẳng bao giờ bọn họ tìm thấy biển. Ông hạ lệnh cho họ phát quang một vùng bên cạnh sông, nơi thoáng mát hơn và tại dó họ lập làng.

Trước hôm được biết nước đá, Hôsê Accađiô Buênđya vẫn chưa hiểu được ý nghĩa của giấc mộng về những ngôi nhà có tường kính.

Sau hôm đó, ông những tưởng mình đã hiểu được ý nghĩa sâu xa của nó. Ông nghĩ rằng trong một tương lai không xa người ta có thể sản xuất hàng loạt các khối nước đá bằng vật liệu hết sức thông thường như nước lã, và dùng chúng để xây dựng những ngôi nhà mới cho làng. Lúc đó Macôndô sẽ không còn là một nơi nóng bức đến mức bản lề và chốt cửa bằng sắt cũng phải quăn lại vì hơi nóng, và trở thành một thành phố quanh năm là mùa đông. Nếu như ông không nôn nóng tiến hành xây dựng một nhà máy nước đá ngay là vì lúc ấy ông đang hào hứng với việc dạy dỗ các con mình, trước hết là Aurêlianô, cậu bé ngay từ đầu đã bộc lộ một năng khiếu đặc biệt về thuật làm vàng giả. Phòng thí nghiệm lúc nào cũng sạch bong không một vết bụi. Giờ đây, rất bình tâm, không náo nức trước điều kỳ ảo bằng việc xem lại những chỉ dân của Menkyađêt, ông cố tách vàng của Ucsula ra khỏi thứ hợp chất đóng chóc lại ở đáy chảo. Cậu thanh niên Hôsê Accađiô hầu như không tham gia công việc ấy. Trong khi cha cậu dốc toàn tâm toàn sức vào công việc trong ống nghiệm thì cậu cả, vốn là người thực làm theo ý mình, là người lớn trước tuổi, đã trở thành một chàng thanh niên lực lưỡng. Cậu vỡ giọng. Mép cậu đã lún phún mọc đầy lông tơ. Một đêm nọ, Ucsula bước vào phòng khi cậu đã cởi hết quần áo để đi ngủ. Bà thảng thốt cảm thấy vừa thẹn vừa thương. Đó là người đàn ông, sau chồng mình, bà thấy khỏa thân, và y đã được chuẩn bị chu đáo để vào đời và điều đó bà thấy không được bình thường. Lần thứ ba, Ucsula hoài thai, và lại sống lại những nỗi lo âu thuở mới lấy chồng.
Vào thời ấy, có một người đàn bà vui tính, ăn thô nói tục hay khơi chuyện, thường đến nhà, là người vẫn hay làm giúp các việc vặt trong nhà và biết bói bài. Ucsula đem chuyện con trai mình thổ lộ với

thị. Bà nghĩ rằng cái cơ thể quá cỡ của con trai mình là một sự không bình thường như cái đuôi lợn của người chú họ. Người đàn bà bật một tràng cười ha hả vang vọng khắp nhà giống như một dòng thuỷ tinh ào chảy. Trái lại, thị nói, "cậu cả sẽ là người hạnh phúc đấy, bà ạ". Để khẳng định lời đoán số, vài ngày sau thị mang tới nhà một cỗ bài, rồi sau đó, một mình lẻn vào kho ngô ở gắn nhà bếp với Hôsê Accađiô và đóng chặt cửa lại. Thị điềm nhiên đặt cỗ bài lên chiếc bàn thợ mộc cũ, rồi liến thoắng nói rặt những chuyện không đâu, trong lúc đó chàng trẻ tuổi buồn chán hơn là thích thú ngồi bên cạnh thị chờ đợi. Bỗng nhiên thị giơ tay lên ôm choàng lấy anh. "Ôi tuyệt quá , thị nói một cách thảng thốt vẻ chân thành, và đó là điều duy nhất thị có thể nói được. Hôsê Accađiô cảm thấy gân cốt bủn rủn, sợ hãi và muốn khóc thét lên. Người đàn bà không hề dặn bảo anh điều gì. Nhưng suốt đêm ấy Hôsê Accađiô cứ lục tìm thị trong thứ mùi khói phả ra từ nách thị, và cái mùi ấy cứ bám lấy da thịt anh. Anh muốn lúc nào cũng được ở bên cạnh thị, muốn thị là mẹ mình. muốn rằng bọn họ, anh và thị không bao giờ sẽ ra khỏi kho ngô, muốn thị nói với mình ôi tuyệt quá, muốn thị lại ôm lấy mình rồi nói ôi tuyệt quá. Một ngày nọ, anh không thể chịu đựng thêm nữa và đã đến nhà thị để tìm thị.

Anh đến chơi nhà không được tự nhiên lắm, ngồi đợi ở phòng khách, không nói không rằng. Trong thời khắc ấy anh không thèm khát thị. Anh thấy thị hoàn toàn khác với hình ảnh mà cái mùi của thị khêu gợi; lúc này thị như một người đàn bà khát. Anh uống cà phê rồi từ biệt ngôi nhà ọp ẹp. Đêm ấy, trong nỗi sợ hãi do mất ngủ, anh lại da diết khát khao thị, nhưng lúc ấy anh không yêu thị như lúc ở trong kho ngô mà trái lại như trống cái buổi chiều ấy.

Mấy ngày sau, người đàn bà đột ngột gọi anh đến nhà mình vào lúc thị đang ở nhà với bà mẹ. Thị lôi anh vào buồng ngủ với cái cớ dạy anh chơi bài. Thế là thị tha hồ ôm anh, đến mức anh mất cả khoái cảm sau cú ngây ngất ban đầu, rồi anh cảm thấy sợ nhiều hơn là thích thú. Thị nũng nịu đòi anh phải đến tìm mình vào ngay đêm ấy. Anh đã trót đồng ý nhưng khi đi ra anh mới hiểu rằng không thể đi được. Song đêm ấy, trên cái giường nóng bỏng như than lửa, anh hiểu rằng cần phải đi tìm thị dù biết việc đó là không thể làm được. Anh sờ soạng mặc quần áo, tai lắng nghe trong bóng tối tiếng thở đều đều của cậu em, tiếng ho khan của cha mình ở phòng bên, tiếng hen khò khè của đàn gà mái ở ngoài sân, tiếng muỗi vo ve, tiếng thình thình của con tim mình đập và tiếng ồn ào của trời đất chưa bao giờ anh được nghe, rồi anh bước ra con đường đang im lìm ngủ. Anh thành tâm mong muốn cửa đã được cài then hẳn hoi chứ không chỉ khép lại như lời thị hứa với anh. Nhưng cửa vẫn chưa cài then. Anh lấy ngón tay khẽ đẩy cánh cửa và thế là các bản lề rít lên cọt kẹt nghe vừa buồn vừa âm vang khiến anh lạnh cả gáy. Kể từ lúc anh bước vào, bằng cách lách vai nhẹ nhàng để không gây tiếng động, anh vẫn cảm thấy cái mùi ấy. Anh vẫn còn ở trong phòng khách là nơi ba người em trai thị mắc võng ở những vị trì mà cho đến lúc này anh không biết và trong bóng tối không thể xác định được, vậy là anh chỉ còn thiếu sờ soạng mà bước vào, mà đẩy cánh cửa phòng và đi đến nơi ấy làm sao không bị nhầm giường thì nằm. Anh tìm nó. Anh vấp phải dây võng mắc ở tầm thấp hơn là anh tưởng, và cái người đàn ông đang ngáy khò khò cho đến lúc ấy vẫn đang mộng mị, nói vẻ tỉnh khô: "Đó là ngày thứ tư". Khi đẩy cánh cửa buồng ngủ anh đã không thể tránh được cú vấp phải mép sàn nhà nhô cao.

Trong bóng đêm tối đen như mực, bỗng nhiên, với một nỗi nhớ nhung không thể đừng được, anh hiểu rằng mình đã hoàn toàn mất phương hướng. Trong phòng chật hẹp này có bà mẹ, cô em, người chồng và ba đứa con của cô ta đang ngủ, và cả người đàn bà nữa, mà có lẽ thị không đợi anh, cũng đã ngủ rồi. Có lẽ anh sẽ không lần theo cái mùi ấy nếu như nó không nồng nặc khắp nhà. Cái mùi đàn bà ấy vừa có vẻ hư hư lại vừa có vẻ thực thực như thể lúc nào nó cũng ở ngay trên làn da anh. Anh đứng im như thằng phỗng trong một lúc lâu mà ngạc nhiên tự hỏi lòng mình đã làm thế nào để đi tới cái vực thẳm trống trải này. Giữa lúc ấy có một bàn tay xoè rộng các ngón cũng đang sờ soạng trong bóng tối, đã đụng phải mặt anh. Cái bàn tay ấy không ngạc nhiên, vì dù không biết đích xác là anh, nó đang đợi anh.

Thế là anh tin cái bàn tay ấy và trong trạng thái mệt mỏi đến kinh khủng, anh đã để cho nó lôi tuột mình đến một chỗ không được tiện nghi lắm, là nơi nó lột truồng anh ra, nó mân mê anh như mân mê củ khoai, nó vần anh sang bên trái lại xoay anh sang phải, là nơi anh không ngửi thấy mùi đàn bà nữa mà chỉ thấy mùi nước đái quỷ, và là nơi anh định nhớ lại gương mặt thị thì anh lại hình dung ra gương mặt bà Ucsula; rồi anh hoang mang mà nhận ra rằng mình đang làm một việc mà từ lâu hằng mong muốn nhưng chưa bao giờ nghĩ rằng trên thực tế sẽ có thể được làm, không hề biết đang là nó như thế nào bởi không biết đâu là chân, đâu là đầu và cũng chẳng biết chân ấy là của ai, đầu ấy là của ái và anh cảm thấy mình không thể chịu đựng được hơn nữa trước cơn nhói biết nơi thận mình, trước cơn đau quắn nơi bụng mình, anh đâm phát hoảng và cảm thấy nỗi khao khát chếnh choáng vừa muốn được chạy trốn đồng thời vừa muốn

được ở lại mãi mãi trong cái im lặng đầy thất vọng và cái cô đơn đáng sợ hãi này.

Người đàn bà ấy tên là Pila Tecnêra. Thị là một thành viên của đoàn người di cư đã lập nên làng Macôndô, bị gia đình lôi đi leo để tách thị ra khỏi gã đàn ông từng cưỡng hiếp thị vào lúc thị mới mười bốn tuổi, và theo đuổi thị đến năm thị hai mươi mốt tuổi, nhưng không bao giờ quyết định công khai quan hệ cửa hai người trước công chúng vì gã là con người sở khanh. Gã hứa sẽ theo thị đến cùng trời cuối đất, nhưng ngay sau đó, khi vấn đề đã êm đẹp đâu vào đó, thị cứ mòn mắt chờ trông, bằng cách đánh đồng gã với những người đàn ông cao lớn và cả với những người nhỏ bé thấp lùn, với những người đàn ông tóc hung và cả những người tóc đen, đó là những người mà quân bài hứa hẹn với thị rằng họ sẽ đến từ đường biển và từ đường bộ trong ba ngày, ba tháng hoặc ba năm. Trong lúc chờ đợi, thị đã đánh mất độ săn chắc của các bắp vế, độ căng phồng của bộ ngực, vẻ duyên dáng yểu điệu, nhưng lúc nào thị cũng giữ được con tim luôn bốc lửa tình. Cuồng nhiệt trước trò mê say ấy, đêm nào cũng vậy, Hôsê Accađiô đi tìm hơi thị bằng cách vượt qua cái mê cung ấy. Có những khi gặp cửa đóng then cài, anh đã gõ cửa vài lần, vì biết rằng đã có gan gõ lần thử nhất ắt phải gõ tới lần chót, và sau khi đã dai dẳng chờ đợi, anh được thị mở cửa.

Ban ngày, thiếp đi vì buồn ngủ, anh thầm ngậm nhấm khoái cảm đêm trước. Song khi thị bước vào nhà, vui vẻ, hồn nhiên, vẻ bông lơn, thì anh chẳng phải mệt sức để che giấu nỗi mệt mỏi của mình, bởi vì cái người đàn bà có tiếng cười giòn từng làm kinh động những con bồ câu ấy rất mãn nguyện đã dạy cho anh biết thở thật sâu, biết giữ cho tim không đập quá dồn dập và đã cho phép anh biết vì sao những

người đàn ông lại sợ chết đến thế. Anh quá mải mê suy tư đến nỗi không hiểu niềm vui tràn trề của tất cả mọi người trước việc cha và em trai anh làm náo loạn cả nhà bằng cách loan tin đã nung chảy được chất hợp kim và đã tách được vàng của Ucsula. Quả nhiên, sau những ngày làm việc cần cù đầy hứng thú, cha con Hôsê Accađiô Buênđya đã giành được kết quả. Ucsula rất sung sướng, đến mức bà phải cảm ơn Thượng đế về phát minh của thuật giả kim, trong lúc đó dân làng tụ tập trong phòng thí nghiệm và gia đình mời họ xơi mứt ổi với bánh qui để mừng kỳ tích, Hôsê Accađiô Buênđya cho họ xem cái nồi nấu kim loại với số vàng đã được lấy lại, làm như thể ông vừa chế được. Sau khi cho mọi người xem khắp lượt, cuối cùng ông mang nó đến trước mặt đứa con trai đầu lòng của mình, người trong thời gian gần đây hầu như không bước chân vào phòng thí nghiệm. Đặt trước mắt anh thứ kim loại khô khốc và vàng óng, rồi ông hỏi: "Con thấy thế nào?". Hôsê Accađiô chân thành trả lời cha:

- Cái đồ cứt chó ấy mà!

Cha anh liền vả một cái tát trái vào miệng anh đến là đau, làm cho anh phải chảy máu và ứa nước mắt. Đêm ấy Pila Tecnêra dán thuốc cao lên chỗ sưng, mò mẫm trong bóng tối tìm chai rượu và bông và làm tất cả những gì thị muốn nhưng không làm anh khó chịu, để yêu anh mà không làm anh đau đớn. Bọn họ trở nên thân thiết, chỉ ít phút sau, không ai bảo ai, đã thầm thì to nhỏ nói chuyện với nhau:

- Anh muốn chỉ một mình em bên anh, - anh nói, - một ngày gần đây, anh sẽ kể hết chuyện chúng mình cho mọi người biết để kết thúc những trò vụng trộm luôn một thể.

Thị không định ngăn cản anh.

- Thế thì rất hay, - thị nói, - nếu chỉ có mình chúng mình với nhau thôi, chúng mình sẽ thắp đèn sáng để nhìn nhau cho sướng và em có thể gào to tất cả những gì em thích không còn lo một ai quấy rối, và anh sẽ thì thào bên tai em tất cả những lời tục tĩu anh nghĩ ra được.

Buổi trao đổi này, nỗi căm tức cha mình, và khả năng khẩn cấp của mối tình quá trớn, đã làm cho anh thêm bạo dạn rồi đột ngột, anh kể tất cả cho em trai mình nghe.

Thoạt đầu, Aurêlianô chỉ hiểu được nỗi nguy hiểm và những tai hoạ sẽ xảy ra do các cú liều mạng của anh trai mình gây nên, nhưng cậu vẫn chưa cảm nhận được cái khoái cảm đến đê mê của câu chuyện. Rồi niềm khao khát dần dần xâm chiếm cậu. Cậu bắt người anh kể tỉ mỉ những tình tiết li kì, đồng cảm với nỗi đau đớn ê chề và mềm lạc thú của ông anh, cậu cũng thấy bồi hồi lo âu và sung sướng. Cậu thức đợi ông anh mình cho đến gần sáng, cứ trằn trọc bồi hồi trên cái giường như có ai bỏ than đỏ vào, và khi ông anh trở về, cả hai người đều tỉnh như sáo nói chuyện cho đến lúc dậy, vì vậy mà chẳng bao lâu cả hai anh em đều lử đử lừ đừ, chán ngấy thuật giả kim và kiến thức uyên bác của cha mình và cả hai đều trốn vào cõi cô đơn. "Bọn trẻ nhà này cứ như những thằng đần, lúc nào cũng thẫn thờ", Ucsula nói. "Có lẽ chúng bị giun quấy đấy". Bà chuẩn bị cho họ một tô nước thuốc lá paicô(3) và cả hai người điềm nhiên uống, rồi chỉ trong một ngày họ đã mười một lần ngồi vào bô, thải ra một vài con giun màu hồng hồng. Hai anh em thích thú chìa cho mọi người xem vì chúng cho phép họ đánh lạc hướng Ucsula về căn nguyên cái bệnh buồn phiền của họ. Lúc đó Aurêlianô không chỉ hiểu mà còn có thể cảm nhận những kinh nghiệm tình dục của ông anh như chính

mình đã trải qua, bởi vì có một lần khi người anh kể rất tỉ mỉ về cách thức làm tình như thế nào, thì cậu đã ngắt lời hỏi: "Anh cảm thấy như thế nào?"… Không ngần ngừ, Hôsê Accađiô trả lời ngay:
- Như thể trời rung đất chuyển ấy.
Vào lúc hai giờ sáng một ngày thứ năm trong tháng Giêng, Amaranta đã ra đời. Trước lúc chưa có ai vào phòng, Ucsula xem xét khắp người đứa hài nhi. Nó nhẹ tênh và căng mọng như một con thằn lằn non, nhưng tất cả các bộ phận trên người nó đều thuộc giống người. Aurêlianô chỉ biết tin vui khi thấy mọi người kéo đến nhà mình rất đông. Để trốn tránh sự ồn ĩ này, cậu ra khỏi nhà đi tìm ông anh, người đã bỏ trống giường từ lúc mười một giờ, và đó là một quyết định đột ngột đến mức cậu không kịp tự hỏi làm thế nào để lôi được anh mình ra khỏi phòng Pila Tecnêra. Cậu đi quanh nhà thị vài giờ liền, cứ huýt sáo làm hiệu liên tục cho đến khi buổi bình minh buộc cậu phải trở về. Trong phòng của bà mẹ, cậu bắt gặp Hôsê Accađiô với bộ mặt tỉnh bơ, đang chơi với cô em gái mới sinh.
Ucsula hầu như vừa kết thúc kì nghỉ đẻ bốn mươi ngày thì những người digan cũng vừa tới làng. Đó chính là những người làm xiếc và những người múa rối từng mang nước đá đến đây.
Khác với nhóm người của Menkyađêt, chẳng bao lâu bọn họ đã trưng bày các thứ hàng hoá tiêu xài chứ không như trước đây chỉ có những thành tựu của tiến bộ khoa học. Khi mang nước đá đến, họ đã không quảng cáo mặt ích lợi phục vụ cho đời sống con người mà chỉ quảng cáo nó như một trò ảo thuật đơn thuần. Lần này, bên cạnh các trò tiêu khiển khác, họ mang đến một cái thảm bay. Họ không giới thiệu nó như một đóng góp cơ bản cho sự phát triển giao thông mà giới thiệu nó như một thứ đồ chơi. Dĩ nhiên dân chúng moi nốt những

mẩu vàng cuối cùng để thưởng thức cú bay vù vù trên các nóc nhà trong làng.

Lợi dụng sự tha thứ đầy thú vị của công chúng đang ồn ào, Hôsê Accađiô và Pila Tecnêra đã sống những giờ tự do. Họ là hai người tình ngây ngất hạnh phúc giữa đám đông đến mức tưởng rằng tình yêu còn sâu sắc và lắng đọng hơn cả cái khoái lạc tột dình và tức thời của họ trong những đêm vụng trộm. Tuy vậy Pila Tecnêra lại phá tan cái niềm vui ấy. Phấn chấn hẳn lên trước đam mê của Hôsê Accađiô lúc đang tận hưởng hạnh phúc đôi lứa, thị nhầm lẫn cách thức nói và lúc cần nói, đã bỗng nhiên chụp lên đầu anh một trách nhiệm nặng nề bằng cả quả địa cầu. "Giờ đây, anh đã là một người đàn ông rồi đấy", thị nói với anh. Và vì anh không hiểu điều thị vừa nói, thị thong thả giải thích cặn kẽ:

- Nghĩa là anh sẽ có một đứa con trai.

Trong vài ngày liền, Hôsê Accađiô không dám ra khỏi nhà. Chỉ cần nghe thấy tiếng cười khanh khách của Pila Tecnêra là đã đủ để anh trốn vào phòng thí nghiệm, là nơi những thứ đồ thủ công mỹ nghệ, thành quả của thuật giả kim, đang sống lại nhờ lòng từ thiện của Ucsula. Hôsê Accađiô Buênđya vồn vã đón đứa con lầm lạc và hướng dẫn anh tập sự trong công việc mẩy mò của thuật giả kim đã được ông hiểu cặn kẽ. Một chiều nọ, hai anh em rất phấn khởi trước tấm thảm bay ngang tầm cửa sổ phòng thí nghiệm mang theo người digan lái và vài em nhỏ trong làng đang vui vẻ vẫy tay chào, và Hôsê Accađiô Buênđya không thèm nhìn tấm thảm bay. "Cứ để họ mơ mộng", ông nói, "chúng ta sẽ bay cao hơn bọn họ với phương tiện khoa học hơn cái thảm bay thảm hại này". Dẫu đang phải giả vờ làm ra vẻ hứng thú với công việc, Hôsê Accađiô không bao giờ có thể

hiểu được những khả năng kỳ vĩ của lò luyện đá giả kim mà đối với anh nó chỉ đơn giản là một bình thuỷ tinh làm tồi quá. Anh biếng ăn, mất ngủ, cáu kỉnh, giống hệt cha mình lúc ông phải đối mặt với những thất bại trong một số công việc và trạng thái thất thường ấy của anh đã buộc ông phải thay anh làm mọi công việc trong lò luyện đá giả kim vì nghĩ rằng công việc này làm anh quá lao lực. Aurêlianô dĩ nhiên hiểu rằng nỗi đau khổ ấy của ông anh mình không liên quan gì đến lò luyện đá giả kim, nhưng cậu không tài nào làm cho anh thổ lộ với mình điều sâu kín kia. Hôsê Accađiô không còn hiếu động như trước. Từ một người hóm hỉnh và cởi mở anh trở thành một kẻ kín đáo và khó tính. Quá ưa thích nôi cô đơn, lúc nào cũng giận hờn xung quanh, một đêm nọ, như mọi bữa anh lại để trống giường bỏ đi ra ngoài, nhưng không đến nhà Pila Tecnêra mà đi thẳng một mạch đến hội chợ. Sau khi dạo khắp các trò vui, không thích thú trước bất kỳ trò thơi nào, anh để ý đến một người không diễn trò, một cô gái digan rất trẻ, hầu như còn đang ở tuổi thơ, đeo đầy cổ những hạt pha lê giả ngọc. Đó là một người đàn bà đẹp nhất cho đến lúc ấy anh được biết. Anh đang ở giữa đám người mải mê xem trò diễn một người đàn ông biến thành con rắn vì không nghe lời bố mẹ. Hôsê Accađiô không để ý xem. Trong lúc diễn ra cuộc tra hỏi người đàn ông - con rắn, anh len lỏi giữa đám đông để đi tới nàng người đầu tiên là nơi anh gặp cô gái digan, dừng lại phía sau cô ta. Từ phía sau, anh ôm lấy thắt lưng cô ta. Cô ta cố vùng ra nhưng Hôsê Accađiô càng ôm chặt hơn. Vậy là cô đã rung động, đứng im nhưng vẫn quay lưng lại anh, run rẩy vì ngạc nhiên và sợ hãi mà không thể tin điều đó là sự thực, cuối cùng cô ngoảnh mặt lại, với nụ cười run rẩy cô nhìn anh. Trong lúc ấy hai người đàn ông digan lùa người đàn

ông con rắn vào túi và mang vào bên trong quán hàng. Một người digan trưởng trò quay ra phía công chúng nói:
- Thưa quý ông quý bà, bây giờ chúng tôi xin trình diễn tiết mục kinh rợn về một người đàn bà, đêm nào cũng như đêm này, đều bị chặt đầu vào đúng giờ này trong suốt một trăm năm mươi năm vì tội đã dám nhìn cái không nên nhìn.
Hôsê Accađiô và cô gái không xem tiết mục chặt đầu người đàn bà. Họ đi về quán của cô, là nơi với nỗi thèm khát tuyệt vọng họ thỏa sức hôn nhau trong lúc cởi quần áo. Cô gái digan cởi hết những chiếc áo ngoài, những chiếc váy lót, chiếc coóc-xê đệm nhiều lần vải, chuỗi hạt pha lê giả ngọc thì bộ ngực căng và đôi mông nở trước đây bỗng biến đi mất. Thực ra cơ thể cô giống như một cành khô, ngực lép, vế teo không bằng cánh tay của Hôsê Accađiô, nhưng lại có được cái vẻ dạn dĩ và cái hơi nồng ấm kéo lại. Tuy nhiên, Hôsê Accađiô không thể đáp ứng ngay cơn cuồng nhiệt của cô, bởi họ đang nằm trong một cái quán công, là nơi những người digan qua lại luôn, lúc thì mang các dụng cụ làm xiếc, lúc thì hoá trang, có lúc họ tụ tập bên cạnh giường chơi một ván xúc xắc. Ngọn đèn treo trên một cây cột ở giữa bãi soi sáng xung quanh. Lúc họ thôi không mân mê nhau, Hôsê Accađiô trần truồng nằm duỗi thẳng cẳng trên giường, không biết làm gì thêm, thì cô gái cố làm trò khêu gợi anh. Sau đó, có lúc có một ả digan da dẻ bóng mượt bước vào, theo sau là một người đàn ông, vốn không phải là người cùng gánh xiếc cũng không phải là người làng này. Và rồi cả hai cùng cởi quần áo ngay trước giường Hôsê Accađiô đang nằm. Không có ý định trêu ngươi anh, người đàn bà nhìn Hôsê Accađiô, với lòng đầy thèm khát, háo hức ngắm nghía con vật trứ tuyệt của anh đang nghỉ ngơi.

- Ôi, anh bạn? - Ả reo lên. - Cầu Thượng đế sẽ che chở cô em cho anh bạn nhé.
Người bạn gái của Hôsê Accađiô yêu cầu để cho họ được yên và cái đôi ấy nằm xuống nền nhà ngay cạnh giường. Nỗi đam mê của những người khác đánh thức cơn hăng của Hôsê Accađiô. Ngay từ phút đầu, các xương hóc cô gái dường như long ra kêu ràn roạt như những quân đôminô chạm vào nhau, trên da cô nhớp nhúa thứ mồ hôi nhờ nhờ vàng, đôi mắt cô giàn giụa lệ cả người cô phát ra tiếng kêu ư ứ và phát ra thứ mùi bùn cứ lẩn vẩn đây đó. Nhưng cô gái dai sức đã vượt qua cú chung đụng với một tính cách kiên cường và một sự dũng cảm đáng khâm phục.
Lúc ấy Hôsê Accađiô cảm thấy mình bị nâng bổng lên đến trạng thái khó thở là nơi trái tim anh tan ra trong một cái giếng nhục dục êm dịu đang chảy vào cô gái theo các lỗ tai và chui ra qua lỗ miệng biến thành những lời được dịch sang ngôn ngữ của cô. Đó là thứ năm.
Đêm thứ bảy, đầu đội một chiếc khăn đỏ, Hôsê Accađiô bỏ nhà ra đi cùng với những người digan.
Khi Ucsula thấy anh vắng mặt vội đi khắp làng tìm anh. Tại khu lán tan hoang, không có gì hơn là một dòng nước bẩn giữa những đám tro còn nóng trong các bếp đã dập lửa. Một người đang tìm những hạt pha lê giả ngọc trong đống rác, nói với Ucsula rằng đêm qua họ đã nhìn thấy con trai bà lẫn trong đám người digan ồn ào, tay đẩy chiếc xe cũi trong nhất người-rắn.
"Thế là nó theo bạn digan rồi", bà gào lên bên tai ông, người không tỏ một dấu hiệu lo lắng nào trước tin con trai mất tích.
- Cầu Chúa đúng như thế, - Hôsê Accađiô Buênđya nói và vẫn nghiền cái chất liệu đã được nghiền ngàn lần trong cối, đã được

nung rồi lại nghiền. - Như vậy nó sẽ học để làm người. Ucsula hỏi mọi người bọn digan đi về hướng nào. Trên đường đi bà lại hỏi, người ta lại chỉ cho, bà tiếp tục đi vì nghĩ rằng vẫn còn thời gian để đuổi kịp con trai. Cứ như thế bà đi ngày một xa làng hơn cho đến khi nhận ra mình đã ở cách làng quá xa đến mức không nghĩ sẽ trở về. Hôsê Accađiô Buênđya chỉ phát hiện ra sự vắng mặt của vợ mình vào lúc tám giờ tối, khi ông đặt chất hợp kim được nấu lại trên một lớp mùn và đi xem vì sao bé Amaranta khóe đến khản tiếng. Ít giờ sau, ông tập hợp một nhóm đàn ông nai nịt gọn gàng, đặt bé Amaranta vào tay một bà nhận cho bú chực, rồi đi tìm Ucsula. Aurêlianô cũng cùng đi với họ. Những ngư dân người Anhđiêng, bằng điệu bộ, đã ra hiệu cho họ biết rằng không thấy ai đi qua kể từ sáng sớm đến giờ. Sau ba ngày tìm kiếm vô ích, những người đi tin trở về làng.

Trong vài tuần, Hôsê Accađiô Buênđya hoàn toàn chịu thất vọng. Ông chăm nom bé Amaranta như một người mẹ. Ông tắm, thay quần áo cho bé rồi ban ngày, bốn lần mang bé đi xin bú, và ban đêm ông hát ru bé ngủ, vốn là việc Ucsula chưa từng làm. Có lần Pila Tecnêra tự nguyện đến xin đỡ đần công việc nội trợ cho đến khi nào Ucsula trở về. Aurêlianô, mà linh cảm kỳ lạ của cậu vốn đã cảm thấy thị là kẻ thủ phạm gây ra nỗi bất hạnh này, quắc mắt nhìn thị khi thị bước vào. Vậy là cậu biết rằng dù dưới hình thức nào đi nữa thị cũng là kẻ có tội trong việc ông anh trai bỏ đi và tiếp đó, bà mẹ cậu mất tích, rồi bằng cách đó cậu đã thầm lặng và kiên quyết kết tội thị khiến cho người đàn bà này không dám bén mảng tới nhà nữa.

Với thời gian trôi đi mọi việc lại đâu vào đấy. Hôsê Accađiô Buênđya và con trai ông không hay biết vào lúc nào họ lại làm việc trong

phòng thí nghiệm, nào lau bụi, nào đất lửa cho ống nghiệm, rồi lại mải mê tiến hành công việc bào chế các chất hợp kim đã vài tháng nay ngủ yên trên lớp mùn. Ngay đến bé Amaranta, nằm gọn trong chiếc nôi mây, cũng tò mò quan sát công việc lặng lẽ của cha và anh mình trong căn phòng lạ kì hẳn đi vì hơi thuỷ ngân. Sau mấy tháng Ucsula biệt tích, có một lần đã xảy ra những sự việc lạ lẫm. Một bình thuỷ tinh rỗng nằm trên tủ từ lâu từng bị người ta bỏ quên, bỗng nặng đến mức không thể xê dịch được. Một nồi đựng nước lọc đặt trên bàn làm việc, không hề có lửa đun ở dưới, cũng tự nhiên sôi sùng sục và chỉ trong nửa giờ đã cạn sạch nước. Hôsê Accađiô Buênđya và con trai ông thảng thốt nhìn những hiện tượng đó mà không thể giải thích được, nhưng rồi họ cứ khăng khăng cho chúng là điềm báo trước của chất hợp kim sẽ ra đời. Một ngày nọ, chiếc nôi của bé Amaranta tự nó quay tròn rồi đi xung quanh căn phòng trước nỗi hoảng hốt của Aurêlianô, người đã vội vàng chạy đến giữ lại. Nhưng cha cậu vẫn cứ điềm nhiên như không. Ông đặt chiếc nôi trở lại chỗ cũ rồi cột nó vào một chân bàn, lòng tin rằng cái sự kiện hằng mong đợi hẳn sẽ phải xảy ra nay mai. Đúng lúc ấy Aurêlianô nghe thấy cha mình nói:

- Nếu không sợ Thượng đế thì hãy sợ kim loại vậy!

Bỗng nhiên Ucsula trở về sau gần năm tháng mất tích. Bà trở về với vẻ hớn hở, trẻ trung, mặc bộ váy áo lạ kiểu đối với người làng. Hôsê Accađiô Buênđya mừng mừng tủi tủi hầu như không thể cưỡng lại cứ ôm hôn bà. "Chao ôi, ra thế cơ đấy!", ông nói như gào: "Tôi biết sẽ xảy ra mà" và thực tình ông tin, bởi vì trong những buổi ở lý trong phòng khi bào chế hợp chất, từ trái tim mình ông đã cầu cho sự kiện đang háo hức chờ đợi sẽ không phải là kết quả mỹ mãn của thuật giả

kim, cũng không phải là sự giải thoát khỏi bễ lò đang thổi lửa nung chảy kim loại, cũng không phải phép biến bản lề, khoá cửa ở nhà này thành vàng, mà là cái sự kiện vừa xảy ra: Cuộc trở về của Ucsula. Nhưng bà không chia sẻ niềm vui ồn ĩ của chồng mình. Bà hôn ông theo lệ như thể bà vắng nhà chưa quá một giờ đồng hồ, rồi bảo ông:

- Mình hãy ra ngoài đi!

Khi ra đường và nhìn ngắm đám đông, Hôsê Accađiô Buênđya mãi mới định thần được. Họ không phải là bọn digan. Họ là những người đàn ông và đàn bà y hệt dân làng này, cũng có mái tóc mềm và nước da nâu, cũng là những người nói chính tiếng nói của ông và cũng thở than về cạnh những nỗi đau khổ ấy. Họ mang theo những chú lừa thồ thức ăn, những chiếc xe bò chở bàn ghế và dụng cụ nấu ăn, vốn là những thứ hàng giản dị và thiết cốt được những người bán hàng bày bán không phải quảng cáo. Họ tới đây từ bờ bên kia của đầm lầy, cách Macôndô khoảng hai ngày đường, là nơi các làng hàng tháng đều đặn nhận thư từ bưu điện và đã làm quen với các máy móc sản sinh nhiều lợi ích. Ucsula không đuổi kịp bọn digan, nhưng bà gặp được con đường mà chồng mình không thể phát hiện ra trong chuyến tìm kiếm những phát minh vĩ đại đã thất bại.

Chú thích:

(1) Một vùng phía Tây Bắc nước Tây Ban Nha.

(2) Tiếng tôn xưng: ngài, ông…

(3) Paicô - một thứ cây thuộc họ rau muối sản ở châu Mỹ, lá có vị chát có thể tẩy được giun.

Chương 3

Đứa con trai của Pila Tecnêra được mang về nhà ông bà nó sau hai tuần cất tiếng chào đời. Ucsula miễn cưỡng thừa nhận nó, bởi lại một lần nữa bà phải nhượng bộ tính gàn của chồng mình, người kiên trì giữ ý nghĩ rằng không thể để cho con cháu ông cù bơ cù bất trong cuộc đời, nhưng bà đã đặt điều kiện là không bao giờ cho đứa trẻ biết rõ gốc gác của nó. Mặc dù đứa trẻ mang tên Hôsê Accađiô, nhưng ông bà quyết định để tránh nhầm lẫn sẽ chỉ gọi chọc lỏn là Accađiô. Vào thời ấy ngoài làng có nhiều hoạt động xã hội và trong nhà có lắm công nhiều việc, cho nên việc chăm sóc trẻ lui xuống hàng thứ yếu. Những đứa trẻ được giao phó cho Visitaxiôn, một cô thôn nữ người Anhđiêng, vì phải chạy trốn bệnh dịch mất ngủ từ vài năm nay đang hoành hành ở bộ tộc mình đã đến làng này cùng với em trai. Cả hai chị em đều hiền lành, ngoan nết và chịu thương chịu khó, vì vậy bà Ucsula đã tin cậy giao cho họ giúp mình công việc trong nhà. Bởi thế mà Accađiô và Amaranta đã nói tiếng của người thổ dân trước khi biết nói tiếng Tây Ban Nha, tập húp nước súp thịt thằn lằn và ăn trứng nhện mà Ucsula không hay biết, bởi vì bà đang

mải công việc kinh doanh kẹo nặn hình con giống, một nghề nhiều triển vọng. Macôndô đã thay đổi hẳn. Những người cùng đến với Ucsula đã biết cách khai thác đất đai màu mỡ và vị trí địa lý nhiều ưu thế của Macôndô so với vùng đầm lầy, do đó chẳng bao lâu cái làng xác xơ nhanh chóng trở thành một làng nhộn nhịp có các cửa hiệu và xưởng thủ công và một phố buôn bán thường xuyên ở nơi những người A-rập đi giày păngtup và tai đeo khuyên đầu tiên đến đây để đổi những chuỗi hạt pha lê giả ngọc lấy những con vẹt đuôi dài. Hôsê Accađiô Buênđya không có lấy một lúc nghỉ ngơi. Hào hứng trước một thực tế mà lúc này đối với ông còn huyền ảo hơn cả cái thế giới bao la trong trí tưởng tượng của mình, ông mất luôn hứng thú với công việc ở phòng thí nghiệm giả kim, bỏ mặc cái chất kim loại đã được nung đi nấu lại trong nhiều tháng liền để trở lại con người năng nổ như trước đây từng quyết định vạch những con đường và xây cất các ngôi nhà sao cho không một ai được hưởng nhiều thuận lợi hơn những người khác. Ông có uy tín cao đối với những người mới tới làng, đến mức những người này muốn đào móng xây nhà hoặc muốn rào vườn đều phải đến xin ý kiến ông trước, và ông được mọi người bầu là người đầu tiên quyết định chia lại đất đai của làng. Khi những người digan làm trò ảo thuật trở lại, lần này quầy hàng di động của họ đã trở thành một cửa hàng khổng lồ có các trò chơi may rủi, thì bọn họ đã được đón tiếp nồng nhiệt vì người ta nghĩ rằng Hôsê Accađiô sẽ cùng trở về. Nhưng Hôsê Accađiô đã không trở về, và bọn người digan này cũng không mang theo người- rắn, mà theo như Ucsula nghĩ thì cái gã người-rắn ấy sẽ là kẻ duy nhất có thể cho bà biết được sự thực về con mình, thế là bà đã không cho phép những người digan dừng lại mở cửa hàng và

trong tương lai cũng sẽ không được đặt chân lên đất làng này bởi vì bọn họ đã bị lên án là những sứ giả của trò dâm dục và đồi bại. Nhưng Hôsê Accađiô Buênđya lại tỏ ra rất sáng suốt trong ý nghĩ rằng bộ tộc của Menkyađêt, cái bộ tộc bằng những hiểu biết lâu đời và những phát minh kỳ diệu từng đóng góp rất nhiều vào sự trưởng thành của làng Macôndô, lúc nào cũng được mở rộng cửa đón tiếp. Nhưng bộ tộc Menkyađêt, theo như lời những kẻ giang hồ, đã bị xoá khỏi lặt đất này bởi tội dám cả gan vượt qua những giới hạn hiểu biết mà Thượng đế đã phán quyết cho con người. Thoát khỏi sự dằn vặt của những ham muốn huyễn hoặc, ít ra là trong thời gian này, Hôsê Accađiô Buênđya đã ổn định được nếp sống của làng trong kỷ cương và lao động, và cho phép thả những chú chim từ thời thành lập làng đã làm vui nhộn bầu không khí với tiếng hót của chúng, thay vào đó ông cho lắp dông hồ nhạc ở các nhà. Đó là những chiếc đồng hồ quý giá làm bằng gỗ được bào nhẵn mà những người Arập đổi cho dân làng để lấy những chú vẹt đuôi dài, và Hôsê Accađiô Buênđya đã điều khiển cho không cùng chạy một cách chính xác đến mức cứ nửa giờ một, dân làng vui vẻ hẳn lên trong tiếng nhạc hoà đồng dường như phát ra từ một chiếc đồng hồ duy nhất. Hôsê Accađiô Buênđya là người trong những năm ấy quyết định trồng những cây hạnh đào thay cho những cây keo dọc khắp các con đường và ông cung chính là người phát hiện ra nhưng không bao giờ tiết lộ các biện pháp khiến chúng trường tồn. Rất nhiều năm sau này, khi làng Macôndô trở thành một trại tập trung gồm những ngôi nhà tường gỗ mái lợp tôn, thì trên những con đường cổ kính vẫn còn những cây hạnh đào già cỗi phủ đầy bụi đường mặc dù lúc ấy không một ai biết người nào đã trồng chúng.

Trong lúc cha lo sắp đặt công việc chung của làng và mẹ lo làm những chiếc kẹo hình con gà và con em cắm trên những chiếc que được mang ra chợ bán một ngày hai lần để tăng thu nhập gia đình, thì Aurêlianô say đắm ở lỳ trong phòng thí nghiệm bỏ không để nghiên cứu nghề mỹ nghệ vàng bạc. Cậu làm chỉ đơn thuần vì hứng thú riêng. Trong một thời gian ngắn Aurêlianô lớn ngồng lên, đến mức đã không mặc vừa quần áo cũ của anh trai và phải mặc quần áo của cha, nhưng Visitaxiôn lại phải chít nách áo và may hẹp ống quần lại vì cậu vẫn chưa có được thân hình vâm váp của cha và anh mình. Tuổi thanh niên đã lấy đi mất của Aurêlianô giọng nói ngọt ngào và đã khiến cho cậu trở nên lầm lỳ ít nói và cô đơn, nhưng trái lại nó cũng trả cho cậu sức biểu cảm mãnh liệt vốn có từ thuở lọt lòng mẹ trong đôi mắt. Aurêlianô tập trung quá sức vào những việc thực nghiệm kim hoàn đến mức hầu như không ra khỏi phòng thí nghiệm để đi ăn cơm. Lo lắng trước sự tập trung trí tuệ đến cao độ của con trai, Hôsê Accađiô Buênđya liền đưa cho cậu chìa khoá cửa và một ít tiền, vì ông nghĩ rằng có thể con trai mình thiếu gái ở bên cạnh. Nhưng Aurêlianô dùng khoản tiền đó mua axit clohydrich để tạo ra dung dịch axit clohydrich rồi cậu làm cho những chiếc chìa khoá bóng lộn nhờ một lớp vàng mạ bên ngoài. Những tính nết khác thường ấy của Aurêlianô cũng phù hoạ với Accađiô và Amaranta mà lúc này tuy đã thay răng nhưng đi đâu cũng bám lấy gấu quần những người Anhđiêng và rất ương bướng không chịu bỏ thổ ngữ để nói tiếng Tây Ban Nha. "Mình chẳng còn phải kêu ca gì nữa nhé", Ucsula nói với chồng mình: "Con cái thừa kế tính điên khùng của cha mẹ chúng". Trong lúc bà than vãn về số phận hẩm hiu của mình mà lòng tự thấy rằng những sự trái thói trái tính của các con trai mình quả

thật cũng đáng kinh sợ như cái đuôi con lợn, thì Aurêlianô mơ màng nhìn bà:

- Có người sẽ đến nhà mình đấy! - cậu bảo mẹ.

Vì lâu nay cậu vẫn thường nói về những điềm báo, nên Ucsula, với thứ lý lẽ thông thường của mình, định làm cậu cụt hứng. Người đến nhà là chuyện bình thường. Hàng chục người lạ mặt vãng lai qua làng Macôndô mà chẳng khiến ai ngạc nhiên cũng chẳng thông báo điều gì bí mật. Tuy nhiên, bất chấp những lý lẽ thông thường ấy, Aurêlianô vẫn khẳng định điều mình tiên đoán:

- Con không biết là ai? - cậu nói, - nhưng người đến đây hiện đang trên đường đi.

Quả nhiên, Rêbêca đã đến vào một ngày chủ nhật. Cô bé chưa đến tuổi mười một. Cô bé đã phải vất vả đi từ Manaurê đến đây cùng với những người buôn da là những người có nhiệm vụ giao lại cô bé và bức thư tại nhà Hôsê Accađiô Buênđya, nhưng cũng chính những người này không thể giải thích rõ ràng ai là người đã nhờ cậy họ. Tất cả hành trang của cô bé gồm một cái hòm nhỏ đựng quần áo, một chiếc ghế xích đu gỗ và một bao tải gai trong đó đựng hài cất của bố mẹ nó, những thứ vẫn thường kêu lộc cộc, lộc cộc, lộc cộc khi va chạm vào nhau. Bức thư gửi cho Hôsê Accađiô Buênđya được viết bằng những từ ngữ âu yếm thổ lộ tình cảm của người dù xa cách lâu ngày vẫn yêu thương ông và bởi một tình cảm rất thân ái, người đó tự thấy mình phải nhờ vả gia đình ông trông nom cô bé mồ côi không nơi nương tựa này và kể rằng cô bé là một người họ hàng tất gần với Ucsula và do đó cũng là chỗ thân tình của Hôsê Accađiô Buênđya tuy có xa hơn chút ít, bởi vì cô bé là con gái của một người bạn không thể nào quên được tên là Nicanô Udôa và người vợ cao

quý của ông ta tên là Rêbêca Môntiên. Đó và những người đang được Thượng đế che chở trên thiên đường của Người, và hài cất của họ đã được thu lại để gia đình ông mai táng dưới phần mộ những con chiên của chúa Crixtô.

Những tên tuổi được dẫn ra cúng như chữ ký trong lá thư đều hoàn toàn rõ ràng, nhưng cả Hôsê Accađiô Buênđya lẫn Ucsula đều nhớ rằng mình không có ai thân quen có những tên ấy, kể cả tên người gửi thư và ở làng Manaurê xa xưa ấy càng không thể có ai mang những tên ấy. Qua cô bé họ cũng không thể tìm dược những tin tức đầy đủ hơn. Kể từ lúc đến, cô bé ngồi trên ghế xích đu, mút tay và với đôi mắt to sợ sệt quan sát tất cả mọi người, không hề tỏ vẻ rằng mình có hiếu hay không hiểu những điều người ta hỏi. Cô bé mặc quần áo vải điagônan dệt sọc đen đã sờn rách và đôi ủng màu vécni đã thủng, tóc vén qua mang tai buộc bằng những chiếc nơ đen. Cô bé còn mặc một chiếc áo choàng thêu không tay bị mồ hôi làm phai bạc đi, và trên cổ tay phải đeo một chiếc răng thú dữ cắm trên đế đồng, nó tựa như một chiếc bùa hộ mạng. Nước da cô bé xanh tái, cái bụng tròn vo và căng phồng giống như mặt trống, tất cả đều chứng tỏ cô bé rất bệnh hoạn và đói ăn lâu ngày. Nhưng khi được người ta cho ăn thì cô bé ngồi yên, đặt bát thức ăn trên đùi mà không hề nếm thử. Mọi người cứ đinh ninh rằng cô bé bị bệnh câm điếc cho tới khi những người Anhđiêng dùng thổ ngữ hỏi cô bé có muốn uống nước không thì đôi mắt cô bé chơm chớp làm ra vẻ hiểu họ và gật đầu xin nước.

Không còn cách nào khác là gia đình buộc phải nhận nuôi cô bé. Mọi người quyết định gọi cô bé là Rêbêca cho hợp với tên mẹ vì Aurêlianô đã đủ kiên nhẫn ngồi trước mặt nó đọc hết các tên thánh

nhưng cậu không nhìn thấy một phản ứng nào, dù rất nhỏ, trên gương mặt cô bé. Trong thời gian ấy, ở làng Macôndô chưa có nghĩa địa, vì cho đến lúc này vẫn chưa có ai chết và thế là gia đình buộc phải cất giữ chiếc bao tải đựng hài cất cho tới khi nào có địa điểm xứng đáng để mai táng. Trong thời gian khá lâu chúng vương vãi khắp nơi, bị bắt gặp ở những nơi ít ngờ nhất thường kèm với tiếng kêu quang quác của chú gà hay bới. Phải mất một thời gian dài, Rêbêca mới làm quen với cuộc sống ở nhà này. Cô bé ngồi trên ghế xích đu, mút tay chùn chụt ở trong xó nhà vắng vẻ nhất. Chỉ có tiếng nhạc phát ra từ đồng hồ là cái duy nhất khiến cô bé chú ý. Cứ nữa giờ một, với đôi mắt thảng thốt, cô đón nghe như thể đang chờ đợi âm nhạc ấy ở một nơi tráng gió nào đó. Trong vài ngày liền, gia đình không làm sao mời cô ăn cơm được. Không một ai hiểu nổi làm sao cô bé không chết đói, cho đến khi những người Anhđiêng, những người biết tất cả vì họ nhẹ nhàng chạy đi chạy lại khắp nhà, đã phát hiện ra rằng Rêbêca không thích ăn cơm mà trái lại chỉ thích ăn đất ẩm ngoài sân và đất vách do cô ta dùng ngón tay cậy ra từ các bức tường. Rõ ràng là cha mẹ cô hoặc bất kì người nào nuôi dưỡng cô bé từng quở mắng nó vì cái tật xấu ấy bởi thế cô bé đã ăn vụng với ý thức rõ ràng đó là một tội lỗi. Cô bé cứ lén lấy những mảng đất vách giấu đi để ăn khi không có ai nhìn thấy. Từ đó trở đi người ta càng để ý cô bé kỹ hơn. Người ta đổ mật bò cái xuống nền sân và tẩm nước ớt cay lên các bức tường, đinh ninh tin rằng bằng những phương pháp này có thể trì được cái tật xấu nguy kịch. Nhưng cô gái lại tinh khôn và khéo léo tìm cách giấu đất để ăn, do đó buộc Ucsula phải sử dụng các biện pháp hữu hiệu hơn nữa. Bà lấy nước cam hoà lẫn với bột đại hoàng cho vào một cái mếu rồi phơi sương thâu đêm và sáng

hôm sau vào lúc ăn sáng, bà cho cô bé uống một cốc nước ấy. Dù cho không ai bảo với bà rằng cái thứ này là một phương thuốc đặc hiệu dùng để trị bệnh ăn đất, bà nghĩ rằng bất kỳ thứ nước đắng nào vào bụng lúc dạ dầy đói meo có tác dụng đến buồng gan. Mặc dù mắc bệnh còi xương, Rêbêca rất dữ tợn và rất khỏe đến mức phải vật ngửa cô bé như vật ngửa con bê để cho uống thuốc và hầu như người ta không thể ghìm được chân nó giãy đạp và không thể bưng miệng nó lại để khỏi buột ra những âm thanh khó hiểu kèm với những cú cào cấu và nhổ nước bọt mà theo như những người Anhđiêng thì đó là những lời tục tằn nhất có thể nhận ra trong ngôn ngữ thổ dân. Khi biết điều đó, Ucsula phải dùng đến cả đòn roi trong lúc cho cô bé uống thuốc. Sẽ chẳng bao giờ xác định được bột đại hoàng hay nhũng chiếc roi da, hoặc cả hai thứ cùng phối hợp là cái phương thuốc đưa đến hiệu nghiệm, nhưng thực tế cho thấy rằng trong ít tuần, Rêbêca đã bắt đầu có những dấu hiệu chứng tỏ cô bé đang khỏi bệnh. Rêbêca tham gia các trò chơi của Accađiô và Amaranta là những đứa trẻ đón nhận cô như đón nhận một người chị cả, và cô ăn rất ngon miệng bởi biết sử dụng thành thạo các đồ dùng ăn uống. Cô bé cũng nhanh chóng chứng tỏ rằng mình nói tiếng Tây Ban Nha cũng lưu loát như nói tiếng của những người Anhđiêng, rằng cô có khả năng thích hợp với công việc chân tay. Cô bé hát theo nhạc van do đồng hồ phát ra với lời ca rất hay do chính cô ứng khẩu. Chẳng bao lâu cô được nhận là một thành viên nữa của gia đình. Ucsula yêu mến cô hơn cả chính các con mình và cô bé gọi Amaranta và Accađiô là các em, gọi Aurêlianô là chú, gọi Hôsê Accađiô Buênđya là ông.

Vậy là cuối cùng cô bé rất xứng đáng mang tên Rêbêca Buênđya,

một cái tên duy nhất của cô và cô kiêu hãnh mang nó trong suốt cuộc đời mình cho đến hơi thở cuối cùng.
Có một đêm, ấy là vào thời kỳ Rêbêca chữa khỏi tật ăn đất và được đưa vào ngủ cùng phòng với những đứa trẻ khác, cô gái Anhđiêng vẫn thường ngủ chung phòng với chúng bỗng nhiên thức giấc và nghe thấy có tiếng động khác thường. Cô gái thảng thốt ngồi dậy cứ nghĩ rằng có con vật nào đó đã chui vào phòng và lúc ấy cô ta nhìn thấy Rêbêca ngồi trên ghế xích đu đang mút ngón tay với đôi mắt sáng như mắt mèo trong đêm đen.
Hoảng hốt trước căn bệnh nguy hiểm, lo lắng cho nỗi bất hạnh của số phận mình, Visitaxiôn nhận ra trong đôi mắt ấy những triệu chứng của một thứ bệnh mà sự đe dọa của nó đã buộc họ, cô và em trai cô, mãi mãi phải vĩnh biệt cái vương quốc lâu đời, nơi họ từng là công chúa và hoàng tử. Đó là bệnh dịch mất ngủ.
Cataurê, em trai của Visitaxiôn, đêm ấy đã bỏ trốn khỏi nhà. Bà chị anh ở lại bởi vì trái tim định mệnh của chị đã chỉ cho chị biết rằng thứ bệnh nguy hiểm chết người ấy sẽ bằng mọi cách theo riết chị đến tận cùng trời cuối đất. Không một ai hiểu được nỗi lo lắng của Visitaxiôn.
"Nếu chúng ta không ngủ được thì càng tốt", Hôsê Accađiô Buênđya vui vẻ nói, "như thế cuộc sống sẽ càng có ích đối với chúng ta hơn".
Nhưng cô gái Anhđiêng đã giải thích cho họ rằng điều đáng sợ nhất của bệnh mất ngủ không phải là khả năng không thể ngủ được, bởi vì cơ thể ta không cảm thấy mệt mỏi, mà là vì nếu không chạy chữa kịp thời, nhất định sẽ dẫn tới bệnh còn nguy kịch hơn, đó là bệnh mất trí nhớ. Nghĩa là khi bệnh nhân đã quen với trạng thái mất ngủ thì những ký ức tuổi thơ sẽ bị xoá khỏi trí thớ của anh ta, sau đó đến tên và ý nghĩa của các sự vật, rồi cuối cùng đến lượt bản thể của con

người và hơn nữa ngay cả ý thức về chính bản thân mình, đều bị xoá khỏi trí nhớ của anh ta để rồi tất cả đều chìm đắm trong trạng thái đần độn chưa từng có trong quá khứ. Hôsê Accađiô Buênđya cảm thấy chết cười được, đã nhận xét rằng cô gái đang nói về một trong những thứ bệnh do thói mê tín của những người Anhđiêng phía ra. Song, Ucsula, để đề phòng, đã cẩn thận cách ly Rêbêca khỏi đám trẻ. Mấy tuần sau đó khi nỗi lo lắng của Visitaxiôn lắng dịu xuống thì Hôsê Accađiô Buênđya trải qua một đêm trằn trọc trên giường không tài nào ngủ được. Ucsula, lúc ấy cũng đã thức giấc, hỏi ông làm sao vậy và ông đã trả lời bà: "Lại một lần nữa tôi nghĩ đến Prudênxiô Aghila, bà ạ". Cả hai vợ chồng đều không ngủ lấy một phút nhưng ngày hôm sau họ đều thấy khoẻ mạnh đến mức quên luôn cái đêm mất ngủ. Vào giờ ăn cơm trưa, Aurêlianô thảng thốt kể rằng cậu vẫn thấy khoẻ mạnh mặc dù đêm qua thức suốt để mạ vàng chiếc cặp tóc, một tặng phẩm cậu nghĩ sẽ tặng mẹ nhân ngày sinh của bà. Không một ai trong gia đình tỏ ra lo lắng cho mãi tới ngày thứ ba, vào giờ đi ngủ họ vẫn không cảm thấy buồn ngủ, và chỉ đến lúc ấy mọi người mới vỡ nhẽ rằng đã hơn năm mươi giờ liền họ không hề chợp mắt.

- Bọn trẻ con cũng tỉnh như sáo, - cô gái Anhđiêng nói với niềm tin chắc vào định mệnh không sao tránh khỏi. - Một khi bệnh dịch lây đến thì chẳng một ai thoát được cả.

Quả nhiên bệnh mất ngủ đã lan tràn tới đây. Ucsula nhờ học mẹ mình mà biết được một số cây có tác dụng chữa lành bệnh, đã vò lá cây phụ tử lấy nước cho tất cả mọi người uống nhưng không công hiệu, không một ai ngủ được mà trái lại cả ngày hom đó mọi người đều mơ trong khi thức. Trong trạng thái tỉnh táo mà mơ màng ấy,

không những người ta chỉ nhìn thấy những bóng hình trong chính giấc mơ của mình mà còn nhìn thấy cả những bóng hình trong giấc mơ của người khác. Cứ như thể nhà này đông nghịt khách khứa. Ngồi trên chiếc ghế xích đu đặt ở trong xó bếp, Rêbêca mơ thấy một người đàn ông rất giống nó, mặc bộ đồ lanh trắng, nơi cổ gài một chiếc cúc vàng, mang đến cho nó một cành hoa hồng. Một người phụ nữ có đôi bàn tay nuột nà đi bên ông đã ngắt một bông hồng, rồi cài lên mái tóc cô bé. Ucsula hiểu rằng đó là cha mẹ của Rêbêca, nhưng dẫu rằng đã cố sức để nhận mặt bà vẫn phải thừa nhận rằng chưa bao giờ nhìn thấy họ. Trong khi đó, do một sơ suất đáng tiếc mà Hôsê Accađiô Buênđya sẽ chẳng bao giờ tha thứ cho mình: những chiếc kẹo nặn hình con giống sản xuất trong nhà này vẫn tiếp tục được mang ra chợ bán. Trẻ con và người lớn thích thú mút những chiếc kẹo hình con gà béo màu xanh đã nhiễm bệnh mất ngủ, những con cá màu hồng đã nhiễm bệnh mất ngủ, những chú ngựa con màu vàng đã nhiễm bệnh mất ngủ, do đó buổi bình minh ngày thứ hai đã bắt gặp cả làng đang thức. Đầu tiên không một ai hốt hoảng. Trái lại, tất cả đều vui sướng vì không ngủ được, bởi lúc đó có rất nhiều việc cần phải làm đến mức hầu như họ không có đủ thời gian. Họ làm lụng quá nhiều do đó lập tức chẳng còn gì để làm và vào lúc ba giờ sáng tất cả đều khoanh tay ngồi đếm từng nốt nhạc van vang lên từ những chiếc đồng hồ. Những người muốn ngủ, không vì họ cảm thấy mệt mỏi mà chỉ vì nhớ giấc ngủ thường ngày thôi, đã phải vận dụng hết các phương thức cần thiết để gọi giấc ngủ đến với mình, nhưng thảy đều vô hiệu. Họ tụ tập lại để chuyện phiếm không hề ngừng nghỉ, để lặp đi lặp lại chỉ một câu chuyện gây cười trong hàng giờ và hàng giờ liền, để làm cho mọi người tức phát điên lên với câu chuyện

về con gà Capôn vốn là một trò chơi không bao giờ kết thúc, trong đó người kể chuyện hỏi các vị muốn tôi kể chuyện con gà Capôn không và khi người nghe trả lời rằng. có thì người kể chuyện nói rằng ông ta không yêu cầu bảo rằng có mà rằng các vị muốn tôi kể chuyện con gà Capôn không và khi người nghe trả lời rằng không thì người kể chuyện nói ông ta không yêu cầu trả lời rằng không mà rằng các vị có muốn tôi kể chuyện con gà Capôn chăng và khi người nghe im lặng thì ông ta nói ông ta không yêu cầu im đặng mà rằng có phải các vị muốn tôi kể chuyện con gà Capôn và không một ai có thể bỏ đi được bởi người kể chuyện sẽ nói rằng ông ta không yêu cầu bỏ đi mà rằng phải chăng các vị muốn tôi kể chuyện con gà Capôn, rồi cứ như thế lặp đi lặp lại trong eái vòng luẩn quẩn kéo suốt những đêm dài.

Khi Hôsê Accađiô Buênđya nhận ra bệnh dịch đã lây lan khắp làng, ông liền họp các chủ hộ lại để giải thích về bệnh mất ngủ theo đúng như hiểu biết của mình. Các chủ hộ đều thống nhất sử dụng biện pháp cần thiết để ngăn chặn tai ương này khỏi tràn lan sang các cư dân khác ở vùng đầm lầy. Thế là người ta tháo khỏi cổ dê những quả chuông nhỏ mà những người Arập mang đến đây đổi lấy những chú vẹt đuôi dài rồi để chúng ở ngay cổng làng chuẩn bị cho những ai không thèm để ý tới những lời khuyên, những lời van xin tha thiết của người gác cổng mà cứ một mực xin vào thăm làng Macôndô. Tất cả những người lạ mặt đi lại trên các nẻo đường Macôndô trong thời gian ấy đều phải rung chuông để báo cho những người bệnh biết họ là người khoẻ mạnh. Trong thời gian ở lại đây, bọn họ không được ăn uống bất cứ thứ gì vì không còn nghi ngờ gì nữa dịch bệnh lây lan qua đường miệng, và hơn nữa đồ ăn thức uống đều đã nhiễm bệnh

mất ngủ. Bằng hình thức này bệnh dịch đã bị thu hẹp lại trong phạm vi của làng. Biện pháp kiên quyết ấy chính là biện pháp dùng trong thời kỳ kiểm dịch, và nó được duy trì cho đến ngày tình trạng mất ngủ được xem như là một hiện tượng bình thường và cuộc sống được tổ chức sao cho công việc làm ăn lấy lại nhịp điệu vốn có của nó và không một ai phải bận tâm tới việc đi ngủ, coi đó như một thói quen vô tích sự.

Aurêlianô là người đầu tiên tìm ra biện pháp chống lại bệnh giảm trí nhớ. Ngẫu nhiên mà cậu tìm ra thôi. Vì là người mất ngủ lâu ngày nhất trong làng, cậu đã học tập để có được trình độ tinh xảo trong nghề kim hoàn. Có một hôm cậu đang tìm chiếc đe nhỏ để dát mỏng kim loại và bỗng nhiên cậu quên nó.

Cha cậu bảo cậu nó gọi là tas. Aurêlianô liền lấy giấy viết chữ tas rồi đem tờ giấy ấy dán lên bệ đe. Như vậy cậu tin rằng trong tương lai mình sẽ không quên tên nó nữa. Cậu cũng không ngờ rằng việc quên tên này là biểu hiện đầu tiên của bệnh đãng trí mà chỉ cho rằng chẳng qua đó là vì cái dụng cụ ấy có tên rất khó nhớ. Nhưng sau đó mấy hôm, cậu phát hiện ra rằng bản thân mình không thể nhớ nổi tên các dụng cụ trong phòng thí nghiệm. Thế là cậu viết tên chúng lên từng đồ vật một, do đó chỉ cần đọc tên là đã có thể nhận biết được chúng rồi. Khi cha cậu đem nỗi lo lắng về việc ông quên hết những kỷ niệm sâu sắc từ thời ấu thơ kể cho cậu nghe thì Aurêlianô đã giải thích phương pháp của mình cho cha hiểu, và Hôsê Accađiô Buênđya liền áp dụng phương pháp này cho mọi người trong nhà, sau đó cho tất cả dân làng. Lấy cành bài hương đã chấm mực, ông viết lên từng vật thể tên của nó: bàn, ghế, đồng hồ, cửa, tường, giường chảo rán. Rồi ông ra vườn viết lên từng con vật và từng cây

một: bò cái, dê đực, lợn đực, gà mái, sắn, khoai sọ, chuối mắm. Do tìm hiểu những khả năng vô hạn của bệnh đãng trí, dần dần ông nhận thấy rằng có thể đến một ngày nào đó qua con chữ người ta sẽ nhận ra các sự vật nhưng sẽ không nhớ được công dụng của chúng trong đời sống. Vậy là cần phải viết cho rõ ràng hơn. Tấm bảng viết treo trên cổ con bò cái là một bằng chứng tiêu biểu cho hình thức dân chúng Macôndô đã sử dụng để chống lại bệnh đãng trí. Đây là con bò cái, tất cả các buổi sáng cần phải vắt sữa và đối với sữa cần phải đun sôi lên để pha với cà phê và làm cà phê sữa. Như vậy dân làng cứ sống trong một thực tại trơn chuồi chuội không thể khắc vào trí nhớ, được nhận bắt thoáng qua bởi những từ ghi trên giấy nhưng nó sẽ biến đi khi người ta quên mất ý nghĩa của các từ. Ngay ở cổng vào làng Macôndô, một tấm biển được dựng lên viết: Macôndô và trên con đường trung tâm của làng cũng dựng lên một tấm biển còn to hơn nữa đề "Thượng đế tồn tại". Để ghi nhớ các đồ vật cũng như các loại tình cảm của con người, trong các nhà cũng có treo các bảng đề tên từng đồ vật và từng loại tình cảm một. Nhưng hệ thống nhớ ấy đòi hỏi quá nhiều sự quan sát và quá nhiều sự nỗ lực của bộ óc đến mức rất nhiều người đã phải đầu hàng trước niềm vui của một thế giới tưởng tượng, được chính họ bịa ra mà đối với họ nó là một thế giới để an ủi hơn là một thế giới để hành động. Pila Tecnêra là người đóng góp nhiều công sức hơn vào việc phổ biến trò phỉnh phờ này khi thị cảm nhận được cách đọc quá khứ trong những lá bài cũng như trước đây qua chúng thị đọc tương lai. Bằng thủ thuật này những người mất ngủ bắt đầu sống trong một thế giới được xây dựng bởi những hình ảnh mơ hồ không xác tín trong những lá bài, là nơi ông bố nhớ lại hầu như mình là một người đàn

ông rám nắng vừa đến đây vào đầu tháng tư và bà mẹ nhớ lại mình gần như một người đàn bà trẻ tóc đen tuyền, còn đeo nhẫn vàng trên bàn tay trái, và là nơi một ngày sinh nhích gắn lại dường như mới vừa hôm thứ ba còn văng vẳng tiếng chim chiền chiện hót trên cây nguyệt quế. Bị thất bại trước những thủ thuật có tính chất an ủi ấy, Hôsê Accađiô Buênđya đã quyết chí làm một cái máy nhớ ông từng ao ước để nhớ những phát minh kì diệu của những người digan. Vào tất cả các buổi sáng cái máy ấy phải có khả năng duyệt lại toàn bộ những hiểu biết thu được trong cuộc sống kể từ đầu cho đến cuối. Ông tưởng tượng nó giống như một cuốn từ điển tự quay tròn mà một người ngồi ở trục, nhờ một chiếc tay quay, có thể khiến cho những tri thức về đời sống sẽ lần lượt hiện ra ngay trước mắt họ chỉ trong ít giờ đồng hồ. Ông đã viết được một vạn bốn nghìn cái phích. Cũng chính lúc ấy trên đường từ đầm lầy vào làng, xuất hiện một cụ già quái dị tay cầm một quả chuông nhỏ rung lên những âm thanh buồn buồn của kẻ ngái ngủ, vai vác một va li căng phồng có đai thừng chằng buộc cẩn thận, đẩy một chiếc xe nhỏ phủ kín những mụn vải thâm. Cụ đi thẳng đến nhà Hôsê Accađiô Buênđya. Khi mở cửa cho cụ, Visitaxiôn không nhận ra cụ và cô nghĩ rằng cụ già đến đây định bán thứ gì mà không biết rằng không thể bán được bất cứ thứ gì ở cái làng đang ghìm trong bệnh đãng trí khủng khiếp vô phương cứu chữa này. Đó là một cụ già cao tuổi lắm. Mặc dù tiếng nói của cụ thều thào đứt quãng, bàn tay cụ run lẩy bẩy như không thừa nhận sự tồn tại của các vật thể nhưng rõ ràng cụ là người đến từ miền đất người ta vẫn có thể ngủ được và nhớ được. Hôsê Accađiô Buênđya bắt gặp cụ ngồi trong phòng khách; tay quạt chiếc mũ rách đã vá lại, mắt đang mải đọc những tờ giấy viết chữ

dán trên các bức tường. Ông cung kính chào cụ để khỏi thất lễ vì sợ rằng đó là một người quen lâu ngày không gặp lại và hiện giờ ông chưa nhận ra. Nhưng vị khách đã nhận ra ông không thành tâm. Cụ cảm thấy mình bị chủ nhà quên nhưng đó không phải là sự lãng quên do vô tâm mà là một sự lãng quên quái ác và vô phương cứu chữa do không thể tập trung trí nhớ được, một sự lãng quên cụ từng biết rất rõ bởi vì đó chính là sự lãng quên của cái chết. Cụ mở chiếc va li chật ních những thứ không thiếu được, rồi cụ lấy ra một chiếc túi dựng các chai lọ. Cụ cho Hôsê Accađiô Buênđya uống tuột thứ nước có mùi dễ chịu và lập tức trong trí nhớ của ông bừng sáng. Mắt ông nhoà đi vì lệ trước khi ông kịp nhìn ra mình đang ở trong căn phòng bừa bãi những đồ vật bị viết tên, trước khi ông kíp cảm thấy hổ thẹn vì những điều ngu ngốc được viết trên tường với tất cả lòng thành kính và hơn thế nữa, trước khi ông nhận ra người mới đến trong ánh sáng tươi hững của niềm vai. Người đó là Menkyađêt.

Trong lúc Macôndô mở hội ăn mừng trì nhớ bình phục thì Hôsê Accađiô Buênđya và Menkyađêt đánh bóng tình bạn cũ của họ lâu nay bị thời gian phủ bụi. Người digan quyết định ở lại làng này. Đúng là cụ ở trong cõi chết và đã chạy trốn về đây vì không chịu nổi nỗi cô đơn. Bị bộ tộc mình ruồng bỏ, bị tước mất năng lực siêu phàm, tất cả những thứ đó như một sự trừng phạt đối với lòng trung thành của cụ trước cuộc đời, cụ đã quyết chí chạy trốn đến đây, một xó xỉnh của thế giới mà thần chết chưa phát hiện ra và cụ hiến thân cho nghề chụp ảnh đaghe(1). Hôsê Accađiô Buênđya chưa bao giờ nghe nói về phát minh này. Nhưng khi ông nhìn thấy chính mình và gia đình mình với giây lút đời đời hiện hình trên một tấm kim loại óng ánh, thì

ông đứng thẳn người ra. Vẫn còn lại một bức ảnh trên tấm kim loại đã hoen rỉ thuộc thời kỳ ấy cho thấy Hôsê Accađiô Buênđya xuất hiện với mái tóc xoăn điểm sương, một chiếc cúc đồng đóng kín cổ cồn áo sơmi, và với vẻ nghiêm trang đầy sợ sệt khiến cho Ucsula cười ngặt nghẽo mà miêu tả ông như "một tướng quân đang hãi hùng". Quả nhiên là Hôsê Accađiô Buênđya đang hoảng hốt trong buổi sáng tháng chạp khi người ta chụp ảnh, bởi vi lúc ấy ông nghĩ rằng dân chúng sẽ mất dần đi theo giây phút hình ông hiện trên tấm kim loại. Bởi một sự đảo lộn kì dị của thói quen, Ucsula là người dã khiến ông nẩy sinh ý nghĩ ấy cũng như bà là người quên đi những mặc cảm khó chịu trước đây, đã đồng ý để cho Menkyađêt ở lại trong nhà mình mặc dù chẳng bao giờ cho phép ông chụp ảnh bà bởi (theo đúng như lời bà) bà không muốn cử tồn tại như thế để giễu các cháu mình.

Buổi sáng ấy bà mặc đẹp đến thăm đám trẻ, thoa phấn cho chúng rồi cho mỗi đứa uống một thìa cháo tuỷ để chúng có thể đứng yên không nhúc nhích trong hai phút đồng hồ trước máy chụp ảnh của Menkyađêt. Trong bức ảnh đaghe chụp toàn gia đình đã mất từ lâu, Aurêlianô mặc đồ dạ đen đứng giữa) Amaranta và Rêbêca. Cậu mang vẻ buồn buồn và đôi mắt nhìn sắc sảo mà nhiều năm sau này khi đứng trước đội hành hình chúng vẫn nguyên vẹn, những lúc đó cậu vẫn chưa có được dự cảm về số phận mình. Cậu đã là một thợ kim hoàn lành nghề được cả vùng ngưỡng mộ. Trong xưởng thủ công được đặt cùng với phòng thí nghiệm ồn ĩ của Menkyađêt, dường như cậu đã chạy trốn vào một thời đại khác để làm việc đến mức không còn nghe thấy tiếng cậu thở; trong khi đó cha cậu và Menkyađêt lớn tiếng tranh luận với nhau về những lời tiên tri của

Nôstrađam.

Những lời ấy vang lên giữa những tiếng va chạm của bình và cốc đựng các dung dịch, và nỗi bất hạnh của axit đổ và muôi bạc bị rơi vãi từng lúc từng lúc do những cú động cùi tay và trượt chân gây nên. Sự toàn tâm toàn sức hiến dâng cho công việc, cái quan niệm đúng đắn hướng dẫn mọi hứng thú của cậu, dã cho phép cậu trong một thời gian ngắn thu được khoản tiền lớn hơn khoản tiền của Ucsula thu được nhờ những chiếc kẹo nặn hình con giống rất ngon lành, nhưng cả bàn dân thiên hạ ai ai cũng lấy làm lạ rằng tuy cậu đã là một người đàn ông thực thụ thế mà vẫn chưa biết đến đàn bà. Thực tình cậu vẫn chưa hề cùng ai.

Mấy tháng sau đó, cụ Phranxixcô - Con Người, một khách giang hồ gần hai trăm tuổi vẫn thường qua lại Macôndô để phổ biến các bài hát do chính cụ đặt ra, đã trở lại làng. Trong các bài hát này, cụ Phranxixcô - Con Người kể lại tường tận những điều xảy ra ở các đàng trong hành trình của mình, kể từ làng Manaurê đến các hang cùng ngõ hẻm thuộc vùng đầm lầy, vậy là nếu ai muốn nhắn gửi điều gì hoặc muốn loan báo một sự kiện nào đó thì cứ việc trả cụ hai xu để cụ đưa nó vào chương trình của mình. Nhờ vậy mà một đêm nọ Ucsula nghe các bài hát của cụ với hy vọng chúng sẽ nói về Hôsê Accađiô, đã biết tin mẹ mình quá cố một cách ngẫu nhiên thôi. Cụ được gọi là Phranxixcô - Con Người là vì trong một cuộc thi hát đối đáp cụ đã đánh bại con quỉ, vả lại cũng không một ai biết tên thật của cụ. Trong lúc dịch mất ngủ hoành hành ở làng Macôndô, cụ lặng lẽ biến mất và bây giờ không một lời báo trước cụ lại có mặt ở đây trong cửa hàng của bác Catarinô. Cả làng đều kéo đến nghe cụ để xem có gì mới xảy ra trên thế giới này. Trong dịp này, cùng đến với

cụ còn có một người đàn bà béo mập ngồi trên ghế xích đu được bốn phu Anhđiêng khiêng và được một cô gái da lai vẻ cô đơn cầm ô che nắng cho. Đêm ấy Aurêlianô đến cửa hàng bác Catarinô. Cậu thấy cụ Phranxixcô - Con Người, như một con kỳ nhông hoá đá, ngồi giữa đám người tò mò đang nghe cụ kể tích… Với giọng hát thều thào được cây đàn phong cầm cũ kỹ đệm, cây đàn này cụ được ngài Oante Rahch(2) tặng cho ở đảo Goadana. Cụ hát để kể lể các tin tức, trong khi đó đôi bàn chân to, thô, nứt nẻ bởi phải cuốc bộ qua các mỏ diêm sinh, cùng giậm liên hồi để đánh nhịp. Mụ Tú bà ngồi trên ghế xích đu, tay phe phẩy quạt ở trước cửa phía cuối phòng nơi có một số người đàn ông vào ra. Với bông hồng nỉ giắt trên mang tai, bác Catarinô bán những cốc nước Goarapô(3) - gần từng người một đặt tay mình lên người họ vào đúng cái chỗ không nên. Đêm về khuya, nóng bức không thể chịu được. Aurêlianô ngồi nghe tin tức cho đến hết chương trình mà vẫn không thấy điều gì bổ ích đối với gia đình mình. Đang lúc cậu sửa soạn để về nhà thì mụ Tú bà chỉ tay ra hiệu, bảo cậu:

- Cậu cũng vào đi, - mụ nói, - chỉ tốn kém có hai hào thôi!

Aurêlianô bỏ đồng hai hào vào cái đĩa mụ kẹp nơi bẹn rồi bước vào phòng mà không biết để làm gì. Cô bé da lai đang trần truồng nằm trên giường với đôi vú hệt như vú chó. Đêm ấy trước lúc Aurêlianô vào đã có sáu mươi ba người đàn ông qua phòng này rồi. Không khí trong phòng, vì đã có quá nhiều người qua lại và bị ngào trong mồ hôi và hơi thở, bắt đầu đông đặc lại nhuyễn thành bùn. Cô bé lột chiếc ga trải giường ướt sũng và nhờ Aurêlianô cầm hộ một đầu. Nó nặng chình chịch. Hai người vặn hai đầu vắt tấm vải trải giường cho đến khi kiệt nước. Hai người lật nghiêng chiếc giường, mồ hôi dòng

dòng chảy về phía nghiêng để rơi xuống sàn nhà. Aurêlianô khao khát mong mỏi công việc này sẽ không bao giờ kết thúc. Về mặt lý thuyết cậu đã biết nghệ thuật làm tình, nhưng vì gối đã mỏi nên không thể đứng thẳng được, và mặc dù da mình đã nổi gai gà và nóng hầm hập cậu vẫn không thể kìm được những cú trung tiện đang đòi hỏi mau chóng được thoát ra ngoài. Khi sửa sang xong giường đệm, cô bé lệnh cho cậu cởi quần áo, thì cậu ngờ nghệch giải thích: "Người ta bảo tôi vào. Người ta bảo tôi hãy bỏ hai hào vào đĩa đựng tiền và không được chậm trễ". Cô gái hiểu được nỗi lo lắng của cậu. "Nếu như anh bỏ thêm hai hào nữa ở cửa ra, anh có thể ở lại thêm ít phút nữa", cô dịu dàng nói.
Aurêlianô cởi quần áo, vẻ khổ sở vì xấu hổ, không tài nào rũ bỏ được ý nghĩ cho rằng cái thân xác lõa lồ của mình sẽ không địch nổi cái thân xác cường tráng của ông anh mình. Mặc cho cô gái cố gắng khêu gợi, cậu vẫn cảm thấy đơn độc, đơn độc đến khủng khiếp. "Tôi sẽ bỏ thêm hai hào nữa" với giọng chán nản cậu nói thế. Cô bé lặng lẽ cám ơn cậu. Lưng cô bé đỏ lừng lựng. Da cô bọc lấy xương để lộ từng cái xương sườn một và hơi thở của cô gấp gáp rối loạn đầy vẻ mệt mỏi. Hai năm trước đây, ở một làng xa tít mù, cô bé ngủ quên không tắt ngọn đèn nến và khi choàng tỉnh dậy cô đã ở ngay cạnh lửa cháy. Cái ngôi nhà nơi cô sống với bà nội, vốn là người nuôi cô từ tấm bé, đã biến thành tro tàn. Từ đó trở đi, người bà mang cô bé đi hết làng này sang làng khác, bắt cô phải ngủ với đàn ông với giá hai hào một lần để có một số vốn ngõ hầu bù lại toàn bộ giá trì ngôi nhà bị cháy. Theo những tính toán của cô gái, thì cô còn thiếu hơn mười năm mà đêm nào cũng phải hiến thân cho đủ số bảy mươi thằng đàn ông, bởi vì ngoài số tiền phải trả cho bà nội, cô còn phải

kiếm đủ tiền để trang trải cho việc đi lại, cho việc ăn uống của hai bà cháu, và tiền công cho những người Anhđiêng khiêng chiếc ghế xích đu. Khi mụ Tú bà gõ cửa lần thứ hai, Aurêlianô ra khỏi phòng mà vẫn chưa kịp hành sự, đau đớn đến muốn khóc lên được. Đêm ấy, cậu không ngủ, chỉ nghĩ đến cô gái trong tình cảm vừa yêu vừa thương hại. Cậu cảm thấy vừa yêu thương lại vừa muốn che chở cô gái. Đó là thứ tình cảm da diết không thể dừng được. Vào lúc trời rạng sáng, người mệt rã rời vì mất ngủ và vì sốt, cậu quyết định một quyết định lành mạnh, sẽ cưới cô gái để giải phóng cô khỏi sự cai quản của người bà và để cùng cô hưởng trọn những đêm hoan lạc mà cô vẫn thường phải chia sẻ cho bảy mươi thằng đàn ông. Nhưng, vào lúc mười giờ sáng, khi cậu đến cửa hàng bác Catarinô thì cô gái đã đi khỏi làng.

Thời gian xoa dịu dần ý định ngây thơ của Aurêlianô nhưng nó lại khắc sâu thêm mặc cảm về sự thất bại của mình. Cậu trốn vào công việc. Cậu quyết chí ở vậy một đời để chôn vùi ý nghĩ hổ thẹn tự cho mình là đồ vô tích sự. Trong khi đó Menkyađêt đã làm xong công việc ghi lên các tấm phim của mình tất cả những gì có thể ghi hình ở làng Macôndô và cụ đã bỏ mặc buồng tối cho những say mê của Hôsê Accađiô Buênđya, người đã quyết định sử dụng nó để giành lấy một thí nghiệm khoa học về sự tồn tại của Thượng đế. Bằng một quá trình phức tạp trình bày những bức ảnh chụp được ở những địa điểm khác nhau trong nhà, ông tin chắc rằng sớm hay muộn sẽ có một tấm ảnh Thượng đế, nếu quả thật Thượng đế tồn tại, rồi cùng một lúc sẽ kết liễu tất cả những phỏng đoán về sự hiện hữu của Người. Menkyađêt ngày một nghiên cứu sâu những lời thuyết giảng của Nôstrađam. Cụ làm việc cho đến chiều tối, phát ngột trong chiếc áo nỉ

khoác ngoài đã bạc màu, với đôi bàn tay chim sẻ nhỏ xíu của mình mà những chiếc nhẫn đeo trên các ngón tay đã mất vẻ sáng bóng của các thời trước đây, cụ vẽ nguệch ngoạc lên những tờ giấy. Có một đêm cụ tưởng rằng mình đã bắt gặp được một lời tiên tri về tương lai của làng Macôndô. Nó có thể sẽ là một thành phố sáng rực rỡ, với những toà nhà pha lê đồ sộ, là nơi sẽ không còn một dấu tích nào của dòng dõi nhà Buênđya. "Đó là một sự nhầm lẫn", Hôsê Accađiô Buênđya nổi giận nói. "Đó không phải là những tòa nhà pha lê, mà là những tòa nhà làm bằng nước đá, như chính tôi đã thấy trong mộng, và cho dù hàng bao nhiêu thế kỷ sau, luôn luôn và lúc nào cũng vẫn có một Buênđya". Trong ngôi nhà quái gở ấy, Ucsula là người cố gắng duy trì không khí bình thường nhờ việc khuếch trương nghề buôn bán những chiếc kẹo nặn hình con giống, với một lò nướng bánh trong một đêm đã sản xuất ra hàng sọt, hàng sọt bánh mì, và hàng lô những chiếc bánh puđinh, bánh trửng, bánh bích qui mà chỉ trong vòng vài giờ đồng hồ chúng đã tản mác đi khắp các nẻo đường mòn thuộc miền đầm lầy. Dù tới tuổi được quyền nghỉ ngơi, nhưng bà lại hoạt bát hơn. Quá bận rộn trong các công việc sinh nhiều lợi ấy, đến mức trong một buổi chiều nọ khi cô gái Anhđiêng giúp bà ngào mật vào bột, bà đã nhìn ra sân và bắt gặp hai thiếu nữ lạ, xinh đẹp đang ngồi thêu bên khung thêu dưới ánh hoàng hôn. Đó là Rêbêca và Amaranta. Họ vừa đoạn tang bà ngoại, một cái tang được họ kiên trì để trở trong ba năm ròng và giờ đây bộ quần áo màu sặc sỡ dường như đã đặt họ vào một vị trí mới trong cuộc đời.

Hoàn toàn trái với những gì có thể chờ đợi cô trong tương lai, Rêbêca là cô gái đẹp nhất. Cô có nước da trắng như ngó cần, đôi

mắt to và sâu thẳm, đôi bàn tay khéo léo dường như đang dệt những sợi chỉ vô hình trên một bức thảm thêu. Amaranta, cô gái bé hơn, tuy có kém phần duyên dáng tí chút, nhưng lại có vẻ cao nhã tự nhiên, một sự thanh thản nội tâm của bà ngoại đã quá cố. Bên cạnh hai cô gái là Accađiô. Mặc dù đã có được sức vóc của cha mình, Accađiô vẫn là một chú nhóc con. Cậu quyết định học nghề kim hoàn dưới sự hướng dẫn của Aurêlianô, người ngoài việc dạy nghề còn dạy chú bé học đọc và viết. Ngay lập tức Ucsula nhận ra rằng nhà bà rồi sẽ chật chội, rằng con cái của bà đã đến tuổi dựng vợ gả chồng và sẽ có con, do thiêu chỗ ở chúng sẽ buộc phải ly tán. Vậy là bà móc số tiền dành dụm được trong nhiều năm làm ăn vất vả, giao kèo hợp đồng với các khách hàng của mình, và khởi công mở rộng ngôi nhà. Bà quyết định sẽ xây hai phòng khách trong đó có một phòng đầy đủ tiện nghi và thoáng mát hơn để dùng vào công việc hàng ngày, một phòng ăn đủ rộng kê chiếc bàn ăn to với mười hai chỗ ngồi để gia đình và khách khứa cùng ăn một thể, chín phòng ngủ đều mở cửa sổ thông ra sân và một hành lang dài có bao lơn đặt các chậu cây dương xỉ và chậu cây thu hải đường, bên ngoài là một vườn hồng che ánh nắng gay gắt buổi ban trưa. Bà cũng quyết định phá nhà bếp cũ để xây dựng hai lò bánh; phế kho ngô cũ nơi Pila Tecnêra đã xem hậu vận cho Hôsê Accađiô qua những lá bài để xây một nhà kho lớn gấp hai lần đủ dự trữ lương ăn cho rất nhiều năm. Bà quyết định dựng một nhà tắm nam và một nhà tắm nữ và ở cuối sân, một tàu ngựa lớn, một chuồng gà thưng lưới thép, một chuồng vắt sữa bò, và một chuồng chim mở rộng cửa đón những chú chim không đường kiếm ăn có thể tuỳ thích đến ở. Được hàng chục thợ mộc và thợ nề theo sau, như thể bà nhiễm phải cơn sốt vàng của chồng mình,

Ucsula sắp xếp vị trí cho ánh sáng và đường thông gió, phân chia các khoảng không mà vẫn không quên các ranh giới của chúng. Ngôi nhà khởi thuỷ của các bậc sáng nghiệp bỗng chật ních cưa đục và vật liệu xây dựng, và những người công nhân mệt mỏi vã mồ hôi đang yêu cầu tất cả những người khác đừng làm đảo lộn các đồ vật mà không hay biết rằng chính họ mới là những người đang làm đảo lộn hết thảy. Bọn họ phát điên lên vì chiếc tải đựng xương người với tiếng kêu lộc cộc, lộc cộc lộc cộc cứ theo riết họ đi khắp nơi. Trong quang cảnh khó chịu cứ phải thở hít mùi vôi nồng nặc và mùi nhựa đường, không một ai hiểu được vì sao từ trong lòng đất lại nổi lên một ngôi nhà không chỉ lớn chưa từng thấy trong làng, mà còn là ngôi nhà hiếu khách và mát mẻ chưa từng có trong khắp vùng đầm lầy này. Hôsê Accađiô Buênđya những tưởng sẽ làm cho Thượng đế chí tôn phải giật mình trước khung cảnh nhiều thay đổi to lớn ấy, lại là người hiểu được điều đó ít nhất. Khi ngôi nhà sắp sửa hoàn thành thì Ucsula đã lôi ông ra khỏi thế giới mơ mộng để báo cho ông hay rằng đã có lệnh buộc bức tường mặt tiền của mọi nhà đều phải quét vôi xanh chứ không được quét vôi trắng như dân làng vốn ưa thích. Bà chìa cho ông xem mảnh giấy ghi cái mệnh lệnh chính thức ấy. Hôsê Accađiô Buênđya, vẫn chưa hiểu điều bà vợ mình nói, đang cố đọc chữ ký:

- Người này là ai vậy? - Ông hỏi.

- Quan thanh tra đấy, - Ucsula buồn bã trả lời. - Người ta đồn rằng ông ấy là một nhà chức trách mới do chính phủ phái tới. Đông Apôlina Môscôtê, Quan thanh tra, đã lặng lẽ đến làng Macôndô. Ngài xuống xe và ở trong khách sạn Giacôp do một trong những người Arập đầu tiên đến đây đổi đồ vật lấy vẹt đuôi dài dựng

nên. Ngày hôm sau ngài thuê luôn một phòng mở cửa ra đường chỉ cách nhà của Buênđya hai ô phố. Ngài bày biện một chiếc bàn và một chiếc ghế mua của Giacôp, treo tấm quốc huy do ngài mang theo lên tường và trên cửa một chiếc biển đề: Quan thanh tra. Công việc đầu tiên của ngài là ra lệnh cho các nhà trong làng phải quét vôi xanh để mừng ngày độc lập. Hôsê Accađiô Buênđya, tay cầm bản sao tờ lệnh, bắt gặp ngài ngủ trưa trên chiếc võng mắc trong một căn phòng bày biện và trang trí sơ sài. "Ngài là người đã viết tờ giấy này?", ông hỏi. Đông Apôlina Môscôtê, một người đàn ông chín chắn, vẻ hút nhát, mặt đỏ nhừ, đã trả lời rằng đúng thế. "Nhân danh cái gì mà ông viết nào?" , Hôsê Accađiô Buênđya lại hỏi tiếp. Đông Apôlina Môscôtê tìm một tờ giấy cất trong ngăn kéo bàn chìa cho ông xem: "Tôi vừa được phong chức Quan thanh tra của làng này". Hôsê Accađiô Buênđya không thèm nhìn tờ sắc phong, nói:
- Ở làng này, chúng tôi không ra lệnh bằng giấy tờ - ông nói với vẻ bình thản, - và để ngài biết luôn một thể, chúng tôi không cần bất kỳ một Quan thanh tra nào, bởi vì ở đây chẳng có gì để mà phải thanh tra cả.
Trước thái độ cứng rắn của đông Apôlina Môscôtê, người không lúc nào to tiếng, Hôsê Accađiô Buênđya kể lại tường tận câu chuyện họ đã xây dựng làng như thế nào, chia ruộng đất như thế nào, rồi mở đường như thế nào, mở mang các nghề cần cho đời sống và sinh lợi như thế nào, không hề làm phiền lòng chính phủ và cũng chưa một ai đã làm phiền dân làng này.
"Chúng tôi sống rất hiền lành đến mức làng chúng tôi chưa hề có người chết vì bệnh tật hay vì tuổi già", ông nói: "Ngài thấy đấy làng chúng tôi vẫn chưa có nghĩa địa mà!". Ông không hề đau khổ vì

chính phủ đã không giúp đỡ dân làng. Trái lại, ông lấy làm vui lòng nhận thấy cho đến lúc này chính phủ vẫn để cho dân làng tiếp tục sống như vậy, bởi vì bọn họ không tốn công hoài sức lập làng để cho kẻ khác đến lên mặt dạy họ phải làm thế này thế nọ. Đông Apôlina Môscôtê mặc chiếc áo khoác vải chéo go, màu trắng như màu quần, không lúc nào để mất cử chỉ bình tĩnh của mình.
- Vậy là nếu như ngài muốn ở lại đây, như những cư dân bình thường khác, ngài sẽ được đón tiếp nồng hậu, - Hôsê Accađiô Buênđya kết thúc, - bằng không, nếu như ngài đến để gây rối buộc dân làng phải quét vôi xanh lên tường nhà thì ngài có thể thu xếp hành lý và cút về nơi ngài khởi hành. Bởi vì, nhà tôi phải trắng như một con bồ câu.
Đông Apôlina Môscôtê tái người đi. Ngài giật lùi một bước, nghiến răng lại với vẻ sượng sùng, nói:
- Tôi báo cho ông biết rằng tôi có vũ khí.
Hôsê Accađiô Buênđya không biết tự lúc nào cái sức trai tráng bẻ gẫy sừng trâu đã dồn lên hết đôi tay mình. Túm lấy ve áo bông Apôlina Môscôtê, ông xách ngài lên ngang tầm mắt mình, nói:
- Cái này thì ta làm, - Ông nói, - bởi vì ta muốn xách sống nó và để khỏi phải ân hận suốt đời vì phải xách một xác chết.
Cứ thế xách ngài đi giữa đường cái cho đến khi tay mỏi để tuột mất ve áo, ông mới đặt ngài đứng xuống. Lúc đó Quan thanh tra đã ở trên con đường ngoài đầm lấy. Một tuần sau, ngài trở lại mang theo sáu người lính chân đất, ăn mặc rách rưới, tất cả đều mang súng hỏa mai, và một chiếc xe bò chở vợ cùng bảy cô con gái của ngài. Sau đó hai xe bò chở giường ghế bàn tủ, rương hòm và các dụng cụ nấu bếp cũng đến theo. Ngài để gia đình trọ tại khách sạn Giacốp

trong khi tìm mua một ngôi nhà và tiếp tục mở lại công sở có lính gác bên ngoài.
Các bậc sáng nghiệp của làng Macôndô sẵn sàng tống khứ bọn người xâm lược đi. Cùng với các con trai lớn của mình họ đã kéo đến để tiếp sức cho quyết tâm của Hôsê Accađiô Buênđya. Nhưng ông phản đối bởi vì theo như lời ông giải thích thì đông Apôhna Môscôtê đã trở lại đây cùng với vợ và các con gái ngài và đã là đàn ông thì không nên làm sượng mặt kẻ khác trước mặt gia quyến họ. Vậy là ông quyết định sẽ giải quyết công việc theo những thể thức êm đẹp hơn.
Aurêlianô đi cùng ông. Lúc này cậu đã để bộ ria đen vểnh lên ở hai bên mép và đã có giọng nói sang sảng mà sau này chúng là những đặc điểm khiến cậu nổi bật lên trong chiến tranh. Không mang theo vũ khí cũng không tuân lệnh bọn lính gác, cha con họ bước thẳng vào công sở của Quan thanh tra.
Đông Apôlina Môscôtê vẫn điềm tĩnh. Ngài giới thiệu với họ hai cô con gái ngẫu nhiên có mặt tại đó. Amparô, mười sáu tuổi, nước da rám nắng như nước da mẹ cô, và Rêmêđiôt xấp xỉ chín tuổi, một cô bé kháu khỉnh với nước da trắng ngà và đôi mắt xanh. Cả hai đều duyên dáng và có nền nếp. Cũng chớp nhoáng như cha con họ bước vào, trước khi được cha giới thiệu, các cô đã mang ghế cho khách ngồi. Song cả hai cha con đều đứng.
- Tốt lắm? - Hôsê Accađiô Buênđya nói. - Ngài sẽ ở lại đây, nhưng không phải vì ngài đã có bọn lính canh mang súng hỏa mai ấy mà vì lòng kính trọng của dân làng đối với bà nhà và cấc cô gái đây.
Đông Apôlina Môscôtê hoang mang, nhưng Hôsê Accađiô Buênđya không cho ngài có thời gian để đối đáp: "Chúng tôi chỉ yêu cầu ngài

hai điều thôi", ông nói: "Trước tiên hãy để cho mỗi người được theo sở thích mình mà quét vôi nhà. Thứ hai là hãy để cho những người lính đi khỏi làng ngay lập tức. Chúng tôi sẽ đảm bảo an ninh cho ngài". Quan thanh tra xòe rộng bàn tay phải, giơ lên:
- Lời hứa danh dự chứ?
- Lời nói của kẻ thù đấy, - Hôsê Accađiô Buênđya nói. Nhưng với giọng cay đắng ông nói rõ:
- Bởi tôi muốn nói rõ để ngài biết: Ngài và tôi sẽ tiếp tục là kẻ thù của nhau.

Ngay buổi chiều ấy, bọn lính đã phải bán xới đi. Mấy ngày sau, Hôsê Accađiô Buênđya đã tìm cho gia đình Quan thanh tra một ngôi nhà. Tất cả đều sống thanh thản trong hoà bình, trừ Aurêlianô. Hình ảnh Rêmêđiôt, cô gái út của Quan thanh tra, mà cứ theo tuổi tác để xét thì cô bé chỉ đáng tuổi con cậu, đã đọng lại trong tâm khảm làm nhức nhối thân xác cậu. Đó là một cảm giác có tính chất cơ học giống như một viên sỏi lẫn trong giày làm nhói đau chân mỗi khi đi.

Chú thích:

(1) Đaghe (Jacques Daguerre, 1787-1851) nhà vật lý người Pháp đã phát mình ra thấu kính và buồng tối. Có công hoàn thiện nghề chụp ảnh. Bởi thế người ta lấy tên ông để đặt cho nghề chụp ảnh (Dnguerretypie).

(2) Sir Walter Raleigb (1552-1618), nhà hàng hải và chính khách người Anh, được Nữ hoàng Isabel Đệ Nhất ủng hộ, đã chinh phục Guayasca năm 1616.

(3) Một thứ nước uống làm từ nước mía và men rượu.

Chương 4

Một buổi khiêu vũ được tổ chức để ăn mừng ngôi nhà mới trắng như một con bồ câu. Ucsula từng ấp ủ ý nghĩ ấy ngay từ buổi chiều bà thấy Rêbêca và Amaranta đã trở thành những thiếu nữ và hầu như có thể nói rằng cái lý do chủ yếu của việc xây cất nhà mới là niềm khao khát mong muốn cho các cô gái có một chỗ tiếp khách xứng đáng. Trong khi tiến hành công việc xây dựng lại ngôi nhà, Ucsula vất vả làm lụng như một tên tù khổ sai để không một trở lực nào cỏ thể dìm tắt cái mục đích rực rỡ ánh hào quang ấy. Do đó trước khi các công việc này hoàn thành, bà đã gửi mua sắm các đồ trang trí và đồ ăn thức đựng, toàn là những thứ đắt tiền. Trong số đó có một vật kỳ diệu từng khiến cho cả làng ngạc nhiên và khiến cho tuổi trẻ phải sung sướng thích thú, đó là cây đàn pianô tự động. Người ta chở từng bộ phận của nó đến. Những bộ phận này được để trong mấy chiếc thùng và chúng được moi ra khỏi thùng cùng với bàn ghế giường tủ sản xuất tại Viên, gương kính sản xuất ở xứ Bôhêmia, bát đĩa do Công ty Tây Ấn sản xuất, khăn phủ bàn của Hà Lan và hàng loạt đèn dầu và đèn nến, bình hoa, màn lụa in hoa

treo tường và thảm trải nhà. Công ty nhập khẩu đã phái một chuyên gia người Ý giàu kinh nghiệm, tên là Piêtrô Crêspi, đến nhà để lắp và chỉnh cây đàn pianô tự động, để dạy cách sử dụng cho những người mua nó và nhất là dạy họ khiêu vũ theo âm nhạc hợp mốt thời đại được in trên sáu cuộn băng.
Piêtrô Crêspi là một thanh niên trẻ, tóc hung, một người đẹp trai nhất và có học vấn nhất ở Macôndô, là một người tự trọng trong cách ăn mặc đến mức mặc cho không khí nóng hầm hập anh vẫn mặc bộ quần áo bằng lụa bó sát người và một chiếc áo khoác ngoài bằng dạ thâm dày cộp. Người xâm xấp mồ hôi, cố giữ một khoảng cách rõ ràng giữa mình với các chủ nhân, anh đã ở lỳ vài tuần liền trong phòng đóng kín cửa, với sự say mê giống hệt sự say mê của Aurêlianô trong xưởng làm đồ kim hoàn. Có một buổi sáng nọ, không hề mở cửa, không cần cầu cứu một nhân chứng thần thánh nào, anh đặt một băng nhạc lên cây đàn pianô tự động, và thế là âm nhạc trong trẻo và du dương vang lên khiến cho những tiếng búa chát chúa và những tiếng va chạm thường xuyên của các tấm gỗ bỗng ngừng bặt trong cái thanh vắng đến thảng thốt. Tất cả mọi người vội đổ xô tới phòng khách. Hôsê Accađiô Buênđya hào hứng hẳn lên không phải do vẻ đẹp hấp dẫn của âm nhạc mà là do cây đàn pianô tự động gõ lấy phím đàn và ông đã đặt chiếc máy ảnh của Menkyađêt ở trong phòng khách với hy vọng sẽ chụp được bức ảnh người chơi nhạc vô hình. Ngày hôm ấy nhạc sư người Ý ăn trưa với gia đình. Rêbêca và Amaranta giữ nhiệm vụ hầu bàn, đều có cảm tình trước cử chỉ nhẹ nhàng khoan thai của con người thanh tao ấy trong lúc đôi bàn tay da mái xanh không đeo nhẫn của anh sử dụng thìa ma trên bàn ăn. Trong phòng chờ ăn thông với phòng khách,

Piêtrô Crêspi dạy hai cô gái khiêu vũ. Đánh nhịp bằng chiếc máy đo tiết điệu, anh dạy họ đưa chân mà tay không chạm vào thân thể họ trong sự canh chừng rất đáng yêu của Ucsula, người không lúc nào bỏ đi ra ngoài phòng khách trong lúc các con gái bà học nhẩy. Trong những ngày đó, Piêtrô Crêspi mặc những chiếc quần đặc biệt, mềm mại bó sát lấy cơ thể và đi một đôi giày múa. "Bà không tội gì mà cứ phải lo lắng thế", Hôsê Accađiô Buênđya nói với vợ. "Cái anh chàng này là một gã ái nam ái nữ thôi". Song bà vẫn những thôi việc canh chừng một khi việc học khiêu vũ của các con gái chưa xong và anh chàng người Ý chưa đi khỏi Macôndô. Vậy là bà bắt tay vào công việc chuẩn bị ngày vui. Ucsula lên danh sách những người được mời tới dự tiệc, trong đó những người duy nhất được chọn mời là con cháu của các bậc sáng nghiệp làng Macôndô, trừ gia đình Pila Tecnêra mà lúc ấy đã có thêm hai đứa con hoang. Thực ra đó là một sự lựa chọn độc đáo lược quyết định bởi những tình cảm bạn bè, vì những người tượng chọn không chỉ là những người bạn chí cốt đối với nhà Hôsê Accađiô Buênđya kể từ trước khi tiến hành cuộc di cư đưa tới sự ra đời của làng Macôndô, mà còn vì những con cháu của họ vốn là bạn nối khố từ thuở ấu thơ của Aurêlianô và Accađiô. Các con gái họ vốn là những cô gái duy nhất thường đến chơi thà để cùng thêu thùa với Rêbêca và Amaranta. Đông Apôlina Môscôtê, một quan chức tốt bụng mà hoạt động của ngài đã thu hẹp ở việc giữ lại hai viên cảnh sát chỉ vũ trang bằng dùi cui và nuôi họ trong điều kiện kinh tế eo hẹp của mình, chỉ là nhà chức trách trên danh nghĩa. Để đảm bảo chi tiêu hàng ngày, các cô gái của ngài đã phải mở một hiệu may vừa nhận làm thuê những bông hoa nỉ, vừa nhận làm cả mứt ổi lẫn viết thuê những bức thư tình cho các chàng trai cô gái trong làng.

Mặc dù có đức khiêm tốn và ngoan nết, con gái ngài - những cô gái đẹp và nhảy các điệu vũ mới uyển chuyển nhất làng này - đã không tìm nổi cách nào để người ta mời mình đến dự ngày vui. Trong lúc Ucsula và các cô gái mở hộp lấy ra các đồ dùng, lánh bóng bát đĩa cốc tách và treo lên tường những bức tranh các bà quý phái đứng trên những chiếc thuyền chở đầy hoa lồng, và bằng những công việc ấy mẹ con bà đã truyền hơi thở cuộc đời mới cho các phòng nhẵn bóng do những người thợ nề cây nên thì Hôsê Accađiô Buênđya từ bỏ việc truy tìm hình ảnh thượng đế, ông buộc phải thừa nhận sự không tồn tại của người, và đã bổ cây đàn pianô tự động ra để tìm hiểu cài huyền bí của nó. Sau bao ngày lúng túng trước mớ bòng bong những sợi dây duỗi ra ở một đầu để rồi lại cuộn lại ở đầu kia và một đống những chốt và cần đàn thừa ra, Hôsê Accađiô Buênđya cũng lắp lại được cây đàn pianô tự động nhưng lắp rất tồi. Ông làm xong việc này hai ngày trước khi có cuộc vui. Chưa bao giờ ở nhà này có nhiều lo lắng với tất tả chạy vạy như những ngày ấy. Song những cây đèn mới thắp nhựa đường vẫn cứ bừng sáng vào đúng ngày và giờ qui định. Nhà mở rộng toang cửa, vẫn còn thơm mùi nhựa thông và mùi vôi ẩm. Con cháu của các bậc sáng nghiệp làng Macôndô làm quen với hành lang những chậu cảnh trồng cây dương xỉ và cây thu hải đường, những căn phòng thanh vắng, vườn hoa ngào ngạt mùi hoa hồng, rồi bọn họ họp mặt nhau trong phòng khách trước cỗ máy chưa từng biết đã được phủ một tấm vải trắng. Những ai từng biết đàn pianô thường dùng, rất phổ biến ở các làng quanh vùng đầm lầy đều cảm thấy chút ít thắc thỏm. Nhưng cay cú hơn cả vẫn là nỗi thất vọng của Ucsula khi người ta đặt một băng nhạc lên cây đàn pianô tự động để Rêbêca và Amaranta mở đầu

buổi khiêu vũ, nhưng máy móc đã không hề chuyển động. Menkyađêt, mà lúc này hầu như đã lòa mắt, cố nhớ lại các ngón nghề trong kho trí thức bác cổ của mình để vận dụng vào việc sửa chữa cây đàn pianô tự động. Cuối cùng, hoàn toàn ngẫu nhiên thôi, Hôsê Accađiô Buênđya đã khiến cho một bộ máy chết bỗng quay được và do đó âm nhạc phát ra lúc đầu nghe rầu rĩ sau nghe tuôn chảy như dòng suối âm thanh gồm những nốt nhạc khó hiểu. Các cần đàn gõ loạn xạ. Chúng cứ đập hoài vào các dây cây đàn được bố trí bừa bãi, không theo một trật tự nào và do đó những dây đàn này rung lên run rẩy đầy vẻ sợ hãi.
Nhưng những cháu con ương bướng của hai mươi mốt người bạo phổi từng đi xuyên rừng theo hướng tây để tìm biển, đã biết vượt qua những chỗ khó nhẩy do sự thay đổi của âm nhạc gây nên, và do đó buổi khiêu vũ đã kéo dài cho đến sáng.
Piêtrô Crêspi đã trở lại để sửa chữa cây đàn pianô tự động. Rêbêca và Amaranta giúp anh sắp đặt thứ tự các dây đàn và họ cùng phụ hoạ cười với anh vào những chỗ khó nhẩy của các điệu van. Anh tỏ thái độ rất đáng kính trọng và có tư chất cao thượng đến mức khiến cho Ucsula không thấy cần thiết phải canh chừng các buổi học khiêu vũ của các con gái mình. Đêm trước ngày anh lên đường, một buổi khiêu vũ với cây đàn pianô tự động đã sửa sang tất được tổ chức gấp để tiễn anh. Anh đã cùng với Rêbêca biểu diễn tuyệt hay các điệu vũ hiện đại.
Accađiô và Amaranta cũng không kém họ trong những động tác duyên dáng và hoạt bát. Nhưng buổi biểu diễn buộc phải ngừng lại bởi vì Pila Tecnêra, mà lúc ấy đang ở ngoài cửa cùng với những kẻ tò mò, đã ẩu đả với một người đàn bà dám bình luận rằng Accađiô

có bộ mông đàn bà. Đến nửa đêm, Piêtrô Crêspi đã chia tay gia đình bằng một bài phát biểu chan chứa tình cảm lưu luyến và hứa không lâu sẽ trở lại. Rêbêca đưa tiễn anh đến tận cửa chính, và sau khi đã đóng kín các cửa và đã tắt đèn nhà thì cô vào phòng mình để khóc. Đó là một tiếng khóc não nề kéo dài vài ngày mà về nguyên nhân của nó thì không ai biết kể cả Amaranta. Cô vốn là người khó hiểu và điều đó không có gì là lạ. Dù có cái vẻ bề ngoài dường như cởi mở và lễ mạo, nhưng thực ra cô vốn là người cô đơn và có trái tim thầm kín khôn lường. Cô là một cô gái đang tuổi dậy thì lộng lẫy, dáng người son sẻ và lại thích ngồi trên chiếc ghế xích đu gỗ cô đã mang theo đến nhà, từng được sửa chữa nhiều lần và đã thiếu tay ngai. Không một ai phát hiện ra rằng vào tuổi ấy cô vẫn giữ thói mút ngón tay. Bởi thế cô không bao giờ bỏ lỡ dịp ở một mình trong buồng tắm và duy trì thói quen ngủ quay mặt vào tường. Trong những buổi chiều mưa, đang lúc ngồi thêu với một nhóm bạn gái ở hành lang đặt những chậu cây thu hải đường, bỗng dưng cô không chú tâm theo dõi mạch chuyện đang sôi nổi, để một giọt nước mắt nhớ nhung lăn trên gò má làm mặn cuống lưỡi mình khi nhìn thấy những vỉa đất ướt và những viên sét mà giun đùn lên từng đống nhỏ trong vườn hoa. Khi cô bắt đầu khóc thì những thích thú vụng trộm ấy, từng bị nước cam hoà với bột đại hoàng dành bại trong những năm trước đây lại trỗi dậy trong nỗi khao khát không thể kiềm chế được. Cô lại ăn đất như trước đây. Lúc đầu cô ăn hầu như chỉ vì tính tò mò bởi tin rằng mùi khó chịu của đất sẽ là phương thuốc hữu hiệu để cưỡng lại ý muốn của mình. Và quả nhiên là cô không thể chịu được đất ở trong mồm. Nhưng do cơn thèm khát đang ngày một lớn thêm khuất phục, cô đã cố gắng chịu đựng. Đó là cơn thèm khát trước đây, là sở thích

ăn quặng mỏ, là niềm vui háo hức được ăn món ăn nguyên thuỷ. Cô nhét các mẩu đất vào túi rồi lén ăn từng mẩu một mà không bị ai nhìn thấy. Cô ăn chúng mà tự cảm thấy vừa sung sướng mãn nguyện vừa giận hờn ai oán trong lúc dạy các bạn gái học những mũi thêu hóc hiểm nhất và nới chuyện về những người đàn ông không xứng đáng với sự hy sinh mà vì họ cô phải ăn vôi tường. Những mẩu đất này ngày một ít xa xưa hơn và ngày một rõ nét hơn đối với người đàn ông duy nhất xứng đáng với sự tự huỷ hoại ấy, cứ như thể mặt đất mà anh ta với đôi ủng vécni thanh nhã của mình giẫm lên ở một nơi khác nơi trần gian này sẽ truyền cho cô gái sức nặng và độ ấm nóng của máu anh ta trong mùi vị của quặng mỏ từng để lại một cảm giác chua chát ở miệng cô và một lớp cặn của sự bình yên đọng lại mãi mãi ở trái tim cô.

Một chiều nọ, không một duyên cớ gì, bỗng nhiên Amparô Môscôtê xin được đến thăm nhà. Amaranta và Rêbêca bối rối trước chuyến đến chơi nhà không hẹn trước, đã phải miễn cưỡng đón tiếp. Họ dẫn cô đi xem ngôi nhà mới làm lại, cho cô nghe những băng nhạc phát ra từ cây đàn pianô tự động, mời cô ăn cam với bánh bích quy. Amparô tự thể hiện là cô gái danh giá vui vẻ và nền nếp khiến cho Ucsula cảm động trong những giây lát bà cùng ngồi tiếp khách. Sau hai giờ, khi buổi nói chuyện đã bắt đầu tàn, Amparô lợi dụng lúc Amaranta lơ đễnh đã đưa cho Rêbêca một bức thư. Cô gái chỉ kịp nhìn dòng chữ: gửi cô Rêbêca Buênđya trác việt được viết với một lối chữ ngay ngắn, một thứ mực xanh và lối để cách chữ vừa thoáng vừa đẹp mắt mà chúng vẫn được dùng để viết những lời chỉ dẫn cách thức sử dụng cây đàn pianô tự động, rồi bèn lấy ngón tay cẩn thận gấp và viết bức thư rồi cất vào trong yếm ngực. Cô đưa mắt

nhìn Amparô Môscôtê hàm ý vừa cảm ơn khôn xiết, vừa thầm hứa thực hiện điều ước nguyện cho tới khi chết.
Tình bạn bỗng nhiên có giữa Amparô và Rêbêca đã thức dậy những hy vọng của Aurêlianô. Nỗi nhớ nhung cô bé Rêmêđiôt không ngừng giày vò nhưng anh không có dịp gặp lại cô bé. Khi cùng với những người bạn cố tri của mình như Măcgơmphicô Visban và Hêrinêndô Mackêt - những đứa con của những bậc sáng nghiệp cùng tên như vậy - đi dạo chơi quanh làng, bằng đôi mắt háo hức anh dò tìm cô bé ở trong hiệu may nhưng anh chỉ thấy các bà chị cô. Việc Amparô Môscôtê có mặt ở nhà mình giống như một điềm báo. "Em sẽ đến cùng với chị", Aurêlianô tự nhủ thầm. "Cô em sẽ đến". Anh nhắc đi nhắc lại nhiều lần với tất cả niềm tin. Do đó một buổi chiều nọ khi đang làm con cá vàng trong xưởng kim hoàn, anh có niềm tin chắc chắn rằng cô bé đã đáp lại tiếng gọi của trái tim mình. Quả nhiên, sau đó ít lâu, anh nghe thấy tiếng nói trong trẻo ngây thơ và vào lúc ngẩng mặt lên với trái tim giật thốt anh nhìn thấy cô bé mặc bộ váy áo bằng sa mỏng màu hồng, đi ủng trắng đứng ngay trước cửa.
- Rêmêđiôt ơi, em đừng vào đấy nhé! - Amparô Môscôtê đứng ở hành lang gọi. - Người ta đang làm việc mà!
Nhưng Aurêlianô đã không để cho cô bé kịp nghe lời chị mình: Anh chìa con cá vàng miệng ngậm một cái vòng nhỏ rồi nói với cô bé:
- Vào đây! Vào đây!
Cô bé bước lại gần và hỏi anh một vài câu hỏi mà Aurêlianô không thể trả lời nổi, bởi vì cơn hen bất thình lình đến đã ngăn cản anh. Anh muốn mãi mãi ở bên cô bé, gần kề với nước da trắng ngà, gần kề với đôi mắt xanh màu ngọc bích, gần kề với tiếng nói mà mỗi câu hỏi cô bé cứ gọi anh là "ngài" với tất cả lòng kính trọng cô vẫn dành

cho cha. Menkyađêt ngồi ở xó phòng bên cạnh bàn viết, đang ghi lại những ký hiệu không thể nào đọc được. Aurêlianô căm tức cụ. Anh không làm gì được ngoại trừ việc anh bảo Rêmêđiôt là sẽ tặng cô một con cá vàng và cô bé hoảng hốt trước tặng vật đã vội vàng ù té chạy ra khỏi xưởng kim hoàn. Chiều ấy, Aurêlianô mất bình tĩnh, cái bình tĩnh thâm trầm anh vẫn thường có để chờ đón dịp được thìn cô bé. Anh sao lãng công việc. Trong những cố gắng tuyệt vọng để tập trung tư tưởng, đã nhiều lẫn anh gọi tên cô bé nhưng Rêmêđiôt đã không đáp lời. Anh tìm cô bé ở hiệu may của các chị cô, trong các buổi đến chơi nhà cô, trong văn phòng cha cô, nhưng anh chỉ thấy cô trong hình ảnh thấm đậm nỗi cô đơn khủng khiếp của chính mình. Hàng giờ và hàng giờ cùng với Rêbêca anh ngồi trong phòng khách để nghe nhạc van phát ra từ cây đàn pianô tự động. Rêbêca nghe những bản nhạc van là vì Piêtrô Crêspi đã dạy cô nhảy với thứ nhạc đó. Còn Aurêlianô nghe những bản nhạc van là vì, chỉ đơn giản thôi, chính thứ âm nhạc ấy gợi anh nhớ Rêmêđiôt.
Ngôi nhà đầy ứ tình yêu, Aurêlianô biểu hiện tình yêu của mình trong thơ, những vần thơ không đầu không cuối. Anh viết chúng trên những tấm da thuộc do cụ Menkyađêt tặng, trên tường nhà tắm, trên làn da hai cánh tay mình, và trong những vần thơ đó biểu hiện một Rêmêđiôt méo mó: Rêmêđiôt trong cơn gió vật vờ lúc hai giờ chiều, Rêmêđiôt trong hơi thở trầm mặc của những bông hồng, Rêmêđiôt trong hơi bánh nghi ngút khói mới ra lò lúc ban mai, Rêmêđiôt ở khắp mọi nơi và Rêmêđiôt mãi mãi và mãi mãi. Đứng thêu bên cửa sổ, Rêbêca ngnng mong tình yêu đến vào lúc bốn giờ chiều. Cô biết răng con lừa của người đưa thư chỉ đến làng này nửa tháng một lần, nhưng lúc nào cô cũng mong ngóng mà lòng nhủ rằng do nhầm lẫn

nó có thể đến bất cứ ngày nào. Nhưng đã xảy ra một việc trái lại hoàn toàn: có một lần con lừa không đến đúng cái ngày quy định. Thế là cô gái phát điên vì thất vọng. Đang lúc nửa đêm, cô thức dậy ăn những vốc đất bốc ở ngoài vườn hoa. Trong nỗi khao khát muốn tự tử, cô khóc lóc thảm thiết vừa đau khổ vừa giận hờn, mà nhai những con giun mềm mại, mà nghiến sụn những chú ốc sên. Cô nôn mửa cho tới sáng Cô lả đi vì kiệt sức. Cô mất trí khôn và trái tim cô bồi hồi đập không còn biết xấu hổ. Ucsula hoảng hốt mở khoá rương và bắt gặp ở dưới đáy mười sáu lá thư thơm lựng được buộc cẩn thận bằng những dải nơ hồng, cùng với những bộ xương lá và đài hoa ướp khô giấu trong các cuốn sách cổ và xác khô những con bướm, mà nếu khẽ chạm phải chúng sẽ biến ngay thành bụi. Aurêlianô là người duy nhất hiểu được nỗi thống khổ vô bờ. Buổi chiều ấy, trong lúc Ucsula cố gắng điều trị cho Rêbêca khỏi cơn mê mẩn thì anh cùng với Măcgơniphicô Visban và Hêrinêndô Mackêt đến tiệm ăn của bác Catarinô. Tiệm ăn đã được mở rộng với một dãy phòng gỗ, phòng của những người đàn bà son phấn sống độc thân. Một ban nhạc gồm trống và đàn phong cầm chơi các bài hát của cụ Phranxixcô - Con Người đã biến mất tăm khỏi làng Macôndô từ mấy năm nay. Ba người bạn uống rượu goarapô. Măcgơniphicô và Mackêt là những người cùng thời với Aurêlianô, nhưng lại thạo đời hơn anh về ngón ăn chơi. Cả hai đều xả láng uống rượu với các cô gái ngồi trên đùi mình. Một trong số những cô ấy, cái cô héo hon và cắm răng vàng ấy đã chủ động chài Aurêlianô. Nhưng anh không thích cô này. Anh nhận thấy rằng mình càng uống rượu càng nhớ Rêmêđiôt da diết, nhưng nỗi nhớ nhung dằn vặt lại dễ chịu hơn. Anh không biết từ lúc nào người mình lâng lâng bay bổng.

Anh nhìn thấy các bạn mình cùng những người đàn bà trôi nổi bồng bềnh đang bơi trong ánh sáng phản chiếu rực rỡ, mà nói những lời dường như không phát ra từ miệng họ, mà làm những cử động thần bí dường như không ăn nhập với cử chỉ.
Bác Catarinô đặt tay lên ngang lưng anh, bảo: "Sắp mười một giờ rồi". Aurêlianô quay mặt lại, nhìn thấy một gượng mặt to bự, méo mó trên tai gài một bông hoa nỉ, và thế là anh mất luôn trí nhớ như trước đây anh từng mắc bệnh đãng trí, rồi sau đó anh lại nhớ được rằng: vào một buổi sáng sớm xa vời và ở trong một căn buồng hoàn toàn khác lạ đối với anh là nơi đang có mặt Pila Tecnêra mặc đồ lót, chân không đi tất, đầu tóc bù xù, cầm cây đèn dầu soi tỏ mặt anh và thị sửng sốt nửa tin nửa ngờ:
- Ôi trời, Aurêlianô dấy à!
Aurêlianô đứng vững trên hai chân, ngẩng đầu lên. Anh quên mất không biết làm thế nào mà mình đi đến đây nhưng vẫn nhận rõ mình đến với mục đích gì rồi, bởi vì từ thuở còn thơ anh đã mang theo mình cái mục đích ấy và giấu kỹ nó trong cõi sâu kín nhất của trái tim mình.
- Tôi đến để ngủ với chị đây!
Anh mặc bộ quần áo vấy bẩn bùn đất và thức ăn nôn ra. Pila Tecnêra, mà lúc ấy sống một mình với hai đứa con nhỏ nhất của thị, không hỏi anh một lời. Thị đưa anh tới giường nằm. Lấy giẻ lau ướt, thị chùi mặt cho anh, cởi quần áo cho anh, rồi sau đó thị tự mình lõa lỗ, buông màn để đám trẻ nhỏ nhỡ ra thức dậy khỏi nhìn thấy. Thị mệt mỏi đợi một người đàn ông ở lại, rồi trông chờ những người đàn ông đã bỏ đi, rồi mong tất cả đều nhầm lẫn do sự không chính xác của những quân bài. Trong lúc chờ đợi, da thị nhăn nheo, ngực thị

mềm nhẽo, và trái tim thị không còn bốc lửa tình nồng say như xưa nữa. Thị mò tìm Aurêlianô trong bóng tói rồi hôn lên cổ anh với tình cảm âu yếm của người mẹ: "Ôi chú nhóc đáng thương của ta". Aurêlianô bủn rủn rùng mình với ngón chơi thong thả, không gây tiếng động, anh để lại phía sau mình những bến bờ của nỗi đau và anh gặp Rêmêđiôt đã biến thành một hồ nước rộng mênh mông không thấy đường chân trời, sực nức mùi con vật non và mùi quần áo vừa mới là. Khi thấy mình bâng khuâng trôi nổi trên hồ nước ấy anh khóc lóc. Lúc đầu là những tiết nấc ấm ức, tức tưởi. Rồi sau anh lúng túng bơi trong một nguồn nước không bờ mà cảm thấy cái gì đó vừa đau nhoi nhói vừa tức anh ách vỡ tung trong bụng mình. Bằng cách lấy ngón tay quất đầu anh, thị đợi chờ cho tới khi cơ thể anh thải ra một chất xam xám khiến cho anh mệt lử. Lúc đó Pila Tecnêra hỏi anh: "Ai thế vậy?". Aurêlianô nói cho thị biết tên người ấy. Thị bật một tiếng cười, cái tiếng cười từng làm giật thót những chú chim bồ câu mà lúc này vân không hề làm đám trẻ thức giấc. "Thế thì anh phải nuối con bé mất". Thị giễu cợt anh. Nhưng trong sự giễu cợt ấy, Aurêlianô bắt gặp nơi yên tĩnh của dòng thông cảm. Khi ra khỏi phòng, anh đã lưu lại ó đó không chỉ sự không rõ ràng về sức cường tráng của mình mà còn cả sức nặng cay đắng từng bóp nghẹt trái tim mình nhiều tháng ròng rã. Pila Tecnêra bỗng hứa với anh:

- Ta hứa là sẽ đến nói chuyện với con bé, - thị nói, - và anh sẽ thấy là ta đưa nó đến cho anh chẳng khó khăn gì.

Thị đã thực hiện lời hứa trong một thời điểm bất lợi vì ngôi nhà của Buênđya đã mất đi không khí êm đềm của những ngày trước đây. Khi phát hiện ra nỗi đam mê của Rêbêca, vốn không thể giữ kín

được vì cô bé cứ gào thét hoài, Amaranta cũng phát sốt. Cô gái cũng cảm thấy cái gai nhức nhối của tình yêu cô đơn. Tự giam mình trong nhà tắm, cô gái làm dịu nhẹ đi cơn giông tố của một nỗi đam mê không hy vọng để viết những lá thư nóng bỏng mà cô tự bằng lòng giấu kín dưới đáy rương. Ucsula hầu như không đủ sức để chàm sóc hai cô con gái ôm. Trong những lúc vấn an dài dòng và tế nhị, bà vẫn không hiểu được nguyên nhân nào đã dẫn Amaranta đến tình trạng suy nhược. Cuối cùng, trong một thoáng bừng sáng trí thông minh, bà phá khóa rương và bắt gặp những bức thư được sợi nơ hồng buộc chặt, căng phồng những bông huệ tươi, vẫn còn nhòe nước mắt, để gửi nhưng sẽ không bao giờ gửi cho Piêtrô Crêspi. Uất ức mà khóc, bà nguyền rủa cái giờ mình nẩy ra ý định mua cây đàn pianô tự động, cấm ngặt các buổi học thêu và tuyên bố để tang, một thứ tang không có người chết trong một thời kỳ dài cho đến khi các con gái bà vỡ mộng. Hôsê Accađiô Buênđya, mà lúc này đã đính chính dược cảm nhận đầu tiên của ông về Piêtrô Crêspi và thán phục nghệ thuật khéo léo sử dụng các máy âm nhạc của anh, đã can thiệp vào câu chuyện, nhưng mọi cố gắng của ông đều trở nên vô ích. Vậy là khi Pila Tecnêra báo cho Aurêlianô biết rằng Rêmêđiôt đã sẵn sàng lấy chồng thì anh hiểu rằng cái tin này sẽ kết thức mọi day dứt cho cha mẹ mình. Nhưng chính tin ấy lại đặt anh đối mặt với hoàn cảnh thực tế. Được mời lên phòng khám tham dự một buổi tọa đàm thường lệ Hôsê Accađiô Buênđya và Ucsula bình tĩnh nghe những lời bày tỏ của con trai. Khi biết tên người yêu của con trai, Hôsê Accađiô Buênđya đỏ bừng mặt vì hổ thẹn. "ái tình là một thứ dịch hạch", ông nổi cáu giáng đòn sấm sét. "Có biết bao cô gái xinh đẹp và danh giá

cho mày, thế mà mày lại đi lấy con gái kẻ thù của tao". Song Ucsula lại tán thành sự lựa chọn của con trai. Bà bày tỏ cảm tình yêu quí của mình đối với bảy chị em nhà Môscôtê, tất cả đều xinh đẹp và chịu thương chịu khó, đều nền nếp và được giáo dục tốt. Và bà chúc mừng sự sáng suốt của con trai mình trong việc lựa chọn người bạn trăm năm. Bị nhiệt tình của vợ thuyết phục, Hôsê Accađiô Buênđya đặt một diều kiện: Rêbêca, vốn là người thích hợp, sẽ lấy Piêtrô Crêspi.

Trong một chuyến du lịch khi có thời gian, Ucsula sẽ mang Amaranta ra tỉnh để cho việc giao du với một công chúng khác hẳn sẽ làm cho cô khuây khoả dần dần, rồi cô sẽ tỉnh mộng. Rêbêca bình phục rất nhanh chóng khi được biết ý kiến thống nhất của gia đình và lập tức viết một bức thư vui báo tin cho người yêu biết quyết định chính thức của bố mẹ mình, rồi cô bỏ vào thùng thư mà không cần tới người trung gian nữa. Amaranta giả vờ tuân theo quyết định của cha mẹ và dần dần cũng khỏi sốt nhưng lòng vẫn nhủ rằng Rêbêca muốn lấy được Piêtrô Crêspi thì phải bước qua xác chết của mình. Ngày thứ bảy sau đó, Hôsê Accađiô Buênđya mặc bộ dạ sẫm màu, áo sơ mi cổ cồn, đi đôi ủng da sơn dương từng được trưng diện trong đêm ăn mừng nhà mới đến hỏi Rêmêđiôt Môscôtê cho con trai mình. Quan thanh tra và phu nhân ngài vừa mừng vừa lo đón tiếp ông, bởi vì họ chưa biết ngụ ý của chuyến đến thăm đường đột này, rồi sau đó họ lại nghĩ rằng ông nhầm lẫn tên người con gái được lựa chọn. Để tránh hiểu lầm, bà mẹ đánh thức Rêmêđiôt và bế cô trên tay ra phòng khách. Cô bé vẫn còn đang ngái ngủ. Người ta hỏi cô bé rằng nếu quả thật là cô đã muốn lấy chồng và cô bé vừa khóc vừa trả lời rằng cô chỉ

muốn được mọi người để yên cho mình ngủ. Hôsê Accađiô Buênđya do đã hiểu được sự lúng túng của vợ chồng Môscôtê bèn về nhà nói rõ mọi chuyện cho Aurêlianô nghe. Khi ông trở lại nhà Quan thanh tra, vợ chồng Môscôtê đã ăn mặc theo đúng lễ tân, sắp xếp lại bàn ghế và thay hoa mới vào bình. Mệt mỏi bởi phải làm chuyện miễn cưỡng và bởi cái cổ cồn cài cúc chặt cứ riết lấy cổ đến khó chịu, Hôsê Accađiô Buênđya đã khẳng định rằng quả thật Rêmêđiôt là người được Aurêlianô chọn làm vợ.

"Chẳng ra làm sao cả", đông Apôlina Môscôtê buồn rầu nói. "Chúng tôi còn có sáu cô con gái nữa, tất cả đều chưa có nơi có chốn và đang ở tuổi lấy chồng, và đều lấy làm vui thích nếu được làm vợ chính chuyên của các chàng trẻ tuổi đứng đắn và chăm làm như cậu ấy bên nhà, nhưng tiếc thay Aurêlianô lại duy nhất ưng con bé hãy còn đái dầm".

Phu nhân ngài, một người phụ nữ vẫn giữ được vẻ son sẻ duyên dáng, có đôi mắt và điệu bộ hơi ủ rũ đã phản đối những lời nói hồ đồ của ngài. Khi mọi người uống xong nước hoa quả, vợ chồng Môscôtê đã vui vẻ nhận lời cầu hôn của Aurêlianô. Chỉ có điều bà Môscôtê yêu cầu được nói chuyện riêng với bà Ucsula. Phần vì tò mò, phần vì tự than phiền rằng mình đã bị người ta làm rắc rối trong các vấn đề đàn ông, nhưng thực ra bà rất lo sợ và cảm động, Ucsula đã đến thăm phu nhân Môscôtê vào ngày hôm sau. Nửa giờ sau, bà trở về báo tin rằng Rêmêđiôt chưa đến tuổi thành niên. Aurêlianô không coi đó là một trở ngại lớn. Anh đã đợi lâu rồi nên có thể đợi bao lâu nữa cũng được, cho tới khi cô gái đến tuổi dậy thì. Ngôi nhà lấy lại không khí yên vui đầm ấm và nó chỉ bị đảo lộn khi Menkyađêt qua đời. Mặc dù cái chết của cụ đã là một sự kiện hiển

nhiên, song thời điểm xảy ra thì không ai đoán trước được. Sau khi trở lại được mấy tháng, trong cơ thể cụ diễn ra quá trình già lão rất nhanh và rất mạnh, đến mức lập tức cụ bị coi như những cụ cố già lụ khụ, đi lại vất vưởng như những chiếc bóng ở trong phòng, nặng nề kéo lê đôi chân, mồm lảm nhảm nói to những ký ức thuở oanh liệt của đời mình và trên thực tế các cụ già là những người không được mọi người quan tâm chăm sóc và nhớ đến cho tới một ngày kia, sáng ra các cụ đã chết còng queo trên giường nằm. Lúc đầu Hôsê Accađiô Buênđya giúp đỡ cụ, thích thú cái tân kỳ của nghề ảnh, và những lời tiên tri của Nostrađam. Nhưng rồi dần dần ông bỏ mặc cụ trong thế giới cô đơn của riêng cụ, bởi vì sự giao tiếp giữa hai người ngày một khó khăn hơn. Cụ cứ ngày một loà và điếc hơn, dường như cụ nhầm lẫn những người hỏi chuyện mình với những người cụ quen trong các thời xa xưa của loài người và cụ trả lời những câu hỏi của họ bằng những câu nói rườm rà lẫn lộn các thứ tiếng với nhau. Như thể được linh cảm trực tiếp hướng dẫn, cụ sờ soạng không khí mà đi. Dù rằng phải len lỏi giữa các đồ vật vẫn không hề làm chúng rơi đổ. Một ngày nọ cụ quên lắp hàm răng giả, vẫn được ngâm trong ca nước để ở ngăn cạnh đầu giường. và cụ không dùng đến nó nữa. Khi Ucsula quyết định mở rộng ngôi nhà ở, bà đã làm cho cụ một căn buồng riêng ngay bên cạnh xưởng kim hoàn của Aurêlianô.

Căn buồng này cách xa những tiếng ồn ào và công việc bếp núc, có một cửa sổ ánh sáng chan hoà rọi vào phòng và một giá sách gồm các cuốn sách hầu như đã rách nát bởi bụi bặm và gián nhấm, những mẩu giấy vụn chi chít ghi những con chữ không thể đọc được và ca nước đựng hàm răng giả đã có những cây bèo trổ hoa vàng

nhỏ li ti, tất cả đều do Ucsula tự tay sắp đặt. Căn phòng mới dường như khiến cụ Menkyađêt hài lòng vì không bao giờ thấy cụ ra khỏi phòng mình, ngay cả những lúc ăn cơm cũng không thấy cụ có mặt trong phòng ăn. Cụ chỉ đi sang xưởng kim hoàn của Aurêlianô và cụ vẫn ở lại đây hàng giờ, và hàng giờ để viết thứ văn chương khó hiểu trên những tấm da thuộc. Hình như những tấm da này cứ rạn nứt ra bởi chúng được làm từ chất liệu khô khốc như bột làm bánh phồng. Tại đó, cụ xơi cơm do Visitaxiôn mang đến một ngày hai lần, mặc dù tròng những ngày cuối đời cụ không thích ăn và chỉ ăn rau thôi. Ít lâu sau, cụ mang vẻ cô đơn buồn tủi của những người ăn chay. Một lớp rêu non giống hệt lớp rêu rậm rì phong trên chiếc áo khoác ngoài tứ thời không bao giờ chịu cởi ra, đã phủ lên lớp da cụ, và hơi thở của cụ nồng nặc mùi rắm của con vật đang ngủ. Aurêlianô cũng quên cụ, vì anh mê mải viết những vần thơ của mình. Nhưng cũng có những lúc anh tưởng mình hiểu được đôi điều cụ nói trong lúc cụ độc thoại bâng quơ và anh đã chú tâm nghe. Thực ra, điều duy nhất anh có thể phân biệt được trong ngôn từ khó hiểu của cụ là sự lắp đi lắp lại không cùng của từ Ekinôxiô(1) và tên Alêchxanđơ Vôn Humbon(2). Accađiô gần gũi cụ hơn khi cậu bé giúp việc cho Aurêlianô ở trong xưởng kim hoàn. Menkyađêt đã đáp ứng lại sự cố gắng giao tiếp ấy bằng cách đôi lúc xổ ra hàng tràng tiếng Tây Ban Nha rất ít liên quan đến thực tế cuộc sống. Tuy nhiên, cũng có một buổi chiều nọ, cụ bỗng bừng vui lên một lúc. Những năm sau này, đứng trước những họng súng của đội hành hình, Accađiô nhớ lại nỗi kinh hoàng của mình khi nghe cụ Menkyađêt đọc vài trang bản thảo. Dĩ nhiên cậu không hiểu ý nghĩa của chúng, nhưng khi nghe cụ đọc to thành lời cậu có cảm tưởng chúng giống như lời ngâm chỉ dụ của

Giáo hoàng. Sau đó lần đầu tiên trong nhiều năm, cụ mỉm cười và nói bằng tiếng Tây Ban Nha: "Khi ta chết, hãy thiêu ta trên ngọn lửa thuỷ ngân ba ngày ở ngay trong phòng này". Accađiô kể lại cho Hôsê Accađiô Buênđya nghe điều ấy, và thế là ông cố gắng tìm mọi cách để có thể được Menkyađêt giảng giải rõ ràng hơn, nhưng ông chỉ nhận được một câu trả lời gọn lỏn: "Ta đã đạt tới trình độ bất diệt". Khi hơi thở của Menkyađêt đã nặng mùi, Accađiô đưa cụ ra sông tắm vào buổi sáng ngày thứ năm hàng tuần. Dường như cụ khoẻ lại. Cụ cởi quần áo và cụ lội xuống sông tắm cùng với lũ trẻ, và linh giác thần bí có khả năng dắt dẫn cụ đã giúp cụ tránh được những quãng sông nguy hiểm nhiều đá tảng. "Chúng mình thảy đều sinh ra từ nước", có lần cụ nói vậy. Cụ sống như thế khá lâu mặc dù không ai nhìn thấy cụ ở trong nhà trừ cái độ cụ cố gắng hết sức để sửa lại cây đàn pianô tự động. Khi cùng Accađiô đi ra sông tắm, cụ mang theo gáo múc nước làm bằng vỏ quả bí, và một cục xà phòng gói trong khăn tắm kẹp dưới nách. Có một ngày thứ năm, trước khi người ta gọi cụ đi ra sông, Aurêlianô nghe thấy cụ nói: "Ta đã chết vì sốt rét ở những cồn cát xứ Xinhgapo". Ngày hôm ấy, cụ lội xuống sông theo một lối đi nguy hiểm và người ta không tìm thấy cụ cho đến sáng hôm sau là lúc thi hài cụ giạt vào một cù lao rực rỡ ánh nắng nằm ở phía hạ lưu khoảng vài kilômét, có một con diều hâu lẻ đàn đậu ngay trên bụng cụ. Cưỡng lại những lời phản đối om xòm của Ucsula, người khóc cụ còn thảm thiết hơn cả khóc chính cha mình, Hôsê Accađiô Buênđya chống lại việc dân làng định mai táng cụ ngay. "Cụ là đấng bất diệt, - ông nói - và chính cụ đã làm sáng tỏ cái cách thức hồi sinh". Ông làm sống lại ống dẫn nước bị lãng quên, và đun sôi một chảo thuỷ ngân ở bên cạnh tử thi ngày một dày đặc những mụn

phỏng xanh lè nước. Đông Apôlina Môscôtê bạo dạn nhắc ông rằng người chết trôi không chôn ngay sẽ nguy hại cho sức khoẻ chung của dân làng. "Không phải thế, vì cụ vẫn sống mà". Đó là câu trả lời của Hôsê Accađiô Buênđya, người đã thực hiện đầy đủ sáu mươi hai giờ đốt lửa thuỷ ngân bên tử thi và khi những mụn phỏng xanh lè nước của cái tủ thi ấy bắt đầu bung ra như ngô nở với tiếng nổ lép bép đã làm cho căn nhà nồng nặc mùi khó chịu. Chỉ đến lúc ấy ông mới cho phép người ta chôn cụ, nhưng không phải dưới bất kỳ hình thức nào, mà phải với những lễ nghi trọng thể đối với vị ân nhân vĩ đại nhất của làng Macôndô. Đó là đám tang đầu tiên và xúc động hơn cả mà người ta thấy trong làng này, và nó chỉ bị đám tang của Bà Mẹ vĩ đại sau gần một thế kỷ lấn át thôi. Người ta chôn cất cụ trong một nấm mồ nổi lên ở chính giữa bãi đất mà làng đã dành làm nghĩa địa, với một bia mộ khác nổi điều duy nhất người ta đã được biết về cụ: MENKYAĐÊT. Người ta cử hành chín đêm tang lễ cho cụ. Trong đám đông tụ tập ở ngoài sân để uống cà phê, tán gẫu và đánh bài, Amaranta đã tìm được dịp để tự thổ lộ tình yêu với Piêtrô Crêspi, người cách đây mấy tuần đã chính thức xin cầu hôn với Rêbêca và đã dựng cửa hàng nhạc cụ và đồ chơi bằng dây da ở ngay địa điểm trước đây những người Arập đến ở để đổi các thứ hàng vặt vãnh lấy những chú vẹt đuôi dài, và dân làng vẫn quen gọi nó là đường Thổ Nhĩ Kỳ. Anh chàng người Ý, với mái tóc xoăn vàng óng trên đầu từng khiến cho các bà phụ nữ phải thở dài thèm muốn, không cần phải nghĩ ngợi nhiều đã đối xử với Amaranta như với một cô bé nghịch ngợm.

- Tôi còn có một người em trai nữa, - anh bảo cô gái, - cậu ấy sẽ đến để giúp tôi trông nom cửa hàng mà.

Amaranta cảm thấy tủi thân, và cô nổi cơn giận dữ nói với Piêtrô Crêspi rằng cô đã quyết chí ngăn cản đám cưới của chị mình, cho dù người ta phải lôi xác chết của mình ra khỏi nhà.
Anh chàng người Ý cảm động trước sự đe doạ bi thương đó đến mức không dám nói lại với Rêbêca. Chuyến du chơi của Amaranta, lúc nào cũng bị Ucsula thúc giục, đã được chuẩn bị trong vòng một tuần. Amaranta không cưỡng lại, nhưng khi hôn tạm biệt Rêbêca, cô đã rỉ tai chị mình:
- Đừng vội mừng nhé. Dù cho người ta mang em đến tận gầm trời cuối đất em sẽ tìm được cách để ngăn cản chị lấy chồng, như vậy thì em phải giết chị thôi.
Ngôi nhà dường như to ra và trống trải hơn khi không có Ucsula ở nhà và khi cụ Menkyađêt đã qua đời nhưng hình như hình bóng cụ vẫn thấp thoáng đi lại trong các phòng. Rêbêca trông nom công việc nội trợ, còn cô gái Anhđiêng trông nom cửa hiệu kẹo bánh. Vào lúc chập tối, khi Piêtrô Crêspi, mặc quần áo dịu thơm mùi oải hương đến, luôn luôn mang theo một thứ đồ chơi làm tặng vật, thì cô người yêu tiếp anh ngay trong phòng khách mở toang các cửa để tránh mọi ngờ vực. Đó là một sự cẩn thận không cần thiết bởi vì chàng thanh niên người Ý đã từng thể hiện mình là con người cao thượng đến mức không dám cầm tay người con gái sẽ là vợ mình trước khi cưới một năm. Những buổi đến chơi đó khiến cho ngôi nhà ngày một chật ních các đồ chơi. Những vũ nữ khiêu vũ nhờ lên dây cót, những hộp nhạc, những con khỉ làm xiếc trên dây, những con chiến mã đang tung vó phi, những thằng hề đánh trống, đó là cả một bộ sưu tập đồ chơi bán cơ khí phong phú và kỳ diệu và nó đã an ủi được Hôsê Accađiô Buênđya đang âu sầu đau đớn trước cái chết của

Menkyađêt và chúng lại đưa ông trở về với thời kỳ ông háo hức trước thuật giả kim. Vậy là ông sống trong một thế giới những con vật bị mổ bụng, những cỗ máy bị bổ ra để nghiên cứu nhằm hoàn thiện hệ thống chuyển động liên tục dựa trên những nguyên tắc của quả lắc đồng hồ.

Về phần mình, Aurêlianô đã bỏ mặc công việc trong xưởng kim hoàn để dạy cô bé Rêmêđiôt học đọc và học viết. Lúc đầu cô bé vòi ông khách vẫn thường đến chơi vào các buổi chiều mang cho mình những cán búp bê, và cô bé sẽ là đứa trẻ đáng trách nếu người ta dẹp ngồi trong phòng cùng tiếp khách. Nhưng với đức tính kiên trì và tận tình, Aurêlianô đã cám dỗ được cô bé đến mức nó ngồi với anh hàng giờ đồng hồ để lĩnh hội các bài học và dùng bút chì mầu vẽ trên một tấm bảng con bức tranh những ngôi nhà nhỏ với đàn bò cái đang gậm cỏ ngoài vườn và ông mặt trời tròn gác trên đỉnh núi tỏa chiếu những tia nắng vàng.

Chỉ riêng mình Rêbêca đau khổ trước lời đe doạ của Amaranta. Cô hiểu rất rõ tính cách, thói ương bướng và lòng căm thù sâu sắc của cô em. Những thứ ấy đang làm cô lo sợ.

Hàng giờ ngồi trong buồng tắm, cô mút ngón tay tự kiềm chế cơn thèm để khỏi ăn đất. Cô gọi Pila Tecnêra đến nhà xem bói cho mình để dẹp bớt nỗi lo lắng trong lòng. Sau khi chương bài rồi sắp xếp các quân bài đầy hào hứng, Pila Tecnêra xuất thần bói:

- Em chưa được sung sướng khi mà cha mẹ em chưa được chôn cất tử tế!

Rêbêca rùng mình. Như một giấc mơ cô nhớ lại thấy mình còn bé bỏng lắm, bước vào nhà mang theo một cái rương nhỏ, một chiếc ghế xích đu gỗ và một bao tải chưa bao giờ biết trong đó đựng cái gì.

Cô nhớ một công tử hói đầu, mặc vải lanh và trên cổ áo sơ mi đơm một chiếc cúc vàng, người ấy chẳng có liên quan gì với người đàn ông trong lá bài. Cô nhớ một thiếu phụ lộng lẫy rất trẻ, có đôi bàn tay mềm mại và thơm phức mùi nước hoa không hề giống với những bàn tay mắc chứng phong thấp của người đàn bà trong lá bài, thiếu phụ ấy đã cài hoa lên tóc cô và dẫn cô đi dạo chơi quanh làng có những con đường xanh trong buổi chiều vàng.

- Em không hiểu, - cô nói.

Pila Tecnêra bối rối:

- Chị cũng thế, nhưng những quân bài đã nói vậy đấy.

Rêbêca hoảng hốt, ngày đêm không lúc nào yên khi nghĩ tới lời tiên đoán ấy, đã phải nói lại cho Hôsê Accađiô Buênđya nghe và ông này lập tức mắng át đi, không chịu chứng thực lời đoán của cái lá bài. Nhưng trên thực tế, ông lại thầm lặng lục tìm cái túi tải đựng xương người ở khắp nhà: hết lục tủ rương hòm lại xoay chuyển bàn ghế, lật giường mà vẫn chẳng thấy. Ông nhớ ra từ ngày xây lại nhà mình không nhìn thấy nó nữa. Ông bí mật gọi những người thợ nề đến nhà và một người trong số họ khẳng định rằng anh ta đã đặt túi tải xương người ấy vào một cái hốc tường rồi trát vữa lại vì nó cứ quấy rầy, làm anh rối trí không làm được việc, nhưng lúc này anh không nhớ rõ bức tường ấy thuộc phòng nào. Sau vài ngày dò tìm, với lỗ tai áp sát vào tường, họ đã tìm thấy tiếng kêu lộc cộc, lộc cộc, lộc cộc thầm thì chìm trong tường. Họ đục bức tường và thấy những xương người trong túi tải còn mới nguyên. Ngay ngày hôm đó, người ta mai táng hai bộ xương người trong một nấm mồ không bia mộ ở ngay cạnh mộ cụ Menkyađêt. Hôsê Accađiô Buênđya trở về nhà lòng thanh thản như vừa trút bỏ gánh nặng y hệt như ký ức về Pruđênxiô Aghila

trước đây từng đè nặng lên lương tri ông. Khi đi qua nhà bếp, ông hôn lên trán Rêbêca rồi bảo:
- Hãy rũ sạch những ý nghĩ tội nghiệp ấy đi, con ạ! - Ông nói - Từ đây trở đi con sẽ được hạnh phúc.
Tình bạn của Rêbêca đã mở cửa cho Pila Tecnêra đến nhà. Thị đã bị Ucsula cấm cửa kể từ ngày đẻ Accađiô. Như sự chạy nhảy ồn ào của bầy dê cái thị đến nhà vào bất cứ giờ nào và thị hăng hái làm mọi việc nặng nhọc. Đôi lúc thị có mặt trong xưởng kim hoàn và bằng cử chỉ hoạt bát giúp đỡ Accađiô thoa mịn giấy ảnh trong tình cảm âu yếm. Cuối cùng thị đã làm cho cậu lúng túng. Người đàn bà ấy đã làm cậu hoang mang. Nước da rám nắng, mùi khét, tiếng cười khúc khích trong phòng tối của thị khiến cậu thở rộn rã hối hả, khiến cậu lúng túng hoài, cứ va vấp phải các đồ vật ở xung quanh. Cũng có những lúc Aurêlianô có mặt trong phòng, mải mê làm việc và Pila Tecnêra dựa người vào bàn mà thán phục anh làm việc cần mẫn và tỉ mỉ. Bỗng nhiên thị xuất thần. Aurêlianô nhận rõ rằng Accađiô đang ở trong phòng. Trước khi ngước mắt lên và bắt gặp đôi mắt của Pila Tecnêra, để lộ ý nghĩ rất sáng rõ như thể chúng lộ ra mồn một ngay ở dưới ánh mặt trời lúc đang trưa, anh hỏi:
- Được! Chị hãy nói cho tôi biết cái gì vậy?
Pila Tecnêra liếm môi rồi nở một nụ cười buồn:
- Anh thích hợp với chiến tranh, - thị nói, - anh đặt mắt ở đâu thì ở đó viên đạn do anh bắn sẽ tới.
Aurêlianô nâng tay tán thành lời tiên đoán ấy. Anh tập trung tư tưởng trở lại với công việc như thể chẳng có chuyện gì vừa xảy ra và anh nói với một giọng bình thản mà rắn rỏi:
- Biết rồi, - anh nói, - cuộc chiến tranh ấy sẽ mang tên tuổi của tôi mà.

Cuối cùng Hôsê Accađiô Buênđya thực hiện được cái mà ông muốn làm. Ông đã nối được vũ nữ nhẩy múa nhờ dây cót vào bộ máy đồng hồ và nó khiêu vũ theo nhạc suốt ba ngày liền. Chiến tích ấy khiến ông vui sướng hơn bất kỳ một công việc hao tâm tổn sức nào của ông trước đây. Ông không ăn. Ông không ngủ. Vì thiếu Ucsula ở bên cạnh để chăm nom và săn sóc, ông tự để cho mình bơi trong thế giới tưởng tượng do đó dẫn ông đến tình dạng hưng phấn thường xuyên. Ông sống những đêm dài trăn trở mà đi đi lại lại trong phòng, mà lảm nhảm tính suy mà tìm cách áp dụng những nguyên tắc của quả lắc đồng hồ cho những chiếc xe bò, cho những lưỡi cày, nghĩa là cho tất cả những gì hữu hiệu được đặt trong chuyển động. Cơn sốt vì mất ngủ làm cho ông mệt mỏi quá tới mức một buổi đêm về sáng nọ ông không thể nhận ra một ông già tóc bạc phơ có cử chỉ ngỡ ngàng bỗng bước vào phòng ngủ. Đó là Pruđênxiô Aghila. Khi nhận ra Pruđênxiô Aghila, ông ngạc nhiên thấy rằng người chết cũng già theo năm tháng. Hôsê Accađiô Buênđya cảm thấy rùng mình vì nỗi nhớ nhung. "A, Pruđênxiô, - ông reo lên, - xa xôi thế mà bác cũng tìm đến đây được sao". Sau rất nhiều năm ở trong cõi chết, nỗi nhớ nhung người sống mới da diết làm sao, sự cần thiết phải có bạn mới bức bối làm sao, sự gắn kề một cái chết khác vốn đã tồn tại ngay trong lòng cõi chết mà chính Pruđênxiô Aghila vừa rồi mong cho kẻ thù tệ mạt nhất của mình mới đáng sợ làm sao. Pruđênxiô Aghila đã tốn nhiều thời gian đi tìm ông. Pruđênxiô Aghila hỏi thăm ông qua những linh hồn chết ở Riôacha, qua những linh hồn chết ở thung lũng Uga, qua những hnh hồn chết từ vùng đầm lầy tới, nhưng không một linh hồn chết nào đã trả lời đúng điều ông muốn hỏi, bởi vì Macôndô thời ấy còn là một làng chưa được các linh hồn chết biết tới. Mãi cho tới

khi cụ Menkyađêt đến và cụ chỉ cho ông biết một chấm đen trên những tấm bản đồ nhiều màu của thần chết. Hôsê Accađiô Buênđyanói chuyện với Prudênxiô cho đến tận sáng. Sau đó ít giờ, người phờ phạc vì mất ngủ, Hôsê Accađiô Buênđya bước vào xưởng kim hoàn của Aurêlianô và hỏi anh: "Hôm nay là thứ mấy?". Aurêlianô trả lời cha là ngày thứ ba. "Ta cũng nghĩ như vậy", Hôsê Accađiô Buênđya nói.

"Nhưng ngay lập tức ta hiểu rằng hôm nay vẫn cứ là ngày thứ hai như ngày hôm qua ấy mà. Con hãy nhìn bầu trời kia, hãy nhìn các bức tượng kia, hãy nhìn những chậu thu hải đường kia. Hôm nay cũng vẫn là ngày thứ hai". Đã quen với những lời lẩn thẩn ấy, Aurêlianô không nghe lời ông. Vào ngày hôm sau, tức sáng ngày thứ tư, Hôsê Accađiô Buênđya lại bước vào xưởng. "Đây là một thảm hoạ" - ông nói, "Con hãy nhìn gió kìa, hãy nghe tiếng kêu vo vo của ông mặt trời kìa, y hệt như hôm qua, hôm kia". Đêm ấy Piêtrô Crêspi gặp ông ở ngoài hành lang bang khóc lóc với tiếng khóc khô khốc của người già, khóc cho Prudênxiô Aghila, khóc cho cụ Menkyađêt, khóc cho cha mẹ của Rêbêca, khóc cho cha mẹ ông, khóc cho tất cả những ai ông nhớ được và lúc ấy họ đang cô đơn trong cõi chết. Piêtrô Crêspi tặng ông một con gấu cử động nhờ dây cót đi hai chân trên một dây sắt, nhưng với quà tặng này anh vẫn không làm ông vui lên được. Ông hỏi anh kế hoạch mà ông đặt ra cho anh từ những hôm trước như thế nào rồi, tức là công việc nói về khả năng xây dựng một cái máy dựa trên nguyên tắc quả lắc đồng hồ có thể nâng bổng bất cứ vật gì trong không trung, có thể giúp con người bay lên. Và anh đã trả lời ông rằng: không thể được, vì là quả lắc đồng hồ có thể nâng bổng bất kỳ một vật nào lên không trung nhưng nó lại

không thể tự nâng mình lên được. Ngày thứ trăm ông lại có mặt trong xưởng kim hoàn với bộ dạng đau khổ của mặt đất bị chà sát. "Bộ máy thời gian đã hỏng rồi, - ông khóc nức nở, - còn Ucsula và Amaranta lại ở rất xa". Aurêlianô mắng mỏ cha như mắng một đứa trẻ và ông lại ngoan ngoãn nghe theo. Sáu giờ liên tục ông kiểm tra các đồ vật cố tìm gặp một sự khác biệt về một phương diện nào đó mà ngày hôm qua chúng đã có nhằm phát hiện trong chúng một sự thay đổi chứng tỏ rằng thời gian vẫn trôi chảy tuần tự. Cả đêm ông nằm trên giường, mắt mở thao láo, mà gọi Prudênxiô Aghila, gọi Menkyađêt, gọi tất cả những người đã chết để họ tới cùng chia sẻ với ông nỗi chán chường. Nhưng không một ai tới. Ngày thứ sáu, ngay trước lúc mọi người thức dậy, ông lại quan sát mọi biểu hiện bên ngoài của thiên nhiên, ông quan sát mãi cho tới khi ông không nghi ngờ rằng hôm ấy vẫn cứ là ngày thứ hai.
Thế là ông vớ lấy thanh gỗ chèn cửa và với sức mạnh tàn bạo vốn có của mình ồng đập phá tan tành các dụng cụ phòng thí nghiệm giả kim, xưởng kim hoàn, cỗ máy ảnh. Rồi như một con ác quỷ ông gào thét bằng một thứ ngôn ngữ có âm thanh sang sảng đồng thời lại thao thao bất tuyệt mà thực tế không thể nào hiểu được. Ông sẵn sàng đập phá nốt cả ngôi nhà cũng vừa hay Aurêlianô đã nhờ hàng xóm đến giúp mình. Phải nhờ tới mười người đàn ông lực lưỡng mới vật đổ được ông, mười bốn người trói ông, hai mươi người lôi ông tới cây dẻ ở giữa sân là nơi người ta bỏ mặc ông bị trói, tha hồ sủa những lời quái dị, thả sức nhổ phì phì thứ đờm xanh lè. Khi Ucsula và Amanranta trở về, ông vản bị trói chặt tay chân vào gốc cây, người ướt, đẫm nước và hoàn toàn ngây dại. Hai mẹ con nói chuyện với ông, nhưng ông không nhận ra người ruột thịt của mình. Ông nói

với họ về một cái gì đó không thể hiểu được. Ucsula cởi dây trói nơi cổ tay và cổ chân cho ông, đó là những chỗ thịt đã thành chai do dây thừng thít chặt quá và chỉ để ông bị trói ngang thắt lưng thôi. Sau đó người ta dựng tạm một túp lều lá cọ để che mưa che nắng cho ông.

Chú thích:

(1) Chỉ thời điểm ngày và đêm bằng nhau, và một năm chỉ có hai lần, đó là ngày xuân phân và thu phân.

(2) Alexander Von Humboldt (1769-1859). nhà địa lí người Đức, tác giá cuốn sách nổi tiếng: Cuộc du lịch đến những miền ngày và đêm như nhau của châu lục mới.

Chương 5

Một ngày chủ nhật tháng Ba, Aurêlianô Buênđya và Rêmêđiôt Môscôtê làm lễ thành hôn trước bàn thờ Chúa do cha Nicanô Râyna sai dựng ngay trong phòng khách nhà Buênđya. Đó là cả một thời kỳ rộn rã đến cao độ kéo lài bốn tuần liền trong nhà Môscôtê, là vì cô bé Rêmêđiôt đến nỗi dậy thì trước khi từ bỏ những thói quen của tuổi thơ. Đã được mẹ chỉ bảo cho những thay đổi đột biến của tuổi dậy thì, thế mà vào một buổi chiều tháng hai cô bỗng hoảng hốt kêu oang lên chìa cho đám chị em mình đang ngồi thêu xem chiếc líp vấy bẩn một thứ nước nhơn nhớt màu sôcôla. Ngày cưới được ấn định sau đó một tháng. Hầu như người ta không có đủ thời gian để dạy cô bé tự rửa ráy, tự mặc lấy quần áo, tự hiểu lấy những công việc thiết yếu của cuộc sống gia đình. Người ta cho cô đái vào những hòn gạch nung nóng để trị bệnh đái dầm. Vất vả lắm mới thuyết phục nổi để cô hiểu tính bất khả xâm phạm của buồng kín, bởi vì Rêmêđiôt vừa rất hoảng sợ đồng thời lại rất hào hứng trước những lời chỉ dẫn đến mức cô cứ muốn mọi người nói về đêm tân hôn với tất cả tình tiết của nó. Đó là một cố gắng hết sức, song trong ngày được chọn làm

ngày cưới, cô bé tỏ ra thạo đời y hệt như bất cứ bà chị nào của mình.

Ông Apôlina Môscôtê khoác tay con gái dẫn đi trên những con đường làng trang hoàng hoa lá, dậy vang tiếng pháo nổ và tiếng hạc mừng vui. Cô bé vẫy tay chào và nhoẻn miệng cười cám ơn những ai từ cửa sổ nhà mình chúc cô may mắn và hạnh phúc. Aurêlianô, mặc bộ complê dạ màu đen, đi đôi ủng màu cánh dán có dính cựa thúc ngựa, đôi ủng mà ít năm sau này đứng trước đội hành hình chàng vẫn mang, da nhợt nhạt xanh tái và cổ họng như nghẹn lại khi đón cô dâu ngay ở cửa và đưa nàng đến trước bàn thờ Chúa. Cô bé cư xử hết sức tự nhiên, hết sức đúng mực đến độ không để mất sự hài hoà ngay cả khi Aurêlianô, vào lúc đeo nhẫn cho vợ, đã để rơi chiếc nhẫn. Trong không khí ồn ào những tiếng thì thầm bàn tán và trong phút đầu tiên khi các vị khách mời còn bỡ ngỡ, cô dâu vẫn giương cao bàn tay mang chiếc tất để hở ngón và vẫn chìa nguyên ngón đeo nhẫn đợi cho tới khi chú rể lấy chân đi ủng chặn đứng chiếc nhẫn khỏi lăn ra cửa và nhặt lấy nó, mặt đỏ bừng trở về trước bàn thờ. Mẹ và các chị cô khổ sở lo lắng chỉ sợ con bé thất thố, dù chỉ là một cử chỉ nhỏ thôi trong lúc tiến hành lễ cưới, và đến khi buổi lễ kết thúc, chính họ là người đã chạy đến, bất chấp quan khách đông đủ, bế cô lên tặng cho những chiếc hôn nồng nàn. Kể từ ngày đó, cô đã tỏ rõ là người có ý thức phục tùng, ý nhị, điềm tĩnh trước những tình huống mâu thuẫn trong gia đình. Chính cô là người mở đầu tiệc cưới và là người xắn lấy miếng bánh cưới ngon nhất, đặt nó vào cái đĩa có để sẵn chiếc nĩa, mang đến cho Hôsê Accađiô Buênđya. Bị trói vào thân cây dẻ, ngồi khom lưng trên chiếc ghế gỗ trong túp lều lá cọ, ông già to béo, da bệch bạc vì mưa nắng mỉm một

nụ cười lơ đãng mang vẻ biết ơn và tay cầm lấy miếng bánh ăn, miệng ngâm nga một bài nhã ca khó hiểu. Người duy nhất không hạnh phúc trong đám cưới linh đình kéo dài tới sáng sớm ngày thứ hai là Rêbêca Buênđya. Ngày vui của cô đã không thành. Theo sự thỏa thuận của Ucsula, hôn lễ của cô cũng sẽ được tổ chức cùng ngày với hôn lễ của Aurêlianô, nhưng ngày thứ sáu Piêtrô Crêspi đã nhận được lá thư báo tin mẹ anh sắp chết. Đám cưới của họ bị đình lại. Sau một giờ nhận thư, Piêtrô Crêspi đi ra tỉnh ngay và trên đường đi anh không gặp mẹ mình, người cũng đang trên đường đến làng Macôndô cho kịp đêm thứ bảy và trong đám cưới của Aurêlianô đã hát một bài hát buồn do chính bà sáng tác với mục đích dành riêng cho đám cưới của con trai mình.
Piêtrô Crêspi trở lại vào lúc nửa đêm ngày chủ nhật để quét dọn mẩu tàn thuốc lá của tiệc vui sau khi anh đã phi như gió làm cho năm chú ngựa phải ngã gục ở dọc đường, cố về cho kịp giờ làm đám cưới của mình. Kẻ viết thư ấy sẽ không bao giờ bị phát giác. Bị Ucsula rày la, Amaranta khóc lóc thảm thiết thề sống thề chết trước bàn thờ Chúa vẫn chưa được những người thợ mộc dọn đi.
Cha xứ Nicanô Râyna - người được *đông* Apôlina Môscôtê đưa về đây để làm lễ cưới - là một người nhẫn nại trong công việc quá ư tẻ nhạt và nhàm chán của mình. Cha có nước da đến là buồn thảm cứ dán chặt lấy xương, có cái bụng ỏng tròn vo, mang dáng vẻ hiền quá hoả đần của một vị thần già. Cha định sẽ trở về giáo khu của mình ngay sau khi làm xong lễ cưới nhưng cha lấy làm ngạc nhiên trước vẻ thô kệch quá ư quê mùa của dân chúng Macôndô vốn sinh sôi nẩy nở đến là đông đúc, sống mù quáng tuân theo luật tự nhiên, không chịu làm lễ rửa tội cho con cái cũng như không đặt tên thánh cho các

ngày lễ.

Vì nghĩ rằng mảnh đất này cần hạt giống của Thượng đế hơn bất kỳ nơi nào, cha bèn quyết định ở lại thêm một tuần lễ nữa để giáo hoá làng này thành một làng của Chúa, để làm lễ cưới cho những đôi trai gái chung sống theo sở thích và làm lễ rửa tội cho những người ốm sắp tắt thở. Nhưng không một ai nghe cha. Họ trả lời đức cha rằng trong nhiều năm ròng họ sống không có sự chăn dắt của cha xứ, rằng họ tự mình giải quyết một cách trực tiếp với Thượng đế những vướng mắc của linh hồn và họ đã hoàn toàn bỏ thói xấu gây tội ác. Mệt mỏi vì phải thuyết giảng ở vùng hoang mạc, cha Nicanô quyết định sẽ xây dựng một nhà thờ lớn nhất thế giới, có những bức tượng to bằng người thực, trên tường khảm những tấm kính nhiều màu. Một nhà thờ lớn như thế sẽ làm cho dân bổn đạo ở tận thành Rôm cũng phải đến để thờ khiến Chúa được hiển vinh ngay tại trung tâm của xứ vô đạo này. Cha đi khắp làng với chiếc đĩa đồng trên tay để quyên góp. Dân chúng cho rất nhiều nhưng cha lại muốn nhiều hơn, bởi vì nhà thờ cần có một quả chuông mà tiếng vang của nó có thể khiến cho xác những người chết đuối phải nổi lên trên mặt nước. Cha cầu xin quá sức đến nỗi khản cả tiếng. Xương hóc cha mỏi dừ như có kiến bò bên trong. Một ngày thứ bảy nọ, vì không xin được gì, ngay cả hoa quả hoặc thức ăn để sẵn ở cửa, cha đâm sợ hãi vì thất vọng. Cha làm vội một bàn thờ Chúa ở ngay giữa quảng trường và ngày chủ nhật, tay rung chuông như trong thời kỳ bệnh mất ngủ hoành hành, cha đi khắp làng để cổ động mọi người tới dự buổi lễ mixa quê mùa. Rất nhiều người vì tò mò đã đến. Một số người khác vì nhớ nhung. Số khác đến dự lễ mixa để khỏi bị Thượng đế coi cái lập trường trung gian của mình như một sự chống đối cá nhân. Vậy

là vào lúc tám giờ sáng, có đến một nửa làng đã tụ tập ở quảng trường xem cha xứ Nicanô với giọng khản vì cầu xin, đang tụng kinh Phúc âm. Đến cuối buổi lễ, khi những người dự lễ bắt đầu tản mác ra về, cha giương cao hai tay lên ra hiệu để mọi người chú ý nghe:
- Hãy khoan? Hãy khoan? - cha nói. - Giờ đây chúng ta sẽ xem một bằng chứng không thể tranh cãi được về sức mạnh vô biên của Thượng đế.

Chú bé ban nãy giúp cha cử hành lễ mixa, lúc này mang đến hầu cha một tách sôcôla đặc nghi ngút khói và cha đã uống liền một hơi không nghỉ. Sau đó cha rút chiếc mùi soa dắt trong ống tay áo thụng ra lau mồm, dang rộng hai cánh tay, nhắm nghiền mắt lại. Vậy là cha xứ Nicanô liền tự nâng bổng mình lên cách mặt đất mười hai xăngtimét. Đó là một thủ đoạn dễ chấp nhận.

Trong vài ngày cha đi khắp mọi nhà để nhắc lại thử nghiệm việc tự nâng bổng mình khỏi mặt đất nhờ sức kích thích thần kinh của sôcôla. Trong lúc ấy, chú bé hầu lễ đã quyên được rất nhiều tiền đựng trong túi tải đến mức không đầy một tháng đã tiến hành khởi công việc xây dựng nhà thờ. Không một ai nghi ngờ cội gốc linh thiêng của sự chứng minh ấy, ngoại trừ Hôsê Accađiô Buênđya, người không hề cử động đã quan sát đám đông lộn xộn vây quanh gốc cây dẻ vào một buổi sáng để một lần nữa xem cha tự nâng mình khỏi mặt đất. Hầu như ông chỉ hơi duỗi chân trên ghế và nhún vai khi cha xứ Nicanô bắt đầu tự nâng mình khỏi mặt đất cùng với chiếc ghế cha ngồi.

- *Hoc est simplicisimum* - Hôsê Accađiô Buênđya nói - *hom iste statum quartum materiae invenit*(1)

Cha xứ Nicanô giơ tay lên và lập tức bốn chân ghế cùng hạ xuống

đứng trên mặt đất.

- *Nego* - ông nói. - *Faclum hoc existentiam Dei probat sinh dubio*(2). Do đó người ta biết rằng thứ ngôn ngữ quỉ ám khó hiểu ấy của Hôsê Accađiô Buênđya là tiếng Latinh. Cha xứ Nicanô liền tranh thủ dịp may mình là người duy nhất có thể giao dịch được với Hôsê Accađiô Buênđya để nhồi nhét đức tin Kitô giáo vào bộ não đã loạn trí của ông. Buổi chiều nào cũng vậy, cha xứ ngồi bên cây dẻ mà lải nhải thuyết giáo bằng tiếng Latinh nhưng Hôsê Accađiô Buênđya khoái chí không thừa nhận những con đường mòn cũ rích cũng như sự thay màu của sôcôla và đòi xem một bức ảnh Thượng đế, coi đó như là một bằng chứng cuối cùng. Thế là cha xứ Nicanô mang đến cho ông những huy hiệu và những bức ảnh và ngay cả tấm phục chế một tấm dạ thêu ảnh thánh Vêrônica, nhưng Hôsê Accađiô không thừa nhận mà coi chúng là đồ thủ công mỹ nghệ không có cơ sở khoa học. Ông rất ương bướng, tới mức cha xứ Nicanô buộc phải từ bỏ ý định biến ông thành một tín đồ đạo Thiên Chúa. Nhưng về phương diện tình cảm giữa người với nhau cha vẫn thường xuyên tới thăm ông. Song lúc ấy, Hôsê Accađiô Buênđya lại là người nắm thế chủ động tấn công và định bẻ gẫy niềm tin của cha cố bằng những suy tính của người duy lí. Có lúc cha xứ Nicanô mang tới gốc cây dẻ một bàn cờ có đủ số quân để mời ông chơi cờ đam(3). Hôsê Accađiô Buênđya không chơi, bởi chưa bao giờ ông có thể hiểu được ý nghĩa của một cuộc thi đấutrong đó hai đối thủ đã thoả thuận với nhau về những nguyên tắc. Cha xứ Nicanô, người chưa từng thấy ai chơi cờ theo lối ấy, cũng không trở lại đánh cờ đam. Càng ngày cha xứ càng thán phục trí thông minh của Hôsê Accađiô Buênđya. Cha đã hỏi ông làm sao ông lại có thể bị trói chặt vào gốc

cây thế.
- *Hoc est simplicisimum*, - ông trả lời - là vì tôi bị điên rồ mà. Từ đó trở đi, chăm lo cho đức tin của mình, cha xứ không đến thăm ông nữa, quyết chí khởi công ngay việc xây dựng nhà thờ. Rêbêca cảm thấy hy vọng của mình đang sống lại. Tương lai của cô phụ thuộc vào việc hoàn thành công việc này. Cô nghĩ như vậy là vì kể từ ngày chử nhật nọ cha xứ Nicanô ăn cơm trưa ở nhà này và cả nhà quây quần ngồi quanh bàn ăn nói chuyện về những nghi lễ trang nghiêm và huy hoàng trong các hoạt động tôn giáo khi nhà thờ được xây xong. "Người gặp may nhất ở đây là chị Rêbêca", Amaranta nói. Và vì thấy Rêbêca không hiểu mình muốn nói gì, cô giải thích với một nụ cười ngây thơ:
- A, chả là vì lễ thành hôn của chị sẽ trùng với ngày khánh thành nhà thờ mà lị.
Rêbêca vội vã chặn trước bất kỳ lời bình phẩm nào về chuyện này. Theo tiến độ xây dựng thì nhà thờ sẽ không thể hoàn thành trước mười năm. Cha Nicanô không đồng ý vì cha cho rằng với sự hảo tâm mới nảy sinh hiện nay của những con chiên trung thành cho phép cha sẽ làm những con tinh lạc quan hơn. Trước thái độ hờn dỗi thầm lặng của Rêbêca, người đã phải bỏ dở bữa ăn, Ucsula tán thành ý nghĩ của Amaranta, và bà đã góp một phần của cải đáng kể để đẩy nhanh hơn tiến độ xây dựng công trình. Cha Nicanô cho rằng với một sự đóng góp nữa như sự đóng góp này, ngôi nhà sẽ được xây xong trước ba năm.
Từ lúc đó trở đi, Rêbêca không thèm nói chuyện với Amaranta mà lòng tự nhủ rằng thái độ khiêu khích của Amaranta không phải là quá ngây thơ như cô tưởng. "Đó là điều ít nghiêm trọng hơn có thể xảy

ra", Amaranta cãi lại Rêbêca trong cuộc đấu khẩu ác liệt đã xảy ra đêm ấy. "Như vậy, trong ba năm tới đây, tôi chưa cần phải giết chị". Rêbêca chấp nhận lời thách thức ấy.

Khi Piêtrô Crêspi biết được lễ thành hôn của mình lại bị hoãn, anh lâm vào tình trạng thất vọng. Trái lại Rêbêca đã chứng tỏ lòng chung thuỷ của mình. "Chúng mình sẽ trốn đi khi nào anh quyết định xong", cô nói. Tuy nhiên, Piêtrô Crêspi không phải là người thích mạo hiểm. Anh đã thiếu tính cách sôi nổi của người yêu, lại còn quá câu nệ coi lời hứa như là một kho báu không thể nào phung phí được. Vậy là Rêbêca vận dụng những thủ đoạn mạnh bạo hơn. Một ngọn gió kỳ lạ thổi tắt phụt ngọn đèn trong phòng khách và Ucsula bắt gặp quả tang hai người đang hôn nhau trong bóng tối. Piêtrô Crêspi vụng về giải thích cho bà về sự kém phẩm chất của những cây nến hiện đại thắp nhựa đường và giúp bà đặt ở phòng khách một hệ thống đèn thắp sáng chắc chắn hơn. Nhưng lần khác, đèn lại bị đổ nhầm dầu hoặc bị tụt bấc. Ucsula lại bắt quả tang Rêbêca ngồi trên đùi người yêu. Thế là bà không thèm nghe bất cứ một lời thanh minh nào nữa. Bà giao cho cô gái Anhđiêng trông coi cửa hàng bánh kẹo và chính bà ngồi ở ghế xích đu giám sát các buổi chuyện trò của đôi tình nhân, quyết không chịu thua những thủ đoạn cũ rích mà bà vốn quen hồi còn xuân trẻ.

"Khốn thân mẹ quá!", Rêbêca nói với tất cả sự hờn giận có pha chút hài hước lúc nhìn Ucsula đang ngáp dài trong không khí căng thẳng của buổi đến chơi. "Khi mẹ chết có lẽ mẹ sẽ ra đi trên chiếc ghế xích đu này mất". Sau ba tháng sống trong tình yêu bị theo dõi khắt khe, nản lòng trước sự chậm trễ trong công việc xây dựng mà ngày nào anh cũng đến thăm, Piêtrô Crêspi bằng lòng góp cho cha Nicanô số

tiền cha cần để hoàn thành việc xây cất nhà thờ. Amaranta vẫn không thối chí. Trong lúc ngồi nói chuyện với đám chị em vẫn thường đến nhà vào các buổi chiều để thêu hoặc đan ở ngoài hành lang, cô cố tìm những mưu mẹo mới. Một thiếu sót đã làm hỏng mất mưu mẹo mà cô cho là có hiệu lực hơn cả. Ấy là việc sẽ lấy trộm những viên băng phiến mà Rêbêca để ở bộ quần áo cô dâu trước khi cất nó vào rương trong phòng ngủ. Amaranta sẽ làm khi nào chỉ còn không đầy hai tháng việc xây cất nhà thờ kết thúc. Nhưng Rêbêca rất nôn nóng trước việc ngày cưới của mình ngày một đến gần cho nên cô muốn chuẩn bị quần áo cô dâu sớm hơn cả dự định của Amaranta. Vào lúc mở chiếc rương, rồi mở tờ giấy gói, sau cùng mở tấm lụa bọc ngoài, cô gặp bộ quần áo cưới sa tanh, một đầu khăn voan, chiếc mũ miện gài hoa cam, tất cả đều bị gián nhấm thành bụi. Mặc dù cô chắc chắn rằng mình đã để vào gói quần áo hai gói băng phiến bọc trong mùi soa, nhưng vì nỗi bất hạnh xem ra hoàn toàn ngẫu nhiên nên cô không dám đổ lỗi cho Amaranta. Chưa đầy một tháng sẽ đến ngày cưới nhưng không sao, vì cô có Amparô Môscôtê nhận may quần áo cô dâu chỉ trong vòng một tuần là xong. Một buổi trưa trời mưa, Amparô khoác áo tơi bước vào nhà để thừ lần cuối bộ quẩn áo cô dâu cho Rêbêca, Amaranta cảm thấy tức tối đến muốn chết được. Cô lạc cả giọng, và một dòng mồ hôi lạnh buốt chảy dọc theo sống lưng cô. Đã nhiều tháng nay cô sống trong phấp phỏng mong đợi cái giờ ấy. Bởi vì nếu không mưu tính thành công một trở ngại quyết định ngõ hầu cản trở đám cưới của Rêbêca, thì chắc chắn rằng, trong phút cuối cùng khi mà tất cả mọi thủ đoạn nghĩ ra được đều thất bại, cô sẽ có đủ dũng cảm để đầu độc Rêbêca. Buổi chiều ấy trong lúc Rêbêca chết ngốt vì nóng do phải mặc chiếc áo sa tanh

may thử mà Amparô đang bình tĩnh dùng kim ghim lại cho vừa với cơ thể người mặc, thì Amaranta đã vài lần nhầm lẫn những mũi móc và đâm cả kim vào ngón tay mình. Nhưng với nỗi lạnh lùng đáng sợ cô đã quyết định ngày đầu độc Rêbêca sẽ là ngày thứ sáu gần kề ngày cưới và cách thức đầu độc sẽ là một giọt nha phiến hoà trong cà phê. Một trở ngại lớn nhất, rất tàn bạo và cũng rất bất ngờ đã ập đến buộc đám cưới phải hoãn một lần nữa và không biết hoãn đến bao giờ. Chỉ còn một tuần nữa thì đến ngày cưới bỗng nhiên vào lúc nửa đêm Rêmêđiôt thức dậy miệng nôn trôn tháo, người ướt sũng những thứ từ trong bụng thải ra còn nóng hôi hổi, và sau ba ngày thì chết vì nhiễm độc bởi chính thứ máu mình và trong bụng mang cái bào thai sinh đôi. Amaranta tự mình dằn vặt lương tâm. Cô đã quá nhiệt tâm cầu xin Thượng đế một cái gì khủng khiếp sẽ xảy ra để mình khỏi phải đầu độc Rêbêca và do đó cô cảm thấy mình có tội trước cái chết của Rêmêđiôt. Đó không phải là cái trở ngại mà cô cầu mong. Rêmêđiôt đã mang về nhà này một luồng gió mới đầy vui vẻ. Cô cùng chồng chuyển ra ở trong phòng ngay cạnh xưởng kim hoàn và cô đã lấy tất cả búp bê và đồ chơi tuổi ấu thơ trang trí phòng ở và sức sống tươi trẻ của cô tràn ra ngoài bốn bức tường để như một luồng gió mát thổi qua hành lang bày những chậu thu hải đường. Ngay từ lúc thức dậy cô đã hát. Cô là người duy nhất trong nhà đã dám can ngăn những cuộc đấu khẩu giữa Rêbêca và Amaranta. Cô đã gánh vác nhiệm vụ săn sóc cụ Hôsê Accađiô Buênđya. Cô mang cơm cho ông bố chồng, tận tình có mặt hầu hạ lúc cụ ỉa đái tắm rửa cho cụ bằng xà phòng và bã cọ, giữ sạch bộ râu, mái tóc khỏi sự hành hạ của chấy rận, bảo vê tất túp lều lá cọ và tu bổ nó vào thời kỳ mưa bão. Ở những tháng cuối cùng của đời mình, cô đã giao tiếp

được với cụ qua những câu latinh đơn giản. Khi đứa con trai của Aurêlianô với Pila Tecnêra ra đời, được mang về nhà và được làm lễ đặt tên là Aurêlianô Hôsê, thì Rêmêđiôt quyết định công nhận chú nhóc là đứa con đầu lòng của mình. Tình cảm người mẹ của cô khiến Ucsula rất đỗi ngạc nhiên. Về phần mình, Aurêlianô gặp ở cô lời biện minh tối cần thiết cho cuộc đời mình. Anh làm việc cả ngày trong xưởng và Rêmêđiôt mang đến cho anh một tách cà phê không pha đường vào giữa buổi sáng. Đêm nào cũng vậy, bọn họ đến thăm vợ chồng Môscôtê. Aurêlianô mê mải đánh đôminô với bố vợ trong lúc đó Rêmêđiôt nói chuyện vui với các bà chị và đàm đạo với mẹ về những vấn đề của người lớn. Mối quan hệ chặt chẽ với gia đình Buênđya đã củng cố thêm quyền lực của *đông* Apôlina Môscôtê ở trong làng. Trong những chuyến lên tỉnh thường xuyên, ngài đã xin được chính phủ cho mở một trường học do Accađiô, người kế thừa được nhiệt tình sư phạm của ông nội, chăm nom. Bằng biện pháp thuyết phục, ngài đã vận động được phần lớn các ngôi nhà trong làng quét vôi màu xanh để đón mừng lễ kí niệm ngày Quốc khánh. Để đáp lại những đề nghị của cha Nicanô, ngài đã quyết định chuyển tiệm ăn của bác Catarinô sang một con đường biệt lập và cho đóng cửa một số tụ điểm rộn rã đã mọc lên ở ngay trung tâm làng. Một lần lên tỉnh về ngài đã dắt theo sáu lính cảnh sát có súng ống. Đó là những người ngài trao cho nhiệm vụ giữ gìn trật tự. Thế nhưng, không một ai nhắc ngài nhớ lại lời ngài đã hứa với Hôsê Accađiô Buênđya là sẽ không sử dụng cảnh sát vũ trang ở trong làng. Aurêlianô rất thích thú ông bố vợ tháo vát của mình. "Cậu rồi lại béo phục béo phịch như ông ta thôi", các bạn anh bảo anh vậy Nhưng sự an nhàn từng làm phính đôi má anh và tập trung ánh sáng trong con

mát anh vẫn không tăng thêm trọng lượng thân xác và cũng chẳng làm đảo lộn tính kiêu hãnh của anh mà trái lại nó chỉ tô đậm thêm cái đường hằn trên làn môi anh, dấu hiệu của sự suy nghĩ lao lung và của quyết tâm không gì lay chuyển nổi. Tình cảm vợ chồng anh thật là sâu sắc đã đánh thức tình cảm của gia đình hai bên, đến mức khi Rêmêđiôt báo tin mình sẽ có con thì ngay đến cả Rêbêca và Amaranta cũng phải làm lành với nhau để cùng dệt một tấm lanh xanh nếu như sinh con trai và một tấm lanh hồng nếu như sinh con gái. Cô là người cuối cùng được Accađiô nghĩ tới ít năm sau này khi đứng trước họng súng của đội hành hình.
Ucsula quyết định để tang cô trong một năm. Bà ra lệnh đóng hết các cửa, nội bất xuất ngoại bất nhập trừ trường hợp không thể đừng được, cấm nói to và tự tay bà treo bức ảnh Rêmêđiôt ở nơi quàn thi hài cô và đặt một ngọn đèn dầu sáng mãi không tắt trước tấm ảnh đó. Những thế hệ con cháu sau này, không bao giờ để cho ngọn đèn dầu bị tàn, đã lúng túng trước tấm ảnh cô bé mặc váy phồng, đi ủng trắng, trên đấu gài một chiếc nơ soa, mà không thể nào đồng nhất được bức ảnh ấy với sự tưởng tượng vốn có của họ về một bà cô.
Amaranta nhận nuôi Aurêlianô Hôsê. cô nuôi dạy nó như một đứa con trai. Nó sẽ là người chia sẻ nỗi cô đơn và an ủi cô khỏi nỗi dằn vặt về những lời cầu khẩn cuồng nhiệt của mình đã khiến cho chất nha phiến vô tình rơi vào cà phê của Rêmêđiôt. Tối đến, Piêtrô Crêspi đội chiếc mũ mang vành khăn tang rón rén bước vào nhà để lặng lẽ thăm Rêbêca, một Rêbêca dường như đang chảy hết máu ngay trong bộ quần áo đen với tay áo chùm. kín mu bàn tay. Nguyên việc nghĩ chọn lại ngày cưới đã có thể là trái đạo lắm rồi, vì thế quan hệ yêu đương của hai người trở thành một quan hệ vĩnh hằng, một

tình yêu mỏi mệt không một ai muốn lại chăm sóc nó, như thể những người yêu nhau, từng tắt đèn để hôn nhau trong bóng tối đã xa rời nhau theo ý nguyện của thần chết. Mất phương hướng hoàn toàn, mất luôn cả lý trí, Rêbêca ăn đất trở lại.
Việc để tang tiến hành đã được khá nhiều thời gian đến mức gia đình buộc phải tổ chức lại các buổi cầu kinh tại gia. Vào lúc hai giờ chiều một ngày yên tĩnh, oi bức khủng khiếp, bỗng có một người đẩy cánh cửa ăn thông với đường cái và thế là các cánh cửa rền rĩ lên với sức mạnh làm rung chuyển cả nền ngôi nhà trong đó Amaranta cùng các bạn gái đang ngồi thêu ở hành lang, Rêbêca đang mút ngón tay trong phòng ngủ, Ucsula đang bận bịu trong nhà bếp, Aurêlianô đang cặm cụi làm việc trong xưởng kim hoàn và Hôsê Accađiô Buênđya đang cô đơn ngồi dưới gốc cây dẻ, tất cả mọi người đều cảm thấy rùng mình như có động đất. Một người đàn ông lực lưỡng đến nhà. Tấm lưng vuông vức của anh ta dường như không lọt được qua cửa. Trên cổ anh ta đeo một sợi dây chuyền có treo hình Thánh bà Đồng trinh Rêmêđiôt. Ngực và hai cánh tay anh ta săm kín hình ảnh các nghĩa trang. Trên cổ tay anh ta đeo bức tượng đồng Chúa Giêsu bị đóng đinh câu rút. Anh ta có nước da đen sạm bởi phong sương dãi nắng, mái tóc ngắn và bờm xờm như bờm lừa, hàm răng bạnh ra cứng kều, đôi mắt âu sầu. Thắt lưng của anh ta to gấp hai lần dây cương ngựa. Đôi ủng ngắn có cựa thúc ngựa và đóng cá sắt. Và sự có mặt của anh ta đem đến cho tất cả mọi người cái cảm giác rùng mình trước trận động đất. Anh ta bước qua phòng khách, rồi phòng đợi, tay mang những chiếc túi xách đã cũ. Rồi như một tiếng sấm, anh ta xuất hiện ở hành lang đặt những chậu thu hải đường, nơi Amaranta và các bạn gái dang ngồi khâu sửng sốt cứ giương cao

bàn tay cầm kim lên.
"Xin chào", anh ta nói với các cô gái bằng giọng mệt mỏi, rồi ném những túi xách lên bàn làm việc. Sau đó, anh ta rảo cẳng bước vào nhà trong. "Xin chào", anh ta nói với Rêbêca đang hoảng loạn nhìn mình đi ngang qua cửa sổ phòng ngủ. "Xin chào", anh ta nói với Aurêlianô ở trong xưởng kim hoàn, đang giỏng cả năm giác quan lên nghe ngóng. Anh ta đi thẳng vào nhà bếp và ở đây lần đầu tiên anh ta đã dừng lại ở điểm kết thúc một chuyến đi vòng quanh thế giới. "Xin chào", anh ta nói.
Ucsula đứng lặng đi một giây, miệng há hốc, đã nhìn thẳng vào mắt anh ta. Bà ném ra một tiếng kêu rồi nhẩy lên ôm lấy cổ anh ta mà gào mà khóc đầy sung sướng. Đó là Hôsê Accađiô.
Anh trở về vẫn nghèo túng như lúc ra đi đến nỗi Ucsula phải cho anh hai đồng pêsô đẻ trả tiền thuê ngựa. Anh nói tiếng Tây Ban Nha có pha những từ lóng của dân thủy thủ. Người ta hỏi anh ở đâu thì anh trả lời: "Ở đằng ấy". Anh mắc võng ở trong phòng dành cho mình rồi ngủ ba ngày liền. Khi thức dậy, sau lúc ăn liền mười sáu quả trứng luộc, anh đi thẳng ra tiệm ăn của bác Catarinô. Tại đây, cơ thể đồ sộ của anh đã gây cho đám phụ nữ phải sôi nổi bàn tán đầy vẻ tò mò. Anh tổ chức một cú khao nhạc và rượu mạnh cho tất cả mọi người. Anh thách năm người đàn ông cùng một lúc vật tay với mình. "Chịu thôi", họ nói vào lúc đều nhận thấy mình không thể lay chuyển được cánh tay của anh, "Vì anh có tượng Chúa Giêsu bị đóng đinh câu rút phù trợ"… Bác Catarinô, mà lúc ấy vẫn chưa tin vào nghệ thuật sử dụng sức mạnh của anh, đã thách anh mười hai đồng *pêsô* nếu nhấc nổi quầy hàng của mình. Hôsê Accađiô nhấc bổng cái quầy hàng, đội nó trên đầu rồi mang ra để ở giữa đường cái. Bác phải cần tới mười

một người dàn ông lực lưỡng mới khiêng được nó vào vị trí cũ. Trong không khí sôi nổi vui như hội, Hôsê Accađiô đứng trên quầy hàng trưng cho mọi người xem cơ thể cường tráng của mình không chỗ nào không săm hình nhăng nhít với những dòng chữ viết màu xanh và màu đỏ thuộc vài ngôn ngữ khác nhau. Hướng về những người đàn bà đang vây lấy mình, với lòng tham không đáy, anh hỏi họ xem ai trả thêm nữa. Người đàn bà giàu hơn cả đã cho anh vài chục đồng. Thế là anh tổ chức một cuộc bắt thăm với giá mười *pêsô* một phiếu. Đó là một cái giá cắt cổ bởi vì người đàn bà đông khách nhất cũng chỉ kiếm được tám đồng *pêsô* một đêm. Nhưng tất cả các cô đều chấp nhận giá ấy. Người ta viết tên mình trên mười bốn tờ phiếu rồi trộn lẫn, để tất cả chúng vào một chiếc mũ, sau đó mỗi cô nhập một phiếu. Khi chỉ còn lại hai tờ nữa, anh ta tiến lại gần những người đến lượt nhập phiếu.

- Hãy trả thêm mỗi phiếu năm đồng nữa, - Hôsê Accađiô thúc giục, - rồi tôi sẽ chia cho hai cô mà.

Anh sống bằng cách ấy. Đã sáu mươi nhăm lần anh đi vòng quanh trái đất, sống chung với những người thủy thủ vong quốc. Những người đàn bà đêm ấy ngủ với anh trong tiệm bác Catarinô đã đưa anh trần như nhộng ra tận phòng nhẩy để tất cả mọi người xem cái cơ thể không có lấy một milimét không săm: săm đằng trước, săm đằng sau, săm từ cổ cho đến tận ngón chân. Anh ta không hòa nhập được vào cuộc sống gia đình.

Cả ngày thì ngủ, tối đến anh ta thức trắng đêm kiếm ăn bằng trò may rủi, thi thố sức lực ở cái xóm thợ nghèo khổ. Trong những dịp hiếm có, Ucsula mời được anh ngồi vào bàn ăn. Anh tỏ ra là một người dễ mến, nhất là khi kể về những chuyện mạo hiểm của mình ở những

đất nước xa xôi. Anh từng bị đắm tàu và đã trôi giạt hàng vài tuần trên biển cả ở Nhật Bản và sống bằng cách ăn xác một người bạn chết vì bệnh cảm nắng mà thịt của anh ta được ướp muối rồi lại được ướp muối, được nấu chín dưới ánh mặt trời đã trở thành một thứ mắm ngấu có vị ngòn ngọt. Một buổi trưa chói chang nắng ở vịnh Bengala, con tàu của anh đã chiến thắng một chú rồng biển mà trong ruột nó người ta thấy nào mũ sắt, khoá thắt lưng và cả vũ khí của một người thám hiểm đại dương. Ở biển Caribê anh từng nhìn thấy bóng ma chiếc tàu của tên ướp biển Victo Huygô với một cánh buồm bị gió thổi rách tả tơi, mui thuyền bị dán biển nhấm thủng lỗ chỗ, mãi mãi nó bị lạc hướng trên đường tới đảo Goađalupê. Ngồi bên bàn, Ucsula thổn thức khóc như thể bà đang đọc những bức thư không bao giờ được gửi cho mình, trong đó Hôsê Accađiô kể cho bà nghe những chiến công cũng như những thất bại của anh. "Ở đây, nhà cửa rộng rãi đến như thế, con ta ạ", bà nức nở nói: "Và cơm thì thừa mứa phải đổ cho lợn ăn. Mà nào con có ở nhà cho mẹ nhờ…". Nhưng trong thâm tâm bà không thể nhận rằng cái thằng bé được những người digan mang đi theo giờ đây lại chính là kẻ phàm phu ăn hết một nửa con lợn sữa trong bữa ăn trưa và hơi thở của y nóng hổi làm héo úa hoa lá. Những người khác trong gia đình cũng nghĩ về anh tương tự như thế. Amaranta không thể giấu nổi sự kinh tởm mỗi bận anh ợ hơi ngay trong lúc ngồi ăn. Accađiô, người không bao giờ được biết mối quan hệ cha con giữa mình với Hôsê Accađiô, hầu như không trả lời những câu hồi anh gợi ra với mục đích giành lấy tình yêu mến của con trai. Aurêlianô định làm sống lại những năm tháng trước đây họ cùng ngủ một phòng, định gợi lại những trò ranh ma của tuổi thơ giữa hai người, nhưng Hôsê Accađiô đã quên hết cả,

bởi vì cuộc đời trôi giạt của thủy thủ với biết bao sự việc cần nhớ đã làm bão hòa trí nhớ của anh. Chỉ riêng một mình Rêbêca thần phục anh ngay từ lần đầu. Buổi chiều nhìn thấy anh đi ngang qua cửa sổ phòng mình, cô đã nghĩ rằng Piêtrô Crêspi chẳng qua cũng chỉ là một gã béo phúng phính đứng bên cạnh người đàn ông cực kỳ lực lưỡng mà hơi thở nóng như núi lửa của anh tràn ra khắp nhà chỗ nào cũng cảm thấy. Cô kiếm cớ để dện gần anh. Có những lúc Hôsê Accađiô đã trơ tráo nhìn tấm thân cô gái và bảo: "Em rất đàn bà, em thân yêu ạ". Rêbêca không thể tự chủ được nữa. Cô ăn lại đất và vôi tường nhà với sự thèm khát trước đây và lại thèm thuồng mút ngón tay đến mức ngón cái phải lên chai. Cô nôn ra một thứ nước xanh lẫn những cục máu tím bầm. Cả đêm cô thao thức, người run lên vì cơn sốt hầm hập để vật lộn với cơn bồi hồi nhớ nhung, để chờ đợi cho đến khi trời sáng; cả ngôi nhà rung lên trong bước đi của Hôsê Accađiô trở về.

Một chiều nọ, khi cả nhà đang ngủ trưa, cô không thể nán chịu được nữa đã mò đến phòng ngủ của Hôsê Accađiô. Cô thấy anh thức, mặc quần đùi, nằm dài trên chiếc võng được mắc vào những chiếc vòng sắt to với những sợi chão buộc tàu. Cái cơ thể để trần lực lưỡng của anh khiến cô cảm động lắm đến mức cô tự nhiên dừng lại định quay ra. "Xin lỗi"… cô chống chế, "em không biết có anh ở đây". Nhưng cô hạ giọng ngay để khỏi đánh thức người khác. "Vào đây nào", anh nói. Rêbêca ngoan ngoãn nghe lời. Cô đứng ngay cạnh chiếc võng, mà toát mồ hôi lạnh, mà cảm thấy trong bụng mình cứ nổi cục lên, trong lúc Hôsê Accađiô với năm ngón tay mơn trớn cổ tay cô, rồi bẹn, rồi mông và miệng thì thầm: "Ôi, em nhỏ bé. Ôi, em nhỏ bé". Cô gái phải lấy hết sức bình sinh để khỏi chết khi một sức mạnh cuồng

nhiệt như dông bão nhưng lại rất nhẹ nhàng đã cầm lấy thắt lưng bế cô lên, rồi cởi hết áo váy cô và dẫn ngửa cô ra như dẫn ngửa một con chim bé bỏng. Cô chỉ còn kịp cám ơn Thượng đế đã sinh ra mình, trước khi lương tri bị chìm nghỉm trong mềm khoái lạc đê mê át cả cái đau đớn để giãy giụa ở trong lòng chiếc võng bốc hơi nghi ngút. Cái võng như một tờ giấy thấm đã hút ráo ngay máu trinh của cô chảy ra.

Sau đó ba ngày, họ làm lễ cưới trong buổi lễ mixa lúc năm giờ chiều. Trước đó một hôm, Accađiô đã đến cửa hiệu Piêtrô Crêspi. Anh gặp Piêtrô Crêspi đang dạy đàn lục huyền cho học trò và anh không ý tứ gọi anh ta ra chỗ khác để nói. "Tôi lấy Rêbêca đấy", anh nói. Piêtrô Crêspi tái xanh mặt, đưa cây đàn lục huyền cho một học trò, rồi cho họ nghỉ học giữa buổi. Khi chỉ còn lại hai người với nhau trong phòng bày đầy nhạc cụ và đồ chơi dây cót, Piêtrô Crêspi nói:

- Rêbêca là em gái anh mà!

- Với tôi điều ấy không quan trọng, - Hôsê Accađiô đáp lại. Piêtrô Crêspi rút chiếc mùi xoa thơm mùi oải hương lau mồ hôi trán.

- Lấy như vậy là trái với lẽ tạo hoá, anh ta giải thích, - ngoài ra luật pháp cấm ngặt lối hôn nhân ấy.

- Ôi dà, tôi ngồi xổm lên cái lẽ tạo hoá của nhà anh, - Hôsê Accađiô nói. - Tôi đến đây để bảo cho anh biết và để anh khỏi rày rà Rêbêca mà hỏi này hỏi nọ.

Song cách cư xử thô bạo của anh cũng phải mất đi khi anh nhìn thấy Piêtrô Crêspi nước mắt vòng quanh. - Bây giờ thế này nhé, - anh đổi giọng nói, - nếu cậu còn quyến luyến gia đình tôi thì còn Amaranta sẽ phần cậu đấy.

Trong bài thuyết giảng ngày chủ nhật, cha Nicanô dã chứng minh

rằng Hôsê Accađiô và Rêbêca không phải là anh em ruột. Ucsula không bao giờ tha thứ cho cái điều bà cho là vô lễ quá mức và khi họ từ nhà thờ trở về bà đã cấm cửa đôi tân hôn. Đối với bà, giờ đây họ như là những người đã chết. Thế là họ tậu một cái nhà nhỏ ở trước nghĩa địa và họ dọn về nhà mới không mang theo giường tủ gì ngoài chiếc võng của Hôsê Accađiô.
Đêm tân hôn, Rêbêca bị một con bò cạp chui vào giày păngtúp từ lúc nào cắn vào chân. Cô bị cứng lưỡi nhưng không vì thế mà tuần trăng mật của họ kém phần vui vẻ đi. Hàng xóm giật mình trước những tiếng la hét khiến cả xóm phải thức dậy một đêm tới tám lần, một buổi trưa tới ba lần và họ cầu khẩn cho cơn cuồng say quá trớn ấy không làm kinh động những người chết đang yên nghỉ trong cõi thanh tịnh ở ngoài nghĩa địa.
Aurêlianô là người duy nhất lo lắng cho họ. Anh sắm một số đồ dùng và trợ cấp tiền cho họ tới khi Hôsê Accađiô nhìn cuộc đời thực tế hơn và bắt tay khai phá đất đai vô chủ liền kề với sân nhà. Trái lại, Amaranta không bao giờ nguôi thù đối với Rêbêca, mặc dù cuộc đời đã mang đến cho cô niềm vui chưa từng mong đợi. Đó là việc Piêtrô Crêspi, vẻ bình thản, đầy cao thượng che giấu nỗi đau thất tình, vẫn đến ăn cơm trưa với gia đình vào ngày thứ ba hàng tuần theo gợi ý của Ucsula, người vẫn chưa biết làm thế nào để chữa thẹn. Vẫn giữ nguyên dải băng đen trên vành mũ như để biểu hiện sự thân tín đối với gia đình anh thích thú bày tỏ lòng mến phục của mình đối với Ucsula bằng cách mang đến biếu bà những tặng phẩm kỳ lạ: cá sacđin Bồ Đào Nha, mứt hồng Thổ Nhĩ Kỳ, và trong dịp cần thiết, cả một tấm khăn choàng vai Manila quí giá. Amaranta, với tình cảm âu yếm, chiều chuộng anh. Cô mò đoán cái sở thích của anh, tỉ mẩn

nhật từng sợi chỉ tuột ở ống tay áo cho anh và để mừng ngày sinh nhật của anh, cô viền và thêu lồng chữ tên hai người trên cả một tá khăn mùi xoa. Những ngày thứ ba, sau bữa cơm trưa, trong lúc Amaranta ngồi ở hành lang, anh luôn ở bên cạnh tán chuyện vui. Có một buổi chiều thứ ba, khi không một ai nghi ngờ chuyện sẽ xảy ra thì đã xảy ra: Piêtrô Crêspi ngỏ lời muốn được cưới cô làm vợ. Cô gái vẫn điềm nhiên thêu. Đợi cho hết nóng tai, với giọng người lớn, cô bảo anh:

- Tuỳ thôi, Crêspi ạ, nhưng hãy để khi nào chúng mình thật hiểu nhau đã. Vội vã thì chẳng tất đâu.

Ucsula đâm ra bối rối. Mặc dù rất nể vì Piêtrô Crêspi bà vẫn chưa khẳng định được rằng nếu từ góc độ đạo đức mà xét, thì sự quyết định của mình là tốt hay xấu, nhất là việc này xảy ra ngay sau quan hệ tình yêu của Piêtrô Crêspi với Rêbêca kéo dài và ồn ĩ. Song, bà đã chấp nhận tình yêu ấy, coi như một sự kiện không cần phải hỏi han ý kiến người khác vì lúc ấy không một ai cùng chia sẻ những lo âu của mình. Aurêlianô, lúc này đã là người đàn ông có thẩm quyền trong gia đình, đã làm cho bà càng hoang mang hơn với ý kiến khẳng định và khó hiểu của anh:

- Bây giờ không phải là lúc bàn đến chuyện hôn nhân.

Mấy tháng sau này, Ucsula mới hiểu được ý kiến đó là câu trả lời duy nhất chân thành mà Aurêlianô đã có thể nói ra trong thời điểm ấy. Nó không chỉ là lời giải đáp đối với việc hôn nhân mà còn đối với bất kỳ vấn đề nào không liên quan đến chiến tranh. Khi đứng trước họng súng của đội hành hình, ngay chính anh cũng không hiểu thật rõ lắm vì sao hàng loạt những chuyện ngẫu nhiên trớ trêu dồn mình đến tình trạng ấy. Cái chết của Rêmêđiôt không dẫn anh tới sự kích động

đáng sợ. Đúng ra, nó chẳng qua cũng chỉ là một cảm giác giận dữ thầm lặng dần dần thấm vào nỗi chán chường cô đơn và lặng lẽ, giống như sự chán chường trong những ngày anh quyết chí ở vậy. Anh lại dấn thân vào công việc nhưng vẫn giữ nếp đến thăm bố vợ để chơi đôminô: "Aurêlianô, hãy lấy vợ đi", ông bố vợ bảo anh. "Ta có sáu đứa con gái để cho anh kén đấy". Có một lần, có lẽ sự việc xảy ra trước ngày bầu cử, *đông* Apôlina Môscôtê từ trên tỉnh về làng đầy lo âu trước tình hình chính trị của đất nước. Những người thuộc phái Tự do đã sẵn sàng lao mình vào cuộc chiến. Vì lúc ấy, Aurêlianô còn có những nhận xét hồ đồ về sự khác biệt giữa những người Bảo hoàng với những người Tự do, ông bố vợ liền giảng giải cho anh những nét đại cương.

Những người Tự do, ông ta nói, là những người Tam điểm, đám người xấu xa, ủng hộ việc treo cổ các cha cố, chủ trương hôn nhân bình quyền và ly hôn, công nhận quyền bình đẳng giữa con hoang và con trong giá thú, tán thành việc phân chia đất nước thành từng bang và các bang này liên kết trong thể chế liên bang nhằm tước bỏ các quyền lực địa phương để tập trung trong chính phủ tối cao. Trái lại những người thuộc phái Bảo hoàng, vốn đã nhận quyền lực trực tiếp của Thượng đế, bảo vệ trật tự công cộng đã được thiết lập và đạo đức gia đình, là những người bảo vệ Chúa Crixtô, bảo vệ cơ sở của quyền lực và không cho phép chia đất nước thành các bang tự do. Do những tình cảm nhân đạo, Aurêlianô có thiện cảm đối với thái độ tự do công nhận các quyền lợi của con hoang, nhưng dẫu sao đi nữa, anh không hiểu nổi vì sao người ta phải đi tới một cuộc chiến tranh vì những sự việc không thể sờ mó được. Anh cảm thấy ông bố vợ mình là người quá khích khi ông ta yêu cầu cấp trên phái sáu

người lính dưới sự chỉ huy của một thày quản về Macôndô, một làng không hề có những đam mê chính trị, để bảo vệ cuộc bầu cử. Bọn lính không chỉ về làng, chúng còn đi các nhà, từng nhà một, tịch thu khí giới săn thú, dao rựa và cả dao làm bếp, trước khi phân phát cho những người đàn ông từ hai mươi mốt tuổi trở lên một lá phiếu xanh ghi tên các ứng cử viên thuộc phái Bảo hoàng và một lá phiếu hồng ghi tên các ứng cử viên thuộc phái Tự do. Trước ngày bầu cử, chính *đông* Apôlina Môscôtê đã đọc một sắc lệnh cấm bán rượu mạnh và các cuộc tụ tập từ ba người trở lên nếu không phải là người cùng nhà trong bốn mươi tám giờ đồng hồ kể từ nửa đêm ngày thử bảy. Cuộc bầu cử được tiến hành êm thấm. Ngay từ lúc tám giờ sáng ngày chủ nhật, một thùng gỗ có sáu người linh canh giữ nghiêm ngặt đã được đặt ở quảng trường. Người ta tự do bỏ phiếu đúng như chính Aurêlianô đã có thể thấy tận mắt khi - anh cùng với bố vợ đứng cả ngày canh chừng không để cho bất kỳ một ai có thể bỏ phiếu hơn một lần. Đến bốn giờ chiều, một hồi trống vang lên trên quảng trường báo hiệu ngày bầu cử đã kết thúc, và *đông* Apôlina Môscôtê cầm chiếc băng chữ thập có mang chữ ký của ngài dán hòm phiếu lại. Đêm ấy, trong lúc chơi đôminô với Aurêlianô, ngài ra lệnh cho thày quản mở hòm ra đếm phiếu. Số phiếu hồng và số phiếu xanh xấp xỉ bằng nhau, nhưng thày quản chỉ để lại mười phiếu hồng và thay phiếu xanh khác vào cho đủ số. Sau đó thày quản lại niêm phong hòm phiếu lại dưới nhãn mới và sáng ngày hôm sau người ta vội vàng mang nó lên tỉnh. "Phái Tự do sẽ nổi dậy làm nội chiến", Aurêlianô nói. *Đông* Apôlina vẫn không rời mắt khỏi các quân đôminô của mình. "Nếu anh nói vì việc thay đổi lá phiếu, thì họ sẽ không nổi dậy đâu", ngài nói, "một số lá phiếu hồng vẫn được để lại để họ khỏi

kêu ca". Aurêlianô hiểu được những điều bất lợi của phe đối phương. "Nếu tôi thuộc phái Tự do", - anh nói, "tôi sẽ nổi dậy chính vì việc thay đổi lá phiếu này". Bố vợ anh ngước mắt qua gọng kính nhìn anh:.

- Ôi Aurêlianô, - ngài nói, - nếu anh là người thuộc phái Tự do, dù anh có là con rể ta, anh không thể nào được nhìn thấy việc thay đổi lá phiếu ở đây đâu.

Trên thực tế, điều gây nên nỗi bất bình trong dân chúng không phải là kết quả cuộc bầu cử mà là việc bọn lính không trả lại vũ khí. Một nhóm phụ nữ nói chuyện với Aurêlianô để anh xin với bố vợ trả lại những con dao làm bếp. Đông Apôlina Môscôtê, bằng những lời lẽ hết sức thận trọng dã giải thích cho anh rằng bọn lính đã mang theo những vũ khí tịch thu được để làm bằng chứng về việc những người thuộc phái Tự do đang chuẩn bị chiến tranh. Sự trơ trẽn trong lời giải đáp ấy khiến anh kinh người. Anh không bình luận một lời, nhưng vào một đêm nọ, khi Herinêndô Mackêt và Macgơmphicô Visban nói chuyện với một số bạn bè xung quanh chuyện rắc rối về những con dao, họ đã hỏi anh thuộc về phái nào: Tự do hay Bảo hoàng, thì không do dự, anh trả lời:

- Nếu phải lựa chọn giữa hai phái, tôi sẽ đứng về phái Tự do, - anh nói, - bởi vì những người Bảo hoàng là những kẻ bịp bợm.

Ngay ngày hôm sau, thể theo yêu cầu của các bạn mình, anh đã đến thăm bác sĩ Aliriô Nôghêra để ông ta khám bệnh đau gan cho mình. Anh cũng không biết làm như vậy để làm gì. Bác sĩ Alinô Nôghêra đã đến làng Macôndô được mấy năm nay mang theo một tủ thuốc viên không mùi vị và một tấm biển quảng cáo thuốc không thuyết phục được một ai: Dĩ độc trị độc. Thực ra đó là một trò cười. Đằng sau cái

vẻ ngoài hiền lành của một thầy thuốc loại xoàng, là bộ mặt của một tên khủng bố đi giày ống đến nửa bẹn để che đi những vết sẹo trên cổ chân, dấu ấn của năm năm ngồi tù. Ngay từ cú mạo hiểm đầu tiên của những người có tư tưởng liên bang y đã bị bắt, y đã trốn đến Curaxao cải trang trong bộ quần áo y vốn thù ghét nhất trần đời: một chiếc áo thụng của cha cố. Sau một thời gian lưu vong dài đằng đẵng, lòng đầy náo nức trước các tin tức do những người lưu vong thuộc khắp vùng Caribê mang đến Curaxao, y lại lẻn lên một chiếc thuyền buôn lậu và sau đó có mặt ở Riôacha mang theo một tủ thuốc viên, thực ra chỉ là những viên đường đã được tinh lọc, và một bằng bác sĩ của trường đại học Lepdich giả mạo do chính y làm ra: Y khóc lóc thảm thiết. Cái nhiệt tình cách mạng của phái liên bang, được chính những người lưu vong định nghĩa là một thứ thuốc nổ sắp bùng nổ, đã nguội tắt dần dần trong ảo tưởng tuyển cử viển vông. Cay đắng trước thất bại ấy, thèm khát một địa điểm an toàn để di dưỡng tuổi già viên bác sĩ dĩ bệnh liệu bệnh đã chạy trốn đến làng Macôndô. Trong căn phòng chật hẹp xếp đầy chai không, những chiếc chai được thuê ở bên kia quảng trường, y đã sống vài năm trong căn bệnh không phương chữa chạy từng xác nhận rằng mình có thể tự an ỉn với những viên đường. Cái tâm trạng nổi loạn của y đã lắng đọng lại trong lúc *đông* Apôlina Môscôtê ngày một trở thành một nhà chức trách bù nhìn hơn. Thời gian cứ trôi đi và y cứ sống trong hồi tưởng và lo điều trị bệnh hen xuyễn. Cuộc tuyển cử sắp đến là đầu mối để y lại tìm được biện pháp hành động nổi loạn. Y đã có quan hệ mật thiết với đám thanh niên trong làng vốn là đám người rất kém cỏi về ý thức chính trị, và lăn xả vào việc bí mật vận động nổi loạn. Số đông phiếu hồng xuất hiện trong hòm phiếu là của đám

thanh niên nhiệt tình Đó là một phần trong kế hoạch của y: buộc đồ đệ của mình bỏ phiếu để chứng tỏ cho họ thấy rằng tuyển cử là một trò hề. "Cái điều duy nhất có hiệu lực", y nói, "là bạo lực". Phần lớn cái bạn của Aurêlianô lòng dạ phơi phới với ý nghĩ quét sạch cái thể chế của bọn Bảo hoàng, nhưng không một ai dám cho anh tham gia kế hoạch, không chỉ vì những mối quan hệ của anh với bố vợ mà còn vì tính cách cô đơn và phớt đời của anh. Ngoài ra họ còn được biết anh đã bỏ phiếu xanh theo sự chỉ dẫn của bố vợ. Vậy nó chỉ là một ngẫu nhiên đơn thuần bộc lộ những suy tư chính trị của anh, và nó là một sự thức đẩy hoàn toàn có tính cách tò mò đưa anh tới ý nghĩ viển vông đi thăm viên bác sĩ để ông ta điều trị cho mình cái bệnh vốn không đau. Trong căn phòng chật chội nồng nặc mùi long não rẻ tiền, có một người giống y hệt một con kỳ đà mốc meo đang khò khè thở. Chưa kịp hỏi anh điều gì, viên bác sĩ kéo anh ra cửa sổ vạch mi mắt dưới quan sát. "Không phải ở đấy đâu", Aurêlianô nói theo lời chỉ dẫn của các bạn mình. Lấy ngón tay ấn vào bụng ở chỗ buồng gan, anh nói: "Đây là nơi tôi đau không thể ngủ được". Thế là viên bác sĩ Nôghêra đóng kín của sổ lại với cớ chói nắng quá và bằng từ ngữ mộc mạc ông ta giải thích cho anh vì sao việc tiêu diệt bọn Bảo hoàng là nghĩa vụ của người yêu nước. Trong vài ngày liền, Aurêlianô mang trong túi áo sơmi một tuýp thuốc. Cứ hai giờ một lần, anh lại móc tuýp thuốc ra, dốc ba viên thuốc ra lòng bàn tay rồi vỗ tất cả vào mồm để chúng tan dần dần trên lưỡi. Đông Apôlina Môscôtê chế giễu lòng tin của anh ở phương pháp dĩ bệnh liệu bệnh, nhưng những ai đang âm mưu nổi loạn thì đều nhận ra anh là người của họ. Hầu như gần hết con trai của các bậc sáng nghiệp Macôndô đều ở trong tổ chức bí mật nhưng không một ai biết tường tận hành động

do chính họ đang chuẩn bị sẽ xảy ra như thế nào. Tuy nhiên, trong ngày viên bác sĩ tiết lộ bí mật cho Aurêlianô biết, anh đã tình nguyện tham gia cuộc nổi dậy. Mặc dù lúc ấy anh tán thành phải nhanh chóng tiêu diệt chế độ Bảo hoàng song kế hoạch hành động của ông ta lại khiến anh kinh tởm. Bác sĩ Nôghêra là một kẻ rất thích khủng bố cá nhân. Cái cơ chế hành động của ông ta được thu lại trong việc phối hợp hàng loạt hành động cá nhân để rồi trong một vụ bạo động lớn có tầm toàn quốc sẽ tiêu diệt các quan chức của chế độ Bảo hoàng cùng với toàn bộ gia quyến họ, nhất là các con cái, nhằm triệt tận gốc cái nòi Bảo hoàng. Dĩ nhiên *đông* Apôlina Môscôtê, bà vợ, các cô con gái đều ở trong danh sách khủng bố.

- Ngài chẳng phải là nhà Tự do cũng chẳng phải là cái đếch gì - Aurêlianô thản nhiên nói, - ngài là một tên sát nhân, không hơn không kém.

- Vậy thì, trong trường hợp này, - viên bác sĩ cũng thản nhiên nói, - anh hãy trả lại tôi cái tuýp thuốc. Anh không cần đến nó nữa.

Sáu tháng sau, Aurêlianô mới biết rằng viên bác sĩ không tin anh là một người hành động, không hy vọng gì ở anh, một con người tình cảm chủ nghĩa, quá ư hiền lành và cô đơn. Họ tìm cách giám sát anh vì sợ anh tiết lộ kế hoạch nổi loạn. Để họ yên lòng, Aurêlianô hứa sẽ không mở miệng. Nhưng cái đêm bọn họ tới để hạ sát gia đình Môscôtê, đã gặp anh đứng bảo vệ ngay ở cửa vào. Anh thể hiện thái độ dứt khoát đến mức kế hoạch hạ sát phải hoãn không biết đến bao giờ. Chính trong những ngày này, Ucsula đã hỏi ý kiến anh về hôn nhân của Piêtrô Crêspi và Amaranta và anh đã trả lời bây giờ không phải là lúc nghĩ đến việc đó. Từ hơn một tuần nay, lúc nào anh cũng giấu khẩu súng lục cổ lỗ dưới áo sơmi, lúc nào cũng cảnh giác đối

với các bạn mình. Buổi chiều anh đến uống cà phê với Hôsê Accađiô và Rêbêca, lúc này vợ chồng họ bắt đầu trang hoàng nhà cửa, rồi từ lúc bảy giờ tối anh ngồi chơi đôminô với bố vợ.
Vào giờ ăn trưa, anh nói chuyện với Accađiô, lúc này đã là một thanh niên cường tráng, và nhận thấy chàng trai ngày một bộc lộ rõ nhiệt tình háo hức chờ đón cuộc nội chiến sắp xảy ra đến nơi. Accađiô đã nhen nhóm lòng nhiệt tình hâm mộ tư tưởng tự do trong trường họe, là nơi anh đã tập trung không chỉ những học trò lớn tuổi mà còn cả trẻ nhỏ hầu như chưa biết nói. Chàng trẻ tuổi nói về việc bắn chết cha Nicanô, về việc biến nhà thờ thành trường học, về việc công nhận tự do luyến ái. Aurêlianô lo lắng trước những tư tưởng bạo lực của cháu trai. Anh khuyên cậu cần phải thận trọng và kín đáo. Làm ngơ trước những lý lẽ chín chắn của anh, trước ý nghĩ thực tế của anh, Accađiô công khai phê phán tính nhu nhược của ông chú mình. Aurêlianô chờ đợi chờ đợi. Cuối cùng, vào đầu tháng Chạp, Ucsula bỗng hoảng hốt bước vào xưởng kim hoàn:
- Nội chiến đã bùng nổ!
Quả nhiên nội chiến đã nổ ra được ba tháng. Luật giới nghiêm được thi hành trong toàn quốc. *Đông* Apôlina Môscôtê là người duy nhất kịp thời biết tin chiến sự đã nổ ra nhưng ngài không để lộ ngay cả với vợ mình, trong khi đó một trung đội lính đã ập tới chiếm làng đóng đồn. Bọn lính lặng lẽ tiến vào làng trước lúc trời rạng sáng, mang theo hai cỗ pháo hạng nhẹ do lừa kéo, và lập đồn ngay tại trường học. Ngay từ sáu giờ chiều chúng đã thổi kèn giới nghiêm. Lần này chúng lục soát nhà từng nhà một khủng khiếp hơn lần trước, tịch thu cả từ cái liềm trở đi. Chúng lôi bác sĩ Nôghêra đi, trói vào một gốc cây rồi bắn không cần xét xử. Cha Nicanô muốn làm cho các nhà

cầm quyền quân sự phải rùng rợn trước phép thần bí tự nâng mình lên khỏi mặt đất, nhưng một tên lính đã lấy báng súng nện bốp một cái làm chảy máu đầu cha. Niềm phấn khích của những người Tự do bị dập tắt trong mối lo âu thầm lặng. Aurêlianô, da tái đi lầm lỳ khó hiểu vẫn tiếp tục chơi đôminô với bố vợ. Anh hiểu rằng mặc dù mang danh là nhà lãnh đạo các vấn đề dân sự và quân sự trong làng, một lần nữa *đông* Apôlina Môscôtê vẫn chỉ là một quan chức bù nhìn. Mọi vấn đề trong làng đều do một đại uý quân đội quyết định. Các buổi sáng, viên đại uý này vẫn đích thân thu thuế ngoại ngạch để chi tiêu cho công việc giữ gìn an ninh chung. Bốn tên lính dưới sự chỉ huy của hắn ta đã cướp phá gia đình một người đàn bà bị chó dại cắn, và đã dùng báng súng đánh chết bà ta ngay giữa đường cái. Sau khi bọn lính chiếm đóng làng được hai tuần, một chủ nhật nọ, Aurêlianô bước vào nhà Hêrinêndô Mackêt, với vẻ đờ đẫn thường có, anh xin một tách cà phê không pha đường. Khi chỉ còn lại hai người với nhau, khác hẳn với mọi ngày thường, Aurêlianô lên giọng quyền thế nói: "Hãy chuẩn bị các chàng trai đi chúng ta sẽ ra quân". Hêrinêndô Mackêt vẫn chưa tin, hỏi:

- Lấy đâu ra vũ khí?

- Lấy của chúng, - Aurêlianô trả lời.

Vào lúc nửa đêm ngày thứ ba, trong một trận đánh trộn trấu, hăm mốt người đàn ông chưa đầy ba mươi tuổi dưới sự chỉ huy của Aurêlianô, tất cả đều được vũ trang bằng dao ăn và các thanh sắt mũi nhọn, đã bất thình lình đánh úp bọn lính gác, chiếm vũ khí và bắn chết ngay ở ngoài sân viên đại uý cùng bốn tên lính đã giết người đàn bà vô tội nọ.

Đêm ấy, trong lúc vang lên lệnh tước vũ khí của đội hành hình,

Accađiô được phong làm quan thống lĩnh các vấn đề quân sự và dân sự của làng. Những nghĩa quân có vợ hầu như không kịp chào từ biệt vợ mình đã ra đi để mặc các bà tự xoay xở lấy. Họ ra đi vào lúc rạng sáng được cả làng, đã thoát khỏi nỗi kinh hoàng, reo hò tiễn biệt để gia nhập các lực lượng vũ trang của tướng Vichtôriô Mêđina, một nhà cách mạng. Theo những tin tức mới nhận được, ông đang hoạt động ở phía Manaurê. Trước lúc ra đi, Aurêlianô đã thả *đông* Apôlina Môscôtê ra khỏi cũi sắt. "Xin bố cứ ở yên cho", anh nói với bố vợ, "chính quyền mới, với lời nói danh dự, sẽ bảo đảm an toàn tính mạng cho bố và toàn gia đình". *Đông* Apôlina Môscôtê khó khăn lắm mới nhận mặt được nhà khởi nghĩa đi ủng cao cổ, đeo súng ngang hông là người vẫn chơi đôminô với ông tới chín giờ đêm.

- Đây là một trò đùa phải không Aurêlianô? - ngài reo lên hỏi.

- Không đùa đâu, - Aurêlianô nói, - đó là chiến tranh thật sự. Xin bố đừng gọi Aurêlianô cộc lốc nữa, vì tôi đã là đại tá Aurêlianô Buênđya rồi.

Chú thích:

(1) Tiếng latinh, nghĩa: Điều đó thật là đơn giản. Con người là con vật bốn chân tạo ra vật chất.

(2) Tiếng latinh, nghĩa: Tôi phản đối. Sự hiện tồn của Thường đế có hay không còn phải được chứng minh đã.

(3) Cờ vua

Chương 6

Đại tá Aurêlianô Buênđya đã phát động ba mươi hai cuộc vũ trang nổi dậy và thất bại hoàn toàn. Chung đụng với mười bảy cô gái ở những làng khác nhau, ngài sinh được mười bảy người con trai và tất cả bọn họ đều lần lượt bị giết hại chỉ trong một đêm trước khi người con cả vừa đúng ba mươi lăm tuổi Ngài đã thoát nạn trước mười bốn vụ mưu sát, bảy mươi ba vụ phục kích và một đội hành hình. Ngài sống sót qua vụ đầu độc bằng bột mã tiền hòa trong cà phê với lượng đủ giết chết một con ngựa. Ngài từ chối Huân chương Công Huân do Tổng thống nước Cộng hoà tặng. Ngài trở thành Tổng Tư lệnh các lực lượng vũ trang cách mạng có uy quyền từ nước này sang nước khác và là người buộc chính phủ phải gờm, nhưng không bao giờ ngài cho phép người ta chụp ảnh mình. Ngài khước từ lương hưu trí dành cho mình sau chiến tranh và sống cho đến tuổi già nhờ những chú cá vàng được sản xuất trong xưởng kim hoàn của mình ở làng Macôndô. Mặc dù lúc nào cũng dẫn đầu quân đội của mình trong trận mạc nhưng vết thương duy nhất trên người lại do chính tay ngài gây nên sau khi ký hiệp định đình chiến Neclanđia, kết thức hai

mươi năm nội chiến. Ngài tự bắn một phát súng lục vào ngực mình và - viên đạn chui ra ở phía lưng không hề gây tổn hại cho lực phủ ngũ tạng. Cái duy nhất còn lại trong hai mươi năm nội chiến là con đường ở Macôndô mang tên ngài. Tuy nhiên, theo lời tuyên bố của ngài mấy năm trước khi chết vì già lão, ngay điều đó cũng không hề là điều ngài mong đợi trong buổi sáng ngài cùng với hai mươi mốt chàng trai khoẻ mạnh lên đường gia nhập các lực lượng vũ trang của tướng Vichtôriô Mêđina.

- Chúng ta để lại Macôndô cho cháu đấy, - đó là tất cả những gì chàng nói với Accađiô trước lúc lên đường. - chúng ta hài lòng để nó cho cháu. Vậy cháu hãy cố gắng lo cho nó để khi trở về chúng ta thấy nó tốt đẹp hơn.

Accađiô đã đáp lại lời khuyên nhủ ấy theo cách riêng của mình. Cậu may một bộ quân phục với lon và tua ngù cấp nguyên soái, mô phỏng theo hình vẽ trong cuốn sách của Menkyađêt và đeo vào thắt lưng mình thanh gươm có bao khảm vàng của viên đại uý bị hành hình. Đặt hai cỗ pháo ngay ở cổng làng, cho học trò cũ của mình - những kẻ điên khùng bởi những lời tuyên bố nẩy lửa của cậu - mặc đồng phức và cho chúng ngông nghênh mang vũ khí đi đi lại lại trên khắp nẻo đường làng để gây cho những người lạ mặt có cảm nghĩ đây là một vị trí quân sự bất khả xâm phạm. Đó là một trò chơi giống như con dao hai lưỡi bởi vì nhờ nó chính phủ không dám cho quân tấn công quảng trường liền trong mười tháng trời, nhưng cũng vì nó mà khi chính phủ ra lệnh tấn công quảng trường thì quân đội đã dùng một lực lượng lớn được vũ trang cực mạnh đến mức đã tiêu diệt lực lượng đề kháng chỉ trong vòng nửa giờ đồng hồ.

Ngay từ ngày đầu tiên thực thi quyền lực của mình, Accađiô đã lộ

mặt la một kẻ hống hách. Hàng ngày, cậu ta đọc lệnh cho tới bốn giờ chiều để ra lệnh và sắp đặt mọi việc theo ý muốn của mình. Cậu ta thi hành lệnh cưỡng bức quân sự đối với những người từ mười tám tuổi trở lên, tuyên bố trưng dụng những súc vật nào còn lang thang ngoài đường sau sáu giờ chiều và bắt buộc những người đàn ông lớn tuổi phải đeo băng đỏ ở cánh tay.
Giam lỏng cha Nicanô trong tu viện với lời đe doạ sẽ đem bắn và cấm cha làm lễ mixa và kéo chuông nếu không phải là để mừng thắng lợi của phái Tự do. Để không còn một ai nghi ngờ tính chất nghiêm túc ở những chủ trương của mình, cậu ta ra lệnh cho một đội hành hình tập bắn thằng bù nhìn ở ngoài quảng trường ngay trước mắt thiên hạ. Lúc đầu chẳng một ai coi trọng điều đó. Chẳng qua là các cậu học trò chơi trò người lớn thôi. Nhưng có một đêm, khi Accađiô bước vào tiệm ăn của bác Catarinô, nghệ sĩ thổi kèn trômpét đã chào cậu bằng một hồi kèn bông lơn khiến cho đám đông cười rộ lên, thế là cậu ra lệnh bắn chết anh ta vì tội không tôn trọng nhà chức trách. Đối với những ai dám phản đối mình, cậu ra lệnh còng tay nhất vào trại giam vốn là một phòng học và cho họ ăn bánh nhạt với nước lã. "Mày là đứa giết người", Ucsula mắng cậu mỗi khi bà biết được một hành động bạo ngược mới của cháu mình. "Nếu Aurêlianô mà biết thì nó sẽ giết mày và tao sẽ là người đầu tiên trong cái làng này hả lòng hả dạ". Song những lời la mắng ấy của bà đều vô ích. Accađiô vẫn điên khùng xiết chặt các ốc vít của bộ máy kìm kẹp cho đến khi cậu ta trở thành tên khát máu nhất chưa từng có trong số những nhà chức trách ở làng Macôndô. "Giờ đây mới khổ sở với sự tranh giành", *đông* Apôlina Môscôtê nói ra miệng trong một số dịp: "Đó là Thiên đường của những kẻ Tự do mà". Accađiô biết. Cầm đầu

toán quân lùng sục, cậu đột nhập ngôi nhà ở, đập phá bàn ghế giường tủ, đánh đập các cô con gái và lôi xềnh xệch *đông* Apôlina Môscôtê đi theo. Ngay lúc Accađiô sắp sửa đích thân ra lệnh cho đội hành hình nổ súng vào *đông* Apôlina Môscôtê thì Ucsula, sau khi đã sượng sùng la thét và giận dữ huơ huơ chiếc roi da sơn hắc ín để rẽ đám đông, làm ồn cả sân trại lính: "Thằng đểu, mày hỗn vừa vừa chứ! " Trước khi Accađiô kịp phản ứng, bà đã quất cho cậu một roi da, "Thằng giết người. Mày hỗn láo quá thể", bà thét. "Mày giết cả tao nữa, đồ mất dạy. Như thế tao đỡ phải khóc vì nhục nhã đã nuôi nấng một tên phản phúc". Bà cứ thế quất lia lịa không thương tiếc, đuổi theo cậu ta đến tận cuối sân mà đánh, làm cho cậu ta phải lăn lộn như một con ốc sên. *Đông* Apôlina Môscôtê đứng chết khiếp đi, bị trói ghì vào chiếc cột trước đây những thằng hình nộm tan xác pháo do đạn súng của đội hành hình tập.

Các chàng trai của đội hành hình tản mát hết vì sợ Ucsula sẽ đánh chết họ. Nhưng bà không thèm nhìn họ. Để mặc Accađiô với bộ quân phức lôi thôi, lếch thếch, rên ri vì đau đớn và giận dữ, bà đi cởi trói cho *đông* Apôlina Môscôtê rồi dẫn ngài về nhà. Trước khi đi khỏi trại linh, bà còn thả nốt các chính trị phạm.

Kể từ dạo ấy, bà là người cai quản làng Macôndô. Bà khôi phục lễ mixa ngày chủ nhật, bãi bỏ việc đeo băng đỏ, bãi bỏ các đội tuần tra hung bạo. Nhưng vào lúc nghỉ ngơi bà vẫn khóc than cho số phận hẩm hiu của mình. Bà cảm thấy quá ư cô quạnh đến mức bà phải tìm đến người chồng bị lãng quên dưới bóng cây dẻ. "Mình ơi, mình hãy nhìn cảnh ngộ của chúng ta, có thảm không chứ", bà nói với ông trong lúc những trận mưa rào tháng bảy đe doạ quật đổ túp lều lá cọ. "Mình hãy nhìn ngôi nhà hoang vắng, con cái chúng ta ly tán khắp

thế gian, và một lần nữa chỉ có hai chúng ta với nhau như cái thuở ban đầu".

Hôsê Accađiô Buênđya triền miên trong bể thẳm vô thức, cứ trơ như đá trước những lời thở than của bà. Vào lúc mới điên rồ, ông thường dùng những câu latinh khó hiểu để thông báo cho mọi người biết những nhu cầu tối cần thiết hàng ngày của mình. Trong những lúc tỉnh táo ngắn ngủ, khi Amaranta mang cơm cho ông, ông đã báo cho cô biết những phiền toái nhất của mình, và ông ngoan ngoãn uống thuốc cao hạt cải và để cho cô giác máu. Nhưng ở thời kỳ Ucsula thở than bên ông thì ông hoàn toàn mất khả năng tiếp xúc với đời thực. Ông ngồi trên ghế để bà tắm từng bộ phận một cho mình. Trong lúc tắm bà kể cho ông nghe chuyện nhà chuyện cửa. "Đã bốn tháng nay, Aurêlianô đi trận, và chúng ta vẫn chưa nhận được tin tức gì về hắn", bà nói trong lúc kỳ cọ xà phòng cho ông. "Hôsê Accađiô dã trở về, đó là một người đàn ông thực thụ, cao hơn cả ông ấy, và săm khắp người. Hắn trở về chỉ để mang nỗi nhục cho gia đình mình". Tuy nhiên, bà quan sát thấy hình như chồng mình buồn trước những tin dữ ấy. Thế là bà đổi giọng khuyển sang nói dối ông "Mình đừng tin những điều tôi vừa nói nhé", bà nói, trong lúc rắc gio xuống những bãi phân của ông để lấy mo hót đi. "Thượng đế muốn Hôsê Accađiô và Rêbêca lấy nhau và giờ đây chúng nó sống rất hạnh phúc". Rồi bà trở nên quá thành tâm trong khi nói dối đến nỗi ngay bản thân bà cũng cảm thấy dược an ủi bằng chính những lời mình phỉnh phờ. "Accađiô đã trở thành một chàng trai đứng đắn - bà nói - rất dũng cảm và rất bảnh bao diện bộ đồng phục và đeo kiếm bên hông". Tất cả những lời ấy được nói ra như thể nói với người chết, bởi Hôsê Accađiô Buênđya thanh thản, rất thanh thản ở ngoài mọi băn khoăn

lo lắng. Những bà vẫn không thôi. Bà thấy ông hiền lành quá giống với mọi người quá, đến mức bà cởi trói cho ông. Ông vẫn nằm trên chiếc ghế, như thể những chiếc chạc không còn cần thiết nữa, bởi vì dường như đã có một sức mạnh còn mạnh hơn cả những nút trói buộc mà mắt thịt có thể nhìn thấy đã trói ghì ông vào gốc cây dẻ. Vào khoảng tháng tám, khi mùa đông bắt đầu dài lê thê, Ucsula đã có thể báo cho ông biết một tin:

- Này ông, vận may vẫn đến với chúng ta đấy, - bà bảo ông, - Amaranta và anh người Ý chữa cây đàn pianô tự động ấy sẽ cưới nhau đấy.

Quả thật, Amaranta và Piêtrô Crêspi đã có một tình bạn sâu sắc. Cả hai đều được Ucsula đùm bọc yêu thương. Lần này bà thấy không cần thiết phải ngồi canh chừng đôi trai gái chuyện trò. Đó là một mối tình trong buổi hoàng hôn. Anh người Ý với bông hoa dành dành trắng ngà nổi bật trên ve áo đến nhà vào buổi chiều, và dịch ra tiếng Tây Ban Nha cho Amaranta nghe những bài thơ sônê của Petrăcca(1). Hai người ngồi ở hành lang nồng nặc mùi hoa hồng và hoa thu hải đường. Chàng đọc thơ, nàng dệt những tấm đăng ten, không hề biết những sự kiện kinh người và những tin dữ ngoài mặt trận, cho tới khi muỗi đốt dữ dội họ mới chạy vào phòng khách. Tình cảm dịu dàng của Amaranta với những lời âu yếm đầy ý nhị giống như một tấn mạng nhện vô hình ngày một bọc chặt lấy người yêu mến đến mức vào lúc tám giờ tối buộc anh phải lấy những ngón tay mai mái xanh đeo nhẫn gỡ nó ra để về nhà mình. Hai người đã làm một cuốn albom tuyệt vời với những tấm bưu thiếp từ Ý gửi đến cho Piêtrô Crêspi. Đó là những bức ảnh chụp những người yêu nhau trong những vườn hoa vắng vẻ, với hình vẽ trang trí trái tin bị mũi tên

xuyên ngang và những dải vàng vương cánh những đôi bồ câu. "Anh biết công viên này ở Phlôrênxi", anh nói, trong lúc lần giở các tấm bưu thiếp. "người ta vừa chìa bàn tay ra, lập tức chim đã sà xuống để ăn". Đôi lúc, trước một nhà cây cảnh, nỗi nhớ nhung đã biến mùi bùn và mùi cá thối trong các kênh mương thành phố Vênêxi thành một mùi hoa thơm dìu dịu. Amaranta thở dài, cười, mơ mộng đến một tổ quốc thứ hai gồm những chàng trai và những cô gái đẹp lộng lẫy nói thứ tiếng nói của trẻ thơ, trên những thành phố cổ kính mà thời huy hoàng oanh liệt xưa của chúng giờ chỉ còn lại những chú mèo lẩn quất bên những đống gạch vữa đổ nát. Sau khi vượt qua trùng dương mênh mông trong sự tìm kiếm của mình, sau khi đã nhầm lẫn nó với nỗi đam mê trong những lúc âu yếm mãnh liệt của Rêbêca, giờ đây Piêtrô Crêspi đã gặp được tình yêu. Niềm vui mang theo cả sự giàu có, lúc này cửa hàng của anh chiếm gần hết một ô phố. Đó là một tủ kính khổng lồ kỳ ảo nhận phục chế những chiếc đồng hồ báo thức xứ Phlorênxi mà mỗi bận điểm giờ chúng làm vang lên một bản hợp xướng những tiếng chuông, bày bán những hộp phấn Tàu khiến năm ngón tay thích thú khi mở nắp, và đủ loại nhạc cụ có thể tưởng tượng ra, đủ loại đồ chơi dây cót có thể mơ ước thấy.

Brunô Crêspi, em út của anh, ngồi trông coi cửa hàng, bởi vì cậu chưa đủ khả năng đảm đương lớp học nhạc. Nhờ có Piêtrô Crêspi đường Thổ Nhĩ Kỳ vội sự trưng bày lộng lẫy các thứ hàng quý giá đã trở thành một nơi yên tĩnh du dương để quên đi những hành động tàn bạo của Accađiô và không khí ảm đạm muôn thuở của chiến tranh. Khi Ucsula quyết định phục hồi các buổi lễ mixa ngày chủ nhật, Piêtrô Crêspi đã hiến nhà thờ một cây đàn thiếu nhi, chuẩn bị một bài

hát sẽ làm cho buổi lễ mixa trầm buồn của cha xứ Nicanô vui hẳn lên. Không một ai còn nghi ngờ Amaranta sẽ là một người vợ hạnh phúc. Cứ để cho tình cảm lứa đôi mặc nhiên nẩy nở từ trái tim của hai người, không cần phải thôi thúc, bọn họ đã đi đến đỉnh điểm của tình yêu chỉ còn thiếu việc định ngày làm lễ cưới. Bọn họ không gặp một trở ngại nào. Ucsula thầm trách mình với việc trì hoãn không thời hạn ngày cưới đã làm thay đổi số phận của Rêbêca. Cho đến bây giờ bà vẫn chưa nguôi nỗi tủi hổ. Việc để tang Rêmêđiôt thật nghiêm túc đã phải lui xuống hàng thử, bởi sự chết chóc do chiến tranh gây nên, bởi sự vắng mặt của Aurêlianô, bởi hành động tàn bạo của Accađiô, bởi việc tống khứ Hôsê Accađiô và Rêbêca ra khỏi nhà. Trước đám cưới sắp đến, chính Piêtrô Crêspi đã khẩn khoản xin được coi Aurêlianô Hôsê vốn được anh quý như con đẻ, là đứa con đầu lòng của mình. Tất cả đều khiến cho mọi người nghĩ rằng Amaranta đang đi tới một hạnh phúc dễ dàng. Nhưng, khác hẳn với Rêbêca, cô không hề để lộ sự thèm khát của lòng mình. Với chính cái tình cảm khi ngồi dệt những tấm khăn trải bàn, những diềm đăng ten kết những con công đính trên cây thánh giá chờ đợi cho Piêtrô Crêspi không thể ghìm được những đòi hỏi khẩn cấp của trái tim anh. Giờ tận số của anh đã đến vào những ngày mưa bất hạnh trong tháng mười. Piêtrô Crêspi gỡ tay cô khỏi khung thêu và hai tay anh cầm thật lâu bàn tay cô. "Anh không thể đợi hơn được nữa", anh nói với cô. "Chúng ta sẽ cưới nhau vào tháng tới nhé". Amaranta không run rẩy khi tay cô chạm phải bàn tay lạnh buốt của anh. Cô từ từ rút tay mình ra khỏi hai tay anh. Giống như một con vật lẩn tránh, cô lại tiếp tục công việc.

- Thôi đi đừng có mà ngây ngô quá thế đi Crêspi, - cô cười. - Dù có

chết tôi cũng không lấy anh đâu.
Piêtrô Crêspi không tự chủ được bản thân. Anh khóc nức nở không còn biết xấu hổ, gần như bóp nát các ngón tay vì thất vọng. Nhưng anh vẫn không lay chuyển được cô. "Đừng chần chừ mất thời gian nữa", đó là tất cả những gì mà Amaranta có thể nói. "Nếu quả tình anh yêu tôi tha thiết thì xin đừng bước tới nhà này nữa". Ucsula tưởng như mình phát điên lên vì xấu hổ. Piêtrô Crêspi trổ hết tài van xin, tự hạ mình tới mức không thể tưởng tượng được. Suốt một đêm anh khóc như một đứa bé trên ngực Ucsula, người có lẽ phải bán cả linh hồn để an ủi anh.
Trong những đêm mưa người ta bắt gặp anh đội chiếc ô lụa lảng vảng quanh nhà cố lòng bắt gặp ánh sáng trong phòng Amaranta. Chưa bao giờ anh mặc diện như lúc ấy. Mái đầu đẹp lộng lẫy như của một vị hoàng đế qua cơn sóng lòng đã mang vẻ lạ lẫm hẳn đi. Anh đón đường các bạn gái của Amaranta, những cô gái vẫn thường đến thêu ở hành lang, để nhờ họ khuyên giải Amaranta. Anh không còn lòng dạ nào chăm lo tiệm buôn. Suốt ngày anh ở nhà trong viết những bức thư nhàm chán để gửi đến Amaranta cùng với những cánh hoa và những con bướm ướp khô. Nhưng cô vẫn để nguyên gửi trả anh. Đóng cửa phòng, anh ngồi lỳ ngày nọ qua ngày kia để chơi đàn lục huyền. Có một đêm anh hát. Macôndô thức dậy trong nỗi thảng thốt đặc biệt mà tự cảm thấy mình được thần thánh lựa bởi tiếng đàn lục huyền vang lên rền rĩ không phải từ thế gian này mà bởi một giọng hát nỉ non chan chứa tình yêu thương dường như không thể có trên mặt đất này. Thế là lúc đó Piêtrô Crêspi nhìn thấy ánh sáng ló ra từ cửa sổ khắp các nhà trong làng chỉ trừ cửa sổ phòng Amaranta. Ngày mồng hai tháng mười một, ngày lễ của tất cả các

vong linh, em trai anh mở cửa hàng và bắt gặp tất cả các ngọn đèn đều thắp sáng, tất cả các hộp nhạc đều mở, tất cả đồng hồ đều dừng lại ở một giờ vô tận, và trong quang cảnh ngổn ngang ấy cậu thấy Piêtrô Crêspi ngồi bên bàn viết ở nhà trong với bàn tay các ngón đều bị dao cắt ngâm trong chậu cánh kiến.

Ucsula quyết định sẽ quàn thi hài anh trong nhà mình để làm lễ viếng. cha Nicanô khước từ làm lễ rửa tội cho anh và mai táng anh ở đất thánh. Bà Ucsula đương mặt với cha. "Cả cha cả con, chúng ta không thể hiểu được rằng con người ấy là một vị thánh", bà nói. "Trái với ý nguyện của cha, con sẽ chôn anh ta ở ngay cạnh ngôi mộ của Menkyađêt". Bà làm đúng những điều mình nói. Được cả làng ủng hộ, bà tổ chức lễ tang thật trọng thể cho anh. Amaranta không bước ra ngoài phòng mình. Nằm trên giường cô nghe rõ tiếng khóc của Ucsula, tiếng chân đi lại và lời than thở sụt sùi của đám đông và tiếng rú rùng rợn của những người đàn bà khóc mướn vọng vào nhà và sau đó là khung cảnh yên tĩnh trầm mặc vương mùi hoa bị chà đạp. Ucsula từ bỏ cô. Ngay cái buổi chiều Amaranta vào bếp thọc tay vào bếp than đỏ rực để nguyên cho tới khi cô không còn biết đau đớn mà chỉ cảm thấy mùi khét lẹt của chính da thịt mình đang xèo xêo cháy, bà cũng chẳng thèm ngước mắt nhìn để thương xót con gái. Đó là rách chữa hiệu nghiệm những nỗi ăn năn dằn vặt. Trong vài ngày liền, với bàn tay bỏng ngâm trong một bát lòng trắng trứng gà, cô đi đi lại lại trong nhà và khi chữa khối những vết cháy bỏng thì dường như lòng trắng trứng gà cũng chữa lành những vết cháy bỏng trong trái tim cô. Dấu vết bên ngoài duy nhất còn lại của tấn bi kịch là tấm băng đen băng trên bàn tay bị bỏng và cô đã phải mang nó cho đến

khi chết.

Qua việc ra lệnh chính thức để tang Piêtrô Crêspi, Accađiô đặc biệt tỏ ra là người cao thượng. Ucsula giải thích hiện tượng đó như là sự trở về của một con chiên lầm đường. Song bà nhầm to. Bà đã để mất Accađiô không chỉ từ khi cậu ta mặc bộ quân phục mà đã từ lâu rồi. Bà những tưởng mình nuôi dưỡng nó như nuôi dưỡng một đứa con trai, như nuôi dưỡng Rêbêca, không quá chiều chuộng cũng không quá tệ bạc. Tuy vậy, Accađiô vốn là một đứa trẻ đơn độc và hoảng sợ trong suốt thời kỳ dịch mất ngủ hoành hành, trong hoàn cảnh Ucsula mải mê làm giàu, Hôsê Accađiô Buênđya điên rồ, Aurêlianô lầm lỳ ít nói, Amaranta và Rêbêca thù nhau. Aurêlianô dạy nó học đọc và học viết, mà tâm tưởng anh cứ để ở tận đâu đâu ấy, cứ như thể anh biến nó thành một kẻ lạ lẫm. Anh cho nó quần áo sắp rách để Visitaxiôn chữa lại cho vừa. Accađiô khổ sở với những đôi giày quá rộng, với những chiếc quần chữa lại, với bộ mông đàn bà của mình. Chẳng bao giờ nó giãi bày tâm sự với ai ngoại trừ với Visitaxiôn và Cataurê qua ngôn ngữ của họ. Trên thực tế Menkyađêt là người duy nhất bận tâm tới nó. Cụ ngâm cho nó nghe những bài nhã ca khó hiểu cũng như giảng giải cho nó về nghề ảnh. Không ai biết nó đã khóc thầm trước cái chết của cụ như thế nào và nó đã cố lòng làm sống lại cụ qua việc nghiền ngẫm những trang viết của cụ mà không kết quả. Trường học, nơi cậu ta dốc lòng dốc sức làm việc và được mọi người kính trọng, sau đó là chức quyền được giao với những mệnh lệnh dứt khoát và bộ quân phục vinh quang, những thứ đó đã giải thoát cậu ta khỏi nỗi đắng cay trước đấy. Có một đêm nọ, ngay trong tiệm bác Catarinô, một ai đó đã dám nói thẳng với cậu ta:

"Anh không xứng với tên họ của mình!". Trái với điều mọi người mong đợi Accađiô đã không ra lệnh bắn người đó:
- Rất hân hạnh, - cậu ta nói. - May quá, tôi lại không phải là một Buênđya.

Những ai biết gốc gác của cậu ta qua cuộc đấu khẩu này thảy đều nghĩ rằng cậu ta đã hiểu. Thực ra cậu ta vẫn không hay biết gì về gốc gác của mình. Pila Tecnêra, bà mẹ cậu ta, người từng làm cho cậu ta nổi máu dê ở trong phòng làm ảnh, là một sự thèm khát không thể cưỡng lại nổi đối với cậu ta, cũng như thuở ban đầu đối với Hôsê Accađiô và sau đó đối với Aurêlianô. Mặc dù thị đã để mất đi vẻ duyên dáng và tiếng cười phấn kích trước đây, cậu ta vẫn tìm kiếm thị và đã gặp thị trong mùi khói khen khét phả ra từ thân xác thị. Nhưng trước ngày nổ ra chiến sự, có một buổi trưa thị đến trường muộn hơn cả để tìm thằng con út của mình thì Accađiô đang đợi thị tại phòng nghỉ và sau này là phòng giam. Trong lúc đứa trẻ đang nô đùa ở ngoài sân, cậu ta nằm trên võng chờ đợi thị mà người cứ run bắn lên vì thêm khát và biết rằng thị sẽ qua đây. Thị đến thật. Accađiô cầm lấy cổ tay thị định lôi lên võng với mình.
"Chịu thôi! Chịu thôi!", Pila Tecnêra run rẩy sợ hãi nói. "Cậu không biết rằng tôi cũng muốn chiều cậu lắm chứ. Nhưng có Thượng đế làm chứng cho: tôi không thể thỏa mãn cậu được".
Với sức mạnh cha truyền, Accađiô đã quàng tay ôm lấy thắt lưng thị và cảm thấy trời đất ngả nghiêng khi chạm phải da thịt thị. "Thôi đi, đừng có mà làm bộ ta đây…", cậu ta nói. "Cuối cùng cả bàn dân thiên hạ ai cũng biết tỏng mình làm điếm rồi".
Pila Tecnêra cố quất nỗi nhục nhã mà số phận bi thảm đã dành cho mình.

- Bọn trẻ con sẽ biết mất, - thị nói. - Tốt hơn hết là đêm nay cậu hãy để ngỏ cửa.

Đêm ấy, nằm trên võng người cứ nóng ran như có lửa tràm, Accađiô đợi thị. Cậu ta không ngủ để chờ đợi mà dõi theo tiếng trong đêm khuya và tiếng vạc ăn đêm. Càng đợi cậu ta càng vô vọng và nghĩ rằng mình đã bị "một quả lừa". Đương lúc sự thèm khát ngày một nguội dần và lúc cơn giận dữ ngày một bốc lửa, thì bỗng nhiên cửa mở. Sau đó mấy tháng, đứng trước họng súng của đội hành hình, Accađiô đã làm sống lại trong ký ức mình những bước chân chệnh choạng đi trong phòng học, những cú va chạm ghế băng, rồi cuối cùng một bóng hình nổi đậm trong phòng mờ tối và tiếng đập thình thình của một con tim vốn không phải là của mình. Cậu ta chìa tay ra và bắt gặp một bàn tay khác đeo hai chiếc nhẫn trên cùng một ngón tay của một người sắp chết chìm trong bóng tối. Cậu ta cảm thấy máu mình chảy giần giật trên các huyết quản, nỗi bất hạnh của mình đang đập rối loạn và cảm thấy bàn tay mình, với đường đời bị thần chết chém ngang trên gò ngón tay cái, sâm sấp ướt mồ hôi. Vậy là cậu ta hiểu ngay rằng người đàn bà ấy không phải là người mình đợi chờ, bởi vì người đàn bà ấy không phả ra mùi khen khét mà phả ra mùi brigiăngtin, bởi vì người đàn bà ấy có bộ vú chũm cau, có cái mòng đóc cứng và tròn như hạt bồ đào và thân thể người ấy run run vẻ hoảng loạn của người chưa từng trải mùi đời. Người ấy là một cô gái trinh và có cái tên đến là khó tin: Santa Sôphia đê la Piêđat(2). Pila Tecnêra trả cho cô năm mươi đồng *pêsô*, một nửa số tiền thị đã ki cóp trong cả cuộc đời, để cô làm cái việc đang làm. Accađiô từng nhìn thấy cô nhiều lần trong lúc trông nom cửa hiệu thực phẩm của cha mẹ, và chưa bao giờ cậu để mắt tới cô bởi vì cô chưa thực sự ở

tuổi thanh xuân. Song kể từ ngày đó trở đi, cậu ta như một con mèo cứ rúc vào nách cô gái. Cô đến trường vào giờ nghỉ trưa trong sự đồng lõa của cha mẹ mình vốn là những người đã được Pila Tecnêra cho nốt số tiền ki cóp được. Về sau này, khi quân chính phủ tống khứ bọn họ ra khỏi trường học, thì hai người làm tình với nhau giữa những thùng bơ và những tải ngô trong kho hàng. Trong thời kỳ Accađiô được phong làm Quan Tổng trấn coi các vấn đề quân sự và dân sự ở làng Macôndô, họ đã có chung một đứa con gái. Những người thân duy nhất biết chuyện là Hôsê Accađiô và Rêbêca. Họ là những người mà Accađiô lúc đó giữ được các quan hệ mật thiết không chỉ dựa trên tình ruột thịt mà cả trên sự đồng lõa. Cái ách vợ chồng buộc Hôsê Accađiô hoàn toàn phải quy phục. Tính cách cứng rắn của Rêbêca, cái bụng háo ăn của cô sự tham lam vô độ của cô, đã hút cạn sức lực cường tráng của người chồng, buộc anh vốn là kẻ lười nhác và trai lơ phải trở thành một con vật khổng lồ chịu thương chịu khó làm lụng.

Anh có một ngôi nhà sạch sẽ và gọn gàng ngăn nắp. Cứ mỗi bận sáng dậy, Rêbêca mở toang cửa và gió từ nghĩa địa qua các cửa sổ ùa vào rồi lại cuốn ra ngoài theo cửa canh để lại hơi diêm sinh của người chết làm cho những bức tường bệch bạc ra và khiến cho những bàn, tủ, giường xám đen lại. Cơn đói đất, tiếng kêu *lộc cộc, lộc cộc, lộc cộc* của hai bộ hài cốt của cha mẹ cô, sự nôn nóng của cô trước thái độ quá ư điềm tĩnh của Piêtrô Crêspi đã lùi vào dĩ vãng. Cả ngày cô ngồi thêu bên cửa sổ, xa lạ trước mọi dư âm của chiến tranh. Cho tới khi các nồi sành bắt đầu rung lên trong chạn, cô mới đứng dậy đi hâm lại thức ăn. Cô làm việc ấy trước lúc xuất hiện những con chó bê bết lấm bùn hay khịt mũi đánh hơi và người đàn

ông vâm váp đi ủng có đinh thúc ngựa, khoác khẩu súng hỏa mai hai nòng: "Người này có lúc vai vác một chú nai, còn hầu như lúc nào cũng mang về một xâu thỏ hoặc vịt trời… Có một buổi chiều nọ, đúng vào dịp nắm quyền, Accađiô bỗng dưng đến thăm họ. Tất khi ra khỏi nhà, bọn họ không nhìn thấy cậu nhưng cậu đã biểu lộ một tình cảm nồng nhiệt và thân thiết đến mức vợ chồng họ đã mời cậu ở lại cùng nếm món thịt thú rừng vừa được xào nấu.

Chỉ đến khi uống cà phê Accađiô mới nói rõ mục đích mình đến chơi: cậu đã nhận được một lá đơn tố cáo Hôsê Accađiô. Lá đơn nói rằng Hôsê Accađiô cày sân mình và cày lấn sang đất đai lân cận, phá đổ rào và lùa bò của mình vào chuồng người khác, dùng sức mạnh chiếm đoạt những trang trại trù mật nhất ở xung quanh. Đối với những người nông dân không bị tước đoạt vì ruộng đất của họ xấu, y buộc họ phải đóng thuế. Vào thứ bảy hàng tuần y dùng chó săn và khẩu súng hỏa mai hai nòng để thu thuế. Y không phản đối những lời ấy. Y khẳng định quyền lợi của mình trên những đất đai chiếm đoạt được từng bị Hôsê Accađiô Buênđya phân chia từ thời lập làng và tin tưởng có thể chứng minh rằng cha mình đã điên rồ từ thời ấy, bởi vì cụ đã đem phân phát của cải trên thực tế thuộc về gia đình mình. Đó là một lý lẽ không cần thiết bởi vì Accađiô đến đây không phải để phân xử đúng sai mà chỉ đơn thuần mặc cả thôi.
Về phần mình, cậu lập ra một văn phòng luật sư trông coi của cải tư hữu sẽ cấp cho Hôsê Accađiô các văn tự để y hợp pháp hoá những đất đai chiếm đoạt được và ngược lại y phải để cho chính quyền địa phương được quyền thu thuế. Hai người thỏa thuận với nhau. Những năm sau này khi đại tá Aurêlianô Buênđya kiểm tra các văn tự

ruộng đất, chàng đã thấy rằng tất cả đất đai kể từ sân nhà Hôsê Accađiô cho tới tận chân trời kể cả nghĩa địa của làng đều thuộc quyền sở hữu của ông anh mình; và rằng trong mười một tháng nắm quyền bính, Accađiô đã thu không chỉ tiền thuế mà còn cả tiền của nhân dân muốn được chôn cất người thân của mình trên điền sản của Hôsê Accađiô.

Vài tháng sau Ucsula mới biết cái việc đã trở thành quyền lực công khai, bởi vì dân chúng giấu không cho bà biết để khỏi khiến bà đau khổ thêm. Bà bắt đầu nghi ngờ cậu ta. "Accađiô đang xây một ngôi nhà", bà tự hào khẳng định với chồng mình trong lúc cố nhét vào miệng ông một thìa canh bí. Tuy nhiên, bất giác bà lại thở dài: "Không hiểu vì sao tôi cảm thấy không yên lòng đối với tất cả những việc như thế". Và sau này khi bà biết rằng Accađiô không những đã xây xong nhà mà còn mua sắm giường tủ bàn ghế sản xuất ở Viên thì bà càng khẳng định cậu ta đang biển thủ công quỹ, điều trước đây bà đã hồ nghi.

"Mày là nỗi nhục của dòng họ nhà tao", bà chửi cậu ta như thế vào lúc kết thúc lễ mixa một ngày chủ nhật, khi bà thấy cậu đang chơi bài trong ngôi nhà mới. Accađiô không đếm xỉa tới lời bà. Chỉ đến lúc ấy Ucsula mới biết cậu ta đã có một đứa con gái sáu tháng và rằng Santa Sôphia đê la Piêđat, người cậu ta cùng chung sống không làm lễ cưới, lại một lần nữa đang có thai.

Ucsula định bụng viết thư cho đại tá Aurêlianô Buêndya, dù chàng ở đâu đi nữa, để chàng tỏ tường mọi chuyện trong nhà ngoài ngõ. Nhưng các sự kiện ồn ào lúc đó không chỉ cản trở mọi ý định của bà mà còn khiến cho bà ân hận vì đã lượm lặt được chúng. Chiến tranh, cho đến lúc ấy vẫn chỉ là một từ để chỉ một hoàn cảnh trống trải và trì

đọng, đã được cụ thể hóa trong một thực tại bi thương. Vào cuối tháng hai có một bà già tóc bạc cưỡi trên lưng một chú ngựa thồ chổi đã đến làng Macôndô. Nom bà quá ư hiền lành đến mức các đội tuần tra đã để bà vào làng mà không xét hỏi, như đã từng không xét hỏi những người bán hàng rong thường vẫn qua lại các làng quanh vùng đồng lầy. Bà đi thẳng đến trại lính, Accađiô tiếp bà ngay ở nơi trước đây là lớp học và hiện nay là lán nghỉ của quân lính trong đó những chiếc võng được cuộn lại và treo trên những chiếc móc, những ba lô chồng chất lên nhau ở các xó, và súng trường, súng cacbin, súng săn ngổn ngang khắp sàn nhà. Bà già giơ tay chào theo kiểu nhà binh trước khi tự giới thiệu mình:

- Tôi là đại tá Grêgori Stêvensơn.

Ngài mang tới các tin dữ. Những ổ đề kháng cuối cùng của phe Tự do, theo như lời ngài nói, đang bị tiêu diệt. Đại tá Aurêlianô Buêndya người đang bị quân đội Bảo hoàng truy kích ở ngoại vi thành phố Riôacha, đã giao cho ngài sứ mạng đến nói chuyện với Accađiô, khuyên cậu cần phải nộp lại quảng trường cho quân chính phủ bằng cách đặt điều kiện họ phải hứa danh dự đảm bảo tính mạng và tài sản cho những người Tự do.

Accađiô với đôi mắt nghi ngờ dò xét vị sứ giả kỳ dị ấy, người có thể nhầm lẫn với một bà già hoảng sợ đang chạy trốn.

- Vậy xin hỏi chẳng hay ngài có mang theo giấy tờ không? - cậu hỏi.

- Rất tiếc, - vị sứ giả trả lời, - tôi không mang theo. Dễ hiểu rằng trong điều kiện hiện nay thật khó mang theo trong người bất kỳ một thứ gì khiến người ta khả nghi.

Trong khi nói, ngài rút trong yếm ngực ra một con cá vàng và đặt nó lên bàn. "Tôi tin rằng với thứ này đã đủ lắm rồi", ngài nói. Accađiô

xác nhận rằng đó là một trong những con cá vàng được đại tá Aurêlianô Buênđya làm ra. Nhưng một người nào đó đã mua nó trước lúc nổ ra chiến tranh hoặc đã ăn cắp được và thế là nó không còn giá trị của tờ giấy thông thành. Lúc này, vị sứ giả buộc lòng phải vi phạm bí mật quân sự để lộ chân tướng của mình. Ngài kể rằng mình có nhiệm vụ đi về Curaxao để chiêu mộ tất cả những người bị lưu đày của toàn bộ vùng Caribê, tìm mua cho đủ vũ khí và quân trang quân dụng để mưu tính một cuộc đổ bộ vào cuối năm nay. Mặc dù tin tưởng kế hoạch ấy nhưng đại tá Aurêlianô Buênđya không đồng ý cho rằng trong thời điểm ấy nên tiến hành những hoạt động xả thân vô ích. Nhưng Accađiô là kẻ nhẫn tâm. Cậu đã bỏ tù vị sứ giả để tiến hành công việc xác nhận gốc gác của ngài và quyết định sẽ bảo vệ quảng trường đến hơi thở cuối cùng.
Không cần phải đợi chờ lâu. Những tin tức về sự thất bại của phái Tự do ngày một xác thực hơn. Trong một buổi nửa đêm về sáng vào cuối tháng ba trời đổ những trận mưa sớm, không khí yên tĩnh nặng nề của những tuần trước đây bỗng nhiên tan biến cùng với tiếng kèn cornêt rùng rợn và tiếng nổ dữ dội của một quả pháo đã làm sập đổ tháp chuông nhà thờ. Trên thực tế, ý nguyện kháng cự của Accađiô là một ý nghĩ điên rồ. Cậu chỉ có trong tay không quá năm mươi người vũ trang kém cỏi với cơ số đạn không quá hai mươi viên mỗi cây súng. Nhưng trong số những người kháng chiến, những học trò cũ của cậu từng náo nức trước những lời tuyên bố hoa mỹ đang quyết chí chiến đấu đến phút cuối cùng vì một sự nghiệp đã phá sản. Trong khung cảnh những tiếng ủng chạy nháo nhác, những mệnh lệnh mâu thuẫn trái ngược nhau, những tiếng đại bác làm rung chuyển mặt đất, những tiếng súng nổ loạn xạ, và những hồi kèn

cornêt không có ý nghĩa, ngài đại tá bị giam Stêvensơn xin được nói chuyện với Accađiô. "Hãy tránh cho ta nỗi nhục phải chết trong nhà tù mặc nguyên quần áo đàn bà đi", ngài nói với cậu. "Nếu ta phải chết thì ta sẽ chết trong chiến đấu". Accađiô ra lệnh phát cho ngài một cây súng với hai mươi viên đạn, và để cho ngài cùng năm người nữa bảo vệ trại lính, trong khi đó, cùng với bộ chỉ huy của mình cậu ta đi lên tuyến đầu của trận đề kháng. Những chướng ngại vật bị phá vỡ và những người chiến đấu bảo vệ làng phải chiến đấu trong một cuộc đọ súng không cân sức trên các đường phố. Đầu tiên họ dùng súng trường chiến đấu cho tới khi hết đạn, sau đó dùng súng lục chống lại súng trường và cuối cùng đánh giáp lá cà. Trước sự thất bại sắp xảy ra, một số chị em phụ nữ, người cầm gậy kẻ cầm dao thái thịt, cùng đổ ra đường. Trong khung cảnh hỗn độn ấy, Accađiô bắt gặp Amaranta mặc áo ngủ, tay cầm hai khẩu súng lục cũ kỹ của Hôsê Accađiô Buênđya, đang hoảng hốt tìm cậu. Accađiô liền đưa khẩu súng của mình cho một viên sĩ quan vừa bị mất súng trong trận chiến đấu, rồi cùng với Amaranta lẩn vào một con đường cạnh đó để đưa cô về nhà. Ucsula đứng ở cửa ra vào, đang đợi chờ, bất chấp những tiếng súng nổ đì đùng và một viên đạn lạc khoét một cái lỗ trên bức tường mặt tiền của ngôi nhà ngay cạnh. Mưa tạnh hẳn nhưng đường cái ngầu bùn như bọt xà phòng và người ta phải dò tìm khoảng cách trong bóng tối Accađiô để Amaranta ở lại với Ucsula, và định bụng chiến đấu mặt đối mặt với hai lính chính phủ từ một góc phố đang đi vào lùng sục. Những khẩu súng lục để quá lâu trong ngăn kéo khô dầu không nổ đạn được. Lấy thân mình che cho Accađiô, Ucsula định kéo cậu về tận nhà mình.
- Về ngay! Vì Thượng đế hãy về nhà ngay - bà thét cậu ta. - Hãy bỏ

thói điên khùng đi nào.
Bọn lính nhả đạn về phía họ.
- Bà già hãy buông người kia ra, - một tên lính thét, - nếu không chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm trước cái chết của bà.
Accađiô đẩy Ucsula về phía nhà, còn mình giơ tay đầu hàng. Sau đó ít lâu, tiếng súng ngừng bặt và chuông nhà thờ bắt đầu đổ hồi. Cuộc đề kháng đã bị đè bẹp trong không đầy nửa giờ. Không một người nào của Accađiô sống sót sau trận tấn công, nhưng trước khi chết bọn họ đều bị dẫn diễu qua trước mặt ba trăm lính chính phủ. Pháo đài bị tiêu diệt sau cùng là trại lính. Trước khi nó bị tấn công, đại tá bị giam Grêgôriô Stêvensơn, đã thả hết các tù nhân, ra lệnh cho những người dưới quyền ra ngoài đường chiến đấu. Sự thay đổi vị trí chiến đấu đến là linh hoạt của ngài, cũng như đường đạn chính xác của hai mươi viên đạn được ngài bắn đi từ các cửa sổ khác nhau đã đem lại cái cảm giác trại lính được phòng thủ rất tốt, và những kẻ tấn công đã phải dùng đại bác để câu vào phá sập nó. Viên đại uý chỉ huy cuộc chiến đấu phải ngạc nhiên trước quang cảnh những mảng tường nhà rơi đổ ngổn ngang, chỉ có một người đàn ông mặc độc một chiếc quần đùi đã chết và một khẩu súng hết đạn được một cánh tay bị chặt lìa khỏi thân xác ôm lấy. Người ấy có bộ tóc dầy cộm uốn súng ôm lấy vai và trên cổ đeo một sợi dây mang con cá vàng. Vào lúc lấy mũi ủng lật ngửa để nhìn cho rõ mặt người ấy, viên đại uý giật mình hoảng sợ: "Đồ cứt đái", ông ta thốt lên. Một số sĩ quan khác cũng ào tới.
- Các vị hãy nhìn xem, cái con người này đến từ đâu vậy? - viên đại uý nói với họ. - Đó là Grêgôriô Stêvensơn.
Vào lúc rạng sáng, Accađiô bị bắn ở trước bức tường nghĩa địa sau

khi hội đồng quân sự họp khẩn cấp. Trong hai giờ cuối cùng của đời mình, cậu vẫn chưa hiểu nổi vì sao cái nỗi sợ chết từng dằn vặt mình ngay từ thuở thơ ấu đã biến mất. Với vẻ bình thản lạnh lùng, không hề bận tâm tới việc chứng tỏ lòng dũng cảm mới nảy sinh, cậu nghe những lời luận tội dài dòng.
Cậu nghĩ tới Ucsula mà giờ này có lẽ bà đang cùng uống cà phê với Hôsê Accađiô Buênđya dưới bóng cây dẻ. Cậu nghĩ tới đứa con gái tám tháng vẫn chưa được đặt tên và tới đứa trẻ sẽ ra đời vào tháng tám tới. cậu nghĩ tới Santa Sôphia đê la Piêđat đêm qua đã ướp thịt một con hươu cho bữa cơm trưa ngày thứ bảy, nhớ mái tóc dài buông xõa xuống hai vai cô, nhớ những hàng mi dài của cô giống như những bờ mi được làm giả. Cậu nghĩ tới những người của mình không mảy may thương tiếc. Trong lẽ công bằng cần phải trang trải với cuộc đời, cậu bắt đầu hiểu được trên thực tế cậu yêu biết nhường nào những người cậu từng căm ghét. Ngài chủ tịch hội đồng quân sự bắt đầu bài phát biểu cuối cùng của mình trước lúc Accađiô chợt nhớ rằng đã qua đi hai giờ đồng hồ rồi. "Mặc dù các chức vụ được giao cho y không có gì đáng kể, - ngài chủ tịch nói, - nhưng với thái độ hung hăng vô trách nhiệm và độc ác y đã đẩy những người dưới quyền của mình tới những cái chết vô ích thì điều đó cũng đủ để khép y vào tội tử hình"… Tại trường học rạn nứt vốn là nơi lần đầu tiên cảm nhận sự chắc chắn của quyền lực, cách mấy mét thì tới phòng học mà lần đầu tiên biết đến thứ tình yêu ngỡ ngàng, Accađiô bắt gặp hình thức nực cười của thẩn chết. Trên thực tế, đối với cậu lúc này, cái có tầm quan trọng không phải là cái chết mà là sự sống và bởi thế, cái cảm giác mà cậu cảm nhận khi người ta tuyên án tử hình mình không phải là cái cảm giác sợ hãi mà là cái cảm giác nhớ

nhung. Cậu vẫn im lặng cho tới khi được hỏi nguyện vọng cuối cùng của mình là gì.
- Hãy nói với vợ tôi, - cậu trả lời với giọng nói sang sảng, - rằng đặt tên cho con gái tôi là Ucsula, - cậu nghĩ rồi khẳng định: đúng là Ucsula tên của bà nội. Và hãy nói với vợ tôi rằng nếu đứa trẻ sắp ra đời là con trai thì đặt tên là Hôsê Accađiô nhưng không phải lấy tên của ông bác mà là tên của ông nội nó.
Trước lúc người ta mang cậu tới bức tường ở nghĩa địa, cha xứ Nicanô định rửa tội cho cậu. "Tôi không có gì phải ân hận cả", Accađiô nói, và làm theo lệnh của đội hành hình sau khi uống hết tách cà phê đen. Người chỉ huy đội hành hình, một người chuyên thi hành các bản án tử hình, có tên rất đúng với nghề của mình: đại uý Rôkê Cacnixêrô(3). Trên con đường đi tới nghĩa địa, dưới trời mưa lất phất, Accađiô nhận thấy rằng một ngày thứ tư rạng sáng đang loé lên ở chân trời. Nỗi nhớ nhụng hoà tan trong sương mờ và để lại một sự tò mò khủng khiếp.
Chỉ đến khi người ta ra lệnh cho cậu dựa lưng vào tường, Accađiô mới nhìn thấy Rêbêca với mái tóc ướt, mặc bộ váy áo hoa màu hồng đang mở toang cửa nhà. Cậu cố lòng thầm khấn để Rêbêca nhận ra mình. Quả nhiên, vừa lúc ấy Rêbêca nhìn ra bức tường nghĩa địa và bỗng đứng đần ra vẻ hoảng hốt. Hầu như cô mới chỉ kịp ra hiệu để chào từ biệt Accađiô. Accađiô đã đáp lại cũng bằng điệu bộ tương tự. Giữa lúc ấy những họng súng bốc khói nhả đạn vào Accađiô và cậu nghe rõ ràng từng lời từng lời một bản nhã ca được cụ Menkyađêt ngâm và cảm thấy những bước chân chệnh choạng của Santa Sôphia đê la Piêđat, cô thiếu nữ trinh tiết, vang trong phòng học và cảm thấy trên mũi mình có cái lạnh cứng của nước đá, cái mà cậu đã

chú ý tới khi thấy nó trong hốc mũi của tử thi Rêmêđiôt. "À, con c… - cậu vừa kịp nghĩ ra, - ta quên mất không nói rằng nếu sinh con gái hãy đặt tên là Rêmêđiôt". Vậy là lúc ấy, cậu đã cảm thấy nỗi sợ hãi từng tra tấn mình suốt cả cuộc đời. Viên đại uý ra lệnh nổ súng. Hầu như Accađiô vừa kịp ưỡn ngực và ngẩng đầu lên mà không hiểu từ đâu chảy ra một dòng nước đằng đặc nóng bỏng đang thiêu đốt các cơ bắp mình:

- Đồ dê cụ, - cậu thét - Đảng Tự do muôn năm!

Chú thích:

(1) Francisco Petrarca (1304-1374) nhà thơ Ý, một trong những nhà nhân văn vĩ đại

(2) Nghĩa là: bà Thánh Sôphia của lòng hiếu thảo.

(3) Nghĩa là Rô kê - Tên đồ tể.

Chương 7

Chiến tranh kết thúc vào tháng năm. Hai tuần trước khi chính phủ ra thông cáo chính thức và trong một lời tuyên bố huênh hoang, họ đã hứa, sẽ trừng trị không thương tiếc đối với những người cầm đầu cuộc khởi nghĩa. Chính lúc ấy đại tá Aurêlianô Buênđya bị bắt làm tù binh ngay trong lúc chàng đóng giả thày mo Anhđiêng sắp vượt qua được biên giới phía tây đất nước. Trong số hai mươi mốt người theo chàng trong chiến tranh có mười bốn người chết trận, sáu người bị thương và chỉ còn lại độc một người ở bên chàng trong thất bại cuối cùng. Người đó là đại tá Hêrinêndô Mackêt. Qua một sắc lệnh đặc biệt, tin chàng bị bắt được công bố ở làng Macôndô. "Nó còn sống… - Ucsula báo tin cho chồng mình. "Chúng ta cầu mong rằng kẻ thù của nó có lòng độ lượng". Sau ba ngày khóc lóc một buổi chiều nọ đang khuấy nồi kẹo sữa trên bếp lửa, bà nghe rõ mồn một tiếng con trai mình ngay ở bên tai. "Đó là thằng Aurêlianô", bà gào toáng lên trong lúc chạy ra gốc cây đẻ để báo tin cho chồng: "Tôi không biết điềm báo như thế nào nhưng nó sống và chúng ta được thấy nó ngay thôi mà". Bà cho điềm báo ấy là sự thật. Bà sai

lau sàn nhà và xếp đặt lại giường tủ bàn ghế. Một tuần sau, một nguồn tin không xuất xứ, không dựa vào sắc lệnh, đã đau lòng khẳng định điềm báo ấy. Đại tá Aurêlianô Buênđya bị kết án tử hình, và bản án sẽ được thi hành ở làng Macôndô để uy hiếp dân chúng. Vào lúc bảy giờ hai mươi phút sáng một ngày thứ hai nọ, Amaranta đang mặc quần áo cho Aurêlianô Hôsê thì nghe từ xa vẳng đến tiếng ồn ào và một hồi kèn cornêt lanh lảnh rợn người, và sau đó một phút Ucsula đẩy cửa phòng bước vào. "Người ta giải nó về" bà bảo thế. Quân lính cứ phải vất vả dùng báng súng nện vào đám đông lộn xộn. Ucsula và Amaranta chạy tới đầu phố, rẽ đám đông và thế là nhìn thấy Aurêlianô Buênđya. Chàng giống như một gã ăn mày: quần áo rách tả tơi, râu tóc rối bù, đi chân đất, hai tay bị trói giật cánh khuỷu với chiếc thừng cột vào đầu yên con ngựa do viên sĩ quan đang cưỡi. Cùng với chàng, bọn lính còn giải theo đại tá Hêrinêndô Mackêt, cũng lôi thôi rách rưới và thảm hại như chàng. Hai người không hề buồn. Nom họ dường như đang hồi hộp trước công chúng gào thét chửi bới đám lính đồi bại nhất hạng.
- Ối con ơi! - trong khung cảnh ồn ào tiếng gào thét, Ucsula gọi con mình và bà tát vào mặt tên lính định ngăn mình lại. Con ngựa của viên sĩ quan nhẩy cẫng lên. Lúc này, đại tá Aurêlianô Buênđya mới dừng chân, run rẩy và tránh hai cánh tay mẹ dang ra định ôm mình và dõi vào mắt bà một cái nhìn nghiêm khắc:
- Xin mẹ hãy về nhà đi, - chàng nói. - Mẹ hãy xin phép nhà chức trách mà đến thăm con ở trại giam.
Chàng nhìn Amaranta đang đứng cách chàng hai bước chân ở sau lưng Ucsula, mỉm cười với cô, hỏi: "Tay em làm sao thế kia". Amaranta giơ bàn tay cuốn băng đen lên. "Bị bỏng", cô trả lời và kéo

Ucsula về phía sau để khỏi bị ngựa giẫm phải. Bọn lính bắn súng chỉ thiên. Đội quân canh gác đặc nhiệm vây lấy hai tù nhân và phi ngựa kéo họ về trại lính.

Buổi chiều ngày hôm ấy, Ucsula đến trại giam thăm đại tá Aurêlianô Buênđya. Bà đã định thông qua *đông* Apôlina Môscôtê để xin phép vào thăm nhưng ngài đã bị những quân nhân độc tài tước hết quyền lực. Cha xứ Nicanô đang bị cơn sốt đau gan đánh gục. Cha mẹ của đại tá Hênnêncô Mackêt, người không bị kết án tử hình, cố tình đến thăm con trai nhưng họ đã bị bọn lính lấy báng súng nện cho rồi đuổi đi. Trước nỗi vô vọng tìm kiếm những người trung gian giúp mình, hơn nữa lại tự nhủ lòng rằng đằng nào con trai mình cũng sẽ bị bắn vào sáng sớm hôm sau, cho nên Ucsula gói một gói đồ dùng định mang cho chàng, rồi một mình bà đi thẳng đến trại lính.

- Tôi là mẹ của đại tá Aurêlianô Buênđya, - bà tự giới thiệu.

Bọn lính gác chặn bà lại. "Muốn thế nào thì thế, tôi cứ vào", Ucsula bảo bọn chúng. "Nếu như các người được lệnh bắn, hãy bắt đầu cùng một thể đi". Bà ẩy một tên lính sang bên, bước vào lớp học cũ nơi một tốp lính để trần đang hì hục lau súng. Một viên sĩ quan mặc quân phục dã chiến, da hồng hào đeo một đôi kính mắt dày như đít chai, cử chỉ khoan thai, đã ra lệnh cho bọn lính gác rút đi.

- Tôi là mẹ của đại tá Aurêlianô Buênđya, - Ucsula nhắc lại.

- Bà muốn nói rằng, - viên sĩ quan, với nụ cười đáng yêu sửa lại bà, - bà là bà mẹ đẻ ra ngài Aurêlianô Buênđya.

Trong cách nói nhỏ nhẹ của viên sĩ quan, Ucsula nhận ra ngữ điệu mềm mại của dân vùng cao nguyên, những người đỏm đáng.

- Thưa ngài, đúng như ngài nói. - Bà thành thực thú nhận. - Ngài sẵn lòng cho tôi vào thăm nó chứ.

Đã có lệnh cấp trên không cho phép bất kỳ một ai đến thăm các tù nhân bị án tử hình. Nhưng viên sĩ quan này đã dám chịu trách nhiệm về việc cho bà vào thăm con trai trong vòng mười lăm phút. Ucsula giở cho viên sĩ quan xem các thứ bà đựng trong gói: một bộ quần áo sạch để thay, đôi ủng con trai bà đi trong ngày làm lễ cưới, và kẹo sữa được để đành ngay từ cái hôm bà nhận điềm báo. Bà gặp đại tá Aurêlianô Buênđya trong phòng giam, nằm dài trên chiếc giường một, dang rộng hai cánh tay vì nách chàng sưng vù lên. Người ta đã cho phép chàng cạo râu. Bộ ria rậm vểnh lên xoăn lại càng tô đậm hơn đôi gò má cao của chàng. Dường như Ucsula thấy rằng con trai mình da xanh hơn lúc ra đi, cao hơn và cô đơn hơn bao giờ hết. Chàng đã biết tường tận mọi chuyện xảy ra ở nhà mình: Piêtrô Crêspi tự tử, Accađiô hống hách và bị hành hình, Hôsê Accađiô Buênđya ngày một yếu đi dưới bóng cây dẻ. Chàng biết rằng Amaranta đã quyết định suốt đời ở vậy để nuôi dạy Aurêlianô Hôsê và biết rằng đứa bé này rất ngoan, hơn nữa lại thông minh, học đọc và viết vào ngay lúc nó học nói. Kể từ lúc bước vào phòng giam, Ucsula cảm thấy mình bị khống chế bởi sự trưởng thành của con trai, bởi vẻ làm chủ của nó, bởi ánh hào quang quyền thế toả sáng trên làn da nó. Bà ngạc nhiên thấy chàng rõ mọi chuyện. "Mẹ đã biết rồi đấy, con đoán rất tài mà", chàng nói đùa. Rồi với vẻ nghiêm trang chàng nói thêm: "Sáng nay, khi họ giải con đi, con có cảm giác tất cả mọi chuyện này đã xảy ra".

Quả có thế, trong lúc dân chúng gào thét giận dữ bên mình, chàng đã tập trung suy nghĩ và ngạc nhiên trước vẻ già cỗi của làng trong vòng một năm qua. Những cây hạnh đào xoè những tàu lá rách mướp. Các ngôi nhà, đã quét vôi xanh, rồi quét vôi đỏ sau đó lại quét

vôi xanh, bắt đầu mang một màu sắc khó gọi được tên.
- Con đang đợi gì nào? - Ucsula thở dài. - Thời gian đang trôi đi.
- Đúng thế, - Aurêlianô thừa nhận, - nhưng không nhiều đâu mẹ ạ.
Dưới hình thức này, chuyến thăm viếng từng chờ đợi khá lâu, từng được cả hai chuẩn bị những câu hỏi và dự kiến cả những câu trả lời, lại một lần nữa trở thành cuộc nói chuyện thường ngày. Khi người lính gác báo buổi nói chuyện đã hết giờ được phép, Aurêlianô lật chiếu lấy ra một cuốn giấy nhờn mồ hôi. Đó là những vần thơ của chàng. Một số là những bài thơ chàng viết lúc yêu Rêmêđiôt và đã mang theo khi ra đi và một số là những bài thơ chàng viết trong những lúc nghỉ ngơi sau trận đánh lòng đầy hoang mang. "Mẹ hãy hứa với con là không để cho ai đọc chúng đi", chàng nói, "ngay đêm nay mẹ hãy đốt chúng trong lò nướng bánh nhé". Ucsula hứa với chàng, rồi bà sửa soạn hôn tạm biệt chàng.
- Mẹ mang cho con một khẩu súng lục đấy, - bà nói thầm.
Đại tá Aurêlianô Buênđya ngó quanh thấy tên lính gác không ở đấy. "Chẳng ích gì cho con đâu mẹ ạ", chàng nói khẽ. "Thôi được, mẹ cứ để lại đấy, kẻo chúng lại khám mẹ lúc đi ra".
Ucsula rút từ trong yếm ngực ra một khẩu súng lục và chàng giấu nó dưới chiếu. "Bây giờ thì không cần phải tiễn biệt", chàng bình thản nói. "Mẹ chẳng cần phải van xin ai và cũng chẳng cần phải hạ mình trước ai. Mẹ cứ coi như là chúng đã bắn chết con từ lâu rồi". Ucsula bậm môi lại để khỏi bật ra tiếng khóc.
- Con hãy chườm gạch nóng vào những vết tấy sưng trong nách đi, - bà nói.
Bà quay nửa vòng rồi ra khỏi xà lim. Đại tá Aurêlianô Buênđya đứng yên vẻ suy tư cho đến khi cửa đóng lại. Sau đó chàng nằm xuống

giường dang rộng hai cánh tay: Ngay từ lúc bước vào tuổi thiếu niên, khi bắt đầu nhận thức được những điềm báo của mình, chàng đã nghĩ rằng cái chết phải được báo trước trong một dấu hiệu dứt khoát, không thể nhầm lẫn, và cũng không thể thay đổi được nhưng chẳng còn mấy giờ nữa chàng sẽ phải chết mà chưa có một dấu hiệu nào đến với mình.

Một lần nọ có một người đàn bà đẹp lộng lẫy bước vào doanh trại Tucurinca, xin phép những người lính gác cho phép mình vào thăm chàng. Bọn họ để cho cô gái đi vào bởi họ đã quen thói cuồng tín của một số bà mẹ vẫn thường cho con gái mình đến phòng ngủ của các chiến binh nổi tiếng nhất, theo đúng như lời những người này nói ra, để cải tạo nòi giống. Đêm ấy đại tá Aurêlianô Buêndya vừa làm xong bài thơ nói về người đàn ông lạc lối trong mưa thì cũng là lúc cô gái bước vào phòng. Chàng quay lưng lại phía cô ta để đặt tờ giấy ấy vào ngăn kéo có khoá, là nơi chàng vẫn cất giữ các bài thơ của mình. Thế là chàng cảm thấy thần chết. Chàng vớ lấy khẩu súng trong ngăn kéo mà không hề quay mặt lại.

- Làm ơn, chớ có mà bắn! - Chàng nói.

Khi chàng quay lại, với bàn tay lăm lăm khẩu súng sắp nhả đạn, thì cô gái đã hạ súng xuống, luống cuống không biết làm gì. Bằng cách này chàng đã thoát được bốn trong số mười một trận phục kích. Trái lại có một kẻ không bao giờ lùng bắt được đã đột nhập vào doanh trại quân cách mạng đâm chết đại tá Măcgơriphicô Visban, người bạn chí cốt của chàng, lúc đó đang nằm run trên giường đợi ra mồ hôi hạ cơn sốt. Chỉ cách mấy mét thôi, trong lúc ngủ trên chiếc võng mắc cùng phòng, chàng không hay biết gì. Những cố gắng của chàng nhằm hệ thống hoá lại các điềm báo đều trở nên vô ích. Bỗng

nhiên, những điềm báo cùng hiển hiện một lúc trong ánh chớp rực sáng trì thông minh siêu việt, nhưng không thể nắm bắt được vì chúng giống như một niềm tin tuyệt đối nhưng thoáng qua. Có những lúc chúng rất hiển nhiên đến mức khi chúng đã ứng nghiệm rồi chàng mới coi là những điềm báo. Một vài lần khác chúng hiện ra rõ ràng nhưng lại không được ứng nghiệm. Thường thì chúng chỉ là những cú đấm bất chợt, thô thiển của sự mê tín. Nhưng khi người ta tuyên án tử hình và khi người ta yêu cầu chàng bày tỏ những nguyện vọng cuối cùng của mình thì chàng không gặp một trở ngại nhỏ nào để khẳng định điềm báo mà chàng nhận ra trong câu trả lời của mình:
- Tôi yêu cầu bản án được thi hành ở Macônđô, - chàng nói.
Viên chánh án khó chịu.
- Buênđya, anh chớ mong thoát chết, - ngài nói với chàng, - đó chẳng qua là một thủ đoạn kéo dài thời gian thôi.
- Hình như các ngài không muốn thi hành bản án này ở Macônđô, - ngài đại tá nói - nhưng đó là nguyện vọng cuối cùng của tôi.
Kể từ đó chàng không nhận được điềm báo nữa. Hôm Ucsula đến thăm chàng trong nhà tù, sau khi suy nghĩ lao lung, chàng đã đi đến kết luận: có thể lần này cái chết sẽ không được báo trước vì nó không phụ thuộc vào số phận mà phụ thuộc vào ý nguyện của những tên đao phủ. Đêm ấy chàng thức trắng vật vã với hai nách tấy mủ đau nhức nhối. Nhưng trước lúc trời rạng sáng, chàng nghe rõ những bước chân ngoài hành lang.
"Chúng đến", chàng nói với chính mình và bỗng nhiên chàng nghĩ tới Hôsê Accađiô Buênđya, người lúc đó trong buổi sáng sớm buồn thảm ngồi dưới gốc cây dẻ cũng đang nghĩ tới chàng. Không cảm thấy sợ, cũng không thấy nhớ nhung, chàng chỉ cảm thấy

điên ruột rằng cải chết nhân tạo này đã không để cho mình tận mắt nhìn thấy kết quả cuối cùng của biết bao công việc còn bỏ dở. Cánh cửa mở, một tên lính gác bước vào phòng mang cho chàng một tách cà phê. Ngày hôm sau vào đúng giờ này, chàng vẫn sống trong cảm giác ấy, cáu tiết vì hai nách đau, và mọi chuyện lại xảy ra đúng như thế. Ngày thứ năm, chàng cũng chia sẻ niềm vui ăn kẹo sữa với những tên lính gác, chàng mặc bộ quần áo sạch hơi chật so với người chàng, và đi đôi ủng màu vécni. Ngày thứ sáu bọn họ vẫn chưa bắn chàng.

Thực ra bọn họ không dám thi hành bản án. Lòng bất phục tùng của dân chúng đã buộc các nhà chức trách quân sự phải nghĩ rằng việc bắn đại tá Aurêlianô Buênđya sẽ gây ra những hậu quả chính trị nghiêm trọng không chỉ ở Macôndô mà còn ở toàn vùng đầm lầy, do đó bọn họ phải xin ý kiến các nhà chức trách trên tỉnh. Đêm thứ bảy, đại uý Rôkê Cacnixêrô cùng một số sĩ quan đến quán bác Catarinô. Chỉ có một người đàn bà, hầu như bị bắt buộc, đã dám đón ngài về phòng mình. "Các chị em không ai dám ngủ với người đàn ông mà họ biết là sẽ chết", cô gái thú nhận với ngài. "Không ai biết sự thể sẽ như thế nào nhưng cả dân làng đi đến đâu cũng nói rằng viên sĩ quan bắn đại tá Aurêlianô Buênđya cũng như tất cả binh lính trong đội hành hình ấy sớm hay muộn từng người từng người một đều sẽ bị giết chết, dù cho họ trốn chạy tới tận cùng trời cuối đất". Đại uý Rôkê Cacnixêrô đem chuyện đó nói với một số sĩ quan, và những người này lại thưa lên cấp trên. Ngày chủ nhật, mặc dù không một ai đã chứng minh được thực rõ ràng, mặc dù không một hành động quân sự nào có thể làm đảo lộn không khí trầm mặc đến nặng nề trong những ngày ấy, cả làng đều biết rõ rằng các sĩ quan tìm mọi

cách để thoái thác nhiệm vụ thi hành bản án. Ngày thứ hai trong một bức điện tín ghi rõ lệnh chính thức: "Vụ hành hình cần phải được thi hành trong hai mươi bốn giờ kể từ khi nhận điện". Đêm ấy các sĩ quan nhét bảy lá phiếu ghi tên mình vào một chiếc mũ kê pi, và số phận hẩm hiu của đại uý Rôkê Cacnixêrô đã run rủi ngài bốc trúng lá phiếu của người phải thi hành bản án: "Đã là vận rủi thì không tránh được", với nỗi cay đắng chết lặng trong lòng ngài nói. "Đã sinh ra đời làm con một con điếm thì ta sẽ chết như con một con điếm…". Vào lúc năm giờ sáng, bằng hình thức bốc thăm ngài thành lập đội hành hình, rồi tập hợp bọn họ lại ở trong sân trại, và đánh thức kẻ từ tù dậy bằng câu nói có tính cách tiền định:
- Đi thôi, Buênđya, - ngài giục chàng, - giờ của chúng ta đã điểm.
- À, ra là thế đấy, - ngài đại tá nói, - ta đang mơ thấy mình bị những vết tấy làm nổ tung ra.
Rêbêca Buênđya, kể từ khi biết tin Aurêlianô sẽ bị bắn, thường xuyên thức dậy từ lúc ba giờ sáng. Bà ngồi im trong phòng tối mà dõi nhìn bức tường nghĩa địa qua cửa sổ hé mở, trong lúc đó cái giường bà ngồi cứ rung lên theo nhịp tiếng ngáy của Hôsê Accađiô. Cả tuần bà kiên nhẫn ngồi đợi như trước đây đợi thư Piêtrô Crêspi. "Chúng sẽ không bắn chú ấy ở đây đâu", Hôsê Accađiô nói với bà. "Chúng sẽ bắn chú ấy ở ngay trong trại giam vào lúc nửa đêm để không ai biết ai là kẻ chỉ huy đội hành hình và rồi chúng sẽ chôn chú ấy ở ngay đấy". Tuy vậy, Rêbêca vẫn tiếp tục chờ đợi. "Bọn chúng ngu muội đến mức nhất định chúng sẽ bắn chú ấy ở đây", bà nói. Bà quá tin mình đến mức bà đã chuẩn bị sẵn cách mở cửa và cách giơ tay chào vĩnh biệt chàng. "Chúng sẽ không dẫn chú ấy đi theo đường cái đâu, - ông vẫn một mực khuyên, - bởi vì chúng chỉ có sáu tên lính

yếu bóng vía trong khi thừa biết rằng dân chúng đã sẵn sàng làm bất cứ điều gì". Không nghe cái lôgich của chồng mình, bà vẫn ngồi bên cửa sổ nhìn ra bức tường nghĩa địa.
- Rồi mình sẽ thấy chúng là những kẻ ngu dại như thế đấy, - bà nói.
Vào lúc năm giờ sáng ngày thứ ba, Hôsê Accađiô đã uống xong cà phê và thả đàn chó săn ra thì cũng là lúc Rêbêca đóng cửa lại và cố sức vịn thành một đầu giường để khỏi ngã. "Chúng đã dẫn chú ấy ra đấy rồi", bà thở dài. "Ôi chú ấy đẹp làm sao".
Hôsê Accađiô thò đầu qua cửa sổ, nhìn thảy chàng run rẩy trong ánh bình minh, mặc bộ quần áo vốn là quần áo của ông khi còn trẻ. Chàng đã đứng quay lưng vào tường, hai tay chống nạnh vì hai nách sưng tấy không để cho chàng buông thõng tay xuống. "Rõ thật là nực cười", đại tá Aurêlianô Buênđya lẩm bẩm. "Rõ thật là nực cười đến mức phải dùng tới sáu thằng đàn ông bệnh hoạn để giết một người tay không vũ khí". Chàng cứ nhắc đi nhắc lại mãi với biết bao nỗi giận dữ đến mức dường như chàng đang sôi tiết, và đại uý Rôkê Cacnixêrô cũng thấy mủi lòng vì ngài nghĩ rằng đại tá đang cầu Chúa. Khi đội hành hình chĩa súng vào chàng thì nỗi giận dữ của chàng đã vật chất hoá thành một chất nhầy có vị đắng đọng lại ở lưỡi ru chàng ngủ và buộc chàng nhắm mắt lại. Thế là lúc ấy ánh sáng huy hoàng của buổi bình minh biến mất, và chàng lại nhìn thấy chính mình còn rất nhóc con mặc quần cũn cỡn với chiếc nơ thắt nơi cổ, và chàng nhìn thấy tha mình trong một buổi chiều rực rỡ dẫn mình vào trong rạp và chàng nhìn tảng nước đá. Khi nghe thấy tiếng thét, chàng nghĩ ngay rằng đó là mệnh lệnh cuối cùng cho đội hành hình. Chàng mở choàng mắt. Với sự tò mò lạnh gáy, chàng đợi những viên đạn cắm phập vào mình nhưng chỉ thấy đại uý Rôkê Cacnixêrô

đang giơ hai tay lên, và thấy Hôsê Accađiô đang vượt qua đường cái lăm lăm khẩu súng săn sẵn sàng nhả đạn.
- Xin đừng bắn, - viên đại uý nói với Hôsê Accađiô - ngài đã tới theo lệnh phán truyền của đấng Toàn năng.
Từ đó, bắt đầu một cuộc chiến tranh mới. Viên đại uý Rôkê Cacnixêrô cùng với sáu người dưới quyền mình đã theo đại tá Aurêlianô Buênđya đi giải thoát cho các nhà cách mạng, tướng Victôriô Mêđina, hiện đã bị kết án tử hình ở Riôacha. Họ nghĩ phải cướp lấy thời gian bằng cách nhanh chóng vượt qua dãy núi men theo con đường Hôsê Accađiô Buênđya đã đi để lập ra làng Macôndô nhưng chưa đầy một tuần họ thống nhất nhận định rằng đó là con dường không thể đi theo được. Thế là họ phải thực hiện một lộ trình đầy nguy hiểm men theo sườn các dãy núi với số đạn dược quá ít ỏi của những người lính trong đội hành hình. Bọn họ nghỉ lại ở ngoài bìa các làng. Một người trong bọn họ cải trang cầm con cá vàng, giữa ban ngày vào làng để tìm gặp những người thuộc phái Tự do hiện đang nằm chờ.
Sáng hôm sau những người này đi săn và sẽ chẳng bao giờ thấy họ trở về. Khi từ một khuỷu núi bọn họ nhìn thấy thành phố Rioacha thì tướng Victôriô Mêđina đã bị hành hình. Những người dưới quyền đại tá Aurêlianô Buênđya liền suy tôn chàng là Tư lệnh các lực lượng vũ trang cách mạng miền duyên hải Caribê với quân hàm cấp tướng. Chàng nhận chức nhưng từ chối quân hàm và tự đặt cho mình một điều kiện là chưa nhận quân hàm chừng nào quân đội của mình chưa đánh đổ được chế độ Bảo hoàng. Đúng ba tháng sau chàng đã tập hợp được hơn một nghìn quân nhưng lại bị quân chính phủ đánh cho tan tác.

Những người sống sót tháo chạy về biên giới phía đông đất nước. Một lần khác người ta được biết rằng bọn họ đã đổ bộ lên Cabô đê la Vêla từ phía quần đảo Antidat thế mà một thông cáo của chính phủ được truyền đi qua đường bưu điện và được in lại dưới hình thức những tờ thông báo vui mắt tung đi khắp đất nước loan tin về cái chết của đại tá Aurêlianô Buênđya. Nhưng sau đó hai ngày một bức điện rắc rối khác gần như cùng một lúc với bức điện trước, đã báo tin một cuộc khởi nghĩa mới ở vùng đồng bằng phía Nam. Huyền thoại về tài xuất quỉ nhập thần của đại tá Aurêlianô Buênđya bắt đầu như thế đấy. Những tin tức giống nhau và khác nhau loan tin chàng thắng lợi ở Vidanuêva, tin chàng thất bại ở Goacamadan, chàng đã bị những người Anhđiêng ở Côlômbia và Vênêxuêla làm thịt, chàng chết ở một làng nào đó thuộc vùng đầm lầy, và một lần nữa chàng lại nổi dậy ở Urumita. Những nhà lãnh đạo của đảng Tự do trong lúc ấy đang thương lượng để có sự tham gia của mình trong quốc hội, đã coi chàng như một kẻ phiêu lưu mạo hiểm không đại diện cho đảng. Chính phủ quốc gia liệt chàng vào hạng tướng cướp, và trao giải năm ngàn *pêsô* cho ai bắt được chàng. Sau mười sáu cuộc vũ trang nổi dậy thất bại, đại tá Aurêlianô Buênđya với hai nghìn quân vốn là người Anhđiêng được vũ trang tất từ vùng Goahira, đã xuất quân và đội cấm vệ Bảo hoàng bị đánh bất ngờ trong lúc ngủ, phải bỏ thành phố Riôacha tháo chạy. Tại đây chàng thiết lập sở Tổng chỉ huy của mình và tuyên bố cuộc chiến đấu toàn diện chống chế độ. Phản ứng đầu tiên của chính phủ mà chàng nhận được là sự đe doạ sẽ bắn đại tá Hêrinêndô Mackêt trong vòng bốn mười tám tiếng đồng hồ nếu chàng không rút hết lực lượng vũ trang của mình về biên giới phía đông. Đại tá Rôkê Cacnixêrô, lúc này đã làm tham mưu trưởng của

chàng, trình trọng đưa cho chàng bức điện. Nhưng chàng đã để lộ niềm vui khi đọc bức điện.
- Tốt lắm, - chàng reo lên, - Macôndô đã có trạm điện tín rồi.
Sự trả lời của chàng là dứt khoát. Trong ba tháng chàng đợi thành lập sở Tổng chỉ huy của mình ở Macôndô. Nếu lúc đó chàng không được thấy đại tá Hêrinêndô Mackêt còn sống thì chàng sẽ bắn không cần xét hỏi toàn bộ số sĩ quan đã bị bắt làm tù binh, bắt đầu từ các sĩ quan cấp tướng và đồng thời chàng sẽ ra lệnh cho những người dưới quyền để họ cũng theo chính cái cách thức ấy tiến hành bắn giết sĩ quan Bảo hoàng cho đến khi kết thúc chiến tranh. Ba tháng sau, khi chàng chiến thắng tiến quân vào Macôndô thì cú ôm hôn đầu tiên mà chàng nhận được trên con đường từ đầm lầy vào làng là cú ôm hôn của đại tá Hêrinêndô Mackêt.
Ngôi nhà đông đúc trẻ nhỏ. Ucsula đã đón Santa Sôphia đê la Piêđat cùng với đứa con gái đầu lòng và hai đứa trẻ sinh đôi chào đời năm tháng sau vụ hành hình Accađiô về nhà mình.
Trái với nguyện vọng cuối cùng của người bị tử hình, cụ đã đặt cho đứa con gái đầu lòng của anh cái tên Rêmêđiôt. "Ta tin rằng đó là điều Accađiô muốn nói", cụ bảo. "Chúng ta sẽ không gọi nó là Ucsula bởi vì với cái tên này nó sẽ khổ cả một đời".
Còn hai đứa trẻ sinh đôi, cụ đặt một đứa tên là Accađiô Sêgundô và đứa kia là Aurêlianô Sêgundô. Amaranta nhận trách nhiệm trông nom cả bọn trẻ này. Cô kê những chiếc ghế nhỏ ở trong phòng khách rồi nhận thêm một số trẻ hàng xóm thành lập một lớp vỡ lòng. Khi đại tá Aurêlianô Buênđya trở về làng, giữa tiếng pháo rền vang nổ và tiếng chuông nhà thờ gióng giả đổ hồi, có đội đồng ca trẻ nhỏ đến hát đón chào chàng ngay tại nhà mình. Aurêlianô Hôsê, cao kều như ông nội,

mặc bộ đồng phục sĩ quan cách mạng, đã giơ tay theo nghi thức quân sự chào chàng.

Trong lúc hàn huyên, chuyện vui xen lẫn chuyện buồn. Một năm sau khi đại tá Aurêlianô trốn thoát, Hôsê Accađiô và Rêbêca dọn về ở trong ngôi nhà do Accađiô xây dựng. Không một ai biết chuyện ông đã phá đám vụ hành hình. Vợ chồng họ xây dựng một tổ ấm gia đình mến khách trong ngôi nhà mới nằm ở một góc đẹp nhất của quảng trường lớn, nép dưới bóng một cây hạnh đào cổ thụ có ba tổ chim cổ đỏ. Ngôi nhà có một cửa chính đón khách và bốn cửa sổ đón ánh sáng. Những bạn gái của Rêbêca trong đó có bốn chị em nhà Môscôtê hiện vẫn ở vậy đã nối lại các buổi họp mặt để thêu thùa mà những năm trước đây không bao giờ bị đứt quãng ở hành lang bầy những chậu thu hải đường. Hôsê Accađiô tiếp tục hưởng quyền lợi trên những đất đai chiếm đoạt với những văn tự đã được chính phủ Bảo hoàng thừa nhận. Buổi chiều nào người ta cũng thấy ông vai mang khẩu súng săn hai nòng cưỡi ngựa trở về, theo sau là nhũng con chó săn dữ tợn, trên yên ngựa lủng lắng một xâu thỏ rừng. Một buổi chiều tháng chín trước trận cuồng phong đe doạ đổ xuống, ông trở về nhà sớm hơn thường lệ. Ông chào Rêbêca đang ở trong phòng ăn, buộc đàn chó ở ngoài sân, treo xâu thỏ vào nhà bếp để sau đó mổ và ướp thịt, rồi trước vào phòng nghỉ thay quần áo. Sau này Rêbêca trình bày rằng khi chồng bà bước vào phòng ngủ thì bà đã ở trong nhà tắm và không hay biết gì hết. Đó là một lời giải thích khó tin được nhưng không có lời giải thích nào sáng tỏ hơn và không một ai có thể nghĩ tới một nguyên cớ nào khác để mà Rêbêca đi giết người đàn ông đã mang lại hạnh phúc cho mình. Việc ấy có thể là một chuyện bí hiểm duy nhất không bao giờ được làm sáng tỏ ở làng

Macôndô.

Hôsê Accađiô vừa đóng cửa buồng lại thì lập tức một phát súng lục nổ vang làm rung chuyển cả căn nhà. Một dòng máu chảy ra từ dưới cánh cửa, bò qua phòng khách, đi ra đường, tiếp tục chảy dọc theo những con đường gập ghềnh, trèo lên những bậc đa và những vật cản, bò một mạch theo đường Thổ Nhĩ Kỳ, rẽ ngoặt sang trái vào một phố rồi lại ngoặt phải sang phố khác trước khi nó quay một góc vuông thước thợ ngay trước nhà Buênđya rồi chui dưới cửa đóng kín vào nhà, cứ bám lấy tường mà vượt qua phòng khách để khỏi vấy bẩn những tấm thảm trải nhà, tiếp tục bò qua một phòng khác, lượn một vòng rõ rộng để tránh bàn ăn, bò theo dọc hành lang những chậu thu hồi đường và chui qua chiếc ghế Amaranta ngồi dạy toán cho Aurêlianô Hôsê mà không bị nhìn thấy, rồi biến mất khi chui vào kho ngô, rồi xuất hiện ở nhà bếp nơi Ucsula dang đập ba mươi sáu quả trứng để làm bánh.

- Lạy đức mẹ Đồng trinh Maria, - Ucsula gào toáng lên.

Dòng máu chảy ngược lại, và để đi tìm nguồn của nó, bà chui qua kho ngô, đi theo dọc hành lang những chấu thu hải đường nơi cậu bé Aurêlianô Hôsê đang đọc to ba với ba là sáu với ba là chín, vượt qua các phòng ăn và hai phòng khách, rồi bà đi một mạch ra đường cái, rồi rẽ trái ngoặt phải để đổ vào đường Thổ Nhĩ Kỳ, mà không nhớ rằng mình vẫn mang theo chiếc tạp dề mặc khi làm bếp và hai chiếc dép lê đi trong nhà, rồi bà đi ra quảng trường chui qua cửa vào một ngôi nhà chưa bao giờ bà ở, rồi bà đẩy cánh cửa phòng ngủ và hầu như bà ngợp trong mìn thuốc súng, và bà gặp Hôsê Accađiô nằm sấp mặt xuống sàn nhà người đè lên đôi ủng vừa được tháo ra, và thấy dòng máu vừa rỉ ra từ lỗ tai phải của ông. Người ta không thấy

một vết thương nào trên thân thể ông cũng như không thể tìm được khẩu súng đã bắn. Cũng không tài nào tẩy rửa được mùi khói súng khét lẹt trên thi thể. Đầu tiên người ta lấy xà phòng và bã cọ để tắm rửa, sau đó ngâm nó trong nước giấm và muối, sau nữa dùng tro và nước chanh, sau cùng ngươi ta đặt nỏ vào trong một thùng nước tẩy quấn áo ngâm suốt sáu giờ liền. Người ta kỳ cọ quá nhiều cho ông đến mức những hình săm bắt đầu phai mực. Khi người ta dùng tới biện pháp ướp xác ông với muối tiêu, rau thìa là, lá nguyệt quế và ninh tử thi trên bếp lửa âm ỉ trong một ngày ròng, thì tử thi bắt đầu bung ra và buộc mọi người phải mai táng ngay tức khắc. Người ta liệm tử thi vào một cỗ áo quan ngoại cỡ dài hai mét rưỡi và rộng một mét mất, bên trong giát sắt lá và được vít chặt lại bằng những chiếc ốc thép. Mặc dù được tắm rửa và khâm liệm kỹ như như vậy, tử thi vẫn phả ra mùi khét lẹt dọc đường khi đám tang đi qua. Cha Nicanô, với cái bụng đau gan tròn vo như cái trống, đứng trên giường rẩy nước thánh cho ông. Mặc dù mấy tháng sau này người ta xây mộ với những tấm bê tông đặt ở trên và rắc tro, mùn cưa và vôi bột, nghĩa địa vẫn tiếp tục nồng nặc mùi khét thuốc súng, đến nỗi những năm sau này, những kỹ sư thuộc Công ty chuối đã phải đổ một chiếc áo bê tông để úp lên ngôi mộ. Ngay sau khi người ta lôi cỗ quan tài đi, lập tức Rêbêca đóng cửa lại và bà đã tự chôn sống mình trong ngôi nhà, mặc một bộ quần áo vải thô nhàu nát mà không một ý muốn thế tục nào có thể làm rách nó. Trong thời kỳ xuất hiện quỉ dữ Juđiô Erăngtê, ở Macôndô xảy ra đợt oi nóng khủng khiếp khiến chim chóc cứ lao đầu qua lưới sắt để rúc vào phòng ngủ mà chết, bà có đi ra đường một lần, đã già lắm rồi, đi đôi ủng màu trắng bạc cũ kỹ và đội một chiếc mũ có gài những bông hoa nhỏ li ti. Lần cuối cùng có

người đã nhìn thấy bà còn sống là dịp bà đã bắn chết tươi gã kẻ trộm định phá cửa nhà mình. Kể từ đó, không một ai ngoài Arhêmđa, người ở và người bạn tâm phúc của bà, tiếp xúc trực tiếp với bà. Có thời kỳ người ta được biết rằng bà đã viết thư cho đức Giám mục, người bà gọi là anh họ mình, nhưng người ta cũng đồn rằng bà không bao giờ nhận được thư trả lời. Dân làng đã quên bà. Mặc dầu thắng lợi trở về, đại tá Aurêlianô Buênđya vẫn không vui lòng với những kết quả trông thấy. Quân chính phủ rút khỏi các thị trấn không hề kháng cự và điều đó đã gieo trong đám dân chúng vừa được giải phóng một ảo tưởng về thắng lợi không thể đảo ngược được. Nhưng những người cách mạng, nhất là đại tá Aurêlianô Buênđya đã hiểu đúng sự thật hơn. Mặc dù trong lúc ấy chàng duy trì được năm ngàn người dưới quyền mình, và giữ vững hai tỉnh thuộc miền duyên hải nhưng chàng ý thức rõ ràng rằng lực lượng của mình đang bị ép về phía biển và đang ở trong hoàn cảnh chính trị quá rắc rối đến mức khi chàng ra lệnh dựng lại tháp chuông nhà thờ bị đạn pháo phá đổ thì cha Nicanô nằm trên giường bệnh phải thốt lên: "Đây là một trò cười: những người bảo vệ đức tin Kitô giáo đã nã pháo phá nhà thờ còn những kẻ Tam điểm lại ra lệnh xây dựng nó". Hàng giờ và hàng giờ chàng ở lỳ trong phòng điện tín nói chuyện với tư lệnh các thị trấn khác, để tìm một lối thoát. Nhưng mỗi bận ra khỏi phòng, chàng càng khẳng định cảm nghĩ cuộc chiến đang kết thúc. Khi những tin chiến thắng mới của những người Tự do được chuyển đến và được loan báo ầm ĩ thì chàng suy tính những kết quả đã giành được trên các bản đồ và chàng hiểu rằng quân đội của mình đang ngày một rút sâu vào rừng để chống chọi với ho lao và muỗi rừng, đang rút ngày một xa thành phố

"Chúng ta đang để mất thời gian", chàng than thở trước các sĩ quan. "Chúng ta sẽ còn mất thời gian nữa trong lúc những tên chó má trong đảng Tự do đang xin xỏ một chỗ ngồi trên nghị trường". Trong những đêm mất ngủ nằm ngửa trên chiếc võng mắc trong chính căn phòng từng là xà lim tử tù, chàng nhớ lại hình ảnh những vị luật sư mặc đồ đen cổ áo khoác dựng lên che kín tai và ống tay áo buông chùng che kín bàn tay từ trong dinh Tổng thống bước ra vào lúc giá buốt của buổi đêm về sáng, mà rét run cầm cập, mà lẩn nhanh vào những vườn cà phê ảo não lúc hừng đông để đắn đo cân nhắc điều ngài Tổng thống muốn nói khi ngài bảo rằng được, hoặc giả điều ngài muốn nói khi ngài bảo rằng không và để dò tìm điều ngài Tổng thống đang suy nghĩ khi ngài nói một chuyện hoàn toàn khác hẳn. Trong khi đó chàng đuổi muỗi, cố chịu đựng không khí oi nóng tới ba mươi nhăm độ, và cảm thấy ngày càng xích gần cái buổi mai đáng sợ khi chàng buộc phải ra lệnh cho quân sĩ của mình nhảy ào xuống biển.

Một đêm nôn nao nọ, Pila Tecnêra hát cùng với đám lính ở trong sân. Chàng nhờ thị đoán tương lai cho mình qua những quân bài. "Hãy giữ mồm giữ miệng", đó là tất cả những gì Pila Tecnêra thấy rõ sau khi sắp xếp các quân bài và thu chúng lại. "Tôi không biết điều đó có nghĩa gì, nhưng điềm báo hiện rất rõ: hãy giữ mồm giữ miệng"… Hai ngày sau, có một ai đó thay chàng ra lệnh cho một người cần vụ chuẩn bị một tách cà phê không pha đường, rồi người cần vụ này chuyển lệnh cho người khác, người này lại chuyển cho người khác cho tới khi tách cà phê không pha đường qua tay nhiều người được mang đến chỗ ở của đại tá Aurêlianô Buênđya. Không hề gọi cà phê nhưng vì đã có sẵn ở đấy rồi nên đại

tá uống luôn. Tách cà phê ấy có một lượng bột mã tiền đủ giết một con ngựa đực. Khi người ta mang chàng về nhà, chàng đã cứng đơ, co rúm, lưỡi thè ra giữa hai hàm răng. Ucsula chiến đấu với tử thần để cứu chàng. Sau khi làm cho chàng nôn oẹ hết để rửa ruột, bà dùng khăn trải giường hơ nóng đắp kín cho chàng và cho chàng uống lòng trắng trứng gà trong hai ngày liền, cho tới khi cái cơ thể yếu ớt lấy lại được nhiệt độ bình thường. Đến ngày thứ tư chàng thoát khỏi nguy hiểm. Trái với ý nguyện của mình, do bị Ucsula và các sĩ quan của mình ngăn cản, chàng nằm yên trên giường thêm một tuần nữa. Chỉ đến lúc này chàng mới biết các bài thơ của mình vẫn chùa được đốt. "Đêm ấy mẹ không muốn vội vàng", Ucsula thanh minh với chàng. "Đêm ấy, khi đi nhóm bếp, mẹ nghĩ tốt hơn hết là hãy đợi cho tới khi tử thi con được mang về nhà". Sống giữa những con búp bê của Rêmêđiôt vây quanh, trong điều kiện sức khoẻ dần dần bình phục, đại tá Aurêlianô Buênđya, qua các bài thơ của mình, đã hồi tưởng lại những thời kỳ sôi nổi nhất của đời mình. Chàng lại làm thơ. Trong nhiều giờ liền, bên lề những sự kiện nổi bật của một cuộc chiến tranh không tương lai, chàng khẳng định những kinh nghiệm của mình ngay bên bờ vực của cái chết. Vậy là trí não của chàng ngày một sáng tỏ hơn đến mức có thể lật trái lật phải để xem xét nó. Có một đêm nọ, chàng hỏi đại tá Hêrinêndô Mackêt:

- Hãy nói với tôi đi, vì sao anh bạn chiến đấu?

- Vì sao anh lại hỏi tôi thế nhỉ, - đại tá Hêrinêndô Mackêt trả lời. - Vì đảng Tự do vĩ đại.

- Anh thật hạnh phúc vì đã biết mục tiêu chiến đấu của mình, - chàng trả lời. - Còn về phần mình, cho đến bây giờ hầu như tôi mới biết

rằng mình chiến đấu vì lòng kiêu hãnh.
- Thế thì tồi quá, - đại tá Hêrinêndô Mackêt trả lời.
Sự cảnh cáo của Hêrinêndô Mackêt khiến đại tá Aurêlianô Buênđya vui thích. "Dĩ nhiên rồi", chàng nói. "Nhưng trong mọi trường hợp, tốt hơn hết là chẳng nên biết vì sao mình chiến đấu" Chàng nhìn vào mắt bạn mỉm lời và nói rõ hơn:
- Hoặc là như anh đã chiến đấu vì một cái gì đó chẳng có nghĩa gì với ai cả.
Chính niềm kiêu hãnh ấy đã ngăn cản chàng liên hệ với các nhóm vũ trang trong vùng nội địa, trong khi đó các nhà lãnh đạo của đảng Tự do lại không công khai đưa ra những tuyên bố nhằm đánh tan luận điệu cho chàng là một tên tướng cướp. Tuy nhiên, chàng biết rằng nếu gạt bỏ những trở ngại ấy thì ngay lập tức sẽ phá tan vòng vây chiến tranh nguy hiểm. Sức khoẻ bình phục đã cho phép chàng suy nghĩ. Vậy là chàng xin được của Ucsula không chỉ số vàng còn lại mà cả số vốn liếng nhiều vô kể do bà tích luỹ được, chàng phong cho đại tá Hêrinêndô Mackêt làm Quan tổng trấn trông coi các vấn đề quân sự và dân sự ở Macôndô, rồi chàng lên đường để thiết lập quan hệ với các nhóm khởi nghĩa ở vùng nội địa.
Đại tá Hêrinêndô Mackêt không chỉ là người thân tín nhất của đại tá Aurêlianô Buênđya mà còn là người được Ucsula coi là người trong nhà. Dù là người thanh lịch, e lệ, ngoan nết chàng vẫn là người được rèn luyện để thích hợp với trận mạc hơn là với công việc lãnh đạo. Những cố vấn chính trị của chàng dễ dàng lái chàng vào những mê cung lý thuyết. Nhưng chàng cũng đã ổn định được một không khí thanh bình kiểu thôn dã ở Macôndô vốn là điều đại tá Aurêlianô Buênđya mơ ước cho tuổi già chuyên sống bằng cách sản xuất

những con cá vàng. Tuy sống chung với cha mẹ mình, nhưng chàng ăn cơm trưa ở nhà Ucsula một tuần tới hai hoặc ba bữa. Chàng dạy Aurêlianô Hôsê học sử dụng vũ khí, dạy bảo những kiến thức quân sự cơ bản và với sự đồng tình của Ucsula chàng mang nó đến sống trong doanh trại để rèn cặp nó thành người. Nhiều năm về trước dù hãy còn trẻ con, đã có lần Hêrinêndô Mackêt ngỏ tình với Amaranta. Lúc ấy Amaranta còn đang thầm yêu trộm nhớ Piêtrô Crêspi do đó đã giễu cợt chàng. Hêrinêndô Mackêt vẫn chờ đợi. Có lần từ trong nhà tù chàng gửi cho Amaranta một bức thư nhờ cô thêu chữ cái mở đầu tên và họ của cha mình lên một tá khăn mùi soa. Chàng còn gửi tiền cho cô nữa. Trong vòng một tuần lễ Amaranta mang đến nhà tù cho chàng một tá khăn mùi soa đã thêu cùng với số tiền ấy, và cô đã ở lại vài giờ liền để nói chuyện về quá khứ. "Khi ra khỏi nơi đây, anh sẽ cưới em làm vợ", Hêrinêndô Mackêt nói khi tạm biệt cô. Amaranta cười nhưng vẫn nghĩ về chàng trong lúc "dạy đám trẻ nhỏ học đọc và muốn làm sống trở lại trong trái tim mình tình yêu bồng bột thời trẻ vốn là nỗi đam mê đối với Piêtrô Crêspi; để hiến dâng cho chàng. Những ngày thứ bảy, ngày vào thăm tù, cô qua nhà bố mẹ Hêrinêndô Mackêt rồi cùng họ đến nhà tù. Có một ngày thứ bảy, Ucsula ngạc nhiên bắt gặp cô đứng ở nhà bếp đang đợi bánh quy ra lò để chọn những chiếc ngon nhất nhét vào một cái túi đã thêu sẵn chờ dịp này.

- Con hãy lấy nó đi con ạ! - bà nói với cô. - Hãn hữu lắm mới có một người đàn ông như nó đấy.

Amaranta làm ra vẻ khó chịu:

- Con chẳng cần phải mồi chài ai cả - cô cãi lại mẹ. - Con mang cho Hêrinêndô những chiếc bánh quy này chăng qua là vì thương anh ấy

sớm muộn cũng sẽ bị người ta bắn chết. Không hề đắn đo cô buột miệng nói ra. Nhưng lúc ấy chính phủ công khai đe doạ sẽ bắn đại tá Hêrinêndô Mackêt nếu như các lực lượng khởi nghĩa không nộp Riôacha. Các buổi đến thăm người tù bị đình chỉ. Amaranta đóng cửa, một mình ở trong nhà khóc lóc tự khổ sở vì ý nghĩ cho mình là kẻ có tội giống như ý nghĩ đã day dứt cô khi Rêmêđiôt chết, cũng như một lần khác những lời nói thiếu cân nhắc của cô đã là trách nhiệm đối với một cái chết khác, cái chết của Piêtrô Crêspi. Ucsula an ủi cô. Bà đảm bảo với cô rằng đại tá Aurêlianô Buênđya sẽ có hành động thực tế mạnh mẽ để ngăn cản vụ hành hình, bà hứa rằng chính bà sẽ đón Hêrinêndô Mackêt về nhà khi nào chiến tranh kết thúc. Bà đã thực hiện lời hứa trước thời hạn dự định. Khi Hêrinêndô Mackêt tới nhà với chức trách Quan tổng trấn trông coi các vấn đề quân sự và dân sự thì bà đón tiếp chàng như một người con, vuốt ve chiều chuộng chàng để chàng ở lại, và tự đáy lòng mình bà cầu khẩn chàng hãy nhớ lại ý định lấy Amaranta làm vợ. Những lời cầu khẩn của bà dường như được linh nghiệm. Những ngày tới nhà để ăn cơm trưa, đại tá Hêrinêndô Mackêt lưu lại cả một buổi chiều để chơi cờ đam với Amaranta ở ngoài hành lang bày những chậu thu hải đường. Ucsula mang đến cho đôi trai gái nào cà phê sữa, nào bánh quy, trông nom đám trẻ nhỏ để chúng khỏi quấy rầy hai người. Trên thực tế, Amaranta cố nhóm lại tình yêu say mê thời trẻ của mình mà lúc này nó như một đám tro nguội lạnh bị lãng quên trong trái tim mình. Với niềm khát khao đã đạt tới độ không thể thay đổi được, cô chờ đón những ngày chàng sẽ đến nhà mình ăn trưa, chờ đón những buổi chiều chơi cờ đam và chờ cho thời gian đi trong lúc mình ngồi bên cạnh một chiến binh có tên gợi bao niềm

lưu luyến mà những ngón tay của người ấy cứ run lên khi đi quân cờ. Nhưng trong ngày đại tá Hêrinêndô Mackêt nhắc lại nguyện vọng tha thiết của mình được cưới Amaranta thì cô đã từ chối:
- Em sẽ chẳng lấy ai, - cô nói, - lại cũng không lấy anh đâu. Anh yêu Aurêlianô quá tới mức anh sẽ lấy em vì anh không thể lấy anh ấy mà.
Đại tá Hêrinêndô Mackêt là người điềm tĩnh. "Anh sẽ kiên trì chờ đợi", chàng nói. "Sớm muộn gì anh cũng sẽ cưới em".
Chàng tiếp tục đến chơi nhà. Tự giam mình ở trong phòng ngủ để khóc vụng, Amaranta lấy hai đầu ngón tay bịt kín lỗ tai để khỏi nghe thấy tiếng người theo đuổi mình đang kể cho Ucsula nghe những tin tức chiến sự mới nhất, và mặc dù thèm nhìn chàng đến chết được nhưng cô vẫn đủ nghị lực để không ra tiếp chàng.
Lúc ấy, đại tá Aurêlianô Buênđya đã sắp xếp thời gian để cử hai tuần một lần gửi một thông báo tỉ mỉ về Macôndô. Nhưng chỉ có độc một lần, sau gần tám tháng ra đi, chàng mới viết thư riêng cho Ucsula. Một sứ giả đặc nhiệm đã mang đến nhà một phong thư được viết với lối chữ rất đẹp của đại tá: "Hãy trông nom cha thật cẩn thận vì cha sẽ mất". Ucsula thảng thốt. "Nếu Aurêlianô nói thì Aurêlianô đã biết", Ucsula nói, và nhờ người khiêng Hôsê Accađiô Buênđya vào phòng ngủ. Cụ không chỉ nặng như trước đây vốn đã nặng mà còn nặng thêm lên rất nhiều trong suốt thời kỳ nằm dưới bóng cây dẻ đến mức bảy người đàn ông lực lưỡng không khiêng nổi, buộc họ phải kéo lê cụ vào nhà. Mùi rêu non lẫn mùi mộc nhĩ, thứ mùi của không khí ẩm lâu năm và đậm đặc, làm sực nức cả căn phòng khi cụ già lực lưỡng dầm mưa dãi nắng đã lâu ngày bắt đầu thở. Ngày hôm sau, cụ không thức dậy ở trên giường đặt trong phòng. Sau khi đi khắp các phòng tìm kiếm, Ucsula lại một lần nữa thấy cụ nằm dưới bóng cây dẻ. Thế

là họ trói cụ vào giường. Dẫu khỏe mạnh nhưng Hôsê Accađiô Buênđya đã bị loại ra ngoài vòng chiến đấu… Cụ bằng lòng với tất cả, không phân biệt được nữa. Nếu cụ trở lại nằm dưới bóng cây dẻ không phải vì sở nguyện mà vì thói quen của cơ thể. Ucsula chăm nom cụ, cho cụ ăn và kể cho cụ nghe những tin tức về Aurêlianô. Nhưng thực ra, người duy nhất mà cụ tiếp xúc từ đã lâu là Pruđênxiô Aghila.

Với dáng vẻ tiều tụy vì tuổi già trong cõi âm phủ, Pruđênxiô Aghila cứ một ngày hai lẫn đến nhà nói chuyện với cụ. Hai người nói chuyện về gà chọi. Hai người hứa hẹn với nhau sẽ xây dựng một chuồng nuôi những chú gà chọi tuyệt vời, không chỉ để vui vẻ trước một số trận thắng mà còn để giải khuây trong những ngày chủ nhật man mát buồn ở cõi âm phủ. Pruđênxiô Aghila là người tắm rửa cho cụ, cho cụ ăn, kể cho cụ nghe những thắng lợi hiển hách của một người hoàn toàn xa lạ được gọi là Aurêlianô và người này là đại tá trong chiến đấu. Khi ở một mình, Hôsê Accađiô Buênđya khuây khỏa đôi phần với giấc mơ trong căn buồng vô cùng tận. Cụ mơ thấy mình đứng dậy khỏi giường, mở cửa chính mà đi sang phòng bên có cái giường với đầu giường làm bằng thép tôi, một chiếc ghế xích đu bằng gỗ liễu giỏ với chính một bức chân dung Thánh bà Đồng trinh Rêmêđiôt treo trên bức tường cuối phòng. Từ phòng này cụ đi sang phòng khác giống y hệt, mà cửa của nó mở ra dẫn sang phòng khác giống y hệt, rồi sau đó sang phòng khác cũng giống y hệt, cứ như thế cho đến vô cùng tận. Cụ thích đi từ phòng này sang phòng khác, như đi trong một hành lang hai bên tường đều gắn gương, cho tới khi Pruđênxiô Aghila vỗ vai cụ. Thế là cụ trở về lẫn lượt đi qua các phòng, trong lúc quay lại mà tỉnh giấc dần, cụ chạy trên con đường

ngược lại, để rồi lại gặp Prudênxiô Aghila trong cái phông của đời thực. Nhưng rồi có một đêm nọ, sau hai tuần Ucsula đưa cụ vào nhà, Prudênxiô Aghila vỗ vai cụ ngay ở phòng trung gian giữa cõi thực và cõi mộng và cụ mãi mãi dừng lại ở đấy, mà cứ tưởng rằng đó là phòng của đời thực. Sáng ngay hôm sau, khi mang bữa điểm tâm cho cụ, Ucsula bắt gặp một người từ ngoài hành lang đi lại phía mình. Người ấy béo lùn, mặc bộ quần áo đen, đội một chiếc mũ đen rộng vành chụp gần hết đôi mắt buồn rầu của ông ta. "Trời ơi", - Ucsula nghĩ bụng. "Ai như là Menkyađêt… Người đó là Cataurê, em trai Visitaxiôn, người tự bỏ nhà ra để tránh dịch mất ngủ và từ đó đến nay không có tin tức gì. Visitaxiôn hỏi em mình trở lại để làm gì thì ông ta dùng tiếng thổ dân trả lời:

- Em đến dự đám tang của hoàng đế.

Thế là mọi người đổ xô vào phòng Hôsê Accađiô Buênđya dùng hết sức lay cụ, gào to lên để gọi cụ, lấy gương soi chiếu vào lỗ mũi cụ để gọi, nhưng không làm sao gọi cụ tỉnh được. Sau đó ít lâu, khi người thợ mộc đo cụ để đóng áo quan, qua cửa sổ, người ta thấy trời đổ xuống trận mưa hoa li ti màu vàng. Cả đêm ấy, những bông hoa nhỏ li ti màu vàng rơi xuống một cái làng đang trong nỗi âm thầm đau khổ. Hoa phủ kín các nóc nhà và hoa lấp kín các lối ra vào. Bầu trời sực nức mùi hoa khiến cho những con vật ngủ ngoài trời phải ngột thở. Hoa trời rơi xuống không biết cơ man nào mà kể, đến mức khi trời sáng các con đường phủ đầy hoa phẳng lỳ như một tấm chăn. Người ta buộc phải dùng gậy, sào mà hất hoa đi để lấy lối cho đám tang đi qua.

Chương 8

Ngồi trên chiếc ghế xích đu làm bằng gỗ liễu giỏ, với đồ thêu thùa để trong lòng, Amaranta ngắm Aurêlianô Hôsê lần đầu tiên trong đời cạo râu. Cậu đang lia lưỡi dao cạo trên cái cằm đầy bọt xà phòng. Lưỡi dao cạo làm chảy máu những mụn nhân, làm đứt môi trên do cậu cố ý tỉa bộ ria mép màu hung hung, nhưng dù cậu cố sức nó vẫn cứ y nguyên như trước. Cái công việc cạo râu quá tỉ mẩn của cậu khiến Amaranta có cảm giác trong lúc ấy cậu đã bắt đầu già.
- Nom cháu giống Aurêlianô như đúc khi anh ấy vào tuổi cháu - cô nói. - Cháu đã là người lớn rồi đấy.
Cậu đã là người lớn từ lâu rồi, từ cái ngày Amaranta tưởng rằng cậu hãy còn ranh con nên vẫn cứ khỏa thân trong nhà tắm ngay trước mặt cậu như lâu nay cô vẫn thường làm kể từ ngày Pila Tecnêra đem cậu trả cho gia đình, rũ bỏ trách nhiệm nuôi nấng của thị. Lần đầu nhìn thấy cô tắm, cậu bé chỉ chú ý đến cái rãnh sâu giữa hai núm vú trên ngực cô mình. Lúc ấy cậu còn ngây thơ lắm đến mức phải hỏi cô bị làm sao ở ngực thế thì Amaranta giả vờ lấy ngón tay gãi ngực rồi trả lời cháu mình: "Cô bị người ta róc, róc thịt đấy". Sau

đó, khi đã bình phục sau trận ốm vì Piêtrô Crêspi tự tử, cô lại cùng tắm chung với Aurêlianô Hôsê trong nhà tắm. Cậu không để ý đến cái rãnh sâu mà trái lại run bắn người vì thích thú lạ lùng trước hai bầu vú hồng hồng căng mọng. Cậu vẫn dõi nhìn cô và nhờ vậy hiểu kỹ hơn cái kỳ lạ của tình thân mật giữa hai cô cháu, và cậu vẫn cảm thấy da mình nổi gai trong lúc ngắm nhìn cô, giống như da cô mình cũng nổi gai khi dội nước. Ngay từ lúc còn rất nhỏ tuổi, cậu đã có thói quen bỏ chiếc võng trống cả đêm để bừng tỉnh dậy trên giường Amaranta, chả là vì nằm bên cạnh cô, cậu đỡ sợ bóng tối hơn. Nhưng kể từ hôm có ý thức thích thú tấm thân ngà ngọc của cô mình, thì động lực thúc đẩy cậu bỏ võng để chui vào mùng của cô không phải là nỗi sợ bóng tối mà là sự thèm khát được cảm nhận hơi thở nồng ấm của Amaranta vào lúc trời hửng sáng. Trong thời kỳ cô cự tuyệt đại tá Hêrinêndô Mackêt, có một buổi đêm về sáng nọ, với cảm giác nghẹt thở Aurêlianô Hôsê thức dậy. Cậu cảm thấy những ngón tay của Amaranta, giống như những con tằm, nóng ran và khao khát, đang lần tìm bụng mình. Giả vờ đang còn ngủ, cậu cựa mình đổi tư thế để chúng khỏi gặp trở ngại trên con đường mò tìm, và lúc ấy cậu nhận ra năm ngón tay thuộc bàn tay không băng dải băng đen, như những con sên mù, đang lần mò giữa hai bẹn mình. Dù hai người giả vờ không biết điều cả hai cùng biết và điều mỗi người biết rõ rằng người kia đã biết, kể từ đêm đó họ gắn bó với nhau trong một sự ăn ý tuyệt vời. Aurêlianô Hôsê không thể ngủ được khi cậu chưa nghe thấy tiếng nhạc van phát ra từ chiếc đồng hồ nơi phòng khách, và cô gái đứng tuổi, mà làn da cô bắt đầu cảm thấy tê tái buồn, sẽ không một phút yên lòng nếu cô chưa cảm thấy kẻ mộng du trườn mình trong mùng. Đó là người cô đã nuôi nấng mà không nghĩ rằng

người ấy sẽ là một nới bám víu tạm thời cho nỗi cô đơn của mình. Vậy là bọn họ không chỉ ngủ chung một giường, cùng khỏa thân, cùng thèm khát mân mê nhau mà còn lẵng nhẵng theo nhau khắp các xó xỉnh trong nhà, cùng ở trong buồng đóng kín cửa vào bất kỳ giờ nào, lúc nào cũng hào hứng không biết chán. Có lần bọn họ suýt bị Ucsula bắt quả tang. Vào một buổi chiều nọ, cụ vào kho bột ngô, khi hai người sắp hôn nhau. "Cháu yêu cô lắm phải không?", cụ hỏi Aurêlianô Hôsê vẻ hết sức ngây thơ. Cậu vâng để trả lời bà mình. "Cháu ngoan lắm", Ucsula kết thúc, đong bột mì để làm bánh rồi trở về nhà bếp. Sự kiện này đã lôi Amaranta ra khỏi cơn cuồng si. Cô hiểu rằng mình đã vượt quá xa giới hạn, rằng mình không còn hôn hít nó như hôn hít một đứa trẻ nhỏ chơi đùa, trái lại cô đang bì bõm lội trong một cơn đam mê bệnh hoạn vừa nguy hiểm vừa không có lối thoát, rồi cô kiên quyết dập tắt cơn đam mê này. Cũng lúc ấy, Aurêlianô Hôsê vừa kết thúc việc học quân sự, nhận ra sự thực và bỏ nhà để vào doanh trại ngủ. Mỗi thứ bảy đến, cậu đều cùng với đám lính đến tiệm bác Catarinô. Cậu giải buồn với những người đàn bà son phấn mà cứ da diết tưởng tượng họ là Amaranta. Sau đó ít lâu, những tin tức chiến sự trái ngược nhau bắt đầu được tung ra. Trong khi chính phủ thừa nhận những bước tiến mới của quân khởi nghĩa thì các sĩ quan ở Macôndô nhận được những thông báo tin cậy về một cuộc đình chiến do hai bên thương lượng tất yếu sẽ xảy ra. Vào đầu tháng tư, có một sứ giả tin cậy đến ra mắt đại tá Hêrinêndô Mackêt. Vị này khẳng định với đại tá rằng các lãnh tụ đảng đã bắt liên lạc với các tư lệnh quân khởi nghĩa ở nội địa, và đã sẵn sàng ký một hiệp định đình chiến với điều kiện chính phủ che phái Tự do ba ghế bộ trưởng, một số đại biểu tối thiểu trong nghị

viện, và sẽ khoan hồng chung cho những nghĩa quân đã hạ súng. Vị sứ giả mang theo một mệnh lệnh hết sức bí mật của đại tá Aurêlianô Buênđya, người không tán thành các điều khoản của hiệp định. Đại tá Hêrinêndô Mackêt cần phải chọn năm người tốt nhất và chuẩn bị để trốn ra nước ngoài. Mệnh lệnh này đã được thực hiện trong thời hạn ngắn nhất. Một tuần trước khi bản thỏa ước được loan báo, và trong lòng khí hỗn độn những tin đồn khác nhau, đại tá Aurêlianô Buênđya và mười sĩ quan tin cậy nhất của chàng, trong đó có đại tá Rôkê Cacnixêrô, lặng lẽ trở về Macôndô vào lúc quá nửa đêm, giải tán quân đội, chôn giấu vũ khí, đất bỏ các tài liệu. Vào lúc trời hửng sáng, cùng với đại tá Hêrinêndô Mackêt và năm người dưới quyền chàng, bọn họ đã rời khỏi làng. Đó là một chiến dịch được thực hiện rất nhanh chóng và bí mật đến mức Ucsula không hay biết gì cho đến giờ chót khi có người gõ nhẹ lên cửa sổ phòng ngủ của cụ và thầm thì nói: "Nếu cụ muốn nhìn thấy đại tá Aurêlianô Buênđya thì xin mời cụ ra ngay cửa ạ". Ucsula vùng dậy, mặc nguyên quần áo ngủ, bước ra cửa, và hầu như cụ mới chỉ kịp nhận ra tiếng vó ngựa của đoàn người đang lặng lẽ phi ra khói làng cuốn theo đám bụi mù mịt. Chỉ đến ngày hôm sau cụ mới được biết Aurêlianô Hôsê đã đi cùng cha mình.

Mười ngày sau kể từ khi một thông cáo chung giữa chính phủ và phái đối lập được công bố báo tin đình chiến, đã có những tin tức về cuộc vũ trang nổi dậy đầu tiên của đại tá Aurêlianô Buênđya ở biên giới phía đông. Các lực lượng của chàng, không những ít quân lại còn trang bị kém, đã bị đánh tan tác chỉ trong thời gian không đầy một tuần. Nhưng trong suốt cả năm ấy, trong lúc phái Tự do và phái Bảo hoàng cố gắng làm cho đất nước sống trong sự hoà giải thì

chàng mưu tính bảy cuộc nổi dậy. Một đêm nọ, từ một chiếc tàu chàng nã pháo vào thành phố Riôacha, và đội tuần tra đã phải dậy giữa đêm, bắn trả thù mười bốn nhà Tự do nổi tiếng bị giam giữ ở thành phố này. Chàng chiếm một sở hải quan ở biên giới trong hơn mười lăm ngày và từ đây chàng gửi đến quốc dân đồng bào lời hiệu triệu tổng khởi nghĩa. Một trong số những đạo quân của chàng đã lạc trong rừng liền ba tháng, vì đơn vị này có nhiệm vụ vượt qua hơn một nghìn năm trăm kilômét đường rừng để nhen nhóm các cuộc chiến đấu xung quanh thủ đô. Đôi lúc chàng chỉ ở cách Macôndô chừng vài chục cây số nhưng chàng đã bị các đội quân tuần tra của chính phủ buộc phải đi sâu vào núi cách không xa địa điểm thú vị nơi nhiều năm trước đây cha chàng đã gặp được xác một chiếc tàu Tây Ban Nha.

Cũng trong thời gian này Visitaxiôn qua đời. Sau khi từ bỏ ngai vàng vì sợ dịch mất ngủ, bà muốn được chết già và nguyện vọng cuối cùng của bà là người ta sẽ đào số lương tích cóp trong vài chục năm chôn ở dưới gầm giường rồi gửi nó cho đại tá Aurêlianô Buênđya để chàng tiếp tục chiến đấu. Nhưng Ucsula không cho đào số tiền, bởi vì ngày ấy người ta đồn rằng đại tá Aurêlianô Buênđya đã chết trong một vụ đổ bộ vào vùng ven tỉnh lỵ. Thông cáo chính thức, cái thông cáo thứ tư trong không đầy hai năm đã cho thấy điều đó là hiển nhiên vì gần như sáu tháng nay người ta không được biết gì về chàng. Bỗng nhiên, khi Ucsula và Amaranta đang để tang mới cho các vị tiền bối, thì có một tin lạ được chuyển đến. Đại tá Aurêlianô vẫn còn sống, nhưng rõ ràng chàng không theo chính phủ nước mình, do đó đã gia nhập các lực lượng liên bang đang thắng thế ở một số nước khác thuộc Caribê. Chàng đến với những đất nước có

những tên khác nhau ngày một xa lạ với tên quê hương mình. Sau đó người ta được biết rằng tư tưởng lúc ấy cổ vũ chàng là tư tưởng về sự thống nhất các lực lượng liên bang vùng Trung Mỹ để quét sạch các chế độ Bảo hoàng từ Alasca đến Patagônia. Sau vài năm chàng ra đi, bức thư đầu tiên mà Ucsula nhận từ chàng là một bức thư đã nhàu nát lại nhòe nhoẹt được chuyển tay từ thành phố Xantiagô đê Cuba.

- Chúng ta đã vĩnh viễn mất nó rồi, - Ucsula thốt lên khi đọc lá thư bởi vì Lễ Noen trong ngày tận thế sẽ xuất hiện trên con đường ấy(1). Người được cụ nói điều đó, người đầu tiên cụ chìa cho xem bức thư là tướng Hôsê Raken Môncađa, một người thuộc phái Bảo hoàng. "Rất tiếc là - tướng Môncađa bình luận - Aurêlianô này lại không phải là một người Bảo hoàng". Ngài thật bụng khâm phục chàng. Cũng như rất nhiều quan chức dân sự Bảo hoàng, Hôsê Raken Môncađa đã tiến hành cuộc chiến để bảo vệ đảng mình và trong chiến đấu đã leo lên quân hàm cấp tướng, mặc dù ngài không có tài thao lược. Trái lại, cũng như rất nhiều người trong đảng mình, ngài là người phản đối chế độ quân phiệt. Ngài coi giới võ biền là đám người lười biếng không có kỷ cương, thích mạo hiểm và tham lam, có kinh nghiệm chống đối các quan chức dân sự để làm giàu trong tình cảnh hỗn độn. Là người thông minh, nhã nhặn, da dẻ hồng hào, người thích ăn ngon và ham các cuộc chọi gà, thế mà đã có lúc ngài là kẻ thù đáng gờm nhất của đại tá Aurêlianô Buênđya. Ngài đã thiết lập được quyền chỉ huy của mình với các nhà quân sự nhà nghề trong cả vùng duyên hải rộng lớn này. Có lần, theo những thỏa thuận chiến lược, ngài buộc phải rút quân khỏi một thị trấn để trao lại cho lực lượng của đại tá Aurêlianô Buênđya, ngài đã để lại hai bức thư cho

chàng. Trong một bức thư dài gửi cho đại tá, ngài mời chàng tham gia chiến dịch chung nhằm làm cho cuộc chiến đỡ khốc liệt hơn. Bức thư khác ngài nhờ đại tá chuyển đến cho vợ mình sống trong vùng kiểm soát của các lực lượng vũ trang thuộc phái Tự do. Từ dạo ấy, kể cả trong những lúc chiến sự xảy ra ác liệt nhất, hai vị tư lệnh này đã thỏa thuận ngừng bắn để trao đổi tù binh. Đó là những lúc hưu chiến với không khí vui vẻ đến mức tướng Môncađa đã lợi dụng thời gian ấy để dạy đại tá Aurêlianô Buênđya chơi cờ đam. Đã có những lúc cả hai người nghĩ đến khả năng phối hợp những yếu tố nhân dân có trong cả hai đảng để loại trừ ảnh hưởng của các nhà quân sự và các nhà chính trị nhà nghề, và thiết lập một thể chế nhân đạo nhờ khai thác triệt để những mặt ưu việt của từng học thuyết. Khi chiến tranh kết thức, trong lúc đại tá Aurêlianô Buênđya thường xuyên thất bại, phải chạy trốn theo những hẻm núi thì tướng Môncađa được phong làm Quan thanh tra ở làng Macôndô. Ngài ăn mặc dân sự, dùng cảnh sát không vũ trang thay cho đám dân lệ, ngài buộc mọi người phải tôn trọng mọi quy định của luật ân xá và giúp đỡ một số gia đình là thân nhân của những người Tự do tử trận. Ngài tìm mọi cách để Macôndô được chọn là thị trấn huyện và do đó ngài được bổ nhiệm là thị trưởng và đã vun trồng được một bầu không khí tin cậy lẫn nhau trong dân chúng khiến cho họ nghĩ về chiến tranh như nghĩ về một nỗi cực khổ vô nghĩa lý của thời quá khứ. Cha Nicanô, bị những cơn sốt đau gan hành hạ đã gày nhom và do đó đã bị cha Côrônen - từng được mệnh danh En Cachôrô, một cựu chiến binh trong cuộc chiến tranh của những người thuộc phái liên bang tiến hành đến thay thế. Brunô Crêspi đã kết hôn với Amparô Môscôtê. Nhờ cửa hàng đồ chơi và nhạc cụ của anh không ngừng phát tài,

anh đã xây dựng một nhà hát từng được các gánh hát Tây Ban Nha liệt vào các lịch trình biểu diễn lưu động của họ. Đó là một phòng xa lông rộng ở ngoài trời với những chiếc ghế gỗ dài, một tấm phông nỉ có gắn các mặt nạ Hy Lạp và ba phòng bán vé hình đầu sư tử mà qua cái miệng há ra của nó người ta bán vé vào cửa cho khách. Cũng trong thời kỳ này nhà trường được xây dựng. *Đông* Mênchô Escalôna, một thày giáo già được phái từ miền đầm lầy tới trông coi trường học. Được sự đồng ý của các phụ huynh, ngài bắt các cậu học trò ương bướng phải quỳ gối đi trên nền sân lởm chởm đá sỏi và bắt những đứa trẻ lắm mồm phải ăn ớt cay. Aurêlianô Sêgunđô và Hôsê Accađiô Sêgunđô, những đứa con sinh đôi của Santa Sôphia đê la Piêđat, là những học trò đầu tiên ngồi trong phòng học với bảng đen, phấn viết, ca nhôm có khắc tên mình. Rêmêđiôt thừa kế được sắc đẹp đích thực của bà mẹ và bắt đầu được làm quen với cái tên Rêmêđiôt - Người đẹp. Mặc dù tuổi cao, mặc dù phải phịu nhiều tang tóc và những hoạn nạn chồng chất, Ucsula vẫn trẻ khoẻ như thường. Được Santa Sôphia đê la Piêđat giúp đỡ, cụ lại kinh doanh nghề kẹo bánh và trong thời gian ngắn, cụ đã không chỉ thu lại tài sản bị con trai tiêu nhẵn trong chiến tranh, mà còn nhồi vàng ròng vào đầy các quả bí khô đem chôn trong phòng ngủ. "Thượng đế còn cho ta sống, - cụ thường nói, - thì trong ngôi nhà những kẻ điên khùng này sẽ không bao giờ thiếu tiền bạc". Mọi chuyện đang diễn ra êm đẹp như thế, bỗng thình lình Aurêlianô Hôsê rời bỏ hàng ngũ quân đội liên bang Nicaragoa, trốn lên một chiếc tàu Đức, rồi xuất hiện ngay tại bếp ăn nhà mình. Cậu trở về người khỏe mạnh như một con ngựa, da sạm nắng và tóc rậm như người Anhđiêng với ý nghĩ thầm kín định cưới Amaranta làm vợ.

Khi Amaranta nhìn thấy cậu bước vào, dù cậu chưa hề nói gì cả cô biết ngay vì sao cậu trở về. Cùng ngồi một bàn mà hai người không dám nhìn vào mặt nhau. Nhưng sau hai tuần trở về, dù Ucsula có mặt, cậu vẫn cứ nhìn thẳng vào mắt cô và nói: "Lúc nào cháu cũng nghĩ tới cô thân yêu". Amaranta chạy trốn cậu. Cô dò đoán để tránh phải gặp cậu ở những nơi, những lúc bất thình lình. Cô cứ bám lấy Rêmêđiôt - Người đẹp, không rời nửa bước. Cô xấu hổ đỏ bừng hai má trong cái ngày thằng cháu hỏi mình còn mang dải băng đen trên tay đến bao giờ, bởi vì cô hiểu câu hỏi đó như là một lời ám chỉ sự trinh tiết của mình. Khi cậu trở về nhà, cô liền cài chặt cửa buồng mình ngủ. Nhưng trong nhiều đêm nghe rõ tiếng ngáy đều đều hiền hậu của cậu ở phòng bên, cô yên lòng đến mức không đề phòng nữa. Sau gần hai tháng Aurêlianô Hôsê trở về, có một buổi đêm về sáng, cô cảm thấy cậu vào phòng mình ngủ. Thế là, đáng lẽ phải chạy trốn, phải gào toáng lên như cô đã dự định trước, thì cô lại buông thả mình trong cảm giác nhẹ nhàng được nghỉ ngơi, được thỏa mãn. Cô cảm thấy cậu đang trườn trong mùng, như đã trườn từ lúc còn nhỏ, như xưa nay nó vẫn trườn thế, rồi cô không tài nào ghìm được mồ hôi lạnh túa ra và hàm răng run lập cập khi nhận thấy cậu đã hoàn toàn khỏa thân. "Cút đi!", cô thì thầm đuổi mà cảm thấy như mình đang chết ngạt vì tính tò mò. "Cút đi không tao sẽ kêu lên bây giờ". Nhưng Aurêlianô Hôsê lúc ấy biết rõ điều mình cần phải làm, bởi vì cậu đâu còn là thằng nhóc sợ bóng đêm mà trái lại đã là một thằng lính chiến. Kể từ đêm ấy, bọn họ lại tiếp tục các cuộc vật lộn thầm lặng với nhau cho đến lúc trời hừng sáng. "Ta là cô mày", Amaranta thì thào nói vẻ mệt mỏi. "Ta gần như là mẹ mày, không chỉ vì tuổi tác mà còn vì ta đã nuôi dạy mày đủ điều chỉ còn thiếu cho

mày bú thôi". Vào lúc trời hừng đông, Aurêlianô lỉnh đi và đến buổi đêm về sáng ngày hôm sau lại trở lại phòng ngủ cô mình, ngày một thích chí hơn bởi thấy rằng cửa phòng cô mình vẫn không cài then. Không lúc nào cậu không yêu da diết cô mình. Cậu thường gặp hình ảnh cô mình trong những phòng tối nơi các làng bị chiếm đóng, nhất là những phòng tồi tàn nhất, và nhận ra nàng một cách vật chất qua mùi máu khô đọng trên những dải băng của người bị thương, trong nỗi sợ hãi chợt đến trước tử thần. Ở đâu và lúc nào cậu cũng thấy cô mình.

Cậu đã chạy trốn cô mình bằng cách cố tình xoá nhòa ký ức của mình không chỉ nhờ ở sự xa cách muôn trùng mà nhờ ở cả những trận đánh đẫm máu rùng rợn từng được các bạn đồng ngũ liệt vào hạng đáng sợ nhất, nhưng trong lúc cậu càng cố xóa nhòa hình ảnh cô mình ở nơi khủng khiếp của chiến tranh thì chiến tranh lại càng giống Amaranta hơn. Vì thế mà cậu đau lòng phải sống lưu vong, cố tìm cách giết cô mình bằng chính cái chết của mình cho đến khi cậu nghe một người lính kể câu chuyện cổ tích về một người đàn ông lấy người cô ruột đồng thời lại là cháu gái mình và người con trai của ông ta lại chính là ông trẻ của nó.

- Người ta không thể lấy cô ruột mình sao? - cậu hỏi vẻ hoảng hốt.

- Không những có thể lấy được, - một người lính trả lời cậu, - mà còn hơn thế nữa. Chúng ta làm cuộc chiến tranh chống lại các thày tu này cốt để người ta có thể lấy ngay chính mẹ đẻ của mình.

Mười lăm ngày sau, cậu đào ngũ. Cậu thấy Amaranta của đời thực mặn mà hơn Amaranta trong ký ức, thấy cô buồn và thanh tao hơn nhiều và mặc dù trên thực tế cô đã ở vào thời kỳ sắc đẹp tàn phai nhưng hơn bao giờ hết cô lại nồng nàn trong bóng tối nơi phòng ngủ,

hơn bao giờ hết cô buông thả mình trong sự điên cuồng cự tuyệt. "Cháu là một thằng đê tiện", Amaranta bảo cậu khi bị cháu truy đuổi. "Cái việc cháu đang làm với người cô đáng thương của mình này là không đứng đắn đâu dù cho đức Giáo hoàng có đặc ân tha thứ đi nữa". Aurêlianô Hôsê hứa sẽ đi đến thành Rôm, hứa quỳ gối lê khắp châu Âu hôn dép đức Giáo hoàng chỉ để xin cô mình "tha cầu thành" cho mình vào.
- Không chỉ vì thế đâu, - Amaranta cố chống cự, - mà còn vì sẽ đẻ ra những đứa con có đuôi lợn.
Aurêlianô Hôsê cố tình làm ngơ trước mọi lý lẽ.
- Dù có đẻ ra những con tê tê đi nữa cũng cam lòng, - cậu van xin.
Một buổi đêm về sáng nọ, cậu đến tiệm bác Catarinô sau khi không chịu nổi cơn đau vì nhục dục bị ức chế quá mức. Ở đây cậu bắt tình với một người đàn bà có bộ vú chảy, niềm nở dễ tính, là người đã làm nhuần cái bụng cậu trong một lúc. Cậu định sẽ đối xử tệ mạt với Amaranta. Cậu thấy cô ngồi ở hành lang, đang đạp máy khâu, - một nghề cô học rất nhanh, - và cậu không chào hỏi cô mình. Amaranta cảm thấy mình trút bỏ được gánh nặng và chính cô cũng không hiểu nổi vì sao lúc này mình lại nghĩ đến đại tá Hêrinêndô Mackêt, vì sao mình lại da diết nhớ những buổi chiều chơi cờ đam, vì sao mình lại muốn chàng làm chồng mình. Aurêlianô Hôsê vẫn chưa biết mình đã mất chỗ đứng trong trái tim cô mình, cho nên một đêm nọ do không thể tự kiềm chế nổi dục vọng, cậu lại mò vào phòng ngủ của Amaranta. Lần này cô đã cự tuyệt một cách dứt khoát và kiên quyết. Từ đó đêm nào cô cũng cài chặt cửa phòng mình lại.
Ít tháng sau ngày Aurêlianô Hôsê trở về, một người đàn bà vẻ cởi mở, vương mùi hoa nhài, bồng đứa bé năm tuổi đến nhà. Chị ta nói

rằng đứa bé là con của đại tá Aurêlianô Buênđya và rằng chị ta mang nó đến để Ucsula đặt tên. Không một ai nghi ngờ gốc gác của đứa bé chưa có tên ấy: nó giống đại tá như đúc thời chàng được cha dẫn đi xem nước đá. Người đàn bà kể rằng cậu bé chào đời với đôi mắt mở thao láo nhìn những người xung quanh với vẻ dò xét của một người lớn, và rằng chính chị ta phải giật mình trước cái nhìn chăm chú không chớp mắt của nó.
"Đích thị rồi", Ucsula nói. "Chỉ thiếu điều nó không làm cho ghế phải tự xoay quanh khi nó nhìn". Cụ đặt tên cho nó với tên của Aurêlianô và họ của mẹ nó, bởi vì luật pháp không cho phép đứa trẻ mang họ cha một khi người cha chưa thừa nhận. Tướng Môncađa nhận làm cha đỡ đầu. Mặc dù Amaranta yêu cầu bên nhà gái để cậu bé ở lại nhà nhưng người mẹ không đồng ý.
Lúc ấy Ucsula vẫn chưa biết tập quán của các bậc cha mẹ cho các cô trinh nữ vào phòng ngủ của các chiến binh như thể họ vẫn thường thả gà mái vào chuồng những con gà trống đẹp mã. Nhưng qua một năm ròng cụ đã biết: chín đứa con trai nữa của đại tá Aurêlianô Buênđya được mang đến nhà để xin cụ đặt tên. Đứa lớn nhất, da nâu với đôi mắt xanh hoàn toàn không giống với bên nội, đã lên mười tuổi. Họ mang đến nhà những đứa trẻ ở mọi tuổi, với đủ màu da, nhưng tất cả đều là con trai, và tất cả đều có vẻ cô đơn - đặc điểm buộc người ta phải thừa nhận nguồn gốc của chúng. Có một đứa lớn trước tuổi rất nhiều đã đập vỡ vài bình hoa và một số cốc tách, vì hình như tay nó hậu đậu đụng đến cái gì là làm vỡ cái đó. Đứa khác tóc hung, có đôi mắt ốc nhồi, y hệt mắt mẹ nó, để tóc dài búi lại thành từng mớ giống y hệt tóc phụ nữ. Cậu bé này rất tự nhiên bước vào nhà cứ như thể cậu từng được nuôi nấng ở đấy, rồi cậu đi

thẳng đến chiếc tủ cũ kê trong phòng Ucsula mà đòi: "Cho cháu cô vũ nữ có dây cót đi". Ucsula giật mình. Cụ mở tủ. Sau khi bắt gặp cô vũ nữ ấy được cuốn trong đôi tất. Đó là tặng vật của Piêtrô Crêspi và không một ai nhớ đến nó. Trong không đầy mười hai năm, mười bảy đứa trẻ vốn là con của đại tá gieo rắc trên khắp các miền chàng đi qua trong chiến tranh đã được đặt tên Aurêlianô kèm với họ mẹ chúng. Lúc đầu, Ucsula nhét đầy tiền vào túi chúng và Amaranta muốn giữ chúng lại để nuôi dạy. Nhưng cả hai đều đi đến kết luận là chỉ nên tặng cho mỗi đứa trẻ một gói quà kí niệm và nhận làm mẹ đỡ đầu của chúng. "Chúng ta đặt tên cho chúng thôi", Ucsula nói trong lúc cụ ghi lại tên và địa chỉ của các bà mẹ, nơi và ngày sinh của bọn trẻ vào một cuốn vở. "Chắc là Aurêlianô đã trù liệu, vậy thì hắn sẽ là người quyết định tất cả khi nào trở về". Trong lúc ăn trưa, qua việc bình luận với tướng Môncađa về cái "sự sinh sôi nẩy nở ấy", cụ bày tỏ ý muốn đại tá Aurêlianô Buênđya sẽ có dịp trở về để sum họp với các con ở ngay nhà mình.

- Xin cụ đừng lo, - tướng Môncađa nói vẻ bí hiểm, - đại tá sẽ trở về nhanh hơn cụ tưởng đấy.

Điều tướng Môncađa biết rõ và không muốn để lộ trong bữa cơm trưa là đại tá Aurêlianô Buênđya đang chuẩn bị đi tới một cuộc khởi nghĩa trường kỳ, triệt để, đẫm máu nhất so với những cuộc khởi nghĩa từng được chàng mưu tính cho đến lúc này.

Không khí chính trị lại trở nên căng thẳng y hệt không khí chính trị của mấy tháng trước khi nổ ra cuộc chiến tranh đầu tiên. Các cuộc chọi gà từng được ngài thị trưởng khích lệ đã bị bãi bỏ. Đại uý Akilêt Ricacđô chỉ huy trưởng đội quân đóng ở Macôndô lên nắm quyền, điều hành mọi việc ở thị trấn. Những người thuộc phái Tự do tố cáo y

là kẻ khiêu khích. "Sẽ xảy ra sự kiện khủng khiếp đấy", Ucsula nói với Aurêlianô Hôsê. "Cháu chớ có ra đường sau sáu giờ chiều đấy, nghe chưa". Những lời dặn dò ấy của cụ đều trở nên vô ích. Aurêlianô Hôsê, giống hệt như Accađiô trong thời kỳ trước, không chịu nghe lời bà mình.

Hình như điều đó là kết quả của sự trở về nhà của cậu, là kết quả của lối sống thờ ơ trước những công việc thôi thúc hàng ngày. Chính những thứ này đã đánh thức trong cậu cái tài chơi gái và lười biếng của ông bác Hôsê Accađiô. Cơn sóng lòng đối với Amaranta của cậu đã tắt lịm không để lại một vết thương tổn nào. Cậu chơi bời có phần phóng đãng, lúc chơi bia, lúc giải phiền với những người đàn bà ngẫu nhiên bắt gặp, lúc biển lận tiền bạc của Ucsula bỏ quên trong ngăn kéo bàn. Cậu chỉ trở về nhà để thay quần áo, "Con cái nhà đến lạ, tất cả đều giống nhau như hệt", Ucsula thở than. "Lúc đầu, được nuôi dưỡng rất chu đáo, do đó tất cả đều ngoan ngoãn, nết na, hiền lành dường như đến con ruồi cũng không đủ can đảm để giết. Ấy thế mà râu vừa lún phún đã lại hư thân mất nết rồi". Trái với Accađiô, người không bao giờ biết gốc gác của mình, cậu được biết riêng mình là con của Pila Tecnêra, người đã mắc võng cho cậu để ngủ trưa ngay tại nhà thị. Trong nỗi cô đơn, bọn họ đã đi xa hơn quan hệ mẹ con để tư thông với nhau. Pila Tecnêra đã hoàn toàn tuyệt vọng. Tiếng cười của thị ồm ồm như giọng cây đàn cóc. Đôi vú thị đã sệ trễ xuống, bụng và vế thị đã mềm nhũn vì từng là nạn nhân của số phận người đàn bà chung chạ không thể thay đổi của thị. Nhưng trái tim thị cam chịu già đi không một chút đắng cay. Thị là người béo phị, lắm lời. Với sự trống rỗng của mụ Tú bà bất hạnh, thị đã từ bỏ ảo tưởng

vô vọng mà những con bài đem lại cho mình, và thị đã tìm thấy niềm an ủi trong ái tình của người khác. Trong ngôi nhà Aurêlianô Hôsê ngủ trưa, các cô gái láng giếng tiếp những người tình ngẫu nhiên bắt gặp. "Bác Pila, cho cháu mượn phòng nhé", họ dễ dàng nói với thị như vậy khi họ đã ở trong nhà rồi. "Tuỳ", Pila trả lời. Rồi nếu có ai đứng ở đấy, thị giãi bày:
- Tôi lấy làm hạnh phúc nếu được biết người khác đang đê mê trên giường.

Không bao giờ thị lấy tiền thuê phòng. Không bao giờ thị từ chối làm ơn cho người khác cũng như không bao giờ từ chối biết bao người đàn ông từng tìm đến thị ngay cả khi thị đã xế bóng về già. Thị chiều họ không vì tiền cũng không vì tình mà chỉ hi hữu đôi lần vì thích thú khoái lạc, thế thôi. Năm người con gái của thị, vốn thừa kế được hạt giống yêu nồng nàn của thị, đã phiêu bạt theo những con đường mòn gai góc của cuộc đời ngay từ tuổi dậy thì. Trong số hai đứa con trai thị nuôi thành người, một đứa tham gia quân đội của đại tá Aurêlianô Buênđya và đã chết trong chiến đấu, còn đứa khác bị đánh thành thương tật và bị bắt bỏ tù vào lúc mười bốn tuổi khi nó định ăn cắp một chuồng gà mái ở một làng thuộc vùng đầm lầy. Xét về mặt hình thức, Aurêlianô Hôsê là người cao to, có nước da nâu hồng hào, là người trong nửa thế kỷ nay "quân bài" ông cự đã báo cho thị biết, và rằng cũng như tất cả những người đàn ông được các quân bài báo trước cho thị thì Aurêlianô Hôsê đã đến với thị khi cậu đã bị tử thần đánh dấu. Thị nhìn thấy điều đó trong những quân bài.
- Đêm nay con chớ ra đường, - thị nói, - con hãy ở lại đây mà ngủ kẻo Cacmêlita Môntiên cứ nằng nặc đòi ta đưa cô ả vào phòng con

đấy.

Aurêlianô Hôsê không nhận bắt được ý nghĩa sâu xa ẩn trong lời mời như van xin ấy.

- Hãy bảo cô ấy đợi con đến nửa đêm nhé! - cậu nói.

Cậu đi đến rạp hát. Ở đấy một gánh hát Tây Ban Nha quảng cáo diễn vở *Mũi dao găm của con cáo* mà thực ra là kịch bản của Xôrida nhưng nó đã phải thay tên theo lệnh đại uý Akilêt Ricacđô, bởi vì những người Tự do đã gọi những người Bảo hoàng là "bọn mạnh"(2). Chỉ đến khi trình vé ở cửa vào, Aurêlianô Hôsê mới biết rằng đại uý Akilêt Ricacđô, cùng với hai người lính mang súng dài, đang kiểm soát đám đông. "Hãy liệu thần hồn, đại uý ạ", Aurêlianô báo cho y biết. "Kẻ buộc ta phải giơ tay lên vẫn chưa xuất hiện đâu". Viên đại uý định dùng sức mạnh kiểm soát cậu, nhưng Aurêlianô Hôsê, vì lúc này không mang theo vũ khí, đã ù té chạy. Viên đại uý ra lệnh bắn nhưng bọn lính không tuân lệnh. "Đó là một Buênđya đấy", một trong số họ nói với đại uý. Quá giận dữ, viên đại uý giằng lấy súng, chạy ra giữa đường rồi nổ súng.

- Đồ dê cụ! - đại uý vẫn kịp thét. - Cầu Chúa hắn là đại tá Aurêlianô Buênđya.

Cacmêlita Môntiên; một cô gái tân tuổi đôi mươi, vừa tắm nước lá cam xong và đang lót lá hương thảo xuống giường Pila Tecnêra, thì nghe thấy tiếng súng nổ. Aurêlianô Hôsê đã sẵn sàng cùng với Cacmêlita Môntiên hưởng niềm hạnh phúc mà Amaranta từ chối cậu, sẵn sàng cùng với cô có bảy đứa con và chung thuỷ với cô cho đến khi chết trên đôi cánh tay cô, nhưng viên đạn đã xuyên qua lưng phá toang lồng ngực cậu. Đó là viên đạn được hướng đạo bởi một sự giải thích sai của những quân bài. Đại uý Akilêt Ricacđô, vốn là kẻ

phải chết vào đêm ấy quả nhiên đã chết trước Aurêlianô Hôsê bốn giờ. Hầu như vừa mới vang lên tiếng súng của mình bắn thì y đã bị hai viên đạn cùng một lúc quật ngã, và không bao giờ có thể phát hiện được nguồn gốc những viên đạn ấy. Tiếp theo đó là một tiếng hô râm ran làm rung chuyện cả trời đêm:
- Đảng Tự do muôn năm? Đại tá Aurêlianô Buênđya muôn năm!
Vào lúc mười hai giờ đêm, khi Aurêlianô Hôsê tắt thở vì kiệt máu, và Cacmêlita Môntiên nhận thấy tương lai mờ mịt của mình trên những lá bài, thì hơn bốn trăm người đàn ông đã diễu qua trước cửa rạp hát và đã bắn đạn súng lục vào tử thi bị bỏ rơi của đại uý Akilêt Ricacđô. Phải cần tới một đội tuần tra mới khiêng nổi cái thây ma bị ghim đầy đầu đạn và nhão ra như bánh ngâm trong súp của viên đại uý để đưa lên xe cút kít, mang đi.
Trái với những việc làm sai trái của quân chính phủ, tướng Hôsê Raken Môncađa sử dụng đến các ảnh hưởng chính trị của mình, trở lại mặc quân phục và nắm toàn quyền ở Macôndô. Tuy nhiên ngài không hy vọng rằng thái độ hòa giải của mình lại có thể tránh được điều tất phải xảy ra. Tin tức tháng chín có nhiều mâu thuẫn. Trong học chính phủ tuyên bố mình đã kiểm soát được toàn bộ đất nước thì những người Tự do nhận được thông báo bí mật về các cuộc vũ trang nổi dậy ở vùng nội địa. Chế độ hiện hành không thừa nhận đất nước đang ở trong tình trạng có chiến tranh, do đó trong một công báo không dám tuyên bố rằng tòa án quân sự vẫn tiếp tục xử vắng mặt đại tá Aurêlianô Buênđya và đã tuyên án tử hình vắng mặt chàng. Họ đã ra lệnh thực hiện bản án cho đơn vị quân đội nào đầu tiên bắt được chàng. "Điều này muốn nói rằng nó vẫn còn sống", Ucsula tuyên bố trước mặt tướng Môncađa. Nhưng chính ngài vẫn

chưa biết.

Thực tế cho thấy đại tá Aurêlianô Buênđya đã có mặt ở trong nước được hơn một tháng rồi. Lúng túng trước những nguồn tin mâu thuẫn nhau, đồng thời bị lừa phỉnh bởi những hành động xuất quỉ nhập thần của đại tá Aurêlianô Buênđya ở những miền xa xôi hẻo lánh của đất nước, tướng Môncađa vẫn chưa tin đại tá đã trở về nước cho đến khi ngài được chính thức báo cho biết rằng đại tá đã làm chủ hai tỉnh duyên hải. "Thưa cụ tôi thành tâm chúc mừng cụ", ngài nói với Ucsula trong khi chìa cho cụ xem bức điện tín. "Con trai cụ sẽ có mặt ở đây nhanh thôi". Lần đầu tiên trong đời, Ucsula đâm lo. "Thế còn ngài sẽ làm gì?", cụ hỏi. Tướng Môncađa cũng đã nhiều lần tự hỏi mình câu hỏi ấy.

- Tôi sẽ làm thinh cái việc mà con trai cụ đã làm, cụ ạ! - ngài trả lời, - đó là thực hành phận sự của mình.

Vào lúc rạng sáng ngày mồng một tháng mười, đại tá Aurêlianô Buênđya với một nghìn quân lính vũ trang cực mạnh tấn công Macôndô và quân đội được lệnh kháng chiến đến cùng. Đến trưa, khi tướng Môncađa cùng ngồi ăn với Ucsula thì phát đại bác của quân cách mạng làm rung chuyển cả thị trấn và phá tan bức tường mặt tiền kho bạc thị trấn. "Bọn họ được vũ trang mạnh như chúng tôi, - tướng Môncađa thở dài nói, - nhưng họ chiến đấu ngoan cường hơn chúng tôi". Đến hai giờ chiều, trong lúc trời rung đất chuyển dưới những làn đại bác rền vang của cả hai bên chiến tuyến, ngài từ biệt Ucsula với cảm nghĩ mình đang bị đánh bại. "Cầu Thượng đế rằng đêm nay cụ chưa đón Aurêlianô tại nhà này, - ngài nói, - nếu không như thế, xin cụ hãy ôm hôn ông ta thay cháu, bởi vì

cháu không mong sẽ gặp mặt ông ta nữa". Đêm ấy ngài bị bắt khi định chạy khỏi Macôndô sau lúc đã viết cho đại tá Aurêlianô Buênđya một bức thư dài nhắc chàng nhớ lại những dự định chung của hai người nhằm làm cho cuộc chiến đỡ khốc liệt hơn và chúc chàng giành thắng lợi quyết định nhằm chống lại các quan nhân đồi bại và các chính khách tham lam của cả hai đảng. Ngày hôm sau đại tá Aurêlianô Buênđya cùng ăn trưa với ngài tại nhà Ucsula, là nơi ngài đang bị giam giữ cho tới khi toà án quân sự cách mạng quyết định số phận ngài. Đó là cuộc họp mặt gia đình. Nhưng trong lúc hai địch thủ quên cuộc chiến để cùng nhau nhớ lại những kỷ niệm cũ thì Ucsula có cảm giác u buồn rằng con trai cụ là một kẻ khác hẳn. Cụ có cảm giác ấy ngay từ lúc chàng bước vào nhà được cả một đội cảnh vệ ồn ĩ bảo vệ. Đội cảnh vệ này đã lục lọi khắp các phòng cho đến khi thấy rằng không có gì nguy hiểm. Đại tá Aurêlianô Buênđya không những chỉ thừa nhận hành động càn quấy thô bạo ấy mà còn ra lệnh một cách dứt khoát và không cho phép bất kỳ ai, kể cả Ucsula được đến gần mình chưa tới ba mét trong lúc đội bảo vệ chưa bố trí xong lính gác quanh nhà. Chàng mặc bộ quân phục vải sợi thô thông dụng, không mang quân hàm quân hiệu gì hết, đi ủng cao cổ với cựa thúc ngựa bê bết bùn và máu khô. Trên thắt lưng, chàng đeo một khẩu súng lục đựng trong bao da sờn, bàn tay luôn luôn tì vào báng súng, cử chỉ này hoàn toàn phù hợp với sự cảnh giác cao độ và kiên quyết trong đôi mắt chàng. Đầu chàng, giờ đây tóc xoăn tít lại dường như được sấy khô. Mặt chàng vốn sạm nắng gió biển Caribê đã mang vẻ mặt sắt lạnh lùng. Bằng vẻ lạnh lùng thầm kín chàng đã sẵn sàng đối mặt với tuổi già không thê cưỡng lại nổi. So với lúc chàng ra đi, chàng cao hơn, xanh

và gáy hơn, và đã để lộ những triệu chứng đầu tiên của bệnh buồn nhớ không nguôi. "Trời ơi", Ucsula tự nói với mình vẻ hoảng hốt. "Giờ đây nó là kẻ đủ khả năng làm bất kỳ điều gì". Đúng vậy, chàng là người như vậy. Không chỉ bằng lòng với việc ra lệnh chôn các xác chết trận trong cùng một hố chung mà chàng còn giao cho đại tá Rôkê Cacnixêrô nhiệm vụ khẩn trương mở các phiên toà quân sự, còn mình đích thân gánh lấy nhiệm vụ nặng nề: tiến hành các cuộc cải cách ruộng đất thật triệt để nhằm xoá bỏ tận gốc chế độ Bảo hoàng. "Chúng ta phải vượt lên một bước trước các chính khách của đảng", chàng nói với các cố vấn của mình. "Khi mở mắt nhìn vào thực tại thì bọn họ đứng trước những việc đã rồi". Đó là lúc chàng quyết định xét lại các văn tự ruộng đất, kể cả những cái đã được làm từ một trăm năm về trước, và do đó đã phát hiện ra những văn tự giả mạo được hợp pháp hoá của ông anh Hôsê Accađiô. Bằng nét gạch chéo vào các văn tự ấy, chàng vô hiệu hoá chúng. Trong điệu bộ lịch sự cuối cùng, chàng nghĩ ngợi một giờ và đi thăm Rêbêca để báo cho bà biết quyết định của mình.
Trong ngôi nhà tranh tối tranh sáng, chỉ có bà quả phụ cô đơn đã một thời là người bạn để chàng giãi bày những tình cảm thầm yêu trộm nhớ của mình và là người ngồi ở nhà mình kiên trì theo dõi khi nào bọn lính đem bắn chàng, đã cứu chàng thoát chết. Giờ đây bà chỉ còn là bóng dáng của thời qua. Bà lẩn mình trong bộ đồ tang đen phủ kín đến ngón tay, ngón chân, và với trái tim nguội lạnh, bà hầu như không biết gì về chiến tranh. Đại tá Aurêlianô Buênđya có cảm giác rằng chất diêm sinh từ xương cất hiện ra ngoài làn da bà, và rằng bà thấp thoáng hiện hình sau ngọn lửa ma trơi trong cái không khí tù đọng hầu như vẫn còn sực nức mùi thuốc súng. Chàng bắt đầu

khuyên bà hãy bớt thương nhớ chồng và hãy mở cửa sổ cho nhà thoáng đãng, rằng bà hãy tha thứ cho thiên hạ trước cái chết của Hôsê Accađiô. Nhưng Rêbêca đã ở ngoài mọi cám dỗ phù hoa. Sau khi đã tìm kiếm chúng một cách vô ích trong dư vị của đất, trong những bức thư tẩm hương của Piêtrô Crêspi, trên cái giường rung lên trước sức nặng cuồng say của chồng mình, bà đã gặp được cái không khí thanh thản trong ngôi nhà ấy, nơi sự hồi tưởng khôn nguôi đã làm hiện hình những ký ức xưa và như người thực chúng lượn lờ đi lại trong các phòng đóng kín. Nằm dài trên chiếc ghế xích đu gỗ liễu giỏ, nhìn đại tá Aurêlianô Buênđya như thể chàng là một bóng hình của thời xưa, Rêbêca không hề tỏ ra bối rối khi bà được biết rằng các đất đai do Hôsê Accađiô lấn chiếm trái phép nay sẽ được trả lại cho những người chủ chân chính của chúng.
- Aurêlianô ạ, hãy để cho người ta làm điều chú đã quyết định. Lúc nào chị cũng nghĩ, và giờ đây chị càng khẳng định ý nghĩ của mình, rằng chú là một thằng đê hèn.
Việc kiểm tra văn tự ruộng đất được kết thúc đồng thời với các phiên toà khẩn cấp do đại tá Hêrinêndô Mackêt điều khiển và các phiên toà này đều kết thúc với việc xử bắn toàn bộ số sĩ quan của quân đội chính phủ bị phía cách mạng bắt giữ làm tù binh. Phiên toà quân sự cuối cùng là phiên toà xét xử tướng Hôsê Raken Môncađa. Ucsula can thiệp. "Đó là một nhà chức trách tốt nhất trong số các nhà chức trách ở Macôndô", cụ nói với đại tá Aurêlianô Buênđya: "Mẹ cũng không cần thiết phải nói gì về tấm lòng nhân hậu của ông ta và về thái độ cư xử kính nể mà ông ta đã dành cho chúng ta, bởi vì hơn ai hết con hiểu rõ ông ta mà". Đại tá Aurêlianô Buênđya dõi vào mắt cụ một cái nhìn dò xét:

- Con không thể vi phạm thể lệ xét xử của toà án, - chàng cãi lại mẹ - Nếu mẹ thấy cần phải nói điều gì thì xin mẹ cứ ra trước toà án quân sự mà nói". Ucsula không những chỉ một mình mình nói mà còn đi vận động tất cả các bà mẹ sĩ quan quân cách mạng hiện đang sống ở Macôndô. Các cụ già vốn là những người sáng lập ra làng Macôndô, trong số đó có các cụ bà từng tham gia cuộc mạo hiểm đi xuyên rừng để tìm nơi cư trú, đã lần lượt thay nhau ca tụng công đức của tướng Môncađa. Ucsula là người cuối cùng trong số này. Danh dự của cụ, uy tín của cụ, tư chất dõng dạc đầy thuyết phục trong lời tuyên bố của cụ, tất cả những thứ đó trong một lúc nào đó đã làm cho các quan toà phải lúng túng. "Các ngài đã chơi cái trò kinh người này rất nghiêm chỉnh và các ngài đã làm đúng vì các ngài đang thực hiện phận sự của mình", cụ nói với các quan toà. "Nhưng xin các ngài nhớ cho là trong lúc Thượng đế còn để chúng ta sống, chúng ta vẫn là mẹ đẻ ra các ngài và cho dù các ngài có là những người rất cách mạng đi nữa, chúng ta vẫn cớ quyền lột quần áo các ngài nện cho mấy roi nếu các ngài không nghe lời". Khi những lời ấy còn vang vọng trong cái trường học bị biến thành trại linh, thì toà lui vào để nghị án. Đến nửa đêm, tướng Hôsê Raken Môncađa bị kết án tử hình. Bất chấp nhường lời biện hộ mãnh liệt của Ucsula, đại tá Aurêlianô Buênđya vẫn không chịu giảm mức án cho ngài. Trước lúc trời sáng một ít, chàng đến thăm kẻ tử tù trong xà lim.

- Anh hãy nhớ cho, - chàng nói với ngài, - là tôi không bắn anh. Cách mạng bắn anh đấy.

Tướng Môncađa khi nhìn thấy chàng bước vào xà lim cũng không thèm ngồi dậy.

- Cút đi anh bạn ạ, - ngài nói.

Kể từ khi trở về cho đến lúc ấy, đại tá Aurêlianô Buênđya vẫn chưa tìm được cơ hội thăm lại tướng Môncađa với cả con tim mình. Chàng ngạc nhiên bao nhiêu khi thấy ngài đã già đi nhiều quá, khi thấy tay ngài run lẩy bẩy, khi thấy ngài an phận chịu chết và do đó lúc này chàng cảm thấy tự khinh bỉ mình đến mức có thể nhầm nó với lòng thương hại:

- Anh hẳn biết hơn tôi, - chàng nới, - rằng tất cả toà án quân sự là một trò cười, vì rằng trên thực tế anh phải đền tội cho những kẻ khác, bởi vì lần này bằng mọi cách chúng tôi sẽ giành được chiến thắng. Nếu anh ở vào địa vị tôi lúc này, lẽ nào anh lại không làm như vậy?

Tướng Môncađa ngồi dậy lấy vạt áo lau cặp kính gọng đồi mồi. "Cũng có thể", ngài nói, "nhưng điều tôi phải bận tâm không phải là việc anh bắn tôi, bởi vì dù thế nào đi nữa đối với loại người chúng ta thì cái chết này là hiển nhiên". Ngài đặt cặp kính lên giường rồi cởi chiếc đồng hồ quả quít. "Điều tôi bận tâm", ngài nói tiếp, "là từ một người căm thù đám tướng lĩnh nhà nghề, từng đấu tranh không mệt mỏi với chúng, từng trăn trở suy nghĩ về chúng thế mà nay anh lại chẳng khác gì chúng. Trong cuộc đời không có mẫu người nào đại diện cho sự thấp hèn của con người như anh". Ngài cởi chiếc nhẫn cưới, và chiếc huân chương Thánh bà Đồng trinh Rêmêđiôt rồi đặt chúng xuống bên chiếc đồng hồ và cặp kính.

- Đến cái nước này, - ngài kết thúc, - anh không chỉ là một tên độc tài khát máu điển hình nhất của lịch sử nước ta, mà rồi anh còn sẽ bắn cả cụ Ucsula để lương tâm mình được yên ổn.

Đại tá Aurêlianô Buênđya cứ đứng thần ra như một bức tượng.

Tướng Môncađa đưa cho chàng kính, huân chương, đồng hồ, nhẫn cưới rồi đổi giọng nói:
- Nhưng thôi, tôi không muốn anh đến để mà xỉ vả anh, - ngài nói. - Tôi muốn nhờ vả anh chuyển những thứ này đến tay vợ tôi.
Đại tá Aurêlianô Buênđya nhận các thứ rồi đút vào túi.
- Bà ấy vẫn sống ở Manaurê chứ?
- Vẫn ở Manaurê? - tướng Môncađa xác nhận, - vẫn cái ngôi nhà ở phía sau nhà thờ nơi anh đã đến gửi bức thư ấy.
- Tôi sẵn lòng làm. Hôsê Raken ạ? - đại tá Aurêlianô Buênđya nói.
Khi chàng bước ra ngoài trong ngọn gió xanh ẩm hơi sương, mặt chàng ướt nhoè như trong buổi bình minh trước đây, và chỉ lúc ấy chàng mới hiểu vì sao mình đã quyết định bản án phải được thi hành ngay trong sân nhà tù chứ không thể ở bên cạnh bức tường nghĩa địa được. Đội hành hình xép hàng ngay trước cửa, bồng súng chào chàng, vị tư lệnh của họ.
- Các anh đã có thể lôi hắn đi được rồi, - đại tá ra lệnh.

Chú thích:

(1) Ở đây tác giả chơi chữ. Nếu ghép Camino (con đường) với Xantiagô thì có nghĩa là giải ngân hà. Lễ Noen trong ngày tận thế sẽ xuất hiện ở giải ngân hà (theo Kinh Thánh)
(2) Nguyên tên vở kịch là El punal del go do (Mũi dao găm của kẻ mạnh) nhà cầm quyền buộc phải đổi là El punal del zorro (Mũi dao găm của con cáo). Đó là vở kịch thơ của nhà thơ Tây Ban Nha José Zorrilla y del Moral, 1817-1893).

Chương 9

Đại tá Hêrinêndô Mackêt là người đầu tiên nhận thấy cái hư vô của chiến tranh. Với tư cách người chỉ huy toàn quyền ở Macôndô chàng duy trì đều đặn một tuần hai buổi nói chuyện điện tín với đại tá Aurêlianô Buênđya. Lúc đầu những buổi trao đổi này đã khẳng định được dòng chảy của cuộc chiến đẫm máu mà ở bất kỳ thời điểm nào các đường viền của nó cũng cho phép xác lập điểm đích sẽ đi tới và dự kiến những đường hướng trong tương lai. Dù không bao giờ tự để mình bị sa lầy trong lĩnh vực tình cảm thân tín, ngay cả đối với những người bạn chiến đấu gần gũi nhất, lúc này đại tá Aurêlianô Buênđya đã giữ được cái cách nói quen thuộc cho phép người ở bên kia đầu dây nhận ra mình. Nhiều lần chàng kéo dài các buổi nói chuyện điện tín quá thời gian quy định và để chúng dây dưa sang các câu chuyện phiếm. Tuy nhiên, trong điều kiện cuộc chiến ngày càng mở rộng và căng thẳng hơn, hình ảnh của chàng dần dần lu mờ đi trong thế giới mông lung không có thực. Những nốt tạch và nốt tè theo cách ấn cần manip của chàng ngày một xa xưa và mơ hồ hơn, và chúng họp lại thành những từ ngữ dần dần cũng mất hết ý

nghĩa. Lúc này, đại tá Hêrinêndô Mackêt chỉ nghe thôi và chàng cảm thấy khó chịu bởi cảm giác mình đang tiếp xúc qua điện tín với một người xa lạ thuộc thế giới khác.
- Mình đã hiểu, Aurêlianô ạ! - Chàng ấn cần manip để kết thúc - Đảng Tự do muôn năm!
Đại tá Hêrinêndô Mackêt đã hoàn toàn bị mất liên hệ với chiến tranh. Cái mà trước đây vốn là một hành động thực tế, một đam mê không thể kiềm chế được của tuổi trẻ, giờ đây đối với chàng đã trở thành một câu chuyện xưa, một nỗi trống trải hư vô. Nơi duy nhất để chàng chạy trốn nỗi cô đơn ấy là phòng máy may của Amaranta. Chiều nào chàng cũng đến thăm cô. Chàng thích ngắm đôi bàn tay cô trong lúc gấp nếp vải trên bàn máy do Rêmêđiôt - Người đẹp quay maniven. Hàng giờ, hàng giờ bọn họ ở bên nhau, không nói lấy một lời. Trong lúc Amaranta tự thoả mãn với việc duy trì ngọn lửa yêu đương mãnh liệt của chàng, thì chàng hoàn toàn không thể hiểu nổi mục đích ấy của trái tim kia. Khi được biết tin chàng sẽ trở về, Amaranta cảm thấy sung sướng đến ngạt thở. Nhưng khi thấy chàng lẫn trong đội bảo vệ ồn ĩ của đại tá Aurêlianô Buênđya bước vào nhà, thấy chàng tiều tuy vì phải lăn lộn nơi hải ngoại, thấy chàng già đi vì tuổi tác và sự lãng quên, thấy chàng nhớp nháp thứ mồ hôi quện bụi đường, hôi mùi hôi súc vật, thấy chàng xấu trai với cánh tay bị băng bất động ở trước nghe, lúc ấy cô thất vọng quá muốn chết luôn. "Trời ơi, - cô nói - người này không phải là người mình hằng mong đợi". Tuy nhiên, vào ngày hôm sau, chàng đến nhà trong tư thế bảnh bao hơn: đã cạo râu và tắm rửa, bộ ria mép thơm mùi oải hương, và cánh tay không đeo băng nữa. Chàng mang cho cô một cuốn kinh cầu nguyện bọc bìa cứng khảm xà cừ.

- Ôi, đàn ông mới lạ làm sao, - cô nói bởi không biết nói gì hơn. - Cả đời đấu tranh chống lại các thày tu, thế nhưng họ lại đi tặng sách kinh đấy.

Kể từ ngày đó, ngay dù trong những ngày chiến sự ác liệt nhất chiều nào chàng cũng đến thăm cô. Rất nhiều lần chàng quay bánh xe quay của chiếc máy khâu khi không có mặt Rêmêđiôt - Người đẹp. Amaranta cảm thấy lúng túng trước tấm lòng thuỷ chung son sắt, trước tinh thần tận tuy của người đàn ông được ông anh mình tin cậy uỷ thác cho nhiều quyền thế ấy mà khi bước vào phòng máy may vẫn cứ cởi vũ khí để ở ngoài phòng khách. Nhưng, trong bốn năm ròng chàng đã thổ lộ tình yêu của mình với cô và cô đã tìm được cách thoái thác mà không làm chàng đau khổ, bởi vì cô không yêu chàng, nhưng cũng thấy mình không thể sống thiếu chàng. Rêmêđiôt - Người đẹp, người dường như dửng dưng với mọi sự trên đời, bị coi là người kém phát triển trí tuệ, lại tỏ ra không thờ ơ lắm và đã ra vẻ mến đại tá Hêrinêndô Mackêt. Amaranta ngay lập tức phát hiện ra rằng cái cô bé do cô nuôi ấy tuy chưa ở tuổi dậy thì đã là cô gái đẹp nhất ở Macôndô rồi. Trong trái tim mình cô cảm thấy đang sống lại mối hận thù cô từng đối xử với Rêbêca trước đây, và cầu khẩn Thượng đế hãy đừng để mình phải mong cô bé chết, cô đã tống khứ nó khỏi phòng máy may của mình. Đó là thời kỳ đại tá Hêrinêndô Mackêt bắt đầu cảm thấy chán ghét chiến tranh. Chàng sử dụng đến sự thận trọng của mình, đến tính nết dịu dàng của mình, sẵn sàng từ bỏ vinh quang từng đổi bằng những năm tháng đẹp nhất của đời mình để chiếm lấy trái tim Amaranta. Nhưng chàng đã không thuyết phục nổi cô.

Vào một chiều tháng tám, đau khổ trước thái độ kiên trì của chàng,

Amaranta ở lỳ trong phòng ngủ để khóc cho nỗi cô đơn của số phận mình, sau khi đã dứt khoát từ chối tấm lòng kiên trinh của chàng:
- Chúng ta hãy mãi mãi quên nhau đi, - cô nói với chàng, - bởi vì chúng ta đã nhỡ thì rồi.
Buổi chiều ấy đại tá Hêrinêndô Mackêt vội chạy đến đáp lời cú điện tín của đại tá Aurêlianô Buêndya. Đó là một buổi nói chuyện thường lệ không hề làm xoay chuyển cuộc chiến tranh trì trệ. Vào lúc kết thúc, đại tá Hêrinêndô Mackêt ngắm nhìn những con đường hiu quạnh, những giọt nước long lanh như pha lê trên tán những cây nạnh đào, rồi chàng lạc lối trong nỗi cô đơn.
- Aurêlianô này, - chàng buồn rầu nói qua cần manip - đang mưa ở Macôndô đấy!
Im lặng hồi lâu trên đường dây. Bỗng nhiên máy móc vang lên những tiếng tạch tè bực bội của đại tá Aurêlianô Buêndya.
- Đừng có mà lẩn thẩn thế, Hêrinêndô ạ, - những tín hiệu nói. - Dĩ nhiên tháng tám thì trời mưa.
Đã lâu lắm hai người không được nhìn mặt nhau, đến mức đại tá Hêrinêndô Mackêt phải ngạc nhiên trước thái độ phản ứng đầy vẻ khiêu khích ấy. Tuy nhiên, sau đó hai tháng, khi đại tá Aurêlianô Buêndya trở về Macôndô thì sự ngạc nhiên ấy trở thành một niềm vui đến bần thần cả người. Ngay đến cả Ucsula cũng phải ngạc nhiên khi thấy chàng thay đổi nhiều quá.
Lẩn mình trong chiếc áo khoác ngoài mặc dù đang lúc oi bức, chàng lặng lẽ trở về không hề có lính hộ vệ, mang theo ba ả nhân tình. Chàng để họ cùng ở với mình trong một nhà, còn mình thì nằm dài trên võng gần như hết ngày. Hầu như chàng không đọc những bức điện thông báo tình hình chiến sự hàng ngày. Có lần, đại tá

Hêrinêndô Mackêt xin chàng cho những lời chỉ dẫn để giải quyết một vấn đề đang có chiều hướng gây nhiều phiền phức trong quan hệ quốc tế ở một địa. điểm trên biên giới và được chàng trả lời: - Đừng làm phiền ta vì những chuyện cỏn con này, - chàng ra lệnh cho đại tá. - Hãy đi hỏi đức Toàn năng ấy.
Có lẽ đó là giai đoạn căng thẳng nhất của cuộc chiến. Các tay địa chủ thuộc phái Tự do, những người ngay từ lúc đầu ủng hộ cách mạng, đã ngầm liên minh với các tay địa chủ thuộc phái Bảo hoàng để chặn đứng cuộc cải cách ruộng đất. Các chính khách từng tài trợ cho cuộc chiến tranh, ngay từ ở hải ngoại họ đã công khai phản đối những quyết định táo bạo của chàng. Nhưng chàng phớt lờ hết, ngay cả đối với sự phế truất quyền lực này. Chàng không đọc lại những bài thơ của mình giờ đây đã dày tới năm tập và thường xuyên bị bỏ quên dưới đáy rương. Về ban đêm hoặc vào giờ ngủ trưa, như thường lệ, chàng gọi một nhân tình lên võng hú hí với ả rồi sau đó lăn ra ngủ say như trâu chết, chẳng còn biết đến trời đất là gì nữa. Lúc ấy, chỉ có chàng mới hiểu rằng trái tim sôi nổi của mình đã vĩnh viễn bị đày vào cõi hỗn mang. Lúc đầu, say sưa trước thắng lợi trở về trước những thắng lợi quá hiển nhiên, chàng đã bước lên tột đỉnh vinh quang. Chàng hài lòng bám chặt lấy công tước Macbôru, người thày vĩ đại trong nghệ thuật quân sự của mình, người mặc chiếc áo khoác làm bằng da hổ vẫn giữ nguyên vuốt sắc khiến người lớn phải kính nể và trẻ con phải sợ hãi. Đó là lúc chàng quyết định không một ai, kể cả Ucsula, được đến gần chàng ba mét. Với những mệnh lệnh ngắn gọn và kiên quyết, chàng quyết định vận mệnh thế giới ngay từ trung tâm cái vòng tròn do những kẻ tuỳ tùng lấy phấn trắng vẽ ở bất kỳ nơi nào chàng đến và chỉ một mình chàng bước vào. Lần đầu tiên

có mặt ở Manaurê, sau khi hành hình tướng Môncađa, chàng vội vã thực hiện nguyện vọng cuối cùng của nạn nhân mình. Bà quả phụ nhận lấy kính, huân chương, đồng hồ, nhẫn cưới nhưng không cho phép chàng bước chân qua cửa.

- Đại tá không nên vào nhà, - bà nói. - Ngài điều hành ngoài mặt trận, còn tôi, tôi điều hành trong nhà mình.

Tuy đại tá Aurêlianô Buênđya không để lộ ra mặt nỗi căm tức nhưng tâm trí chàng chỉ hết day dứt khi biết đám tuỳ tùng đã cướp phá và thiêu thành tro ngôi nhà bà quả phụ. "Xin anh hãy lo giữ gìn trái tim mình, Aurêlianô ạ", lúc ấy đại tá Hêrinêndô Mackêt nói với chàng. "Anh đang mục ruỗng trong lúc còn đang sống". Lúc này, chàng tổ chức hội nghị lần thứ hai các tướng lĩnh khởi nghĩa chủ chết. Chàng gặp mặt tất cả: các nhà ảo tưởng có, những kẻ nhiều tham vọng có, những tay mạo hiểm có, những kẻ nặng hiềm thù cá nhân có, và ngay cả đến những tên đầu trộm đuôi cướp cũng có. Cũng còn có một quan chức Bảo hoàng đã chạy trốn toà án vì tội biển thủ công quỹ.

Rất nhiều người không biết gì, kể cả vì sao mình chiến đấu họ cũng không biết nốt. Trong khung cảnh lộn xộn của đám đông mà sự khác biệt nhau về chính kiến suýt nữa gây ra vụ bùng nổ trong nội bộ, nổi bật lên một thế lực đáng sợ: đó. là tướng Têôphilô Vacgat. Ngài là một người Anhđiêng thuần gốc, thô bạo, mù chữ, nhưng lại có đức ranh mãnh ngầm và có tài dùng ma thuật vùng Tiểu Á để trói buộc quân linh mình trong một thứ cuồng tín điên rồ. Đại tá Aurêlianô Buênđya triệu tập Hội nghị với mục đích thâu tóm quyền chỉ huy quân khởi nghĩa vào tay mình để chống lại các thủ đoạn của đám chính khách.

Tướng Têôphilô Vacgat đã đi trước những dự định của chàng: Trong ít giờ đồng hồ ngài phá vỡ được sự thống nhất của một số viên tư lệnh nổi tiếng nhất và nhẩy lên nắm quyền chỉ huy chung. "Đó là một con mãnh thú cản phải dè chừng", chàng nói với các sĩ quan thuộc quyền mình. "Đối với chúng ta, con người ấy còn nguy hiểm hơn cả viên Bộ trưởng Bộ quốc phòng đấy".
Giữa lúc ấy có một viên đại uý trẻ, vốn thường trội hơn người đời bởi tính uỷ mị của mình, đã thận trọng giơ tay:.
- Thưa đại tá, thật quá dễ dàng, - viên đại uý trẻ nói để thăm dò. - Giết quách hắn đi là xong thôi mà!
Đại tá Aurêlianô Buênđya không ngạc nhiên trước tính chất giá lạnh của lời đề nghị được đưa ra mà trái lại chàng ngạc nhiên trước cái cách thức trong dó một phần tử thứ yếu đã đi trước chính sự suy nghĩ của mình.
- Các ngài đừng đợi ta ra cái lệnh ấy nhé, - chàng nói.
Quả nhiên, chàng không ra lệnh. Nhưng mười lăm ngày sau đó tướng Têôphilô Vacgat đã bị dao băm vằm trong một vụ phức kích bất ngờ và đại tá Aurêlianô Buênđya bước lên nắm quyền chỉ huy chung. Chính trong cái đêm chức vụ mời của chàng được tất cả các viên tư lệnh quân khởi nghĩa thừa nhận, chàng bỗng hoảng hốt bật thức dậy, gào toáng đòi người ta mang đến cho mình một chiếc áo khoác ngoài. Một cơn lạnh bên trong biết thấu tận xương, làm chàng nhức nhối, ngay lúc mặt trời đứng bóng cũng không để cho chàng yên. Tình trạng ấy kéo dài vài tháng cho đến khi chàng bị mất ngủ kinh niên. Cơn mơ quyền lực bắt đầu đổ vỡ từng mảng. Để tìm cách giải cơn rét bên trong chàng ra lệnh bắn viên sĩ quan trẻ nêu đề nghị giết tướng Têôphilô Vacgat. Các mệnh lệnh của chàng được thi hành

trước lúc được ban bố, nhiều khi ngay cả trước khi chàng dự định và thường thường vượt quá mức chàng dám mong muốn. Lạc lối trong nỗi cô đơn của quyền lực vô biên, chàng bắt đầu mất phương hướng. Chàng khó chịu trước đám dân chúng ở những làng bị chiếm đóng tung hô mình và chàng cảm thấy họ chính là đám dân chúng từng tung hô kẻ thù của mình. Trên khắp các nẻo đường, chàng đều gặp những trang thiếu. niên nhìn mình với chính đôi mắt mình, nói chính giọng nói của mình, chào chàng bằng chính sự nghi ngờ mà chàng đã chào chúng và đều nhận chúng là con của chàng. Chàng cảm thấy mình bị phân tán, bị lặp lại, và cảm thấy cô đơn hơn bao giờ hết. Chàng nhận ra chính đám sĩ quan của mình đã lừa phỉnh mình. Chàng đánh lộn với công tước Macbôru. "Người bạn tốt nhất, - chàng vẫn thường nhủ mình, - là người vừa chết xong". Chàng mệt mỏi trước hoàn cảnh mơ hồ, trước vòng luẩn quẩn của cuộc chiến dằng dai ấy mà chàng luôn luôn bắt gặp mình ngay tại một địa điểm, chỉ có điều là chàng ngày một già thêm, ngày một yếu hơn mà không hề biết vì sao, như thế nào và đến bao giờ. Lúc nào cũng có kẻ đứng ở ngoài vòng phấn trắng. Đó là kẻ đòi tiền chàng, là kẻ có đứa con đang bị ho gà, hoặc là kẻ muốn đi ngủ mãi mãi vì không thể ngậm mãi trong miệng mình cái mùi vị cứt đái của chiến tranh, và là kẻ tuy nhiên vẫn cố gắng gượng đứng nghiêm để báo cáo: "Thưa đại tá, tất cả đều bình thường ạ". Và chính sự bình thường ấy, vốn có nghĩa là không có gì xảy ra, lại là cái đáng sợ hơn cả của cuộc chiến tàn bạo. Vì bị điềm báo bỏ rơi và để chạy trốn cơn rét bên trong cơ thể sẽ theo riết chàng cho tới khi chết, chàng tìm đến nơi ẩn nấp duy nhất ở làng Macôndô, trong hơi ấm của những kỷ niệm xa xưa ấy. Sự lười biếng của chàng thật là quá đáng đến

mức khi người ta báo tin có phái đoàn của đảng đến để thảo luận về việc đình chiến thì chàng chỉ cựa mình trên võng, không hề thức dậy.
- Dẫn bọn nó đến nhà thổ nhé, - chàng nói.
Đó là sáu luật sư mặc áo đuôi tôm đội mũ phớt đang cố chịu đựng cái nóng ngột ngạt của tháng mười một gay gắt nắng. Ucsula để họ trú chân ngay trong nhà mình. Phần lớn buổi ban ngày bọn họ đóng kín cửa ở lỳ trong phòng ngủ để lén lút bàn luận. Khi tối đến họ đòi cho một đội linh bảo vệ và một nhóm nhạc công đàn phong cầm rồi tự ý đến tiệm bác Catarinô. "Đừng làm phiền họ nhé", đại tá Aurêlianô Buênđya căn dặn. "Ta đã biết tỏng bọn chúng muốn gì rồi". Vào đầu tháng chạp, cuộc thảo luận từng chờ đợi lâu nay, được mọi người dự đoán là một cuộc thảo luận không thể kết thúc đã diễn ra trong không đầy một giờ. Trong phòng khách nực nụa, bên cạnh cây đàn pianô tự động được một tấm vải trắng phủ kín, lần này đại tá Aurêlianô Buênđya không ngồi vào chính giữa vòng phấn trắng do đám tuỳ tùng của mình vạch ra. Chàng ngồi trên một chiếc ghế giữa những cố vấn chính trị của mình. Cuộn mình trong chiếc áo khoác nỉ, chàng lặng lẽ nghe những đề nghị ngắn gọn của các sứ giả đặc nhiệm. Đầu tiên họ đề nghị bỏ việc kiểm tra văn tự ruộng đất để lấy lại sự ủng hộ của cánh địa chủ Tự do. Sau đó họ đề nghị từ bỏ cuộc đấu tranh chống ảnh hưởng của giáo hội để tranh thủ sự đồng tình của giáo dân. Cuối cùng họ đề nghị từ bỏ lý tưởng bình đẳng về quyền lợi giữa con hoang và con đích để bảo vệ tôn ty trật tự trong gia đình.
- Nghĩa là, - đại tá Aurêlianô Buênđya mỉm cười khi các sứ giả ngừng đọc, - chúng ta đang chiến đấu chỉ để giành chính quyền thôi.
- Đó chỉ là những cải cách tạm thời, - một đại biểu cãi lại. - Lúc này

hơn lúc nào hết, điều căn bản là mở rộng cơ sở quần chúng của cuộc chiến. Sau đó chúng ta sẽ xem lại.
Một cố vấn chính trị của đại tá Aurêlianô Buênđya vội vã tham gia tranh luận.
- Thật là nhảm nhí, - ông ta nói, - nếu những cải cách này là đúng đắn thì điều đó muốn nói rằng: chế độ Bảo hoàng là tốt đẹp. Nếu bằng những cải cách này chúng ta mở rộng được cơ sở quần chúng của cuộc chiến thì điều đó muốn nói rằng chế độ Bảo hoàng đang có cơ sở quần chúng rộng lớn. Và nhìn chung, điều đó muốn nói rằng trong gần hai mươi năm nay chúng tôi đã chiến đấu chống lại lương tri dân tộc mình.
Ông ta còn định tiếp tục nói nhưng đại tá Aurêlianô Buênđya ra hiệu cho ông dừng lại. "Xin tiến sĩ đừng làm mất thời giờ", chàng nói. "Điều có ý nghĩa quan trọng là kể từ bây giờ trở đi chúng ta chiến đấu với mục đích duy nhất là giành lấy chính quyền". Chàng vẫn mỉm cười, cầm lấy những tờ giấy do các sứ giả đưa cho và sẵn sàng định ký.
- Gặp thời thế thế thời phải thế, - chàng kết thúc, - chúng tôi hoàn toàn chấp nhận mà.
Những người thuộc phe chàng thảng thốt đưa mắt nhìn nhau.
- Xin đại tá thứ lỗi cho, - đại tá Hêrinêndô Mackêt nhỏ nhẹ nói - Đó là một sự phản bội ạ?
Đại tá Aurêlianô Buênđya dừng ngọn bút đã chấm mực ở trên không và trút lên đầu đại tá Hêrinêndô Mackêt tất cả sức nặng quyền uy của mình:
- Nộp vũ khí cho ta, - chàng ra lệnh.
Đại tá Hêrinêndô Mackêt đứng dậy, đặt vũ khí lên bàn.

- Hãy trình diện ở trại lính, - đại tá Aurêlianô Buênđya ra lệnh cho chàng. - Anh sẽ phải chịu sự định đoạt của toà án cách mạng. Sau đó chàng ký bản tuyên bố, trao giấy má cho các sứ giả và nói với họ:

- Hỡi các ngài, các ngài đã có giấy tờ của mình ở đấy cả rồi. Mong các ngài hãy tận hưởng chúng nhé.

Hai ngày sau đó, đại tá Hêrinêndô Mackêt bị tố cáo là kẻ phản bội, đã bị kết án tử hình. Nằm trên võng mình, đại tá Aurêlianô Buênđya cứ trơ lỳ trước mọi lời van xin khoan hồng cho đại tá Hêrinêndô Mackêt. Đêm trước ngày hành hình, bất chấp lệnh không được làm phiền chàng, Ucsula đã vào thăm chàng ngay trong phòng ngủ. Mặc bộ đồ đen tuyền phủ từ đầu đến phân, vẻ trịnh trọng khác thường, cụ đứng suốt ba phút trong lúc nói với chàng. "Ta biết mày sẽ bắn thằng Hêrinêndô, - cụ dõng dạc nói, - và ta không thể làm gì để ngăn chặn vụ hành hình này. Nhưng ta nói cho mày biết ngay sau khi thấy tử thi nó ta sẽ thề trước hài cốt của cha mẹ ta, trước vong linh của Hôsê Accađiô Buênđya, ta sẽ thề trước Thượng đế rằng dù mày trốn đi bất kỳ đâu ta cũng lôi mày ra và ta sẽ tự tay giết mày". Trước khi ra khỏi phòng, không đợi nghe con mình cãi lại, cụ kết thúc:

- Cũng như ta sẽ giết mày nếu mày sinh ra với cái đuôi con lợn.

Trong cái đêm dài đằng đẵng ấy, khi đại tá Hêrinêndô Mackêt nhớ lại những buổi chiều êm đẹp trong phòng máy may của Amaranta thì đại tá Aurêlianô Buênđya bức bối dằn vặt, cố cấu xé cho vỡ nát cái đêm dài dằng dặc, cái vỏ dai bọc quanh nỗi cô đơn của chàng. Quãng đời hạnh phúc duy nhất của chàng, kể từ buổi chiều xa xưa ấy khi cha chàng dẫn chàng đi xem nước đá, đã diễn ra trong xưởng kim hoàn, nơi thời gian cứ trôi đi trong lúc chàng miệt mài đúc những con cá

vàng. Chàng đã phải khơi dậy ba mươi hai cuộc nội chiến, đã nhiều lần thoát chết, và đã phải tìm kiếm vinh quang như con lợn dũi đống rác tìm kiếm thức ăn, để gần bón mươi năm sau mới phát hiện ra ý nghĩa của câu phương ngôn "ngu si hưởng thái bình", một đức tính vốn có của sự nhẹ dạ cả tin.

Vào lúc trời rạng sáng, người phờ phạc mệt mỏi bởi đêm mất ngủ hành hạ, chàng xuất hiện trong xà lim tử tù trước lúc hành hình một giờ. "Trò hề đã hết rồi, anh bạn ạ", chàng nói với đại tá Hêrinêndô Mackêt. "Chúng mình sẽ ra khỏi nơi đây trước khi muỗi kịp hành hình anh". Đại tá Hêrinêndô Mackêt không thể kìm được sự khinh bỉ của mình trước thái độ ngạo mạn kia.

- Không đi đâu hết, Aurêlianô ạ, - chàng phản đối. - Tôi thà chết còn hơn phải nhìn thấy anh trở thành con dao đẫm máu.

- Anh sẽ không thấy tôi nữa mà, - đại tá Aurêlianô Buêndya nói. - Anh hãy đi giày vào và hãy giúp tôi kết thúc cuộc chiến bẩn thỉu này.

Ngay trong lúc nói chàng vẫn chưa hình dung nổi rằng khởi sự một cuộc chiến bao giờ cũng dễ dàng hơn nhiều so với việc kết thúc nó. Chàng cần tới một năm chiến đấu đẫm máu để buộc chính phủ phải đưa ra những để nghị hoà bình có lợi cho quân khởi nghĩa và một năm nữa để thuyết phục phe cánh mình nhất trí chấp nhận những điều kiện đó. Chàng đã bước tới những thái cực không muốn của tội ác để dìm tắt các cuộc khởi nghĩa của chính các sĩ quan dưới quyền mình, những người vẫn ngoan cường chiến đấu chống lại sự bán rẻ thắng Lợi của cuộc khởi nghĩa, để rồi kết thúc bằng việc chính chàng giúp đỡ cho các lực lượng thù địch hoàn toàn thống trị họ. Chưa bao giờ chàng là một chiến binh dũng mãnh như lúc ấy. Sự nhận thức sáng rõ rằng cuối cùng mình chiến đấu vì chính sự giải phóng mình

chứ không phải vì những tư tưởng trừu tượng, vì những khẩu hiệu do các chính khách có thể phất phải hoặc phất trái tuỳ theo từng hoàn cảnh cụ thể, đã truyền cho chàng một nhiệt tình phấn khích mới. Đại tá Hêrinêndô Mackêt, người chiến đấu cho sự thất bại với tất cả lòng hăng say và trung thành như trước đây từng chiến đấu vì thắng lợi, đã phản đối sự sợ hãi vô tích sự của chàng. "Anh đừng lo", chàng nói. "Chết đâu có phải là quá dễ dàng như người ta tưởng". Trong trường hợp của chàng đó là sự thật. Niềm tin vững chắc rằng ngày chết của mình sẽ được báo trước đã phú cho chàng tính bất khả xâm phạm kỳ lạ, một sự bất tử, chắc chắn đến mức khiến chàng không thể bị thương trong những lúc xông trận nguy hiểm và cuối cùng đã cho phép chàng giành được một sự thất bại còn khó khăn hơn nhiều, còn đẫm máu và phải trả giá đắt hơn nhiều so với việc giành lấy một thắng lợi.

Trong gần hai mươi năm chiến tranh, đại tá Aurêlianô Buênđya đã nhiều lần có mặt ở nhà, nhưng trạng thái vội vã mỗi lần chàng trở về, cái bộ máy quân sự ồn ĩ theo chàng đi khắp các miền đất nước cũng như vầng hào quang huyền thoại ôm toả hình ảnh chàng và ngay đối với hình ảnh của chàng trong ánh hào quang huyền thoại ấy không ai cảm thấy gần gần kể cả chính Ucsula, tất cả những cái đó đã biến chàng thành một kẻ lạ lẫm. Lần cuối cùng chàng có mặt ở Macôndô và đã sử dụng một ngôi nhà cho ba ả nhân tình của mình ở, ngoài ra chỉ thấy chàng ở nhà mình hai hoặc ba lần, khi chàng có thời gian để trở về nhà ăn cơm theo lời mời của gia đình. Rêmêđiôt - Người đẹp và hai cậu bé sinh đôi, những kẻ sinh ra ở giữa thời buổi loạn lạc, hầu như không quen biết chàng. Amaranta không tìm ra mối tương đồng giữa hình ảnh ông anh đã để cả tuổi trẻ của mình trôi đi trong

xưởng kim hoàn đúc những con cá vàng với hình ảnh một chiến binh huyền thoại từng cách ly mình với phần còn lại của. nhân loại bởi một khoảng cách dài ba mét.
Nhưng khi cô biết sắp có đình chiến và nghĩ rằng một lần nữa chàng trở về làm người bình thường, và cuối cùng chàng được tự do trở lại với trái tim của những người thân, thì tình cảm gia đình, bị ngủ quên đã khá lâu, nay sống lại mạnh mẽ hơn bao.
- Cuối cùng, - Ucsula nói, - một lần nữa chúng ta lại có người đàn ông trong nhà.
Amaranta là người đầu tiên hồ nghi rằng người ta đã làm cho chàng thất bại vĩnh viễn. Một tuần trước khi đình chiến, khi chàng bước vào nhà không có lính hộ vệ, theo sau là hai lính dõng đi chân đất, những người này đặt xuống hành lang tất cả các đồ thô do la chở, và một hòm đựng thơ, vật còn lại duy nhất trong số tư trang đẹp đẽ của chàng, thì cô thấy chàng đi qua trước phòng máy may và gọi chàng. Đại tá Aurêlianô Buênđya dường như khó nhận ra cô.
- Em là Amaranta đây! - cô nói đùa, vui vẻ vì anh mình trở về và chìa cho chàng xem tấm băng đen. - Hãy nhìn này, anh.
Đại tá Aurêlianô Buênđya nhoẻn một nụ cười y hệt nụ cười chàng nhìn thấy cô băng tay lần đầu tiên, cái lần chàng trở về Macôndô bị kết án tử hình.
- Ôi, thật khủng khiếp, - chàng nói, - thời gian trôi đi sao mà nhanh thế!
Quân đội thường trực có nhiệm vụ bảo vệ ngôi nhà. Chàng trở về trong tư thế bị áp giải, bị phỉ nhổ, bị buộc tội đã làm cho chiến tranh tái phát với mục đích bán nó đắt hơn. Chàng run lẩy bẩy vì sốt và vì rét và một lẩn nữa hai nách chàng lại sưng. tấy lên. Sáu tháng trước

khi nghe tin sẽ có đình chiến, Ucsula đã mở cửa và quét dọn phòng của vợ chồng chàng rồi xông trầm hương khắp các xó xỉnh mà nghĩ rằng chàng sẽ trở về tĩnh dưỡng tuổi già bên cạnh những con búp bê lâu ngày không dùng đến của Rêmêđiôt. Nhưng thực ra, trong hai năm cuối cùng chàng đã trả cho cuộc đời những gì mình được hưởng kể cả phần mình hưởng trong tuổi già. Vào lúc đi qua xưởng kim hoàn từng được Ucsula chuẩn bị khéo léo, chàng không nhận ra ngay cả đến chùm chìa khoá đã cài sẵn ở ổ khoá. Chàng không cảm nhận gì hết ngay cả những hư hỏng dù lớn dù nhỏ do thời gian trôi đi đã để lại trong ngôi nhà và rằng sau một thời gian vắng nhà rất lâu ấy nếu một người vẫn giữ sống nguyên những kí niệm của mình hẳn phải thấy đó là một tai hoạ. Chàng không mảy may đau khổ trước những vết vôi lở trên tường, trước những mạng nhện giăng khắp các xó xỉnh, trước bụi bậm phủ trên các cây thu hải đường, trước những vết mọt lỗ chỗ mắt sàng trên xà nhà, trước rêu bám trên bậu cửa. Chàng ngồi ở ngoài hiên, vẫn đi ủng và cuộn mình trong chiếc áo khoác, như thể đang đợi trời tạnh mưa, và cứ ngồi nguyên như thế suốt buổi chiều ngắm mưa rơi trên những cây thu hải đường. Lúc ấy Ucsula hiểu rằng đã lâu lắm cụ không có chàng ở nhà này. "Nếu không phải là chiến tranh; - cụ nghĩ, - thì chỉ có thể là thần chết". Đó là một dự đoán hết sức sáng rõ, có sức thuyết phức đến mức cụ đồng nhất nó với một điềm báo. Đêm ấy trong lúc ăn tối, cậu bé mạo danh Aurêlianô Sêgundô cầm bánh bằng tay trái và múc súp bằng tay phải. Người anh em sinh đôi với cậu, mạo danh Hôsê Accađiô Sêgundô, cầm bánh bằng tay phải và múc súp bằng tay trái. Bọn chúng cử động thật là nhịp nhàng đến mức không thể nghĩ là hai người ngồi đối diện nhau mà đó dường như là một người ngồi nhìn

vào gương. Cảnh tượng hai đứa trẻ sinh đôi đồng cảm với nhau kể từ khi chúng có ý thức rằng chúng giống nhau như đúc được lắp lại để chào đón người mới trở về. Nhưng đại tá Aurêlianô Buênđya cũng không nhận ra nó. Dường như chàng xa lạ với tất cả, ngay đến việc Rêmêđiôt - Người đẹp khoả thân đi qua để vào phòng ngủ cũng không khiến chàng để ý. Ucsula là nhời duy nhất đã dám làm khuấy đảo cơn trầm tư mặc tưởng của chàng:
- Nếu con cần phải ra đi nữa, - cụ nói với chàng vào lúc giữa bữa ăn, - thì ít ra con cũng phải làm cái gì để chúng ta còn nhớ đêm nay chúng ta đã sống như thế nào nữa chứ!
Vậy là không một chút ngạc nhiên, đại tá Aurêlianô Buênđya nhận ra rằng Ucsula là người duy nhất đã đoán biết được nỗi đau của lòng mình, và lần đầu tiên trong rất nhiều năm chàng dám nhìn thẳng vào mắt cụ. Da cụ nhăn nheo, răng cụ khấp khiễng, tóc cụ khô héo và cái nhìn trên mắt cụ đầy vẻ thảng thốt. Chàng so sánh cụ với hình ảnh xa xưa của cụ mà chàng vẫn giữ được, hình ảnh cụ trong buổi chiều chàng đã nói ra điểm báo nói rằng cái nồi canh vừa sôi sẽ đổ khỏi bàn và quả nhiên nó đã đổ xuống đất vỡ tan từng mảnh. Ngay lập tức chàng nhận ra những vết nhăn nheo, những vết sần sùi, những vết chai, những vết sẹo đã để lại trên làn da cụ trong hơn một nửa thế kỷ làm lụng vất vả và chàng nhận thấy rằng những dấu vết ấy không mảy may làm lay động lòng mình. Ngay lập tức chàng cố vội tìm trong trái tim mình cái nơi có những tình cảm dã bị mục ruỗng và chàng đã không thể tìm ra. Chí ít ra, trong lúc khác, chàng cảm thấy xấu hổ khi bỗng nhiên chàng bắt gặp hơi hám của Ucsula trên làn da mình và nhiều lần chàng cảm thấy những suy tư của cụ đã giao thoa vào những suy tư của mình. Song tất cả những cái đó đều bị chiến

tranh choán hết chỗ. Ngay trong thời điểm ấy, chính Rêmêđiôt, vợ chàng, cũng là hình ảnh mờ nhạt của một người nào đó có thể là con gái chàng. Những cô gái chàng quen biết trong nỗi hiu quạnh của tình yêu và là những người để chàng gieo rắc nòi giống mình trên khắp miền duyên hải, không một ai để lại dấu ấn trong tình cảm của chàng. Phần lớn các cô ấy đã bước vào phòng chàng ngủ lúc trời tối và đã ra đi trước khi trời sáng, và ngày hôm sau họ chỉ còn là một chút hoài nhớ bâng khuâng trong ký ức chàng. Tình cảm duy nhất vẫn trụ lại trước sức tàn phá của thời gian và chiến tranh là tình cảm chàng nhớ thương người anh trai Hôsê Accađiô khi cả hai người còn là trẻ thơ, chưa hề biết đến yêu đương mà chỉ cùng nghịch ngợm thôi.

- Xin mẹ thứ lỗi cho, - chàng nói để đáp lại yêu cầu của Ucsula. - Chỉ vì cuộc chiến tranh này đã huỷ hoại hết cả.

Những ngày sau đó, chàng loay hoay lo xoá sạch dấu ấn của mình từng hiện hữu trong cõi đời này. Chàng dọn quang quẻ xưởng kim hoàn, chỉ để lại những đồ dùng nào không gợi nhớ mình, phân phát quần áo của mình cho những người lính gác, rồi với chính ý nghĩ hối hận mà cha chàng đã có khi chôn ngọn giáo đâm chết Prudênxiô Aghila, chàng chôn vũ khí của mình ở ngoài sân. Chàng chỉ giữ lại một khẩu súng lục với độc một viên đạn. Ucsula không dám can dự vào công việc của chàng. Chỉ có một lần duy nhất cụ khuyên giải chàng, ấy là lúc chàng sắp xé bức ảnh Rêmêđiôt được giữ gìn cẩn thận ở trong phòng và được một ngọn đèn lúc nào cũng thắp toả sáng chiếu vào. "Bức chân dung này đã từ lâu không thuộc về con nữa", cụ nói với chàng. "Đó là một bảo vật của gia đình". Đêm trước ngày ký hiệp định đình chiến, khi trong nhà không còn lấy một vật gợi

người khác nhớ tới mình, chàng cắp chiếc hòm đựng năm tập thơ mang đến lò nướng bánh trong lúc Santa Sôphia đê la Piêđat đang chuẩn bị nhóm lò.
- Lấy cái này mà nhóm lò, - chàng nói rồi đưa cho cô cuộn giấy đã ố vàng. - Lò sẽ mau bốc lùa hơn bởi vì toàn là của đã lâu ngày rồi. Santa Sôphia đê la Piêđat, người phụ nữ thầm lặng, người phụ nữ díu dàng, người không bao giờ cãi lại ai ngay cả với các con mình, nhận ngay ra đó là một hành động đã bị cấm.
- Đó là những giấy tờ quan trọng đấy, - cô nói.
- Chả có gì quan trọng đâu, - đại tá nói. - Đó là những trang giấy hoàn toàn riêng tư chỉ để cho ai viết người ấy đọc.
- Vậy thì, xin ông trẻ hãy đốt hộ, - cô nói.
Không những chàng đốt giấy mà còn lấy rìu chẻ thùng ra từng mảnh rồi đưa tất cả vào lò. Trước đó mấy giờ, Pila Tecnêra đã đến thăm chàng. Sau nhiều năm không nhìn thấy bà, đại tá Aurêlianô Buênđya vô cùng ngạc nhiên thấy bà đã già đì và béo đẫy ra quá nhiều, thấy bà đã đánh mất tiếng cười vang khanh khách, nhưng chàng cũng ngạc nhiên khôn xiết trước tài bói bài chính xác của bà. "Hãy giữ miệng", bà đã bảo chàng, và chàng tự hỏi, nếu như lần khác trong tột đỉnh vinh quang mà bà bảo chàng điều đó, thì liệu nó có phải là một cái nhìn đã bất ngờ ảnh hưởng tới số phận chàng không. Sau đó ít lâu, khi viên bác sĩ bảo vệ sức khoẻ đã lau xong mủ ở hai nách, không một chút hứng thú đặc biệt, chàng chỉ hỏi ông ta tim nằm chính xác ở dâu. Viên bác sĩ đã chỉ vào chỗ tim nằm rồi lấy bông bẩn thấm thuốc đỏ vẽ lên ngực chàng một vòng tròn.
Ngày thứ tư, cái ngày ký hiệp định đình chiến bừng sáng trong quang cảnh trời mưa và thời tiết ấm áp dễ chịu. Đại tá Aurêlianô Buênđya

xuất hiện ở nhà bếp trước lúc năm giờ và như thường lệ uống cà phê không đường. "Con đã chào đời vào đúng cái ngày như thế này", Ucsula bảo chàng. "Tất cả mọi người ai cũng phải ngạc nhiên trước đôi mắt mở thao láo của con". Chàng không chú ý nghe cụ nói, bởi vì đang lắng nghe quân lính chuẩn bị, lắng nghe những hồi kèn đồng báo thức vang lên lanh lảnh và những tiếng hô ra lệnh đang làm xốn xang buổi bình minh. Dù sau nhiều năm chiến tranh, những tiếng động ấy dường như đã thân quen với chàng nhưng lần này chúng lại khiến chàng có cảm giác rụng rời ở nơi đầu gối, có cảm giác rờn rợn nơi làn da từng cảm thấy trong tuổi thanh xuân khi đứng trước một người đàn bà khoả thân. Chàng nghĩ một cách hỗn độn, vào lúc đã bị nhất trong cạm bẫy của nỗi cô đơn, rằng nếu mình lấy cô gái ấy hẳn mình đã là một người đàn ông không lăn lộn trong chiến tranh và không mang quang vinh, đã là một thợ thủ công bình thường không tên tuổi, một con đực hạnh phúc. Chính cảm giác buồn muộn màng ấy, vốn không nổi bật lên trong các dự kiến của chàng, khiến chàng ăn sáng mà thấy đắng miệng. Vào lúc bảy giờ sáng, khi đại tá Hêrinêndô Mackêt đến tìm chàng để cùng đi trong nhóm sĩ quan cách mạng, đã bắt gặp chàng lầm lỳ, suy tư, cô đơn hơn bao giờ hết. Ucsula định khoác lên vai chàng chiếc áo khoác mới. "Chính phủ sẽ nghĩ như thế nào", cụ nói với chàng, "Họ sẽ nghĩ rằng con đầu hàng chẳng qua là vì con đã khánh kiệt tới mức không mua nổi một chiếc áo khoác". Nhưng chàng vẫn không chịu nhận chiếc áo khoác. Khi đã ra tới cửa, vì nhìn thấy trời vẫn mưa nên chàng đã để cụ đội cho mình chiếc mũ nỉ cũ của Hôsê Accađiô Buênđya.

- Aurêlianô con ạ, - lúc ấy cụ kịp nói với chàng, - hãy hứa với mẹ

rằng nếu ở đấy con gặp điều rủi ro thì con hãy nghĩ tới mẹ mình. Hứa đi con!

Với cụ chàng mỉm một nụ cười lơ đễnh, giơ bàn tay xoè rộng năm ngón, rồi không nói lấy một lời chàng ra khỏi nhà mình để chường mặt trước những tiếng gào thét, những lời chửi bới và nguyền rủa theo chàng cho đến tận cổng làng. Ucsula cài thật chặt then cửa với ý định sẽ không mở trong suốt quãng đời còn lại của cụ. "Chúng ta sẽ chết mục trong. nhà", cụ nghĩ. "Chúng ta thà để tro phủ kín người ở trong ngôi nhà không có đàn ông này, chứ nhất định không để cho dân làng khốn nạn này thích thú nhìn chúng ta khóc"… Cả buổi sáng ấy cụ lực khắp các xó kín để tìm một kí niệm của con mình nhưng không sao tìm nổi.

Buổi lễ ký kết được tổ chức ở một địa điểm cách Macôndô chừng vài chục kilômét, ngay dưới bóng một cây gạo khổng lồ mà sau này thị trấn Neclandia được thành lập. Đại biểu của chính phủ, của các đảng phái, của đội quân nộp súng đầu hàng được một nhóm ồn ĩ các cô nữ tu sĩ mặc áo trắng phục vụ, nom các cô giống như đàn bồ câu đang hoảng hốt trước trời mưa. Đại tá Aurêlianô Buêndya cưỡi trên lưng một con lừa lấm bê bết bùn đến địa điểm. Chàng không cạo râu, chàng đau đớn bởi cơn nhức nhối do nách sưng tấy hơn là do sự thất bại khủng khiếp của các mơ ước của chàng, bởi lẽ chàng đã đạt tới điểm tận cùng của mọi niềm tin, nó hơn cả vinh quang và hơn cả nỗi luyến tiếc vinh quang. Theo đúng như điều chàng đề nghị, buổi lễ không có âm nhạc, không có pháo nổ, không có chuông ngân reo vui, không có lời tung hô, không làm theo bất kỳ một kiểu phô trương hình thức nào để có thể làng đảo lộn tính chất tang tóc của lễ ký hiệp định đình chiến. Một bác phó nháy lưu động, vì chụp được

ảnh chàng - tấm chân dung này có thể được lưu giữ - đã bị buộc phải huỷ ngay toàn bộ số phim mà không cần phải kiểm tra từng cái một. Buổi lễ hầu như diễn ra trong thời gian vừa đủ để cho chữ ký ráo mực. Các sĩ quan, còn trung thành đến phút chót với đại tá Aurêlianô Buênđya ngồi xung quanh một chiếc bàn mộc thô đặt ở chính giữa rạp xiếc cũ, nơi có các đại biểu ngồi. Trước khi ký văn bản, vị đại diện cho Tổng thống nước cộng hoà định đọc to văn bản đầu hàng, nhưng đại tá Aurêlianô Buênđya đã kịp phản đối. "Không nên mất thời giờ trong các nghi thúc", chàng nói rồi định ký mà không cần đọc lại các văn bản. Một trong số các sĩ quan của chàng lúc đó phá vỡ cái không khí lặng lẽ đến mức nặng nề trong rạp xiếc.
- Thưa đại tá, - người ấy nói, - xin đại tá làm ơn đừng để chúng ta là những người ký trước ạ?
Đại tá Aurêlianô Buênđya dừng lại. Văn kiện đã đi một vòng quanh bàn trong không khí yên tĩnh tuyệt đối đến mức có thể đọc được các chú ký nhờ ngọn bút vẽ nguệch ngoạc trên giấy.
Chỗ ký đầu tiên vẫn còn để trống. Đại tá Aurêlianô Buênđya sẵn sàng đặt bút ký vào.
- Thưa đại tá, - lúc đó một viên sĩ quan khác của chàng nói, - ngài vẫn còn đủ thời gian để ký ạ.
Không hề mất bình tĩnh, đại tá Aurêlianô Buênđya ký bản sao thứ nhất. Chàng vẫn chưa ký bản sao cuối cùng thì ở ngoài cửa rạp xuất hiện một đại tá quân khởi nghĩa trẻ măng đang nắm cương một con lừa cái thồ hai chiếc hòm. Mặc dù đang lúc còn trẻ măng, người ấy để lộ vẻ điềm tĩnh đầy chua chát. Đó là người giữ công quỹ của lực lượng cách mạng ở quanh vùng Macôndô. Chàng trẻ tuổi đó phải trải qua sáu ngày đường cực nhọc, lôi chú lừa lả đi vì đói để đến kịp giờ

ký kết hiệp định đình chiến. Với điệu bộ thư thả của người đang thất vọng, chàng trẻ tuổi dỡ hai chiếc hòm, mở tung chúng ra, rồi đặt lên bàn bảy mười hai viên gạch vàng từng viên từng viên một. Không một ai nhớ số của cải kếch sù ấy vẫn còn. Trong năm chiến tranh cuối cùng đầy biến động khi bộ chỉ huy trung ương bị vỡ từng mảng và cuộc cách mạng biến chất thành một cuộn đánh lộn đẫm máu giữa các viên tư lệnh, thật khó mà xấc định được bất kỳ một trách nhiệm nào thuộc về ai. Số vàng của quân khởi nghĩa, vốn bị nung chảy thành từng cục và sau đó được phủ một lớp bùn nung, trên thực tế không được một ai kiểm soát. Đại tá Aurêlianô Buênđya bảo liệt ghi bảy mươi hai viên gạch vàng ấy vào danh sách của cải do phía quân cách mạng đầu hàng giao cho chính phủ rồi kết thức lễ ký kết mà không cho phép ai đọc diễn văn. Anh thanh niên gầy còm xanh tái ấy vẫn đứng trước mặt chàng với đôi mắt màu hổ phách nhìn thẳng vào mắt chàng.

- Còn gì nữa chàng trẻ tuổi? - đại tá Aurêlianô Buênđya hỏi.

Đại tá trẻ tuổi nghiến hai hàm răng lại:

- Chứng từ! - chàng trẻ tuổi nói.

Đại tá Aurêlianô Buênđya chìa cho anh chứng từ do chính tay chàng viết. Sau đó, chàng uống một cốc nước chanh và một chiếc bánh biscô do các cô nữ tu sĩ phân phát; rồi chàng đi về một trong những gian lều người ta chuẩn bị sẵn nếu chàng muốn nghỉ ngơi. Tại đây, chàng cởi áo sơ mi, ngồi lên mép chiếc giường một. Vào lúc ba giờ mười lăm chiều, chàng chĩa mũi súng lục vào ngay vòng tròn do viên bác sĩ bảo vệ sức khoẻ lấy thuốc đỏ vẽ lên ngực mình rồi bóp cò. Ở Macôndô vào đúng cái giờ ấy Ucsula mở vung nồi sữa nấu trên bếp lửa, ngạc nhiên thấy rằng sao nó lâu sởi thế và cụ thấy giòi bọ đầy

trong nồi sữa.
- Người ta đã giết Aurêlianô rồi, - cụ thảng thốt kêu lên. Cụ nhìn ra sân, ngoan ngoãn vâng theo thói quen cô đơn của mình, rồi lập tức cụ nhìn thấy Hôsê Accađiô Buênđya, người đầm đìa nước mưa vẻ buồn bã vì trời mưa và già đi rất nhiều so với lúc cụ mất. "Người ta đã giết nó vì tội phản bội, - Ucsula bình giá, - và chẳng một ai làm ơn vuốt mắt cho nó". Đêm xuống, qua làn nước mắt cụ nhìn thấy những cái đĩa tròn vàng óng ánh màu da cam vù vù bay trên trời giống như những tia chớp và cụ nghĩ đó là dấu hiệu của thần chết. Cụ vẫn ngồi dưới bóng cây dẻ, gục đầu trên đầu gối chồng mình mà sụt sùi khóc, trong lúc người ta khiêng đến cho cụ đại tá Aurêlianô Buênđya, với đôi mắt mở trừng trừng đầy giận dữ cuộn mình trong chiếc áo khoác bê bết máu khô.
Chàng không bị nguy hại đến tính mạng. Viên đạn xuyên một đường thẳng tắp qua ngực chàng đến mức viên bác sĩ lấy một sợi dây đã dấm thuốc đỏ luồn từ ngực ra sau lưng. "Đây là tác phẩm tuyệt vời của tôi", ông ta nói với chàng vẻ sung sướng. Đó là điểm duy nhất mà một viên đạn xuyên qua không hề gây thương tổn cho bất kì bộ máy bên trong nào". Đại tá Aurêlianô Buênđya thấy xúm quanh mình là các cô nữ tu sĩ khốn khổ đang tụng những bài nhã ca buồn thương cầu cho vong linh chàng được thảnh thơi nơi yên nghỉ vĩnh hằng và lập tức chàng hối hận đã không bắn ngay vào hàm ếch miệng mình như chàng đã dự tính và chàng đã không bắn như vậy chỉ là để chế giễu lời phỏng đoán của Pila Tecnêra.
- Nếu ta vẫn còn quyền lực, - chàng nói với viên bác sĩ - ta sẽ bắn chết anh mà không cần phải xét hỏi. Không phải vì anh đã cứu sống ta mà vì anh đã biến ta thành trò cười cho thiên hạ.

Việc tự vẫn không thành đã trả lại cho chàng uy danh từng mai một. Chính những người mọc chuyện cho là chàng bán rẻ chiến tranh để lấy ngôi nhà với bốn bức tường xây toàn gạch bằng vàng đã khẳng định sự tự vẫn ấy là một hành động cao thượng và do đó đã tuyên bố chàng là một người tuẫn tiết. Sau đó, khi chàng từ chối Huân chương Công Huân do ngài Tổng thống nước Cộng hoà tặng thì ngay đến cả những kẻ tử thù cũng đã phải lần lượt đến diễu hành qua phòng ngủ của chàng để yêu cầu chàng không công nhận các điểm trong bản hiệp định đình chiến và khơi dậy một cuộc chiến tranh mới. Vì cảm động trước sự ủng hộ rộng lớn của các bạn chiến đấu cũ, đại tá Aurêlianô Buênđya không từ chối khả năng thoả mãn ý nguyện của họ. Trái lại, đã có lúc dường như chàng quá phấn chấn trước ý nghĩ về một cuộc chiến tranh mới mà đại tá Hêrinêndô Mackêt nghĩ rằng chỉ chờ một cái cớ nào đó nó sẽ được tuyên bố ngay. Quả nhiên, nguyên cớ đã xuất hiện khi ngài Tổng thống nước Cộng hoà từ chối việc trợ cấp khoản lương hưu chiến tranh cho các cựu chiến binh kể cả phe Tự do cũng như phe Bảo hoàng một khi mỗi hồ sơ cá nhân chưa được xem xét và luật trợ cấp lương hưu chiến tranh chưa được Quốc hội thông qua. "Đó là một sự lạm dụng", đại tá Aurêlianô Buênđya nổi cáu, "Rồi người ta sẽ chết già hết trong lúc chờ đợi thư từ phúc đáp". Lần đầu tiên chàng bỏ trống chiếc ghế xích đu do Ucsula mua để chàng tĩnh dưỡng, đi đi lại lại trong phòng đọc một bức điện dứt khoát gửi ngài Tổng thống nước Cộng hoà. Trong bức điện này chàng tố cáo những vi phạm đầu tiên của phía chính phủ đối với hiệp định đình chiến Neclanđia và đe doạ sẽ tuyên bố chiến tranh nếu như lương hưu không được giải quyết trong vòng mười lăm ngày. Thái độ của chàng rất đúng đắn đến mức nó cho phép chờ

đợi sự ủng hộ của tất cả, ngay cả sự đồng tình của các cựu chiến binh thuộc phái Bảo hoàng. Nhưng lời phúc đáp duy nhất của chính phủ là sự tăng cường lính gác trước cửa nhà với lí do để bảo vệ ngôi nhà và cấm ngặt tất cả các cuộc lui tới thăm viếng. Những biện pháp tương tự cũng đã được áp dụng trong toàn quốc đối với các tướng lĩnh bị quản thức. Đó là một chiến dịch rất đúng lúc, rất thô bạo và cũng rất hiệu nghiệm đến mức hai tháng sau hiệp định đình chiến, khi đại tá Aurêlianô Buênđya bình phục hoàn toàn, những người bạn chiến đấu gần gũi nhất của chàng đều đã chết hoặc đã bị trục xuất hoặc đã hoàn toàn quy phục trước ách quản thúc công khai. Vào tháng chạp, đại tá Aurêlianô Buênđya bước ra khỏi phòng ngủ và chỉ cần liếc mắt nhìn hành lang là đủ để chàng không còn nghĩ đến chiến tranh nữa. Với sức sống dường như không thể có ở tuổi mình, Ucsula đã làm tất cả để thanh xuân hóa ngôi nhà. "Giờ thì họ sẽ biết ta là ai", cụ nói khi biết chắc con mình sẽ sống. "Trong thị trấn này sẽ không có ngôi nhà nào sang trọng hơn, mở rộng cửa đón gió bốn phương hơn là ngôi nhà những người điên này". Cụ sai lau chùi nhà, quét vôi nhà, thay mới bàn ghế giương tủ, sửa lại vườn hoa và trồng thêm hoa mới rồi mở toang mọi cửa: cửa ra vào và cửa sổ, để ánh sáng mùa hè rực rỡ tràn vào tận phòng ngủ. Cụ quyết định thôi để tang những người thân chết kế tiếp nhau, và hình cụ cũng mặc lại những bộ váy áo đậm màu xuân trẻ thay cho những bộ váy áo cũ quá xuềnh xoàng. Âm nhạc lại vang lên từ cây đàn pianô tự động khiến cho không khỉ trong nhà thêm vui tươi hơn. Vào lúc nghe âm nhạc ấy, Amaranta lại da diết nhớ Piêtrô Crêspi, nhớ bông hoa dành dành ngà vàng cài trên ve áo, nhớ mùi oải hương lan tỏa từ người chàng. Và tự trong trái tim héo hắt của cô đã bừng nở một tình cảm

trong sáng, được thanh sạch nhờ thời gian. Một buổi chiều dọn dẹp cho gọn gàng phòng khách, Ucsula đã nhờ các chú lính gác ngôi nhà giúp cho một tay. Người chỉ huy trẻ tuổi của đội gác cho phép cụ. Dần dà, Ucsula nhở họ làm hộ cả những việc khác. Cụ mời họ ăn cơm, cho họ quần áo và giày tất, dạy họ học đọc học viết. Khi chính phủ bỏ việc canh gác, một trong số những người linh ấy đã ở lại nhà hầu hạ cụ trong nhiều năm.

Ngày tết Năm mới bừng sáng với việc người chỉ huy trẻ tuổi của đội gác, cuồng điên trước những hành vi vô ý vô tứ của Rêmêđiôt - Người đẹp, đã chết vì tình ngay bên cạnh cửa sổ phòng cô gái.

Chương 10

Những năm sau này, hấp hối trên giường bệnh, Aurêlianô Sêgundô đã nhớ lại buổi chiều mưa tháng sáu cái buổi chiều anh bước vào phòng ngủ để nhận mặt đứa con trai đầu lòng của mình. Mặc dù đứa trẻ yếu ớt và hay khóc, không hề giống một người nào trong nhà Buênđya, anh chẳng phải suy nghĩ lao lung mới đặt nổi tên cho nó.
- Sẽ gọi nó là Hôsê Accađiô, - anh nói.
Phecnanđa Đên Cacpiô, cô vợ kiều diễm anh mới cưới năm ngoái, đã đồng ý gọi tên đứa bé như vậy. Về phần mình, Ucsula đã không thể giấu nổi cảm giác đau đớn bâng khuâng Trong lịch sử lâu dài của gia đình, việc gọi tên trùng nhau từ thế hệ này sang thế hệ khác cho phép cụ rút ra những kết luận hầu như đã được khẳng định. Trong khi những người mang tên Aurêlianô là những người âu sầu lại rất thông minh thì những người mang tên Hôsê Accađiô là những người nông nổi và táo bạo; nhưng tất cả đều bị số phận bi thảm in dấu. Những trường hợp duy nhất khó phân biệt là trường hợp của Hôsê Accađiô Sêgundô và Aurêlianô Sêgundô. Lúc còn ở tuổi ấu thơ cả hai đều quá giống nhau và lại hay nghịch ngợm đến ngay cả Santa

Sôphia đê la Piêđat cũng chịu không phân biệt nổi hai anh em sinh đôi này. Trong ngày lễ đặt tên, Amaranta đeo cho mỗi người một tượng thánh có khắc tên và mặc cho họ bộ quần áo khác màu đánh dấu bằng chữ đầu viết tắt tên mỗi người; nhưng khi vào lớp, hai người đã đổi tên, đổi quần áo, đổi tượng thánh cho nhau. Thày giáo Menchô Escalôna, do đã quen nhận mặt Hôsê Accađiô Sêgunđô nhờ chiếc áo sơ mixanh, bỗng nhầm lẫn khi phát hiện ra cậu này đeo tượng thánh mang tên Aurêlianô Sêgunđô và rằng mặc dù cậu kia tự xưng tên là Aurêlianô Sêgunđô nhưng lại mặc áo sơ mi trắng và đeo tượng thánh khắc tên Hôsê Accađiô Sêgunđô. Bắt đầu từ đấy không còn biết đích xác ai là ai. Ngay cả khi họ đã trưởng thành và cuộc sống đã làm cho họ khác nhau, Ucsula vẫn tiếp tục tự hỏi lòng mình nếu ở một thời điểm nào đó họ không phạm một khuyết điểm trong trò chơi gây nhiều nhầm lẫn phiền phức của mình thì chắc hẳn họ đã thay đổi nhiều. Ngay cả khi bước vào tuổi thanh niên, họ vẫn là hai cỗ máy đồng thời. Họ dậy cùng một lúc, thấy cần phải vào cầu tiêu cùng một giờ, cùng chịu cơn trái nắng trở trời và họ mơ thấy những giấc mơ giống hệt nhau. Ở nhà, ai cũng tin rằng bọn họ thống nhất hành động là do cố ý muốn gây nhầm lẫn cho mọi người chứ không một ai hiểu nổi bản chất của họ; cho đến một hôm Santa Sôphia đê la Piêđat đưa cho người nây cốc nước chanh, rồi sau đó bà thấy người kia nói chưa có đường. Thực thế, bà quên không cho đường vào nước chanh. Santa Sôphia đê la Piêđat đem chuyện này kể lại cho Ucsula nghe. "Con cái nhà này đều thế cả", cụ nói vẻ không hề ngạc nhiên. "Chúng điên rồ ngay từ bé". Thời gian trôi đi cũng kết thúc luôn sự đảo lộn các sự vật. Cậu bé trong các trò chơi nhầm lẫn vẫn được gọi tên là Aurêlianô Sêgunđô đã có thân hình vạm vỡ của

ông nội và cậu kia vẫn được gọi là Hôsê Accađiô Sêgunđô đã có thân hình mảnh khảnh của ngài đại tá, và điểm duy nhất hai người giống nhau chính là vẻ cô đơn của dòng họ. Có lẽ sự hoán vị hình hài, tên tuổi và đặc tính ấy chính là điều khiến Ucsula phải nghi ngờ rằng: ngay từ tuổi thiếu nhi, họ đã bị xáo trộn như người ta chương quân bài. Sự khác nhau rõ rệt giữa hai người được thể hiện rõ trong thời chiến tranh ác liệt nhất khi Hôsê Accađiô Sêgunđô xin đại tá Hêrinêndô Mackêt cho mình cùng đi xem các vụ hành hình. Ngược với suy nghĩ của Ucsula, nguyện vọng của cậu đã được thoả mãn. Trái lại, Aurêlianô Sêgunđô cảm thấy bủn rủn cả người khi nghĩ tới việc mình có mặt trong buổi hành hình. Cậu bé chỉ thích ở nhà. Vào lúc lên mười hai tuổi, cậu hỏi Ucsula có gì trong phòng đóng kín cửa kia. "Giấy má thôi", cụ trả lời cậu, "đó là sách của Menkyađêt và những điệu quái dị cụ viết trong những năm cuối đời". Câu trả lời đáng lẽ sẽ làm cho cậu yên lòng thì lại càng kích thích tính tò mò của cậu. Cậu khẩn khoản đòi vào xem, tha thiết hứa với cụ sẽ không làm hư hại các thứ trong đó, đến mức Ucsula không đành lòng được, buột phải đưa chìa khoá cho cậu. Không ai bước vào căn buồng nữa kể từ khi người ta khiêng từ thi Menkyađêt đi; và lắp vào cửa một chiếc khoá sắt lâu ngày han gỉ đã làm liệt các bộ phận của nó. Song, khi Aurêlianô Sêgunđô mở toang các cửa sổ, thấy một luồng ánh sáng thân thuộc dường như vẫn thường chiếu sáng căn buồng vào tất cả mọi ngày; căn buồng không có bụi bậm phủ, không có mạng nhện giăng, mà trái lại tất cả đều sạch sẽ, có lẽ còn được quét dọn và lau chùi kỹ lưỡng hơn cả ngày đưa đám tang cụ, mực trong lọ vẫn không khô, gỉ sắt vẫn không làm các dụng cụ kim loại mất đi vẻ bóng nhoáng; cả than lửa trong bếp nơi Hôsê Accađiô Buênđya đun thuỷ

ngân vẫn không tắt. Trên các giá là những cuốn sách được đóng bìa cứng bằng các tông màu nâu nhạt giống như da người thuộc và cả những trang viết tay cỏn tươi màu mực. Mặc dù phòng bị đóng kín cửa trong nhiều năm, không khí nơi đây dường như vẫn trong sạch hơn các nơi khác trong ngôi nhà. Tất cả đều rất mới đến mức vài tuần sau đó khi Ucsula mang một xô nước và một cái chổi vào phòng để lau quét sàn thì cụ chẳng phải làm gì cả. Aurêlianô Sêgundô đang say đắm đọc một cuốn sách. Mặc dù cuốn sách này mất bìa và không có nhan đề, cậu bé thưởng thức câu chuyện một người phụ nữ ngồi bên bàn lấy đũa gắp từng hạt cơm ăn; câu chuyện về một ngư dân mượn anh hàng xóm một cục chì để gài vào lưới đánh cá và con cá sau này bác trả cho anh hàng xóm mang trong bụng nó một hạt ngọc; chuyện cây đèn thần thoả mãn mọi ước nguyện và những chiếc thảm bay.

Vẻ đầy cao hứng, cậu bé hỏi Ucsula rằng có phải những chuyện này đều có thật không, và cụ đã trả lời cậu rằng phải đấy, rằng trước đây lâu lắm rồi, những người digan mang đến làng Macôndô những cây đèn thần và cả những tấm thảm bay.

- Có điều là, - cụ thở dài, - thế giới ngày một khánh kiệt và do đó không thấy có các vật ấy nữa.

Khi đọc xong cuốn sách có nhiều truyện bỏ dở vì mất trang, Aurêlianô Sêgundô chuyển sang dịch các bản viết tay. Đó là công việc không thể làm được. Các con chữ giống như quần áo móc trên dây thép, và nhìn chung nó giống bản nhạc ghi trên giấy hơn là một áng văn chương. Có một buổi trưa nực nữa nọ, trong lúc dò đoán các bản chép tay, cậu bé cảm thấy không chỉ có mình mình ở trong phòng. Menkyađêt ngồi ở đấy, quay lưng lại phía cửa sổ, hai tay đặt

trên gối. Cụ vẫn mặc chiếc áo khoác ngoài cổ quái và đội chiếc mũ vành cánh quạ cụp, mồ hôi bết tóc chảy thành giọt qua hai thái dương, y hệt hình ảnh cụ từng được Aurêlianô và Hôsê Accađiô nhìn thấy từ khi họ còn nhỏ tuổi. Ngay lập tức Aurêlianô Sêgunđô nhận rõ cụ, bởi vì ký ức di truyền ấy được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, và nó đến với cậu từ trí nhớ của ông nội cậu.
- Chào cụ, - Aurêlianô Sêgunđô nói.
- Chào anh bạn trẻ, - Menkyađêt trả lời.
Kể từ dạo ấy, trong vài năm, hầu như chiều nào họ cũng gặp nhau. Menkyađêt nói với cậu bé về thế giới, cố truyền lại cho cậu tri thức cổ xưa của mình, nhưng cụ từ chồi dịch những trang viết tay. "Chẳng một ai nên biết ý nghĩa trong khi chúng chưa được trăm năm", cụ giải thích. Aurêlianô Sêgunđô mãi mãi giữ kín các cuộc hội ngộ này. Cũng có lúc cậu bé cảm thấy thế giới riêng của mình bị đánh đổ, bởi vì Ucsula đã vào phòng đúng lúc Menkyađêt đang có mặt. Nhưng cụ đã không nhìn thấy.
- Cháu nói chuyện với ai thế? - cụ hỏi.
- Chả nói với ai cả, cố ạ? - Aurêlianô Sêgunđô trả lời.
- Cố nội mày cũng thế đấy, - Ucsula nói, - Ông ấy cứ nói chuyện một mình thôi.
Trong khi đó, Hôsê Accađiô Sêgunđô lại mãn nguyện khi được xem một buổi hành hình. Cả đời mình, cậu sẽ nhớ mãi ánh lửa chớp sáng của sáu viên đạn cùng bắn một lúc và tiếng súng nổ vọng lại từ các ngọn núi xung quanh, rồi nhớ đến nụ cười buồn bã và đôi mắt thảng thốt của kẻ bị bắn, người vẫn hiên ngang đứng trong lúc máu chảy ra thấm đẫm áo sơ mi, người vẫn mỉm cười ngay cả lúc người ta cởi trói cho mình khỏi cọc xử bắn và nhét mình vào chiếc quan tài đầy

vôi bột. "Vẫn còn sống", cậu nghĩ. "Người ta sẽ chôn sống anh ta". Cậu sợ lắm, sợ đến mức từ dạo đó cậu nguyền rủa nghề lính và chiến tranh, không chỉ vì các vụ xử bắn mà chủ yếu vì thói quen kinh tởm chôn sống những người bị hành hình. Vậy là không một ai biết từ lúc nào cậu bắt đầu kéo chuông nhà thờ, bắt đầu giúp cha Antôniô Isaben, người được mệnh danh là En Cacharô(1) đến thay cha xứ, bắt đầu chăm sóc các chú gà chọi được nuôi trong sân tu viện. Khi đại tá Hêrinêndô Mackêt biết chuyện, chàng đã mắng mỏ cậu bé một hồi vì tội học những nghề nghiệp vốn bị những người Tự do lên án.
- Vấn đề là, - cậu bé trả lời, - dường như cháu đã trở thành một người Bảo hoàng.
Cậu tin điều đó như thể đó là một sự khẳng đinh của nỗi bất hạnh. Đại tá Hêrinêndô Mackêt bực dọc, đã kể lại câu chuyện cho Ucsula nghe.
- Càng tốt, - cụ tán thưởng. - Lạy Chúa, nó sẽ trở thành một nhà tu hành để cuối cùng Thượng đế đến nhà này.
Ngay lập tức mọi người biết rằng cha Antôniô Isaben đang chuẩn bị làm lễ ban thánh thể đầu tiên cho cậu. Cha dạy cậu học bổn trong lúc vặt lông cổ các chú gà chọi. Cha lấy những ví dụ đơn giản dễ hiểu để giảng giải cho cậu trong lúc cha đặt các cô gà mái ấp vào ổ như đã từng xảy ra với Thượng đế trong ngày Sáng thế thứ hai, ngày những chú gà con được hình thành trong quả trứng. Ngay từ dạo ấy vị mục sư để lộ những triệu chứng lẩm cẩm đầu tiên của tuổi già mà nhiều năm sau này nó đã dẫn cha đến việc nói rằng có thể quỷ dữ đã chiến thắng cuộc khởi nghĩa trái với ý của Thượng đế, người ngồi trên ngai vàng thượng giới, không để lộ hình hài của mình trước mắt những kẻ ngu khờ. Được tôi rèn bởi lòng dũng cảm của thày học, ít tháng sau

Hôsê Accađiô Sêgunđô đã trở thành một người rất am hiểu những thủ thuật tôn giáo để đánh lừa ma quỉ đồng thời cũng là người giàu kinh nghiệm nuôi gà. Amaranta may cho cậu một bộ quần áo vải lanh có cổ cồn và cà vạt, mua cho cậu một đôi giày trắng và mạ chữ vàng tên cậu trên những dải lụa buộc vào cây nến. Hai đêm trước ngày lễ ban thánh thể đầu tiên cho cậu, cha xứ Antôniô Isaben đóng kín kho đồ thánh để cùng với cậu làm lễ xưng tội, có sự giúp đỡ của cuốn sổ ghi tên các tội lỗi. Đó là một danh mục rất dài đến mức vị mục sư già, vốn quen đi ngủ từ lúc sáu giờ đã ngủ khì trên ghế xích đu trước khi kết thúc.

Những câu hỏi là một điều khải thị đối với Hôsê Accađiô Sêgunđô. Cậu không ngạc nhiên thấy cha xứ hỏi mình đã chung đụng với đàn bà chưa, và cậu đã hãnh diện trả lời rằng không, nhưng cậu lại hoang mang khi cha hỏi mình có chung đụng với súc vật không. Tháng năm, vào ngày thứ sáu đầu tiên, cậu chịu lễ ban thánh thể mà lòng quặn đau vì tính tò mò. Sau đó, cậu hỏi Pêtrômô, tu sĩ ốm yếu giữ kho đồ thánh, sống ở trên tháp chuông, và theo như lời đồn đại gã ăn đom đóm để sống, và Pêtrôniô đã trả lời cậu: "Là bởi vì có đạo hữu đê mạt đã ngủ với lừa cái đấy". Hôsê Accađiô Sêgunđô vẫn cứ ngạc nhiên hơn bao giờ hết, vẫn cứ đòi phải giải thích nhiều hơn nữa đến mức Pêtrôniô mất bình tĩnh.

- Tôi đi vào các tối thứ ba hàng tuần, - gã thú nhận. - Nếu cậu hứa không nói với ai thì ngày thứ ba tới tôi sẽ dẫn cậu đi.

Quả nhiên, ngày thứ ba tới, Pêtrôniô vác một chiếc ghế gỗ mà cho đến lúc này không một ai biết nó được dùng làm gì, đi xuống khỏi tháp chuông, dẫn Hôsê Accađiô Sêgunđô ra một vườn gần đấy. Cậu bé đam mê với những đêm phiêu lưu ấy, đến mức sau đó rất lâu

người ta mới thấy cậu xuất hiện ở tiệm nhẩy bác Catarinô. Cậu trở thành người chơi gà chọi. "Hãy mang những con vật ấy đi nơi khác", Ucsula bảo khi lần đầu tiên cụ nhìn thấy cậu mang những con gà chọi đẹp về nhà. "Những con gà ấy từng mang về nhà này biết bao cay đắng mà bây giờ mày còn mang thêm đau khổ cho chúng ta nữa sao". Hôsê Accađiô Sêgunđô không cãi lại cố nội mình, lặng lẽ mang những chú gà chọi đi nuôi ở nhà Pila Tecnêra, bà nội cậu, người sẵn sàng chiều theo ý cậu để cậu có mặt ở nhà mình. Ngay lập tức cậu đã tỏ rõ kiến thức của cha Antôniô Isaben ngay ở sới chọi gà, chuẩn bị nhiều tiền không những đủ để làm giàu thêm những con gà mình nuôi mà còn lo thoả chí tang bồng. Ở thời điểm này, Ucsula đã so sánh cậu với người em cậu và cụ đã không thể hiểu nổi làm sao hai người sinh đôi trong thời thơ ấu giống nhau như đúc mà giờ đây khác nhau hoàn toàn. Cụ cũng chẳng phải ngẫn ngừ gì lâu trong ý nghĩ ấy bởi ngay lập tức Aurêlianô Sêgunđô đã bắt đầu lười nhác. Lúc ngồi trong phòng Menkyađêt, cậu là người trầm tư mặc tưởng y hệt đại tá Aurêlianô Buênđya thời trẻ. Nhưng trước khi có hiệp định Neclanđia ít lâu, một cuộc gặp gỡ tình cờ đã lôi cậu ra khỏi thế giới nội tâm, buộc cậu phải đối mặt với cuộc sống thực. Đó là việc một người đàn bà trẻ, vốn làm nghề bán vé xổ số treo giải một chiếc phong cầm, đã niềm nở chào cậu. Aurêlianô Sêgunđô không hề ngạc nhiên bởi vì vẫn thường xảy ra việc người ta nhầm cậu với người anh mình. Nhưng cậu chẳng cần đính chính ngay cả khi cô ả định dùng tiếng khóc sụt sùi làm mềm nhũn trái tim mình, do đó ả đã dẫn cậu về phòng ngủ. Ngay từ cuộc gặp gỡ đầu tiên, ả quý mến cậu lắm đến mức trong khi mở xổ số ả đã gian lận để cậu giành được cây phong cầm. Sau vài tuần, Aurêlianô Sêgunđô nhận ra rằng người

đàn bà này đã xen kẽ ngủ với cậu và anh cậu mà cứ tưởng rằng hai người là một, và lẽ ra phải làm cho rõ nhẽ thì cậu lại lờ đi để kéo dài tình trạng hai anh em cùng chung đụng xác thịt với một người đàn bà. Cậu không trở lại phòng Menkyađêt. Chiều nào cậu cũng ở ngoài sân mê mải học đàn phong cầm bất chấp lời chửi bới của Ucsula, người đã cấm chơi nhạc vì trong nhà lúc đó đang có tang, và ngoài ra còn coi khinh đàn phong cầm là đồ chơi của những kẻ giang hồ kế nghiệp cụ Phranxixcô - Con Người. Tuy nhiên, Aurêlianô Sêgunđô đã trở thành một tay chơi đàn phong cầm nổi tiếng và vẫn cứ nổi tiếng sau khi cưới vợ, có con và trở thành người được kính nể hơn cả trong thị trấn Macôndô.

Trong khoảng vài tháng, cậu cùng với anh mình chia sẻ các đêm hoan lạc với người đàn bà ấy. Cậu theo dõi anh mình, làm anh mình nhỡ kế hoạch, và khi chắc chắn rằng Hôsê Accađiô Sêgunđô đêm ấy sẽ không đến với người đàn bà thì cậu sẽ mò đến ngủ. Có một buổi sáng nọ, cậu phát hiện ông anh mình bị ốm. Hai ngày sau, cậu bắt gặp ông anh mình đang bám chặt vào vì kêo trong cầu tiêu, người đầm đìa mồ hôi và nước mắt giàn giụa đang khóc lóc, và thế là cậu hiểu. Anh cậu thú nhận rằng người đàn bà đã ruồng bỏ anh ta vì cái tội lây bệnh lậu cho ả. Anh cậu cũng kể lại chuyện Pila Tecnêra đã chữa bệnh ấy như thế nào. Aurêlianô Sêgunđô lén lút ra những bãi rửa nóng bỏng chất *permanganato* và uống nước lợi tiểu. Cả hai người lành bệnh sau ba tháng âm thầm chịu đựng đau đớn. Hôsê Accađiô Sêgunđô không đi lại với người đàn bà nữa. Aurêlianô Sêgunđô nhận được sự tha thứ của ông anh, và gắn bó với người đàn bà cho đến mãn đời.

Người đàn bà ấy tên là Pêtra Côtêt. Ả với người chồng sống bằng

nghề xổ số đến Macônđô vào giữa lúc chiến tranh đang ác liệt và khi anh chồng chết ả vẫn tiếp tục hành nghề. Đó là một người phụ nữ lai đen sạch sẽ và trẻ trung, đôi mắt hình quả hạnh đào màu hung vàng khiến bộ mặt ả dữ tợn như mặt báo, nhưng ả có trái tim hào hiệp và nghệ thuật mồi chài ái tình rất tuyệt vời. Khi Ucsula biết được Hôsê Accađiô Sêgunđô đã là người chơi gà chọi và Aurêlianô Sêgunđô chơi phong cầm trong những đêm vui náo nhiệt ở nhà nhân tình thì cụ tức phát điên lên. Điều đó giống như thể hai người này đã tập trung trong họ tất cả những gì xấu xa, kém cỏi của gia đình và không nối dõi được những đức tính quý báu của gia đình. Vậy là cụ quyết định sẽ không một ai được gọi bằng tên Hôsê Accađiô và tên Aurêlianô. Tuy nhiên, khi Aurêlianô Sêgunđô có con trai đầu lòng và đặt tên cho nó là Hôsê Accađiô thì cụ đã không dám trái ý cậu.
- Được thôi ta đồng ý, - Ucsula nói, - nhưng với điều kiện phải để ta nuôi dạy nó.
Dẫu rằng đã là cụ già trăm tuổi và suýt loà vì màng đã kéo sắp kín con ngươi, nhưng cụ vẫn giữ nguyên thể trạng sức khoẻ, không hề trái thói trái nết cũng không hề lẫn cẫn. Không ai giỏi bằng cụ trong việc dạy dỗ người đàn ông danh giá có thể khôi phục danh dự của gia đình, một người đàn ông không bao giờ nghe nói đến chiến tranh, đến gà chọi, đến gái điếm đến các nghề nông nổi, đó là bốn thảm hoạ, mà theo sự suy nghĩ của Ucsula, đã dẫn tới sự sụp đổ của dòng họ cụ. "Thằng bé này sẽ trở thành thày tu", cụ trang trọng hứa. "Và nếu như Thượng đế để ta sống, nó sẽ là Giáo hoàng". Khi nghe thấy thế tất cả đều phá lên cười, không chỉ ở trong phòng và trong toàn ngôi nhà lúc này đang có mặt những người bạn vui nhộn của Aurêlianô Sêgunđô. Chiến tranh, vì bị lãng quên bởi chính trí nhớ tồi,

bỗng nhiên sống dậy trong tiếng mở nút chan sâm banh.
- Nào, hãy chúc mừng sức khoẻ Đức giáo hoàng, - Aurêlianô Sêgundô nâng cốc nói.
Các vị khách mời đồng thanh chúc tụng. Sau đó, chủ nhà chơi phong cầm. Pháo nổ rền và trống khua rộn cả làng. Sáng sớm, những vị khách chếnh choáng hơi men sâm banh mổ liền sáu con bò cái rồi bày thịt ra đường sẵn sàng mời đám đông cùng dự cuộc vui. Không một ai ngạc nhiên. Kể từ khi Aurêlianô Sêgundô đứng lên trông nom gia đình, những cuộc vui tương tự như thế là chuyện thường tình, mặc dù chúng chưa hề có lý do chính đáng như tiệc vui lần này nhằm chúc mừng sự chào đời của một đức Giáo hoàng. Trong ít năm cậu đã tích cóp được một gia sản thuộc hàng lớn nhất ở vùng đầm lầy không cần phải công phu gì lắm, mà trái lại chỉ đơn thuần nhờ vận may, đó là sự sinh sôi cực kỳ mau mắn của các đàn gia súc. Bò cái đẻ sinh ba, gà mái một ngày hai lần đẻ trứng, còn lợn thì lớn nhanh như thổi. Không một ai có thể lý giải được sự giàu có dường như là kết quả của phép màu nhiệm. "Bây giờ phải hà tằn hà tiện", Ucsula nói với thằng chắt ăn tiêu hoang toàng. "Vận may chẳng theo suốt đời mày đâu". Nhưng Aurêlianô Sêgundô không nghe lời cụ. Trong lúc càng mở nút sâm banh thết bạn thì súc vật của anh càng đẻ như điên và anh càng tin rằng cái vận đỏ của mình không khởi sự ở việc làm ăn biết tính toán mà khởi sự ở ảnh hưởng của Pêtra Côtêt, nhân tình của anh, người có tình yêu đủ sức làm mủi lòng con tạo. Anh rất yên lòng rằng đó là cội nguồn của cải của mình và do đó không bao giờ anh để cho Pêtra Côtêt ở xa đàn gia súc, và ngay cả khi đã cưới vợ và có con, anh vẫn sống với ả trong sự đồng loã của Phecnanđa. Với thân xác rắn rỏi và vâm váp như thân xác của cố nội

và ông nội mình, nhưng hơn họ ở tính tình vui vẻ và hồn nhiên, Aurêlianô Sêgundô hầu như không có đủ thời gian để chăm nom đàn gia súc của mình. Chỉ cần anh mang Pêtra Côtêt đến các chuồng trại, để ả ngồi trên ngựa dẫn ả đi chơi các trang trại là đủ cho súc vật của anh phải sinh con đẻ cái rất nhanh.
Như tất cả các sự vật tốt đẹp từng xảy ra trong cuộc đời dài của mình, số của cải bất kham ấy dường như được con tạo định trước. Ngay trong thời kỳ cuối của chiến tranh, Pêtra Côtêt vẫn phát hành vé xổ số và đôi lúc Aurêlianô Sêgundô vẫn phải ăn cắp tiền của Ucsula để trang trải mọi tốn kém. Bọn họ thoải mái chung sống với nhau, không hề bận tâm ngoài việc lo lắng để đêm nào cũng ngủ với nhau, ngay cả trong những ngày cần kiêng cữ, để hú hí với nhau cho tới khi trời sáng. "Cái con đàn bà ấy sẽ làm cho mày phải điêu đứng đấy", Ucsula mắng mỏ thằng chắt anh mỗi khi thấy nó bước vào nhà như một kẻ mắc chứng mộng du. "Nó đã làm cho mày ngớ ngẩn, rồi một ngày nào đó ta sẽ thấy mày quằn quại vì đau đớn với con cóc ôm trong bụng đấy". Hôsê Accađiô Sêgundô, vốn phải mất rất nhiều thời gian mới phát hiện ra việc thằng em trai xỏ mũi mình, không thể hiểu được nỗi đam mê của em trai. Anh nhớ Pêtra Côtêt như một người đàn bà dễ dãi, đúng hơn là người ươn lười trên giường và hoàn toàn nhạt nhẽo đối với tình yêu.
Làm ngơ trước những lời mắng mỏ của Ucsula, và trước những lời chế giễu của anh mình, Aurêlianô Sêgundô chỉ nghĩ sẽ gặp được một nghề cho phép anh duy trì ngôi nhà cho Phecnanđa và để chết với nàng, trên nàng và dưới nàng trong một đêm xả láng cuồng nhiệt. Khi đại tá Aurêlianô Buênđya mở lại xưởng kim hoàn, do niềm vui thanh thản của tuổi già lôi cuốn ngài, thì Aurêlianô Sêgundô nghĩ

rằng nếu theo nghề chế tạo những con cá vàng cũng là một điều tốt. Anh ở trong căn phòng nhỏ nực nụa nhiều giờ liền xem những tấm kim loại cứng được ngài đại tá kiên trì rèn đục đã dần trở thành những cái vẩy óng ánh.
Anh thấy công việc rất tỉ mẩn trong khi đó nỗi nhớ Pêtra Côtêt lại hết sức thôi thúc và da diết đến mức chỉ ba tuần sau anh biến khỏi xưởng. Đó là thời kỳ Pêtra Côtêt đang phát tài bằng việc lấy thỏ treo giải để mở xổ số. Những con thỏ này sinh ra và lớn nhanh như thổi. Chúng nhiều vô kể. Dù có tăng vé và số lần quay số lên nhiều lần ả vẫn không dùng hết thỏ vào việc trả thưởng. Thoạt đầu, Aurêlianô Sêgundô không nhận ra những con thỏ này đã sinh sản như thế nào. Nhưng có một đêm, khi không một ai trong làng muốn bàn tán về các cuộc xổ số lấy thỏ, anh cảm thấy có tiếng sấm động ngay bên tường. "Anh đừng có mà giật mình nhé!", Pêtra Côtêt nói, "đó là những con thỏ đấy!". Bọn họ không thể ngủ thêm được nữa, băn khoăn trán trở vì nỗi lo cho đàn gia súc. Vào lúc trời hửng sáng, Aurêlianô Sêgundô nở cửa và nhìn thấy ở sân lúc nhúc những thỏ là thỏ, lông xanh mượt trong ánh bình minh. Pêtra Côtêt cười ngặt nghẽo, không hể kìm được ý muốn chòng ghẹo anh:
- Những con thỏ này là những con vừa sinh ra đêm quạ lấy - ả nói.
- Eo ơi, sợ quá? - anh nói - Vì sao mình không thử với bò cái xem?
Ít ngày sau đó, dọn dẹp lại sân nhà, Pêtra Côtêt nuôi ở sân một con bò cái thay cho đàn thỏ. Vài tháng sau, con bò cái đẻ đinh ba. Mọi sự đều bắt đầu từ đấy. Nhanh như chớp, Aurêlianô Sêgundô đã trở thành ông chủ, nắm trong tay nhiều ruộng đất và nhiều đàn gia súc và hầu như anh không có đủ thời gian để mở rộng hơn nữa các chuồng gia súc và bãi thả gia súc. Đó là một sự giàu có ngây ngất

mà ngay chính anh cũng phải buồn đời và không thể tự kiềm chế nổi thái độ quá trớn để bộc lộ nỗi tiềm vui sướng của mình. "Hỡi những con bò cái, hãy giạng đáng ra kẻo cuộc đời quá ư ngắn ngủi", anh gào lên. Ucsula tự hỏi không biết anh đã phạm tội gì, nếu không ăn cắp thì cũng một tên ăn trộm gia súc và cứ mỗi bận nhìn thấy anh mở nút hai sâm banh chỉ để xịt bọt nó lên đầu mình một cách thích thú thì cụ chửi bới anh vì tội phá gia chi tử. Cụ không để cho anh yên thân lấy một lúc, do đó có một ngày Aurêlianô Sêgundô lúc dậy với niềm vui điềm tĩnh, cầm một sọt tiền giấy, một xô hồ và một chổi phết hồ, hát trong họng những bài hát cũ của cụ. Phranxixcô - Con Người, rồi dán những tờ bạc một đồng *pêsô* lên tường nhà, dán từ trên xuống dưới, cả bên trong lẫn bên ngoài. Ngôi nhà cũ, vốn được quét vôi trắng từ hồi mua cây đàn pianô tự động, nay có vẻ mặt lạ lẫm dễ lầm với giáo đường của đạo Hồi. Trong khung cảnh lộn xộn của gia đình, trong lúc Ucsula bực tức, trong niềm vui của dân làng đổ ra đường để chứng kiến cảnh hợm mình của kẻ vén tay đốt nhà táng, Aurêlianô Sêgundô cũng vừa dán xong những đồng tiền giấy lên nhà, kể từ bức tường mặt tiền đến tận nhà bếp, kể cả cầu tiêu và phòng ngủ, rồi ném số tiền thừa xuống sân.

- Bây giờ thì, - anh nói, - ta mong rằng không một ai trong nhà này sẽ xỉ vả ta về tiền bạc nữa.

Chuyện xảy ra là như thế. Ucsula sai bóc các tờ bạc bê bết dính các mảng vôi tường, và quét vôi trắng tường nhà. "Hỡi Thượng đế lòng lành của con", cụ cầu khẩn, "hãy làm cho chúng con lại nghèo như cái thuở mới thành lập làng này, để ở cuộc đời khác ngài khỏi bắt tội chúng con vì đã hoang phí tiền của". Những lời cầu khẩn của cụ được nghe theo nghĩa ngược lại. Quả có thế. Một người làm công lột

những tờ bạc khỏi tường đã vô ý đụng phải bức tượng thánh Hôsê, một bức tượng thạch cao khổng lồ do một người nào đó đã đem đến nhà vào lúc chiến tranh sắp kết thức, và nó vỡ tiếng ra khi chạm phải mặt đất. Bên trong nó đựng toàn tiền vàng. Không một ai còn nhớ người nào đã mang tới nhà bức tượng to bằng cỡ người thực. "Ba người đàn ông đã mang nó tới", Amaranta nói. "Người ta nhờ tôi nói lại với nhà ta sẽ trông bức tượng này cho đến khi nào mùa mưa qua đi, và tôi đã bảo họ là hãy đặt ở đấy, ở trong xó kia, để không ai va chạm phải, và bọn họ đã cẩn thận để nó ở đấy và cũng từ dạo ấy nó vẫn nguyên ở đấy, vì chẳng bao giờ thấy họ trở lại tìm nó". Gần đây, Ucsula đã thắp nến và quỳ lạy trước bức tượng thánh Hôsê mà vẫn không nghi ngờ rằng: bên trong bức tượng thánh ấy lại có gần hai trăm ki lô vàng. Sự hiển linh muộn màng của lòng tin đa thần giáo trong cụ càng khoét sâu thêm nỗi lo lắng của cụ. Cụ nguyền rủa đống tiền vàng đáng giá này, nhét chúng vào ba tải gai, rồi chôn chúng ở một địa điểm kín đáo, để chờ đợi ba người lạ mặt sẽ đến đòi nó. Mãi về sau này, trong những năm tháng vất vả của tuổi già, Ucsula vẫn thường xen vào các buổi nói chuyện của các vị khách lạ lúc ấy đến nhà để hỏi rằng trong lúc loạn lạc họ có để ở đây một bức tượng thánh Hôsê bằng thạch cao nhờ gia đình trông hộ trong thời kỳ mưa gió không?

Những sự kiện ấy, vốn thường làm cho Ucsula lo lắng nhiều, lại là chuyện thường tình trong thời kỳ này. Macôndô bị chìm ngập trong sự tàn phá màu nhiệm. Những ngôi nhà tranh vách đất của các bậc sáng nghiệp giờ đây được thay thế bằng những ngôi nhà gạch, sàn láng xi măng và có rèm chắn nắng đan bằng những phiến gỗ nhỏ. Những ngôi nhà này càng làm cho không khí vốn đã nóng càng oi

nóng hơn vào lúc hai giờ chiều. Cái làng cũ của cụ Hôsê Accađiô Buênđya lúc này chỉ còn lại những cây hạnh đào phủ đầy bụi sẵn sàng chịu đựng những hoàn cảnh còn khó khăn hơn nhiều, và con sông nước trong như pha lê mà những tảng đá thời tiền sử của nó đã bị đập vỡ thành từng mảnh vụn dưới sức nện điên cuồng những cú búa quai xuống của Hôsê Accađiô Sêgunđô, khi anh khởi sự công việc nạo vét lòng sông để thiết lập đường thuỷ trên con sông này. Đó là một giấc mơ khùng khùng điên điên có thể so sánh với những ước mơ của các vị tiền bối mình, bởi vì lòng sông ngổn ngang đá tảng cũng như các thác ghềnh trên nó đã ngăn cản sự đi lại bằng tàu thuyền từ Macôndô ra biển. Nhưng Hôsê Accađiô Sêgunđô, trong quyết tâm táo bạo thiếu tính toán, đã say sưa lao vào công việc. Cho đến lúc này anh vẫn chưa hề bộc lộ khả năng tính toán của mình. Ngoại trừ mối tình ngắn ngủi với Pêtra Côtêt, chưa bao giờ anh quen biết phụ nữ. Ucsula coi anh là một điển hình cho sự kém thông minh mà gia đình mình, trong lịch sử trường tồn của nó, đã sản sinh ra. Anh hầu như không có khả năng tự làm nổi bật mình ngay cả khi anh là người sành sỏi chơi gà chọi. Khi đại tá Aurêlianô Buênđya kể cho anh nghe về chiếc tàu Tây Ban Nha nằm cách biển mười hai kilômét, mà mạn tàu của nó bị hoá thành than đã được chính mắt ngài nhìn thấy trong lúc còn chiến tranh, thì câu chuyện này đối với những người khác trong thời gian dài có vẻ ma quái nhưng đối với anh là một điều dễ hiểu. Anh bán hết gà chọi với giá cao nhất, tập hợp trai làng và bỏ tiền ra mua cưa đục rồi khởi sự công việc to lớn gồm việc phá đá, khoét lòng sông bạt ghềnh, vượt thác… "Cái đó thì ta biết tỏng", Ucsula nói. "Cứ như thể thời gian chạy vòng tròn và giờ dây chúng ta trở lại từ đầu". Khi anh tin chắc rằng có thể cho tàu bè đi lại

trên sông dược, Hôsê Accađiô Sêgundô liền trình bày thật tỉ mỉ các kế hoạch của mình và người em dã cho anh đủ số tiền chi dùng cho công việc. Anh vắng mặt một thời gian dài. Người ta đang bàn tán rằng kế hoạch mua một chiếc tàu thuỷ của anh chỉ là một thủ đoạn để lấy tiền của ông em thôi, cũng là lúc một tin được lan truyền rộng rãi: một chiến thuyền đang tiến về gần thị trấn. Dân Macôndô, vốn đã quên khuấy những kỳ tích của cụ Hôsê Accađiô Buêndya, ồn ào kéo nhau ra bờ sông và với con mắt nghi ngờ họ đã nhìn thấy một con tàu đầu tiên đang từ từ tiến đến. Đó là con tàu đầu tiên và cũng là con tàu cuối cùng đã cập bến ở đây. Thực ra nó chỉ là một bê gỗ được hai mươi người đàn ông đi bộ dùng dây chão to cùng hò nhau kéo đi. Đứng ở cuối thuyền, với ánh mắt sáng đầy hào hửng, Hôsê Accađiô Sêgundô diều khiển chuyến đi tốn kém này. Cùng về với anh còn có một tốp gái làng chơi diêm dúa đội những chiếc ô lộng lẫy để che ánh nắng gay gạt, trên vai quàng những tấm khăn lụa quý giá mặt trét bự son phấn, đầu gài hoa, những con rắn vàng cuốn lấy cánh tay và hàm răng cấy hạt ngọc. Cái bè gỗ ấy là phương tiện giao thông duy nhất mà Hôsê Accađiô Sêgundô đã có thêm đẩy ngược dòng về tới Macôndô và cũng chỉ một lần ấy thôi. Nhưng sẽ không bao giờ anh chịu thừa nhận đó là sự thất bại của mình trong công việc khởi đầu, mà trái lại, lúc nào anh cũng tuyên bố đó là chiến tích của mình, là "một thắng lợi của ý nguyện". Anh trút lên vai em mình tất cả những tốn kém của chuyến đi được tính toán chi li. Cái duy nhất còn lại trong chuyến khởi đầu bất lợi này là luồng gió mới do những gái làng chơi theo mốt Pháp mang đến thị trấn. Nghệ thuật chiều đàn ông tuyệt vời của họ đã làm thay đổi lối chơi gái truyền thống, và ý nghĩa phúc lợi xã hội của nó đã đánh đổ tiệm bác

Catarinô, biến đường phố thành một cái chợ chung với những ngọn đèn pha kiểu Nhật Bản và những chiếc máy hát phát ra những bản nhạc buồn nhớ. Họ là động lực cổ vũ ngày hội Cacnavan dẫm máu từng dìm Macôndô trong sợ hãi liền ba ngày và kết quả duy nhất còn lại mãi mãi của nó là việc nó tạo điều kiện cho Aurêlianô Sêgundô làm quen với Phecnanđa đên Cacpiô. Rêmêđiôt - Người đẹp, dược chọn làm hoa hậu. Ucsula, từng run sợ trước sắc đẹp mê hồn của cô chất gái, không thể làm gì để ngăn cản việc tuyển chọn này. Cho đến tận lúc ấy cụ vẫn tìm mọi cách để không cho cô ra đường, nếu như không phải đi lễ mixa cùng với Amaranta, nhưng cụ buộc cô phải dùng tấm mạng đen che kín mặt. Những người đàn ông ít thành kính, những kẻ giả danh thày tu để làm lễ mixa bất kính ở tiệm bác Catarinô, đã đi nhà thờ với mục đích duy nhất để xem, dù chỉ một thoáng thôi, khuôn mặt của Rêmêđiôt - Người đẹp, mà sắc đẹp huyền thoại của nàng từng dược bàn tán sôi nổi khắp vùng đầm lầy. Chuyện ấy xảy ra khá lâu trước khi họ tìm được dịp là đối với họ cái dịp này còn quan trọng hơn, bởi vì rất nhiều người trong số họ sau khi chiêm ngưỡng nhan sắc của Rêmêđiôt - Người đẹp, đã không bao giờ lấy lại được giấc ngủ bình an. Con người đã có thể tạo nên dịp ấy là một kẻ lạ mặt, đã vĩnh viễn đánh mất cái thanh thản của tâm hồn mình, đã rơi vào tâm thể trầm tư mặc tưởng và đau khổ dễ bị kích động, và mấy năm sau đã bị tàu hoả nghiến nát vì ngủ quên trên đường ray. Ngay từ lúc người ta thấy mặt chàng tại nhà thờ mặc bộ quần áo nỉ trắng xanh thì không một ai nghi ngờ rằng chàng là người lạ mặt đã từ phương xa, có thể là một thành phố cổ xưa nào đó ở tít trong nội địa, tới đây do bị cám dỗ bởi sắc đẹp của Rêmêđiôt - Người đẹp. Chàng là một người rất

đẹp trai, hào hoa và nhã nhặn, thân thể cân xứng hài hoà đến mức nếu Piêtrô Crêspi ở bên cạnh chàng thì chỉ là một kẻ ốm yếu hom hem. Rất nhiều phụ nữ thì thầm với nhau trong lúc mỉm cười buồn bã rằng chàng là người xứng đáng với cô gái. Chàng không đi lại với ai ở Macôndô. Chàng có mặt vào lúc sáng sớm ngày chủ nhật, giống như một hoàng tử trong truyện cổ tích cưỡi trên lưng chú ngựa thắng bô yên nỉ và bàn đạp. Đó là tư thế hiện hữu của chàng, vì với tư thế đó ngay từ hồi đầu tiên thấy chàng trong nhà thờ tất cả mọi người đều đồng ý với nhau rằng đó là một đám tang thầm lặng và nặng nề, một cú giao kèo bí mật, một nỗi thất vọng ê chề mà kết quả của nó không thể là tình yêu giữa chàng và Rêmêđiôt - Người đẹp, mà phải là cõi chết. Đến lần thứ sáu có mặt ở nhà thờ vào các ngày chủ nhật chàng công tử xuất hiện tay cầm một bông hồng vàng. Chàng đứng nghe kinh mixa, như lâu nay chàng vẫn đứng như thế, rồi khi kết thúc lễ mixa chàng tiến lên chặn bước Rêmêđiôt - Người đẹp và tặng cô bông hồng đơn lẻ. Với vẻ tự nhiên cô nhận bông hoa, như thể cô đã được chuẩn bị sẵn để đón nhận sự dâng tặng ấy, rồi ngay lập tức, trong chớp mắt cô vén mạng để lộ khuôn mặt và mỉm cười cám ơn chàng. Đố là tất cả những gì cô gái làm. Nhưng cái phút chớp nhoáng ấy là một khoảnh khắc bất tử không những đối với chàng công tử mà còn đối với tất cả những người đàn ông có vinh hạnh được sống cái khoảnh khắc nhức nhối ấy.

Từ lúc đó, công từ lập ban nhạc ngay cạnh cửa sổ phòng Rêmêđiôt - Người đẹp, và đôi lúc ban nhạc chơi cho đến sáng hôm sau. Aurêlianô Sêgundô là người duy nhất đồng cảm với chàng, và định làm cho chàng tỉnh mộng. "Không nên mất thời gian thêm nữa", anh nói với chàng vào một đêm nọ. "Con gái nhà này còn ngu hơn cả lừa

đấy". Anh kết thân với chàng, mời chàng cùng tắm trong sâm banh, cố làm cho chàng hiểu rằng con gái nhà mình có "lòng dạ sắt đá" nhưng vẫn không lay chuyển được quyết tâm của chàng. Khó chịu trước những đêm nhạc kéo dài không dứt, ngài đại tá Aurêlianô Buênđya đã đe doạ dùng báng súng lục để chữa cho chàng cái bệnh tương tư.

Không gì có thể buộc chàng phải từ bỏ mối tình si ấy, ngoại trừ tình trạng loạn trí đáng thương của chính mình. Từ một người đàn ông hào hoa và đứng đắn, chàng trở nên xấu tính và rách rưới. Người ta đồn rằng chàng đã từ bỏ quyền lực và của cải ở quê hương xa xôi của mình, mặc dù trên thực tế không một ai biết đích xác nguồn gốc của chàng. Chàng trở nên người hay cãi vã người chạy bàn trong cái quán giải khát, và rồi một hôm thức dậy người đầm đìa cứt đái của chính mình ngay trong tiệm bác Catarinô. Điều đáng buồn nhất trong tấm thảm kịch của chàng là Rêmêđiôt - Người đẹp không bao giờ để ý đến chàng ngay cả khi chàng xuất hiện trong tư thế một hoàng tử ở nhà cô. Cô thản nhiên nhận bông hồng vàng không hề có ý xấu mà đúng hơn còn thích thú trước cử chỉ quá ư hào phóng của chàng, và cô vén tấm mạng lên cốt để nhìn rõ mặt chàng chứ đâu phải để chàng nhìn thấy mặt mình.

Thực ra, Rêmêđiôt - Người đẹp không phải là một người thuộc cõi thế tục này. Cho đến ngay khi cô đã quá tuổi dậy thì khá lâu rồi, Santa Sôphia đê la Piêđat vẫn còn phải tắm và mặc quần áo hầu cô, và ngay cả khi cô đã có ý thức về mình rồi bà vẫn cứ phải để mắt canh chừng kẻo cô lấy cứt mình vẽ những con vật lên tường nhà. Hai mươi tuổi đầu rồi mà cô vẫn chưa học đọc và học viết, vẫn chưa ngồi vào bàn ăn và tự dùng lấy thìa nĩa, vẫn cứ để truồng thỗn thện

đi lại trong nhà, bởi vì bản thể con người cô không chịu được bất cứ hình thức lễ nghi nào. Khi người chỉ huy trẻ tuổi của đội gác thổ lộ tình yêu với cô thì cô đã đơn giản cự tuyệt anh vì những lời nói nông nổi của anh khiến cô quá đỗi ngạc nhiên. "Bà thấy chưa, sao mà anh chàng ấy ngốc thế", cô nói với Amaranta. "Anh chàng bảo cháu là anh chàng đang chết vì cháu, làm như thể cháu là thứ bệnh thổ tả không bằng". Khi thấy anh ta quả nhiên chết bên cửa sổ phòng mình, Rêmêđiôt - Người đẹp dã khẳng đinh lại cảm giác lúc ban đầu của mình:

- Bà thấy chưa? - cô nói vẻ bình phẩm, - anh chàng quả là ngốc! Dường như có một sự thông minh sắc bén nào đó đã cho phép cô gái nhìn ra bản chất các sự vật ẩn sau bất kỳ hiện tượng nào. Theo cách nhìn của đại tá Aurêlianô Buênđya thì Rêmêđiôt - Người đẹp không phải là người chậm phát triển trí tuệ như người ta vẫn tưởng, mà hoàn toàn ngược lại. "Nó cứ như người vừa trở về sau hai mươi năm lăn lộn trong chiến tranh", ngài vẫn thường nói như vậy. Về phần mình, Ucsula cảm tạ Thượng đế vì Ngài đã thưởng cho gia đình cụ một cô gái cực kỳ trong trắng, nhưng đồng thời cụ lại lo âu trước sắc đẹp của nó, bởi vì cụ cho đó như là một lực lượng siêu nhiên đầy mâu thuẫn, một cạm bẫy của quỉ dữ nằm ngay giữa cái thiện chân. Vì thế mà cụ quyết chí tách cô ra khỏi cuộc sống, bảo vệ cô trước mọi ý muốn thế tục mà không hay rằng Rêmêđiôt - Người đẹp, đã được miễn dịch trước mọi thói xấu của con người ngay từ trong bụng mẹ. Chưa bao giờ cụ nghĩ rằng người ta sẽ chọn cô chắt gái của mình lầm hoa hậu ngự trị nơi trung tâm vũ hội Cacnavan. Nhưng Aurêlianô Sêgunđô, rất thích thú được trá hình con hổ, đã mời cha Antôniô Isaben về nhà để thuyết phức cố nội mình rằng vũ

hội Cacnavan không phải là một ngày hội đa thần giáo mà là ngày hội truyền thống của đạo Thiên Chúa. Cuối cùng tuy vẫn còn hậm hực cụ phải nghe theo lời cha xứ đồng ý để người ta phong hoa hậu cho cô chắt gái.

Tin đồn rằng Rêmêđiôt Buênđya sẽ làm chủ ngày hội đã lan đi khắp vùng đồng lầy, bay tới tận những hang cùng ngõ hẻm vốn là nơi sắc đẹp lừng danh của cô vẫn chưa được biết tới và nó gây nên nỗi lo lắng cho những ai đến lúc này còn nghĩ rằng tên họ của cô là biểu tượng cho sự bại hoại. Đó là một nỗi lo không có cơ sở. Nếu có ai trong lúc đó không còn đáng lo ngại nữa thì người đó là ngài đại tá Aurêlianô Buênđya, một cụ già buồn bã, ngày một để mất dần mối liên hệ giữa mình với thực tại đất nước. Giam mình trong xưởng kim hoàn, mối liên hệ duy nhất của ngài với bên ngoài chính là việc buôn bán những chú cá vàng. Một trong số những người lính từng canh gác ngôi nhà đại tá khi hoà bình mới lập lại, ngày ngày đi tới các làng lân cận bán cá vàng và trở về nhà khuân theo tiền vàng và tin tức. Có tin nói rằng chính phái Bảo hoàng được sự giúp đỡ của phái Tự do đã làm lại luật pháp để mỗi vị Tổng thống có quyền ở ngôi trong khoảng trăm năm. Có tin nói rằng một bản thoả ước với toà thánh Vatican đã được ký kết và nói rằng một vị Hồng y Giáo chủ đội vương miện lấp lánh kim cương, cưỡi trên một ngai bằng vàng cũng đã từ thành Rôm đến và các vị bộ trưởng thuộc phái Tự do đã cho chụp ảnh buổi lễ họ quỳ gối hôn lên chiếc nhẫn của ngài. Có tin nói rằng cô đào cảnh của một gánh hát Tây Ban Nha, trong đêm nghỉ lại ở thủ đô, đã bị một toán người đeo mặt nạ bắt cóc ngay trong phòng ngủ và ngay ngày chủ nhật cô ta đã khoả thân khiêu vũ ở nhà nghỉ mát của ngài Tổng thống nước Cộng hoà. "Chớ có nói chuyện chính

trị với ta?", ngài đại tá nói với người lính. "Vấn đề của chúng ta là bán cá vàng". Lời đồn đại nói rằng sở dĩ ngài đại tá không muốn hay biết gì về hoàn cảnh đất nước lã vì ngài đã làm giàu nhờ xưởng kim hoàn của mình, khi đến tai Ucsula đã khiến cụ phải bật cười với cảm quan thực tế rất sắc nhậy của mình, cụ không thể hiểu được công việc kinh doanh của ngài đại tá hết đổi những con cá vàng lấy những đồng tiền vàng, để rồi sau đó lại biến những đồng tiền vàng thành những con cá vàng và cứ như thế luân hồi mãi theo cách thức: càng phải lao động nhiều hơn khi bán được nhiều hơn để thoả mãn cái vòng luẩn quẩn vô vọng.

Quả thế thực, đối với ngài đại tá điều khiến ngài thích thú không phải là kinh doanh mà là lao động. Ngài phải tập trung tâm tưởng đến cao độ để xếp các vảy, để khảm con ngươi vàng bé tí hin vào đôi mắt, để dát mỏng các vảy trước vây sau, để cắm đuôi cho con cá, mà do đó trong tâm tưởng ngài không có chỗ trống để cho nỗi thất vọng vì chiến tranh lẩn vào. Cái nghề nghiệp kỳ khu tỉ mẩn đòi hỏi ngài phải dốc hết trí lực đã làm cho ngài già khọm đi rất nhanh, nhanh hơn tất cả những năm tháng chinh chiến gian lao cộng lại, tư thế ngồi làm việc đã vặn cong sống lưng ngài và con ngươi mắt ngài đã mờ đi mất hết sức nhìn, nhưng sự tập trung tư tưởng cao độ trong công việc đã trọng thưởng ngài, cho ngài một tinh thần thanh thản. Lần cuối cùng người ta thấy ngài quan tâm tới một vài vấn đề có liên quan đến chiến tranh, ấy là khi các cựu chiến binh của cả hai chính đảng đã cầu viện sự giúp đỡ của ngài để đòi chính phủ phải thông qua lương hưu chiến tranh, một thứ lương luôn luôn được hứa hẹn nhưng cũng luôn luôn ở tình trạng mới khởi sự công việc. "Các ngài hãy quên quách nó đi", ngài nói với họ. "Các ngài thấy đấy, ta đã từ chối nó để

tránh phải đau khổ trong mỏi mòn trông đợi cho đến chết". Lúc đầu, đại tá Hêrinêndô Mackêt đến thăm ngài vào tất cả các buổi chiều, cả hai ngồi ở cửa nhìn ra đường để cùng nhớ lại quá khứ của mình. Nhưng Amaranta lại đau khổ không thể ghìm được những kỷ niệm xưa được gợi lại do chính người đàn ông mệt mỏi mà cái đầu hói của ông ta đã đẩy ông ta vào vực sâu của sự già trước tuổi, và do đó bà đã làm khổ ngài bằng những cái không đâu, cho đến khi ngài chỉ đến chơi nhà vào những dịp đặc biệt rồi thì không đến nữa vì bệnh bại liệt buộc ngài phải nằm yên một chỗ. Lầm lỳ, lặng lẽ, không hề nhận ra luồng gió mới đầy sinh khí đang lộng thổi trong nhà mình, ngài đại tá Aurêlianô Buênđya hầu như mới chỉ lùểu được rằng cái bí mật của một tuổi già bình yên không phải là cái gì khác mà chính là sự gắn bó sâu sắc với cái cô đơn. Ngài thức dậy vào lúc năm giờ sáng sau khi ngủ giấc ngủ chập chờn, uống tách cà phê không đường vốn gắn với cả đời ngài, sau đó tự giam mình trong xưởng kim hoàn, rồi đến bốn giờ chiều, ngài kéo lê chiếc ghế đẩu đi dọc theo hành lang mà không hề nhìn vườn hồng đỏ rực hoa, không hề để ý tới vẻ kiên nhẫn đầy nghị lực của Amaranta mà mỗi buồn của bà đang dõi theo một tiếng động kêu u u được cảm nhận vào lúc chiều xuống, rồi ngài ngồi ở trước cửa nhìn ra đường cho tới khi muỗi đốt dữ dội mới thôi. Đôi lúc có người nào đó dám làm khuấy động nỗi cô đơn của ngài.
- Có khoẻ không, ngài đại tá? - họ hỏi ngài khi đi qua.
- Vẫn thế, - ngài trả lời. - Tôi đang đợi đám tang của mình đến.
Vậy là nỗi lo ngại được gây nên bởi sự xuất hiện lại một cách công khai của họ Buênđya qua việc phong hoa hậu cho Rêmêđiôt - Người đẹp đã mất đi những cơ sở thực tiễn của nó.

Tuy nhiên, rất nhiều người không tin như vậy. Ngây thơ trước thảm hoạ đe doạ mình, dân chúng đổ xô về quảng trường lớn trong niềm vin ồn ào khôn xiết. Vũ hội Cacnavan đã đạt tới đỉnh cao cuồng nhiệt, còn Aurêlianô Sêgundô thoả chí với việc mình giả dạng con hổ, và anh sung sướng đi giữa đám đông tự buông thả, mà gào mà hát tới khản cả cổ họng. Ngay khi đó, trên con đường từ đầm lầy dẫn vào thị trấn xuất hiện một đoàn người giả trang đủ màu đủ vẻ, rước cỗ kiệu thếp vàng trên đó có một cô gái đẹp lộng lẫy đến mức người ta không dám nghĩ tới.

Những cư dân hiền lành của thị trấn Macôndô cùng một lúc gỡ bỏ mặt nạ để có thể nhìn rõ hơn cô gái lộng lẫy trong chiến vương miện gài ngọc bích và chiếc áo khoác bằng lông điểu thử, dường như cô là một hoàng hậu đích thực chứ không phải là một hoa hậu trong vũ hội giả trang Cacnavan. Không thiếu người có lý trì sáng suốt đủ để nghi ngờ rằng đoàn người đó đang định khiêu khích. Nhưng Aurêlianô Sêgundô đã ngay lập tức vượt qua được tình trạng rắc rối phức tạp này, và anh tuyên bố rằng những kẻ mới đến là khách mời danh dự, rồi anh trịnh trọng đặt Rêmêđiôt - Người đẹp và hoàng hậu đóng giả cùng ngồi trên đài cao. Đến nửa đêm, những người lạ mặt giả trang người Bơđuyn(2) tham gia các trò vui ngây ngất của đêm hội và họ đã khiến trò vui thêm phong phú hơn với thuật hoả công rực rỡ và cả các trò ảo thuật leo dây khiến mọi người nghĩ đến các trò chơi màu nhiệm của người digan. Bỗng nhiên, trong lúc đêm hội đang náo

nhiệt nhất, có một người nào đó đã phá vỡ không khí hội hè đầm ấm. - Đảng Tự do muôn năm! - anh ta hô. - Đại tá Aurêlianô Buênđya muôn năm!

Những tràng súng nổ đã dập tắt ánh sáng rực rỡ muôn màu của pháo hoa, những tiếng kêu thất thanh đầy hoảng sợ đã bóp nghẹt âm nhạc rộn ràng, và nỗi sợ hãi đã xua tan niềm vui. Nhiều năm sau này dư luận vẫn tiếp tục khẳng định rằng đội lính hoàng gia bảo vệ hoàng hậu đóng giả là một trung đội lính thường trực từng giấu vũ khí thông thường bên dưới bộ áo đẹp đẽ của người Bơđuyn. Trong một thông cáo đặc biệt chính phủ phản đối dư luận trên và hứa sẽ tiến hành điều tra dứt khoát vụ đổ máu này. Nhưng sự thật chẳng bao giờ được làm sáng tỏ, còn lời giải thích rằng đội cận vệ hoàng gia không hề có biểu hiện khiêu khích nào, đã tác chiến theo mệnh lệnh của viên chỉ huy và đã nổ súng không thương tiếc vào đám đông thì vẫn dai dẳng tồn tại mãi. Khi trật tự được lặp lại, cả thị trấn này không còn bóng dáng một người Bơđuyn giả dạng nào, trên quảng trường còn lại những kẻ bị thương và những xác chết, trong đó có ba thằng hề, bốn người đóng vai Côlông, mười bảy hoàng đế, một con quỷ, ba nhạc công, ba hoàng hậu Nhật Bản. Trong lúc hỗn độn đầy hoảng sợ, Hôsê Accađiô Sêgunđô đã kịp cứu thoát Rêmêđiôt - Người đẹp, và Aurêlianô Sêgunđô kịp ôm lấy cô gái đóng giả hoàng hậu với quần áo xộc xệch, chiếc áo khoác lông điểu thử đẫm máu để chạy trốn. Cô gái tên là Phecnanđa đên Cacpiô. Người ta đã chọn cô trong số năm ngàn cô gái đẹp nhất nước và mang cô đến Macôndô với lời hứa sẽ phong cô là hoàng hậu xứ Mađagasca. Ucsula chăm sóc cô như chăm sóc con gái mình. Dân làng, đáng lẽ sẽ hoài nghi vẻ ngây thơ của cô thì lại thương hại đức

tính chân thực của cô gái. Sáu tháng sau vụ thảm sát, khi những người bị thương đã bình phục hẳn và những bông hoa cuối cùng để ở mộ chung đã héo, Aurêlianô Sêgundô đã đi tìm cô ở một thành phố xa xăm, nơi cô đang sống với cha mình, rồi sau đó cưới cô ở thị trấn Macôndô trong một tiệc vui ồn ĩ kéo suốt hai mươi ngày.

Chú thích:

(1) El Cachorro, tiếng Tây Ban Nha, nghĩa: Cáo con.
(2) Người A-rập du cư thường sống ở nước họ hoặc sông rải rác ở Syri hoặc ở Châu Phi xích đạo

Chương 11

Sau hai tháng, vợ chồng họ xuýt nữa bỏ nhau vì Aurêlianô Sêgundô chụp cho Pêtra Côtêt một bức chân dung vận xiêm y hoàng hậu xứ Mađagasca để an ủi ả. Khi biết chuyện, Phecnanđa đã thu xếp quần áo cô dâu nới và bỏ Macôndô ra di không một lời từ biệt anh. Aurêlianô Sêgundô theo kịp nàng ở trên đường đồng lầy. Sau khi van xin và hứa hẹn sẽ tu tỉnh, anh đưa được nàng trở lại nhà mình và không lui tới nhà nhân tình nữa.
Pêtra Côtêt tin tưởng ở sức hấp dẫn của mình, không hề bối rối. Ả đã làm cho anh thành người đàn ông. Ngay từ lúc anh còn là một cậu bé choai choai, trong đầu chứa chất toàn những ý nghĩ viển vông và không hề hiểu biết cuộc sống, ả đã lôi anh ra khỏi phòng Menkyađêt, cho anh một chỗ đứng trong cuộc đời thực. Tạo hoá cho anh bản tính trầm lắng và kiêu ngạo, hay suy tư cô đơn, còn ả đã rèn cho anh tính cách quật khởi, mạnh mẽ, cởi mở và hoang toàng, đã truyền cho anh niềm vui cuộc sống, niềm vui hội hè và xài phí; do đó đã biến anh từ tâm hồn đến diện mạo bên ngoài thành một người đàn ông đúng như ả từng mơ ước khi còn là con gái đang thì. Anh đã cưới

vợ, bởi vì cũng như con cái, sớm hay muộn rồi chúng nó cũng phải lấy vợ, lấy chồng. Anh không dám sớm cho thị biết tin. Anh cố giữ thái độ ngây thơ trước việc tự mình nổi giận vô cớ hay vờ ra vẻ đau khổ cốt làm sao cho Pêtra Côtêt sẽ là kẻ gây ra sự ly tán giữa hai người. Có một ngày Aurêlianô Sêgundô mắng mỏ ả một cách vô lý. Hiểu ngay mưu đồ của anh, ả lập tức nói toạc móng heo:
- Chẳng qua là anh muốn lấy cô hoa hậu ấy mà.
Aurêlianô Sêgundô, xấu hổ lắm, giả vờ giận dữ một hồi, nói toáng lên rằng mình bị hiểu lầm và bị làm nhục, rồi từ đó không lui tới với ả nữa. Lúc nào cũng làm chủ bản thân, một sự tự chủ tuyệt vời, Pêtra Côtêt lắng nghe âm nhạc, và pháo mừng đám cưới, lắng nghe tiếng ồn ào, cuồng nhiệt trong cuộc vui chung, như thể tất cả những thứ đó chỉ là một trò ma mãnh mới của Aurêlianô Sêgundô. Đối với những kẻ tỏ vẻ thương hại cho số phận của ả, ả trấn an họ bằng nụ cười: "Các bác đừng ngại", ả nói với họ, "Ngữ hoa hậu ấy chỉ là thứ để tôi sai vặt thôi". Với cô hàng xóm mang đến cho ả những cặp nến kép để soi tỏ bức chân dung người tình đã bỏ mình, thì ả nói một cách chắc nịch đầy bí hiểm:
- Cây nến duy nhất khiến anh ấy trở lại sẽ luôn luôn cháy sáng.
Như ả đã thấy trước, Aurêlianô Sêgundô trở lại nhà ả ngay sau khi tuần trăng mật kết thúc. Anh kéo theo những người bạn cố tri của mình và một bác phó nháy mang theo bộ quần áo và chiếc áo khoác lông điểu thử mà Phecnanđa đã mặc trong vũ hội Cacnavan. Trong không khí vui vẻ như ngày hội kéo suốt buổi chiều ấy, anh khoác cho Pêtra Côtêt xiêm y hoàng hậu, đội cho ả chiếc vương miện hoàng hậu xứ Mađagasca, chụp ảnh rồi phân phát chân dung ả cho eáe bạn hữu. Ả không chỉ phụ hoạ vào trò chơi mà còn động lòng thương

hại anh vì nghĩ rằng chắc hẳn anh đã phải hất hoảng lắm nên mới nghĩ ra thủ đoạn làm lành lạ lùng này. Vào lúc bảy giờ tối, tuy vẫn còn mặc xiêm y hoàng hậu, ả đã tiếp anh trên giường. Anh mới cưới vợ chưa chầy vài tháng, nhưng ả đã nhận thấy ngay rằng vợ chồng họ không được hoà thuận ngay ở trên giường cưới và ả sướng như điên vì thấy sự trả thù của mình đã được thực hiện trọn vẹn. Tuy nhiên, hai ngày sau, khi anh không những không dám trở lại nhà ả mà còn nhờ một người trung gian đến giải quyết nốt các điều khoản chia ly, thì ả hiểu rằng sẽ cần phải điềm tĩnh hơn và rằng dường như anh đã sẵn sàng quyết chí chạy theo cái mẽ hào nhoáng bên ngoài ấy. Ả cũng không bực dọc. Ả lại thuận theo mọi đòi hỏi của anh, làm cho mọi người thực lòng tin rằng ả là người đàn bà đau khổ. Vật kỷ niệm duy nhất của Aurêlianô Sêgundô ả còn giữ được là đôi ủng màu be mà theo đúng như lời anh nói, anh sẽ mang chúng khi được liệm vào quan tài. Ả cuộn chúng trong tấm vải và giấu kĩ ở dưới đáy rương, rồi lại chờ đợi, chờ đợi một cách đầy hy vọng.
- Sớm hay muộn thế nào anh ấy cũng phải trở lại, - ả nói với chính mình, - dù chỉ để đi đôi ủng này.
Ả không cần phải đợi lâu như từng dự đoán trước. Thực ra, Aurêlianô Sêgundô, ngay từ đêm tân hôn, đã hiểu rằng mình sẽ trở lại nhà Pêtra Côtêt sớm hơn rất nhiều trước khi cần phải đi đôi ủng màu be, vì Phecnanđa là một người đàn bà lạc loài trong cuộc đời này. Nàng đã sinh ra và lớn lên ở một nơi xa biển hàng ngàn kilômét, một thành phố buồn thê lương với những đêm đầy sợ hãi vang lên tiếng bánh xe lọc cọc của các bậc phó vương trên những con đường đá gồ ghề. Ba mươi hai tháp chuông cùng đổ hồi vào lúc sáu giờ chiều một cách thê lương, chết chóc. Không bao giờ nắng chiếu vào

ngôi nhà cổ kính lát đá. Gió tắt lịm trên đỉnh những cây bá ở ngoài sân, trên những tấm màn gió đã úa màu trong các phòng, trên mái vòm giao nhau của những cáy cam tùng ở ngoài vườn. Ngay khi đã ở tuổi dậy thì, Phecnanđa vẫn không hay biết gì về cuộc đời ngoài những bản nhạc tập pianô buồn bã nhớ nhung, do một người nào đó được phép không ngủ trưa chơi bên nhà hàng xóm. Ngồi trong căn phòng của bà mẹ ốm yếu da xanh mái đi trong ánh sáng lọc qua những tấm kính mờ bụi; nàng nghe những cung bậc thứ tự, rền rĩ, buồn bã và nghĩ rằng âm nhạc ấy hiện hữu trong cuộc đời, trong lúc nàng mải mê tết những chiếc mũ tang bằng lá cây palma. Mẹ nàng, sốt đổ mồ hôi vào lúc năm giờ chiều, kể cho nàng nghe thời huy hoàng đã qua. Có một đêm trăng, khi còn nhỏ tuổi, Phecnanđa nhìn thảy bóng một người đàn bà vận đồ trắng đi từ vườn hoa vào phòng cầu kinh. Cái bóng vừa lướt qua quá nhanh ấy đã làm nàng lo lắng chính là vì nàng cảm thấy nó giống hệt mình, cứ như thể đó là bóng dáng mình trong khoảng hai mươi năm sau. "Đó là bà hoàng hậu cố nội con đấy", mẹ nàng nói trong lúc cơn ho diu đi, "Cụ chết vì ngộ gió khi chặt một cành cam tùng". Rất nhiều năm sau, khi cảm thấy mình giống hệt cụ cố nội mình, Phecnanđa đâm ra nghi ngờ bóng ma mình nhìn thấy hồi còn nhỏ, nhưng mẹ nàng đã mắng nàng về tội thiếu đức tin.

- Chúng ta vốn giàu có và có thế lực mạnh mẽ vô cùng, bà nói với nàng. - Rồi con sẽ là hoàng hậu mà.

Nàng tin điều đó mặc dù gia đình nàng hiện chỉ làm chủ một chiếc bàn ăn dài có đủ khăn và đồ dùng ăn uống bằng bạc, và cái bàn này chỉ được dùng để ăn bánh ngọt và uống nước sôcôla. Ngay đến ngày làm lễ thành hôn, nàng vẫn mơ thời làm vua. Huyền thoại ấy

dẫu rằng cha nàng, đông Phecnanđô đã buộc phải cầm cố ngôi nhà để lấy tiền may sắm đồ cưới cho nàng. Không quá ngây thơ cũng chẳng hợm mình về danh giá gia đình, người ta đã giáo dưỡng nàng như thế đấy. Ngay từ thuở mới hiểu biết chút ít, nàng còn nhớ mình vẫn được ngồi trên chiếc bô bằng vàng có khắc gia huy dòng họ mình để ì đái. Lần đầu tiên bước ra khỏi nhà là lúc nàng đã mười hai tuổi, ch trên một chiếc xe ngựa chỉ cần chạy qua hai ô phố để đến tu viện.

Những cô bạn cùng lớp đều ngạc nhiên rằng người ta tách riêng nàng ra, cho nàng ngồi trên một chiếc ghế dựa rất cao, và rằng ngay cả trong lúc vui chơi nàng cũng không chơi chung với họ. "Cô ấy rất khác đấy", các nữ tu sĩ giải thích cho họ, "Cô ấy sẽ là hoàng hậu đấy". Các bạn gái của nàng tin điều đó, bởi vì ngay từ lúc ấy nàng đã là một cô gái xinh đẹp, khác thường và kín đáo nhất. Tám năm sau, sau khi đã học làm thơ bằng chữ Latinh, đã học chơi đàn clavơxanh(1) học đàm đạo với các công tử về nghề nuôi chim ưng, với các dực Giám mục về môn thần học chuyên biện giải cho tôn giáo, học tranh luận với các chính khách ngoại quốc về các vấn đề nhà nước và với Giáo hoàng về các vấn đề của Thượng đế, nàng trở về nhà cha mẹ mình để lại tết những chiếc mũ tang bằng lá cây palma. Nàng thấy nhà mình quang sạch đồ đạc. Hầu như chỉ còn những giường tủ không có giá trị, các ngọn đèn chùm, và bộ đồ ăn bằng bạc, bởi vì những đồ dùng có giá trị đều bị bán dần bán mòn để lấy tiền trang trải các khoản chi phí cho việc dạy dỗ nàng. Mẹ nàng đã từ trần vì cơn sốt lúc năm giờ chiều. Cha nàng, đông Phecnanđô, mặc đồ đen, với áo cổ cồn và một chiếc xà tích vàng vắt chéo ngang ngực, vào các ngày thứ hai đưa cho nàng một đồng tiền bạc để chi

dùng ăn uống, rồi cụ mang đi những chiếc mũ tang tết lá cây palma vừa làm xong tuần trước. Phần lớn buổi ban ngày cụ ở lì trong phòng riêng, và trong những dịp hiếm hoi cụ mới đi ra ngoài đường cái nhưng lại vội trở về nhà trước lúc sáu giờ tối để cùng nàng đọc kinh Rôsariô. Không bao giờ chơi thân với một ai. Không bao giờ nghe nói về những cuộc nội chiến đang làm tổn thương đất nước. Không bao giờ bỏ nghe các buổi tập đàn pianô vào lúc ba giờ chiều. Vào lúc nàng bắt đầu vỡ mộng mình sẽ là hoàng hậu thì ở ngoài cửa chính vang lên tiếng vồ gọi cửa nện khẩn cấp, nàng vội mở cửa cho một quân nhân bảnh bao, điệu bộ khoan thai, trên má mang một vết sẹo và trên ngực gài tấm huy chương vàng. ông ta vào đàm đạo ở phòng riêng với cha nàng. Hai giờ sau, cha nàng đến phòng máy may tìm nàng. "Con hãy chuẩn bị đồ đạc của mình đi", cụ nói với nàng "Con cần phải đi xa". Nàng bị mang đến Macôndô như thế đấy. Chỉ trong một ngày thôi, cuộc đời đã trút xuống đầu nàng tất cả sức nặng của một thực tế mà trong nhiều năm cha mẹ cố tình tránh cho nàng. Từ khi trở về nhà, nàng đóng kín cửa, ở trong phòng khóc, bất chấp những lời van xin và giải thích của đông Phecnandô, để xoá đi vết nhục cháy bỏng thành sẹo trên da mình. Nàng vừa tự nhủ lòng sẽ không ra khỏi phòng cho đến khi chết thì cũng vừa hay Aurêlianô Sêgundô đến nhà tìm nàng. Đó là một vận may không thể dự tính trước được, bởi vì trong lúc hoang mang vì tức giận, trong lúc điên tiết vì xấu hổ, nàng đã nói dối anh để không bao giờ anh lần ra được tông tích đích thực của mình. Nhưng dấu vết thực tế duy nhất để Aurêlianô Sêgundô lần mò theo khi đi tìm nàng là lối nói vùng thảo nguyên không trộn lẫn được và nghề tết mũ tang bằng lá cây palma của nàng. Anh nhẫn nại tìm nàng với quyết

tâm lớn mà cụ Hôsê Accađiô Buênđya đã sử dụng để vượt núi thành lập làng Macôndô, với lòng tự hào mù quáng mà đại tá Aurêlianô Buênđya sử dụng để khơi dậy các cuộc chiến tranh vô bổ, với lòng kiên trì rồ dại mà Ucsula đùng để khẳng định sự trường tồn của dòng họ mình. Aurêlianô Sêgunđô đã đi tìm Phecnanđa như thế đấy mà không lúc nào anh tỏ ra chán nản. Khi anh hỏi ở đâu có bán mũ tang tết bằng lá cây palma thì mọi người dẫn anh về nhà họ để chọn những chiếc mũ đẹp nhất. Khi anh hỏi cô gái đẹp nhất trên mặt đất này ở đâu thì các bà mẹ lập tức đưa anh đi xem mặt con gái mình. Anh lạc lối trên những ngọn đèo mây phủ, trong những vùng bị lãng quên, và trong mớ bòng bong của sự thất vọng. Anh đã vượt qua một cao nguyên vàng úa nơi chỉ có tiếng vọng o o lắp lại những suy tưởng và chỉ có cơn khát làm mờ mắt. Sau nhiều tuần kham khổ, anh đã tới được một thành phố xa lạ mà ở đấy tất cả các tháp chuông đều dỗ hồi thê thảm. Dù chưa từng nhìn thấy, cũng chưa từng nghe ai miêu tả, anh đã nhận ra ngay những bức tường thành lở lói vì gió sương mang hơi mặn của xương người táp vào, nhận ra ngay những ban công gỗ ọp ẹp vì mọt đục khoét lâu ngày, nhận ra ngay tấm biển quảng cáo ở đây bán mũ tang, mà chữ viết của nó đã nhom đi trên tấm bìa các tông cũ. Kể từ lúc anh đến cho tới buổi sáng Phecnanđa để lại ngôi nhà cho Đức mẹ Toàn năng trông nom, lúc nào anh và nàng cũng tất bật đến mức hầu như không đủ thời gian cho các cô nữ tu sĩ kịp may bộ đồ cô dâu. Họ bận rộn lo nhét những ngọn đèn chùm, những bộ đồ ăn bằng bạc, và những thứ vô dụng nhiều vô kể của cái gia đình quý tộc đã khánh kiệt từng tồn tại hai thế kỷ này vào sáu chiếc thùng lớn. Đông Phecnanđô từ chối lời mời cùng đi với họ. Cụ hứa sẽ đi khi nào đã hoàn thành các lời hứa của mình. Kể từ lúc

cúi mình làm dấu ban phức cho con gái, cụ lại đóng kín cửa để ở lý trong phòng, viết thư bằng thơ có kèm theo những hình trang trí bi thương và con dấu gia huy, vốn là những thứ qua đó Phecnanđa và cha nàng có quan hệ trực tiếp với đời thường. Đối với Phecnanđa, ngày ấy là ngày sinh đích thực của nàng. Đối với Aurêlianô Sêgunđô, ngày ấy là ngày mở đầu đồng thời là ngày kết thúc hạnh phúc của anh.

Phecnanđa mang theo mình một cuốn lịch quý và một chùm thìa khoá mạ vàng trong đó vị cha cố làm thầy giáo của nàng đã dùng mực luôn tươi màu đánh dấu những ngày kiêng nhập phòng. Nếu không kể tuần lễ Thánh, những ngày chủ nhật, những ngày buộc phải nghe kinh mixa, những ngày thứ sáu đầu tiên của một tháng, những ngày tế thần và những ngày hành kinh, là những ngày nhất thiết phải kiêng cữ, cuốn lịch bổ ích của nàng chỉ còn lại bốn mươi hai ngày được tự do nằm rải rác trong tấm mạng nhện những dấu gạch chữ thập còn tươi màu mực. Aurêlianô Sêgunđô cho rằng thời gian sẽ quật đổ bức rào trở ngại đó, đã kéo dài tiệc cưới quá thời gian quy định. Mệt mỏi vì còn phải sai đổ vỏ chai rượu Brandy và rượu sâm banh ra thùng rác để ngôi nhà được gọn gàng, và đồng thời tò mò thấy rằng cô dâu chú rể đã không đi ngủ cùng một giờ lại còn ngủ tại hai phòng biệt lập trong lúc pháo vẫn nổ, nhạc vẫn cử, gia súc vẫn bị giết, Ucsula nhớ lại kinh nghiệm sống của chính mình và tự hỏi không biết có phải Phecnanđa cũng thắt chiếc thắt lưng trinh tiết mà sớm hay muộn sẽ gây nên những lời bình phẩm độc địa của dân làng và là cội nguồn của tấn bi kịch hay không. Nhưng Phecnanđa đã thú nhận với cụ rằng nàng chỉ phải đợi qua hai tuần trước khi được phép ăn nằm lần đầu tiên với chồng mình. Quả

nhiên hai tuần qua đi, nàng mở cửa phòng mình trong sự nhượng bộ bắt buộc của một nạn nhân bị trừng phạt, và Aurêlianô Sêgundô đã nhìn thấy người đàn bà đẹp nhất trần gian với đôi mắt rực vẻ kiêu hãnh của con vật hoảng sợ và những mớ tóc vàng màu đồng xoã trên gối. Anh sung sướng quá trước hình ảnh ấy đến mức một lúc sau mới nhận ra rằng Phecnanđa đã vận chiếc áo ngủ trắng muốt, che kín mắt cá chân và chùm cả mu bàn tay, ở ngang bụng mở một cửa mở to và tròn, được thêu viền cẩn thận. Aurêlianô Sêgundô không thể kìm được một chuỗi cười giòn giã.
- Ôi, cái này còn khêu gợi hơn cả những cảnh anh từng nhìn thấy - anh gào, với tiếng cười khanh khách rền vang cả nhà. - Anh đã cưới một nữ tu dòng Xanh Vanh xanh đơ Pôn.
Một tháng sau, vì không làm sao thuyết phục được vợ mình cởi chiếc áo ngủ ấy, anh đã mò đến nhà Pêtra Côtêt để chụp cho ả bức ảnh vận xiêm y của nữ hoàng. Sau đó, khi anh thuyết phục được Phecnanđa thôi không bỏ về quê nữa để trở lại nhà mình, nàng đã nhượng bộ trước những yêu cầu làm lành tha thiết của anh, nhưng anh vẫn không biết cách sắp đặt việc nghỉ ngơi theo đúng như điều anh mơ ước khi đến thành phố ba mươi hai tháp chuông để tìm nàng. Aurêlianô Sêgundô chỉ tìm thấy ở nàng một ý vị chán nản. Có một đêm, trước khi sinh cậu con trai đầu lòng ít bữa, Phecnanđa biết rằng chồng mình đã bí mật trở lại nằm cùng giường với Pêtra Côtêt.
- Đúng thế đấy, - anh thú nhận. Rồi bằng một giọng nhượng bộ, anh giải thích: - Anh cần phải hành động như vậy để cho đàn gia súc của ta tiếp tục sinh sôi nảy nở nhiều hơn nữa.
Anh không mất nhiều thời gian để thuyết phục nàng về biện pháp lạ lùng ấy, nhưng khi anh đã thuyết phục được nàng bằng những

chứng cứ dường như không thể bác bỏ thì điều kiện duy nhất mà Phecnanđa buộc anh phải hứa là không được để cho thần chết túm được mình ngay trên giường của tình nhân. Ba người sống vòi nhau như thế, không ai đả động đến ai. Aurêlianô Sêgunđô âu yếm và đúng hẹn với cả hai, Pêtra Côtêt hả lòng hả dạ với sự hoà thuận, còn Phecnanđa giả vờ không biết sự thật.

Tuy nhiên, sự hoà thuận lại không đạt được trong gia đình: Phecnanđa không sống hoà mình với mọi người. Ucsula cố sức la mắng để nàng ném đi cái khăn nỉ mà nàng dùng lót giường mỗi khi chung đụng với chồng rồi sau đó lại quàng lên vai và chính chiếc khăn này đã gây nên bao lời nhỏ to bàn tán của dân làng nhưng nàng vẫn không chịu ném nó đi. Cụ không tài nào thuyết phục nổi nàng khi nào cần ị đái thì đi vào. cầu tiêu và bán quánh chiếc bô bằng vàng cho đại tá Aurêlianô Buênđya để ngài làm những con cá vàng. Amaranta khó chịu trước cách nói năng thô bạo và thói quen gọi sai tên sự vật của nàng nên bà cũng thường xuyên nói lóng trước mặt nàng.

Có một ngày, cáu tiết trước lời báng bổ, Phecnanđa muốn biết Amaranta nói gì và bà này không dùng lối nói văn hoa bóng gió, đã trả lời nàng:

- Tao bảo, - bà nói, - rằng cháu là một trong những cô gái tôm đội cứt lên đầu.

Kể từ ngày đó hai người không nói chuyện với nhau. Khi bất đắc dĩ phải nói với nhau điều gì thì họ nhắn qua người khác hoặc nói một cách gián tiếp. Phớt lờ trước nỗi khó chịu của người nhà, Phecnanđa vẫn không từ bỏ ý định sắp đặt thói quen cho các bậc bề trên. Nàng đã quyết định bỏ lệ ăn cơm ở nhà bếp mà ai đói cứ việc đi ăn như

trước đây, buộc mọi người phải ăn cơm vào đúng giờ quy định tại phòng ăn, phải ngồi vào bàn ăn lớn đã dọn dẹp tinh tươm có khăn lau, đèn chùm, đồ ăn bằng bạc. Tính chất nghiêm trang của cái việc vốn vẫn được Ucsula coi là một việc giản dị nhất của đời thường, đã tạo nên một không khí căng thẳng khiến Hôsê Accađiô Sêgunđô lầm lì đã là người đầu tiên chống lại nó. Nhưng thói quen vẫn cứ được thiết lập, chẳng hạn như thói quen cầu kinh Rôsariô trước khi ăn bữa tối và chính nó đã làm cho hàng xóm phải để ý và gây nên lời đồn rằng: nhà Buênđya không ngồi vào bàn ăn như mọi gia đình mà trái lại đã biến bữa ăn tối thành một buổi lễ mixa trang trọng. Ngay đến những niềm tin tôn giáo của Ucsula, nảy sinh từ hy vọng chốc lát của cụ hơn là từ truyền thống, cũng bắt đầu mâu thuẫn với những tín điều mà Phecnanđa đã thừa hưởng của cha mẹ. Trong lúc Ucsula còn chắc chân mạnh tay, thì một số tục lệ cổ vẫn còn được duy trì và cuộc sống gia đình vẫn tuân theo những cảm nhận tinh tế của cụ, nhưng từ khi cụ bị loà và sức nặng tuổi già buộc cụ phải ngồi yên một xó, thì cái vòng cương toả được Phecnanđa khởi xướng ngay từ khi nàng mới về nhà chồng đã hoàn toàn khép kín lại và không một ai ngoài nàng quyết định vận mệnh của gia đình. Nghề làm kẹo bánh từng được Santa Sôphia đê la Piêđat duy trì theo ý nguyện của Ucsula đã bị Phecnanđa coi là một nghề hèn mọn và chẳng bao lâu bị đình chỉ. Cửa nhà, vốn được mở toang từ sáng sớm cho đến khi đi ngủ, đã bị đóng lại trong giờ nghỉ trưa với cái cớ để tránh ánh nắng nung nóng các phòng ngủ và sau đó im ỉm đóng suốt ngày. Cành lá lô hội và chiếc bánh vốn được treo ở trước cửa nhà ngay từ thuở mới lập làng Macôndô nay đã bị thay thế bằng một cái hốc để thờ tượng Chúa Giêsu. Đại tá Aurêlianô Buênđya cũng đã biết được

những thay đổi ấy và đã nhận ra lý do của chúng. "Chúng ta đang quay trở lại để làm người quý phái", ngài phản đối, "Đến cái bước này thì một lần nữa chúng ta lại phải chiến đấu chống chế độ Bảo hoàng, nhưng lần này là để đưa một ông vua khác lên ngai vàng". Phecnanđa vốn rất tinh tế, tự giữ gìn ý tứ để khỏi phải va chạm với ngài. Tinh thần tự do của ngài, cái sức phản kháng của ngài trước mọi nghi thức xã hội cứng rắn khiến nàng rất khó chịu. Những tách cà phê không đường uống vào lúc năm giờ sáng, sự bừa bộn trong xưởng kim hoàn, chiếc áo khoác sứt chỉ đường tà cũng như thói quen ngồi trước cửa nhìn ra đường vào lúc chiều tà của ngài, tất cả những thứ đó đều như những chiếc gai nhức nhối đâm vào mắt nàng. Nhưng Phecnanđa cấn phải nhượng bộ ngài, phải coi ngài như một bộ phận ở ngoài cái cỗ máy gia đình bởi vì nàng hiểu rất rõ ràng rằng ngài đại tá già này là một người đã bị tuổi tác và nỗi thất vọng làm cho hiền lành đi; chứ nếu không chỉ với một hành động quật khởi đầy sức mạnh, ngài hoàn toàn có thể làm lay chuyển nền móng của cả ngôi nhà. Khi chồng nàng quyết định gọi tên đứa con trai đầu lòng bằng tên của ông nội nó thì nàng không dám cãi lại, bởi vì nàng mới về nhà chồng vẻn vẹn một năm trời. Nhưng khi sinh đến trưởng nữ, nàng một mực đòi đặt tên cho nó là Rênata như tên của mẹ mình. Ucsula đã quyết định gọi tên nó là Rêmêđiôt. Sau một cuộc tranh luận gay gắt trong đó Aurêlianô Sêgunđô đóng vai một nhà hiền triết vui vẻ, họ đặt tên cho nó là Rênata Rêmêđiôt, nhưng Phecnanđa vẫn cứ gọi nó là Rênata chọc lỏn, trong khi đó cả nhà và dân làng gọi nó là Mêmê, một tên gọi thân mật của Rêmêđiôt.
Thoạt đầu, Phecnanđa không nói chuyện về gia đình mình, nhưng rồi dần dần nàng bắt đầu lý tưởng hoá người cha mình. Ngay tại bàn ăn,

nàng ca ngợi cụ như một con người đặc biệt từng từ bỏ mọi nghi lễ trống rỗng và đã trở thành một vị thánh sống. Aurêlianô Sêgundô ngạc nhiên trước sự tán tụng không phải lúc về ông bố vợ, đã không dừng được, đành phải giễu nhẹ sau lưng vợ mình. Cả nhà đều theo gương anh. Ngay chính Ucsula, đang hết sức tự hào về gia đình êm ấm và ngược lại phải lặng lẽ chịu đựng nhưng mối bất hoà trong nhà, đã có lần tự mình nói rằng thằng chít còn oắt con của mình chắc chắn sẽ là một Hồng y Giáo chủ bởi vì hắn là "cháu ngoại của một vị thánh, là con của một hoàng hậu và một thằng ăn trộm gia súc". Bất kể nụ cười mỉa ấy, bọn nhóc quen nghĩ về ông ngoại mình như nghĩ về một nhân vật huyền thoại, người vẫn thường gửi cho chúng những vần thơ âu yếm trong các bức thư và cứ mỗi bận lễ Noen đến lại gửi cho chúng một thùng quà to đùng gần như không mang lọt cửa chính. Thực ra đó là những đồ vặt vãnh cuối cùng còn lại của gia tài quyền quý xưa. Ngay tại phòng ngủ của bọn trẻ, bằng những thứ này người ta dựng một bàn thờ với những tượng thánh to bằng cỡ người thực mà đôi mắt thuỷ tinh của các vị này đã gây cho chúng ấn tượng sâu sắc như người thật; còn những bộ áo quần được thêu thùa thật đẹp của các vị thì theo con mắt chúng là những bộ quần áo đẹp nhất chưa một người dân Macôndô nào trong được mặc. Dần dần, vẻ huy hoàng tẻ nhạt của ngôi nhà cổ kính và lạnh lẽo nọ đã được chuyển về ngôi nhà sáng sủa của gia đình Buêndya. "Giờ đây, họ đã gửi cho chúng ta một nghĩa địa gia đình rồi", có lần nào đó Aurêlianô Sêgundô đã bình luận, "chỉ còn thiếu những cây liễu giỏ và đá xây mồ thôi". Mặc dù trong các thùng này không bao giờ đựng các đồ chơi cho bọn trẻ, nhưng chúng vẫn cứ mong đợi cho chóng hết năm để đến tháng chạp, bởi vì dù thế nào đi nữa thì các đồ cổ lỗ

sĩ và luôn luôn không được biết trước ấy cũng vẫn là một sự kiện mới lạ trong nhà.

Trong dịp lễ Noen lần thứ mười kể từ khi Phecnanđa về nhà chồng, khi cậu bé Hôsê Accađiô đã chuẩn bị đi thi, một chiếc hòm gỗ khổng lồ của ông ngoại được đóng đinh quét xi thật cẩn thận và được gửi đến cho bà Phecnanđa đen Cacpiô đê Buênđya rất tôn kính viết bằng thứ chữ gôtích quen thuộc, đã đến khá sớm hơn mọi năm. Trong lúc nàng ở trong phòng đọc thư, những đứa trẻ nôn nóng vội mở chiếc hòm. Như thường lệ, được sự giúp sức của Aurêlianô Sêgunđô, bọn chúng cậy các mảng xi gắn, mở nắp chiếc hòm, moi hết mùn cưa ở bên trong ra, và chúng thấy ở bên trong một chiếc hòm chì được các vít đồng vít lại rất chắc chắn. Trước mặt những đứa trẻ đang háo hức, Aurêlianô Sêgunđô tháo tám chiếc vít đồng, và khi mở nắp hòm ra hầu như anh không kịp kêu lên và đẩy bọn trẻ sang một bên, vì đã nhìn thấy đông Phecnanđô vận đồ đen, trên ngực đeo một cây thánh giá, da dẻ nứt bung ra trong những nốt lở khẳn mùi hôi và cái tử thi này đã được chưng trong một thứ nước thịt trai nuôi lấy ngọc đặt trên bếp lửa cháy âm ỉ.

Sau ngày sinh bé gái ít lâu, lễ thượng thọ không hề mong đợi của đại tá Aurêlianô Buênđya được công khai loan báo. Chính phủ ra lệnh tổ chức nó để kỷ niệm ngày ký hiệp định Neclanđia. Đó là một quyết định trái với đường lối chính trị chính thống đến mức đại tá đã mạnh mẽ tuyên bố chống lại và ngài đã từ chối lễ mừng. "Đây là lần đầu tiên ta nghe nói đến lễ thượng thọ", ngài nói, "Nhưng muốn nói gì thì nói, điều đó chỉ có thể là một lời báng bổ mà thôi". Cái xưởng kim hoàn vốn đã hẹp rồi giờ đây lại đông nghịt các vị sứ giả. Những luật gia mặc đồ sẫm trước đây như nhưng con quạ lượn lờ quanh đại tá

nay trở lại với dáng vẻ già nua và trang trọng hơn rất nhiều. Khi thấy bọn họ xuất hiện như trước đây họ từng đến để ngăn cản cuộc chiến, ngài đã không thể chịu nổi những lời tán tụng quá ư trơ trẽn cửa họ. Ngài ra lệnh cho họ hãy để mình yên, không chịu nhận mình là một yếu nhân của dân tộc, như lời bọn họ nói, mà chỉ là một anh thợ thủ công tầm thường với ước muốn duy nhất là được chết vì mệt mỏi trong lãng quên và trong cảnh nghèo túng làm những con cá vàng của mình. Điều khiến ngài phẫn nộ hơn cả là tin tức nói rằng chính ngài Tổng thống nước Cộng hoà đã dự định sẽ đích thân tham gia các hoạt động quần chúng ở Macôndô để gắn Huân chương Công huân cho đại tá.

Đại tá Aurêlianô Buênđya đã nhờ nói lại chính xác từng từ một với ngài Tổng thống rằng mình thật lòng khao khát đợi cái dịp tuy là muộn mằn nhưng rất quý này để cho ngài Tổng thống một phát súng, không phải để ngài chuộc tội vì những bất công và không hợp thời của chế độ mà để ngài chuộc lấy cái tội dám hỗn xược đối với một cụ già vốn không làm hại ai cả. Đó là lời cảnh cáo đanh thép mà đại tá đã nói ra miệng, do đó ngài Tổng thống nước Cộng hoà đến phút chót đã hoãn chuyến đi và để cho lễ mừng thêm long trọng, ngài đã phái một đặc phái viên đi thay mình. Đại tá Hêrinêndô Mackêt, hoàn toàn ở yên một chỗ, đã rời bỏ giường bệnh bại liệt, đến an ỉn người bạn chiến đấu cũ của mình. Khi thấy xuất hiện một chiếc ghế xích đu được bốn người đàn ông khiêng, và thấy người bạn từng chia sẻ với mình mọi nỗi vinh nhục ngay từ thời trai trẻ ngồi trên nó bên những chiếc gối, thì đại tá Aurêlianô Buênđya nhận ra ngay rằng đại tá Hêrinêndô Mackêt gắng gượng đến để bày tỏ tình đoàn kết của mình. Nhưng khi đã biết ý định thực của chuyến viếng thăm này, ngài

đã ra lệnh đuổi người bạn cố tri của mình ra khỏi xưởng kim hoàn.
- Thật là quá muộn ta mới hiểu rằng, - ngài nối với bạn mình, - nếu để chúng bắn anh thì ta đã làm phúc cho anh nhiều đấy.
Thế là ngày lễ thượng thọ của ngài đại tá được tiến hành không có sự tham gia của bất kỳ thành viên nào trong gia đình Buênđya. Lễ mừng này đã ngẫu nhiên trùng với tuần lễ hội giả trang Cacnavan nhưng không một ai có thể cởi bỏ cho đại tá Aurêlianô Buênđya cái ý nghĩ dai dẳng cho rằng sự trùng hợp ấy cũng đã được chính phủ dự tính trước để làm cho lời bắng bổ đó càng thêm thô bạo. Từ xưởng kim hoàn vắng lặng, ngài nghe các bản hành khúc hùng dũng, nghe hăm mốt loạt đại bác nổ, nghe những hồi chuông vang lên bản thánh ca tạ ân, và nghe một vài câu trong cái bài diễn văn đọc trước nhà mình khi họ lấy tên ngài đặt cho một đường phố. Khi mắt ngài nhoè nước mắt, thứ nước mắt tủi hờn, thứ nước mắt căm giận và lần đầu tiên kể từ khi chịu thất bại đến nay, ngài cảm thấy đau khổ vì không còn chí cái thế và sức bạt núi thời trai trẻ để mở một cuộc chiến đẫm máu đặng quét sạch chế độ Bảo hoàng. Giữa lúc những tiếng ồn vui vang vọng của ngày hội chưa dứt thì Ucsula gõ cửa xưởng kim hoàn.
- Đừng làm phiền nữa, - ngài nói. - Ta đang bận.
- Mở cửa mau, - với giọng nói thường ngày, cụ đòi mở. - Việc này chẳng can dự gì với ngày hội đâu.
Thế là đại tá Aurêlianô Buênđya mở then cửa và ngài thấy ở trước cửa mười bảy người đàn ông hoàn toàn khác nhau, từ vóc dáng đến màu da, nhưng tất cả đều mang vẻ cô đơn mà qua đó ở bất cứ xó xỉnh nào trên mặt đất này người ta đều có thể nhận ra họ là anh em. Đó là những người con trai của ngài. Không hề bảo nhau, cũng không hề quen nhau, họ đã đến đây từ những xó xỉnh hẻo lánh nhất

của vùng duyên hải đang rộn ràng trong ngày hội náo nhiệt. Tất cả đều tự hào mang tên Aurêlianô kèm với tên họ của mẹ mình. Trong ba ngày ở lại nhà đại tá, để làm hài lòng Ucsula và khiến Phecnanđa phải ngạc nhiên, đôi lúc họ gây ra những vụ ẩu đả. Amaranta lục tìm trong đống giấy tờ cũ cuốn sổ tay trong đó Ucsula đã tự tay ghi lại tên, ngày tháng năm sinh, ngày đặt tên của tất cả và bà chỉ cho từng người phòng ở hiện tại thuộc về mình. Danh sách ấy cho phép nhớ lại hai mươi năm chiến tranh. Với danh sách này người ta có thể dựng lại những hành trình ban đêm của đại tá, kể từ buổi sáng sớm chàng đi khỏi làng Macôndô dẫn đầu hai mươi mốt chàng thanh niên để gia nhập một cuộc khởi nghĩa đầy ảo tưởng, cho đến lần cuối cùng trở về mình lẩn trong chiếc áo khoác bê bết máu khô. Aurêlianô Sêgundô không bỏ lỡ dịp chúc mừng các ông chú mình bằng việc ồn ĩ mở tiệc vui gồm rượu sâm banh và đàn phong cầm và tiệc vui này ồn ĩ vui nhộn đến mức được liệt hạng hay hơn cả vũ hội Cacnavan không thành vì trùng với lễ thượng thọ của đại tá do chính phủ tổ chức. Họ đập vỡ một nửa số cốc tách, xéo nát cả các vườn hoa để đuổi theo một chú bê non. Họ bắn súng để giết gà, buộc Amaranta phải nhảy những điệu van buồn của Piêtrô Crêspi, dỗ ngon dỗ ngọt Rêmêđiôt - Người đẹp để cô mặc quần đàn ông leo cột mỡ, rồi thả một chú lợn bôi dày mỡ chạy trên hành lang và con lợn này đã húc ngã Phecnanđa. Nhưng không một ai ca thán những trò nghịch ngợm quá trớn ấy, bởi vì ngôi nhà rung lên như một trận động đất trước trò vui trong đó sức khoẻ cường tráng của con người được tràn ra. Đại tá Aurêlianô Buênđya, vốn lúc đầu tiếp họ hờ hững và thậm chí còn hồ nghi một số người có quan hệ máu thịt với mình, đã cùng vui với niềm vui sôi nổi của họ và trước khi họ ra đi ngài đã tặng

mỗi nhời một con cá vàng. Ngay đến cả Hôsê Accađiô Sêgundô vốn ngạo đời, cũng hiến cho bọn họ một buổi chiều chơi gà chọi mà tí nữa gây ra tai nạn, vì một số trong số mười bảy anh em Aurêlianô này vốn là những tay sành sỏi trong các sởi thi gà chọi, do đó mới thoáng nhìn cú đá đầu tiên họ đã lập tức phát hiện ra những thủ đoạn ma quái của cha Antôniô Isaben. Aurêlianô Sêgundô, đứng xem những người anh em cùng chung một bát máu sôi nổi chơi những trò vui vô tận đầy lý thú, đã quyết định mời mọi người ở lại làm việc với mình. Người duy nhất chấp nhận lời mời là Aurêlianô Tristê, một thanh niên lai đen lực lưỡng vốn kế thừa được nhiệt tình hăng say và lòng ham tìm tòi khám phá của ông nội, người từng nếm trải đủ mọi gian truân ở khắp nới, do đó anh cho rằng mình sống ở đâu cũng vậy. Những người khác mặc dù vẫn còn chưa vợ, đã tự quyết định lấy vận mệnh của mình. Tất cả đều là thợ thủ công thạo nghề, đều là trụ cột của gia đình, đều là dân hiền lành. Ngày thứ tư Lễ tro, trước khi mỗi người một ngả đi khắp vùng duyên hải, Amaranta tìm mọi cách để họ mặc quần áo đẹp ngày chủ nhật và đưa bà đi nhà thờ. Thích thú hơn là sùng tín, họ đã để cho mình bị cuốn vào tận nơi làm lễ kiên tin. Chính tại đây cha Antôniô Isaben đã lấy tro vạch một chữ thập lên trán từng người. Về đến nhà, người nhỏ tuổi nhất muốn lau trán đã phát hiện ra vết tro không thể rửa sạch được, rồi ngay sau đó, cậu phát hiện ra vết tro của các anh cậu cũng không thể rửa sạch được. Họ thử lấy nước xà phòng, rồi lấy đất và bã cọ, rồi lấy đá kỳ và dung dịch kiềm, vẫn không tài nào xoá được chữ thập trên trán mình. Trái lại, Amaranta và những người khác đi dự lễ mixa đều dễ dàng chùi sạch chữ thập ấy trên trán mình. "Chúng ra đi như vậy càng tốt", - Ucsula nói, - "Từ đây trở đi không

một ai có thể nhầm lẫn chúng". Họ ồn ĩ ra đi trong tiếng pháo và âm nhạc đưa tiễn, và để lại cảm giác rằng dòng họ Buênđya đã gieo giống ở khắp mọi nơi cho muôn đời. Aurêlianô Tristê, với chữ thập xám màu tro trên trán, đã lập ở ngoài bìa làng một nhà máy làm nước đá mà Hôsê Accađiô Buênđya từng mơ thấy trong những đam mê sáng tạo của cụ.

Ở được mấy tháng, nghĩa là khi đã là người quen thuộc và được mọi người trọng nể, Aurêlianô Tristê đi tìm một ngôi nhà để đưa mẹ và cô em gái chưa chồng (vốn không phải là con gái ngài đại tá) đến ở với mình và anh thích ngôi nhà cổ lỗ dường như bỏ hoang ở phố gần quảng trường. Anh hỏi ai là chủ ngôi nhà ấy. Có người bảo anh rằng đó là nhà vô chủ, rằng trước đây có một bà goá cô đơn chuyên ăn đất và vôi tường để sống đã ở ngôi nhà này và rằng trong những năm cuối đời, người ta chỉ hai lần nhìn thấy bà ra đường đội một chiếc mũ gài nhiều bông hoa giả nhỏ li ti và đi đôi giày cũ màu bạc khi bà đi ngang qua quảng trường để đến bưu điện gửi thư cho đức Giám mục. Người ta bảo anh rằng người bạn gái duy nhất của bà là một người ở gái rất ác vẫn thường giết chó, giết mèo và bất kỳ con vật nào dám bén mảng vào nhà, rồi vất xác chúng ra giữa đường cái khiến cả làng ngột ngạt trong mtù hôi xác con vật thối rữa. Kể từ độ mặt trời sấy khô bộ da con vật cuối cùng bị ném ra giữa đường cái đến nay đã trải qua một thời gian rất dài, đến mức cả làng thống nhất cho rằng bà chủ và người ở gái đã chết từ trước khi chiến tranh kết thúc rất lâu, và nói rằng ngôi nhà vẫn còn đứng vững được là vì trong nhiều năm gần đây chưa hề có một cơn lốc cũng như chưa có mùa đông ác nghiệt nào, các bản lề cửa đã rời rã hết vì gỉ; những cánh cửa hầu như vẫn đứng yên được là nhờ mạng nhện giăng chằng

chịt, các cửa sổ vẫn bám vào nhau nhờ có hơi ẩm; nền nhà nứt nẻ hết bởi cỏ và hoa dại mọc um tùm, và những kẽ nẻ này là nơi để thằn lằn và đủ loại con vật ghê tởm làm tổ, tất cả những thứ đó dường như cùng phụ hoạ nói lên rằng tại ngôi nhà này ít nhất là từ nửa thế kỷ nay không có ai sinh sống. Aurêlianô Tristê, vốn thích mạo hiểm, không cần thêm nhiều bằng chứng. Anh lấy vai khẽ ẩy cửa chính, thế là cái khung cửa gỗ đã mọt bỗng đổ xuống không hề gây tiếng động trong một trận mưa bụi và cứt mọt. Aurêlianô Tristê đứng yên ở bậc cửa đợi cho đến khi luồng bụi mù mịt bay đi hết, và lập tức anh nhìn thấy ngay ở giữa phòng khách có một người đàn bà gầy guộc, vẫn ăn mặc theo mốt thế kỷ trước, trên cái đầu trọc vẫn còn vương một vài mớ tóc hung, đôi mắt to vừa tắt đi những tia sáng hy vọng vẫn còn đẹp, và da mặt nhăn nhúm lại bởi nỗi cô đơn chua xót. Đang hoảng hốt trước hình ảnh của con người đã thuộc về một thế giới khác, Aurêlianô Tristê hầu như vẫn chưa hay rằng người đàn bà ấy đang chĩa nòng khẩu súng lục cũ về phía mình ngắm bắn.
- Bà thứ lỗi cho, - anh khẽ nói.
Bà ta đứng yên ngay giữa phòng khách mù mịt bụi, chăm chú quan sát người đàn ông to lớn có tấm lưng vuông vức, trên trán xăm bức hình cây Thánh giá màu xám tro, và qua làn bụi mù mịt này bà lại thấy. anh trong một làn sương mờ thuộc một thời khác, khoác chéo ngực một khẩu súng săn hai nòng và tay xách một xâu thỏ.
- Trời ơi? Vì tình yêu thương của Thượng đế, - bà ta khẽ thốt lên, - có lẽ nào giờ đây anh lại trở về với em bằng ký ức này?
- Thưa bà, cháu muốn thuê ngôi nhà này ạ, - Aurêlianô Tristê nói.
Thế là người đàn bà giương khẩu súng lên, nhắm thẳng vào chữ thập màu tro ở trán anh, rồi lên đạn một cách kiên quyết.

- Xéo ngay? - bà ra lệnh.
Đêm ấy, trong lúc ăn tối, Aurêlianô Tristê kể lại câu chuyện này cho cả nhà nghe, Ucsula bật khóc nức nở. "Lạy Thượng đế thánh thần?", hai tay ôm lấy đầu, cụ thốt lên, "Nó vẫn sống ư".
Thời gian, chiến tranh, những nỗi bất hạnh thường ngày nhiều vô kể đã khiến cụ quên khuấy Rêbêca. Người duy nhất không lúc nào không ý thức rằng Rêbêca vẫn còn sống là Amaranta già nua và ương bướng. Amaranta nghĩ đến Rêbêca vào lúc trời sáng khi cơn băng giá của trái tim đánh thức bà dậy trên chiếc giường cô đơn, rồi nghĩ đến Rêbêca khi bà xoa xà phòng lên bộ vú teo và cái bụng nhăn nheo, khi bà mặc đồ lót của tuổi già, và khi bà thay tấm băng đen trên bàn tay mà bà đã tự mình nhúng vào bếp đang rực than hồng để trừng trị mình.
Amaranta nghĩ tới Rêbêca vào tất cả mọi giờ, dù ngủ hay thức, dù vui hay buồn, bởi vì nỗi cô đơn đã buộc bà phải lựa chọn những kỉ niệm, phải đất bỏ hàng đống rác rưởi buồn nhớ của cuộc đời đã dồn tụ lại trong trái tim mình, và mặt khác đã thanh lọc, đã nâng cao, đã vĩnh hằng hoá những kỉ niệm khác, những kỉ niệm chua chát nhất của đời mình. Qua bà, Rêmêđiôt - Người đẹp biết được sự tồn tại của Rêbêca. Cứ mỗi bận họ đi qua ngôi nhà rách nát, bà kể cho cô cháu nghe về một sự kiện nhàm chán, hay một câu chuyện ngụ ngôn tục tĩu, rồi thông qua hình thức này cố làm cho cô cháu chia sẻ với mình nỗi hận thù đã nguội đi và do đó cố kéo dài nó cho đến khi chết. Nhưng bà đã không thực hiện được các mực đích của mình, bởi vì Rêmêđiôt - Người đẹp hoàn toàn ngây thơ trước mọi thứ tình cảm dễ xúc động và hơn nữa cũng dửng dưng trước những tình cảm quá ư xa xôi đối với mình. Trái lại, Ucsula, người từng chịu đựng sự dằn vặt

khác hẳn với sự dằn vặt của Amaranta, đã nhớ tới Rêbêca trong một kí ức thanh sạch hơn, bởi vì hình ảnh một con bé đáng thương được người ta mang đến nhà cùng với tải hài cất của cha mẹ nó dã chiến thắng đòn trừng phạt mà cụ thực hiện để không công nhận nó là thành viên của gia đình mình. Aurêlianô Sêgundô quyết định cần phải đưa bà về nhà để chăm nom, nhưng thiện chí của anh bị thất bại vì tính cố chấp của Rêbêca, người đã đổi bao năm tháng đau thương và nghèo túng để giành lấy quyền an hưởng trong cô đơn, và đã không sẵn lòng từ bỏ nó để đổi lấy một tuổi già vui vẻ trong những niềm vui giả tạo của cuộc đời lầm than hàng ngày.
Tháng hai, khi mười sáu người con trai của đại tá Aurêlianô Buênđya trở lại nhà và trong lúc cuộc vui đang náo nhiệt Aurêlianô Tristê đã nói với họ về Rêbêca và chỉ trong nửa ngày, bọn họ đã khôi phục lại diện mạo ngôi nhà, thay cửa và cửa sổ, quét vôi bức tường mặt tiền, chống đỡ các bức tường khác và láng xi măng lại nền nhà. Họ làm tất cả ở nhà ngoài nhưng không được phép sửa sang ở nhà trong. Rêbêca không hề ló mặt ra đến cửa. Bà để cho họ làm xong công việc sửa sang nhà cửa ồn ĩ ấy, sau đó bà tính công và bảo Arhêniđa, bà hầu già vẫn ở với bà, mang ra cho họ một nắm tiền, thứ tiền đã bị cấm lưu hành từ cuộc chiến tranh cuối cùng nhưng Rêbêca cứ đinh mình tin rằng chúng vẫn còn tiêu được. Đó là lúc bà biết được sự xa lánh cuộc đời thực của mình đã đi đến đâu và bà hiểu rằng trong lúc mình còn một hơi thở thì thật khó có thể tách mình ra khỏi sự tự giam hãm một cách cố chấp trong ngôi nhà cô đơn này.
Trong chuyến viếng thăm Macôndô lần thứ hai của các con trai đại tá Aurêlianô Buênđya, có một người đã ở lại làm việc với Aurêlianô Tristê. Anh ta tên là Aurêlianô Xêntênô. Đó là một trong số những

người đầu tiên tìm đến nhà để được đặt tên. Ucsula và Amaranta nhận ra anh ngay vì chỉ trong ít giờ anh đã làm vỡ không biết bao nhiêu đồ dễ vỡ khi anh đụng vào. Thời gian đã làm giảm đi sức phát triển cơ thể lúc ban đầu của anh và giờ đây anh là người có tầm vóc trung bình, người đầy sẹo đậu lào, nhưng khả năng đập phá của anh vẫn nguyên như cũ. Nhiều bát đĩa đã vỡ, ngay cả khi anh chưa đụng phải chúng. Phecnanđa phải vội vàng chọn mua cho anh một bộ đồ ăn bằng hợp kim để anh khỏi đập vỡ nốt những bộ đồ sứ đắt tiền của nàng. Ngay cả những bát đĩa bằng kim loại này chỉ trong ít ngày cũng đã cái thì sứt mẻ, cái thì méo mó. Nhưng ngoài tật hay làm vỡ bát đĩa vô phương khắc phục ấy ra, anh là người chân thành rất mực đến mức ngay lập tức anh được mọi người tin yêu và là người làm việc rất khoẻ. Chỉ trong thời gian ngắn, bằng sức lực của mình anh đã làm cho việc sản xuất nước đá phát triển vượt quá nhu cầu thị trường địa phương. Và do đó Aurêlianô Tristê nghĩ đến khả năng phải mở rộng kinh doanh nước đá sang các làng khác thuộc vùng đầm lầy. Đó là lúc anh thai nghén bước ngoặt quyết định không chỉ có ý nghĩa đôi với việc hiện đại hoá nhà máy của mình mà còn có ý nghĩa đôi với sự nghiệp làm cho Macôndô gắn bó với phần còn lại của thế giới.

- Cần phải mở đường xe lửa đến tận đây, - anh nói.

Đó là lần đầu tiên ở Macôndô được nghe cái từ ấy. Đứng trước bản vẽ do Aurêlianô Tristê vạch ra, và nó là bản vẽ thừa kế trực tiếp những sơ đồ mà cụ Hôsê Accađiô Buênđya đã minh hoạ cho kế hoạch sử dụng năng lượng mặt trời trong chiến tranh, Ucsula càng khẳng định cảm giác của mình về thời gian đang quay vòng tròn. Nhưng khác hẳn với ông nội mình, Aurêlianô Tristê không mất ngủ,

không biếng ăn, không hay cáu giận thất thường khiến người khác phải khổ tâm, mà trái lại anh hình dung rõ ràng các kế hoạch, thấy chúng hiện ra như những khả năng trực tiếp, anh đặt những con tính rành mạch về những tốn kém và những thời hạn xây dựng rồi cứ thế anh tính kỹ càng không hề để lọt một khe hở đáng tiếc nào. Aurêlianô Sêgundô, người dường như có thói không biết lo xa vốn thừa kế được từ cụ cố nội và tính nết này lại không có ở đại tá Aurêlianô Buênđya, đã tung tiền ra một cách nông nổi để làm đường xe lửa như trước đây đã tung tiền cho người anh mình làm đường thuỷ thất bại. Aurêlianô Tristê xem lịch rồi ngày thứ tư tiếp đó đã lên đường để kịp trở về sau mùa mưa. Từ dạo anh đi không hề có tin tức gì hơn. Aurêlianô Xêntênô, sau khi đã làm cho sản phẩm nước đá quá ư thừa mứa bắt đầu thử làm nước đá trên cơ sở nước hoa quả thay cho nước lã, và thế là do không biết và không có ý định anh đã tìm được nguyên tắc cơ bản để làm kem và bằng hình thức này anh nghĩ đến việc thay đổi phương thức sản xuất của một nhà máy mà anh đoán rằng sẽ thuộc về mình, bởi vì người anh vẫn chưa để lộ dấu hiệu sẽ trở về sau khi đã qua đi một mùa mưa, lại qua đi tiếp một mùa hè. Tuy nhiên, vào đầu một mùa đông nữa, có một bà giặt rũ quần áo ở ngoài sông đang lúc oi bức nhất, đã chạy ngang qua con đường trung tâm, vừa chạy vừa hớt hải kêu toáng lên trong trạng thái tâm hồn hoàn toàn bị kích động:

- Làng nước ơi! - bà ta kêu. - Một con quái vật khủng khiếp giống như cái nhà bếp kéo theo cả một làng đang đến kia kìa? Trong lúc ấy, cả làng rùng mình trước tiếng còi huýt dài vang động và tiếng thở xình xịch nặng nhọc của đầu máy xe lửa. Những tuần lễ trước đây, dân làng đã nhìn thấy các đội công nhân đang đặt tà vẹt

và kéo đường ray nhưng không một ai để ý, bởi vì họ nghĩ rằng đó chẳng qua là một trò ảo thuật mới của những người digan trở lại với kèn và lục lặc thi nhau thổi và gõ để quảng cáo cho những phát minh kỳ tài của các bậc thông thái người Giêrudalem. Nhưng khi đã hoàn hồn trước tiếng còi và tiếng xình xịch của đầu máy xe lửa, toàn thể dân cư thị trấn Macôndô đổ ra đường và họ nhìn thấy Aurêlianô Tristê từ trên đầu máy xe lửa vẫy chào mình, họ hào hứng nhìn con tàu cắm đầy hoa trên các thành cửa sổ, lần đầu tiên đến được thị trấn Macôndô sau tám tháng chậm trễ. Con tàu màu vàng thơ ngây có lẽ sẽ mang đến cho Macôndô biết bao điều không chắc chắn và những điều sáng tỏ, biết bao lời phỉnh nịnh và nỗi bất hạnh, biết bao biến động, đau khổ và nhớ mong.

Chú thích:

(1) Một thứ đàn phong cầm cổ xưa.

Chương 12

Ngỡ ngàng trước bao nhiêu là phát minh diệu kỳ, dân Macôndô chẳng còn biết khởi sự thán phục từ đâu. Người ta thức cả đêm ngắm nhìn những bóng đèn điện được thắp sáng nhờ chiếc máy phát do Aurêlianô Tristê mang về sau chuyến du hành bằng tàu hoả lần thứ hai, và phải mất nhiều ngày người ta mới quen được với cái tiếng ấm ầm của nó.

Người ta phẫn nộ trước những hình ảnh sống động mà tay lái buôn giàu có đông Brunô Crêspi đem chiếu ở rạp hát có cái cửa tỏ vò bán vé, bởi lẽ một nhân vật đã chết và bị đem chôn trong một bộ phim và có kẻ nhỏ nước mắt xót thương, lại sống lại và trở thành người A-rập trong một bộ phim khác. Đám đông dân chúng đã bỏ ra hai xentavôt để chia sẻ nỗi trầm luân của các nhân vật không thể chịu được cái trò dối trá chưa từng có ấy và bỏ ra về. Theo yêu cầu của đông Brunô Crêspi, thị trưởng bèn ra cáo thị giải thích rằng phim ảnh là một thứ sản phẩm tưởng tượng mà công chúng không đáng phải bực mình như vậy. Trước những lời giải thích ngán ngẩm đó, nhiều người cho rằng họ đã là nạn nhân của cái trò quỉ quái mới của bọn

digan, và quyết định không trở lại rạp chiếu bóng nữa, vì nghĩ rằng mình đã có quá nhiều nỗi đau khổ rồi do đó chẳng phải hoài hơi đi thương khóc cho những nỗi bất hạnh vờ vĩnh của những nhân vật tưởng tượng. Chuyện cũng xảy ra như vậy đối với những chiếc máy hát mà các cô gái làng chơi thường mang theo thay cho chiếc đàn cổ lỗ sĩ, và có một thời đã làm thiệt hại ghê gớm đến quyền lợi của các ban nhạc. Thoạt đầu, sự tò mò đã làm tăng thêm đám khách hàng ở khu phố cấm, đến mức các bà quyền quí cũng cải trang thành dân thường để đến nhìn tận mắt cái tân kỳ của chiếc máy hát. Nhưng càng quan sát kỹ, người ta càng nhanh chóng đi đến kết luận rằng đây chẳng phải là trò ma thuật gì như người ta tưởng và như các cô gái làng chơi vẫn nói, mà chỉ là một thứ thủ thuật máy móc không thể so sánh được với một ban nhạc là thứ gây xúc động, giàu tính người và chứa đựng biết bao sự thật hàng ngày. Sự vỡ mộng thật là ghê gớm đến nỗi khi máy hát trở nên phổ biến ở từng nhà nó vẫn không phải là công cụ giải trí của người lớn, mà chỉ để cho trẻ con tháo lắp nghịch chơi. Trái lại khi có người được dịp chứng kiến cái kỳ diệu có thực của chiếc máy điện thoại đặt ở ngoài ga xe lửa, vì nó cũng có chiếc tay quay nên trông như một chiếc máy hát thô sơ, thì ngay cả đến những người mạnh bạo nhất cũng phải run sợ. Dường như Thượng đế đã quyết định thử thách mọi khả năng kinh ngạc của con người và giữ dân chúng Macôndô trong tâm trạng nghiêng ngả giữa vui và buồn, tin và ngờ, thậm chí đến mức không ai biết được đích xác đâu là giới hạn của thực tế. Đó là một mớ bòng bong trộn lẫn giữa sự thật và ảo ảnh từng làm cho cái bóng ma Hôsê Accađiô Buênđya phải sống lại đứng ngồi không yên dưới bóng cây dẻ và buộc cụ phải đi đi lại lại trong nhà ngay cả khi trời đã sáng bạch. Từ

ngày con đường sắt được chính thức khánh thành và tàu bắt đầu đỗ lại đều đặn vào lúc mười một giờ trưa thứ tư hàng tuần, và một nhà ga thô sơ bằng gỗ trong phòng có bàn viết có máy điện thoại và một cái cửa tò vò làm nơi bán vé được dựng lên, khi ấy người ta thấy ở Macôndô có những đám đàn ông và đàn bà đi đi lại lại ngoài đường cố làm ra vẻ bình thường, nhưng thực ra họ có vẻ như những người làm xiếc. ở một làng đã từng biết rõ những mánh khoé của bọn digan thì tương lai chẳng tất đẹp gì đối với những anh làm xiếc bán thuốc dẫu có bẻm mép đấy nhưng đến cuối tuần cũng chỉ trông vào chiếc nồi kêu boong boong và những bữa ăn chỉ đủ cứu vớt linh hồn, nhưng họ lại được lợi to khi loè những kẻ cả tin vì mệt mỏi hay vì ngây thơ. Trong số những anh chàng hề xiếc quần chẽn, ủng cao, mũ cao su, kính gọng sắt, mắt màu nâu trông như những chú gà trống tất mã, có một người trong số những người thứ tư nào cũng đến Macôndô và ăn trưa ở nhà Buênđya, đó là ngài Hơcbơc béo lùn luôn luôn tươi cười.

Chẳng ai nhận ra ông ta ngồi ở bàn ăn khi ông ta còn chưa chén sạch cả nải chuối. Aurêlianô Sêgundô ngẫu nhiên gặp ông ta đang còn càu nhàu chửi bới bằng một thứ tiếng Tây Ban Nha ngượng nghịu vì không kiếm được một phòng riêng ở khách sạn Giacôp, và thế là anh đã dẫn vị khách về nhà như vẫn thường làm đối với nhiều người lạ khác. Ông ta có một gánh hàng bán bóng thám không từng mang đi khắp nơi thu những món lãi kếch xù, nhưng lại không câu được khách ở Macôndô, bởi vì dân ở đây coi đó là một trò lạc hậu sau khi họ từng nhìn thấy và đi thử những chiếc thảm bay của dân gian. Vì vậy ông ta sẽ ra đi vào chuyến tàu sắp tới. Khi gia chủ cho người mang đến nải chuối chín trứng cuốc đầu tiên vẫn thường được

treo lủng lẳng ở phòng ăn, người khách hờ hững bẻ một quả. Ông ta cứ vừa ăn vừa nói, vừa nhấm nháp vừa nhai tóp tép, giống như điệu bộ của một nhà thông thái đãng trí hơn là của kẻ phàm ăn, và khi chén xong nải thứ nhất, ông ta bèn gọi thêm nải nữa. Lúc đó, ông ta mở túi đồ nghề luôn mang bên người lấy ra một bọc đựng dụng cụ quang học. Rồi với vẻ thận trọng của một tay buôn kim cương, ông ta xem xét tỉ mỉ quả chuối, cắt ra từng miếng bằng một con dao đặc biệt rồi đem cân bằng cân tiểu ly, xong lại tính đường kính của từng miếng bằng chiếc máy đo của những người lái súng. Tiếp đó ông ta lại lục ra hết dụng cụ này đến dụng cụ khác, chiếc thì đo nhiệt độ, chiếc thì đo độ ẩm không khí, chiếc thì đo cường độ ánh sáng. Thật là một nghi thức kỳ quái, làm cho cũng phải vừa ăn vừa thấp thỏm trông đợi ngài Hơcbơc nói mấy lời gì đó, nhưng ông ta không nói gì khả dĩ cho thấy ý đồ của mình.

Vào những ngày sau đó, người ta thấy ngài Hơcbơc mang theo vợt và giỏ đi bắt bướm ở các vùng xung quanh thị trấn. Đến thứ tư, một nhóm gồm các kỹ sư nông nghiệp, thuỷ lợi, các nhà đồ bản và đo đạc đến khảo sát hàng tuần liền ở chính những khu vực mà Hơcbơc từng đến bắt bướm. Sau đó ngài Giăc Brao đến trên một toa tàu riêng nối thêm vào đoàn tàu hoả màu vàng; và nó là toa đặc biệt vì sàn và thành dát bạc, ghế đệm bọc nhung, trần lợp thuỷ tinh màu xanh. Cũng trên chuyến tàu đặc biệt này, lăng xăng xung quanh ngài Giăc Brao còn có các vị trạng sư long trọng trong những chiếc áo thụng đen, một thời đã bám theo đại tá Aurêlianô Buênđya ở khắp nơi. Việc này làm cho dân làng nghĩ rằng các kỹ sư nông nghiệp, thuỷ lợi, các nhà đồ bản và đo đạc, cũng như ngài Hơcbơc với những quả bóng thám không và những chú bướm sặc sỡ sắc màu,

cùng ngài Brao với toa tầu di động và những con chó bécgiê dữ tợn hình như báo hiệu một cuộc chiến tranh.
Tuy nhiên người ta không có nhiều thời gian để suy nghĩ, bởi vì những người dân nhạy cảm ở Macôndô chỉ vừa kịp hỏi nhau xem trò quái quỉ gì đang xảy ra thì cả thị trấn đã biến thành cái trại gồm những căn nhà bằng gỗ, mái lợp tôn của những người lạ mặt chẳng biết từ đâu đến trên những chuyến tàu hoả chật ních, người ta không chỉ ngồi trên các hàng ghế, dưới sàn mà cả trên nóc toa. Đám dân Gringô(1) này, về sau đem theo cả những bà vợ gầy gò thường hay mặc đồ van mỏng và đội những chiếc mũ vải rộng vành, đã xây dựng khu dân cư riêng ở phía bên kia đường tàu, dọc đường trồng cây pan ma, nhà nào cũng làm cửa sổ bằng lưới sắt, ngoài hiên kê những chiếc bàn màu trắng, trên sân thượng cắm những con quay gió hình chữ X và xung quanh nhà là những bãi cỏ rộng thả gà ri và gà tây. Cả khu làng được rào lại bằng những tấm lưới sắt, giống như một trại gà khổng lồ có mắc điện mà vào những tháng đầu hè mát mẻ, sáng ra những đàn chim én bay đen cả bầu trời. Không ai biết rõ họ tìm kiếm cái gì, hoặc giả trên thực tế họ chỉ là những người từ thiện và họ đã gây nên một sự rối loạn ghê gớm, còn hơn cả những gì do những người digan gây nên trước đây, nhưng lại qua nhanh và có thể hiểu được. Do được phú những khả năng mà xưa kia chỉ Chúa trời mới có, họ thay đổi cung cách mưa, rút ngắn mùa thu hoạch, dời dòng sông sang phía đầu làng bên kia, đằng sau khu nghĩa địa. Cũng vào dịp đó họ xây hẳn một chiếc lăng bằng bê tông thay cho nấm mồ cũ của Hôsê Accađiô, để cho cái mùi thuốc súng của thi hài không làm ô nhiễm dòng nước. Để phục vụ cho những người lạ mặt không gia đình, họ biến khu phố nhỏ của các cô gái

làng chơi thành một thị trấn rộng và đông đúc hơn. Rồi một ngày thứ tư rực rỡ kia, họ mang đến một chuyến tàu chở đầy những gái làng chơi tuyệt mỹ, những cô gái diêm dúa được huấn luyện với tài nghệ không thể tưởng tượng nổi, và được chuẩn bị trước đủ các loại phấn sáp và dụng cụ để khêu gợi những anh chàng chưa có kinh nghiệm hãy còn nhút nhát, e dè, thoả mãn những kẻ đầy dục vọng, và mua vui cho đủ loại người, cho những chàng trai độc thân. Khu phố Thổ Nhĩ Kỳ sang trọng hơn với những cửa hàng dành cho thuỷ thủ viễn dương thay thế những tiệm nhỏ cũ nát, cứ đến tối thứ bảy lại ồn ào những đám đông hiếu động và mạo hiểm chen lấn xô đẩy nhau bên những bàn cờ bạc, bên những bàn bắn súng ăn tiền, trong cái ngõ cụt nơi người ta đoán hậu vận và giải điềm báo, bên những chiếc bàn đầy thức ăn thức uống, và đến sáng chủ nhật những chiếc bàn này gây đổ ngổn ngang dưới đất, giữa những đám người nằm lộn xộn, đôi khi là những kẻ say bí tỉ sau những giờ hoan lạc, nhưng hầu hết là những kẻ ngã gục vì bị bắn, bị đâm, bị chém hay bị đập bằng chai lọ trong các cuộn ẩu đả. Quả là một sự xâm nhập quá ư ầm ĩ và không đúng lúc, đến nỗi trong thời gian đầu người ta không thể nào đi lại trong phố đầy những đồ đạc, hòm xiểng, và những gỗ ván, tre nứa của những người nghiễm nhiên dựng nhà ở bất cứ miếng đất trống nào mà chẳng cần xin phép ai, và cả những trò bê bối của những đôi trai gái mắc võng bừa bãi dưới các gốc cây và làm tình với nhau ngay giữa ban ngày ban mặt chẳng kể gì kẻ qua người lại. Góc phố yên tĩnh duy nhất là của những người da đen vùng Antidat với những căn nhà gỗ ọp ẹp, và cứ vào lúc hoàng hôn thì họ ngồi trước hiên nhà hát những bài ca não ruột bằng thứ thổ ngữ của mình. Biết bao biến đổi đã diễn ra trong một thời gian quá ngắn, nghĩa là chỉ

tám tháng sau khi ngài Hơcbơc đến thăm, và những người dân vốn sinh sống ở Macôndô gọi nhau dậy sớm để xem chính cái làng của mình.

- Hãy xem chúng ta đã gặp những đồ ma quỉ gì nào, - ngài đại tá Aurêlianô Buênđya thường nói, - đừng có mà mời bọn Gringô đến xơi chuối ngự nữa nhé!

Trái lại, Aurêlianô Sêgunđô không để đâu hết vui mừng trước làn sóng dân tứ xứ đổ về. Không mấy chốc nhà anh đầy những người khách lạ, những thực khách nổi tiếng thế giới, và thế là phải làm thêm phòng ngủ ở ngoài sân, mở rộng thêm nhà ăn, thay chiếc bàn ăn cũ bằng một chiếc mới mười sáu chỗ ngồi, bát đĩa, dao dĩa đều phải mới hết, mặc dù thế vẫn phải bố trì ăn trưa thành từng đợt. Phecnanđa đã phải ra sức chịu đựng và phục vụ như đối với các ông hoàng cái đám khách đủ mọi loại người, những kẻ ngang nhiên tha cả ủng đầy đất, cát vào phòng ăn, tiểu tiện bừa cả ra vườn, trải bạt ra bất cứ chỗ nào để ngủ trưa và tuôn cả đủ mọi chuyện chẳng kể gì đến sự ngượng ngùng của đàn bà con gái cũng như sự bất bình của những người đàn ông đứng đắn. Trước sự lộn xộn của đám người hạ đẳng ấy, Amaranta tỏ rõ nỗi bực dọc bằng cách đến bữa lại bỏ vào ăn cơm trong nhà bếp như ngày trước. Đại tá Aurêlianô Buênđya biết rằng hầu hết những kẻ vào trong xưởng chào ngài chẳng phải vì họ quí trọng gì ngài, mà chỉ là do tò mò muốn biết thêm một thứ di vật lịch sử, một bộ xương của Viện bảo tàng, nên đã quyết định đóng cửa cài then suốt ngày, và hãn hữu mới thấy ngài ngồi ở phía cửa quay ra đường. Ucsula thì khác hẳn, ngay cả lúc chỉ còn lết được đôi chân, bám vào tường mà đi, cụ vẫn cảm thấy cái háo hức của tuổi trẻ mỗi khi đoàn tàu sắp đến. "Cần phải kiếm thịt và cá", cụ ra lệnh cho

bốn chị nấu bếp, lúc nào cũng tất tưởi có mặt đúng giờ dưới sự điều khiển nghiêm khắc của Santa Sôphia đê la Piêđat. "Cần phải chuẩn bị sẵn đủ mọi thứ, - cụ nhất quyết nhắc lại, bởi vì chẳng bao giờ biết được khách khứa thích ăn những món gì". Chuyến tàu đến vào giờ nóng bức nhất. Đến bữa ăn trưa, căn nhà ồn ào như chợ, và đám thực khách mồ hôi nhễ nhại, chẳng cần biết những ai là chủ nhà cứ chen bừa vào chiếm lấy những chỗ tốt nhất trên bàn ăn, trong khi các bà nấu bếp vội vã va cả vào nhau bê những nồi xúp tướng, những nồi thịt ninh, những xoong canh rau, những liễn cơm và múc hết gáo này đến gáo khác cạn sạch cả thùng đại nước chanh. Tình trạng lộn xộn quá đến nỗi Phecnanđa tức tối điên người vì đinh ninh rằng rất nhiều người đã vào ăn tới hai lần và nhiều lúc muốn tuôn ra những lời lẽ thô tục bởi có một vài anh chàng dở hơi tưởng đây là quán trọ hay sao mà lại gọi đem hoá đơn ra thanh toán. Đã hơn một năm kể từ ngày ngài Hơcbơc tới thăm và điều duy nhất người ta được biết là việc bọn Gringô định trồng chuối ở vùng đất mê người mà Hôsê Accađiô Buênđya và người của cụ đã vượt qua trên đường đi tìm những phát kiến lớn. Hai người con trai khác của đại tá Accađiô Buênđya với những chữ thập đánh dấu trên trán cũng đến do bị lôi cuốn bởi sự bùng nổ đó, và họ giải thích lý do dẫn tới quyết định ấy bằng một câu có lẽ cũng là chung của mọi người. - Chúng tôi đến đây, - họ nói, - vì tất cả mọi người đều đến. Rêmêđiôt - Người đẹp, là người duy nhất thoát khỏi nạn dịch trồng chuối. Nàng cứ giữ mãi cái tuổi niên thiếu tuyệt đẹp, ngày càng dửng dưng trước mọi sự chải chuốt, càng không lưu tâm gì đến những trò ma mãnh giảo hoạt, luôn luôn sung sướng trong cái thế giới hiện thực giản dợn của chính mình. Nàng không hiểu vì sao mà các bà

các chị lại cứ phải làm cho cuộc đời thêm phức tạp với những xu chiêng và xi líp, và thế là nàng tự may một chiếc váy đầm bằng vải gai để chỉ phải chui đầu vào là giải quyết xong mọi chuyện không phải phiền phức gì nữa. Như vậy nàng cảm thấy mình vẫn được tự do thoải mái, mà theo nàng hiểu thì đó là cách tốt nhất khi ở trong nhà. Mọi người cử mè nheo bảo nàng cắt bớt mớ tóc dài như suối chảy mãi tới bắp chân để búi lên và dùng dây xanh đỏ buộc lủng lắng sau gáy, thế là nàng bèn cạo trọc luôn và lấy tóc mình làm bộ tóc giả chừ pho tượng thánh. Điều đáng ngạc nhiên ở cái bản năng giản đơn của nàng là càng vứt bỏ kiểu cách để tìm kiếm sự thoải mái, càng bỏ qua những qui phạm để tuân theo cái bột phát tự nhiên, thì nàng càng trở nên đẹp ghê gớm và càng làm cho cánh đàn ông thèm muốn tợn. Khi những người con của đại tá Accađiô Buênđya đến Macôndô lần đầu tiên, Ucsula nhớ rằng họ mang trong người dòng máu của Rêmêđiôt, đứa chắt gái của cụ và cụ cảm thấy một nỗi hoảng sợ chưa từng có. "Hãy nhìn cho kỹ", cụ đe trước, "Nếu mày ăn nằm với bất kỳ đứa nào trong số đó, thì mày sẽ đẻ con có cái đuôi lợn". Nàng chẳng để tâm đến lời răn đe mấy, vẫn mặc quần áo con trai, lăn lê bò toài trên bãi cát để trèo cột mỡ và suýt nữa thì gây nên một thảm thảm kịch giữa mười bảy người chú họ của mình đang bàng hoàng trước cảnh tượng không sao chịu đựng nổi. Cũng vì vậy mà không ai trong số họ ngủ lại nhà khi đến thăm làng và bốn người còn lại từ trước thì sống riêng ở mấy phòng thuê theo sự xếp đặt của Ucsula. Tuy vậy, Rêmêđiôt - Người đẹp, chắc là sẽ chết cười nếu mà biết được sự đề phòng đó. Cho tới giây phút cuối cùng còn ở trần gian, nàng không hề biết rằng cái số phận làm đàn bà có sức quyến rũ không cưỡng lại nổi của mình lại là một mối thảm hoạ hàng ngày.

Mỗi lần nàng xuất hiện ở nhà ăn, cãi lại lệnh của Ucsula là một lần làm cho đám khách lạ hết hoảng sợ hãi. Hai năm rõ mười là nàng thỗn thện trong chiếc váy đầm thùng thình trớ trêu kia, và không ai có thể hiểu rằng cái đầu trọc lốc tròn quay của nàng lại không phải là một sự thách thức, và rằng việc nàng chẳng ngượng ngùng phơi đùi ra cho mát cũng như việc nàng cứ mút ngón tay chùn chụt sau khi dùng tay bốc thức ăn lại không phải là một sự khiêu khích đầy tội ác điều chẳng bao giở những người trong gia đình biết được là đám khách lạ nhanh chóng nhận ra rằng Rêmêđiôt - Người đẹp thường gây ra nỗi kinh hoàng và sự giày vò nội tâm cho họ ngay cả sau khi nàng đã đi qua hàng giờ rồi. Những trang nam nhi lọc lõi trước những đau khổ vì tình, được thử thách khắp đó đây đều khẳng định rằng họ chưa từng bao giờ lại có cảm giác thèm khát đến như vậy trước làn hơi tự nhiên của Rêmêđiôt - Người dẹp. Ở hành lang đặt những chậu cây thu hải đường, ở phòng khách, ở bất cứ góc nào trong nhà, người ta có thể chỉ đích vào nơi nàng đã đứng và thời gian chính xác lúc nàng rời đi. Cái dấu vết ấy rõ ràng, không lẫn lộn được, nhưng không ai trong gia đình nhận ra vì từ lâu nó đã hoà nhập vào cái mùi hàng ngày trong nhà, còn những khách lạ thì dễ dàng nhận ra ngay. Vì vậy duy chỉ có bọn họ hiểu được rằng viên chỉ huy trẻ tuổi của đội gác có lẽ đã chết vì tình, và một chàng công từ từ xa đến có lẽ đã tuyệt vọng. Không biết gì tới khung cảnh xao động và trạng thái tai ương nghiệt ngã do mỗi cử chỉ, mỗi bước đi của mình gây ra, Rêmêđiôt - Người đẹp luôn cư xử với mọi người không chút tà tâm và vẫn làm cho họ sầu não trước sự hoan hỉ ngây thơ của nàng. Khi Ucsula bắt nàng phải vào ăn cơm trong bếp cùng với Amaranta để cho đám khách lạ khỏi trông thấy, thì nàng lại cảm thấy

dễ chịu hơn, bởi vì rốt cuộc nàng càng được tự do thoải mái. Thực ra nàng ăn cơm ở đâu cũng vậy thôi, và không phải vào giờ qui định mà hễ thích lúc nào thì nàng ăn lúc ấy. Khoảng ba giờ sáng nàng đã dậy ăn, rồi ngủ suốt cả ngày, và suốt mấy tháng trời nàng ăn uống chẳng theo giờ giấc nào, cho đến khi một sự tình cờ nào đó đưa nàng trở lại trật tự cũ. Khi mọi việc đều suôn sẻ thì mười một giờ trưa nàng mới dậy và chui vào trong nhà tắm khoá cửa lại và cứ thế trần truồng dầm mình trong bồn tắm hàng vài giờ liền, vừa giết những con bò cạp vừa rũ đi cơn buồn ngủ kéo dài. Sau đó nàng lấy chiếc gáo bằng quả bầu khô múc llước trong vại dội ào ào lên người. Buổi tắm cứ kéo dài, tỉ mỉ, thích thú trong cái khung cảnh tịch mịch trang nghiêm, mà nếu ai không biết rõ nàng thì chắc hẳn sẽ nghĩ rằng nàng đang say mê chăm chút cơ thể mình. Nhưng đối với nàng, cái nghi thức đơn điệu kia chẳng có gì là khêu gợi, và đó chỉ là cách tiêu khiển thì giờ trong lúc nàng đói. Có hôm khi nàng bắt đầu tắm, một người khách lạ dỡ một viên ngói trên nóc nhìn xuống, và chàng ta như nghẹt thở trước tấm thân ngà ngọc ấy. Nàng nhìn thấy đôi mắt trân trân kia qua lỗ trống trên mái ngói và phản ứng của nàng không phải là cảm giác xấu hổ, mà là sự lo sợ cho tính mạng của chàng trai.

- Cẩn thận kẻo ngã, - nàng hét lên.

- Anh chỉ muốn được chiêm ngưỡng em thôi mà. - Chàng khách lạ thì thào.

- Ồ, thế à nhưng hãy cẩn thận, mái ngói đã bục rồi đấy.

Nét mặt của chàng trai thoáng vẻ đau đớn kinh hoàng và như đang âm thầm cưỡng lại sự hồi hộp đầu tiên để không làm ảo mộng tiêu tan. Rêmêđiôt - Người đẹp những tưởng chàng đau khổ vì sợ mái ngói vỡ, và nàng tắm nhanh hơn thường lệ để chàng khỏi gặp nguy

hiểm. Vừa múc nước ở vại dội lên người, nàng vừa nói với chàng rằng cái mái nhà ọp ẹp đến thế sẽ gây chuyện khốn khổ, và rằng lá mục vì mưa dột là nguyên nhân khiến cải bồn tắm lúc nào cũng đầy những bò cạp. Chàng trai những tưởng câu chuyện tầm phào kia là cách mà nàng che giấu sự bằng lòng, cho nên khi nàng bắt đầu xoa xà phòng thì chàng bèn dấn thêm bước nữa:

- Để anh xoa xà phòng cho em.

- Cám ơn lòng tốt của anh, - nàng nói, - nhưng chỉ cần hai bàn tay em cũng đủ.

- Cho anh xoa đằng lưng thôi mà, - chàng van nài.

- Chẳng cần như vậy. Em chả thấy ai lại xoa xà phòng sau lưng bao giờ.

Sau đó, trong khi nàng lau mình, chàng trai nước mắt đắm đìa khẩn khoản được cầu hôn với nàng. Nàng thực thà trả lời rằng chẳng bao giờ nàng lại đi lấy một người con trai xoàng tới mức bỏ phí cả hàng tiếng đồng hồ, thậm chí bỏ cả bữa cơm, để chỉ làm cái việc là xem một cô gái tắm. Cuối cùng, khi nàng mặc chiếc váy đầm vào, chàng trai không thể nào chịu đựng được trước sự thực là nàng không mặc đồ lót gì cả, như mọi người vẫn đoán như vậy và cảm thấy điều bí mật ấy như một thanh sắt nung đỏ ấn dấu mãi mãi vào da, thịt lệnh. Lúc đó chàng trai bèn dỡ thêm hai viên ngói nữa để trèo vào bên trong nhà tắm.

- Mái nhà cao lắm? - nàng gọi, giọng kinh hoàng, - khéo ngã chết đấy!

Tiếng những viên gạch vỡ rơi loảng xoảng như báo hiệu một thảm hoạ, và anh chàng khách lạ kia chỉ kịp rú lên một tiếng khủng khiếp, sọ vỡ tan và chết không kịp ngáp trên nền xi măng. Những người

khách lạ từ trong nhà ăn nghe thấy tiếng đổ ầm ầm đã vội chạy ra khiêng xác chàng trai trẻ, cảm thấy từ làn da của anh ta toả ra cái mùi nồng nặc đến khó thở của Rêmêđiôt - Người đẹp, và cái mùi này vẫn tiếp tục hành hạ đám đàn ông cả sau khi chết, cả khi họ chỉ còn là nắm xương tàn. Mặc dù vậy, họ không liên hệ tai nạn khủng khiếp đó với cái chết của hai người đàn ông khác cũng vì Rêmêđiôt - Người đẹp. Phải đợi đến khi có một nạn nhân nữa thì những người khách lạ và rất nhiều người sinh trưởng ở Macôndô mới tin vào câu chuyện huyền thoại nói rằng hơi thở của Rêmêđiôt - Người đẹp không phải là làn hơi tình ái mà là luồng khí giết người. Câu chuyện xảy rá vài tháng sau đó, vào một buổi chiều khi Rêmêđiôt - Người đẹp cùng với mấy bạn gái đi xem những đồn điền mới. Dân Macôndô gần đây có thói quen tiêu khiển mới bằng cách đi dạo dọc những con đường ẩm ướt và dài như vô tận trồng chuối kín cả hai bên, là nơi sự im lặng dường như được bắt nguồn từ một xứ sở hoang vu nào đó, và do đó âm thanh thật khó lan xa. Có khi chỉ cách nhau có nửa mét mà không nghe thấy tiếng nhau, nhưng tiếng nói từ tít phía bên kia cánh đồng vọng tới lại rất rõ. Trò chơi mới mẻ đó làm cho các cô gái ở Macôndô được những mẻ cười thoải mái hoặc những trận hồi hộp hù doạ và trêu đùa nhau. Tối đến các cô thường kể lại các cuộc dạo chơi đó như kể lại những giấc mơ. Sự im lặng kia được coi trọng tới mức Ucsula không dám ngăn cản cuộc tiêu khiển của Rêmêđiôt - Người đẹp, và một buổi chiều đã cho phép nàng đi chơi với điều kiện phải đội chiếc mũ rộng vành và diện bộ cánh thật đẹp. Từ lúc các cô gái vào tới đồn điền, bầu không khí như đượm một mùi thơm chết chóc. Những người đàn ông làm việc trên cánh đồng như cảm thấy bị mê hoặc, bị đe doạ bởi một hiểm hoạ vô hình, và rất nhiều người

như chìm đắm trong cơn khủng khiếp đẫm nước mắt. Rêmêđiôt - Người đẹp và các cô bạn hốt hoảng của cô vừa kịp ẩn vào một ngôi nhà gần đó khi bọn họ suýt bị một đám đàn ông cuồng nhiệt làm nhục Sau đó các cô được cứu thoát nhờ có bốn anh em Aurêlianô, mà những chữ thập tro thánh trên trán họ in đậm một sự tôn kính, dường như chúng là một dấu ấn của đẳng cấp, của sự bất khả xâm phạm. Rêmêđiôt - Người đẹp không kể với ai câu chuyện một kẻ trong số đó lợi dụng lúc ồn ào sờ tay vào bụng dưới của nàng, cái bàn tay ấy có vẻ như những chiếc móng chim ưng bám vào bờ vực thẳm. Trong tích tắc nàng gạt tay chàng trai trẻ ngông cuồng và nhìn thấy một đôi mắt rầu rĩ làm cho trái tim nàng nhói lên một cảm giác thương cảm. Đêm ấy, chàng trai đến phố Thổ Nhĩ Kỳ khoe khoang về sự liều lĩnh và số may của mình. Vài phút sau anh chàng bị một con ngựa đá một phát giập ngực và đám đông khách tứ phương chứng kiến cảnh anh ta giãy giụa trong vũng máu, chết gục giữa đường.

Thế là điều phỏng đoán về chuyện Rêmêđiôt - Người đẹp mang trong người uy quyền của thần chết đã được chứng minh bằng bốn trường hợp không gì bác bỏ được. Mặc dù một số người hay tán gẫu thường nói cho sướng miệng rằng nếu được ngủ một đêm với người đàn bà quyến rũ như vậy thì có chết cũng đành nhưng thực ra chẳng anh nào cố sức để làm việc đó cả. Có lẽ chỉ cần một thứ tình cảm nguyên thuỷ và giản dị như tình yêu là đủ để không chỉ chinh phục nàng mà còn để tránh mọi nguy hiểm, nhưng đó chính là điều duy nhất không ai nghĩ tới.

Ucsula không chú ý gì đến nàng nữa. Trước kia, khi cụ còn chưa từ bỏ ý định cứu vớt nàng thành người hữu ích cho cuộc đời, cụ thường

cố làm cho nàng quan tâm đến những công việc chính ở trong nhà. "Đàn ông họ thường đòi hỏi nhiều hơn là mày tưởng", cụ thường nói mập mờ như vậy, "Nào nấu nướng, nào quét dọn, rồi biết bao nhiêu điều lặt vặt phải lo toan, ngoài những điều mày nghĩ". Thực ra cụ đã tự lừa dối mình bằng cách dạy cho nàng hưởng hạnh phúc gia đình, bởi vì chính cụ cũng tin rằng một khi dục vọng được thoả mãn thì không một người đàn ông trên trái đất này có thể chịu đựng được, dù chỉ trong một ngày, sự lơ đễnh không thể hiểu được ấy… Khi người đàn ông cuối cùng(2) của nhà Hôsê Accađiô ra đời, cụ dứt khoát muốn nuôi dạy cho nó trở thành Giáo hoàng, cho nên cụ chả còn tâm lực đâu mà lo lắng đến cô chắt gái. Cụ để mặc nàng, nghĩ rằng sớm muộn gì thì cũng có điều kỳ diệu xảy ra, và trong cái thế giới mọi sự đều có thể này hẳn là cũng sẽ phải có một người đàn ông đủ nhẫn nại để rước lấy nàng. Từ lâu rồi, Amaranta đã dứt bỏ mọi ý định cố dạy nàng thành một cô gái hữu ích. Ngay từ những buổi chiều khâu vá chẳng còn nhớ rõ nữa ấy, khi cô cháu gái chỉ thích có mỗi việc quay maniven chiếc máy khâu, bà đã kết luận dứt khoát nó là đứa ngốc nghếch. "Đến phải mang đấu giá mày đi thôi", bà nói, và rất ngạc nhiên trước thái độ tỉnh bơ của nàng đối với những lời tán tỉnh của đám đàn ông. Về sau khi Ucsula cứ nhất quyết bắt Rêmêđiôt - Người đẹp phải phủ mạng che mặt lúc đi lễ nhà thờ, Amaranta nghĩ rằng cái trò bí ẩn kia có lẽ lại trở thành khêu gợi tới mức mà chẳng mấy chốc sẽ có một người đàn ông đủ sức hiếu kỳ và nhẫn nại để đi tìm chỗ yếu của trái tim nàng. Nhưng khí trông thấy cung cách ngờ nghệch mà nàng khước từ một kẻ cầu thân có nhiều điểm còn ăn đứt cả vương tôn công tử, thì bà không còn hy vọng gì nữa. Phecnanđa thậm chí không muốn hiểu nàng nữa. Khi thấy Rêmêđiôt - Người đẹp

vận đồ xiêm áo Hoàng hậu trong ngày hội Cacnavan đẫm máu, Phecnanđa nghĩ rằng đó là một cô gái dị thường. Nhưng khi thấy nàng dùng tay ăn bốc, và trả lời bằng những câu ngớ ngẩn thì Phecnanđa chỉ cảm thấy tiếc là những kẻ đần độn trong gia đình lại có cuộc sống lâu dài thế. Mặc dù rằng đại tá Aurêlianô Buênđya vẫn tin và thường nhắc đi nhắc lại rằng thực ra thì Rêmêđiôt - Người đẹp là đứa thông minh sáng suốt chưa từng thấy, và mặc dù rằng nàng vẫn thường tỏ ra khéo léo lạ kỳ trong việc bỡn cợt mọi người khác, cả nhà đã phó mặc nàng cho Thượng đế lòng lành. Rêmêđiôt - Người đẹp một mình bơi trong sa mạc cô đơn, chẳng có cây thánh giá trên vai, chìm đắm trong những giấc mơ tươi đẹp, trong những buổi tắm triền miên, trong những bữa ăn không giờ giấc, trong chuỗi lặng im sâu thẳm không hồi tưởng, cho đến một buổi chiều tháng ba khi Phecnanđa ở trong vườn muốn gấp những chiếu chăn thô trải giường và gọi các bà các chị ra giúp mình một tay. Họ vừa mới bắt đầu, thì Phecnanđa phát hiện thấy Rêmêđiôt - Người đẹp toàn thân xanh tái.

- Chị ốm hay sao vậy? - Phecnanđa hỏi.

Rêmêđiôt - Người đẹp đang cầm một dầu mép chăn bên kia mỉm cười như nuối tiếc.

- Không phải đâu, - nàng nói,- chị thấy mình khoẻ hơn lúc nào hết.

Nàng vừa nói đến đấy thì Phecnanđa cảm thấy một làn gió dễ chịu đầy ánh sáng làm bật chiếc chăn khỏi tay mình và hất tung nó lên trời. Amaranta cảm thấy lạnh xương sống và cố bám lấy chiếc chăn cho khỏi ngã, đúng vào lúc Rêmêđiôt - Người đẹp bay lên. Ucsula, lúc ấy gần như loà mắt, là người duy nhất bình tĩnh nhận ra thực chất của làn gió không gì cưỡng lại kia và cứ để mặc cho những chiếc

chăn bay như vậy mà nhìn Rêmêđiôt - Người đẹp đang vẫy tay vĩnh biệt mình.

Giữa luồng sáng phập phồng của những chiếc chăn cùng bay lên theo nàng, có cả mùi những con bọ cạp và hoa mẫu đơn, tất cả cùng đi theo nàng trong cái bầu không khí kết thúc lúc bốn giờ chiều, và tất cả cùng theo nàng vĩnh viễn biến mất ở trên tầng cao không khí nơi những con chim bay cao nhất cũng chẳng vỗ cánh tới bao giờ. Đám khách lạ tất nhiên nghĩ rằng Rêmêđiôt - Người đẹp cuối cùng đã hoá thân theo cái số mệnh tiền định của nàng là con ong chúa, và gia đình nàng đã ra sức cứu vãn danh dự bằng cái huyền thoại nàng tự bay lên. Phecnanđa ghen tức vô cùng, cuối cùng cũng chấp nhận câu chuyện ly kỳ, và rất lâu sau đó vẫn tiếp tục cầu trời đem trả lại những chiếc chăn. Mọi người đấu tin vào câu chuyên kỳ diệu và họ đều hương khói khấn khứa. Có lẽ sẽ không ai nói chuyện gì khác trong một thời gian lâu nữa, nếu như không có chuyện tàn sát man rợ đám con trai của đại tá Aurêlianô Buênđya, làm cho sự ngạc nhiên biến thành sự hãi hùng! Mặc dù chưa bao giờ nói ra miệng lời tiên đoán của mình, nhưng đại tá Aurêlianô Buênđya đã dự cảm trước trong chừng mực nào đó cái kết cục bi thảm của các con mình. Khi Aurêlianô Sêrađô và Aurêlianô Accada tỏ ý muốn ở lại Macôndô, ông bố đã cố ngăn cản. Ông không hiểu chúng sẽ làm gì ở cái làng mà chỉ từ đêm đến sáng đã biến thành một nơi nguy hiểm. Nhưng Aurêlianô Xêntênô và Aurêlianô Tristê được Aurêlianô Sêgunđô ủng hộ đã nhận hai người vào làm trong xí nghiệp của mình. Đại tá Aurêlianô Buênđya có nhiều lý do đúng sai lẫn lộn để không tán đồng quyết định ấy. Kể từ khi trông thấy ngài Brao trên chiếc ôtô đầu tiên đến Macôndô - một chiếc xe màu da cam có chiếc còi làm khiếp vía

những con chó cứ chạy theo mà sủa ầm ĩ - người lính già bực mình với sự xun xoe khúm núm của dân làng, và nhận ra rằng có cái gì thay đổi trong phẩm cách con người kể từ hồi ngài từ bỏ vợ con, vác khẩu súng lên vai ra đi chiến trận. Các nhà chức trách địa phương, sau Hiệp định đình chiến Neclanđia, đều trở thành những thị trưởng chăng có sáng kiến gì, những thẩm phán làm vì, được chọn trong số những người bảo thủ mệt mỏi và hiền lành ở Macôndô. "Đây là một chế độ của những con quỉ đói"; đại tá Aurêlianô Buênđya bình phẩm khi trông thấy những viên cảnh sát đi chân đất mang dùi cui đi ngang qua, "Chúng ta đã bao lần nổi dậy làm chiến tranh cốt để cho chúng nó không bắt chúng ta phải quét vôi xanh nhà mình". Tuy vậy khi Công ty chuối đến, các viên chức địa phương bị thay thế bằng đám chức dịch lạ mặt mà ngài Brao đưa đến sinh sống ở khu nhà chung cư, khu "trại gà mắc điện", để cho họ được hưởng - theo lời ngài giải thích - vinh dự hợp với chức vị của mình, và không phải chịu cảnh nóng bức, muỗi và vô số sự thiếu thốn khổ ải của dân chúng. Những viên cảnh sát cũ bị thay thế bằng bọn giết người bằng dao chặt mía. Chúi đầu trong xưởng, đại tá Aurêlianô Buênđya nghĩ ngợi về những đổi thay đó, và lần đầu tiên trong những năm cô đơn thầm lặng của mình, ngài trằn trọc mãi với điều khẳng định dứt khoát rằng không tiếp tục cuộc chiến tranh tới cùng là một sai lầm. Vào những ngày ấy, một người anh em của đại tá Măcgơniphicô Visban bị quên lãng dẫn đứa cháu bảy tuổi đi uống nước ngọt ở một hàng rong ngoài quảng trường. Chẳng may đứa trẻ va phải viên đội xếp cảnh sát và đánh đổ cốc nước ngọt vào quần áo của y. Tên man rợ này liền rút dao chém đứa bé làm mấy khúc, người ông chạy tới ngăn cản liền bị y chém phăng đầu. Cả làng đều trông thấy ông già bị chém cụt đầu khi một

số người khiêng ông về nhà, và một người phụ nữ túm tóc xách chiếc đầu lâu chạy theo cùng với chiếc bao tải đẫm máu đựng xác đứa trẻ.

Đối với đại tá Aurêlianô Buênđya thì đây là giới hạn của sự trừng phạt. Ngay lập tức, ngài cảm thấy phẫn nộ giống như hồi còn trai trẻ ngài đã phẫn nộ khi đứng trước xác người đàn bà bị lính đánh chết chỉ vì tội bị chó dại cắn. Nhìn những đám người tò mò đứng trước cửa nhà, bằng cái giọng căm thù không thể chịu đựng được nữa ngài quát tướng lên:

- Một ngày kia ta sẽ trang bị vũ khí cho các con ta để chúng nó kết liễu đời cái bọn Gringô chết tiệt này!

Trong tuần lễ ấy, ở những địa điểm khác nhau thuộc vùng duyên hải, mười bảy người con của ngài đã bị những tên giết người vô hình nhằm vào dấu thánh trên trán mà bắn như bắn thỏ. Aurêlianô Tristê ra khỏi nhà mẹ đẻ vào lúc bảy giờ tối thì một phát súng từ trong bóng tối xuyên giữa trán. Aurêlianô Xêntênô chết cứng trên chiếc võng vẫn thường buộc trong nhà máy vì bị một chiếc dùi đâm ngập đến tận cán ở chính giữa hai lông mày. Aurêlianô Sêrađô từ rạp chiếu bóng đưa người yêu về nhà, trên đường trở về đến phố Thổ Nhĩ Kỳ thì có kẻ trà trộn trong đám đông bắn một phát súng lục làm anh ta đổ gục vào nốt chảo bơ đang sôi. Mấy phút sau, có người gõ cửa căn phòng nơi Aurêlianô Accada đang ngủ với một người đàn bà và gọi: "Nhanh lên, chúng nó giết anh em mày ngoài kia". Người đàn bà cùng ở trong phòng với anh ta về sau kể rằng Aurêlianô Accada nhảy ra khỏi giường và mở cửa chạy ra thì bị một loạt đạn môde bắn vỡ sọ. Cái đêm chết chóc ấy, khi cả nhà chuẩn bị đèn nến khâm liệm bốn xác chết thì Phecnanđa chạy như điên khắp làng để tìm Aurêlianô

Sêgunđô, lúc đó được Pêtra Côtêt ấn vào trong chiếc tủ áo vì tin chắc rằng mật lệnh tàn sát nhằm rào tất cả những ai mang tên ngài đại tá. Mãi đến bốn ngày sau, khi các bức điện nhận được từ nhiều nơi thuộc vùng duyên hải cho phép hiểu rằng sự điên cuồng của kẻ thù vô hình chỉ thẳm vào những anh em Aurêlianô có dấu chữ thập ở trán, Pêtra Côtêt mới cho anh ta ra ngoài. Amaranta lục cuốn sổ nhỏ ghi chép về những đứa cháu, và cứ nhận được bức điện báo tử nào thì gạch tên đứa đó, cho tới khi chỉ còn lại đứa cháu lớn. Bà nhớ rõ đứa cháu này vì cậu ta có nước da đen tương phản với lôi mắt xanh to tướng. Đó là Aurêlianô Amađô vốn là thợ mộc, sinh sống ở một làng nhỏ tít trong bìa rừng. Sau hai tuần đợi không thấy có điện báo của anh, Aurêlianô Sêgunđô cho người đi báo để anh đề phòng, sợ rằng anh không biết gì về mối nguy hiểm đang treo trên đầu. Người đưa tin trở về nói là Aurêlianô Amađô đã thoát nạn. Có hai người đàn ông đến lùng anh ở nhà vào cái đêm tàn sát ấy. Chúng đã nã súng vào anh, nhưng không trúng được vào chỗ có dấu chữ thập trên trán. Aurêlianô Amađo nhảy qua hàng rào ở sân, và chạy tuột vào triền rừng mà anh thuộc như lòng bàn tay do có quan hệ buôn bán gỗ với những người thổ dân. Từ đó không có tin tức gì thêm về anh. Thật là những ngày đen tối đối với đại tá Aurêlianô Buênđya. Tổng thống nước cộng hoà gửi tới ngài bức điện chia buồn, hứa ra lệnh điều tra đến nơi đến chốn và tỏ lòng tưởng nhớ những người đã khuất. Theo lệnh của Tổng thống, thị trưởng đem bốn vòng hoa tới dự lễ tang và định đặt lên các quan tài, nhưng ngài đại tá cho đem để ra ngoài đường. Sau đám tang, đại tá thảo một bức điện lời lẽ gay gắt và tự tay đem đi điện cho Tổng thống, nhưng điện báo viên không chịu phát. Thế là ngài viết thêm mấy dòng lời lẽ cay cú hơn

nữa và cho vào phong bì gửi đi. Cũng giống như khi xảy ra cái chết của cô vợ, và bao nhiêu cái chết của những người bạn quí trong thời kỳ chiến tranh, ngài đại tá không cảm thấy đau buồn, mà chỉ thấy một nỗi mệt mỏi bất lực và sự điên dại mù quáng. Thậm chí ngài còn tố cáo cả cha Antôniô Isaben đồng loã với bọn giết người vì đã làm dấu chữ thập cho các con mình bằng một thứ tro không phai màu để kẻ thù dễ nhận ra chúng. Vị cố đạo lụ khụ này không còn minh mẫn là mấy và khi lên bực đã bắt đầu làm cho con chiên kinh hãi với những lời rao giảng lung tung, một chiều nọ đã đến nhà đại tá mang theo cả một bát tro hoà sẵn dùng làm dấu thánh vào thứ tư hàng tuần, và cố gọi đủ cả gia đình đến để lấy thứ nước tro ấy làm dấu chữ thập lên trán họ nhằm thanh minh rằng nó có thể lấy nước lã rửa sạch được. Nhưng sự hãi hùng của nỗi bất hạnh ăn sâu đến mức ngay cả Phecnanđa cũng chẳng để ý tới việc làm đó và từ bấy trở đi không bao giờ thấy một ai trong dòng họ Buênđya đến quì trước bàn chịu lễ vào dịp lễ Tro thứ tư hàng tuần.

Trong một thời gian dài đại tá Aurêlianô Buênđya không bình tĩnh lại được. Ngài bỏ việc làm những con cá vàng, ăn uống khó khăn, và đi lại khắp nhà như một kẻ mộng du, kéo lệt sệt chiếc áo choàng và hậm hực nhất nỗi giận dữ ngấm ngầm. Sau ba tháng tóc ngài bạc trắng, hàng ria cũ chải chuốt nay đâm tua tủa phủ kín đôi môi nhợt nhạt, nhưng trái lại, đôi mắt ngài một lần nữa lại rực sáng giống như hai hòn than, từng làm khiếp đảm những ai trông thấy ngài lúc mới sinh và một thời chúng đã làm cho những chiếc ghế xoay tít khi ngài nhìn vào. Trong sự giằng xé điên cuồng ấy đại tá Aurêlianô Buênđya ra sức tìm kiếm một cách vô ích những điềm báo từng đưa tuổi trẻ của ngài theo những con đường nguy hiểm tới sa mạc bi thảm của

vinh quang. Ngài như mất phương hướng, chơi vơi trong ngôi nhà xa lạ mà ở đấy không còn ai và chẳng có cái gì còn gợi cho ngài chút tình cảm thân thương nào. Một lần nữa ngài mở cửa căn buồng của Menkyađêt để tìm kiếm dấu vết cuộc chiến tranh đã qua, nhưng chỉ thấy những đống đổ nát, rác rưởi và những đồ vứt đi chất đống lại đấy sau bao năm không ai nhòm ngó tới. Trên bìa những quyển sách gáy da chẳng còn ai giở tới nay đã ẩm mốc và lên rêu xanh, trên khoảng không vốn là nơi sáng sủa và trong lành nhất nhà cứ bập bềnh cái mùi không thể chịu được của những kỷ mềm đã thối rữa. Một buổi sáng nọ ngài thấy Ucsula ngồi khóc dưới gốc cây dẻ, dưới chân người chồng đã chết. Ngài đại tá Aurêlianô Buênđya là người duy nhất trong nhà, không tiếp tục nhìn thấy cụ bà cường tráng tàn tạ đi trong nửa thế kỷ sương gió. "Hãy chào cha đi" - Ucsula nói với ngài. Ngài dừng lại chốc lát trước cây dẻ và một lần nữa nghiệm thảy rằng khoảng trống kia cũng không gây ấn tượng gì đối với ngài cả.
- Mẹ bảo gì? - ngài hỏi.
- Trông ông ấy rất buồn, - Ucsula trả lời, - chắc ông ấy nghĩ rằng con sẽ chết.
- Hãy nói với cha rằng, - ngài đại tá mỉm cười nói, - người ta không chết khi phải chết, mà sẽ chết khi nào có thể chết.
Lời tiên đoán của người cha đã khuất khơi dậy chút ngạo nghễ cuối cùng còn lại trong tim, nhưng ngài lại tưởng nhầm đây là một cuồng sức mạnh đột ngột. Vì vậy mà ngài cứ gạn hỏi Ucsula xem những đồng tiền vàng tìm thấy trong bức tượng thánh Hôsê bằng thạch cao đã được chôn ở chỗ nào trong sân. "Không bao giờ con biết được", - cụ nói chắc như đinh đóng cột, và thêm: "Một ngày kia chủ nhân của chỗ của cải ấy hẳn sẽ xuất hiện, và chỉ có người ấy mới đào bới lên

được". Không ai hiểu vì sao một người luôn luôn hào hiệp đến thế mà lại tỏ ra khao khát tiền bạc nhường ấy, và không chỉ là số tiền đủ để có thể giải quyết một việc khẩn cấp, mà là một số của cải khổng lồ đến nỗi Aurêlianô Sêgundô chỉ nghe nói đã phát khiếp lên. Những người cùng cánh mà ngài tìm đến nhờ giúp đỡ đều trốn biệt không tiếp. Chính vào lúc ấy người ta nghe ngài nói: "Điểm khác nhau duy nhất hiện nay giữa phái Tự do và phái Bảo hoàng là ở chỗ những người Tự do đi lễ nhà thờ vào lúc năm giờ và những người Bảo hoàng thì đi vào lúc tám giờ". Tuy nhiên, ngài cứ một mực thiết tha, cầu khẩn, vứt bỏ tất cả mọi nguyên tắc danh dự mà ngài vốn tuân thủ, chạy vạy chỗ này một ít chỗ kia một ít với một sự kiên nhẫn thầm lặng, chỉ trong vòng tám tháng ngài đã hùn được một món tiền lớn hơn eả số tiền Ucsula đã chôn giấu. Lúc bấy giờ ngài đến thăm đại tá Hêrinêndô Mackêt nhờ giúp đỡ để mở cuộc chiến tranh tổng lực. Đã có một thời đại tá Hêrinêndô Mackêt đúng là người duy nhất có thể giật dây các cuộc bạo động mặc dù vẫn nằm trên chiếc ghế xích đu của người bại liệt. Sau Hiệp định ảnh chiến Neclanđia, trong khi đại tá Aurêlianô Buêndya lẩn tránh ở xưởng kim hoàn sản xuất những con cá vàng thì Hêrinêndô Mackêt tiếp xúc với đám sĩ quan khởi nghĩa trung thành với ngài cho tới thất bại. Cùng với họ ngài tiến hành cuộc chiến tranh của sự nhục nhã hàng ngày, của sự cầu khẩn và van xin, lào là xin trở lại vào ngày mai", nào là "cũng sắp sửa", rồi lại "chúng tôi đang chú ý xem xét trường hợp của ngài"; một cuộc chiến tranh thua thiệt vô phương cứu chữa chống những kẻ phục vụ tận tuy và chắc chắn đáng phải được nhưng lại không bao giờ được hưởng khoản trợ cấp suốt đời. Cuộc chiến tranh khác cuộc chiến tranh đẫm máu hai mươi năm, không gây nhiều thiệt hại như cuộc

chiến tranh gậm nhấm của sự áp đặt vĩnh viễn. Chính đại tá Hêrinêndô Mackêt từng thoát khỏi ba vụ mưu sát, sống sót với năm vết thương và bình yên vô sự qua biết bao trận khác, đã chết ngợp trong sự vây hãm tàn bạo của hy vọng và nếm mùi thất bại nhục nhã của tuổi già, trong khi nghĩ tới Amaranta giữa những chiếc đèn hình thoi trong căn nhà ở nhờ. Những cựu chiến binh, mà người ta còn biết tin, dã xuất hiện trên một tờ báo qua những tấm ảnh, mặt câng câng, cùng chụp chung với ngài Tổng thống vô danh của nước Cộng hoà, người đã tặng bọn họ những chiếc cúc có in ảnh ngài để dùng đơm ở cổ áo, và trả cho họ một lá cờ bẩn thỉu, vấy máu và ám khói thuốc súng để phủ lên những chiếc quan tài của chính họ. Còn những người khác, những người biết tự trọng hơn, vẫn chờ đợi một bức thư trước cảnh tranh tối tranh sáng của lòng thương thiên hạ, chết dần chết mòn vì đói khát, sống dở chết dở vì điên dại, thối rữa tàn lụi đi vì già cỗi giữa cái đống cứt đái thơm tho của sự vinh quang. Vì vậy mà khi đại tá Aurêlianô Buênđya mời tham gia vào việc tổ chức một cuộc chiến tranh một mất một còn nhằm kết liễu mọi vết tích của một chế độ tham nhũng và bê bối do xâm lược nước ngoài dựng lên, ngài đại tá Hêrinêndô Mackêt không thể kìm lại được sự xúc động vì thương hại:

- Trời ơi, Aurêlianô, - ngài thở dài. - Tôi biết là ông bạn già rồi, nhưng đến giờ tôi mới nhận thấy ông đã già hơn rất nhiều so với chính hình hài già nua của ông đấy…

Chú thích:

(1) Dân Bắc Mỹ, cách gọi miệt thị.

(2) Tức con trai đầu lòng của Aurêlianô Sêgundô với Phecnanđa.

Chương 13

Trong những năm đầy náo loạn gần đây, Ucsula có rất ít thì giờ rảnh rỗi chăm lo cho Hôsê Accađiô học để trở thành Giáo hoàng. Khi cậu cần chuẩn bị gấp để đi thi, Mêmê, em gái cậu, lớn lên giữa tính nết hà khắc của Phecnanđa và tính tình chua ngoa của Amaranta, lúc đó cũng đã đến tuổi vào trường nữ tu để được rèn giũa thành một nghệ sĩ tiểu phong cầm. Ucsula rất băn khoăn nghi ngờ hiệu quả của các phương pháp dùng để rèn giũa tinh thần học hành trễ nải của vị Giáo hoàng tương lai, nhưng cụ không đổ lỗi cho tuổi già lẫn cẫn của mình hay cho con mắt mờ những đám mây phủ hầu như không để cho cụ nhận rõ được hình thù của sự vật, mà lại qui tội cho cái mà cụ cũng không xác định được chính xác nhưng hiểu nhầm nó với một sự tiêu phí thời gian ngày càng tăng. "Năm tháng bây giờ không còn giống như năm tháng trước kia", cụ thường hay nói như vậy mà cảm thấy công việc hàng ngày như tuột khỏi tầm tay mình. Cụ nghĩ: trước kia trẻ em chậm lớn hơn nhiều. Chỉ cần cụ nhớ lại quãng thời gian đủ để Hôsê Accađiô, đứa con cả của cụ, đi theo đám digan và mọi chuyện xảy ra trước khi cậu trở về người xăm loang lổ như một con rắn và

nói năng như một nhà chiêm tinh học, và cả những chuyện xảy ra trong nhà trước khi Amaranta và Accađiô bỏ nói thổ ngữ của người Anhđiêng để học nói tiếng Tây Ban Nha; chỉ cần cụ nhớ lại những buổi chiều thanh thản rực rỡ nắng trong đó Hôsê Accađiô Buênđya đáng thương phải chịu đựng dưới bóng cây dẻ, và tất cả những gì cần phải bày tỏ sự tiếc thương trước cái chết của chồng mình trước khi người ta đưa về cho cụ một ngài đại tá Aurêlianô Buênđya đang hấp hối, mặc dù cụ đã qua bao nhiêu cuộc chiến tranh và bao nhiêu đau khổ vì ngài, thế mà cụ vẫn chưa tới năm mươi tuổi. Hồi trước, sau khi cả ngày ngồi làm những chiếc kẹo nặn hình con giống, cụ vẫn còn thời gian chăm sóc các con để nhìn vào tròng mắt những đứa trẻ mà biết chúng ốm đang cần có một lọ dầu. Trái lại bây giờ khi không có việc gì làm và với Hôsê Accađiô cưỡi trên lưng, cụ lang thang từ mờ sáng đến tận đêm khuya, cái loại thời giờ xấu này đã buộc cụ phải bỏ dở công việc. Thực ra là Ucsula cưỡng lại tuổi già ngay cả khi không còn nhớ được tuổi của mình và tập tễnh đi lại khắp nơi, và việc gì cụ cũng cố dự phần, rồi trêu chọc đám khách lạ bằng những câu hỏi đại loại như hồi chiến tranh có gửi ở nhà này một bức tượng thánh Hôsê bằng thạch cao để gia đình trông nom hộ trong mùa mưa hay không. Không ai biết đích xác cụ bị mù từ khi nào. Ngay cả những năm cuối đời khi cụ đã phải nằm liệt giường thì ai cũng tưởng cụ nằm liệt giường là vì già lão thôi, chứ không ai phát hiện được cụ đã bị mù. Cụ đã nhận thấy điều đó từ trước khi sinh Hôsê Accađiô. Thoạt tiên cụ tưởng đâu là mắt chỉ đau qua loa, bèn uống vụng rượu hổ cất và lấy mật ong nhỏ vào mắt, nhưng chẳng bao lâu cụ nhận thấy rằng mắt mình ngày càng mờ đi một cách vô phương cứu chữa đến nỗi cụ không bao giờ có được khái niệm rõ

ràng về đèn điện, vì khi những bóng điện đầu tiên được mắc lên thì cụ chỉ còn cảm thấy một luồng sáng lờ mờ. Cụ không nói với ai bởi vì như vậy có nghĩa là công khai thừa nhận sự bất lực của mình. Cụ lặng lẽ học phân biệt khoảng cách các vật thể, giọng nói của từng người, để tiếp tục nhìn bằng trí nhớ khi mắt đã mờ hẳn. Về sau cụ đã bất ngờ phát hiện ra tác dụng của mùi vị giúp mình xác định các vật thể trong cảnh tối tăm mờ ảo còn tốt hơn cả hình khối và màu sắc, và chúng đã giúp cụ vĩnh viễn thoát khỏi mối nhục ăn báo cô. Trong bóng tối của căn phòng cụ có thể xâu kim và thùa được khuyết áo, và biết được khi nào thì xoong sữa sắp sôi. Cụ nhớ rõ ràng vị trí của từng đồ vật trong nhà tới mức chính cụ có lúc cũng quên rằng mình đã bị mù. Có một lần, Phecnanđa làm ầm ĩ cả nhà vì chiếc nhẫn cưới biến đâu mất, thế mà Ucsula lại tìm thấy trên một chiếc giá để đồ vật trong phòng ngủ của đám trẻ. Chả là trong khi mọi người đi lại lung tung khắp nhà, cụ căng bốn giác quan của mình lặng lẽ theo dõi họ để khỏi bị bất ngờ, nên sau một thời gian cụ phát hiện ra rằng mỗi người trong gia đình này ngày nào cũng giống như ngày nào, đều lặp đi lặp lại chính những lối đi ấy, chính những công việc ấy, thậm chí còn lặp lại những câu nói giống nhau vào cùng một giờ nhất định mà không hay biết gì. Chỉ khi nào họ không tuân theo cái đường mòn chi ly ấy thì mới có thể mất cái gì đó. Vậy nên khi nghe Phecnanđa hốt hoảng la lối là bị mất chiếc nhẫn thì Ucsula nhớ ra rằng việc khác thường duy nhất mà Phecnanđa làm hôm đó là đem những chiếc chiếu của lũ trẻ ra phơi vì Mêmê đêm trước bắt được một con rệp. Vì bọn trẻ cũng tham gia vào việc dọn dẹp, nên Ucsula nghĩ rằng Phecnanđa đã để chiếc nhẫn trên chiếc giá cao, nơi duy nhất chúng không với tới được. Trái lại, Phecnanđa chỉ quanh quẩn tìm kiếm

theo những chỗ hàng ngày quen đi lại, mà không biết rằng việc tìm kiếm vật bị mất đã bị thói quen thường ngày cản trở, cho nên mới phải mất công đến thế.
Việc nuôi dạy Hôsê Accađiô đã giúp Ucsula theo sát những thay đổi nhỏ nhặt trong nhà vốn là công việc nặng nhọc đối với cụ Khi nhận biết là Amaranta đang mặc quần áo cho các thánh bày ở trong phòng ngủ, cụ bèn giả vờ như đang dạy cho chú bé học phân biệt các màu sắc khác nhau.
- Nào, xem nào, - cụ nói, - chút thử nói cho cụ xem Thánh Raphaen Accanhen mặc quần áo màu gì nào?
Bằng cách đó, chú bé sẽ nói cho cụ biết điều mà mắt cụ không nhìn thấy, và từ rất sớm trước khi chú bé đi học Ucsula đã có thể phân biệt được màu sắc khác nhau của y phục các thánh đặt ở trong phòng ngủ. Thỉnh thoảng cũng xảy ra những điều bất ngờ. Một buổi chiều Amaranta đang ngồi thêu ở hành lang bày những chậu thu hải đường, thì Ucsula đụng phải.
- Cha mẹ ơi, - Amaranta phản đối, - bà đi đứng ra làm sao thế.
- Chính cô, - Ucsula nói, - mới là người ngồi không phải chỗ.
Cụ nói đúng. Từ hôm đó cụ bắt đầu nhận thấy một điều chưa ai nhận ra, đó là việc mặt trời dần dần chuyển chỗ theo từng mùa trong một năm, do vậy những người thường ngồi ở hành lang cũng dần dần thay đổi chỗ ngồi mà chính họ không hề biết. Từ bữa đó, Ucsula chỉ cần nhớ ngày tháng để biết chính xác chỗ ngồi của Amaranta. Mặc dù tay cụ ngày càng run và chân cụ ngày càng như không nhấc lên được, nhưng chưa bao giờ người ta lại thấy hình bóng quen thuộc của cụ có mặt ở nhiều nơi trong cùng một lúc đến thế. Hầu như cụ còn nhanh nhẹn như lúc cai quản mọi công việc trong nhà. Tuy

nhiên, trong nỗi cô đơn không dò thấu được của tuổi già, cụ vẫn minh mẫn để ý tới mọi sự thay đổi nhỏ nhặt nhất trong gia đình, vậy nên lần đầu tiên cụ nhận rõ những sự thật mà trước đây công việc đã không cho phép nhìn thấy. Vào thời gian cụ chuẩn bị cho Hôsê Accađiô đi thi, cụ đã tóm lược lại cuộc sống của gia đình từ ngày thành lập làng Macôndô, và đã hoàn toàn thay đổi ý kiến về đám con cháu của mình. Cụ nhận thấy không phải như mình tưởng vì cuộc chiến tàn bạo mà đại tá Aurêlianô Buênđya đã đánh mất tình cảm gia đình, mà thực ra ngài chưa hề yêu mến ai, ngay cả Rêmêđiôt - người vợ của ngài, hoặc vô khối các cô gái từng một đêm chăn gối với ngài, lại càng không thể nói ngài yêu các con ngài. Cụ nhận thấy rằng ngài đã tham gia nhiều cuộc chiến tranh như vậy không phải vì sự say mê lý tưởng như mọi người nghĩ, và ngài đã từ bỏ thắng lợi trông thấy cũng không phải chỉ vì mệt mỏi như thiên hạ nghĩ, mà chính là ngài đã thắng hoặc bại đều do một nguyên nhân: đích thị là thói kiêu ngạo đầy tội lỗi. Cụ đi đến kết luận rằng đứa con mà mình đẻ ra kia là một chàng trai bất lực trước tình yêu. Một đêm, khi còn hoài thai cụ đã nghe thấy nó khóc. Đó là một tiếng than não nuột nghe thật rõ ràng đã làm Hôsê Accađiô Buênđya thức giấc bên cạnh và bỗng thấy vui vui khi nảy ra ý nghĩ rằng nó sẽ là người cọ tài nói giọng bụng. Những người khác đoán rằng nó sẽ là nhà tiên tri, trái lại, cụ rùng mình trước ý nghĩ sáng tỏ rằng cái tiếng gầm sâu lắng kia là dấu hiệu đầu tiên của cái đuôi lợn khủng khiếp, và cầu trời hãy để cho nó chết luôn từ trong bụng. Nhưng sự minh mẫn của tuổi già lại giúp cụ nhận ra rằng tiếng khóc của đứa trẻ trong bụng mẹ không phải là dấu hiệu của tài nói giọng bụng hay khả năng tiên tri, mà là dấu hiệu không lầm lẫn được của sự bất lực đối với tình yêu, và điều này cụ cứ nhắc

đi nhắc lại nhiều lần. Cái điều đánh giá không tốt đẹp gì về đứa con trai bỗng gợi nên trong lòng cụ tất cả lòng thương cảm. Trái lại, Amaranta, mà sự cứng rắn trong tình cảm của bà làm cụ cảm thấy kinh hãi, mà sự chua ngoa được dồn tụ lại trong tình cảm của bà làm cụ cảm thấy chua xót, qua sự thử thách cuối cùng đã làm cho cụ thấy rõ bà là một phụ nữ hiền dịu chưa từng thấy. Cụ hiểu ra với một sự rõ ràng đáng tiếc rằng những sự dằn vặt vô lý đối với Piêtrô Crêspi không phải là do ý muốn trả thù như mọi người vẫn nghĩ, ngay cả sự giày vò dai dẳng làm thất vọng cuộc đời đại tá Hêrinêndô Mackêt cũng không phải là do nỗi đắng cay đau buồn của bà như thiên hạ vẫn tưởng, đúng ra cả hai việc đó đều là sự đấu tranh sống còn giữa một bên là tình yêu vô hạn độ và một bên là sự hèn yếu không gì thắng nổi, và cuối cùng thì nỗi sợ hãi vô lý mà Amaranta vốn có đã thắng chính trái tim bị vò xé của mình. Đúng vào lúc ấy Ucsula bắt đầu gọi đến Rêbêca, nhắc đến bà với tình cảm thắm thiết vốn có nay được tăng thêm bởi sự hối hận muộn màng và sự khâm phục bất ngờ do hiểu rằng chỉ có bà Rêbêca, đứa con không bú sữa cụ mà trái lại lớn lên nhờ ăn đất, đất và vôi của bốn bức tường, là đứa con trong huyết quản không mang dòng máu của cụ nhưng lại mang một dòng máu của những người xa lạ mà nắm xương tàn của họ còn rền rĩ dưới mồ, chỉ có Rêbêca, người con gái có trái tim xao động, có cái dạ dày to, người duy nhất có lòng can đảm khôn cùng là người mà Ucsula từng mong mỏi cho dòng dõi nhà mình.

- Rêbêca, - cụ nói, lần lần tay trên tường, - cả nhà đối với con bất công biết bao!

Mọi người trong nhà cứ tưởng cụ lẩm cẩm, nhất là từ khi cụ đi lại lúc nào cũng giơ tay phải lên trời như là thánh Gabrien. Tuy nhiên,

Phecnanđa nhận thấy một sự minh mẫn sáng suốt ẩn trong cái bóng đen của sự lẩm cẩm kia, chẳng hạn Ucsula có thể nói ngay không chút ngập ngừng số tiền cả nhà tiêu pha trong năm vừa qua. Amaranta đã có ý nghĩ như vậy vào một ngày nọ khi bà mẹ đang bưng nồi xúp trong bếp và mặc dù không hề biết là mọi người đang lắng nghe, cụ nói rằng chiếc cối xay ngô mua của những người digan đầu tiên, chiếc cối đã từng biến mất trước khi Hôsê Accađiô sáu mươi lăm lần lang thang vòng quanh khắp thế giới vẫn còn ở nhà Pila Tecnêra, người cũng đã sống ngót nghét trăm tuổi, nhưng còn khỏe và nhanh nhẹn. Mặc dù thân xác béo quá cỡ làm lũ trẻ phát khiếp cũng như xưa kia tiếng cười từng làm kinh hoàng đàn bồ câu, Pila Tecnêra không ngạc nhiên trước sự minh mẫn của Ucsula, bởi vì kinh nghiệm của chính bà lão bắt đầu cho thấy tuổi già có đầu óc sáng láng có thể còn đáng tin cậy hơn cả phép bói bài. Tuy nhiên, khi Ucsula nhận thấy không đủ thời gian để củng cố lòng ham thích của Hôsê Accađiô, cụ đâm ra hốt hoảng sợ hãi. Cụ bắt đầu mắc sai lầm khi cố sức nhìn bằng mắt những gì bản năng vẫn cho phép mình nhìn kỹ hơn. Một buổi sáng cụ hất cả lọ mực vào đầu cậu bé, nghĩ rằng đó là lọ nước thánh. Vì cứ muốn nhúng tay vào hết mọi chuyện nên cụ đã gây nên nhiều sự va chạm đến nỗi cáu gắt lung tung, và cố sức thoát ra khỏi đám mây đen bao quanh mình như một chiếc áo thụng bằng mạng nhện. Chính lúc đó là khi cụ nghĩ rằng sự vụng về thô kệch của mình không phải là chiến thắng đầu tiên của tuổi già và bóng tối, mà là sự thất bại của thời gian. Cụ nghĩ rằng trước đây, khi Thượng đế với tháng năm chưa đặt chính những cái bẫy mà những người Thổ Nhĩ Kỳ đã dùng vào lúc đo một thước vải lụa, thì mọi việc khác xa thế này. Ngày nay không những trẻ con lớn

nhanh hơn, mà ngay cả tình cảm cũng biến chuyển một cách khác. Ngay sau khi Rêmêđiôt - Người đẹp về trời thì Phecnanđa chẳng ý tứ gì cứ làu bàu khắp nơi về chuyện nàng đã mang theo cả những chiếc chăn trải giường. Khi những anh em Aurêlianô vừa mới mồ yên mả đẹp thì Aurêlianô Sêgunđô lại đã mời đến đầy nhà những khách rượu say bí tỉ kéo đàn phong cầm, mở sâm banh lốp bốp như thể không có chuyện những con chiên của Chúa vừa mới lìa đời mà là những con chó vừa chết mà thôi, làm như thể ngôi nhà của những kẻ rồ dại từng làm nhức óc biết bao người và từng sản xuất không biết bao kẹo bánh nặn hình con giống kia đã được định sẵn để biến thành bãi rác chứa đầy bọn vô lại. Trong khi xếp đồ đạc vào chiếc rương cho Hôsê Accađiô và nhớ lại những điều đó, Ucsula tự hỏi phải chăng là mình nên chọn con đường về yên nghỉ nơi chín suối để người ta lèn chặt đất lên chiếc quan tài, và bấy giờ có thể hỏi Thượng đế mà chẳng sợ hãi gì xem thực sự Ngài có nghĩ rằng con người vốn sinh ra là dã thú để phải chịu bao đau đớn trớ trêu như vậy không. Hết câu hỏi này đến câu hỏi khác làm cụ dần dần mụ cả người và muốn nhảy ra múa may quay cuồng nói huyên thuyên như người ngoại quốc. Cuối cùng cụ muốn tự cho mình một khoảnh khắc nổi loạn, cái khoảnh khắc bao lần cụ khát khao và bao lần đã cam chịu để phục tùng lý trì, cụ muốn phóng uế vào tất cả và tuôn ra cho hết cái kho từ ngữ thô tục mà cụ đã phải quết nhịn trong cả một thế kỷ luôn luôn đấu dịu.

- Tiên sư cha nhà nó! - cụ rít lên.

Amaranta, bấy giờ đang bắt đầu xếp quần áo vào rương, tưởng rằng có con bò cạp vừa cắn cụ.

- Nó ở đâu? - bà vội vàng hỏi.

- Cái gì?
- Con bò cạp ấy. - Amaranta nói thêm.
Ucsula lấy ngón tay chỉ vào ngực mình:
- Nó ở đây, - cụ trả lời. - ở đây này?
Vào lúc hai giờ chiều một ngày thứ năm, Hôsê Accađiô đi thi. Có lẽ Ucsula thường vẫn nhớ đứa chút như cụ tưởng tượng ra khi tiễn nó đi, vẻ bình thản và nghiêm nghị, không bao giờ khóc thút thít, dẫu phải chịu ngột ngạt trong bộ quần áo nhung xanh với những chiếc cúc bằng đồng và sợi dây bạc đeo vào cổ. Cậu bé rời khỏi nhà ăn để lại mùi thơm dịu mát của thứ nước hoa Phloriđa mà cụ vẫn bôi lên đầu nó để có thể lần theo dấu vết của cậu ở trong nhà. Trong lúc cả nhà đang ăn bữa trưa tiễn biệt cậu, ai cũng giấu vẻ bôi rối bằng cách làm ra vẻ vui mừng, và khen ngợi quá lời những chuyện cười về cha Antôniô Isaben. Nhưng khi người ta mang chiếc rương bọc nhung có các góc bịt bạc đi thì cảnh đó giống như vừa khiêng ra khỏi nhà một chiếc quan tài. Người duy nhất không chịu tham gia vào cuộc tiễn đưa là đại tá Aurêlianô Buênđya.
- Đây à cái trò vớ vẩn cuối cùng trong nhà còn thiếu, - ngài lẩm bẩm.
- Một ông cha đạo!
Ba tháng sau, Aurêlianô Sêgunđô và Phecnanđa đưa Mêmê đến trưởng học và trở về mang theo chim đàn tiểu phong cầm đặt vào chỗ chiếc đàn pianô tự động. Hồi ấy, Amaranta bắt đầu khâu khăn liệm cho chính mình. Cơn sốt xung quanh chuyện trồng chuối đã giảm bớt. Những người dân vốn sinh trưởng ở Macôndô bị đám dân ngoại quốc dồn vào một khu, khó nhọc lắm mới giữ được những phương tiện ít ỏi ngày xưa, nhưng lại được khích lệ vì cảm nghĩ là họ đã sống sót sau một nạn đắm tàu. Khách khứa vẫn đến ăn trưa ở

nhà, nhưng trên thực tế thì thói quen cũ đã không được lập lại cho mãi đến khi Công ty chuối cuốn gói đi ít năm sau đó. Tuy nhiên, cũng đã có những thay đổi cơ bản trong truyền thống hiếu khách của gia đình, bởi vì lúc ấy là khi Phecnanđa ra nắm tay hòm chìa khoá. Ucsula lùi vào bóng tối, còn Amaranta suốt ngày luẩn quẩn với những khăn tang và vải liệm, cho nên cái em gái học làm hoàng hậu nay được quyền tự do lựa chọn thực khách và áp đặt những qui định chặt chẽ học được của cha mẹ mình. Sự nghiêm khắc của Phecnanđa làm cho cả nhà giữ được những thói quen vốn có trong một làng đã bị xáo trộn bởi những thói hư tật xấu của đám ngoại bang từng bộc lộ trong việc tiêu xài xả láng những của cải kiếm được một cách dễ dàng. Bà nói không chút úp mở rằng người tốt là những người không có liên quan gì đến Công ty chuối. Ngay cả Hôsê Accađiô Sêgunđô, anh chồng bà, cũng không thoát khỏi tính khắc nghiệt đó, bởi vì một buổi mai ầm ĩ nọ, ông ta đã giết hết những con gà chọi tuyệt vời của mình và chuẩn bị vào làm đốc công trong Công ty chuối.

- Anh đừng có mà bước chân vào nhà này nữa nếu anh mang ghẻ của bọn ngoại quốc về đây. - Phecnanđa nói.

Kỉ cương trong nhà chặt chẽ đến nỗi Aurêlianô Sêgunđô chỉ cảm thấy thoải mái khi đến nhà Pêtra Côtêt. Trước hết với lý do để bớt gánh nặng cho bà vợ, ông chuyển những buổi liên hoan, dạ hội tới đó. Sau đấy, lại viện cớ đàn súc vật sinh sản ngày một giảm, ông cho chuyển cả chuồng bò, chuồng ngựa sang đó. Cuối cùng lấy lý do là ở nhà nhân tình mát mẻ hơn, ông chuyển văn phòng nhỏ của mình sang đó để lo việc buôn bán. Khi Phecnanđa biết rằng mình là một bà goá nhưng chồng mình lại chưa chết thì đã quá muộn để cho mọi

chuyện trở lại như cũ. Aurêlianô Sêgundô hầu như chẳng ăn cơm ở nhà và những biểu hiện bề ngoài duy nhất mà ông cố giữ, tỉ như cái việc ngủ với vợ ở nhà đã không đủ sức để thuyết phục được ai. Vì sơ ý, một lần nọ ông đã ngủ lại với Pêtra Côtêt cho mãi đến sáng bạch. Khác với điều ông chờ đợi, Phecnanđa không hề trách móc, cũng không hề than thở gì, nhưng ngay trong ngày hôm đó bà sai người mang hai chiếc rương đựng quần áo của ông sang nhà nhân tình. Bà công khai sai đầy tớ khiêng những chiếc rương đi nghênh ngang giữa đường cho mọi người thấy vì nghĩ rằng làm thư vậy thì ông chồng lầm lạc sẽ không chịu được xấu hổ và sẽ ăn năn hối hận mà trở về. Nhưng cử chỉ anh hùng đó chỉ là một bằng chứng nữa cho thấy Phecnanđa đã không hiểu những tính cách của chồng mình mà cả đến những thuần phong mỹ tục của một làng vốn không hề giống như làng của bố mẹ bà, bởi vì mọi người trông thấy đám đầy tớ khiêng những chiếc rương đi đều nói rằng đó là kết cục tất nhiên của một câu chuyện ai cũng rõ. Aurêlianô Sêgundô cho mở tiệc tùng, ăn uống ba ngày liền mừng được tự do. Điều bất lợi lớn nhất đối với bà vợ là trong khi bà bắt đầu đi vào tuổi già với những bộ quần áo màu tối, những chiếc vòng hoa kiểu cổ, và sự hãnh diện không phải lối, thì ả thân tình hình như lại đang ở vào tuổi hồi xuân, lúc nào cũng ăn vận váy áo lụa mỏng màu sặc sỡ, và đôi mắt lúc nào cũng long lên rừng rực. Aurêlianô Sêgundô lại lao vào ả với khí thế hừng hực của thời trẻ, như trước kia, khi Pêtra Côtêt, không phải do yêu ông mà vì nhầm ông với người anh em sinh đôi và hề là đã ngủ với cả hai người cùng một lúc, với ý nghĩ rằng thượng đế đã cho mình cái may mắn được có một người đàn ông lủ sức của hai người khì ăn nằm với mình. Dực

tình được khơi ai mạnh mẽ đến nỗi đã hơn một lần họ nhìn vào mắt nhau khi lắp ăn cơm, và họ chẳng nói chẳng rằng chụp lồng bàn lên mâm ơm và kéo nhau vào buồng ngủ mà lịm đi trong cái đói và ái inh Bắt chước những gì đã nhìn thấy trong những chuyến đi vụng trộm với các ả làng chơi theo lối Pháp, Aurêlianô Sêgundô sắm cho Pêtra Côtêt một chiếc giường có trướng rủ, treo rèm nhung lên các cửa sổ và lát trần và tường phòng ngủ bằng những tấm gương khổng lồ. Bấy giờ trông ông càng có vẻ nhậu nhẹt bê tha hơn. Từ các chuyến tàu thường đến vào lúc mười một giờ, ngày nào ông cũng nhận được những hòm sâm banh và rượu mạnh Brandy. Trên đường từ nhà ga trở về gặp ai ông cũng chèo kéo nhảy cho bằng được, dù cho đó là người cùng làng hay người nước ngoài, bất kể quen hay lạ, sang trọng hay nghèo hèn. Đến cả ngài Brao, vốn chỉ lẩm bẩm bằng tiếng nước ngoài, cũng còn bị lôi cuốn bởi những điệu bộ hấp dẫn của Aurêlianô Sêgundô, và nhiều lần đã rượu say bí tỉ ở nhà Pêtra Côtêt, đến mức những con chó becgiê Đức dữ tợn thường theo ngài khắp nơi cũng nhảy theo những điệu hát xứ Têchxat mà ngài lẩm nhẩm chẳng ra kiểu cách gì theo kịp cây đàn phong cầm.
- Hỡi những con bò cái hãy giạng háng ra! - Aurêlianô Sêgundô gào lên trong cảnh hỗn loạn của đêm hội. - Hãy giạng háng ra kẻo cuộc đời thật là ngắn ngủi?
Chưa bao giờ ông có bộ mặt phấn chấn đến như vậy, và mọi người cũng chẳng cần hơn thế, và đàn gia súc của ông sinh sản cũng chưa bao giờ nhiều đến thế. Bao nhiêu là bò, lợn, gà đem giết trong các buổi tiệc tùng triền miên không dứt, đến nỗi đất trong sân trở nên xám xỉn và nhầy nhụa những tiết. Sâm nhà trở thành nơi chất đống những xương xấu lòng ruột và đủ thứ cặn bã, và người ta đã phải đốt

từng gói thuốc nổ suốt cả ngày để những đám diều, quạ khỏi móc cả mắt khách khứa. Aurêlianô Sêgundô béo phì ra, lúc nào mặt cũng đỏ tía như gà chọi, đi đứng chậm chạp vì ăn khoẻ như Hôsê Accađiô sau khi đi lang thang khắp nơi trở về. Tài phàm ăn chưa từng có, sức tiêu xài xả láng ghê gớm và lòng hiếu khách có một không hai đã làm cho uy tín của ông vượt qua mọi bến bờ vùng đầm lầy, hấp dẫn những tay phàm ăn nhất trong vùng duyên hải. Những tay ăn cự phách từ khắp nơi đổ về tham gia những cuộc ă thi ăn kỳ quặc được tổ chức ở nhà Pêtra Côtêt. Aurêlianô Sêgundô luôn luôn là người chiến thắng, cho tới một ngày thứ bảy bất hạnh khi xuất hiện Camila Xagastumê, một người đàn bà kỳ lạ nổi danh khắp nước với cái tên "Voi cái". Cuộc thi ăn kéo dài suốt từ thứ bảy cho đến sáng thứ ba. Trong hăm bốn giờ đầu sau khi đã ngốn hết một con cừu quay cùng với sắn, khoai và chuối rán, nốc một thùng rưỡi sâm banh, Aurêlianô Sêgundô tin chắc mình sẽ thắng. Trông ông có vẻ phấn chấn, đầy sức sống so với nữ đối thủ lặng lẽ, có phong thái lão luyện hơn, nhưng vì thế ít xúc động hơn đối với đám công chúng đủ mọi hạng người đứng ngồi chật ních khắp nhà. Trong khi Aurêlỉanô Sêgundô nhai nhồm nhoàm, ngấu nghiến vì háo hức trước thắng lợi thì "Voi cái" xắt những miếng thịt với tài nghệ của một bác sĩ ngoại khoa và ăn chậm rãi, thậm chí còn thưởng thức sự thú vị trong khi ăn. Đó là một người đàn bà cao lớn, béo khoẻ, nhưng vẻ dịu dàng của phụ nữ vẫn át đi cái phì lộn khổng lồ của thân hình. Nàng có bộ mặt đẹp, đôi bàn tay thon thả được chăm chút và một vẻ hấp dẫn ghê gớm làm cho Aurêlianô Sêgundô khi trông thấy nàng bước vào đã nói nhỏ rằng ông thích thi đấu với nàng trên giường hơn là trên bàn ăn. Về sau khi thấy nàng lịch sự ăn chiếc đùi cừu, ông bình phẩm một cách

nghiêm chỉnh rằng loại "Voi cái" lịch thiệp, hấp dẫn và chơi không biết chán kia có lẽ là một loại đàn bà lý tưởng. Ông đã không lầm: cái danh tiếng dữ tợn như chim ưng mà trước đây người ta gán cho "Voi cái" hoàn toàn không có cơ sở. Nàng không phải là cái cối xay thịt, cũng không phải là người đàn bà có râu trong gánh xiếc Hy Lạp như người ta vẫn nói, nàng là giám đốc một trường nhạc. Nàng bắt đầu học ăn khi đã là người mẹ trong gia đình đi tìm phương kế sao cho các con được ăn uống tốt hơn, và không phải bằng cách kích thích giả tạo mà bằng sự bình tĩnh tuyệt đối của tinh thần. Lý thuyết của nàng, được chứng tỏ trong thực tế, dựa trên nguyên tắc cho rằng người nào hoàn toàn thoải mái về mặt ý thức thì có thể ăn không ngừng cho tới khi mệt không sao ăn được nữa. Tức là vì lý do tinh thần, chứ không phải lòng ham mê thể thao đã làm cho nàng bỏ nhà trường và gia đình để đi thi tài với một người đàn ông nổi tiếng khắp nước là người có tài ăn khoẻ nhưng không theo một nguyên tắc nào. Ngay từ khi mới gặp, nàng đã nhận thấy rằng Aurêlianô Sêgunđô sẽ thua vì tính cách của ông chứ không phải vì cái dạ dày. Hết đêm đầu tiên, trong khi nàng thản nhiên như không thì Aurêlianô Sêgunđô hầu như mệt mỏi vì cười nói luôn miệng. Họ đi ngủ trong bốn giờ. Khi tỉnh dậy, mỗi người uống bốn mươi quả cam vắt nước, tám lít cà phê và ba mươi quả trứng sống. Hết đêm thứ hai, sau nhiều giờ không ngủ và sau khi đã ăn hết hai con lợn, một buồng chuối, uống bốn thùng sâm banh, nàng cảm thấy hình như Aurêlianô Sêgunđô cũng đã phát hiện ra phương pháp của mình, nhưng lại đi theo con đường ngu ngốc dưới sự hướng dẫn của một thái độ vô trách nhiệm hoàn toàn. Đó là người đàn ông nguy hiểm hơn là nàng nghĩ. Mặc dù vậy, khi Pêtra Côtêt mang ra thêm hai chú gà tây quay thì Aurêlianô Sêgunđô

cũng sắp sửa đứt mạch máu.
- Nếu ông không thể ăn nữa thì thôi, - nàng nói, - chúng ta sẽ nhận hoà.
Nàng nói chân thành và hiểu rằng mình cũng không thể ăn thêm miếng nào nữa và vì lương tâm cắn rứt trước việc làm cho đối thủ đi nhanh tới chỗ chết. Nhưng Aurêlianô Sêgundô lại coi đó là lời thách thức mới và tiếp tục nhai món gà tây cho tới khi vượt quá xa cái khả năng ăn kinh khủng của ông. Ông lăn ra ngất đi. Ông ngã gục mặt xuống đĩa xương, sùi bọt mép, thở phì phì trong cơn hấp hối. Đầu óc tối sầm, ông cảm thấy như mình bị ném từ trên tháp cao xuống một cái vực không đáy, và trong khoảnh khắc minh mẫn còn sót lại, ông nhận ra rằng thần chết đang đến với ông khi kết thúc cú rơi kéo dài vô tận này.
- Hãy đem ta về với Phecnanđa - ông chỉ còn kịp nói lời trăng trối cuối cùng.
Những người bạn đưa ông về đến nhà, đều nghĩ rằng ông đã giữ lời hứa với vợ là không chết trên giường của nhân tình.
Pêtra Côtêt đã đánh xi đôi ủng mà ông muốn mang khi nằm trong quan tài, và đang tìm người mang đi thì có người đến cho hay rằng Aurêlianô Sêgundô đã qua khỏi cơn nguy hiểm. Quả nhiên, ông lại bình phục sau gần một tuần, và mười lăm ngày sau đó đã lại tổ chức một bữa tiệc linh đình mừng được cải tử hoàn sinh. Ông tiếp tục đến ở nhà Pêtra Côtêt, nhưng ngày nào ông cũng về thăm Phecnanđa và thỉnh thoảng ở lại ăn cơm với gia đình, giống như thể định mệnh đã thay đổi tình huống, đặt ông vào vị trí là chồng của nhân tình và là nhân tình của người vợ đích thực vậy.
Đó cũng là một điều nhẹ nhõm đối với Phecnanđa. Trong cảnh chán

chường bị bỏ rơi, trò giải trí duy nhất của bà là dạo những bản nhạc trên cây đàn tiểu phong cầm vào giờ nghỉ trưa và đọc thư của các con. Trong những bức thư chi tiết gửi cho chúng đều đặn mười lăm ngày một lần, không có một dòng nào là sự thật. Bà giấu giếm nỗi đau khổ của mình. Bà không cho chúng biết nỗi buồn của một ngôi nhà mà mặc dù có những bóng đèn chiếu trên những chậu thu hải đường, mặc dù có cái ngột ngạt của các buổi chiều, mặc dù có những loạt pháo hội hè từ ngoài đường vọng vào, nó vẫn ngày càng giống với ngôi nhà thời thuộc địa của cha mẹ bà. Phecnanđa lững lờ đi lại giữa ba bóng ma sống và một bóng ma đã chết của Hôsê Accađiô Buênđya, cái bóng ma này thỉnh thoảng lại tới ngồi chăm cllú trước cửa phòng trong lúc bà chơi cây đàn tiểu phong cầm. Đại tá Aurêlianô Buênđya là một cái bóng. Từ cái lần cuối cùng ngài ra phố để cùng với đại tá Hêrinêndô Mackêt trù liệu một cuộc chiến tranh không tương lai, hầu như ngài không ra khỏi buồng ngoại trừ việc đi tiểu tiện dưới gốc cây dẻ. Ngài cũng không tiếp ai ngoài bác phó cạo thường tới ba tuần một lần. Ngài nhấm nháp bất cứ thứ gì mà Ucsula mang cho mỗi ngày một lần, và mặc dù vẫn tiếp tức say sưa làm những con cá vàng như cũ, nhưng ngài không bán nữa khi biết rằng thiên hạ không mua không để làm đồ trang sức mà để làm di vật lịch sử. Ngài cũng đem tất cả những con búp bê của Rêmêđiôt, mặc dù chúng vẫn được trang trí trong phòng ngủ từ ngày ngài cưới vợ, ra ngoài sân chất thành đống rồi châm lửa đốt. Ucsula vốn cảnh giác nên nhận ra được những việc làm của con trai, nhưng cũng không ngăn cản được ngài.

- Sao tim mày sắt đá thế? - cụ hỏi.

- Đây không phải là chuyện trái tim? - ngài nói. - Trong phòng đầy

những gián là gián.
Amaranta vẫn khâu đồ liệm của mình. Phecnanđa không hiểu vì sao bà trẻ vẫn thường viết thư cho Mêmê, còn gửi cả quà cho nó, trái lại thậm chí không hề nói tới Hôsê Accađiô. "Đến chết không cũng chẳng hiểu tại sao", Amaranta trả lời khi Phecnanđa hỏi qua Ucsula, và câu trả lời ấy đã để lại trong tim bà một ẩn số không bao giờ được làm sáng tỏ. Amaranta người cao dong dỏng, vẻ đĩnh đạc, lúc nào cũng ăn mặc đường hoàng, với một thái độ cao nhã trước thời gian và những kỷ niệm đắng cay. Amaranta dường như mang trên trán dấu chữ thập tro trinh tiết. Thực ra thì bà mang dấu thánh trên tay, trên dải băng đen mà cả khi đi ngủ bà vẫn mang theo, và đó là dải băng do bà tự giặt và là lấy. Suốt đời bà lúc nào cũng khâu vá khăn tang, vải liệm. Có thể nói rằng ban ngày bà khâu, ban đêm lại tháo ra, và bằng cách ấy không phải bà muốn đánh bại sự cô đơn, mà hoàn toàn ngược lại, bà muốn duy trì nó.
Lo lắng lớn nhất của Phecnanđa trong những năm bị bỏ rơi là nếu Mêmê về nghỉ những mùa hè đầu tiên mà lại không gặp Aurêlianô Sêgunđô ở nhà thì sao? Câu chuyện chết hụt vì ăn no đã kết thúc nỗi lo sợ đó. Khi Mêmê trở về, bố mẹ cô đã thoả quận với nhau không những để cho cô gái tin rằng Aurelianô Sêgunđô vẫn là người chồng thuần hậu của mẹ cô mà còn để cho cô gái không cảm thấy nỗi buồn tẻ trong nhà. Năm nào cũng vậy, Aurêlianô Sêgunđô đóng vai người cha mẫu mực trong vòng hai tháng. Ông bày ra các buổi vui chơi có kem và ánh ngọt cùng với tiếng đàn rộn rã của cô sinh viên hồ hởi và hiếu động. Tính cách của cô từ lúc đó đã rõ ràng không giống mẹ mấy. Có lẽ đó chỉ là hình bóng của Amaranta khi còn chưa giết mùi cay đắng và lúc nào cũng nhảy nhót múa hát làm ồn nhà cửa vào

những năm bà mười hai hay mười bốn tuổi, tức là trước khi những khát khao thầm kín đối với Piêtrô Crêspi đã làm thay đổi hẳn chiều hướng của trái tim. Nhưng khác với Amaranta, khác với tất cả mọi người, Mêmê chưa thể hiện dấu iệu cô đơn của gia đình, dường như cô hoàn toàn hoà hợp với thế giới ngay cả khi cô ngồi một mình trong phòng khách luyện đàn một cách hết sức chăm chỉ. Rõ ràng là cô thích thú với ngôi nhà, vì cả năm cô mong ngóng cái hồ hởi của đám trẻ đón mình về và cô cũng không khác cha ở cái thiên hướng thích vui chơi và lòng hiếu khách lạ thường. Dấu hiệu đầu tiên của sự kế thừa di hại đó được lộ ra vào mùa hè thứ ba, khi Mêmê trở về với bốn bà xơ và sáu mươi tám cô bạn cùng lớp. Cô tự nhiên nảy ra nghĩ mời họ về nhà chơi một tuần và chẳng báo trước gì hết. - Thế có khổ không - Phecnanđa than thở. - Cái con bé này cũng gớm ghiếc hệt như bố nó ở nhà đã phải đi mượn giường, mượn võng của hàng xóm, ắp xếp làm chín đợt ăn cơm, định giờ vào nhà tắm và kiếm cho được bốn mươi chiếc ghế dựa để cho các cô gái mặc đồng phục anh đi giày con trai không nhảy nhót suốt ngày khắp nhà. Lời mời đã biến thành một thất bại, bởi vì các cô học trò ồn ào vừa ăn sáng xong thì lại đã bắt đầu ăn trưa theo từng đợt, và lại tiếp tục ăn bữa tối, và trong suốt cả tuần chỉ đi chơi được có một buổi. Tối đến, các bà xơ mệt phờ, không còn sức đâu mà đi lại, chứ đừng nói gì đến hò hét những mệnh lệnh trong khi đám nữ sinh trẻ không hề biết mệt mỏi vẫn hát ầm ĩ ở ngoài sân. Một bận, đám con gái tí nữa thì đạp cả lên cụ Ucsula vốn cứ muốn làm một việc gì đó chính ngay ở chỗ cụ không thể làm được. Lại một hôm khác các bà xơ làm um lên về chuyện ngài đại tá Aurêlianô Buênđya đứng đái ngay dưới gốc dẻ chẳng thèm để ý đến các cô gái đang tụ tập ở sân. Amaranta

suýt nữa thì làm mọi người phát hoảng, vì một bà xơ bước vào bếp lúc bà đang tra muối vào nồi súp, và câu hỏi duy nhất mà người nữ tu sĩ kia bật ra là cái nắm bột tràng đó là thứ gì. "Thạch tín đấy", Amaranta trả lời.

Cái đêm mới đến, các cô gái đã làm ồn ào lên vì chuyện đi vào nhà vệ sinh trước lúc đi ngủ, thế mà mãi đến một giờ sáng vẫn còn có người đứng chờ ngoài nhà tiểu. Phecnanđa bèn mua bảy mươi hai chiếc bô, nhưng việc đó chỉ làm cho câu chuyện phức tạp vào ban đêm được chuyển sang buổi sáng, bởi vì từ lúc rạng đông các cô gái đã xếp hàng trước nhà vệ sinh mỗi người cầm bô của mình để đến lượt rửa bô. Mặc dù có vài cô bị sốt và mấy cô bị muỗi đốt mẩn ngứa, hầu hết các cô gái đều tỏ rõ sức chịu đựng vững vàng trước những khó khăn ghê gớm nhất, và ngay cả vào những giờ nóng bức nhất, các cô vẫn ríu rít ngoài vườn. Cuối cùng khi các cô đã ra đi thì các bồn hoa đều tan hoang, đồ đạc gãy vỡ lung tung và tường nhà đầy những hình vẽ và chữ viết, nhưng Phecnanđa tha thứ cho mọi sự đổ vỡ để đổi lấy cái nhẹ nhõm khi họ ra đi. Bà đem trả giường, ghế và đem cất bảy mươi hai chiếc bô vào phòng của Menkyađêt. Căn phòng bỏ không vốn trước đây là của con người mang cuộc sống tinh thần của cả nhà, từ đó trở đi được gọi là phòng để bô. Đối với đại tá Aurêlianô Buênđya, đó là cái tên đúng nhất, bởi vì trong khi mọi người vẫn thán phục trước việc căn buồng của Menkyađêt không bị hư hại và chẳng có bụi bặm gì thì ngài lại thấy nó biến thành một cái chuồng phân. Dù sao vấn đề ai đúng ai sai đối với ngài cũng không quan trọng. Sở dĩ ngài biết được số phận của căn buồng là vì Phecnanđa cứ đi lại làm cản trở công việc của ngài suốt cả một buổi chiều để xếp mấy chục chiếc bô vào đó.

Vào những ngày ấy, lại thấy Hôsê Accađiô Sêgunđô có mặt ở nhà. Ông ta bước đi vội vã ngoài hành lang, chẳng chào hỏi ai, và ngồi lì trong xưởng nói chuyện với đại tá. Dù không nhìn thấy ông, nhưng Ucsula chỉ nghe tiếng gót giày nện của thầy cai là đủ để cụ ngạc nhiên nhận thấy cái khoảng cách không gì cứu vãn được đã ngăn chia giữa ông và gia đình, ngay cả với người anh em sinh đôi ngày bé vẫn cùng chơi trò trốn tìm ngây thơ và nay thì chẳng còn lại nét nào giống nhau. Ông dong dỏng cao, trịnh trọng, vẻ trầm tư, buồn buồn và trên gương mặt xanh xao để lộ một tia sáng thê thảm. Đó là người đàn ông giống Santa Sôphia đê la Piêđat, bà mẹ ông hơn cả. Ucsula đã đổ tội cho ý hướng muốn quên ông đi khi bàn chuyện nhà chuyện cửa, nhưng khi cụ cảm thấy ông một lần nữa lại có mặt ở nhà và nhận ra rằng ngài đại tá tiếp ông trong nhiều giờ ngay tại xưởng kim hoàn của ngài, thì cụ lập tức kiểm lại những ký ức xa xưa của mình rồi càng khẳng định hơn nữa mềm tin cho rằng vào một thời điểm nào đó của tuổi thơ ông đã đổi tên mình cho người anh em sinh đôi, bởi vì ông chứ không phải người kia đã là người được gọi là Aurêlianô. Không một ai hay biết những chi tiết nhỏ nhặt trong đời riêng của ông. Có những thời kỳ người ta được biết ông không ở một chỗ nào cho thực cụ thể, có lúc ông nuôi gà chọi ở nhà Pila Tecnêra, và thỉnh thoảng ông ngủ lại đấy, nhưng hầu hết các đêm ông ngủ lại tại các phòng ngủ của bọn gái làng chơi. Ông sống lang bạt kỳ hồ, không mảy may xúc cảm, không mảy may ham muốn, như thể một ngôi sao rực sáng trong vũ trụ của Ucsula.
Thực ra, Hôsê Accađiô Sêgunđô không phải là người của gia đình này và cũng sẽ chẳng bao giờ là người của một gia đình nào khác, kể từ buổi sáng sớm xa xưa kia, cái buổi sáng sớm đại tá Hêrinêndô

Mackêt dẫn ông vào trại lính không phải để xem buổi hành hình mà là để cho đến chết ông sẽ không bao giờ quên cái nụ cười buồn thảm có pha chút mai mỉa của kẻ bị hành hình. Đó không chỉ là kỷ niệm xưa nhất mà còn là kỷ niệm duy nhất thời niên thiếu của ông. Còn kỷ niệm khác, kỷ niệm về một cụ già mặc chiếc áo khoác cổ lỗ, đội chiếc mũ cánh quạ ngồi ngay trước cửa sổ rực sáng kể những điều kỳ diệu, ông vẫn không xác định được nó thuộc về thời kỳ nào. Đó là một kỷ niệm mờ ảo, hoàn toàn không cần thiết cho những sự dạy dỗ hay cho nỗi hoài nhớ, nó trái với kỷ niệm của kẻ bị hành hình mà trên thực tế kỷ niệm này đã định hướng cho đời ông, và nó trở về trong trí nhớ của ông ngày một trong sáng hơn giữa lúc ông đã già dặn, cứ như thể sự diễn tiến của thời gian đưa ông từ từ tới đó Ucsula định lợi dụng ông để ông khiến cho đại tá Aurêlianô Buênđya từ bỏ xưởng kim hoàn, nơi ngài tự giam hãm mình. "Chắt hãy thuyết phục ông trẻ đi xem phim đi", cụ nói với ông. "Dẫu rằng nó không thính phim ảnh thì ít ra nó cũng có dịp được thở hít không khí trong lành chứ". Song cũng chẳng bao lâu cụ nhận ra rằng ông cũng y hệt như ngài đại tá, chẳng đếm xỉa gì đến những lời van nài của mình, và nhận ra rằng ông cũng đã bị bọc kín bởi sự chai lì trước mọi tình cảm âu yếm. Mặc dù cụ không biết và không một ai biết hai người bàn bạc cái gì trong những lúc trò chuyện rất lâu tại xưởng kim hoàn, cụ đã hiểu rằng đó là hai thành viên duy nhất của gia đình dường như gắn bó với nhau bởi những mối đồng cảm sâu sắc. Thực ra, ngay cả Hôsê Accađiô Sêgunđô càng không thể lôi được ngài đại tá ra khỏi nơi ngài tự giam hãm mình. Việc các cô nữ sinh, bạn của Mêmê, ồn ĩ kéo đến nhà đã vượt qua những giới hạn của sự bình tâm của ngài đại tá. Viện cớ phòng ngủ của hai vợ chồng mình

hiện có quá nhiều gián đã cắn nát những con búp bê đẹp mắt của Rêmêđiôt- ngài bèn mắc võng ngay tại xưởng kim hoàn, rồi từ đó ngài ở lý trong xưởng, chỉ ra ngài khi cần phải ra. Ucsula không tìm được dịp nói chuyện với ngài. Cụ biết rõ rằng ngài không nhìn mâm cơm mà chỉ để nó ở đầu bàn lớn trong lúc ngài làm xong con cá vàng và cũng chẳng để ý đến bát xúp đã đóng váng và thịt sào đã nguội lạnh. Ngài ngày một khó tính hơn kể từ dạo đại tá Hêrinêndô Mackêt từ chối không giúp ngài một tay để khơi dậy một cuộc chiến đẫm máu không tương lai. Ngài tự giam mình kỹ hơn, dường như ngài còn cài then lòng mình lại và do đó gia đình nghĩ về ngài như một người đã chết. Người ta không thấy bóng dáng ngài nữa mãi cho tới khi ngài bước ra cửa chính để xem đám xiếc đang diễu qua, đó là ngày mười một tháng mười. Đối với đại tá Aurêlianô Buênđya, đó là một ngày như tất cả những ngày trong những năm cuối cùng của đời mình. Vào lúc năm giờ sáng, tiếng kêu loạn xạ của cóc nhái cũng như tiếng trùng rền rĩ ở ngoài bốn bức tường làm ngài thức dậy. Cơn mưa dầm kéo suốt từ ngày thứ bảy, và ngài không cần phải nghe tiếng mưa rơi rả rích trên những tàu lá ngoài vườn hoa, bởi vì bằng mọi cách ngài cảm nhận ra cơn mưa ngay từ trong cái rét thấu xương mình. Như mọi bận, ngài đã mặc chiếc áo khoác nỉ với chiết quần lót ống dài dệt bằng sợi bông thô và dẫu nó bám đầy bụi cũ kỹ chính ngài vẫn gọi nó là "chiếc quần lót của kẻ mạnh". Ngài mặc quần dài ống hẹp nhưng không đóng cúc quần và cũng không dùng chiếc cúc vàng vốn thường dùng để đóng kín cổ áo sơ mi lại, bởi vì ngài vẫn có ý đi vào nhà tắm. Sau đó ngài đội chiếc áo khoác nỉ lên đầu như một chiếc mũ chùm đầu, lấy ngón tay chải bộ râu rậm chảy xuống, rồi đi tiểu tiện ngay ở ngoài sân. Còn lâu mát trời mới dậy và

do đó Hôsê Accađiô Buênđya vẫn đang ngủ vật vờ trong túp lều lá cọ mục vì mưa dầm. Ngài không nhìn thấy cụ như chẳng bao giờ ngài nhìn thấy và cũng không nghe thấy câu nói không thể hiểu được mà bóng ma cha ngài nói với ngài khi cụ giật mình thức dậy vì dòng nước đái nóng bỏng rơi lộp bộp trên đôi giày cụ. Ngài chưa vào nhà tắm vội không phải vì lạnh và vì ẩm mà vì sương mù dày đặc của tháng mười. Khi trở về xưởng kim hoàn ngài ngửi thấy mùi nồng khét của các bếp nấu do Santa Sôphia đê la Piêđat đang nhóm, và ngài đứng ở nhà bếp đợi cho đến khi cà phê sôi để mang một tách cà phê không pha đường về phòng mình. Như tất cả mọi buổi sáng, Santa Sôphia đê la Piêđat hỏi ngài hôm nay là ngày thứ mấy, ngài trả lời rằng hôm nay là thứ tư ngày mười một tháng mười. Vì nhìn người đàn bà bạo dạn rạng rỡ trong ánh lửa, mà ngay cả trong lúc ấy cũng như bất cứ thời điểm nào khác trong đời mình ngài thấy bà hiển hiện một cách trọn vẹn, và do đó ngay lập tức ngài nhớ lại một ngày mười một tháng mười, đang lúc chiến tranh ác liệt, một niềm tin chắc khá thô bạo nói rằng người con gái ngủ với ngài đã chết khiến ngài thức dậy. Thực thế, cô gái đã chết và ngài không bao giờ quên cái ngày ấy bởi vì chính cô ta trước đó một giờ đã hỏi ngài hôm nay là thứ mấy. Mặc dù đã có sự gợi nhớ ấy, ngay lần này ngài cũng chưa ý thức đầy đủ về các điềm báo đã từ bỏ ngài đến mức độ nào, rồi trong lúc cà phê sôi, hoàn toàn vì tò mò chứ không vẩn một chút hoài nhớ nhỏ nhặt nào, ngài vẫn tiếp tục nghĩ về người đàn bà, mà tên của cô ta ngài không bao giờ biết, mà gương mặt cô ta ngài chưa từng nhìn rõ, bởi vì người đàn bà ấy đã va vấp trong bóng tối để lần mò cho tới chiếc võng ngài nằm. Tuy nhiên, trong nỗi trông trải của biết bao cô gái đã đến với cuộc đời ngài bằng chính hình thức ấy, ngài đã không

nhớ rằng cô ta chính là người trong phút giây gặp gỡ lần đầu đầy cảm kích ấy đã suýt chết chìm trong nước mắt, và chưa đầy một giờ trước khi chết còn hứa sẽ yêu ngài mãi mãi, yêu ngài cho đến khi chết. Ngài không nghĩ đến cô ta nữa, cũng sẽ không nghĩ đến bất kỳ ai ở nơi nào, sau khi ngài đã bước vào xưởng kim hoàn, châm đèn sáng để đếm những con cá vàng trong hộp sắt tây. Mười con cả thảy, kể từ độ quyết định sẽ không bán chúng nữa, ngài chỉ làm hai con mỗi ngày, và khi nào đủ số hai mươi nhăm con ngài lại đem nung chảy ra để làm lại từ đầu. Ngài cặm cụi làm việc suốt buổi sáng, hoàn toàn tập trung tư tưởng vào công việc không hề nghĩ ngợi gì hết, không hề hay biết rằng vào lúc mười giờ trời bắt đầu đổ mưa, rồi có ai đó đi qua trước cửa xưởng kim hoàn gào mọi người đóng các cửa lại kẻo nước ngập nhà, và ngài hoàn toàn không còn biết đến chính mình nữa, cho tới khi Ucsula bước vào xưởng mang theo suất cơm trưa cho ngài và tắt đèn.

- Trời ơi, mưa chi mà dữ thế, - Ucsula nói.

- Mưa tháng mười mà! - ngài nói.

Lúc nói câu ấy, ngài vẫn không rời mắt khỏi con cá vàng đầu tiên làm trong ngày, bởi vì ngài cố khảm con ngươi vàng vào đôi mắt nó. Chỉ khi làm xong, và đặt nó vào thùng sắt tây lúc ấy ngài mới xì xụp húp xúp. Sau đó ngài ăn, rất chậm rãi, miếng thịt xào với hành, cơm trắng cùng với những lát chuối rán, tất cả những món ăn này đều để chung trong một cái đĩa to. Cái lối ăn ngon miệng của ngài không bị đảo lộn trong hoàn cảnh tất đẹp nhất cũng như trong những hoàn cảnh khó khăn ác liệt nhất. Khi sắp ăn xong, ngài cảm thấy muốn được nghỉ ngơi.

Theo một quan niệm khoa học, ngài không bao giờ làm việc, đọc

sách, tắm táp và kể cả nhập phòng nếu chưa được hai giờ cho bộ máy tiêu hoá làm việc và đó là một niềm tin rất bền vững đến mức đôi lúc ngài để chậm việc thực hiện các trận đánh nhằm tránh cho quân sĩ khỏi mắc bệnh sung huyết. Vậy là ngài lên võng nằm, dùng con dao nhíp gỡ cục sáp đút nút tai, rồi sau đó mấy phút ngài đã ngủ khì. Ngài mơ thấy mình đi vào một ngôi nhà trống, tường trắng và nỗi lo lắng mình là người đầu tiên bước vào ngôi nhà này khiến ngài băn khoăn. Trong giấc mơ ấy, ngài nhớ là đêm trước mình đã mơ thấy như thế và không chỉ đêm trước đó mà tất cả các đêm trong những năm cuối cùng của đời mình ngài từng mơ thấy như vậy rồi. Ngài biết rằng hình ảnh ấy bị xoá nhoà khỏi trí nhớ khi mình thức dậy, bởi vì giấc mơ lặp đi lặp lại ấy có đặc tính chí được nhớ lại trong chính giấc mơ. Quả nhiên, sau đó một lát, khi bác phó cạo gõ cửa xưởng kim hoàn, đại tá Aurêlianô Buênđya đã thức dậy với cảm giác mình vô tình ngủ thiếp đi trong mấy phút ngắn ngủi và rằng mình chưa kịp mơ thấy gì hết.

- Hôm nay không cắt tóc đâu, - ngài nói với bác phó cạo. - Xin hẹn bác vào ngày thứ sáu nhé.

Bộ râu lốm đốm những sợi trắng của ngài đã ba ngày chưa cạo, nhưng ngài cảm thấy chưa cần thiết phải cạo, nếu như ngày thứ sáu tới ngài sẽ cắt tóc thì sẽ làm luôn một thể. Mồ hôi nhớp nhúa của giấc ngủ trưa không hề mong muốn đã làm tấy đỏ những vết sẹo bị mò cắn ở nách ngài. Trời đã tạnh mưa nhưng mặt trời vẫn chưa hiện ra. Đại tá Aurêlianô Buênđya nấc một cú ợ hơi đến to và cú ợ hơi này đã trả lại nơi đầu lưỡi ngài cái vị chua của bát xúp vừa ăn. Và nó như một mệnh lệnh của cơ thể buộc ngài phải khoác chiếc áo khoác lên vai và đi ra cầu tiêu ngay. Ngài ngồi trong cầu tiêu quá thời gian

cần thiết, ngồi chồm hỗm trên đám phân lầy nhầy trào ra khỏi miệng chiếc thùng gỗ hứng ở dưới, cho đến khi thói quen nhắc ngài nhớ là đã đến giờ làm việc buổi chiều. Trong lúc ngồi đợi, ngài lại nhớ rằng hôm nay là ngày thứ tư và rằng Hôsê Accađiô Sêgunđô chưa có mặt ở xưởng kim hoàn vì hôm nay là ngày trả lương tại các đồn điền của Công ty chuối. Cái kỷ niệm này như tất cả các kỷ niệm khác trong những năm cuối đời, ngài mang theo nó không phải để nhớ lại những năm tháng chiến tranh. Ngài nhớ rằng đại tá Hêrinêndô Mackêt có một lần đã hứa với mình rằng sẽ tìm cho mình một con ngựa có ngôi sao trắng ở ngay trán và rằng đã lâu rồi vẫn không thấy đại tá nhắc lại chuyện này. Sau đó ngài lại nghĩ đến những câu chuyện tản mạn khác, nhưng ngài nhớ lại chúng không theo một trình tự nào. Vì để khỏi nghĩ đến những chuyện khác, ngài đã học để suy nghĩ về chúng trong nỗi giá lạnh của đời mình, để những kỷ niệm không thể tránh được ấy có trở lại vẫn không khiến ngài phải mủi lòng. Khi trở về xưởng kim hoàn, do thấy bầu trời đã khô ráo, ngài quyết định lúc này mà đi tắm thì tuyệt, nhưng Amaranta đã cản trở ngài. Vậy là ngài bắt tay vào làm con cá vàng thứ hai trong ngày. Trong lúc ngài đang móc đuôi vào con cá thì mặt trời ló ra rất mạnh đến mức ánh sáng gầm lên thành tiếng như tiếng một chiếc tàu đánh cá. Bầu trời được trận mưa kéo dài ba ngày làm cho thanh sạch nay lại đông đặc kiến cánh bay. Lập tức ngài lại thấy mình buồn đái, rồi ngài cố nhịn cho đến khi làm xong con cá vàng. Ngài bước ra sân vào lúc bốn giờ mười lăm, nghe thấy từ xa vọng đến tiếng kèn đồng, tiếng trống inh ỏi và tiếng reo vui đùa của trẻ nhỏ, và lần đầu tiên kể từ ngày còn là một chàng thanh niên tới nay, ngài đã giẫm lên cạm bẫy của nỗi hoài nhớ một cách có ý thức, rồi ngài sống lại buổi chiều kỳ diệu của những người

digan mà cha ngài đã dẫn ngài đi xem nước đá. Santa Sôphia đê la Piêđat bỏ dở những công việc đang làm trong nhà bếp, chạy ra cửa chính:

- Xiếc! - bà gào lên.

Đáng lẽ đi ra gốc cây dẻ, đại tá Aurêlianô Buênđya lại đi ra cổng cánh, rồi lẫn vào đám người tò mò đang đứng xem gánh xiếc diễu hành qua. Ngài nhìn thấy một người đàn bà mặc quần áo màu vàng cưỡi trên bành một con voi. Ngài nhìn thấy một chú lạc đà một bướu buồn bã. Ngài nhìn thấy một chú gấu cầm chiếc muôi gõ vào một cái xoong theo nhịp phách của âm nhạc. Ngài nhìn thấy những anh hề đang làm xiếc leo dây đi sau cùng. Một lần nữa người ta lại nhìn thấy trên gương mặt ngài nỗi cô đơn đáng thương của ngài khi đoàn xiếc đã đi qua và trên đường cái chỉ còn lại khoảng không rực sáng, bầu không khí lại đen đặc những con kiến cánh bay và nhột số kẻ tò mò thò đầu rúc vào vực thẳm không cùng của sự mơ hồ. Lúc ấy ngài mới đi trở lại gốc cây dẻ, rồi trong lúc đái, ngài cố tiếp tục nghĩ đến gánh xiếc, nhưng ngài không bắt gặp kí ức nữa. Ngài giơ hai cánh tay lên ôm lấy đầu mình, giống như một chú gà con, rồi ngài đứng yên, trán tì vào thân cây dẻ. Gia đình không hay biết chuyện đó. Mãi đến ngày hôm sau, vào lúc mười một giờ sáng, khi Santa Sôphia đê la Piêđat đi vào sân sau để đổ rác, bà rợn tóc gáy thấy đám diều hâu đang sà xuống, sà xuống.

Chương 14

Kỳ nghỉ hè cuối cùng của Mêmê trùng đúng vào thời gian để tang ngài đại tá Aurêlianô Buênđya. Trong ngôi nhà cửa đóng im ỉm suốt ngày này không có chỗ cho các cuộc vui. Người ta thì thầm nói chuyện, lặng lẽ ăn, cầu kinh một ngày ba buổi và ngay đến các buổi chơi đàn tiểu phong cầm cũng mang âm điệu tang tóc. Mặc dù thầm ghét ngài đại tá, nhưng do cảm kích trước lòng thành kính trang trọng mà chính phủ đã bày tỏ để tưởng niệm kẻ tử thù của mình, Phecnanđa là người đã tổ chức thật chu đáo đám tang đó. Như thường lệ Aurêlianô Sêgunđô lại ngủ ở nhà trong lúc con gái ông nghỉ hè, và Phecnanđa cần phải làm một việc gì đó ngõ hầu lấy lại danh dự một người vợ chính thức, vì năm sau, Mêmê đón nhận đứa em gái vừa mới sinh, được đặt tên là Amaranta Ucsula, một cái tên do mọi người đặt bất chấp nguyện vọng của bà mẹ. Mêmê đã học xong. Văn bằng chứng thực cô là một nghệ sĩ đàn tiểu dương cầm đã được công nhận nhờ trình độ điêu luyện mà cô đã sử dụng để chơi các bản nhạc dân gian thế kỷ XVII trong buổi lễ mừng kết quả học tập và với buổi lễ ấy người ta cũng làm lễ đoạn tang cho

ngài đại tá. Các vị khách mời khâm phục cô không chỉ ở nghệ thuật biểu diễn mà hơn nữa còn ở tính cách nhị nguyên của cô… Tính nết bông lông và có khi nhõng nhẽo trẻ con của cô dường như không phù hợp với bất kỳ một hoạt động nghiêm chỉnh nào nhưng khi ngồi xuống bên cạnh cây đàn tiểu dương cầm lập tức cô trở nên một cô gái khác hẳn. Nét chín chắn không lộ trước đã đem đến cho cô dáng vẻ người lớn. Cô luôn luôn như thế. Thực ra Mêmê không có thiên hướng nào rõ rệt, nhưng cô đã giành được những kết quả cao nhất nhờ luôn luôn làm việc với một kỷ luật nghiêm khắc cất để tránh mâu thuẫn với mẹ mình. Giá có buộc cô học bất kỳ nghề nào khác thì chắc chắn cô cũng sẽ giành được kết quả tương tự. Ngay từ khi còn rất nhỏ tuổi, tính cách nghiêm khắc của Phecnanđa đã làm cô khó chịu, nhưng cô vốn có thói quen hy sinh vì người khác, và nhiều lúc thói quen này còn lớn hơn cả việc học tiểu dương cầm mà cô theo đuổi chỉ để khỏi va chạm với bà mẹ cố chấp của mình. Trong buổi lễ bế giảng, cô có cảm giác hân hoan rằng tấm bằng được viết với những con chữ gôtích và những chữ viết hoa có hình trang trí kèm theo sẽ giải thoát cô khỏi lời cam kết mà cô đã chấp nhận không phải chỉ để vâng lời, cũng chẳng phải để yên thân, và cô tin rằng kể từ phút giây này, ngay cả Phecnanđa cố chấp cũng sẽ khỏi phải bận tâm đến cây đàn đã bị các cô nữ tu sĩ coi là vật lỗi thời trong viện bảo tàng. Trong những năm đầu tiên, cô tin rằng những tính toán của mình sai bét bởi vì sau khi một nửa thị trấn đã ngủ rồi, thì không chỉ trong phòng khách nhà cô, mà trong không biết bao nhiêu buổi vui chung, các buổi họp mặt ở nhà trường và các buổi lễ kỉ niệm được tổ chức ở Macôndô, mẹ cô vẫn tiếp tục mời đến những thính giả mới mà bà biết chắc họ có khả năng đánh giá những phẩm chất của cô

con gái. Sau khi Amaranta mất và chỉ đến khi ấy thôi, khi mà mọi người đều không bước chân ra khỏi nhà trong thời gian để tang, Mêmê mới có thể hoàn toàn không bị lệ thuộc vào cây đàn tiểu dương cầm và có thể bỏ quên chùm chìa khoá ở bất kỳ tủ quần áo nào mà không còn phải lo Phecnanđa sẽ khó chịu lục soát xem lúc nào và ai đã làm mất thìa khoá. Mêmê chịu đựng những sự phô trương của mẹ với lòng nhẫn nại mà cô đã có trong lúc học. Đó là cái giá cô phải trả cho tự do của mình. Phecnanđa quá đỗi sung sướng trước thái độ hiền lành của con gái, quá đỗi tự hào trước lòng thán phục của mọi người đối với tài nặng của cô, đến mức bà không ngăn cản việc các cô bạn gái đến chơi chật cả nhà, việc cô đi chơi cả buổi chiều ở ngoài đồng chuối và đi xem những bộ phim luôn được cha Antôniô Isaben công khai cho phép chiếu cùng với Aurêlianô Sêgunđô hoặc với các bà bạn tin cậy của gia đình. Trong những lúc vui vẻ ấy, những sở thích đích thực của Mêmê được bộc lộ rõ nét. Hạnh phúc của cô ở đầu bên kia của kỷ cương nền nếp, trong các cuộc vui ồn ĩ, trong các cuộc nói chuyện tầm phào về tình yêu, trong những buổi các cô gái khoá trái cửa buồng để cùng nhau tập hút thuốc lá và nói về bọn con trai, và đã có lần họ chuyền tay nhau tu hết ba chai rượu trắng rồi cuối cùng họ khoả thân để so đọ các bộ phận trên cơ thể mình. Sẽ chẳng bao giờ Mêmê quên dược cái đêm cô bước vào nhà miệng nhai rễ cam thảo và vì không ai phát hiện ra mình đang bị rượu vật đổ, cô ngồi xuống bên chiếc bàn Phecnanđa và Amaranta đang lặng lẽ ăn cơm tối. Trước đó cô đã trải qua hai giờ khủng khiếp ở trong phòng một người bạn gái, khóc lóc hoài vì buồn và vì sợ hãi, và ở bờ bên kia cuộc khủng hoảng tâm trạng ấy cô bắt gặp một cảm giác dạn dĩ rất lạ lùng mà mình vẫn còn thiếu để trốn

khỏi trường học, để nói với mẹ mình bằng những lời này lời nọ khiến bà phải nổi cáu về cây đàn tiểu dương cầm. Ngồi ở ngay đầu bàn ăn, đang húp bát nước canh gà mà khi vào tới dạ dày nó giống như một thứ thuốc tiên làm sống lại người chết, Mêmê nhìn thấy Phecnanđa và Amaranta chìm trong vắng ánh sáng khắc nghiệt của thực tại. Cô phải cố gắng tự kìm mình để khỏi nói thẳng vào mặt họ về những sự giả tạo, về trí tuệ nghèo nàn và những thèm khát danh dự hão của họ. Kể từ kỳ nghỉ hè thứ hai trở đi, cô biết rằng cha mình chỉ sống ở nhà để giữ thể diện và nhờ hiểu Phecnanđa như đã hiểu bà và nhờ đã giúp bà để sau đó hiểu Pêtra Côtêt, cô đã tán thành cha mình. Cũng có lúc cô muốn làm con gái của người tình của cha mình. Trong hơi men chếnh choáng, Mêmê đã nghĩ rằng nếu như thời điểm ấy cô bày tỏ những suy tư của mình thì chắc mọi người không khỏi ngạc nhiên và niềm vui thầm lặng của trò ranh mãnh lộ ra quá ư mạnh mẽ đến mức Phecnanđa đã nhận ra:

- Con làm sao vậy? - bà hỏi.

- Chẳng làm sao cả, - Mêmê trả lời. - Hầu như đến tận bây giờ con mới phát hiện ra là con yêu bà trẻ và mẹ biết nhường nào.

Amaranta giật mình nhận thấy rất rõ trong câu trả lời ấy có hàm chứa ý tứ căm giận. Trái lại Phecnanđa rất cảm động đến nỗi bà thấy mình lại phát điên khi Mêmê thức dậy vào lúc nửa đêm đầu cứ ngọ nguy vì đau đớn và cứ nghẹn thở vì những cứ nôn ra mật. Bà đưa cô một lọ dầu hải ly, đắp lên bụng cô một lá cao mù tạc và chườm lên đầu cô một túi nước đá, rồi bà bắt cô ăn kiêng và ở trong nhà kín gió suốt năm ngày liền theo đơn thuốc của viên bác sĩ ngông cuồng người Pháp mới đến, người sau hai giờ khám bệnh đã đi đến kết luận quái gở: cô gái bị rối loạn kinh nguyệt. Trong trạng thái tinh thần suy sụp,

Mêmê không còn cách nào hơn là nín lặng. Ucsula lúc này tuy đã mù hẳn nhưng vẫn hoạt bát và sáng láng, là người duy nhất đã chẩn đoán chính xác. "Đối với ta, - cụ nghĩ, - những triệu chứng này là những triệu chứng biểu hiện rõ ở bọn say rượu. Nhưng không những cụ bác bỏ ý nghĩ ấy mà cụ còn tự trách sự hời hợt trong suy nghĩ của mình. Aurêlianô Sêgundô cảm thấy nhức nhối lương tâm khi nhìn thấy tình trạng kiệt sức của Mêmê do đó ông hứa trong tương lai sẽ quan tâm đến cô nhiều hơn. Quan hệ thân mật và vui vẻ giữa người cha và cô con gái đã nảy sinh như thế đấy, và quan hệ này trong một thời gian đã giải thoát ông khỏi những cuộc vui cô đơn và nó cũng giải thoát Mêmê khỏi sự quản thúc của Phecnanđa mà không gây ra những cuộc cãi vã không thể tránh khỏi trong gia đình. Thế là lúc ấy, Aurêlianô Sêgundô phớt lờ mọi lời cam kết để ở bên cạnh. Mêmê, dành cho cô phần lớn thời gian rảnh rỗi của mình để dẫn cô đi xem phim hay xem xiếc. Trong những ngày gần đây, thân xác ục ịch chậm chạp không cho phép ông cúi xuống buộc nút giày, và sự sung mãn đã khiến cho ông bắt đầu kim hồ hởi. Sự phát hiện về cô con gái đã làm sống lại trong ông tâm tính hồ hởi của thời trẻ, và nỗi thích thú được ở gần con gái đã dần dần tách ông khỏi sự ăn chơi phung phí. Mêmê nở rộ trong tuổi trưởng thành. Cô không đẹp cũng như Amaranta không bao giờ đẹp, nhưng cô cởi mở, dễ gần và ngay từ phút gặp gỡ đầu tiên đã cho ta cảm giác dễ mến. Cô có đầu óc tân tiến. Và cái đầu óc tân tiến này thương hại cho tính kiêu ngạo lỗi thời và trái tim chai sạn của Phecnanđa, và được Aurêlianô Sêgundô rất hài lòng ủng hộ. Ông chính là người đã quyết định lôi cô ra khỏi phòng ngủ từ lúc còn bé, nơi những con mắt hãi hùng của các vị thánh vẫn tiếp tục làm cô sợ hãi ngay khi cô đã ở tuổi thành niên, và

ông đã sắp đặt cho cô một phòng có giường đệm, một phòng trang điểm rộng rãi và những tấm rèm cửa bằng nỉ mà ông không biết rằng đó chính là hình ảnh thứ hai của căn phòng Pêtra Côtêt. Ông quá ư hào phóng đối với cô đến nỗi ngay cả số tiền ông có bao nhiêu ông cũng không biết, vì rằng chính cô đã móc chúng từ các túi ra, và ông đã cung cấp cho cô biết bao đồ trang sức mới mỗi khi cô đến các đại lý của Công ty chuối. Căn phòng của Mêmê đầy những túi đựng đá bọt đánh bóng móng tay, những lô uốn tóc, những cái đánh bóng răng, những hộp thuốc tô cho xanh mi mắt, rồi cơ man nào là thuốc mỹ phẩm và các đồ trang sức lạ lẫm đến nỗi cứ mỗi bận bước vào phòng Phecnanđa lại đâm lo lắng với ý nghĩ rằng phòng trang điểm của cô con gái chẳng khác gì phòng trang điểm của bọn điếm tân thời. Tuy nhiên, trong thời kỳ ấy, Phecnanđa hoạt động theo một thời gian biểu được chia sẻ giữa nhiệm vụ chăm sóc bé Amaranta Ucsula lúc này hãy còn làm nũng và hay bệnh tật với việc viết những bức thư đầy cảm động cho các vị thầy thuốc không thể nhìn thấy Vậy là, khi phát hiện ra sự đồng loã giữa chồng với con gái, thì lời hứa duy nhất bà đòi hỏi ở Aurêlianô Sêgundô là ông sẽ không dẫn Mêmê tới nhà Pêtra Côtêt. Đó là một sự đòi hỏi vô nghĩa vì ả nhân tình đang lộn ruột trước tình thân mật giữa cha con Aurêlianô Sêgundô, đến mức ả chẳng thiết làm quen với Mêmê nữa. Một nỗi lo chưa hề biết tới làm cho ả đau đớn khắc khoải như thể bản năng đã mách cho ả hay rằng Mêmê chỉ cần yêu ỏng ta thôi là đã có thể giành lấy cái điều mà Phecnanđa không thể giành được: chiếm mất của ả một thứ tình yêu vốn được coi là tình yêu bền chặt gắn bó với nhau cho đến chết. Lần đầu tiên Aurêlianô Sêgundô phải chịu đựng cảnh mặt sưng mày sỉa và những cú đá thúng đụng nia khủng khiếp của nhân tình đến

nỗi ông đâm sợ rằng những chiếc hòm từng mang đi mang lại của mình lại lên đường trở về nhà vợ. Nhưng điều này không xảy ra. Không một người đàn bà nào hiểu kỹ một người đàn ông như Pêtra Côtêt hiểu nhân tình của mình, và ả biết rằng những chiếc hòm ấy sẽ ở nguyên vị trí từ khi chúng được mang đến, bởi vì nếu có cái gì mà Aurêlianô Sêgundô ghê tởm thì đó chính là việc phải đảo lộn cuộc đời vì những sự tu tỉnh và thay đổi nếp sống. Vậy những chiếc hòm đã ở đâu thì cứ ở nguyên đấy, và Pêtra Côtêt lao vào việc giành lại người đàn ông ấy bằng cánh mài sắc thứ vũ khí duy nhất mà cô con gái không thể nào địch nổi. Đó cũng là một cố gắng không cần thiết, vì rằng Mêmê không bao giờ có ý định tham dự vào những vấn đề riêng của cha mình. Cô không có thừa thời gian để mà làm phiền ai. Chính cô tự quét lấy phòng và sửa sang giường chiếu đúng như các nữ tu sĩ đã dạy bảo cô. Buổi sáng cô lo thêu may váy áo của mình, lúc thì ngồi thêu ở ngoài hành lang, lúc thì ngồi may bên chiếc máy may quay tay của Amaranta. Trong lúc mọi người ngủ trưa, cô ngồi luyện đàn tiểu dương cầm trong hai giờ liền vì biết rằng sự cần mẫn hàng ngày sẽ giữ yên lòng Phecnanđa. Cũng chính vì lý do đó, cô vẫn tiếp tục trình diễn các bản giao hưởng trong các buổi bán hàng từ thiện và các buổi vui trong trường học mặc dù những lời mời ngày một thưa hơn. thiều đến, cô chải chuốt, mặc bộ quần áo giản dị nhất, đi đôi giày cao cổ và nếu như không cần phải đi theo Aurêlianô Sêgundô, cô sẽ đến nhà các bạn gái là nơi cô sẽ ở chơi cho đến giờ cơm tối. Hãn hữu lắm Aurêlianô Sêgundô mới không đến tìm cô để dẫn đi xem phim.

Trong đám bạn của Mêmê có ba cô gái Mỹ đã phá bỏ cái hàng rào của khu nhà chung cư giống "khu chuồng gà mắc điện" và có quan

hệ bạn bè với các cô gái làng Macôndô. Một trong ba cô ấy là cô Patrixia Brao. Do cảm kích trước tấm lòng hào hiệp của Aurêlianô Sêgundô, ngài Brao đã mở cửa nhà mình cho Mêmê và mời cô tham dự các buổi khiêu vũ ngày thứ bảy vốn là những dịp duy nhất người Mỹ cùng vui chơi với người bản xứ. Khi Phecnanđa biết chuyện, bà tạm thời gác chuyện chăm sóc bé Amaranta Ucsula và việc viết thư cho các thầy thuốc không thể nhìn thấy của bà, để làm cho to chuyện thêm. "Con hãy nghĩ mà xem, - bà nói với Mêmê, - ngài đại tá nằm dưới mồ sẽ nghĩ gì nào?". Bà tìm sự đồng tình ủng hộ của Ucsula. Nhưng cụ già mù loà này, trái với điều mọi người chờ đợi đã cho rằng chẳng có gì đáng phải lo ngại trong việc Mêmê tham dự các buổi khiêu vũ cũng như chăm chút các quan hệ bạn bè với những người Mỹ cùng lứa tuổi, miễn sao cô chắt gái lúc nào cũng biết giữ vững quan điểm của mình và đừng để mình trở thành đồ đệ của đạo Tin lành là được rồi. Mêmê lĩnh hội rất đúng tư tưởng của cụ cố nội, và vào ngày hôm sau các buổi khiêu vũ cô dậy sớm hơn thường lệ để đi lễ mixa. Sự phản đối của Phecnanđa được duy trì cho đến ngày Mêmê báo tin người Mỹ muốn nghe cô chơi đàn tiểu dương cầm và điều này đã làm bà thay đổi lập trường. Lại một lần nữa cây đàn được đưa ra khỏi nhà và được đưa đến nhà ngài Brao, nơi cô nghệ sĩ đàn tiểu dương cầm trẻ tuổi đã nhận những tràng vỗ tay chân thành nhất và những lời chúc mừng nhiệt liệt nhất. Kể từ dạo ấy, cô được mời đến nhà không chỉ vào các buổi khiêu vũ chiều thứ bảy mà còn vào các buổi tắm ngày chủ nhật ở bể bơi, và mỗi tuần một bữa cơm trưa. Mêmê tập bơi như một vận động viên chuyên nghiệp, chơi tennis và tập ăn xúc xích xứ Virginia với dứa lát. Cô học tiếng Anh rất nhanh trong các buổi khiêu vũ, tập bơi và tập tennis. Aurêlianô

Sêgundô phấn chấn quá đỗi trước những bước tiến của cô con gái đến mức ông đã mua một cuốn từ điển bách khoa tiếng Anh dày sáu tập gồm nhiều tranh ảnh màu của một người bán sách rong, để cô đọc vào những lúc rỗi rãi. Việc đọc sách lôi cuốn hết tâm tri mà trước đây cô vẫn dành cho cô bạn gái đáng yêu hoặc cho các buổi đóng kín phòng để ở trong đó với các bạn gái, đó không phải vì người ta buộc cô phải đọc như một thứ kỷ luật mà vì cô không có thú tán nhảm vốn là một thứ bệnh chung của mọi người. Cô nhớ lại lần bị say rượu như một cú mạo hiểm ngây thơ mà cô cảm thấy hết sức ngộ nghĩnh, đến mức cô kể lại cho Aurêlianô Sêgundô nghe, và khi nghe, cha cô còn cảm thấy thích thú hơn cả cô. "Nếu mẹ con mà biết được", ông nói với con gái trong lúc sặc sụa cười. Như vẫn thường nói với cô rằng hãy tin ở mình, ông cũng đã nói với cô rằng với chính lòng tin ấy cô có thể lộ cho ông biết mối tình đầu của cô. Và do đó Mêmê đã kể cho ông biết cô thân với một chàng thanh niên Mỹ tóc đỏ, người đã đến đây nghỉ hè với bố mẹ anh ta. "Bợm nhỉ?", Aurêlianô Sêgundô cười: "Nếu mẹ con mà biết được". Nhưng Mêmê còn kể cho ông biết chàng trẻ tuổi người Mỹ ấy đã trở về nước và cô vẫn chưa được biết tin tức gì của anh ta. Vậy là sự chín chắn trong cách suy nghĩ của cô đã bảo đảm cho gia đình được êm ấm yên vui. Lúc này Aurêlianô Sêgundô dành nhiều thời gian hơn cho Pêtra Côtêt, và dẫu rằng thể xác và tâm hồn ông không cho phép ông lao vào các cuộc vui chơi bạt mạng như trước đây, ông vẫn không để lỡ dịp tổ chức chúng và không để yên cho cây phong cầm lúc này đã có nhiều phím phải buộc lại bằng dây giày. Ở nhà, Amaranta khâu khăn liệm cho mình mà không biết đến bao giờ thì xong, còn Ucsula cứ để mặc cho tuổi già lôi kéo mình đến đáy sâu của sự mù loà, là nơi cái

hình ảnh duy nhất có thể nhìn thấy được là hình ảnh cụ Hôsê Accađiô Buênđya ở dưới gốc cây dẻ. Phecnanđa củng cố quyền lực của mình. Những bức thư đều đặn gửi hàng tháng cho con trai bà là Hôsê Accađiô lúc này không hề có lấy một dòng nói dối, ngoại trừ quan hệ thư từ với các thầy thuốc không thể nhìn thấy, những người đã chuẩn đoán rằng bà có một chỗ viêm tấy ở ruột già và họ đang chuẩn bị cho bà được thực nghiệm một cách chữa bệnh bằng điều khiển từ xa.

Người ta đồn rằng trong ngôi nhà mệt mỏi của dòng họ Buênđya sẽ êm ấm và hạnh phúc đời đời nếu như cái chết đột ngột của Amaranta không làm cho cả thị trấn lại một lần nữa nhốn nháo lên. Đó là một sự kiện không ngờ. Dẫu rằng bà đã già và sống hoàn toàn cách biệt mọi người nhưng người ta vẫn thấy bà chắc chân mạnh tay, đi đứng ngay ngắn với cái sức khoẻ bền chắc như đá mà xưa nay bà vốn có. Không một ai biết được ý nghĩ của bà kể từ khi bà dứt khoát từ chối đại tá Hêrinêndô Mackêt và đóng chặt cửa buồng để một mình ở trong nhà mà khóc lóc. Khi ra khỏi phòng bà đã cạn sạch nước mắt.

Người ta không thấy bà khóc trước việc Rêmêđiôt - Người đẹp bay lên trời, trước việc trong một thời gian ngắn cả mười bảy người con trai của đại tá Aurêlianô Buênđya bị tàn sát, trước cái chết của chính ngài đại tá, vốn là người bà yêu mến nhất trần đời. Tuy bà đã biểu lộ lòng thương của mình khi mọi người bắt gặp thi hài ngài ở dưới gốc cây dẻ, nhưng tuyệt nhiên bà không nhỏ một giọt nước mắt. Bà đã giúp một tay dựng tử thi dậy. Bà mặc cho ngài bộ trang phục chiến binh, cạo râu, chải tóc cho ngài và bà trang điểm bộ râu cho ngài còn đẹp hơn cả ngài trang điểm nó trong những năm tháng vinh quang

của mình. Không một ai nghĩ rằng trong cử chỉ ấy, bà đã để lộ tình yêu vì mọi người đã quen với sự thông thạo tang lễ của Amaranta. Phecnanđa đùng đùng nổi cáu cho rằng Amaranta không hiểu những mối quan hệ của đạo Cơ đốc với cuộc sống mà chỉ duy nhất hiểu những quan hệ của nó với cái chết, như thể nó không phải là một tôn giáo mà chỉ là một tờ giấy quảng cáo cho thói câu nệ hình thức ma chay. Amaranta chìm đắm quá sâu trong những kí ức bề bộn của mình để hiểu cho được những lời nói ngụ ý sâu xa ấy. Bà đã bước tới tuổi già với tất cả nỗi hoài nhớ tươi roi rói. Khi nghe những bản nhạc van của Piêtrô Crêspi, bà vẫn có những khao khát muốn khóc như cái thuở mới lớn, như thể thời gian và sự tự trừng phạt mình chẳng có nghĩa lý gì. Những băng nhạc mà chính bà từng ném vào sọt rác với cái cớ chúng bị hơi ẩm làm cho mục hết, cứ tiếp tục quay và gõ nhịp trong kí ức bà. Bà đã định nhấn chìm những khao khát ấy trong nỗi đam mê tội lỗi ở giới hạn được phép với người cháu của mình là Aurêlianô Hôsê và bà đã định ẩn nấp dưới sự che chở lành mạnh và cao thượng của đại tá Hêrinêndô Mackêt, nhưng bà đã không tìm được cách đánh đổ hoàn toàn những khát vọng ấy ngay cả trong hành động tuyệt vọng nhất của tuổi già; ấy là lúc tắm cho thằng bé Hôsê Accađiô ba năm trước khi gửi nó đi học và bà đã mân mê nó không như một người bà đối với đứa cháu mà lại như một người đàn bà đối với người đàn ông, như chính cô điếm tân thời đã làm theo lời đồn của thiên hạ và như chính bà ở tuổi mười hai, mười bốn từng muốn làm đối với Piêtrô Crêspi, khi thấy chàng vận quần áo khiêu vũ và tay cầm cây gậy chỉ huy huyền diệu để lấy nhịp từ chiếc máy đo nhịp. Đôi lúc cái vết sẹo trên tay kia khiến bà đau khổ vì đã để nó theo mình và đôi lúc nó khiến bà giận dữ quá đỗi đến mức phải

lấy kim châm vào các ngón tay, nhưng cái vườn ổi chín rộ thơm lựng của tình yêu đang tiến dần tới cõi chết làm bà đau khổ hơn cả, khiến bà giận dữ hơn cả và cay đắng hơn cả. Như đại tá Aurêlianô Buênđya nghĩ đến chiến tranh, Amaranta nghĩ tới Rêbêca, nghĩa là không thể đừng được. Nhưng trong lúc anh trai bà đã tìm được cách làm cho những kỷ niệm ấy khô cằn đi thì bà chỉ tìm cách khiến chúng nóng bỏng thêm. Điều duy nhất bà cầu khẩn Thượng đế trong rất nhiều năm là ngài đừng để bà chết trước Rêbêca. Cứ mỗi bận bà đi qua nhà Rêbêca và nhận thấy ngôi nhà đang ngày một đổ nát thì bà cảm thấy sung sướng với ý nghĩ Thượng đế đang nghe lời cầu khẩn của mình.

Có một buổi chiều, khi đang may vá ở ngoài hành lang, một ý nghĩ sáng tỏ bỗng nảy sinh trong tâm trí bà và bà thấy rằng bà sẽ ngồi ở ngay chính cái chỗ ấy, trong chính tư thế ấy và cũng trong chính ánh sáng ấy, khi người ta mang tin Rêbêca đến cho mình. Bà ngồi đợi tin ấy như ai đó đợi một bức thư, và rõ ràng là có thời kỳ bà dứt hết cúc để rồi đơm lại, chả là vì ngồi rồi không thể địch nổi với ngồi chờ vốn dài lê thê và đau khổ hơn nhiều. Trong gia đình không một ai biết rằng Amaranta lúc này dệt một tấm khăn liệm quý giá cho Rêbêca. Sau đó, khi Aurêlianô Tristê kể chuyện rằng anh đã thấy bà ta biến thành một bóng ma da dẻ nhăn nheo và trên đầu lơ thơ còn lại mấy mớ tóc vàng thì bà chẳng ngạc nhiên tí nào bởi vì hình ảnh được miêu tả ấy đúng y hệt với hình ảnh Rêbêca mà bà đã mường tượng thấy từ rất lâu. Bà đã quyết định dựng lại thi hài Rêbêca, lấy sáp đánh cho da mặt Rêbêca căng mọng lên và lấy tóc của các bức tượng thánh để làm cho Rêbêca một bộ tóc giả. Bà sẽ chế tạo ra một thi hài đẹp với khăn liệm bằng vải lanh và một chiếc quan tài bọc nỉ

có những tua dải đỏ và bà sẽ đặt quan tài này trong sự túc trực của những kẻ hầu người hạ vốn thường thấy ở những đám tang lộng lẫy. Bà xây dựng kế hoạch này với biết bao hận thù đến mức bà phải rùng mình trước ý nghĩ rằng bà đã làm đám tang này như thể với tất cả lòng yêu của mình, nhưng bà đã không thể để cho sự nhắm lẫn làm cho mình lúng túng mà trái lại bà tiếp tục hoàn thiện những chi tiết hết sức nhỏ nhặt đến mức bà trở thành một người còn tinh thông hơn cả một nhà chuyên môn trong các lễ tang. Điều duy nhất bà không nhận ra trong kế hoạch dày công xây dựng này là bà có thể chết trước Rêbêca, mặc dù bà đã tha thiết khẩn cầu Thượng đế Quả nhiên điều đó đã xảy ra. Nhưng trong những ngày cuối cùng của đời mình, Amaranta không cảm thấy đau khổ, trái lại bà cảm thấy mình được giải thoát khỏi mọi nỗi đắng cay, bởi vì thần chết đã đem lại cho bà vinh dự được báo trước về cái chết sẽ xảy ra sớm hơn dự định của mình vài năm. Có một buổi trưa trời oi ả sau khi Mêmê đến trường được ít bữa, trong lúc đang ngồi khâu ở hành lang bà đã nhìn thấy thần chết. Bà nhận ra ngay nó, và nó chẳng có gì là đáng sợ cả, bởi vì nó là một phụ nữ vận đồ xanh màu thanh thiên với mái tóc dài như suối, nom nó có vẻ lỗi thời một tí, từa tựa như hình ảnh Pila Tecnêra trong cái thời ả vẫn đến nấu nướng giúp gia đình mình. Đôi lúc Phecnanđa đứng ngay trước mặt bà nhưng bà không nhận ra mặc dù Phecnanđa hiển hiện một cách rất đích thực, rất con người, ngay cả lúc nhờ bà xâu hộ kim. Thần chết không báo cho bà biết khi nào bà chết và cũng không nói cho bà biết giờ chết của mình có phải xảy ra trước giờ chết của Rêbêca không, mà chỉ bảo bà hãy bắt đầu khâu khăn liệm cho chính mình vào ngày mồng sáu tháng tư tới. Thần chết đã cho phép bà làm khăn liệm thật cầu kỳ và thật đẹp mắt

như bà mong muốn, nhưng cũng hết sức danh giá như bà đã làm khăn liệm cho Rêbêca. Và thần chết còn cho bà biết rằng bà sẽ chết không đau đớn, không sợ sệt, không cay đắng vào ngay đêm may xong tấm vải liệm cho chính mình. Vì cố ý kéo dài thời gian, Amaranta tự mình kéo lấy sợi lanh, rồi tự tay dệt lấy tấm vải. Bà làm rất cẩn thận đến mức chỉ với công việc này bà đã tốn mất bốn năm. Sau đó bà bắt đầu công việc thêu thùa trên tấm khăn liệm. Vậy là ngày kết thúc công việc không thể tránh được ấy cứ ngày một nhích gắn đến và do đó bà ngày càng hiểu rõ rằng chỉ có phép màu mới cho phép bà kéo dài công việc đến sau ngày chết của Rêbêca, nhưng chính sự tập trung sức làm việc lại trả lại cho bà lòng thanh thản bà vốn còn thiếu để chấp nhận ý nghĩ bất hạnh. Đó là lúc bà hiểu được cái vòng luẩn quẩn có phần bệnh hoạn trong việc sản xuất - tiêu thụ để rồi sản xuất - tiêu thụ những chú cá vàng của đại tá Aurêlianô Buênđya. Thế giới bên ngoài thu lại trên mặt làn da của ngài, còn nội tâm ngài ở ngoài mọi nỗi đắng cay. Bà lấy làm đau đớn trước việc đã không hiểu điều đó trong rất nhiều năm trước đây, khi mà bà vẫn còn có thể thanh lọc những kỷ niệm và dựng lại một thế giới mới dưới một ánh sáng mới và nhớ lại mìn oải hương của Piêtro Crêspi vào lúc chiều xuống mà không rùng mình, và giải thoát Rêbêca khỏi sự thù hằn của mình, không hề căm giận cũng chẳng hề yêu thương mà chỉ bởi lòng cảm thông với nỗi cô đơn. Lòng căm thù mà bà nhận ra trong những lời nói của Mêmê một đêm nọ làm cho bà bị kích động không phải bởi nó xúc phạm tới bà, mà vì bà cảm thấy mình được lặp lại trong một tuổi dậy thì khác dường như cũng rất trong sáng như cái tuổi dậy thì bà nên có, và rằng rất đáng tiếc nó đã bị sự hằn học cá nhân làm cho vẩn đục đi Nhưng đó chính là lúc sự

cam c ỉu với số phận mình cũng rất sâu sắc đến mức nó không làm cho bà dao động trước sự thật hiển nhiên rằng những cánh cửa mở lối cho việc cải hối đã bị đóng kín hết cả. Mục đích duy nhất của bà lúc này là hoàn thành chiếc khăn liệm. Đáng lẽ phải làm chậm hơn nữa như lúc đầu đã làm, nay bà vội vã làm cho mau xong. Một quắn trước bà đã tính rằng vào đêm ngày mồng bốn tháng hai bà sẽ may mũi khâu cuối cùng. Và không hề để lộ lý do, bà yêu cầu Mêmê biểu diễn sớm hơn buổi hoà nhạc đàn tiểu dương cầm đã dự định vào ngay ngày hôm sau, nhưng cô cháu không chịu. Thế là Amaranta tìm cách kéo dài công việc thêm bốn mươi tám giờ nữa và bà nghĩ thần chết đã đồng tình với mình vì đêm ngày mồng bốn tháng hai một cơn bão đã làm đổ cột điện. Nhưng sang ngày hôm sau, vào lúc tám giờ sáng bà đã khâu mũi chỉ cuối cùng cho chiếc khăn liệm cực kỳ đẹp đẽ mà không một người đàn bà nào đã làm được, rồi không hề đau khổ bà báo tin rằng mình sẽ chết vào buổi chiều. Bà không chỉ báo trước cho gia đình mình mà còn bác cho cả làng biết. Bởi vì Amaranta nghĩ rằng một cuộc đời nhỏ mọn đã có thể dừng lại với việc giúp đỡ cho cả bàn dân thiên hạ, và bà cho rằng không có một ân huệ nào lại hay hơn việc mang hộ thư cho những người chết. Tin tức nói rằng vào lúc hoàng hôn Amaranta Buênđya sẽ ra đi khỏi cõi đời này có nhận mang thư từ cho người chết được truyền đi khắp thị trấn Macôndô và đến ba giờ chiều tại phòng khách đã có một thùng đầy ắp thư. Những ai không muốn viết thì nhờ Amaranta nhắn miệng hộ và bà đã ghi lại trong một cuốn sổ lời nhắn cùng với tên và ngày chết của người được nhận lời nhắn. "Đừng lo", bà an ủi những người nhắn tin, "Điều tôi làm trước tiên khi đến nơi sẽ là việc hỏi thăm ông ta và tôi sẽ nhắn lại giùm bác". Dường như đó là một trò

hề. Amaranta không hề để lộ một nỗi lo lắng nào, cũng không hề nhăn nhó vì đau đớn, hơn nữa nhiệm vụ được thực hiện còn làm cho bà trẻ ra chút ít. Như mọi bữa, bà vẫn son sẻ và hoạt bát. Nếu như đôi má không nhăn nhúm, và cái miệng không bị rụng mất vài chiếc răng thì chắc hẳn nom bà sẽ bớt già hơn cái hình hài già nua hiện tại. Chinh bà đã ra lệnh rằng cần phải để thư vào một cái hòm sơn và chỉ dẫn cách đặt cái hòm ấy trong ngôi mộ nhừ thếnào để bảo quản nó tốt hơn trước sức phá hoại của hơi ẩm.
Ngay buổi sáng bà đã cho gọi một bác phó mộc tới và bà đứng ở phòng khách để bác ta đo kích thước đóng chiếc quan tài như thể bác phó may vẫn làm để cắt một bộ quần áo vậy. Cái sức lực ấy bỗng sống dậy trong bà ở những phút chót của cuộc đời khiến cho Phecnanđa nghĩ rằng bà đãng trêu chọc, đùa giỡn tất cả mọi người. Ucsula, với kinh nghiệm của bản thân cho thấy những người thuộc dòng họ Buênđya này sẽ chết vô bệnh tật đã không nghi ngờ răng Amaranta nhận được điềm báo của thần chết, nhưng trước hết cụ lại sợ rằng trong cái việc chuyển thư cho người chết và sự nôn nóng muốn cho thư mau đến tay người nhận, người ta sẽ chôn sống Amaranta mất. Thế là cụ đích thân đi đuổi bớt người ta ra khỏi nhà, có lúc cụ phải gào lên để cãi nhau với những kẻ quá ư mặt dạn mày dày, cuối cùng đến bốn giờ chiều cụ cũng đã làm cho ngôi nhà vãn khách đi nhiều. cũng vào giờ ấy, Amaranta phấn phát xong đồ dùng cá nhân của mình cho những người nghèo và bà chỉ để lại trên chiếc quan tài mộc mạc được làm bằng những tấm ván không bào một bộ quần áo sẽ thay và một đôi hài nhung kẻ mà bà sẽ đi trong cõi chết. Cái sự thận trọng ấy không vô ích khi bà nhớ lại rằng lúc đại tá Aurêlianô Buênđya chết, bà đã phải sắm cho ngài một đôi giày mới vì

ngài chỉ còn lại có đôi dép lê dùng trong xưởng kim hoàn. Trước lúc năm giờ một ít, Aurêlianô Sêgundô về tìm Mêmê để cùng đi dự một buổi hoà nhạc và ông ngạc nhiên thấy ngôi nhà đã được chuẩn bị cho đám tang. Nếu có ai đang sống vào giờ này chính lại là Amaranta khoẻ mạnh, người mà thời gian vẫn còn đủ cho bà cắt đi những nốt sần chai trên da dẻ. Aurêlianô Sêgundô và Mêmê tạm biệt bà bằng những lời chào chế giễu và hứa với bà rằng ngày thứ bảy tới cha con mình sẽ tổ chức một cuộc vui của ngày phục sinh. Bị lôi cuốn bởi những lời đồn của dân chúng nói rằng Amaranta Buênđya đang nhận thư để chuyển đến tay người chết, cha Antômô Isaben mang bánh thánh ban cho người hấp hối tới nhà vào lúc năm giờ và cha buộc phải chờ mười lăm phút để đợi người sắp chết từ nhà tắm đi ra. Khi thấy bà xuất hiện với chiếc áo ngủ bằng vải bông và mái tóc buông xoã ngang lưng thì vị cha cố già lão tin rằng đó là một trò cười rồi lập tức bãi bỏ việc làm lễ sám hối. Tuy nhiên, cha nghĩ rằng cần tranh thủ dịp này để buộc Amaranta xưng tội vì sao hai mươi năm hay không hề đi nhà thờ. Amaranta đã trả lời cha một cách thật giản dị rằng bà thấy chẳng cần phải tham dự bất kỳ một buổi lễ nhà thờ nào vì lương tri mình lúc nào cũng rất trong sạch. Phecnanđa đâm bực bội không cắn phải giữ mồm giữ miệng, đã hỏi thật to rằng Amaranta sẽ còn phạm một tội kinh tởm nào hơn khi bà ta mong muốn một cái chết phạm thánh không chịu xưng tội vì xấu hổ. Thế là Amaranta đi nằm, và buộc Ucsula công khai chứng thực con người trinh tiết của mình.

- Đừng có mà tưởng nhé, - bà gào thật to cốt để Phecnanđa nghe rõ, - Amaranta Buênđya sẽ đi khỏi thế gian này như đã sinh ra trên thế gian này.

Bà không ngồi dậy nữa. Bà nằm dựa trên gối như thể ốm thực, tết những bím tóc đuôi sam dài rồi cuộn lại ngang tai, như thần chết đã bảo bà rằng nên nằm vào quan tài. Sau đó bà đòi Ucsula mang cho mình chiếc gương, và lần đầu tiên trong bốn mươi năm nay bà nhìn gương mặt xương xấu đi vì tuổi già và đau khổ, và ngạc nhiên thấy nó giống y hệt gương mặt tưởng tượng mà bà tự nghĩ ra cho mình. Qua cái lặng lẽ ngoài hành lang, Ucsula hiểu rằng trời bắt đầu tối.
- Con hãy từ biệt Phecnanđa đi, - cụ khuyên - Một phút làm lành còn hơn cả đời chơi thân với nhau, con ạ.
- Bây giờ thì không cần nữa rồi, mẹ ạ.
Mêmê không thể không nghĩ đến Amaranta khi đèn báo kết thúc phần một đã bật sáng và phần hai đêm biểu diễn sắp bắt đầu. Khi cô chơi được một nửa bản nhạc thì có người nói nhỏ vào tai cho biết tin Amaranta đã từ trần và thế là cuộc vui bị bỏ dở. Khi về tới nhà, Aurêlianô Sêgundô buộc phải lấy cùi tay hích đám đông để lấy lối vào nhìn mặt tử thi của bà già trinh nguyên, một gương mặt xấu và xám ngoét, bàn tay vẫn mang dải băng đen và cả người được cuốn trong tấm khăn liệm đẹp đẽ. Quan tài được quàn ở phòng khách bên cạnh hòm thư.
Ucsula nằm liệt giường từ sau chín giờ đêm ngày Amaranta chết. Santa Sôphia đê la Piêđat lo chăm nom cụ. Bà mang vào phòng cho cụ nào cơm ăn từng bữa, nào nước rửa hàng ngày và tất cả tin tức xảy ra ở thị trấn Macôndô. Aurêlianô Sêgundô thường xuyên vào thăm cụ, mang cho cụ áo quần. Cụ để chúng ở đầu giường cùng với những đồ thiết dụng hàng ngày. Vậy là chẳng bao lâu một thế giới các đồ vật được thiết lập trong tám tay cụ. Cụ đã đánh thức được tình cảm kính trọng sâu sắc trong cô bé Amaranta Ucsula, người

giống cụ y hệt và là người được cụ dạy học đọc. Cái sáng suốt của cụ, sự hoạt bát đủ để cụ tự phục vụ lấy mình khiến mọi người không nghĩ rằng cụ đã hoàn toàn bị sức nặng của tuổi già một trăm năm đánh bại, và ngay cả việc cụ đi lại phải quờ quạng cũng không một ai nghĩ rằng cụ đã hoàn toàn mũ mắt. Vậy là cụ dành tất cả thời gian, tất cả sự lặng lẽ bên trong tâm hồn để theo dõi cuộc sống trong gia đình và vì vậy cụ là người đầu tiên nhản ra nỗi đau khổ thầm lặng của Mêmê.

- Lại đây chắt, - cụ nói - Bây giờ chỉ có hai chúng ta với nhau thôi, chắt hãy tâm sự cho bà già đáng thương này nghe chuyện gì đã xảy ra với chắt nào.

Với tiếng cười đứt quãng, Mêmê đã lảng tránh buổi nói chuyện. Ussula không nài nỉ nhưng cụ đã đi đến khẳng định những nghi ngờ của mình khi không thấy Mêmê đến thăm nữa. Cụ biết rằng cô trang điểm quá sớm, rằng cô không lúc nào được thư thả tâm hồn trong lúc đợi tới giờ đi chơi, rằng suốt đêm cô quằn quại trên giường ở căn phòng bên cạnh, và rằng cánh bay của một thứ bướm làm day dứt tâm hồn cô. Có lần cụ đã nghe thấy người ta bảo mình rằng cô đi xem phim cùng với Aurêlianô Sêgundô và Ucsula ngạc nhiên thấy rằng Phecnanđa quá ư nghèo nàn trí tưởng tượng đến mức không nghi ngờ gì khi chồng bà về nhà hỏi con gái đâu. Rõ ràng là Mêmê đang đam mê trong những chuyện bí mật, trong những lời hẹn hò khẩn cấp trong những khát vọng bị dồn nén, ngay từ đã lâu rồi trước cái đêm Phecnanđa làm ồn cả nhà về việc bà bắt gặp cô cùng một gã đàn ông đang hôn nhau trong rạp phim…

Lúc này chính Mêmê lại hết sức lo ngại đến mức cô đổ tội cho Ucsula là người đã tố cáo mình. Thực ra chính cô đã tự tố cáo mình.

Từ lâu cô đã để lại sau lưng mình một vệt dài những dấu ấn có thể làm thức tỉnh kẻ say ngu nhất, và nếu Phecnanđa quá ư chậm chạp trong việc phát hiện ra những dấu ấn ấy chỉ là vì bà cũng đang tối mày tối mặt vào những chuyện riêng tư với các thầy thuốc không thể nhìn thấy. Tuy vậy bà cũng vừa nhận ra sự im lặng thầm kín, những cú nhảy cẫng không đúng lúc những lúc thay đổi tính tình bất thường và cả những lời cãi cọ của cô con gái. Bà lao mình vào một cuộc dò la tuy không gay gắt nhưng rất kiên trì. Bà để cho cô đi chơi với nhau người bạn gái quen biết xưa nay, giúp cô diện quần áo để đi dự cáo buổi vui ngày thứ bảy, và chẳng bao giờ hỏi cô một câu hỏi không đúng lúc có thể làm cô giật thót. Bà đã có rất nhiều bằng chứng chứng tỏ rằng Mêmê nói một đằng làm một nẻo và bà vẫn nghi ngờ và chờ dịp tốt đến. Có một đêm, Mêmê bảo bà rằng cô đi xem phim cùng với cha. Sau đó ít lâu, Phecnanđa nghe thấy tiếng pháo tiệc tùng và tiếng đàn phong cầm không thể nhầm lẫn của Aurêlianô Sêgunđô ở phía nhà Pêtra Côtêt. Thế là bà vội vàng mặc quần áo để ra đi, bà bướm vào rạp phim và ở phía sau các hàng ghế bà nhận ra ngay con gái mình. Vì quá ư xúc động trước sự thực hiển nhiên nên bà không kịp nhìn gã đàn ông đang cùng con gái mình hôn nhau. Nhưng bà nghe rõ giọng nói run run nổi bật lên trên những tiếng huýt gió và tiếng cười ầm ĩ của công chúng: "Em yêu, anh buồn lắm". Bà nghe thấy gã nói thế và bà kéo Mêmê đứng dậy, lôi ra khỏi rạp phim mà không nói một lời. Bà làm cho cô ngượng chết người khi dẫn cô đi qua đường Thổ Nhĩ Kỳ vốn ồn ĩ. Rồi bà giam cô trong phòng ngủ. Vào lúc sáu giờ chiều ngày hôm sau, Phecnanđa nhận ra giọng nói của kẻ đến thăm Mêmê. Đó là một thanh niên trẻ, da xanh xao vàng vọt, đôi mắt sẫm tối và mơ màng không làm bà ngạc nhiên nhiều như

thể bà quen thấy ở những người digan, và cái vẻ mơ màng này đã khiến cho người đàn bà có trái tim ít he khắt biết ngay những lý do làm thay đổi tính tình con gái lình. Anh ta vận quần áo vải lanh thông dụng, đi đôi giày ánh xi trắng nom đến thảm hại, tay cầm chiếc mũ rơm mua gáy thứ bảy gần đây. Trong đời mình, anh chưa từng hoảng hốt như trong lúc này, nhưng anh lại có lòng tự trọng và tự chủ, những đức tính quý giá đã cứu anh khỏi rơi vào thế phải quỵ luỵ và anh có một cơ thể cân đối, nhưng chỉ phải đôi tay sần tù và móng tay long tróc vì công việc nặng nhọc. Đối với Phecnanđa, chỉ thoáng nhìn một lần, cũng đã đủ để bà nhận ra nghề thợ máy của anh. Bà nhận ra rằng anh vẫn mặc bộ quần áo duy nhất ngày chủ nhật và bên trong áo sơ mi hiện ra một lớp da bị bệnh ngứa của Công ty chuối làm cho loang lổ, bong vảy. Bà không cho phép anh nói, không cho phép anh bước chân qua cửa mà sau đó bà phải đóng lại ngay vì nhà đã đầy bướm vàng…

- Xéo ngay, - bà đuổi anh, - không việc gì đến anh mà phải tới đây tìm người nào cả. Ở đây toàn là người đứng đắn thôi.

Anh ta tên là Maurixiô Babilônia. Anh đã sinh ra và lớn lên thị trấn Macôndô và là thợ học nghề cơ khí trong các xưởng ủa Công ty chuối. Chỉ nhờ có một buổi chiều cùng với Patrixia Brao đi tìm ôtô để dạo chơi quanh các đồng chuối mà Mêmê quen biết anh một cách ngẫu nhiên. Vì người tài xế ốm nên người ta giao cho anh lái xe đưa các cô đi chơi, và Mêmê đã thoả ước ao ước của mình là ngồi gần tay lái để được tận mắt nhìn anh lái ôtô. Khác với người tài xế thực thụ, Maurixiô Babilônia biểu diễn cho cô xem. Đó là thời kỳ Mêmê thường có mặt ở nhà ngài Brao và cũng là thời người ta còn khinh thị đàn bà lái tô. Vậy mà Mêmê chỉ bằng lòng với việc học lý thuyết và

trong vài tháng liền cô không tới thăm Maurixiô Babilônia. Nhưng sau đó ít lâu có thể cô đã nhớ rằng trong lúc đi chơi cái thân thể cường tráng rất đẹp ngoại trừ đôi bàn tay thô kệch của anh đã làm cô phải chú ý, nhưng sau đó cô lại bình phẩm với Patrixia Brao về sự khó chịu của mình do lòng tự tin có phần kiêu hãnh của anh gây ra. Ngày thứ bảy đầu tiên đi xem phim cùng cha mình, cô lại thấy Maurixiô Babilônia vẫn mặc bộ quần áo lanh ngồi cách không xa họ lắm, và cô cảm thấy anh không hào hứng theo dõi phim để quay đầu lại nhìn mình, không chỉ để nhìn cô mà còn để cho cô biết rằng anh đang nhìn cô. Mêmê khó chịu trước kiểu chơi thô lỗ ấy. Đến cuối buổi xem phim, Maurixiô Babilônia đến gần để chào Aurêlianô Sêgundô và chỉ đến lúc này Mêmê mới biết rằng họ quen nhau, bởi vì anh từng làm việc trong nhà máy phát điện đầu tiên ở thị trấn Macôndô của Aurêlianô Tristê và anh cư xử với cha cô với thái độ của kẻ bề dưới. Chính việc mắt thấy tai nghe này đã xoa dịu nỗi khó chịu mà thái độ tự kiêu của anh đã gây ra cho cô. Họ đã không gặp riêng nhau, cũng chẳng trao đổi với nhau lời nào ngoài những lời chào hỏi xã giao, nhưng cái đêm cô mơ thấy anh cứu mình thoát khỏi chết đuối thì cô không biết ơn mà còn nổi cáu với anh. Vì giấc mơ ấy cho thấy cứ như là cô đã cho anh cơ hội mà anh hằng ao ước, trong khi Mêmê ao ước điều ngược lại, không chỉ với Maurixiô Babilônia mà còn với bất kỳ người con trai nào yêu mến cô. Vì vậy mà cô giận anh quá tới mức sau giấc mơ đáng lẽ ghét bỏ anh thì cô lại thấy cần phải đi gặp anh ngay. Sự háo hức muốn gặp lại anh ngày một da diết hơn trong suốt tuần lễ. Và ngày thứ bảy đã đến quá ư gấp gáp tới mức cô phải cố gắng lắm để cho Maurixiô Babilônia, vào lúc chào mình ở rạp phim, không nhận thấy trái tim như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực cô.

Do mất bình tĩnh trước cảm giác lẫn lộn giữa vui và giận, lần đầu tiên cô chìa bàn tay cho anh và chỉ lúc này Maurixiô Babilônia mới tự cho phép xiết chặt tay cô. Trong một tích tắc Mêmê bắt đầu cảm thấy ân hận vì sự dấn thân của mình, nhưng nỗi ân hận ngay lập tức chuyển thành một tình cảm mãn nguyện mãnh liệt khi biết rằng bàn tay anh cũng nhơm nhớp mồ hôi và lạnh buốt. Đêm ấy cô hiểu rằng mình sẽ chẳng có lấy một phút thanh thản nếu như chưa chứng tỏ cho Maurixiô Babilônia sự trống trải của tâm hồn mình và thế là suốt tuần cô cứ quẩn quanh vơ vẩn trong nỗi khát khao ấy. Cô tìm mọi thủ đoạn để nhờ Patrixia Brao đưa mình đi tìm chiếc ôtô nhưng vô ích. Cuối cùng cô phải nhờ đến chàng thanh niên người Mỹ tóc đỏ, người tới Macôndô nghỉ hè cùng gia đình, và lấy cớ xem những kiểu ôtô mới cô buộc anh chàng dẫn mình tới xưởng cơ khí. Kể từ lúc nhìn thấy anh, Mêmê không còn tự lừa dối mình nữa và hiểu rằng trong thực tế cô không thể ghìm nổi nhưng ao ước được ở một mình bên cạnh Maurixiô Babilônia, nhưng cái điều chắc tin rằng anh đã hiểu được lòng mình khi vừa nhìn thấy mình đã làm cho cô nổi cáu.
- Tôi đến để xem các kiểu ôtô mới, - Mêmê nói.
- Đó cũng là một lý do nghe được đấy, - anh nói.
Mêmê biết rằng mình đang bị rang nóng lên trong ngọn lửa kiêu hãnh của anh và cô vội tìm cách làm nhục anh. Nhưng anh đã không để cho cô có thời gian. "Cô đừng giật thốt nhé", anh nói nhỏ nhẹ: "Chẳng phải là lần đầu tiên một người đàn bà phát điên lên vì một người đàn ông đâu". Cô cảm thấy bị xúc phạm quá mức đến nỗi cô bỏ xưởng cơ khí ra đi không thèm xem các kiểu ôtô mới và đêm ấy cô cứ trằn trọc giở mình trên giường để mà khóc vì nỗi tấm tức trong lòng. Chàng thanh niên Mỹ tóc đỏ, mà thực ra lúc này đã bắt đầu

thích cô, cảm thấy cô là một đứa con nít. Đó là thời kỳ cô bắt đầu nhận ra những con bướm vàng báo hiệu sự có mặt của Maurixiô Babilônia. Trước đó cô đã nhìn thấy chúng, đặc biệt là ở xưởng cơ khí, và cô nghĩ rằng chúng bị mùi sơn kích thích mà bay tới. Có một vài lần cô cảm thấy chúng bay lượn ngay trên đầu mình ở trong rạp phim. Nhưng khi Maurixiô Babilônia bắt đầu theo đuổi cô giống như một bóng ma mà chỉ một mình cô nhận ra giữa đám đông, thì cô hiểu rằng những con bướm vàng này có mối liên hệ mật thiết với anh. Maurixiô Babilônia luôn luôn có mặt ở giữa đám đông trong các buổi hoà nhạc, trong rạp phim, trong lễ mixa và cô chẳng cần phải nhìn thấy anh mới phát hiện ra anh vì những con bướm vàng đã chỉ chỗ anh đứng. Có một lần, Aurêlianô Sêgundô cảm thấy khó chịu lắm trước cánh bay rộn ràng đến ngạt thở của những con bướm vàng, do đó cô cảm thấy náo nức muốn bộc lộ với ông chuyện thầm kín của mình như đã hứa, nhưng bản năng lại mách cho cô biết rằng lần này- ông sẽ không cười như mọi bận. "Mẹ con sẽ nói gì khi bà ấy biết mặt hắn". Có một buổi sáng, trong lúc hai mẹ con đang tỉa cành các khóm hồng, Phecnanđa bỗng hoảng hốt gào toáng lên và vội vàng kéo Mêmê đi khỏi chỗ đang đứng vì đó chính là vườn hoa mà Rêmêđiôt - Người đẹp đã bay lên trời. Bà thoáng có cảm giác rằng phép màu nhiệm lại sẽ xảy ra với con mình vì tiếng bay vù vù bỗng chốc xuất hiện làm bà giật thót. Đó là tiếng bay của những con bướm vàng. Mêmê nhìn thấy chúng như thể kháng vừa sinh ra trong ánh sáng, và trái tim cô đập rộn ràng. Vừa lúc đó Maurixiô Babilônia xuất hiện, tay bưng một cái hộp, mà theo lời anh nói, là quà tặng của cô Patrixiacá Brao. Mêmê cố lấy vẻ tự nhiên, kìm bớt cho mặt mình khỏi đỏ ửng, nén bớt cơn bão lòng, cho đến khi nhoẻn được một nụ cười

điềm nhiên để nhờ anh làm ơn đặt hộ nó lên bao lơn hiên nhà vì tay mình lấm đất. Điều duy nhất Phecnanđa ghi nhận người đàn ông mà mấy tháng sau này bà không cho bước vào nhà, và không hề nhận ra đã có lần nhìn thấy anh ta rồi, là nước da xanh xao vàng vọt của anh.

- Đó là một người đàn ông quái dị, - bà nói. Nhìn mặt là biết ngay anh ta sẽ chết.

Mêmê nghĩ rằng mẹ mình thích thú những con bướm ấy. Khi hai mẹ con tỉa hồng xong, cô đi rửa tay rồi mang hộp quà vào phòng riêng để mở. Đó là một thứ đồ chơi của Tàu, gồm năm cái hộp đồng tâm, và ở hộp trong cùng có một thiếp được một người hầu như vừa biết viết vẽ chữ rất nắn nót: "Chúng ta sẽ gặp nhau vào ngày thử bảy ở rạp phim". Mêmê cảm thấy mình thật ngớ ngẩn đã để hộp quà quá lâu ở bao lơn ngay trước con mắt tò mò của Phecnanđa, dù cho lúc này cô đang mãn nguyện trước đức tính khôn khéo và mạnh bạo của Maurixiô Babilônia, trước tính ngây thơ của anh đang khích lệ cô thực hiện lời hẹn hò. Kể từ đó Mêmê biết rằng Aurêlianô Sêgunđô đã có lời hẹn hò với nhân tình vào đêm ngày thử bảy. Tuy nhiên, ngọn lửa thèm khát đang như nung đốt cô suốt cả tuần lễ và do đó ngày thứ bảy cô đã thuyết phục được cha mình hãy để cô một mình ở rạp phim và sẽ đến đón cô khi buổi chiếu kết thúc. Một con bướm bay bay trên đầu cô trong lúc đèn đang chiếu sáng. Thế là câu chuyện bắt đầu từ đấy. Khi đèn tắt hết, Maurixiô Babilônia ngồi xuống bên cạnh cô. Mêmê cảm thấy mình đang lặn ngụp trong một đầm lầy đau khổ và chỉ một người đàn ông nồng nặc mùi dầu máy mới có thể giải thoát cô khỏi nó.

- Nếu em không đến, - anh nói, - sẽ chẳng bao giờ em còn được thấy

anh nữa.
Mêmê cảm nhận sức nặng của bàn tay anh đặt lên đầu gối mình và cô biết rằng trong lúc ấy cả hai cùng đi đến bờ bên kia của nỗi trống trải.
- Ghét anh lắm cơ, - cô mỉm cười, - vì lúc nào anh cũng nói điều không nên nói.
Cô lại phát điên phát cuồng vì anh. Cô mất ngủ, mất ăn và ngày một chìm sâu trong nỗi cô đơn đến mức cha cô đã trở thành một vật chắn cho cô. Cô bày đặt cả một mạng nhện chằng chịt những lời hứa suông để đánh lừa Phecnanđa, không đến thăm các bạn gái, vượt qua mọi lệ tục để đến gặp Maurixiô Babilônia vào bất cứ lúc nào và bất kỳ ở đâu. Thoạt đầu vẻ thô thiển của anh làm cô khó chịu. Lần đầu tiên gặp riêng nhau, ngay ở ngoài bải trống ở sau xưởng cơ khí, anh đã vần cho cô mệt lử mà không chút thương hại. Phải mất một thời gian cô mới vỡ lẽ rằng đó cũng là một hình thức mơn trớn, và vì nó mà cô nôn nóng được gặp anh. Cô sống chỉ vì anh, chỉ vì nỗi khát khao muốn đắm mình trong hơi thở nồng nặc mùi dầu của anh. Trước khi Amaranta chết ít lâu, trong lúc đang yêu cuồng say, cô bỗng bắt gặp một tia sáng trí tuệ và cô đâm run sợ trước tương lai của mình. Lúc ấy cô nghe nói về một người đàn bà có tài bói bài và cô đã bí mật tìm đến người ấy. Đó là Pila Tecnêra.
Ngay từ lúc nhìn thấy cô bước vào nhà, bà lão này đã biết ngay lý do xem bói của Mêmê. "Nào, ngồi xuống nào", bà lão nói: "Ta chẳng cần đến các quân bài mới xem được tương lai của một người thuộc dòng họ Buênđya". Mêmê không biết, và mãi mãi không biết, rằng cái cô đồng một trăm tuổi kia lại chính là cụ cố của mình. Cô cũng đã không tin vào thực tế khủng khiếp mà cô đồng đã chứng minh cho cô biết:

nỗi thèm khát yêu đương chỉ được giải quyết ở trên giường. Đó chính là quan điểm của Maurixiô Babilônia, nhưng Mêmê cố không cho phép anh, bởi trong thâm tâm cô đoán rằng nỗi thèm khát của mình đã được nảy nở bởi ý nghĩ tồi tệ của người công nhân cơ khí ấy. Lúc này cô nghĩ rằng một tình yêu kiểu này sẽ đánh đổ tình yêu kiểu kia, bởi vì cô biết tỏng tư chất của những người đàn ông sẽ hết đói một khi được ăn thoả mãn. Pila Tecnêra không những chỉ an ủi cô mà còn cho cô mượn chiếc giường cũ nơi bà lão hoài thai Accađiô, người ông nội của Mêmê, và sau đó hoài thai Aurêlianô Hôsê. Ngoài ra bà lão còn dạy cô tránh thụ thai bằng cách ngửi hơi thuốc cao lá mù tạc như thế nào và cho cô những bài thuốc uống mà trong những trường hợp gay cấn nhất chúng cũng tống ra "cả những nỗi dằn vặt của lương trì". Cuộc trao đổi tâm tình ấy đã truyền cho Mêmê chính tình cảm mạnh bạo mà cô đã thể hiện trong đêm say rượu. Tuy nhiên, cái chết của Amaranta đã buộc cô phải trì hoãn thực hiện quyết định táo bạo của mình. Trong khi lễ tang kéo dài suốt chín ngày, cô không phút nào chịu rời khỏi Maurixiô Babilônia, người thường trà trộn trong đám đông ùa vào nhà. Sau đó vì thời gian để tang kéo dài và vì bắt buộc phải ở nhà, hai người không gặp nhau ít lâu Đó là những ngày của lòng nôn nao, của những thèm khát không thể kìm được, của những ước muốn bị dồn nén quá mức đến nỗi ngay buổi chiều mà Mêmê được phép ra khỏi nhà cô đã đến thẳng nhà Pila Tecnêra. Cô đã hiến thân cho Maurixiô Babilôna, hiến thân mà không hề kháng cự, không xấu hổ, không kiểu cách và hiến thân với một thiên hướng quá dễ dãi và một trực giác quá thông hiểu đến mức một người đàn ông đa nghi như người của cô hẳn sẽ phải nhầm lẫn chúng với một kinh nghiệm từng trải. Bọn họ làm tình với nhau

mỗi tuần hai buổi trong hơn ba tháng trời. Các cuộc mây mưa vụng trộm này đã được Aurêlianô Sêgunđô đồng tình che chở cốt để được thấy cô con gái thoát khỏi sự quản thúc ngặt nghèo của bà mẹ. Cái đêm Phecnanđa bắt quả tang bọn họ đang hôn nhau trong rạp thiếu phim, Aurêlianô Sêgunđô cảm thấy ngột ngạt vì sức đè của lương tri mình và ông đã vào thăm Mêmê trong phòng, nơi cô bị Phecnanđa nhốt, và hy vọng rằng cô sẽ chia sẻ niềm tin mà ông đang còn chịu ơn cô. Nhưng Mêmê đã từ chối tất cả. Cô quá tin tưởng ở bản thân, quá bám chặt vào nỗi cô đơn của mình đến mức Aurêlianô Sêgunđô có cảm giác giữa họ chẳng còn một mối liên hệ nào, rằng tình thân cha con cũng như sự đồng loã của họ chỉ còn là một ảo ảnh của quá khứ. Ông nghĩ sẽ nói chuyện với Maurixiô Babilônia và đinh ninh rằng quyền lực ông chủ cũ của mình sẽ buộc anh ta phải từ bỏ mọi ý định, nhưng Pêtra Côtêt lại thuyết phục ông rằng đó là chuyện của bọn đàn bà con gái. Vì thế mà ông đâm ra lưỡng lự không biết sẽ quyết định như thế nào và hầu như ông chỉ còn hy vọng rằng việc nhốt kín Mêmê trong phòng sẽ chấm dứt được những nỗi khổ tâm của cô con gái.
Mêmê không hề để lộ nỗi đau khổ của mình. Trái lại, từ phòng bên cạnh Ucsula cảm nhận hơi thở nhịp nhàng của cô trong khi ngủ, sự bình thản trong những công việc thường ngày cô làm, cái trật tự đều đặn của những bữa cô ăn và sức tiêu hoá khoẻ mạnh của cô. Việc duy nhất khiến Ucsula băn khoăn sau gần hai tháng cô bị phạt giam, là việc Mêmê không tắm vào buổi sáng như trước đây cô vẫn thường tắm mà cô lại tắm vào lúc bảy giờ tối. Có lần cụ nghĩ sẽ phải nhắc nhở Mêmê đề phòng bọ cạp, nhưng vì cô rất khó chịu với cụ bởi tự nghĩ rằng cụ đã tố cáo cô nên cụ không muốn làm cho cô chắt phải

suy nghĩ lao lung trước những lời nói không đúng lúc của mình. Ngay từ chiều, bướm vàng lại vào đầy nhà. Tối nào cũng vậy, cứ ra khỏi nhà tắm, Mêmê lại bắt gặp Phecnanđa đang hoảng hốt giết bướm vàng bằng ống bơm thuốc muỗi. "Đây là một nỗi bất hạnh", bà nói, "Cả đời ta chỉ nghe thấy người ta bảo bướm đêm gọi vận rủi tới nhà". Một tối nọ, trong lúc Mêmê đang ở trong nhà tắm, Phecnanđa ngẫu nhiên bước vào phòng cô và bà thấy trong phòng đông đặc bướm vàng đến mức hầu như không còn không khí để mà thở nữa. Thế là bà vớ quàng lấy bất cứ tấm quần áo nào để xua đuổi chúng và trái tim bà bỗng nhói lạnh khi liên hệ những buổi tắm tối của con gái mình với những lá cao mù tạc nằm lăn lóc trên sàn nhà. Bà không đợi dịp tốt như trước đây bà đã đợi. Ngày hôm sau, bà tức tối mời ngài thị trưởng mới đến nhà dùng cơm trưa với gia đình. cũng như bà, ông ta vừa từ vùng cao xuống sống ở miền duyên hải. Bà nhờ ngài cho lính đến gác đêm ở sân sau, bởi vì ít lâu nay kẻ trộm đang rình ăn trộm gà. Ngay đêm ấy, lính gác đã bắn trúng Maurixiô Babilônia khi anh lật ngói để chui vào nhà tắm nơi Mêmê đang đợi anh. Nàng khoả thân và đang run lên vì tình giữa những con bò cạp và đàn bướm vàng như nàng vẫn làm vào hầu hết các buổi tối trong những tháng gần đây. Một viên đạn găm vào cột sống buộc anh suốt đời nằm liệt trên giường.

Anh chết già trong nỗi cô đơn, không một tiếng rên rỉ, không một lời chửi bới, không một âm mưu bội phản. Anh mòn mỏi sống trong hoàn cảnh bị những kỷ niệm dằn vặt và đàn bướm vàng không để cho anh có lấy một phút yên tĩnh. Anh bị xã hội bỏ rơi vì là một tên ăn trộm gà.

Chương 15

Những sự kiện từng đánh đòn chí tử vào thị trấn Macôndô đã bắt đầu lộ rõ khi người ta mang đứa con trai của Mêmê Buênđya tới nhà. Hoàn cảnh chung lúc ấy hết sức mơ hồ đến mức chẳng một ai quan tâm tới những chuyện rắc rối của riêng từng gia đình, vì thế mà Phecnanđa có điều kiện thuận lợi để giấu kín thằng bé đi, làm như thể chẳng bao giờ có nó cả. Bà phải nhận nó bởi khi người ta mang nó về nhà hoàn cảnh không cho phép bà từ chối. Bà đành phải chịu đựng việc nuôi nấng nó trong suốt những năm còn lại của đời mình bởi vì vào lúc cần phải ra tay thì bà đã không có đủ dũng cảm để thực hiện ý định thầm kín là sẽ dìm ngập nó ngay trong bể nước nhà tắm. Bà nhốt nó ở trong xưởng kim hoàn cũ của đại tá Aurêlianô Buênđya. Bà làm cho Santa Sôphia đê la Piêđat tin rằng bà đã bắt được thằng bé nằm trong chiếc làn bềnh bồng nổi trên mặt nước. Có lẽ Ucsula đến khi chết vẫn không biết được gốc gác của thằng bé. Cô bé Amaranta Ucsula có lần vào xưởng đúng lúc Phecnanđa đang cho cháu ăn, và cũng tin vào câu chuyện chiếc làn trôi trên sông kia. Do hoàn toàn xa lánh vợ nhằm phản đối cái lối vô lí mà bà đã áp

dụng để xử lí tấn bi kịch của Mêmê, tận ba năm sau khi người ta mang nó đến nhà, Aurêlianô Sêgunđô mới biết có sự tồn tại của thằng cháu ngoại. Ông biết được do có một hôm Phecnanđa sơ suất, để thằng bé thoát khỏi sự giam cầm, bước ra ngoài hành lang trong khoảnh khắc thôi. Nó để truồng, với mớ tóc xoăn và "con chim" có cái mỏ như mỏ gà tây, như thể nó không phải là trẻ em mà là một kẻ ăn thịt đồng loại theo đúng như bộ từ điển bách khoa toàn thư đã miêu tả.

Phecnanđa không đếm xỉa đến số phận phũ phàng không cách nào sửa đổi của mình. Thằng nhỏ cứ như là sự trở về của một nỗi nhục nhã mà bà ta muốn mãi mãi tống khứ nó khỏi nhà mình. Hầu như người ta vừa khiêng Maurixiô Babilônia bị gẫy cột sống đi khỏi nhà thì Phecnanđa đã thai nghén đến từng chi tiết nhỏ một kế hoạch nhằm xoá sạch mọi dấu vết nhuốc nhơ này. Không hỏi ý kiến chồng, ngay ngày hôm sau bà bắt tay chuẩn bị hành lí, nhét vào va-li nhỏ ba bộ quần áo mà cô con gái cần dùng để thay đổi rồi trước khi tàu tới ga độ nửa giờ bà đến phòng ngủ tìm con gái:

- Đi thôi, Rênata, - bà bảo cô con gái.

Bà không hề giải thích cho cô gái. Về phần mình Mêmê không đợi và cũng không muốn có lời giải thích. Không những cô không biết mình và mẹ mình đi đâu mà nếu người ta dẫn mình đến lò sát sinh cô cũng chẳng phản đối. Cô câm bặt và cũng sẽ không mở miệng trong phần đời còn lại của mình kể từ lúc nghe thấy tiếng súng nổ ở sân sau, đồng thời tiếp đó là tiếng kêu đau đớn của Maurixiô Babilônia. Khi mẹ cô ra lệnh cho cô ra khỏi giường ngủ, cô không chải đầu cũng không rửa mặt và cô vật vờ bước lên tàu hoả như một kẻ mộng du mà không hề biết ngay đến cả đàn bướm vàng vẫn bay theo cô.

Phecnanđa không bao giờ hiểu, và cũng không chịu tìm hiểu xem sự im lặng như đá của cô có phải là do cô tự nguyện quyết định như vậy hay là cô bị câm do ảnh hưởng tai hại của tấn bi kịch. Mêmê dường như không hay biết con tàu đang chạy qua cái vùng mình thích thú nhất trước đây. Cô không nhìn những đồng chuối um tùm và ngút ngàn ở hai bên đường ray. Cô không nhìn những ngôi nhà sơn trắng của người Mỹ, cũng không nhìn những vườn hoa héo úa vì bụi và hơi nóng, cũng không nhìn những người đàn bà mặc quần đùi và áo sơ mi kẻ sọc xanh đang đánh bài ở ngoài cửa. Cô không nhìn những chiếc xe bò chở chuối trên những con đường lầm bụi. Cô không nhìn những cô gái trẻ như những chú cá măng nhảy tung tăng trong dòng sông trong vắt đã khiến du khách trên tàu tê tái lòng trước những bộ ngực căng mọng lộng lẫy của họ, cũng không nhìn những túp lều tồi tàn của người lao động nơi những con bướm vàng của Maurixiô Babilônia đang bay lượn, cũng không nhìn những em nhỏ xanh tái và bẩn thỉu, cả những người đàn bà chửa đang gào lên những lời tục tĩu mỗi khi đoàn tàu chạy qua. Cái quang cảnh thoáng qua ấy đối với cô là quang cảnh vui như hội mỗi bận từ trường về nhà thì nay nó không hề làm cô rung động. Cô không thèm nhìn ra cửa sổ ngay cả khi con tàu đang qua vùng đồng bằng trồng thuốc phiện nơi vẫn còn mạn chiếc tàu thuỷ Tây Ban Nha đã hoá thành than, để rồi ngay sau đó nó chạy tới vùng không khí thoáng đãng kề ngay bên cái biển ngầu bọt và bẩn tưởi, nơi cách đây gần đúng một thế kỉ những ý tưởng đẹp đẽ của cụ Hôsê Accađiô Buênđya đã phá sản.

Vào lúc năm giờ chiều, khi con tàu đến ga cuối cùng thuộc miền đầm lầy, cô theo mẹ xuống tàu hoả. Hai mẹ con trèo lên một chiếc xe

giống như một con dơi khổng lồ, được một chú ngựa hen kéo, và bọn họ đi qua một thành phố hiu quạnh, nơi trên những con đường dài vô tận, nứt nẻ vì hơi diêm sinh, vẫn vang lên bản nhạc tập đàn pianô y hệt bản nhạc tập mà Phecnanđa từng nghe vào giờ ngủ trưa trong thời xuân trẻ. Họ lại lên một chiếc tàu thuỷ chạy trên sông có chiếc bánh lái bằng gỗ kêu ầm ầm như tiếng động một đám cháy lớn, và những tấm sắt bị gỉ thủng lỗ chỗ phản chiếu ánh mặt trời như miệng những chiếc lò nấu. Mêmê tự giam mình trong một phòng ngủ riêng trên tàu. Một ngày hai lần, Phecnanđa đặt ở cạnh giường cô một khay thức ăn và một ngày hai lần bà lại mang nguyên xi nó ra, không phải vì Mêmê đã quyết chí chết đói mà chỉ hơi cơm thôi cũng đã đủ làm cô phát sợ và khiến cho cái dạ dày của cô cứ thắt lại nôn ra những nước là nước. Chính bản thân cô cũng không biết rằng mùi thuốc cao lá mù tạc không còn tác dụng ngừa thai nữa và Phecnanđa không biết điều này mãi cho đến một năm sau khi người ta mang đến cho bà một thằng bé. Vì ở trong phòng ngủ riêng ngột ngạt, lại bị tiếng rung của thành tàu và mùi bùn nồng nặc khó chịu do bánh lái khuấy lên, Mêmê nằm mê man không còn biết đến ngày giờ đang trôi đi. Đã qua đi lâu rồi khi Mêmê nhìn thấy con bướm vàng cuối cùng bị cánh quạt nghiền nát và cô cảm thấy nó như một sự thật hiển nhiên: Maurixiô Babilônia đã chết rồi. Tuy nhiên cô không chịu để cho sự cam chịu thắng mình. Cô vẫn nghĩ tới anh trong suốt cuộc hành trình qua thảo nguyên mênh mông nơi trước đây Aurêlianô Sêgunđô bị lạc khi ông đi tìm người con gái đẹp nhất trần gian, và khi họ trèo lên đỉnh đèo men theo những lối mòn của người Anhđiêng để rồi vào một thành phố buồn tẻ, nơi trên những con đường đá chật hẹp của nó vẫn vang lên tiếng chuông đồng rè rè buồn bã của ba

mươi hai nhà thờ. Đêm ấy mẹ con cô ngủ lại trong một ngôi nhà thờ thời thuộc địa bị bỏ hoang, nằm trên những tấm ván mà Phecnanđa bắc trên sàn một căn buồng bị cỏ dại mọc um tùm, và họ đắp lên người những mẩu rèm cửa sổ mà cứ mỗi bận cựa mình chúng rách toàng toạc. Mêmê biết rõ cô đang ở đâu rồi bởi vì trong cơn mất ngủ đầy sợ hãi cô đã nhìn thấy đi qua đây một công tử vận đồ đen mà trong đêm trước lễ Noen xa xưa người ta mang ngài tới nhà trong một chiếc hòm bằng chì. Sang ngày hôm sau, sau khi làm lễ mixa, Phecnanđa dẫn cô tới một toà lâu đài rợp bóng cây và Mêmê nhận ra nó ngay lập tức nhờ những hồi ức mẹ cô thường kể về tu viện nơi bà được giáo dưỡng để trở thành hoàng hậu và thế là Mêmê hiểu mình đã đi hết cuộc hành trình. Trong lúc Phecnanđa nói chuyện với một người nào đó ở trong phòng bên, cô ở lại trong phòng khách treo những bức tranh sơn dầu vẽ các đức giám mục thời thuộc địa, mà người ẻ run lên vì rét, bởi vì cô vẫn chỉ mặc một bộ quần áo bằng vải da thêu hoa đen, và đi đôi ủng ướt trương lên vì ngấm băng tuyết vùng thảo nguyên. Cô đứng ngay ở giữa phòng khách dưới luồng ánh sáng vàng lọt qua những tấm kính màu để mà nghĩ tới Maurixiô Babilônia, cho đến khi một nữ tu trẻ rất đẹp mang theo chiếc va-li nhỏ của cô cùng ba bộ quần áo từ trong phòng bên bước ra. Khi đi qua trước mặt Mêmê, không dừng bước, cô ta chìa tay cho cô.
- Chúng ta đi thôi, Rênata, - cô nữ tu nói.
Mêmê cầm lấy tay cô ta và để cô ta đưa mình đi. Lần cuối cùng Phecnanđa nhìn thấy cô đang lúc cô sánh bước với người nữ tu, ấy là lúc phía sau cô cánh cửa sắt của nhà tu kín cũng vừa từ từ đóng lại. Cô vẫn nghĩ tới Maurixiô Babilônia, tới mùi dầu mỡ và những con bướm vàng hoá thân, nghĩ tới anh trong suốt cả cuộc đời cô, một

cuộc đời với những tên luôn luôn bị thay đổi và không hề hé răng nói lấy một lời cho đến buổi sáng sớm một mùa thu cô chết già trong một bệnh viện ở Ccracôvia.

Phecnanđa trở về Macôndô trên một chuyến tàu được linh cảnh sát có vũ trang bảo vệ: Trong suốt chuyến đi bà nhận ra nỗi lo lắng căng thẳng của hành khách, nhận ra những biện pháp quân sự được áp dụng ở các làng đọc đlíờng xe lửa và cái không khí sợ hãi do tin rằng sẽ xảy ra một sự kiện nghiêm trọng, nhưng bà hoàn toàn không được biết tin tức gì trong lúc chưa về đến Macôndô. Về tới nhà, bà được người ta kể cho biết rằng Hôsê Accađiô Sêgunđô đang xúi giục những người lao động thuộc Công ty chuối biểu tình. "Ôi, đây là cái duy nhất mà chúng ta còn thiếu, Phecnanđa nói với cánh mình, "Một tên vô chính phủ ở ngay trong nhà". Hai tuần lễ sau đó, cuộc đình công đã nổ ra và không gây ra những hậu quả bi thương như người ta đã sợ. Những người lao động chỉ đòi không phải chặt chuối và chở chuối vào ngày chủ nhật, và yêu sách này rất hợp tình hợp lí đến mức ngay cả cha Antôniô Isaben cũng đã tham gia vì cha thấy nó hợp với luật lệ của Thượng đế. Thắng lợi của cuộc đình công này cũng như một số hoạt động khác xảy ra trong những tháng sau đã khiến cho Hôsê Accađiô Sêgunđô, một người vô danh tiểu tốt mà thiên hạ vẫn thường bảo rằng chẳng được tích sự gì ngoài việc làm cho làng đông nghịt bọn gái điếm tân thời, trở nên nổi tiếng. Cũng với chính cái quyết tâm dứt khoát mà ông đã có để giết hết bày gà chọi của mình nhằm xây dựng một kế hoạch mở đường thuỷ từ Macôndô ăn thông với thế giới, ông đã cáo từ chức đốc công của Công ty chuối để đứng về phía những người lao động. Ngay lập tức ông bị tình nghi là phần tử thuộc một tổ chức quốc tế chống lại trật tự công

cộng. Trong cái tuần lễ buồn bã trước những lời đồn bi quan, có một đêm ông đã thoát chết một cách tài tình trước bốn viên đạn súng lục do một kẻ lạ mặt nhắm bắn vào ông lúc ông vừa từ một cuộc họp kín bước ra. Không khí chính trì những tháng sau đó rất căng thẳng, đến mức Ucsula ngồi trong bóng tối cũng cảm nhận được nó và cụ có cảm giác mình đang sống lại những ngày tháng bất hạnh trong đó con trai cụ, đại tá Aurêlianô Buênđya luôn luôn mang trong túi áo những viên thuốc vi lượng đồng căn của một tổ chức nổi loạn. Cụ muốn nói chuyện với Hôsê Accađiô Sêgunđô để hiểu chuyện xây ra trước đấy nhưng Aurêlianô Sêgunđô báo cho cụ biết rằng kể từ đêm bị bắn chết hụt ấy không ai biết ông ngụ lại ở đâu. Nó y hệt cái thằng Aurêlianô Buênđya, - cụ thốt lên. - Cứ như thể thời gian đang quay vòng ấy.

Trong những ngày mơ hồ ấy, Phecnanđa thường xuyên sống cách ly với cuộc đời bên ngoài. Bà để mất liên hệ với thế giới bên ngoài kể từ vụ cãi lộn kịch liệt với ông chồng vì đã tự ý quyết định số phận của Mêmê mà không có sự đồng tình của ông. Aurêlianô Sêgunđô đã sẵn sàng đi tìm cho được cô con gái, nếu cần phải nhờ đến cảnh sát ông cũng sẵn sàng nhờ, nhưng Phecnanđa cho ông xem những giấy tờ xác nhận rằng con gái ông đã tự nguyện vào tu trong nhà tu kín. Quả là như thế, Mêmê đã kí vào những tờ giấy ấy khi cô đã ở bên trong cửa sắt của tu viện và cô đã kí với chính sự hững hờ mà cô để cho bà đưa mình đi. Trong thâm tâm, Aurêlianô Sêgunđô không tin rằng những giấy tờ này hợp pháp cũng như không bao giờ ông tin rằng Maurixiô Babilônia đã lẻn vào sân sau để ăn trộm gà, nhưng những giấy tờ này đã giúp ông yên lòng và do đó lúc này ông có thể thảnh thơi trở lại núp dưới bóng Pêtra Côtêt. Ông lại tổ chức các cuộc vui

ồn ĩ và ăn nhậu xả láng. Vì sống xa lạ với nỗi lo lắng của dân chúng, và cố tình không nghe những lời tiên đoán khủng khiếp của Ucsula, Phecnanđa xiết lại lần cuối cùng các ốc vít của kế hoạch đã được mình hoàn chỉnh. Bà viết một bức thư dài cho cậu con trai Hôsê Accađiô, người lúc này sẽ nhận phẩm trật nhỏ mọn, và trong bức thư này bà còn báo cho cậu biết cô em gái Mêmê của cậu đã về hầu Chúa do bị thổ ra máu đen. Sau đó, bà để bé Amaranta Ucsula cho Santa Sôphia đê la Piêđat chăm nom và quyết tâm nối lại quan hệ thư từ với các thầy thuốc không thể nhìn thấy được, mà lòng tự dằn vặt trước nỗi bất hạnh của Mêmê. Việc đầu tiên mà bà làm là định ngày chắc. chắn cho việc điều trị bằng thần giao cách cảm. Nhưng các thầy thuốc không thể nhìn thấy ấy đã trả lời bà rằng trong lúc Macôndô đang loạn thì việc làm đó là không phải lúc. Bà đang quá bối rối và không nắm được tình hình thực tế nên trong một bức thư khác bà giải thích cho họ rằng ở Macôndô không hề có tình trạng mất ổn định xã hội, rằng tất cả những việc ấy là kết quả của công việc điên rồ do người anh chồng mình gây nên, cũng như trước đây ông ấy đã đùng đùng giết hết lũ gà chọi và hộc tốc đi mở đường sông từ Macôndô ra thế giới. Thế là họ vẫn chưa thoả thuận được với nhau. Ngày thứ tư nóng nực, có một nữ tu sĩ già tay khoác một chiếc làn đã đến nhà gọi cửa. Vào lúc mở cửa, Santa Sôphia đê la Piêđat đã nghĩ rằng đó là một món quà và bà định ôm lấy chiếc làn có phủ một chiếc khăn lụa quý giá. Nhưng nữ tu sĩ đã kịp ngăn bà lại bởi vì bà ta đã được dặn trước là phải trao nó tận tay cho người nhận là bà Phecnanđa đen Cacpiô đê Buêndya. Đó là đứa con trai của Mêmê. Vị cha linh hồn cũ của Phecnanđa trong một bức thư dài đã giải thích cho bà rằng thằng bé đã chào đời hai tháng trước đây và rằng nó

được đặt tên là Aurêlianô như tên gọi của ông ngoại nó vì bà mẹ không chịu hé môi nói nguyện vọng cuối cùng của mình. Phecnanđa bực mình lắm trước sự nhạo báng ấy của số phận nhưng bà vẫn còn đủ sức lực để chống chế trước mặt nữ tu sĩ:
- Chúng ta sẽ loan tin rằng chúng ta bắt được thằng bé này nằm trong một chiếc làn trôi trên sông nhé.
- Chẳng ai tin điều đó đâu, bà ạ, - nữ tu sĩ nói.
- Nếu đã tin vào Kinh thánh, - Phecnanđa cãi lại, - thì tại sao lại không tin tôi nói điều đó nhỉ!
Nữ tu sĩ ăn cơm trưa tại nhà trong lúc đợi con tàu trở lại và đồng ý giữ một lời hứa mà mọi người đòi hỏi ở bà ta là sẽ không bao giờ nhắc đến thằng nhỏ nữa, nhưng Phecnanđa đã khẳng định rằng nữ tu sĩ là một nhân chứng không mong đợi của nỗi tủi hổ của bà và lấy làm tiếc tục lệ thời Trung cổ thường treo cổ những người đưa tin dữ đã bị bãi bỏ. Đó cũng là lúc bà quyết định sẽ dìm thằng bé vào bể nước trong nhà tắm ngay sau khi nữ tu sĩ ra khỏi nhà mình, nhưng trái tim đã không cho phép bà làm và bà đành phải kiên nhẫn đợi cho đến lúc lòng lành vô biên của Thượng đế sẽ giải thoát bà khỏi cái tai ách này.
Cậu nhóc Aurêlianô vừa đầy tuổi tôi, tình hình xã hội bỗng trở nên căng thẳng. Hôsê Accađiô Sêgunđô và một số cán bộ công đoàn, thường vẫn hoạt động bí mật cho đến tận lúc này, đã xuất đầu lộ diện một cách không đúng lúc, để tổ chức nhiều cuộc biểu tình tại các làng thuộc Công ty chuối. Cảnh sát tuân lệnh trên, ngày ngày theo dõi chặt chẽ bọn họ. Nhưng đêm hôm thứ hai các cán bộ công đoàn đã bị bắt ngay tại nhà mình, bị cùm chân bằng chiếc cùm nặng năm ki lô, rồi bị tống giam trong nhà lao của tỉnh. Trong số những

người bị bắt có Hôsê Accađiô Sêgunđô và Lôrenxô Gavilăng, một đại tá của cuộc cách mạng Mêhicô hiện đang lưu vong ở Macôndô, người vẫn thường tự hào nói rằng ông là chứng nhân của chủ nghĩa anh hùng của Actêmiô Crut, một người bạn thân của ông. Tuy vậy, trong khoảng thời gian chưa đầy ba tháng, bọn họ đã được tự do; bởi chính phủ và Công ty chuối đã không thể thống nhất với nhau xem ai là người phải nuôi bọn họ trong nhà tù. Lần này sự phản đối của những người lao động đã dựa trên những yếu tố sau đây: nhà ở không bảo đảm sức khoẻ cho công nhân, ngành phục vụ y tế thì giả nhân giả nghĩa, điều kiện lao động thì rát bất công. Ngoài ra những người công nhân còn khẳng định rằng Công ty đã không trả lương cho họ bằng tiền mặt mà trả bằng bông (tem phiếu) chỉ dùng để mua giăm-bông Virginia trong những cửa hàng uỷ thác của Công ty. Hôsê Accađiô Sêgunđô bị bắt vì anh đã chứng minh được rằng chế độ trả lương bằng bông chẳng qua chỉ là một thủ đoạn kinh tế của Công ty nhằm nuôi những con tàu chở hoa quả của nó. Giả sử không có hàng cho các cửa hàng uỷ thác, những con tàu ấy đã phải chạy không tải từ Niu Oóclêăng đến các cảng để nhận chuối. Còn những tội trạng khác mọi người đều biết. Thầy thuốc của công ty không khám bệnh cho người ốm mà chỉ bắt họ xếp hàng một ngay trước bệnh xá và một nữ y tá đặt vào lưỡi họ một viên thuốc có màu sun phát đồng bất kể họ bị bệnh sốt rét, bệnh lậu hay mắc chứng táo bón. Đó là phương pháp trị bệnh hết sức phổ biến đến mức bọn trẻ con có khi xếp hàng vài ba lượt và đáng lẽ phải uống những viên thuốc ấy thì chúng lại mang về nhà để chơi. Công nhân sống chui rúc trong những căn lán tồi tàn. Lẽ ra phải làm cầu tiêu công cộng thì vào những dịp lễ chúa giáng sinh bọn kĩ thuật của Công ty mang tới đây

những chiếc cầu tiêu di động dùng cho năm mươi người và còn hướng dẫn cách sử dụng như thế nào để dùng được lâu. Những luật sư già lụ khụ mặc đồ đen, những kẻ trong thời gian trước đây cứ bám lấy đại tá Aurêlianô Buênđya để làm phiền ngài giờ đây là đại diện cho Công ty chuối, bằng những lời phán xử đổi trắng thay đen y như trò ảo thuật đang tìm cách gỡ bí cho Công ty chuối. Khi những người lao động thống nhất chỉ thảo ra một lá đơn gồm những yêu sách chung thì trong suốt thời gian dài những yêu sách này vẫn không được chính thức đệ trình lên Công ty chuối. Khi ngài Brao biết tin có lá đơn mới của công nhân, lập tức ngài mắc ngay toa xe lộng lẫy mái lợp thuỷ tinh của mình vào đoàn tàu rồi cùng với các vị đại diện thường trực của Công ty vội vàng biến mất tăm khỏi Macôndô. Tuy vậy, công nhân đã túm được một trong số những vị đại diện ấy ngay tại một nhà thổ nọ và buộc ông ta phải kí vào tờ sao của lá đơn khi ông này còn đang trần như nhộng với một phụ nữ. Người này tự nguyện làm mĩ nhân kế để dẫn ông ta vào bẫy. Trong một buổi phán xử, các luật sư buồn thảm nọ liền cãi rằng cái con người ấy không hề có liên quan gì với Công ty chuối, và để cho mọi người không nghi ngờ luận điệu của mình, bọn luật sư liền ra lệnh tống giam hắn vì tội mạo nhận. Sau đó ít lâu, ngài Brao đã bị thộp ngực trong một chuyến vi hành trên toa xe loại ba, và những người công nhân bắt ngài kí vào một tờ sao khác của lá đơn. Ngày hôm sau, ngài xuất hiện trước các vị quan toà với mái tóc nhuộm đen và nói tiếng Tây Ban Nha rất lưu loát. Các luật sư liền giải thích rằng người này không phải là ngài Giăc Brao, Tổng quản trị của Công ty chuối, sinh tại Britvin, bang Êlơbêmơ mà chỉ là một người bán thuốc hiền lành, sinh tại Macôndô, và cũng hành tại đây ông được đặt tên

là Đugôbectô Phônseca. Sau đó ít lâu để đối phó với những hành động mới của công nhân, tại các địa điểm công cộng, các luật sư đã trưng lên một tờ cáo phó được viên lãnh sự và các nhà ngoại giao Mỹ chứng thực nói rằng ngài Brao đã bị xe cứu hoả cán chết trên một đường phố ở Chicagô vào ngày mồng chín tháng sáu vừa qua. Vì ngán ngẩm trước những trò giải thích quàng xiên ấy, những người lao động phớt lờ các nhà chức trách ở Macôndô, và họ kiện lên toà án tối cao. Chính tại đây, các quan toà giỏi múa ba tấc lưỡi và biến báo pháp luật cứ như những kẻ làm xiếc đã tuyên bố rằng những lời khiếu tố của công nhân là hoàn toàn không có giá trị, bởi rất đơn giản rằng Công ty chuối không có, chưa bao giờ có, cũng chẳng bao giờ sẽ có công nhân mà chỉ thuê người làm với tính cách tạm bợ thôi. Vậy là bằng cách đó, bọn luật sư đã đánh đổ lá đơn của công nhân tố giác cái trò lừa phỉnh về giăm bông Virginia, về những viên thuốc quái quỷ và những chuồng tiêu di động chỉ xuất hiện vào dịp lễ Chúa giáng sinh, còn Toà án thì đã phán quyết và công bố trong những thông báo trang trọng khẳng định sự không tồn tại của những người lao động.

Tổng bãi công bùng nổ. Việc trồng chuối bị bỏ dở, chuối quả nằm ngay tại gốc và những đoàn xe lửa dài một trăm hai mươi toa dừng lại ngay giữa đường…Công nhân nghỉ việc tràn ra thị trấn. Phố Thổ Nhĩ Kỳ trở nên nhộn nhịp khác thường. Phòng chơi bi-a trong khách sạn Giacôp mở cửa suốt hơn bốn giờ liên tục để đón khách. Hôsê Accađiô Sêgundô có mặt tại đây vào đúng cái ngày có tin nói rằng quân đội đã được lệnh lập lại trật tự công cộng. Dẫu không phải là người có linh cảm nhưng cái tin đó đối với ông là điềm báo trước của cái chết mà ông từng chờ đợi từ cái buổi sáng xa xưa khi đại tá

Hêrinêndô Mackêt cho đi xem một cuộc hành hình. Tuy nhiên cái điềm gở ấy đã không làm ông lúng túng. Ông chơi bi-a và không hề bắn chệch một cú bắn trúng nhiều viên. Sau đó, tiếng trống cà rình, tiếng kèn đồng, tiếng la thét và sự náo động của đám đông báo cho ông biết rằng cuối cùng mọi chuyện đã kết thúc, kể cả trò chơi bi-a lẫn cái trò chơi đơn độc và thầm lặng mà ông từng chơi với chính mình, kể từ buổi mai có cuộc hành hình. Ông bước ra đường và nhìn thấy bọn lính. Đó là một đoàn quân gồm ba trung đoàn, theo nhịp trống cà rình, đang hành tiến làm rung chuyển cả mặt đất. Luồng xú khí toát ra từ đoàn quân ấy giống như hơi thở của con rồng nhiều khúc đã làm vẩn đục cả bầu trời trong sáng lúc đang trưa. Cả đám lính ấy, đứa nào cũng thấp lùn, ục ịch và thô lỗ. Chúng nhễ nhại mồ hôi ngựa, hôi hám như mùi thịt ôi phơi ngoài nắng, và dữ tợn như những người vùng thảo nguyên. Dù đã diễu hành qua đây mất hơn một giờ, song người ta vẫn nghĩ rằng cái đoàn quân ấy chỉ vẻn vẹn vài đại đội đi theo kiểu đèn cù, bởi bọn lính giống nhau như tạc, chúng như những đứa con cùng một mẹ, với một vẻ ngu dại như nhau. Chúng mang ba lô và bi đông nặng trịch, mang những khẩu súng cắm lê trần trơ tráo, mang nỗi bực dọc chỉ biết có tuân lệnh một cách mù quáng và cái mặc cảm về lòng danh dự. Từ trên chiếc giường tối mù mịt của mình, Ucsula nghe thấy bọn linh diễu qua và cụ giơ tay làm dấu thánh. Bà Santa Sôphia đê la Piêđat đứng im hồi lâu, cúi mình xuống chiếc khăn vừa là, bà nghĩ tôi con trai bà, Hôsê Accađiô Sêgunđô, người mà bà vừa nhìn thấy đi qua cửa khách sạn Giacôp không hề run sợ trước những tên lính cuối cùng của đoàn quân ấy…

Lệnh thiết quân luật đã trao quyền cho quân đội thực hiện chức năng

trọng tài trong vụ tranh chấp này, nhưng quân đội vẫn không hề tỏ ra có ý định giải hoà. Quân đội nhanh chóng triển khai khắp Macôndô. Bọn lính đặt súng xuống một chỗ, rồi toả đi chặt chuối, xếp chuối lên toa và xê dịch các đoàn tàu.

Những người lao động, mà cho đến tận lúc này vẫn yên lặng chờ đợi, đã ào lên núi không mang theo một thứ vũ khí nào khác ngoài con dao rựa, công cụ lao động của họ, và họ bắt đầu cướp lại những cái họ đã bị cướp. Họ đốt cháy các dãy nhà kho, các cửa hàng uỷ thác của Công ty, phá các đường ray để chặn đứng việc qua lại của những đoàn tàu đã bắt đầu mở đường bằng hoả lực súng máy, họ chặt đứa tung các đường dây điện ựn và dây điện thoại. Các mương rãnh của đồng chuối đã thẫm máu. Ngài Brao vốn sống trong một khu chung cư giống trại nuôi gà có mắc điện, cùng với gia quyến và một số đồng bào của ngài đã được bí mật đưa đi khỏi Macôndô để đến nơi an toàn dưới sự che chở của quân đội. Tình hình chung căng thẳng đang đe doạ sẽ phát triển thành một cuộc chiến tranh không cân sức và đẫm máu, nhất là khi các nhà cầm quyền ra một lời kêu gọi những người lao động tập trung tại Macôndô. Lời kêu gọi cho biết rằng Quan tỉnh trưởng sẽ tới đây vào ngày thứ sáu, sẵn sàng giải quyết vụ xung đột này.

Hôsê Accađiô Sêgundô đứng trong đám đông đã tụ tập trên sân ga ngay từ sáng ngày thứ sáu. Ông đã tham dự cuộc họp của cán bộ công đoàn và được phân công cùng với đại tá Gavilan trà trộn vào khối quần chúng đông đảo để lãnh đạo họ tuỳ theo hoàn cảnh cụ thể. Ông không được khoẻ lắm và hơn nữa, miệng ông đắng như ngậm bồ hòn khi biết rằng quân đội đã đặt những ụ súng máy ở chung quanh sân ga, và ông còn biết rằng khu nhà lầu có rào thép gai của

công ty cũng đã được các khẩu pháo bảo vệ. Đã gần mười hai giờ trưa, do phải chờ đoàn xe lửa không tới, hơn ba nghìn người, bên cạnh những người lao động còn có cả trẻ em và phụ nữ, đã đứng chật ních cả sân ga và đám đông ấy còn tràn xuống cả những con đường kế cận bị súng máy bịt mất lối ra. Quang cảnh ấy giống một hội chợ đông vui hơn là một đám tiệc tùng. Các quầy hàng ăn cũng như các quán giải khát trên đường phố Thổ Nhĩ Kỳ đã được chuyển đi nơi khác và đám công chúng vẫn nhẫn nại và vui vẻ chịu đựng nỗi phiền toái do phải chầu chực dưới trời nắng như đổ lửa. Lúc ba giờ kém một chút, có tin đồn rằng cho đến tận ngày mai chuyến xe lửa chính thức vẫn chưa chắc tới. Đám đông mệt mỏi thở dài ngao ngán. Giữa lúc ấy, có một trung uý quân đội trèo lên nóc nhà ga là nơi đã đặt bốn khẩu súng máy xếp thành hàng hướng nòng ra phía đám đông. Một hồi kèn đồng rúc lên báo cho đám đông yên lặng. Đứng bên cạnh Hôsê Accađiô Sêgunđô là một bà béo phị đi chân đất, mang theo hai đứa trẻ, một lên bốn và một lên bảy. Bà ta bế đứa nhỏ và mặc dù không quen biết, bà nhờ ông bế đứa lớn để nó có thể nghe được cái điều người ta sắp nói.

Hôsê Accađiô Sêgunđô công kênh cậu bé trên vai. Qua nhiều năm sau này, cậu bé ấy đã kể đi kể lại, dù không ai tin, rằng cậu đã nhìn thấy một trung uý qua chiếc loa máy tăng âm đọc bản Sắc lệnh số bốn của Quan Tỉnh trưởng do tướng Caclôt Cơrtêt Vacgat và Thiếu tá Enrikê Gaxcia Ixaxa, thư ký của ngài, đã cùng ngài ký. Với ba điều khoản gồm khoảng tám mươi từ, bản Sắc lệnh số bốn đã gọi những người đình công là một ổ cướp và do đó đã ra lệnh cho quân đội bắn giết họ.

Bản sắc lệnh đã được đọc xong. Giữa tiếng huýt sáo và la ó phản đối

của đám đông, một đại uý bước ra thay thế trung uý nọ. Hắn đứng trên nóc nhà ga, cầm lấy loa máy tăng âm ra hiệu muốn nói. Đám đông trở lại im lặng.
- Thưa các ông, các bà, - viên đại uý nói với một giọng trầm trầm, chậm chạp, có vẻ hơi mệt mỏi. - Tôi ra lệnh cho các người phải giải tán sau năm phút.
Tiếng huýt sáo, tiếng la thét lại nổi lên inh ỏi dìm ngay tiếng kèn đồng được dùng để tính khoảng thời gian năm phút ấy. Tuy nhiên không một ai động đậy.
- Đã quá năm phút. - hắn nói với chính cái giọng ban nãy. Gia hạn thêm một phút nữa, và nếu các người không giải tán quân đội sẽ xả súng.
Hôsê Accađiô Sêgunđô toát mồ hôi lạnh. Ông thôi không kiệu cậu bé trên vai nữa và đưa trả nó cho bà mẹ, "Cái đám dê cụ này dám bắn lắm chứ chả chơi", bà mẹ nói nhỏ". Hôsê Accađiô Sêgunđô không kịp nói gì, vì vào lúc ấy ông nhận ra tiếng nói của đại tá Gavilan đang khích lệ mọi người đồng thanh hô phản đối với chính những lời mà người phụ nữ vừa thốt ra xong. Vì xúc động mạnh trước tình huống căng thẳng, trước cái sâu lắng kì diệu của sự im lặng và nhất là khi thấy rằng không một sức mạnh nào có thể lay chuyển được cái khối quần chúng đông đảo sẵn sàng đón nhận cái chết này, Hôsê Accađiô Sêgunđô đã kiễng chân đứng cao hơn hẳn những cái đầu ở phía trước, và lần đầu tiên trong đời ông cất tiếng:
- Bớ bọn dê cụ! Chúng ta cóc cần cái phút ấy đâu!
Vào lúc ông thét xong, một sự kiện đã xảy ra và cái sự kiện này đã không làm ông sợ mà chỉ mang đến cho ông một ảo giác. Tên đại uý ra lệnh phát hoả và thế là cả mười bốn ụ súng máy nổ súng đáp lời

ông. Song ông cảm thấy tất cả những cái ấy chỉ là một trò hề. Hình như những khẩu súng kia đều bắn ra những viên đạn pháo hoa, bởi mặc dù những tiếng nổ rền vang nghe đến đứt hơi đã được mọi người nghe thấy, mặc dù những viên đạn nóng bỏng đỏ lừ tới tấp bay ra đã được mọi người trông thấy, ấy thế mà vẫn không thấy đám đông có lấy một phản ửng dù chỉ là hơi thở dài hay tiếng kêu la, đám đông cứ trơ ra như đá. Bỗng nhiên, ở bên cạnh nhà ga có một tiếng kêu tắt thở "Ôi, mẹ ơi" đã làm mất đi cái hào khí ấy. Một sức sục sôi của trận động đất, một hơi thở hừng hực của núi lửa, một tiếng gầm rú của bão tố đã bùng nổ ngay ở trung tâm đám đông với sức triển khai nhanh chóng thần kì. Hôsê Accađiô Sêgunđô hầu như chỉ còn kịp bế phốc cậu bé, trong khi đó bà mẹ và em nó đã bị đám đông nhốn nháo chạy nuốt chửng mất.

Nhiều năm sau, dù cho những người hàng xóm vẫn tin cậu chỉ là một thằng hề, cậu bé ấy vẫn cứ tiếp tục kể rằng Hôsê Accađiô Sêgunđô đã nâng bổng cậu trên đầu và cứ thế cho cậu lướt đi, như thể trên không trung ấy, trên nỗi kinh hoàng của đám đông đổ về phía một trong những đường phố cạnh đó. Với cái vị trí cao ấy, cậu bé đã nhìn thấy đám công chúng nhốn nháo bắt đầu ùa về một góc phố và chính ở phố này, vào đúng cái thời điểm này, hàng súng máy cũng bắt đầu phát hoả. Rồi những người đứng ở hàng đầu cùng ngã gục xuống trước làn đạn liên thanh quét. Những người sống sót, đáng lẽ phải nằm xuống thì họ lại vội vàng xô đẩy nhau chạy trở lại sân ga. Lúc ấy nỗi khủng khiếp đã chụp lên đầu họ bằng những làn đạn súng máy giống như đuôi con rồng đang quất vào họ, dồn họ vào một dòng người đông nghịt đối nghịch với dòng người đông nghịt khác cũng đang xô đẩy nhau về một con đường ở hướng khác. Cái dòng người

này cũng đang bị súng máy đặt đối diện nhả đạn lại như mưa y như một cú quất đuôi khác của con rồng. Những người đình công bị vây tròn lại, cứ xoay tít mù như con lốc khổng lồ đang ngày một thu hẹp chấn tâm lại bởi những vòng người ở ngoài của con lốc này đang bị lưỡi dao sắc ngọt của nghệ thuật bắn súng máy gọt chung quanh như thể bóc củ hành vậy. Cậu bé nhìn thấy một người đàn bà quỳ gối, chắp hai cánh tay lại theo hình cây thánh giá đứng trong một bãi đất sạch được giữ gìn một cách kì ảo không cho đám người tràn vào. Trước khi đám đông lấp bằng cái bãi đất trống ấy, Hôsê Accađiô Sêgundô đã đặt cậu bé xuống đấy và cũng ngay tại nơi ấy, với khuôn mặt đầm đìa máu ông ngã xuống bên cạnh người đàn bà đang quỳ gối, dưới ánh sáng chói chang từ trên vòm trời cao đang mùa nắng rọi xuống, với thế giới huyền bí nơi Ucsula Igoaran từng bán những chiếc kẹo tuyệt vời nặn hình con giống.

Khi tỉnh dậy, Hôsê Accađiô Sêgundô đang nằm ngửa trong bóng tối. Ông nhận ra rằng mình đang nằm trên một đoàn tàu dài dằng dặc và im lìm, rằng tóc mình bê bết máu khô và khắp mình ông, xương hóc đau như dần. Ông cảm thấy buồn ngủ không chịu được. Định bụng ngủ một giấc rõ dài để cho qua nỗi kinh hoàng và khủng khiếp, ông liền xoay người về bên ít đau hơn, và chỉ lúc ấy ông mới phát hiện ra là mình đang nằm trên những người chết. Trong toa không có lấy một chỗ hở, ngoài lối đi chính giữa. Có thể vụ thảm sát đã xảy ra cách đây được vài giờ rồi, bởi những thi thể này đều đã lạnh cóng như cao lanh mùa thu, và những ai xếp những tử thi này lên toa xe hẳn đã có thời gian để xếp chúng theo thứ tự chẳng khác gì những buồng chuối được chở trên xe lửa. Vốn định chạy trốn cái âm khí nặng nề đó, Hôsê Accađiô Sêgundô bò lết hết toa này sang toa khác

theo hướng con tàu đang chạy, và nhờ ánh đèn lọt qua các khe hở giữa những tấm ván ghép khi con tàu vượt những xóm làng đang ngủ rọi vào, ông đã nhìn thấy những thi thể của đàn ông, những thi thể của đàn bà, những thi thể của trẻ em mà rồi đây sẽ bị người ta đổ xuống biển như chuối bị vứt đi, ông chỉ nhận ra một người đàn bà bán giải khát ở sân ga và đại tá Gavilan, người này còn mang trong tay chiếc thắt lưng có khoá bằng bạc xứ Môrêlia được cuộn lại, nó là cái mà đại tá dùng để mở đường vượt qua nỗi khủng khiếp. Khi đến toa thứ nhất, ông liền nhảy một cú từ trên tàu xuống đất, lẩn vào bóng tối, rồi nằm im hồi lâu dưới mương nước đợi cho đoàn tàu đi khỏi. Đó là một đoàn tàu dài chưa từng thấy gồm khoảng hai trăm toa hàng, mỗi đầu móc một đầu máy và ở chính giữa móc thêm một chiếc nữa. Nó không thắp đèn, ngay cả đèn hiệu xanh đỏ cũng không thắp nốt, và cứ vun vút lao đi trong đêm khuya vắng lặng. Trên nóc toa nổi lên những hình thù tối sẫm của bọn lính với những khẩu súng máy sẵn sàng nhả đạn.

Nửa đêm về sáng một trận mưa rào đổ xuống. Hôsê Accađiô Sêgundô không biết mình nhảy xuống ở nơi nào nhưng ông biết chắc rằng cứ đi ngược hướng đi của đoàn tàu là sẽ về tới Macôndô. Sau hơn ba giờ đi bộ, nhờ ánh bình minh ông nhận ra những mái nhà đầu tiên, khi ấy ông đã bị ngấm nước mưa tới tận xương và đau đầu kinh khủng. Bị hương cà phê lôi cuốn ông bước vào một căn bếp; ông thấy có một người đàn bà tay bế con khom lưng bên bếp lửa.

- Chào bà, - ông nói. - Tôi là Hôsê Accađiô Sêgundô Buênđya đây ạ?

Ông xưng tên họ đầy đủ, rõ ràng từng chữ một để người nghe nhận ra rằng ông vẫn sống. Ông đã làm một việc rất phải lúc bởi bà mẹ suýt nữa thì tưởng ông là ma khi nhìn thấy ngay trước cửa nhà mình

một thân hình tiều tuỵ, đầu tóc và áo quần bê bết những máu và chắc rằng cái thân hình ấy vừa chạm phải oai phong của thần chết. Bà mẹ nhận ra ông, mang cho ông một tấm áo khoác để ông mặc tạm trong khi đợi cho quần áo ướt hong trên bếp khô hẳn. Rồi bà đưa nước nóng cho ông rửa vết thương, và cái vết thương ấy thực ra chỉ là một vết sây sát ngoài da, và còn cho ông một mảnh vải để ông băng đầu. Sau đó bà cho ông uống một tách cà phê đen không đường, như người ta vẫn thường nói với bà: những người thuộc dòng họ Buênđya chỉ uống thứ cà phê đó.
Hôsê Accađiô Sêgunđô lặng lẽ uống hết cà phê.
- Có lẽ đến ba nghìn người chứ không ít, - ông nói lẩm nhẩm.
- Cái gì vậy?
- Những người chết, - ông nói. - Có lẽ tất cả những ai có mặt tại sân ga đều bị bắn chết hết.
Với ánh mắt thương hại bà mẹ nhìn ông vẻ dò hỏi. "Ở đây, không có nhiều người chết như thế", bà nói, "Kể từ thời mồ ma ngài đại tá, cái ông trẻ của ông ấy mà, ở Macôndô không có chuyện gì xảy ra cả". Trước khi về tới nhà mình, Hôsê Accađiô Sêgunđô đã ghé thăm ba gia đình, gia đình nào cũng nói với ông một điều duy nhất: "Không có nhiều người chết như thế".
Ông vượt qua sân ga, nhìn thấy những bàn bán thức ăn chồng chất lên nhau và ngay tại đây ông cũng không thấy một dấu vết nào của vụ thảm sát. Dưới trời mưa nặng hạt, phố xá im lìm vắng ngắt, các nhà đều đóng cửa im ỉm, không hề có một biểu hiện nhỏ của cuộc sống ở bên trong. Chỉ có tiếng chuông nhà thờ gọi con chiên đi lễ là hoạt động duy nhất của con người. Dừng ngay ở cửa nhà đại tá Gavilan, ông gọi. Một phụ nữ có thai, người ông từng gặp gỡ nhiều

lần, khi nhìn thấy ông liền đóng sập ngay cửa lại. "Đi vắng", bà ta trả lời với vẻ đầy sợ hãi: "về quê rồi". Cửa chính dẫn vào khu nhà hộp được rào dây thép gai xung quanh, như thường lệ, đã được những tên dân vệ mặc áo khoác đội mũ cối lợp vải nhựa, như những tượng đá đứng gác dưới trời mưa. Trên những phố nhỏ của mình, bọn người da đen vùng Antidat đang đồng thanh hát thánh ca. Hôsê Accađiô Sêgunđô nhảy qua hàng rào trước sân nhà rồi theo lối nhà bếp vào nhà. Bà Santa Sôphia đê la Piêđat chỉ kịp thốt lên "Chớ để Phecnanđa nhìn thấy con". Bà bảo: "Nó vừa mới dậy xong". Như một thoả thuận hiển nhiên, bà đưa con trai mình vào phòng để những cái bô, sửa lại chiếc giường khấp khểnh của cụ Menkyađêt để cho con mình dùng rồi vào lúc hai giờ chiều trong khi Phecnanđa đang ngủ trưa bà đưa qua cửa sổ vào cho con trai mình một đĩa cơm. Aurêlianô Sêgunđô ngủ lại ở nhà vì cơn mưa bất thình lình đổ xuống đã giữ ông lại, và đến tận ba giờ chiều ông vẫn đợi trời tạnh. Vì được Santa Sôphia đê la Piêđat bí mật báo cho biết nên cũng vào giờ này ông đến thăm người anh em sinh đôi của mình ở phòng cụ Menkyađêt. Ông cũng không tin vào câu chuyện về vụ thảm sát cũng như con tàu chở người chết nặng nề bò về phía biển. Đêm trước người ta đã đọc một bản thông cáo đặc biệt để báo cho mọi người biết rằng những người công nhân đã tuân lệnh giải tán khỏi nhà ga và họ đã lập thành từng đoàn người hiền lành rồi đi về nhà mình. Bản thông cáo còn cho biết rằng các nhà lãnh đạo công đoàn, với một tinh thần yêu nước cao, đã rút bớt các yêu sách của mình lại thành hai điểm: cải tiến cách phục vụ y tế và xây dựng chuồng tiêu ở các khu lán trại cho công nhân. Sau đó người ta còn thông báo thêm rằng khi các quan chức quân đội nhận được lá đơn của những người

lao động bèn vội vàng cấp báo cho ngài Brao biết, và rằng ngài không chỉ chấp thuận những yêu sách mới mà còn xuất tiền chi ba ngày hội để mừng cuộc xung đột đã được giải quyết ổn thoả… Chỉ phiền nỗi rằng khi các quân nhân hỏi ngài liệu ngày nào có thể thông báo việc lá đơn đã được ký thì ngài nhìn bầu trời nhì nhằng những tia chớp hiện qua khung cửa sổ, và ngài làm một động tác không dứt khoát:

- Khi nào trời tạnh đã, - ngài nói. - Chúng tôi sẽ đình chỉ mọi hoạt động khi trời còn mưa.

Đã ba tháng trời không mưa và lúc này đang ở mùa khô. Nhưng khi ngài Brao tuyên bố quyết định của mình thì trận mưa rào đã đổ xuống khắp vùng Công ty chuối và Hôsê Accađiô Sêgundô đã bị mưa trên đường trở về Macôndô. Một tuần lễ sau trời vẫn mưa. Lời giải thích chính thức, vốn được lắp đi lắp lại hàng ngàn lần và được lan truyền nằm trong tay chinh phủ, đã làm cho mọi người tin rằng không có người chết, những người lao động thoả lòng thoả dạ đã trở về với gia đình mình và Công ty chuối đã ngừng mọi hoạt động trong lúc trời mưa. Luật giới nghiêm vẫn tiếp tục được thi hành để đề phòng khi cần phải áp dụng những biện pháp khẩn cấp nhằm tránh những thiệt hại chung do mưa dai dẳng không dứt cơn gây ra, quân đội vẫn đóng đồn ở Macôndô. Ban ngày bọn lính, quần xắn tới bẹn, đi lại ngoài đường nước chảy như thác để chơi trò vớt người chết đuối với trẻ em. Ban đêm, sau khi lệnh báo giới nghiêm vang lên, chúng sục sạo mọi nhà, dùng báng súng nện tung cửa, bắt những người bị tình nghi đang nằm trên giường rồi lôi họ đi biệt tích. Đó là thời kì truy lùng và tiêu diệt nốt "những tên gây rắc rối", "những tên giết người, đốt nhà", bị Sắc luật số bốn trừng trị, nhưng bọn quân nhân lại chối phắt

những hành động bắt bớ, giết chóc của chính mình trước những thân nhân của những người bị nạn, khi những người này tới văn phòng các sở chỉ huy để hỏi tin tức. "Chắc chắn đó chỉ là một giấc mơ thôi", các sĩ quan nói. "Ở Macônđô đã không xảy ra, hiện thời không xảy ra và sẽ không bao giờ xảy ra những chuyện giết chóc bắt bớ khủng khiếp cả. Đây là một thị trấn hạnh phúc mà". Họ đã kết thúc việc tiêu diệt các nhà lãnh đạo công đoàn như thế đấy.
Người sống sót duy nhất là Hôsê Accađiô Sêgundô. Có một đêm tháng hai, tiếng báng súng nện vào cửa không thể nhầm lẫn được bỗng vang lên ở ngoài hiên. Aurêlianô Sêgundô, người vẫn đợi cho trời tạnh để ra đi, đã mở cửa cho sáu tên lính dưới sự chi huy của một sĩ quan. Người ướt sũng nước mưa, lầm lý không nói lấy một lời, chúng lục soát rất kỹ ngôi nhà: lần lượt từng phòng một, lần lượt từng chiếc tủ một, lục từ các phòng khách đến tận kho lương thực. Ucsula thức dậy khi đèn phòng bật sáng, và cụ không thở dài não nuột trong khi bọn lính lục soát, nhưng cụ vẫn giữ những ngón tay làm dấu thánh giá hướng nó về phía bọn lính đang làm việc. Santa Sôphia đê la Piêđat đã kịp báo trước cho Hôsê Aurêlianô Sêgundô đang ngủ trong phòng cụ Menkyađêt, nhưng ông hiểu rằng nếu định chạy trốn lúc này thì quá chậm mất rồi. Vậy là Santa Sôphia đê la Piêđat lại khoá cửa phòng lại, và ông mặc áo, đi giày, ngồi trên giường đợi chúng đến. Trong lúc ấy, bọn lính đang lục soát ở xưởng kim hoàn. Viên sĩ quan ra lệnh mở then cài và với luồng sáng ngọn đèn pin lia nhanh loang loáng y đã nhìn thấy chiếc bàn làm việc, chiếc tủ kính với các chai lọ đựng a-xít cùng những dụng cụ làm việc vẫn nguyên chỗ do chủ chúng đã sắp đặt, và hình như y hiểu rằng ở phòng ấy không có ai ở. Tuy nhiên, y ranh mãnh hỏi Aurêlianô

Sêgunđô rằng có phải ông là thợ kim hoàn không, và ông này đã trả lời y rằng phòng ấy từng là xưởng kim hoàn của đại tá Aurêlianô Buênđya. "A hả" viên sĩ quan đằng hắng, rồi y bật đèn và ra lệnh lục soát thật cẩn thận căn phòng đến mức mười tám chú cá vàng chưa tôi và được đựng trong một hộp sắt tây giấu ở đằng sau các chai a-xít không thể thoát khỏi mắt chúng. Viên sĩ quan kiểm tra kỹ từng con một ở trên chiếc bàn làm việc, và lúc này y hoàn toàn nhân hậu. "Tôi muốn lấy một con, nếu ông đồng ý cho", y nói: "Có một thời những con cá vàng này là ám hiệu của những kẻ nổi loạn, nhưng giờ đây chúng là một di tích đấy". Y trẻ măng, gần như hãy còn trong tuổi thiếu niên, hồn nhiên với cái vẻ thân mật tự nhiên cho đến lúc này mới lộ rõ. Aurêlianô Sêgunđô tặng y một con cá vàng. Viên sĩ quan cất nó vào túi áo sơ mi, còn những con khác y lại để vào hộp sắt tây rồi cất hộp vào đúng chỗ cũ.

- Đó là một kỉ vật vô giá, - y nói. Đại tá Aurêlianô Buênđya là một trong những vĩ nhân của chúng ta. Tuy nhiên, cái tia chớp nhân bản vừa lóe sáng ấy không làm thay đổi cách xử sự vốn có của y. Trước cửa buồng cụ Menkyađêt, vừa mới được cài then lại, Santa Sôphia đê la Piêđat lại cầu cứu tới niềm hi vọng cuối cùng. "Thưa, gần một thế kỉ nay, không ai sống trong phòng này cả ạ", bà nói. Viên sĩ quan vẫn ra lệnh mở cửa, y lia đèn pin khắp phòng, Aurêlianô Sêgunđô và Santa Sôphia đê la Piêđat nhìn thấy đôi mắt A-rập của Hôsê Accađiô Sêgunđô vào lúc ánh đèn pin rọi thẳng vào mặt ông và họ hiểu rằng đó là điểm kết thúc của một nỗi đau khổ, đồng thời là điểm mở đầu của một nỗi đau khổ khác mà chỉ có thể được an ủi trong sự nhẫn nhục chịu đựng. Nhưng viên sĩ quan vẫn tiếp tục chiếu đèn pin lục tìm khắp phòng và không để lộ một dấu hiệu thích thú nào cho đến

khi nhìn thấy bảy mươi hai cái bô úp trên các giá kệ. Thế là y bật đèn. Hôsê Accađiô Sêgundô đã ngồi ở mép giường, sẵn sàng ra đi với vẻ nghiêm trang và suy tư hơn bao giờ hết. Ở phía trong nữa là các, kệ sách với những cuốn sách bong gáy, những cuộn giấy da thuộc, và chiếc bàn viết vẫn gọn gàng và sạch sẽ, mực trong lọ vẫn tươi màu. Căn phòng vẫn giữ nguyên không khí trong lành và thoáng đãng, vẫn giữ nguyên vinh dự chống trả bụi bậm và sự phá phách mà Aurêlianô Sêgundô từng nhìn thấy ở tuổi thiếu thời và chỉ một mình đại tá Aurêlianô Buênđya là người không thể nhìn thấy. Nhưng viên sĩ quan chỉ để ý tnì những cái bô.
- Có bao nhiêu người sống ở trong ngôi nhà này? - y hỏi.
- Năm người.
Rõ ràng viên sĩ quan không hiểu được. Y dừng mắt ở nơi mà lúc này Aurêlianô Sêgundô và Santa Sôphia đê la Piêđat đang chăm chú nhìn vào. Đó là nơi Hôsê Accađiô Sêgundô đang ngồi và ông này cũng hiểu rằng viên sĩ quan đang nhìn mình mà không thấy mình. Sau đó y tắt đèn và khép cửa buồng lại. Khi y nói chuyện với bọn lính, Aurêlianô Sêgundô hiểu rằng viên sĩ quan đã nhìn căn buồng với chính đôi mắt mà đại tá Aurêlianô Buênđya từng nhìn.
- Quả là không có ai sống trong căn phòng ấy ít ra cũng đã một thế kỉ này - viên sĩ quan nói với bọn lính. - Trong đó có lẽ chỉ có rắn độc ở thôi.
Vào lúc cánh cửa buồng đóng lại, Hôsê Accađiô Sêgundô nhận thức rõ ràng rằng cuộc chiến tranh của ông đã kết thúc. Những năm trước đây, đại tá Aurêlianô Buênđya đã nói với ông về niềm vui chiến tranh và ngài định chứng minh nó bằng những ví dụ nhiều vô kể được rút từ chính kinh nghiệm sống của ngài. Ông đã tin ngài. Nhưng cái đêm

bọn lính nhìn ông mà không thấy ông, trong lúc nghĩ đến tình hình căng thẳng những tháng gần đây, đến nỗi cực khổ trong nhà tù, đến nỗi kinh hoàng ở ngoài sân ga, đến con tàu chở người chết, Hôsê Accađiô Sêgunđô đã đi đến kết luận rằng đại tá Aurêlianô Buênđya chỉ là một thằng hề hoặc một thằng hèn không hơn không kém. Ngài đã không hiểu rằng ngài đã phải dùng quá nhiều lời lẽ để diễn tả cái ngài cảm nhận được trong chiến tranh mà không biết rằng chỉ cần một từ thôi đã đủ để diễn đạt nó rồi. Từ đó là nỗi sợ hãi. Trái lại, trong căn phòng của Menkyađêt, được bảo vệ bởi ánh sáng siêu tự nhiên, bởi tiếng mưa rơi rầm rì và bởi cảm giác mình là người không thể bị nhìn thấy, Hôsê Accađiô Sêgunđô đã được sống trong sự nghỉ ngơi mà ông không có nổi trong quãng đời trước đây với một nỗi sợ hãi lớn vởn đây đó trong ông, đó là nỗi sợ bị người ta chôn sống mình. Ông đem điều đó nói lại với Santa Sôphia đê la Piêđat, người vẫn mang cơm đều đặn một ngày hai lần vào cho ông, và bà hứa với ông rằng bà sẽ cố sống cho tới khi sức tàn lực kiệt để đảm bảo chắc chắn rằng ông sẽ được chôn khi đã chết thật rồi. Nhờ thoát khỏi mọi sợ hãi, Hôsê Accađiô Sêgunđô lại chúi đầu đọc những tờ giấy da thuộc của cụ Menkyađêt, và càng hào hứng đọc bao nhiêu thì ông hiểu chúng càng ít hơn. Do đã quen với tiếng mưa rả rích mà khi kéo dài được hai tháng nó đã trở thành một hình thức yên tĩnh mới, cái duy nhất khuấy động nỗi cô đơn của ông lại là việc ra vào của Santa Sôphia đê la Piêđat. Bởi vậy ông đã xin bà hãy để cơm cho mình ở ngoài bậu cửa sổ và hãy khoá trái cửa buồng lại. Những người khác trong gia đình đã quên ông, kể cả Phecnanđa vốn không tán thành để ông sống ở trong ấy khi bà ta biết rằng bọn lính đã nhìn ông mà không thấy ông. Khi Hôsê Accađiô Sêgunđô tự giam mình ở trong

phòng được sáu tháng rồi, và bây giờ là lúc bọn lính đã rút khỏi Macôndô, Aurêlianô Sêgundô tháo then cửa buồng để tìm người nói chuyện trong lúc đợi trời tạnh mưa. Kể từ khi mở cửa, ông cảm thấy ngột ngạt bởi mùi hôi bốc lên từ những chiếc bô đầy ựa phân và nước giải đặt ở dưới sàn nhà. Hôsê Accađiô Sêgundô bị nước ăn da, không hề biết đến cái khung cảnh buồn bã do mưa gây nên, vẫn mải mê đọc đi đọc lại thứ văn chương khó hiểu viết trên những tấm da thuộc. Ông được một luồng ánh sáng thiên thần soi sáng. Hẩu như ông vừa ngước mắt lên khi nghe thấy cánh cửa mở thì ánh mắt ấy cũng đã đủ để người anh em sinh đôi của ông nhìn thấy số phận cố hữu của cụ cố nội đã được lặp lại trong nó.
- Hơn ba ngàn người, - đó là tất cả những gì Hôsê Accađiô Sêgundô nói. - Bây giờ thì tôi đã hiểu chắc như đinh đóng cột rằng đó là tất cả những người có mặt ở ngoài sân ga.

Chương 16

Mưa suốt bốn năm mười một tháng hai ngày. Có dạo mưa phùn rả rích đến nỗi hết thảy mọi người ai ai cũng mặc đồ tế lễ và làm ra mặt nghiêm trang để cầu khẩn cho trời tạnh, nhưng chẳng bao lâu người ta đã làm quen với cảnh tạnh ráo tạm bợ báo trước những trận mưa dai dẳng hơn sẽ tới. Bầu trời như vỡ ra trong cơn bão táp sầm sập và từ phương Bắc, những trận cuồng phong ập tới lật tung các mái nhà, quật đổ các bức tường và cuốn phăng những dây nho cuối cùng còn lại trên các cánh đồng. Giống như hồi xảy ra dịch mất ngủ mà lúc này Ucsula đang nhớ lại, dường như tai hoạ này xảy ra là để trừng phạt họ bằng lối sống nhàm chán. Aurêlianô Sêgundô là một trong số những người chịu làm việc hơn cả để không chịu rơi vào cảnh ăn không ngồi rồi. Ông đã trở về nhà nhận một vài việc vặt trong cái đêm ngài Brao hô phong hoán vũ gây ra cảnh mưa gió và Phecnanđa đã tìm giúp cho ông chiếc ô cũ trong một chiếc tủ. "Không cần", ông nói: "Anh ở lại đây cho đến khi tạnh mưa". Tất nhiên đó không phải là một lời hứa chắc như đinh đóng cột, nhưng ông đã thực hiện đúng như vậy. Vì quần áo ông để cả ở nhà Pêtra

Côtêt, nên cứ ba ngày ông thay quần áo ngoài một lần, và mặc quần đùi cho đến khi quần áo giặt khô. Để khỏi buồn chán, ông lao vào việc sửa chữa vô số những thứ hư hỏng trong nhà: lúc thì gắn lại cái bản lề, tra dầu vào ổ khoá, lúc thì vặn lại những chiếc đinh ốc, nắn lại những chiếc đinh khuy. Trong vài tháng liền, người ta thấy ông lượn lờ đây đó khắp nhà với bộ đồ nghề của người digan bỏ quên từ lúc sinh thời cụ cố Hôsê Accađiô Buênđya, và không một ai biết rằng ông làm như vậy là do miễn cưỡng phải hoạt động hay vì mùa đông khiến ông buồn chán, hoặc vì ông tự buộc mình phải ăn chơi có điều độ. Ông đam mê làm việc tới mức cái bụng phệ của ông ngày một teo tóp đi, nó cứ nhăn nhúm lại như một tấm da, và khuôn mặt bầu bĩnh rất đẹp như mu rùa của ông dần dán kém sắc, cái cằm sệ của ông cũng ngày một bớt sệ xuống cho đến khi ông đỡ phì nộn hơn và lại có thể cúi xuống buộc được giây giày. Trong lúc nhìn ông gắn lại các bản lề, tháo những chiếc đồng hồ, Phecnanđa tự hỏi lòng phải chăng ông chồng mình cũng đang mắc cái bệnh làm để rồi phá như đại tá Aurêlianô Buênđya làm những con cá vàng, như Amaranta đơm cúc và may tấm vải liệm, như Hôsê Accađiô Sêgunđô đọc những chữ ghi trên tấm da thuộc và như Ucsula nhớ lại những kí ức đời mình. Nhưng không hẳn là như vậy. Điều tệ hại hơn cả là mưa đã làm thay đổi tất cả, ngay đến những chiếc máy vốn khô là thế cũng lên meo lốm đốm nếu ba ngày không tra dầu, những sợi dây thép và những tấm lưới đồng han rỉ hết, quần áo ướt mọc rêu xanh. Không khí quá ư ẩm ướt đến mức cá có thể bơi lội trong đó để qua cửa chính vào nhà và khi ra thì qua các cửa sổ. Có một buổi sáng nọ, Ucsula thức dậy cảm thấy mình đang xỉu đi, đã đòi đưa cụ đến cha xứ Antôniô Isaben dù phải đi bằng cáng cũng được, thì cũng lúc

ấy Santa Sôphia đê la Piêđat thấy trên lưng cụ đầy những đỉa bám. Người ta phải lấy những mẩu con cháy đỏ than chàm vào chúng để gỡ từng con một trước khi chúng hút hết máu cụ. Phải đào nhiều mương rãnh để tiêu nước trong nhà và quét cho sạch những con cóc, những con ốc, để có thể lau khô sàn nhà, vứt bỏ những viên gạch kê dưới chân giường và một lần nữa được đi giày trong nhà. Mải mê vui thú với biết bao nhiêu công việc nhỏ nhặt đang hấp dẫn mình, Aurêlianô Sêgundô không biết rằng mình đang già đi cho đến một chiều nọ, ông đã nhận ra mình trong lúc ngồi trên chiếc ghế xích đu ngắm nhìn buổi chiều đến sớm mà lòng dửng dưng nhớ tới Pêtra Côtêt. Không hề có gì cản trở ông trong việc trở về với tình yêu nhạt nhẽo của Phecnanđa, mà sắc đẹp của bà lúc này đã lẫn đi sau vẻ chín chắn của tuổi tác, nhưng mưa đã giải thoát ông khỏi tất cả những cơn hứng tình đột ngột và nó đã truyền cho ông tình yêu điềm tĩnh không háo hức. Ông vui với cơn mưa dầm dề đã gần được một nạm mà nghĩ đến các việc ông có thể làm trong những ngày tháng trước đây ông từng là một trong số những người đầu tiên mang tôn lá về Macôndô, trước khi Công ty chuối biến việc dùng tôn lá thành một cái mốt, và ông chỉ dùng chúng để lợp phòng ngủ cho Pêtra Côtêt và thích thú nằm nghỉ dưới mái tôn trong cảm hứng thân thiết sâu sắc mà thời kì đó mưa rơi gõ lanh canh lên chúng đã gợi cho ông. Nhưng ngay cả đến những kỉ niệm điên rồ của thời thanh niên thác loạn ấy cũng không làm cho ông vui lên được. Trong bữa chè chén gần đây nhất, ông đã để mất đi cái hứng thú dâm bôn của mình. Ở ông chỉ còn lại niềm vui duy nhất là với một thái độ dửng dưng, tổ chức các bữa ăn nhậu. Có thể nghĩ rằng mưa lụt đã tạo điều kiện cho ông ngồi mà ngẫm nghĩ, và công việc lặt vặt với kìm và

lọ dầu nhờn đã đánh thức những nuối tiếc muộn màng trong ông về các nghề nghiệp thiết thực ông có thể làm nhưng đã không hề làm trong cuộc đời mình, tiếc rằng không một nghề nào là cụ thể, bởi vì nguyện vọng muốn được ngồi yên và công việc gia đình từng kích thích ông không phải là kết quả của một sự suy nghĩ cũng chẳng phải là một bài học kinh nghiệm đã được ông rút ra. Nỗi hoài nhớ ấy được đào lên bởi mùa mưa đến với ông từ rất xa, từ những ngày ông ngồi đọc ở trong phòng cụ Menkyađêt những câu chuyện huyền thoại về chiếc thảm bay và chú cá voi khổng lồ nuốt chửng cả tàu thuyền. Đó cũng là những ngày thằng bé Aurêlianô xuất hiện ở ngoài hành lang do một sự sơ suất của Phecnanđa và nhờ đó ông ngoại đã biết được nguồn gốc của nó.

Ông cắt tóc, mặc quần áo cho nó, dạy nó làm quen với đám đông, rồi chẳng bao lâu thằng bé đã có diện mạo của một Aurêlianô Buênđya đích thực: cũng hai gò má cao, cũng ánh mắt nhìn thảng thốt, cũng vẻ cô đơn của mình. Đối với Phecnanđa đó là một sự nghỉ ngơi. Đã có lần bà suy tính tới danh dự to lớn của mình nhưng bà vẫn chưa tìm được cách nên lí giải như thế nào, bởi vì càng nghĩ tới các giải pháp bà càng cảm thấy chúng ít thuyết phục hơn. Do biết rằng Aurêlianô Sêgunđô sẽ xử mọi việc như đã xử sự, nghĩa là với tất cả sự thích thú của người ông ngoại, bà đã không theo dõi và ngăn cấm cậu bé khắt khe như trước nữa mà trái lại kể từ năm ngoái bà đã giải thoát nó khỏi nỗi nhục nhã. Đối với Amaranta Ucsula lúc này đã thay răng sữa, thằng cháu như một thứ đồ chơi biết chạy nhảy sẽ mua vui cho mình trước cảnh mưa dầm dề buồn bã. Lúc này Aurêlianô Sêgunđô nhớ tới bộ bách khoa bằng tiếng Anh để trong phòng ngủ của Mêmê. Trước tiên ông cho bọn nhóc xem tranh ảnh, đặc biệt là

tranh ảnh vẽ con vật, sau đó cho chúng xem các bản đồ và ảnh các nước xa xôi và cổ xưa, các vĩ nhân. Vì ông không biết tiếng Anh và vì hầu như ông chỉ biết các thành phố quen thuộc nhất và các nhân vật hay được nói đến nhiều nhất, ông liền phịa ra các tên và chuyện huyền thoại để thoả trí tò mò của đám trẻ.
Phecnanđa thật dạ tin rằng chồng bà đợi cho trời tạnh để rồi trở về nhà nhân tình. Trong những tháng mưa đầu tiên bà sợ rằng ông ta sẽ lần mò tới phòng ngủ của mình và rằng bà sẽ xấu hổ chết được khi phải cho ông biết rằng mình hoàn toàn không còn khả năng để chiều theo ý ông ngay từ khi sinh bé Amaranta Ucsula. Đó là nguyên nhân của mối quan hệ thư từ tha thiết với các thầy thuốc không thể nhìn thấy, một quan hệ đã bị đường thư thường xuyên thất thường làm cho gián đoạn.
Trong những tháng đầu, khi được biết rằng tàu hoả bị lật bánh vì mưa bão, một bức thư của các thầy thuốc không thể nhìn thấy đã báo cho bà biết rằng thư của bà bị thất lạc hết đã không đến tay họ. Sau đó, khi các quan hệ với những người nhận thư xa lạ bị gián đoạn hoàn toàn, bà nghiêm chỉnh nghĩ đến cách phải đeo tấm mặt nạ con hổ mà chồng mình đã đeo trong vũ hội Cacnavan đẫm máu ấy, với một cái tên mạo xưng để nhờ các thầy thuốc Công ty chuối khám bệnh cho. Nhưng một trong số những người vẫn thường mang đến nhà này đủ mọi tin tức bất hạnh về trận mưa lụt đã báo cho bà biết rằng Công ty chuối bãi bỏ mọi hoạt động của các cơ sở phúc lợi của nó ở Macôndô để chuyển tới vùng đất tạnh ráo. Thế là bà mất hết mọi hi vọng. Bà quyết chí ngồi chờ cho đến khi tạnh ráo và dường thư được lập lại bình thường, và trong lúc đó bằng cách an ủi, bà xoa dịu những cơn đau thầm lặng của mình, bởi vì bà đã thề rằng thà

chết chứ không chịu rơi vào tay viên thầy thuốc duy nhất hành nghề ở Macôndô, một người Pháp quái dị chuyên sống bằng các thứ rau cỏ vốn dùng để nuôi lừa. Bà lân la đến gần Ucsula vì tin rằng cụ già trăm tuổi này có thể biết phương thuốc nào đó ngõ hầu làm giảm những cơn đau đến lả người của mình. Nhưng thói quen không gọi tên sự vật bằng chính tên nó đã đưa bà đến việc dùng tráo các khái niệm để đỡ thẹn thò hơn; đáng lẽ nói đằng trước bà lại nói đằng sau, đáng lẽ nói về việc chửa đẻ bà lại nói về việc bài tiết, đáng lẽ nói đến cảm giác choáng váng bà lại nói đến cảm giác nóng rát. Vậy là việc đánh tráo khái niệm trong lúc miêu tả các triệu chứng lâm sàng của bà đã làm cho Ucsula đi đến kết luận đáng tin rằng những cơn đau ấy không phải là đau tử cung mà là đau đường ruột và cụ khuyên bà nhịn ăn để dùng thuốc tẩy. Nếu không phải là thứ bệnh chẳng có gì đáng phải xấu hổ ấy và nếu thư từ của bà không bị thất lạc, thì mưa đối với Phecnanđa chẳng có ý nghĩa quan trọng gì vì rằng cuối cùng cuộc đời đối với bà cũng buồn bã chẳng khác gì trời đang dầm dề mưa. Bà không thay đổi giờ giấc cũng không bỏ bê các buổi cầu kinh. Khi chiếc bàn ăn còn phải kê chân trên những viên gạch xếp chồng lên nhau, và những chiếc ghế ngồi vẫn phải đặt trên những tấm ván để khách ăn khỏi ướt chân, bà vẫn trải những tấm vải lanh và đặt lên bàn bộ đồ ăn bằng sứ Tàu và đến bữa ăn tối bà vẫn thắp sáng những cây đèn cắm nến, bởi vì bà cho rằng không thể lấy tai hoạ để làm cớ cho việc buông lỏng các tập quán. Không một ai thò mặt nhìn ra đường. Nếu bị phụ thuộc vào Phecnanđa thì họ sẽ chẳng bao giờ thò đầu nhìn ra đường, không chỉ từ khi trời bắt đầu mưa mà từ trước đó rất lâu, bởi bà ta cho rằng cửa rả được làm ra là để đóng kín nhà lại, và thói tò mò về những chuyện xảy ra ngoài đường là thói

xấu của bọn ớ điếm. Tuy nhiên, chính bà lại là người đầu tiên trong gia đình đã thò đầu nhìn ra đường khi người ta loan báo đám tang của đại tá Hêrinêndô Mackêt đang đi qua, dẫu rằng cái điều bà nhìn thấy qua cửa sổ hé mở đã đưa bà đến tình trạng xấu hổ mà đã từ lâu bà ân hận vì sự hèn yếu của mình.
Chưa hề thấy một đám tang nào buồn bã hơn đám tang này. Người ta đặt cỗ quan tài trong túp lều lá chuối dựng trên một chiếc xe bò, nhưng vì mưa quá nặng hạt và đường sá lầy lội bùn, đến mức cứ mỗi bước đi các bánh xe lại bị sa lầy và cái túp lều ấy xiêu vẹo suýt nữa thì đổ. Những giọt nước buồn bã rơi trên cỗ quan tài dần dẫn làm ướt sũng lá cờ phủ bên trên, và thực tế đó là lá cờ vấy bẩn máu và bụi trường chinh, và nó đã từng bị các cựu chiến binh danh dự nhất từ chối. Trên nắp cỗ quan người ta còn đặt cả thanh kiếm với các tua ngù bằng lụa, chính là thanh kiếm mà đại tá Hêrinêndô Mackêt treo lên giá mắc áo ở phòng khách để bước vào phòng máy may của Amaranta. Đằng sau chiếc xe bò là những người sống sót cuối cùng sau khi ký hiệp định Neclandia, có một số đi chân đất còn tất cả mọi người đều xắn quần ngang bẹn, bì bõm lội trong bùn, một tay mang chiếc ba-toong, tay kia mang vòng hoa giấy bị nước mưa làm cho phai màu. Bọn họ xuất hiện như hình ảnh không có thực trên con đường vẫn mang tên đại tá Aurêlianô Buêndya và tất cả đều nhìn vào nhà Buêndya khi họ đi qua, rồi họ rẽ ngoặt qua quảng trường, ở đây họ phải cầu cứu mọi người giúp tay vì xe bị sa lầy. Ucsula đã được Santa Sôphia đê la Piêđat dìu ra tới cửa. Cụ chăm chú theo dõi mọi diễn biến của đám tang đến mức không một ai nghi ngờ rằng cụ đang nhìn, nhất là vì cái cánh tay thánh của cụ cứ chỉ trỏ theo đám tang.

- Tạm biệt nhé, Hêrinêndô con trai ta, - cụ gào. - Hãy thay ta chào những người thân của ta và bảo với họ rằng chúng ta sẽ gặp nhau khi trời tạnh ráo.
Aurêlianô Sêgundô giúp cụ đi về giường và với thái độ trêu chọc thường có, ông hỏi cụ ý nghĩa của lời từ biệt ban nãy.
- Thật đấy cụ nói. - Ta chỉ đợi cho trời tạnh ráo để chết mà.
Quang cảnh trên các đường phố khiến Aurêlianô Sêgundô phải tỉnh ngộ. Vì lo lắng quá muộn màng cho số phận của đàn gia súc, nên ông đã đội tấm vải sơn và vội vàng đi đến nhà Pêtra Côtêt. Ông gặp ả ở ngoài sân, ngâm nước tới ngang lưng đang cố đẩy xác chết một con ngựa đi nơi khác. Aurêlianô Sêgundô cầm lấy một cái thang chèn cửa giúp ả đẩy xác con vật và cái xác chết trương khổng lồ này xoay trong một vòng rồi bị dòng nước ngầu bùn cuốn phăng đi. Kể từ khi trời bắt đầu mưa, Pêtra Côtêt không làm việc gì khác hơn là lùa xác những con vật chết cho nước cuốn đi khỏi sân nhà mình. Trong các tuần đầu, ả nhắn tin cho Aurêlianô Sêgundô để ông lấy làm trọng mà về, và ông đã trả lời rằng chưa vội gì, rằng tình huống chưa đáng phải lo lắng lắm, rằng khi nào trời tạnh sẽ nghĩ cách khác. Ả nhắn đến tai ông rằng các ruộng cỏ cho ngựa ăn đã bị ngập nước, rằng đàn gia súc đã chạy ráo lên các miền đất cao, và ở đấy chúng đang không có cái ăn và phải làm mồi cho hổ và dịch bệnh. "Không cần phải làm gì cả", Aurêlianô Sêgundô trả lời ả: "Khi nào trời tạnh ráo chúng lại đẻ ra vô khối, lo gì". Pêtra Côtêt đã nhìn thấy gia súc chết hàng đàn hàng đàn và hầu như ả không đủ sức để xả xác những con còn mắc cạn. Với thái độ bất lực, ả hậm hực nhìn nạn lụt đã phá không thương tiếc cả một gia sản như thế nào, một gia sản từng có thời được coi là lớn nhất và đảm bảo nhất ở Macôndô và giờ đây nó

chỉ còn lại một mùi thối khăn khẳn. Khi Aurêlianô Sêgundô quyết định trở về để xem điều gì đã xảy ra, ông chỉ còn thấy xác chết một con ngựa đực và một con lừa cái gầy còm còn sống đang bị nhất trong cái chuồng ngựa đổ nát. Pêtra Côtêt nhìn ông trở về mà không hề thảng thốt, không hề mừng vui, cũng chẳng rầu rĩ, và hơn nữa, hầu như ả còn nhoẻn một nụ cười khẩy:
- Về đúng lúc nhỉ, - ả nói.
Ả đã già khọm đi, xương hóc bày ra, đôi mắt xanh như mắt mèo, vì nhìn mưa mà trở nên ủ dột và hiền lành hơn. Aurêlianô Sêgundô ở lại nhà ả ba tháng liền, không phải vì ở đấy ông thấy dễ chịu hơn ở nhà mình mà vì ông phải cần tới ngần ấy tháng mới quyết định đội lại tấm vải sơn để trở về nhà. "Không có gì phải vội vã", ông nói như trước đây đã nói khi ở nhà mình, "chúng ta đợi trời tạnh trong những giờ tới". Trong suốt tuần đầu ông dần dần làm quen với cái vẻ tàn tạ mà thời gian và cơn mưa dầm dề đã gây nên cho sức khỏe của người tình và dần dần ông lại thấy ả như xưa, qua cách nhớ lại những mềm vui buông thả của ả cũng như tính chất mắn đẻ như điên mà tình yêu của ả đã kích thích đàn gia súc, rồi một tối nọ trong tuần lễ thứ hai, phần vì tình, phần vì thích thú, ông đã cò kè để đánh thức ả dậy. Pêtra Côtêt vẫn thờ ơ, không hào hứng. "Hãy ngủ yên nào", ả nói thầm thì, "Những ngày này chẳng phải là lúc để chúng ta hú hí nữa đâu". Aurêlianô Sêgundô nhìn mình trong tấm gương gắn trên trần nhà, nhìn sống lưng Pêtra Côtêt giơ những chiếc xương sườn thiểu não, ông hiểu rằng ả có lí, và không phải vì thời gian mà chính vì họ lúc này đã quá thì rồi.
Aurêlianô Sêgundô xách hòm xiểng của mình trở về nhà mà lòng đinh ninh tin chắc rằng không chỉ một mình Ucsula, mà tất cả dân

chúng Macôndô, đang đợi cho trời tạnh ráo để chết. Khi đi ngang qua nhà ông đã nhìn thấy họ ngồi trong các phòng khách với ánh mắt đờ đẫn, hai tay ôm lấy đầu mà lắng nghe thời gian đang qua đi, đó là một thời gian trọn vẹn, một thời gian không hề hao phí, bởi vì thật là vô ích việc chia nó thành năm, tháng và chia ngày thành giờ khi người ta không thể làm gì khác hơn là ngồi ngắm mưa rơi. Bọn trẻ reo mừng đón Aurêlianô Sêgundô vì ông sẽ chơi cây đàn phong cầm đã long phím cho chúng nghe. Nhưng buổi hoà nhạc không lôi cuốn bọn trẻ như các buổi xem từ điển bách khoa, vậy là cha con, ông cháu họ lại kéo nhau tụ họp tại phòng ngủ của Mêmê, và ở đây trí tưởng tượng của Aurêlianô Sêgundô đã biến khinh khí cầu thành con voi bay đang tìm chỗ ngủ giữa các đám mây. Có lần ông bắt gặp hình ảnh một người đàn ông cưỡi ngựa mà bất chấp bộ quần áo rất lạ ông ta mặc, ông vẫn nhận thấy cái dáng vẻ thân thuộc và sau khi kiểm tra kĩ ông đã đi đến kết luận đó là chân dung của đại tá Aurêlianô Buênđya. Ông đem nó cho Phecnanđa xem, và bà ta cũng nhận thấy dáng vẻ bên ngoài của chàng kị sĩ không những chỉ giống đại tá mà còn giống tất cả các thành viên của gia đình này, mặc dù đây thực ra là chân dung một chiến binh người Tácta. Rồi cứ thế ông để cho thời gian trôi đi trong lúc xem tượng đài Rôđa(l) và những bức tranh kì thú về loài rắn, cho đến khi bà vợ báo cho ông hay rằng trong kho lương thực chỉ còn lại sáu kilô thịt ướp và một tải gạo.

- Bây giờ em muốn anh làm gì nào? - ông hỏi.

- Em không biết, - bà trả lời. - Cái đó là chuyện của đàn ông.

- Thôi được, - Aurêlianô Sêgundô nói. - Sẽ làm một cái gì đó khi nào trời tạnh.

Ông vẫn mải mê xem từ điển bách khoa hơn là lo lắng cho cái ăn

hàng ngày, ngay cả khi buộc phải bằng lòng ăn thịt cày và một ít cơm vào bữa trưa. "Quả thật là lúc này không thể làm gì được", ông nói: "Nhưng mưa không thể mưa suốt cả đời được". Và trong lúc ông càng chậm trễ lo lắng cái ăn đang thức bách bao nhiêu thì Phecnanđa càng nổi cơn tam bành kịch liệt hơn, kể cả những lời chửi bới, những câu văng tục ít thấy của bà cứ tuôn ra trong một cái thác không thể nào kìm được, nó bắt đầu từ sáng sớm như một khúc dạo đầu đơn điệu của một cây đàn ghita, và nó tiến triển theo kiểu ngày cứ trôi đi thì nó càng cao giọng hơn, mỗi lúc một du dương hơn và hấp dẫn hơn. Aurêlianô Sêgunđô vẫn chưa ý thức được những lời chửi bới như hát hay ấy mãi cho đến ngày hôm sau, sau bữa điểm tâm, khi ông cảm thấy khó chịu bởi tiếng vo ve mà lúc này nghe át cả tiếng mưa rơi và đó là Phecnanđa, người đang đi lại khắp nhà để ta thán rằng cha mẹ bà đã nuôi dạy bà như một bà hoàng để đến nỗi giờ đây bà là con ở trong một cái nhà toàn những người điên, với một ông chồng lười chảy thây, lại trai lơ và buông tuồng, rằng ông ta lúc nào cũng nằm ngửa há miệng chờ sung rơi trong lúc bà phải thẳng da lưng trùng da bụng làm lụng để duy trì một gia đình sắp khánh kiệt, nơi phải làm việc nhiều, phải chịu đựng và phải chỉnh đốn lại kể từ khi trời sáng cho đến khi đi nằm mà lúc lên giường mắt đã cộm lên nhức nhối, thế mà chẳng một ai hỏi đêm qua có ngủ ngon không Phecnanđa lấy một lời, cũng chẳng ai hỏi bà dù chỉ là xã giao thôi vì sao dạo này lại xanh xao thế, vì sao đôi mắt lại thâm quầng thế mặc dù rằng bà không đợi, dĩ nhiên rồi, rằng điều đó lại được thốt lên từ miệng một người nào trong cái gia đình vốn lúc nào cũng coi bà là một trở ngại, là một cái bã lau, là một con khỉ vẽ trên tường, và rằng cả nhà họ thi nhau lên tiếng nói xấu bà ở khắp nơi khắp chốn,

để mà gọi bà nào là kẻ làm ra vẻ mộ đạo, là kẻ giả dối, là con thạch thùng, và ngay đến Amaranta, mà lúc này đã yên nghỉ, gay gắt bảo bà là kẻ tôm đội cứt lên đầu, lạy Chúa tha tội cho, ôi ngôn từ gì mà quá thể thế, và bà đã cố gắng chịu đựng hết với sự nhẫn nhục vì ý định của Cha thánh thần, nhưng bà đã không thể chịu đựng được hơn khi Hôsê Accađiô Sêgunđô đểu cáng nói rằng gia đình này khánh kiệt là do đã mở cửa rước mụ gián điệp về, hãy tưởng tượng mà xem, ôi lạy Chúa, một mụ gián điệp độc đoán, ôi lạy Chúa, một mụ gián điệp mang dòng máu hạ đẳng, cùng một bản chất với những tên mật vụ được chính phủ phái tới để bắn giết những người lao động, hãy nói cho bà biết, và điều đó ám chỉ ai nếu không phải là ám chỉ bà, con gái nuôi của nữ công tước Anba, một mệnh phụ trâm anh thế phiệt từng đẻ ra các phu nhân tổng thống, một tiểu thư quý tộc đích thực như bà có quyền kí với mười một tên họ lừng lẫy ở Tây Ban Nha, và rằng bà là người duy nhất ở cái làng của những đứa con hoang cảm thấy hãnh diện trước mười sáu bộ đồ ăn bày trên bàn để cho ngay sau đó con ớ thông dâm với chồng bà cười như nắc nẻ nói rằng nhiều thìa dĩa, dao ăn thế. kia chẳng phải là đồ ăn của các con chiên của Chúa mà là đồ ăn của loài rắn, và bà là người duy nhất nhắm mắt lại đã có thể khẳng định được khi nào thì phục vụ rượu màu, róc ở phía nào, vào cốc nào, chứ không như thói quê mùa của Amarnta, người đã yên nghỉ, lại cứ tưởng rằng rượu trắng uống vào buổi ban ngày còn rượu màu vào ban đêm, và bà là người duy nhất ở cả vùng duyên hải này khi ỉa đái thì ngồi vào bô vàng chứ không ngồi chồm hỗm như những kẻ khác, để đến nỗi sau này đại tá Aurêlianô Buênđya, người đã ngủ giấc ngàn thu, với buồng mật tệ hại của bọn Tam điểm đã dám hỏi bà thói kiêu kì ấy khởi sự từ đâu,

làm như thể bà không ỉa ra cứt mà ỉa ra hoa Axtrômêlia(2), các ông các bà hãy nghĩ mà xem, ngài lại nói những từ như thế đấy, và để cho Rênata, chính con gái bà, mà do vô tình đã nhìn thấy phân của bà ở ngay trong phòng ngủ, đã trả lời rằng sự thật cái bô ấy bằng vàng có khảm gia huy nhưng cái có ở bên trong lại là cứt thật, nhưng còn tồi tệ hơn các thứ cứt đái khác, đó là cứt của con mụ gián điệp, các ngài hãy tưởng tượng mà xem, chính là con gái bà đấy, vậy là bà sẽ chẳng bao giờ còn trông mong vào một người nào của cái gia đình này, nhưng dù sao bà vẫn có quyền chờ đợi một chút coi trọng nào đó của chồng mình, bởi vì dù tất dù xấu thế nào đi nữa, ông là chồng bà, là tác giả của bà, là người phán định hợp pháp của bà, là người đã tự nguyện quàng lên cổ mình cái trọng trách dẫn bà ra khỏi nhà bố mẹ bà, vốn là nơi bà đan những chiếc mũ tang bằng lá cây palma, bởi vì cha đỡ đầu của bà đã gửi cho Aurêlianô Sêgundô một bức thư tự tay người viết có in dấu chiếc nhẫn, chỉ để bảo ông rằng đôi tay cô con nuôi của người được tạo ra không phải để làm những công việc tầm thường ở cõi thế tục này, mà chỉ để đánh đàn tiểu phong cầm thôi, nhưng tuy nhiên, ông chồng gàn dở đã lôi bà ra khỏi nhà cùng với những lời dặn dò ấy nhưng đã đày ải bà vào xứ sở địa ngục nơi không thể thở được vì nóng bức, và trước khi bà làm xong việc kiêng kị trong lễ Hạ trần thì ông chồng đã xách va li và cây đàn phong cầm của những kẻ bợm nghịch đến chung chạ với một ả bất hạnh, người mà người ta đã nói chỉ cần nhìn bộ mông, đúng thôi, chỉ cần nhìn ả ngoáy bộ mông ngựa cái non là đã đoán được rằng ả là một, là một người đàn bà hoàn toàn trái ngược với bà - vốn là một mệnh phụ, - dù ở trong dinh phủ hay trong chuồng ngựa, dù ở trên bàn hay trên giường, ở đâu cũng vậy vẫn cứ là một mệnh phụ quốc

gia, vốn kính nể Thượng đế và là nô lệ của Người và vâng theo Người, và là người không thể đem so sánh, dĩ nhiên rồi, với các vũ nữ leo dây và cái bọn đàn bà lang thang lêu lổng hiến thân cho người khác, dĩ nhiên, đã hiến thân cho tất cả đàn ông, như những mụ tú bà hành nghề theo mất Pháp, hoặc giả lại còn tồi tệ hơn, xin các ngài hãy nghĩ kĩ mà xem, bởi vì những con điếm theo mốt Pháp này còn chút danh giá đã biết thắp ngọn đèn hồng ngay trước cửa để rước khách, ít ra là như thế, bọn đàn bà ấy không còn thiếu một thứ xấu xa nào, xin hãy tưởng tượng xem, và không thể đem họ so sánh với bà, vốn là người con gái duy nhất và được cưng chiều của đônha Rênata Acgôtê và đông Phecnanđô đen Cacpiô, trước hết là cụ bởi vì cụ là một ông thánh, một con chiên của những con chiên vĩ đại, là công tử được tặng Huân chương Mộ chúa Giêsu, cụ thuộc vào lớp người trực tiếp nhận từ tay Thượng đế đặc ân khi chết thì thi hài được bảo tồn nguyên vẹn trong phần mộ với nước da mịn màng như nước da mỡ màng của cô gái đang thì yêu đương và đôi mắt tươi và sáng như màu ngọc lục bảo.

- Điều đó không đúng, - Aurêlianô Sêgunđô cắt ngang lời bà, - Khi được mang tới đây cụ đã thối ra rồi.

Ông đã đủ kiên tâm nghe bà chửi suốt một ngày cho tới khi túm được một chỗ nói sai làm bà giật mình. Phecnanđa không nghe lời ông, nhưng cũng phải chịu hạ giọng. Đêm ấy, trong lúc ăn tối, tiếng chửi đinh tai nhức óc của Phecnanđa đã bị tiếng mưa rơi át đi. Aurêlianô Sêgunđô ăn rất ít, đầu cúi gằm xuống và ông đứng dậy lui về phòng ngủ rõ sớm. Trong bữa điểm tâm ngày hôm sau, Phecnanđa run lẩy bẩy với dáng vẻ mệt mỏi vì đêm qua kém ngủ và dường như bà hoàn toàn trơ trẽn vì bực tức. Tuy nhiên, khi chồng bà

hỏi liệu có thể được ăn trứng nóng không, thì bà không đơn giản trả lời rằng kể từ tuần trước nhà đã hết trứng rồi, mà lại nói rằng bà đã làm một bài văn tế đả kích kịch liệt đám đàn ông suốt ngày chỉ biết ngắm vuốt cái bụng thế mà lại dám đòi ăn gan chim chiền chiện đấy. Như thường lệ, Aurêlianô Sêgundô dẫn bọn trẻ đi xem từ điển bách khoa, và Phecnanđa vờ vịt vào phòng Mêmê dọn dẹp đồ đạc để chỉ thầm thì nói cho một mình ông nghe thôi: rõ dơ cái mặt thớt dám bảo bọn trẻ là đại tá Aurêlianô Buênđya được in ảnh trong từ điển bách khoa đấy. Buổi chiều ngày hôm đó, trong lúc bọn trẻ ngủ, Aurêlianô Sêgundô ngồi ở ngoài hành lang thì Phecnanđa đã theo ông ra tận đấy, bằng lời chửi bới lầm rầm như tiếng nhặng xanh để mà khiêu khích ông, để mà xỉ vả ông, bảo ông rằng trong lúc nhà chẳng còn gì ngay đến cả đá để mà ăn thì chồng bà ngồi như một ông vua Ba Tư để ngắm mưa rơi, chỉ quen sống bám bọn đàn bà và sẵn lòng cưới mụ vợ của thánh Giônat, người ngồi lặng yên nghe câu chuyện cá voi. Aurêlianô Sêgundô không nhúc nhích, cứ như một thằng điếc nghe bà chửi liền trong hai giờ. Ông không ngắt lời bà, cứ để bà chửi cho đến chiều tà, khi ông không thể chịu đựng hơn nữa cái tiếng kêu bong bong làm nhức nhối đầu ông.

- Làm ơn, có im đi không nào?

Ngược lại Phecnanđa càng cao giọng hơn. "Tôi chẳng việc gì phải im mồm cả", bà nói: "Ai không muốn nghe tôi thì cứ việc cút đi" Thế là Aurêlianô Sêgundô không tự chủ được nữa. Ông từ từ đứng dậy, làm như thể để giãn gân giãn cốt thôi, rồi với cơn giận dữ nhưng lại rất bình tĩnh và có phương pháp, ông đã bưng hết chậu thu hải đường này đến chậu khác, hết chậu dương xỉ này đến chậu khác, rồi hết chậu kinh giới ô này đến chậu khác, cứ thế ông ném từng chậu

một xuống sàn nhà. Phecnanđa hoảng hốt; bởi vì thực ra bà vẫn chưa ý thức được sức mạnh bên trong của những lời chửi bới ấy, nhưng khi nhận ra thì đã muộn, không thể nào sửa đổi được tình huống nữa. Vì điên tiết trước lời chửi bới không ngớt ấy, Aurêlianô Sêgunđô đập vỡ tấm gương của chiếc tủ kính, rồi ông thong thả gỡ từng bộ phận tủ một đập vụn ra, sau đó theo thứ tự, vẫn với vẻ điềm tĩnh và hài hoà mà trước đây ông đã có khi dán những đồng tiền giấy lên tường, ông đập vỡ bộ đồ thuỷ tinh Bôhêmia, những bông hoa giả, những bức tranh vẽ các cô gái đồng trinh đứng trên những con thuyền chở đầy hoa hồng, những tấm gương ghép trong khung thếp vàng, ông đập hết cả những gì có thể đập được từ trong nhà cho đến kho lương thực, cuối cùng ông kết thúc với việc đập vỡ chum nước trong tiếng nổ vang vọng sâu lắng. Sau đó ông lau tay, quàng tấm vải sơn rồi ra đi, và trước lúc nửa đêm ông mang về một số vại thịt ướp, vài tải gạo và ngô cùng mấy buồng chuối. Kể từ lúc ấy, nhà lại không thiếu cái ăn.

Có lẽ Amaranta Ucsula và chú bé Aurêlianô sẽ nhớ trận mưa lụt này như một thời kì đầy hạnh phúc. Mặc dù Phecnanđa luôn khắt khe đe nẹt, bọn trẻ vẫn bì bõm lội ở ngoài sân, săn bắt những chú thằn lằn để mổ bụng chúng và chơi trò đầu độc nồi xúp bằng cách bỏ vào đó phấn cánh bướm nếu Santa Sôphia đê la Piêđat không trông nom cẩn thận. Ucsula là một thứ đồ chơi lí thú hơn cả của bọn trẻ. Chúng nó coi cụ như một con búp bê cũ kĩ để trang điểm cho cụ: lấy nhọ nồi và phẩm đỏ bôi lên mặt cụ, buộc các mảnh vải đủ màu sắc lên người cụ rồi khiêng cụ đi lại khắp các xó xỉnh trong phòng, và suýt nữa chúng lấy mũi kéo làm vườn để móc mắt cụ như từng móc mắt những con cóc. Không có gì làm cho chúng thích thú bằng những

câu nói lảm nhảm của cụ. Quả thế thật, kể từ năm thứ ba của trận mưa lụt này đã có cái gì đó không bình thường xảy ra trong tâm trí cụ, bởi vì cụ đã dần dần đánh mất ý niệm về thực tại đang sống, và nhầm lẫn thời đang sống với các thời kì xa xưa của cuộc đời mình, cho đến lúc cụ khóc lóc thảm thiết ba ngày liền cho cái chết của Pêtrônila Igoaran, bà cố nội của cụ, từng được chôn cất gần một thế kỉ nay. Cụ chìm sâu trong trạng thái nhầm lẫn hết sức kì quắc đến mức cụ tin rằng chú bé Aurêlianô này là con trai mình, ngài đại tá ấy, vào lúc chàng được cha dẫn đi xem nước đá và anh chàng Hôsê Accađiô đang theo học chuyên đề để trở thành Giáo hoàng ấy là đứa con trai đầu lòng của cụ, kẻ đã bỏ nhà để đi theo bọn digan. Cụ nói đi nói lại về gia đình mình quá nhiều đến mức bọn trẻ thuộc lòng tên người để tổ chức cho cụ những chuyến du chơi tưởng tượng với những người không những là những người đã chết từ lâu rồi mà còn là những người sống ở các thời kì khác nhau. Ngồi trên giường với mái tóc đã xám như tro và một chiếc khăn đỏ che lấy mặt, Ucsula thật là hạnh phúc sống giữa những người thân trong gia đình được bọn trẻ tưởng tượng và miêu tả lại không thiếu một chi tiết, làm như thể chúng thực sự có quen biết họ.
Ucsula nói chuyện với các bậc bề trên của mình về những sự kiện từng xảy ra trước khi cụ chào đời, cụ vui sướng trước những tin tức họ cho cụ biết rồi cụ cùng họ khóc lóc cho những người chết gần đây hơn so với những người chết đang nói chuyện với cụ. Không lâu bọn trẻ biết được rằng trong suốt các buổi đi chơi tưởng tượng ấy, Ucsula luôn luôn nêu một câu hỏi nhằm xác định xem ai là người trong lúc chiến tranh đã mang tới nhà này một bức tượng thánh Hôsê bằng thạch cao to bằng người thực để gia đình trông nom hộ cho

qua mùa mưa bão.

Nhờ thế Aurêlianô Sêgundô nhớ lại kho của được chôn ở một nơi nào đó mà chỉ một mình Ucsula biết, nhưng tất cả các câu hỏi cũng như mọi thủ đoạn ranh ma mà ông nghĩ ra được để dò hỏi Ucsula đều trở nên vô ích, bởi vì trong lúc lang thang trong các ngõ ngách bí hiểm của cơn mê muội, lúc nào Ucsula cũng giữ một điểm sáng trí tuệ để bảo vệ điều bí mật mà cụ vốn rắp tâm sẽ chỉ nói cho một ai đó biết nếu người này chứng minh được rằng mình là người chủ đích thực của số vàng được chôn giấu kĩ càng. Cụ quá ư lanh lợi và khôn khéo đến mức khi Aurêlianô Sêgundô đạo diễn cho một trong số những người bạn nhậu nhẹt của mình đóng vai người chủ của số của cải bị chôn giấu ấy và đưa y tới gập cụ cố mình, thì y đã phải thất bại trước hàng loạt câu hỏi tỉ mỉ có gài bẫy sẵn của cụ.

Do đã tin rằng Ucsula sẽ mang điều bí mật này xuống mồ nên Aurêlianô Sêgundô thuê một đội thợ đấu với lí do để đào các mương rãnh thoát nước cho sân trước và sân sau và chính bản thân ông dùng cuốc chim và các dụng cụ dò tìm kim loại đã đào bới khắp nơi mà vẫn không thấy gì chứng tỏ có vàng trong ba tháng khai quật vô vọng. Sau đó, tin rằng quân bài nhìn rõ hơn mắt những người thợ đấu, ông vội tìm đến Pila Tecnêra; nhưng bà lão lại cũng báo trước cho ông biết rằng sẽ không tìm thấy nó trước khi trời tạnh mưa và hạn hán liên tục ba năm liền biến bùn lẩy thành bụi đất. Những số liệu có vẻ thâm thuý và không xác thực của lời tiên đoán ấy đã khiến cho Aurêlianô. Sêgundô có cảm giác nó giống như truyện ngụ ngôn có tính chất thông minh muốn buộc ông dừng công việc của mình lại và phải chờ ít nhất là ba năm nữa để thoả mãn những dữ kiện của lời đoán. Điều đầu tiên khiến ông ngạc nhiên đồng thời khiến ông

càng thêm bối rối là sự thực này: từ giường Ucsula đến hàng rào ở sân sau rộng một trăm hai mươi hài mét, đúng hệt như lời đoán của Pila Tecnêra. Phecnanđa sợ rằng ông chồng mình lại điên rồ như người anh em sinh đôi khi bà nhìn ông đăm chiêu tính toán, và còn tệ hại hơn thế nữa, khi ông ra lệnh cho bọn thợ đấu đào sâu thêm một mét nữa ở những lòng mương đã đào. Vì đam mê trong các cuộc đào bới đầy hào hứng - sự đam mê này hoàn toàn có thể so sánh với sự đam mê của cụ cố nội khì cụ đi tìm con đường của những phát minh lớn - Aurêlianô Sêgunđô gầy tọp đi và do đó sự giống nhau như đúc với người anh em sinh đôi trước đây lại càng thêm đậm nét hơn, không chỉ do hình hài ông hao gầy đi mà còn do cái vẻ xa lạ và thái độ trầm tư của ông nữa. Ông không lo lắng quan tâm đến bọn trẻ. Ông ăn vào bất cứ lúc nào, ngay cả khi người ông lấm lem bùn đất từ chân lên tận đầu, ông ngồi ăn ngay trong xó bếp và hầu như không trả lời những câu hỏi bâng quơ của Santa Sôphia đê la Piêđat. Vì thấy ông làm lụng trong hình thức khổ cực ấy, mà chưa bao giờ bà dám mơ rằng ông sẽ làm việc hăng say như vậy Phecnanđa tin rằng sự rụt rè của ông lại là sự cẩn thận, rằng tính hám của của ông lại là đức hi sinh, rằng tính ương ngạnh của ông lại là đức kiên trì và tự đáy lòng mình bà ân hận A-rập thuộc thế hệ thứ ba vẫn ngồi ở chính nơi đây và với thái độ của cha ông mình, nghĩa là vẫn trầm tư, hiên ngang, không hề đau đớn trước thời gian và hoạn nạn, vẫn sống và chết như họ đã từng trải qua dịch mất ngủ và ba mươi hai cuộc nội chiến của đại tá Aurêlianô Buênđya. Tâm hồn khoẻ mạnh và kiên trinh của họ trước sự đổ nát của những bàn cờ, những quán ăn, những quán chơi trò bắn súng, và cái ngõ hẻm nơi người ta vẫn đến để xem số và đoán mộng, là hết sức đáng ngạc nhiên đến mức

Aurêlianô Sêgundô với thái độ bông lơn vốn có đã phải hỏi rằng bằng những thủ thuật thần bí nào mà họ không bị chết đuối trong trận mưa lụt vừa qua, cứ y như có bàn tay ma quỷ nào đã giúp cho họ không bị chết chìm, và hết người này đến người khác, từ cửa nhà này sang cửa nhà khác họ đều trả lời ông bằng cái nhìn mơ màng và một nụ cười ranh mãnh, và tất cả không ai bảo ai, đều nói với ông một câu trả lời như sau: Bằng cách bơi. - Có lẽ Pêtra Côtêt là người địa phương duy nhất có trái tim A-rập. Ả tận mắt nhìn thấy những mảnh gỗ cuối cùng của các chuồng gia súc của mình bị nước lụt cuốn đi, nhưng chính ả đã giữ cho ngôi nhà của mình vẫn đứng vững trước mưa sa bão táp Trong năm cuối cùng của thời kì mưa lụt, ả đã nhắc Aurêlianô Sêgundô phải mau mau trở về, và ông này đã trả lời rằng sẽ không trở về nhà ả đâu, rằng ả hãy quên câu hỏi đến bao giờ ông sẽ trở về nhà ả đi, nhưng thế nào ông cũng mang một hòm tiền vàng về để lát nền buồng ngủ của ả. Thế là ả trằn trọc suy nghĩ tự đào bới lòng mình để tìm một sức mạnh ngõ hầu giúp ả sống qua cái đận khó khăn này, và ả đã tìm thấy một tình cảm hờn giận được nung nấu suy nghĩ kĩ, vừa là thứ hờn giận chân chính và với chính tình cảm hờn giận này ả đã thề với lòng mình là sẽ giành lấy bằng được số tài sản đã bị người tình xài phí và bị mưa lụt làm cho khánh kiệt. Đó là một quyết tâm không gì phá vỡ nổi đến mức tám tháng sau khi ả nhắn lời cuối cùng, Aurêlianô Sêgundô trở về nhà và thấy ả xanh rớt, tóc tai bù xù, mắt sâu trũng và da mẩn đỏ loang lổ vì ngứa, thế mà vẫn đang cặm cụi ngồi viết số trên những tờ giấy nhỏ để mở xổ số. Aurêlianô Sêgundô đứng chết lặng, và vì lúc này ông cũng gầy nhom với dáng vẻ trang nghiêm nên Pêtra Côtêt không thể tưởng được rằng người trở lại tìm ả là người tình suốt đời mà lại tưởng rằng

người ấy là người anh em sinh đôi của ông.
- Mình điên rồi sao, - ông nói. - Mình định lấy xương trắng ra mà trả thưởng sao?
Ả vội bảo ông nhìn vào buồng ngủ và Aurêlianô Sêgundô nhìn thấy một con la cái. Nó gầy guộc, chỉ còn da bọc xương như chủ nhân của nó, nhưng nó linh lợi và kiên quyết như bà chủ. Pêtra Côtêt đã nuôi nó bằng chính nỗi hờn giận của mình và khi hết nhẵn cỏ, ngô, rễ cây, ả đã mắt nó vào buồng ngủ của mình, cho nó ăn những tấm ga trải giường bằng phin nõn, những tấm thảm Ba Tư, những chiếc chăn dạ, những tấm rêm nỉ, tấm áo thụng thêu chỉ kim tuyến rồi đến cả những chiếc tua bằng lụa trang trí quanh chiếc giường đức Giáo chủ của ả.
Chú thích:
(1) Tượng đài bề mặt trăng được dựng ngay ở cửa vào của Roda (thuộc Hy Lạp) là một trong bảy kì quan thế giới, đã bị động đất làm sập đổ.
(2) Một thứ hoa nhàu vàng có nhiều ở vùng đất Trung Mỹ quanh biển Caribê.

Chương 17

Ucsula phải cố gắng lắm để thực hiện lời thề nguyện là sẽ chết khi nào trời tạnh ráo. Những tia chớp minh mẫn vốn rất hiếm thấy ở cụ trong những ngày mưa lụt, bắt đầu từ tháng tám lại thường xuyên xuất hiện, đó là khi những cơn gió khô thổi tới làm những khóm hoa hồng nghẹt thở và bùn lầy đông cứng lại, gió tung bụi nóng trên vùng Macôndô, báo phủ mãi những mái tôn hoen gỉ và những cây hạnh đào trăm tuổi. Ucsula khóe vì buồn tủi khi biết rằng đã hơn ba năm qua mình chỉ là trò đùa của lũ trẻ nhỏ. Cụ rửa bộ mặt bôi bác nhoè nhoẹt, vứt bỏ những sợi dây sặc sỡ, những xác thằn lằn và cóc nhái ướp khô cùng những chiếc dây chuyền A-rập giả và cổ xưa mà người ta đã đeo quấn trên mình cụ; và lần đầu tiên từ khi Amaranta chết, cụ ra khỏi chiếc giường mà không cần người giúp đỡ, để lại một lần nữa hoà nhập với cuộc sống gia đình. Ý chí của trái tim bất khuất đã dẫn dắt Ucsula trong cảnh mịt mù. Những ai đã từng dừng lại nhường cho cụ chệnh choạng bước đi và chạm phải cánh tay như tay thánh của cụ thường giơ cao ngang tầm đầu, đều nghĩ rằng cụ khó mà gượng nổi tấm thân nặng nhọc, nhưng vẫn chưa tin. rằng cụ

đã bị mù. Chẳng cần nhìn, Ucsula cũng biết những bồn hoa được trồng rất cẩn thận từ lần đầu tiên xây dựng lại ngôi nhà đã bị mưa và các cuộc đào bới tìm vàng của Aurêlianô Sêgundô huỷ hoại hết, các bức tường và sàn xi măng đã rạn nứt, đồ dùng trong nhà đã bạc màu và rêu rã, các cửa đã lung lay và cả gia đình bị đe doạ bởi một tinh thần yếu đuối mang tính khuất phức và nỗi buồn chán không thể nào có trong những ngày cụ còn chắc chân mạnh tay: Dò dẫm trong những phòng ngủ trống trơn, Ucsula nhận ra tiếng mọt kèn kẹt nghiến gỗ liên tục, tiếng mối rào rào xông hòm quần áo và tiếng ầm ầm khủng khiếp của những con kiến đỏ to sụ, từng sinh sôi nảy nở rất nhanh trong nạn hồng thuỷ, đang đào bới nền móng của ngôi nhà. Một hôm Ucsula mở chiếc hòm đựng đồ lễ thánh và cụ đã phải nhờ Santa Sôphia đê la Piêđat đuổi những con gián vừa từ trong hòm nhảy tung lên khắp người, những con gián ấy đã cắn nát vụn quần áo trong hòm. "Không thể sống trong tình trạng để hoang toàng như thế này được", Ucsula nòi: "Cứ đà này thì chúng ta đến bị những con vật kia nhai sống nuốt tươi mất thôi". Từ dạo ấy Ucsula chẳng có phút nào được nghỉ ngơi yên tĩnh. Cụ dậy từ sớm tinh mơ, đòi một người nào đó giúp đỡ, kể cả trẻ nhỏ. Cụ đem so xống áo còn rất ít ỏi nhưng có thể dùng được ra phơi nắng, dùng thuốc trừ sâu để xua đuổi lũ gián, miết chặt những lô mọt ở cửa ra vào và cửa sổ, dùng vôi sống làm nghẹt thở lũ kiến ở trong hang. Cái bệnh muốn sửa sang nhà cửa khiến Ucsula tìm đến những căn phòng nơi cụ Hôsê Accađiô Buênđya đã vắt óc để chế tạo đá giả kim, sắp xếp lại xưởng kim hoàn đã bị bọn lính xáo trộn lung tung và sau cùng cụ đòi lấy chìa khoá phòng của Menkyađêt để vào xem tình hình ở đó ra sao. Trung thành với ý muốn của Hôsê Accađiô Sêgundô là không để ai

vào phòng một khi chưa có dấu hiệu là mình đã chết, Santa Sôphia đê la Piêđat đã dùng mọi mưu mẹo để đánh lừa Ucsula. Nhưng quyết định của Ucsula không buông tha lũ sâu mọt ngay cả ở những xó kín và những phần vô dụng của ngôi nhà là quyết định không thể thay đổi, nó chiến thắng mọi sự ngăn trở. Và, sau ba ngày kiên quyết đòi hỏi, Ucsula đã buộc mọi người phải mở cửa phòng cho mình. Ucsula phải vịn vào khung cửa để khỏi bị ngã vì mùi tanh hôi, nhưng chưa đầy hai giây sau cụ đã lại nhớ rằng ở đó người ta còn giữ bảy mươi hai cái bô của các nữ sinh, và nhớ rằng vào một trong những đêm mưa đầu tiên một toán lính tuần đã sục sạo ngôi nhà tìm kiếm Hôsê Accađiô Sêgunđô mà chẳng thấy đâu.

- Cầu chúa phù hộ! - Ucsula nói oang oang như thể cụ nhìn thấy tất cả ấy. - Anh cứ khư khư giữ những thói quen tốt đẹp của mình để đến nỗi sống chẳng khác gì một con lợn.

Hôsê Accađiô Sêgunđô tiếp tục xem lại những thứ được ghi chép trên các tấm da thuộc. Chỉ có thể nhìn thấy ở cái đám râu tóc bù xù kia của ông những chiếc răng đầy những vết mốc rêu xanh và đôi mắt đờ đẫn. Nhận ra tiếng cụ cố nội của mình, Hôsê Accađiô Sêgunđô quay đầu về phía cửa sổ, cố mỉm cười và vô tình nhắc lại câu nói xa xưa của Ucsula:

- Cần quái gì kia chứ, - Hôsê Accađiô Sêgunđô lẩm bẩm, - thời gian qua đi mà!

- Đúng thế đấy, - Ucsula nói, - nhưng không đến mức như vậy đâu?

Khi nói thế, Ucsula nhận ra rằng mình đang nhắc lại lời đối đáp của đại tá Aurêlianô Buênđya trong xà lim tử tù, và một lần nữa cụ run lên bởi điều mình cảm nhận dược là thời gian không qua đi mà nó quay vòng. Nhưng ngay lúc đó cụ cũng không chịu nhân nhượng. Ucsula

gắt gỏng với Hôsê Accađiô Sêgundô như với một đứa trẻ và khăng khăng bắt ông phải tắm gội, cạo mặt và góp sức mình vào việc sửa sang nhà cửa. Hôsê Accađiô Sêgundô bị giày vò. Cái ý nghĩ giản đơn về việc phải rời bỏ căn phòng từng đem lại cho mình sự yên tĩnh làm cho Hôsê Accađiô Sêgundô sợ hãi. Ông gào lên rằng chẳng ai có thể làm cho ông ra khỏi căn phòng này, vì ông không muốn nhìn thấy đoàn xe lửa hai trăm toa chở người chết mà cứ chiều đến lại chạy từ Macôndô về phía biển. "Đó là tất cả những người ở ngoài nhà ga", Hôsê Accađiô Sêgundô gào lên như vậy, "ba ngàn bốn trăm lẻ tám người". Đến lúc ấy Ucsula mới biết rằng Hôsê Accađiô Sêgundô ở trong một thế giới mờ mịt sương mù còn khó hiểu hơn cả thế giới của cụ, nó đơn độc và khó phá vỡ như cái thế giới của Hôsê Accađiô Buênđya, cụ cố nội ông.

Ucsula để Hôsê Accađiô Sêgundô ở lại căn phòng đó, nhưng không cho những người khác chốt cửa lại như trước, bắt phải dọn dẹp hàng ngày, vứt những chiếc bô kia vào đống rác, chỉ để lại một chiếc mà thôi, và phải giữ cho Hôsê Accađiô Sêgundô luôn luôn sạch sẽ, đàng hoàng như cụ cố nội trong lúc bị trói dưới gốc cây dẻ. Thoạt tiên, Phecnanđa coi trạng thái hưng phấn đó là sự lẩm cẩm do tuổi già đưa lại, và vất vả lắm bà mới kiềm chế nổi sự cáu bẳn. Nhưng giữa lúc ấy, từ Rôm, Hôsê Accađiô báo cho bà biết là anh ta dự định về Macôndô trước khi phát lời thề nguyện tu hành trọn kiếp, và tin vui đó đã khiến Phecnanđa phấn chấn quá nhiều đến mức hàng ngày, từ tối đến sáng bà tưới hoa bốn lần để con trai mình không có ấn tượng xấu về ngôi nhà. Chính sự kích thích đó đã khiến Phecnanđa vội vàng viết thư liên hệ với các thầy thuốc không thể nhìn thấy, bày lại các chậu cảnh trồng cây dương xỉ, cây kinh giới dại và cây thu hải

đường ở ngoài hành lang, trước khi Ucsula biết rằng tất cả những thứ đó đã bị Aurêlianô Sêgundô đập phá tan tành trong một cơn giận dữ khủng khiếp. Sau đó Phecnanđa bán những bộ đồ ăn bằng bạc rồi mua cốc chén bằng hợp kim; thế là với những đồ dùng này bà đã khiến cho những chiếc tủ vốn đựng đồ sứ của Công ty Ấn Độ và đồ thuỷ tinh Bôhêmia mỗi ngày một trở nên nghèo nàn. Ucsula luôn luôn cố đi thật xa. "Hãy mở tất cả các cửa ra!", cụ gào lên như vậy. "Hãy làm các món ăn bằng thịt và cá, hãy mua những con rùa to nhất; hỡi các vị khách lạ, hãy tới đây bày biện hành lí của mình ở các xó xỉnh, và cứ việc đái vào những bồn hồng, hãy ngồi vào bàn ăn và ăn bao nhiêu bữa tuỳ ý, xin cứ nôn mửa và nói năng không ngớt lời, cứ việc đi ỉng làm bẩn tất cả, muốn làm gì chúng ta thì cứ làm, bởi vì đó là cách duy nhất để tránh khỏi sự khánh kiệt". Nhưng đấy chỉ là một ảo tưởng. Cụ đã quá già rồi, và đã sống một cách quá thừa để nhắc lại những chuyện thần kì về những chiếc kẹo nặn hình con giống, và chẳng có người nào trong đám con cháu kế thừa được nghị lực của cụ. Ngôi nhà tiếp tục đóng kín cửa theo lệnh của Phecnanđa. Sau khi chuyển các hòm xiểng của mình tới nhà Pêtra Côtêt, Aurêlianô Sêgundô tìm ngay cách cứu gia đình khỏi chết đói. Với kết quả của việc mang con la ra để đánh bạc, họ đã mua được một số con vật khác và từ đó họ lập được một sòng xổ số đơn giản. Aurêlianô Sêgundô đi hết nhà này đến nhà khác để bán những chiếc vé xổ số do chính tay mình vẽ bằng cái loại mực màu để có sức hấp dẫn và thuyết phục, và không hay biết rằng rất nhiều người mua những chiếc vé đó là để cho không mà thôi, và phần lớn mua là vì thương hại. Nhưng cũng có những người mua vé để hòng được cơ may: chỉ mất có hai mươi xu mà được một con lợn hoặc ba mươi hai

xu mà được một con bê, những người này phấn chấn với niềm hi vọng, và vào đêm hôm thứ ba họ xúm đông xúm đỏ trong sân nhà Pêtra Côtêt chờ đợi cái giây phút một đứa trẻ nào đó được chỉ định một cách ngẫu nhiên, rút từ trong túi ra con số trúng thưởng. Chẳng bao lâu sau, trò xổ số đó trở thành một chợ phiên hàng tuần, vì ngay từ buổi chiều những chỗ ăn nhậu đã được tổ chức trong sân và nhiều người trong số những người may mắn trúng giải lại mất những con vật được thưởng đó để được nghe nhạc và uống rượu, vì thế, mặc dù bản thân chẳng muốn, Aurêlianô Sêgundô lại một lần nữa chơi phong cầm và tham gia những cuộc chè chén nho nhỏ. Những bữa ăn nhậu xoàng xĩnh này so với những ngày hội hè trước đây khiến cho Aurêlianô Sêgundô nhận ra rằng tinh thần của mình đã suy sụp khá nhiều và cái tài nhảy nhót hát hò xuất chúng của mình cũng đã giảm sút biết bao. Ông là người đã thay đổi hoàn toàn. Cái hồi mà Aurêlianô Sêgundô bị "Voi cái" đánh bại, ông nặng đến một trăm hai chục ki lô, bây giờ chỉ còn bảy mươi tám kí thôi; khuôn mặt ông trước đây đầy đặn như mu rùa bây giờ trông hốc hác như mặt kì nhông, và ông luôn luôn có vẻ chán chường mệt mỏi. Nhưng Pêtra Côtêt lại thấy chưa bao giờ Aurêlianô Sêgundô khá được như lúc này, có thể là bà lẫn lộn giữa tình yêu và lòng thương đối với ông, và cảnh khốn khó đã làm nảy sinh tình cảm gắn bó giữa hai người. Lúc này chiếc giường mất rèm che không còn là nơi diễn ra các cuộc truy hoan nữa, mà là nơi họ bàn bạc, tâm sự. Chẳng còn những tấm gương phản chiếu vì chúng đã bị bán đi để lấy tiền mua các con vật treo giải xổ số, và cũng hết những thứ lụa là khơi gợi sắc dục vì đã bị con la ăn hết, họ thức rất khuya với sự trong sáng của hai ông bà già mất ngủ để tính toán tiền nong, khoảng thời gian ấy trước đây thường bị

họ phung phí vào việc tiêu hao sức lực. Đôi khi, tiếng gà gáy canh một làm họ giật mình giữa lúc đang bỏ vào bớt ra những chồng tiền nho nhỏ, họ lấy ở chỗ này ra một ít rồi đập vào chỗ kia một ít sao cho khoản này đủ làm vui lòng Phecnanđa, khoản kia để mua giày cho Amranta Ucsula, khoản khác dành cho Santa Sôphia đê la Piêđat vì từ ngày bị phá sản đến nay bà chưa hề có một bộ quần áo mới, khoản nữa để đóng quan tài cho Ucsula khi cụ chết, khoản này để mua cà phê với giá mỗi libra(2) cứ ba tháng lại tăng một xu, khoản kia để mua thứ đường mỗi ngày một kém ngọt, khoản khác để mua củi vẫn còn đẫm nước lụt, khoản nọ để mua giấy mực làm vé xổ số, khoản nữa thừa đủ để bù lỗ về cái chết của con bò hồi tháng tư bởi vì nó mắc dịch khi tất cả các vé xổ số đã được bán hết, mà thật may mắn làm sao là họ vẫn còn gỡ lại được bộ da. Những buổi "tụng niệm" ấy thật trong sạch, ở đó luôn luôn dành cho Phecnanđa phần ưu tiên số một, và họ làm như vậy không phải vì sự ăn năn hối hận hay vì lòng bác ái, mà vì tài sản của Phecnanđa đối với họ còn quan trọng hơn tài sản của chính họ nữa kia. Điều có thật xảy ra với hai người mặc dù chẳng ai trong số họ hay biết là cả hai đều nghĩ về Phecnanđa như nghĩ về đứa con gái mà họ hằng ao ước mà không có được, đến nỗi một lần họ đã đành chịu ăn bánh ngô ba ngày liền để có tiền cho Phecnanđa mua một chiếc khăn phủ bàn của Hà Lan. Nhưng, mặc dù họ làm việc cật lực, xoay xở lừa lọc được nhiều tiền và có lắm mưu mô, các vị thần hộ mệnh đã ngủ thiếp đi vì mệt mỏi, trong khi đó họ đang thêm vào bớt ra các khoản tiền ấy, cố gắng tính sao để chí ít cũng có đủ tiền mà sống.
Trong lúc mất ngủ vì những tính toán khổ sở, họ tự hỏi rằng điều gì đã xảy ra trên thế gian khiến cho các loài gia súc không mắn đẻ như

trước đây, tại sao đồng tiền trong tay cứ mất dần đi, tại sao cách đây không lâu người ta đốt hàng nắm tiền trong cuộc khiêu vũ dân gian còn bây giờ thì lại coi việc mua mười hai xu một chiếc vé xổ số hòng được thưởng sáu con gà mái là một sự bạt mạng. Aurêlianô Sêgundô thầm nghĩ rằng nỗi bất hạnh chẳng phải ở nơi nào khác trên thế gian này mà ở một nơi sâu kín trong trái tim bí ẩn của Pêtra Côtêt, nơi đã xảy ra chuyện gì đó trong những ngày mưa lụt khiến cho gia súc không sinh đẻ được và tiền cứ cạn dần đi. Băn khoăn về điều bí hiểm này, Aurêlianô Sêgundô thâm nhập quá sâu vào tình cảm của Pêtra Côtêt đến mức độ vì đi tìm lợi lộc mà lại gặp tình yêu, vì trong khi cố gắng làm cho Pêtra Côtêt yêu mình thì chính Aurêlianô Sêgundô lại yêu người đàn bà đó. Về phía Pêtra Côtêt, bà ta yêu Aurêlianô Sêgundô vì càng ngày càng thấy ông ta âu yếm mình hơn, và thế là giữa mùa thu của cuộc đời, Pêtra Côtêt lại tin vào điều mê tín của thời trẻ cho rằng sự nghèo khó chính là kẻ hỗ trợ cho tình yêu. Lúc ấy họ coi những cuộc hội hè thác loạn, coi sự giàu có xa hoa phù phiếm và sự dầm bôn vô độ là một chướng ngại của cuộc đời, và họ tiếc rằng đã bỏ phí mất bao nhiêu phần đời rồi mới tìm thấy thiên đường của nỗi cô đơn được chia sẻ. Họ yêu nhau như điên như dại sau bao nhiêu năm chung đụng mà không sinh đẻ, họ hưởng thụ tình yêu một cách lạ kì: yêu nhau trong khi ăn cũng như trong khi ngủ, và họ thật hạnh phúc, cho đến khi già nua kiệt sức họ vẫn đùa giỡn như bầy thỏ và trêu chọc nhau như lũ chó. Các cuộc xổ số không bao giờ làm cho họ khá hơn. Thoạt đầu, Aurêlianô Sêgundô để ra ba ngày trong tuần giam mình trong căn phòng trước đây là nơi làm việc của người chăn nuôi gia súc để vẽ hết tờ phiếu này đến tờ phiếu khác, tô cẩn thận một con bò màu đỏ, một con lợn

màu xanh lá cây hoặc một đàn gà màu xanh nước biển, đó là những con vật được treo làm giải thưởng, và bắt chước rất khéo những con chữ của nhà in để làm khuôn in tên vé xổ số, cái tên mà Pêtra Côtêt rất thích "Xổ số của đấng Toàn năng thiêng liêng"… Nhưng rồi Aurêlianô Sêgundô cảm thấy quá mệt mỏi sau khi đã vẽ hai ngàn vé số trong một tuần lễ nên đã làm khuôn bằng cao su để in hình các con vật, tên vé xổ số và các con số, và từ ấy chỉ còn phải làm mỗi một việc nhuộm màu nữa thôi. Trong những năm cuối, họ nghĩ ra cách thay thế các con số bằng những câu đố và như vậy là giải thưởng được đem chia cho tất cả những người đoán đúng, nhưng cách làm đó rất phức tạp và gây nhiều ngờ vực nên sau đó bị họ bỏ đi.

Aurêlianô Sêgundô mải lo củng cố tín nhiệm cho xổ số của mình, nên không còn thời gian để quan tâm đến lũ trẻ. Phecnanđa đưa Amaranta Ucsula đến một trường tư nhỏ, nơi người ta không nhận quá sáu học trò, nhưng lại không cho Aurêlianô đi học trường công. Phecnanđa cho rằng để Aurêlianô ra khỏi phòng đã là nhân nhượng lắm rồi. Hơn nữa, thời ấy các trường học chỉ nhận những em bé là con hợp pháp của các cặp vợ chồng theo đạo Cơ đốc, mà trên tờ giấy khai sinh được buộc ở áo của Aurêlianô khi người tá mang chú về nhà có xác nhận rõ rằng chú là đứa trẻ vô thừa nhận. Vậy là chú bé chỉ sống quẩn quanh ở trong phòng. Do sự chăm sóc nhân hậu của Santa Sôphia đê la Piêđat và do sự mất thăng bằng về thần kinh của Ucsula, Aurêlianô nhận thức thế giới nhỏ hẹp của ngôi nhà này theo sự giảng giải của những cụ cố này. Aurêlianô là một chú bé mảnh mai, kiêu kì, tò mò, một thứ tò mò dễ làm người lớn nổi giận nhưng ánh mắt chú long lanh mà lại lơ đễnh chứ không như ánh mắt

dữ dằn và nhiều khi rực sáng của đại tá khi ngài ở độ tuổi chú. Trong khi Amaranta ở nhà trẻ thì Aurêlianô tìm bắt giun và hành hạ lũ sâu bọ ngoài vườn. Nhưng có một lần Phecnanđa bắt gặp chú đang nhét bò cạp vào hộp để bỏ vào chiếu của Ucsula, bà liền bắt chú về phòng ngủ cũ của Mêmê. Ở đó, để rút ngắn những giờ phút đơn độc, chú xem đi xem lại các tờ tranh ảnh minh hoạ trong cuốn bách khoa toàn thư. Một buổi chiều, khi Ucsula cầm bó cây tầm ma rảy nước mát cho căn nhà thì gặp Aurêlianô ở đấy, và mặc dù đã ở bên cạnh chú nhiều lần, cụ vẫn hỏi chú là ai.

- Cháu là Aurêlianô Buênđya, - chú nói.

- Ờ phải rồi, - cụ nói, - đã đến lúc cháu bắt đầu học nghề kim hoàn rồi đấy.

Ucsula lại lẫn chú với con trai mình bởi vì những cơn gió nóng tiếp theo những ngày mưa lụt từng đem lại cho cụ những tia chớp minh mẫn bất ngờ, nay đã thôi không thổi nữa. Lí tính của cụ không hồi phục được. Khi vào phòng ngủ, Ucsula gặp Pêtrônila Igoaran mặc chiếc váy xòe vướng víu và đeo chiếc túi nhỏ đang chờ khách đến chơi theo lời hẹn, gặp bà của mình là Trankilina Maria Miniata Alacôkê Buênđya đang ngồi trên chiếc ghế dành cho người bại liệt và quạt bằng một chiếc lông công, gặp cụ ông của mình là Aurêlianô Accađiô Buênđya với chiếc áo khoác bắt chước theo kiểu áo của những người lính gác của Phó vương, gặp cha mình là Aurêlianô Igoaran, người đã nghĩ ra câu niệm chú khiến cho các loại sâu bọ hại bò bị chết thiêu, gặp bà mẹ nhút nhát của mình, gặp người anh họ có đuôi lợn, gặp Hôsê Accađiô Buênđya với những người con đã chết của ông, tất cả đều ngồi trên những chiếc ghế đặt dựa vào tường, cứ như họ đang ở trong một đám viếng người chết chứ không phải trong

một cuộc gặp gỡ thăm hỏi. Ucsula vừa khâu vội khâu vàng chiếc áo màu sặc sỡ vừa bàn luận về các sự kiện xảy ra ở những nơi khác nhau và ở những thời điểm khác nhau; vậy là khi Amaranta Ucsula từ trường về và Aurêlianô đã mệt mỏi với bộ bách khoa toàn thư, thì họ thấy cụ đang ngồi nói chuyện một mình trên giường và chìm đắm trong một trận đồ bát quái của những người đã chết. "Cháy!", có một lần Ucsula hét lên khủng khiếp khiến cả nhà được một phen hoảng hồn, nhưng đó là cụ đang nói về đám cháy ở một trại ngựa bốn mươi năm về trước. Cứ như vậy, Ucsula lẫn lộn giữa quá khứ và hiện tại, cho đến trước lúc chết tuy hai hoặc ba lần những tia chớp minh mẫn xuất hiện ở cụ, nhưng những lúc đó cũng chẳng ai biết chắc chắn rằng cụ nói về điều mình đang cảm nhận hay là nói về điều mình đang nhớ lại. Mỗi ngày Ucsula một choắt lại, một gày nhom, một khô đét thêm đến mức vài tháng trước khi chết cụ chỉ như một trái mận lọt thỏm trong chiếc áo rộng, và cánh tay trước kia thường giơ cao lúc đó chỉ giống như tay khỉ.

Ucsula không động đậy trong vài ngày. Santa Sôphia đê la Piêđat phải đến tận nơi để xem cụ còn sống hay không và đặt cụ lên đùi để cho uống vài thìa nhỏ nước đường. Lúc ấy Ucsula giống như một bà lão vừa mới chào đời. Amaranta Ucsula và Aurêlianô ẵm cụ từ chỗ này đến chỗ khác trưởng phòng ngủ và đặt cụ lên bàn thờ để xem cụ có lớn hơn Chúa hài đồng hay không, và một buổi chiều chúng đem giấu cụ vào trong một chiếc hòm đựng thóc, nơi lũ chuột có thể ăn thịt cụ. Một ngày chủ nhật, trong khi Phecnanđa đang cầu kinh, Amranta Ucsula và Aurêlianô vào phòng ngủ, túm lấy gáy và cổ chân Ucsula, khiêng cụ đi.

- Cụ cố thật tội nghiệp, - Amaranta Ucsula nói, - cụ đã chết vì tuổi già!

Ucsula giãy lên:
- Ta còn sống đây!
- Thấy chưa, - Amaranta Ucsula nín cười và nói, - ngay cả hơi thở cung chẳng còn.
- Ta đang nói đây! - Ucsula gào lên.
- Nói đâu mà nói, - Aurêlianô bảo - Cụ cố chết như một con dế nhỏ ấy.

Lúc đó Ucsula đành chịu. "Trời ơi!", Ucsula thầm kêu: "Vậy ra đây là cái chết". Ucsula bắt đầu đọc lời cầu nguyện không dứt, vội vã và sâu sắc, lời nguyện cầu kéo dài tới hơn hai ngày, và hôm thứ ba thì biến thành sít pha tạp giữa lời cầu Chúa với những lời chỉ bảo thiết thực để cho những con kiến đỏ không làm đổ ngôi nhà, để ngọn đèn ở trước tấm ảnh của Rêmêđiôt không bao giờ tắt, để mọi người hãy giữ gìn không để bất kì người nào trong dòng họ Buênđya lấy người cùng chung huyết thống, bởi vì những cuộc hôn nhân như vậy sẽ cho ra đời những đứa con có đuôi lợn. Aurêlianô Sêgunđô cố lợi dụng tình trạng mê sảng của Ucsula để cụ nói cho biết nơi chôn cất vàng, nhưng lại một lần nữa những lời van nài ấy không có kết quả. "Khi nào chủ của số vàng ấy xuất hiện, - Ucsula nói, - thì trời sẽ chiếu sáng để người ấy nhìn thấy". Santa Sôphia đê la Piêđat thì tin chắc rằng chỉ một sớm một chiều là Ucsula sẽ chết thôi, vì trong những ngày đó bà đã nhìn thấy điềm gở của trời đất: những bông hồng lại có mùi hương của loài rau muối, một quả bí đựng hạt đậu xanh rơi xuống đầu bà và những hạt dậu ở trên nền nhà nằm theo một trật tự hình học hoàn chỉnh và có hình con sao biển, rồi một đêm bà thấy có một hàng đĩa màu da cam rực sáng bay ngang trời. Ucsula chết vào sáng sớm ngày thứ năm lễ thánh. Lần cuối cùng mà

người ta giúp cụ tính tuổi thọ, dựa vào những năm tháng của Công ty chuối, đã ước tính rằng cụ đã sống khoảng từ một trăm mười lăm đến một trăm hai mươi hai năm. Người ta đặt Ucsula trong một chiếc hộp nhỏ để đưa đi chôn cất, cái hộp ấy có lẽ không lớn hơn cái làn mà người ta đã xách Aurêlianô về nhà thuở chú mới sinh; và có rất ít người đưa đám Ucsula, một phần vì chẳng mấy ai nhớ đến cụ, phần nữa vì trưa hôm ấy trời nóng quá, nóng đến mức những con chim lạc đường bay bổ nhào cả vào tường, làm rách các tấm lưới kim loại ở cửa sổ, chui tọt vào phòng ngủ và chết trong đó. Thoạt tiên, người ta tin rằng đó là một nạn dịch hạch. Những bà nội trợ mệt nhoài vì phải quét dọn xác chim, nhất là vào lúc giữa trưa, còn đàn ông thì đem hàng xe bò những xác chim ấy quẳng xuống sông. Trong ngày chủ nhật lễ phục sinh, từ trên bục lễ vị cha cố trăm tuổi Antôniô Isaben quả quyết rằng những con chim kia chết do ảnh hưởng xấu xa của quỷ dữ Giuđiô Erantê(2) mà chính cha đã nhìn thấy đêm hôm trước. Vị cha cố ấy miêu tả nó như là đứa con lai giữa một con dê đực với một người đàn bà phản đạo, đó là một con quỷ sứ mà hơi thở của nó thiêu đốt không khí, nó đi đến nơi nào thì những cô gái mới lấy chồng ở nơi ấy sẽ mất khả năng thai nghén. Chẳng mấy ai chú ý đến bài thuyết giảng về ngày khải huyền của cha, vì dân làng tin rằng tuổi tác già nua đã khiến cha nói năng nhảm nhí. Nhưng sáng sớm hôm thứ tư một phụ nữ đã đánh thức mọi người dậy, vì bà ta đã thấy những dấu vết của một con vật hai chân có móng guốc. Những dấu vết quá ư rõ ràng và không thể nhầm lẫn được, đến mức những người tới xem chúng không nghi ngờ gì về sự tồn tại của một con vật đáng sợ giống hệt như vị cha cố miêu tả, và họ cùng nhau đặt bẫy trong các sân vườn nhà mình. Thế rồi họ bắt

được nó. Hai tuần lễ sau khi Ucsula chết, Pêtra Côtêt và Aurêlianô Sêgundô giật mình tỉnh thức khi nghe thấy tiếng gào khóc của một con bê từ gần đó vẳng lại.

Khi họ dậy thì đã thấy một đám người đang gỡ con quái vật khỏi những chiếc chông nhọn cắm dưới đáy một cái hố được phủ lá khô ở trên. Con vật không còn kêu được nữa rồi. Tuy nó không cao hơn một đứa trẻ, nhưng nặng như một con bò, và từ các vết thương, một chất máu nhờn màu xanh chảy ra. Trên mình con vật ấy phủ kín một lớp lông thô cứng mà rậm rạp, da nó đã hỏa đá bởi một lớp vảy cá ép; nhưng khác với sự miêu tả của cha cố, các bộ phận của cơ thể con vật ấy giống các bộ phận cơ thể của một vị thần gầy yếu hơn là của con người, vì đôi tay nó nhẫn nhụi và khéo léo, đôi mắt mở to và mờ ảo, và trên bả vai có những vết chai sẹo là dấu vết của một đôi cánh to khỏe đã bị rìu chặt đi. Người ta cột chân nó vào một cây hạnh đào ở bãi đất rộng để mọi người đều được nhìn thấy, và đến khi nó bắt đầu thối rữa thì họ đem thiêu trên giàn lửa bởi lẽ không thể xác định được bản chất của nó thuộc loài vật hay thuộc một con chiên của đạo Cơ đốc, để có cách xử lí thích hợp: quẳng xác nó xuống sông hay là đem mai táng. Chẳng bao giờ biết chắc rằng có phải đúng nó đã làm những con chim kia chết hay không, nhưng số người đàn bà vừa mới lấy chồng đã không có thai và cái nóng cũng chẳng giảm đi.

Cuối năm đó Rêbêca chết. Arhêniđa, người suốt đời ở cho Rêbêca, nhờ nhà đương cục giúp đỡ để phá cửa phòng ngủ, nơi thấy Rêbêca nằm trên một chiếc giường đơn độc, mình co quắp trong miệng. Aurêlianô Sêgundô mai táng cho Rêbêca và cố gắng tu sửa nhà cửa để bán đi, nhưng ngôi nhà đã bị hư hại quá nặng đến mức các bức

tường đã hỉ lở vỡ ngay sau khi sởn những cây vạn niên thanh làm hỏng các cột trụ.

Tất cả sự phá sản đã diễn ra như vậy từ khi mưa lại. Sự lười biếng của mọi người được chứng nghiệm bằng sự lãng quên gậm nhấm dần những kỉ niệm một cách không thương tiếc, đến mức độ cao nhất là trong thời gian ấy, vào dịp kỉ niệm ngày kí hiệp định Neclanđia, mấy vị đại diện của Tổng thống nước cộng hoà đến Macôndô để trao tặng tấm huân chương từng nhiều lần bị đại tá Aurêlianô Buênđya khước từ đã phải mất trọn một buổi chiều kiếm người chỉ cho biết nơi có thể tìm thấy một người nào đó thuộc dòng dõi của đại tá. Aurêlianô Sêgunđô háo hức nhận tấm huân chương đó vì tin rằng nó bằng vàng, nhưng trong khi các vị đại diện của Tổng thống chuẩn bị dàn nhạc và diễn văn cho buổi lễ, Pêtra Côtêt đã thuyết phục ông rằng làm như vậy là nhục nhã. Cũng vào thời gian ấy, những người digan trở lại, đó là những người cuối cùng kế thừa được khoa học của Menkyađêt, họ thấy thôn xóm quá xơ xác và dân làng quá biệt lập với thế giới bên ngoài, đến mức họ lại vào từng nhà và kéo theo những thỏi sắt đã nhiễm từ, cứ như thể những thỏi sắt ấy thật sự là phát hiện mới nhất của các nhà thông thái xứ Babilon, họ lại dùng thấu kính hội tụ khổng lồ để tập trung ánh sáng mặt trời; và chẳng phải là không có người há hốc mồm nhìn những chiếc xoong bị đổ và những chiếc chảo lăn lông lốc, cũng chẳng thiếu gì kẻ bỏ ra năm mươi xu để kinh ngạc trước việc một cô gái digan tháo hàm răng giả ra rồi lại lắp vào. Một đoàn xe lửa xộc xệch màu vàng chẳng chở ai đến cũng chẳng chở ai đi và hầu như không dừng lại ở một nhà ga vắng vẻ, đó là hình ảnh duy nhất còn lại của một đoàn tàu đông người - ở đó, ngài Brao giữ một toa có mái che bằng kính

và những chiếc ghế bành như ghế của Giáo chủ - và của những đoàn tàu chở hoa quả gồm một trăm hai chục toa mà chiều nào cũng chậm chạp chạy qua đây hết đúng một buổi chiều. Các vị đại diện của toà án đi xác minh tin tức về cái chết lạ lùng của những con chim và cái chết của con quỷ Giuđiô Erantê đã gặp cha cố Antôniô Isaben đang chơi trò bịt mắt bắt dê với lũ trẻ nhỏ, họ cho rằng thông báo của cha là sản phẩm của sự lẩm cẩm của tuổi già, nên đã đưa cha về một trại an dưỡng. Sau đó không lâu người ta phái cha Augustô Anhên về. Đó là một người lính thập tự chinh mới được đào luyện, một người kiên quyết, dũng cảm và liều lĩnh, muỗi ngày tự tay kéo chuông vài lần để tinh thần khỏi trì trệ, đi từ nhà này qua nhà khác để đánh thức những kẻ ngủ quá nhiều dậy đi lễ; nhưng chưa được một năm thì cha cũng bị gục vì đã hít thở phải những uế tạp trong không khí, vì bụi nóng đã làm cha già xọm và đi đứng khó khăn, vì món thịt băm viên của những bữa cơm trưa trong cái nóng không thể chịu nổi đã làm cha mắc chứng ngủ gà ngủ gật.

Từ khi Ucsula chết, ngôi nhà lại rơi vào tình trạng bị bỏ hoang không gì có thể khắc phục được, kể cả một ý chí rất kiên trì và mạnh mẽ như của Amaranta Ucsula, người mà nhiều năm sau đó, vì là một phụ nữ cởi mở, vui tươi, và thời thượng, gắn bó với xã hội bên ngoài, đã mở rộng cửa để tránh sự suy sụp, sửa sang lại vườn hoa, diệt lũ kiến đỏ giữa ban ngày ban mặt dám bò ra tận hành lang, và cố gắng làm thức dậy tinh thần hồ hởi hiếu khách đã bị lãng quên. Nỗi đam mê mang màu sắc tu viện của Phecnanđa đã dựng cả một con đê vững chắc trước cuộc đời trăm năm sôi động ào ạt như thác nước của Ucsula. Phecnanđa chẳng những không mở cửa ra vào khi cơn gió nóng đã qua mà còn lấy then gỗ cài chặt cửa sổ lại, làm theo lời

dặn của cha thánh thần, tức là bà đã tự chôn mình giữa cuộc đời. Việc thư từ liên lạc đầy tốn kém với các thầy thuốc không thể nhìn thấy đã thất bại. Sau rất nhiều lần trì hoãn, vào một ngày giờ thích hợp, Phecnanđa đã tự giam mình trong phòng ngủ, chỉ đắp một chiếc khăn trắng, quay đầu về hướng bắc, và lúc một giờ sáng bà cảm thấy người ta phủ lên mặt mình một chiếc khăn thấm nước lạnh. Khi Phecnanđa thức dậy mặt trời đã chiếu sáng cửa sổ, và trên mình bà có một đường khâu chạy suốt từ bẹn lên đến chỗ xương mỏ ác. Nhưng trước khi thực hiện sự yên nghỉ theo dự kiến, Phecnanđa đã nhận được một bức thư khó hiểu của các thầy thuốc không thể nhìn thấy, trong thư họ nói rằng đã khám nghiệm bà trong suốt sáu giờ đồng hồ nhưng chẳng thấy những triệu chứng mà nhiều lần bà đã miêu tả tỉ mỉ. Quả thật, thói quen không gọi sự vật bằng cái tên của nó của Phecnanđa là một thói quen có hại, nó chính là nguồn gốc của một sự lầm lẫn mới, bởi vì các nhà giải phẫu viên cảm chỉ thấy bà bị sa tử cung thôi và có thể chữa bằng một chiếc vòng treo. Phecnanđa muốn có một thông báo cụ thể, nhưng những người viết thư không quen biết kia không viết thêm cho bà nữa. Quá băn khoăn về một từ lạ, Phecnanđa đã vượt qua sự ngượng ngùng, đánh bạo hỏi xem vòng treo tử cung là cái gì, nhưng cho đến lúc ấy bà mới biết rằng ba tháng về trước ông thầy thuốc người Pháp đã treo cổ trên xà nhà và được một chiến hữu cũ của đại tá Aurêlianô Buênđya mai táng, trái với ý muốn của dân làng. Phecnanđa đành phải trông cậy anh con trai mình, Hôsê Accađiô, và anh ta đã gửi từ Rôm về cho bà những chiếc vòng kèm tờ chỉ dẫn mà bà đã giấu biệt sau khi học thuộc lòng để không ai biết thực trạng bệnh tật của mình. Cẩn thận như vậy là vô ích, bởi vì những người sống trong ngôi nhà này hình

như chẳng hề quan tâm đến điều ấy. Santa Sôphia đê la Piêđat sống trong tuổi già cô quạnh, bà nấu nướng thức ăn cho cả nhà, và dường như dành tất cả sức lực cho việc chăm sóc Hôsê Accađiô Sêgunđô. Amaranta Ucsula, người thừa kế những vẻ quyến rũ của Rêmêđiôt - Người đẹp lo dành toàn bộ thời gian cho việc học hành mà trước đây cô thường lãng phí vào việc trêu chọc Ucsula, bắt đầu tỏ ra có ý thức tốt và cố gắng trong học tập, điều đó làm hồi sinh những hi vọng tốt đẹp mà Mêmê đã khơi gợi lên ở Aurêlianô Sêgunđô. Aurêlianô Sêgunđô đã hứa là sẽ gửi cô sang Bruxen để học tiếp, theo tập quán của thời kì Công ty chuối, và mộng ước đó đã khiến ông cố công phục hoá số ruộng đất từng bị mưa lụt tàn phá. Hồi ấy, rất ít khi người ta thấy Aurêlianô Sêgunđô ở nhà. Ông đi làm việc vì Amaranta Ucsula, vậy nên đối với Phecnanđa ông đã trở thành một người khác lạ. Còn Aurêlianô càng đến tuổi phát dục càng xa lánh mọi người và đăm chiêu suy tư hơn. Aurêlianô Sêgunđô tin rằng tuổi già sẽ làm mềm dịu trái tim của Phecnanđa, để Aurêlianô có thể hoà mình vào cuộc sống của một làng mà ở đó chắc chắn sẽ không có ai mất công tìm hiểu gốc gác của chú. Nhưng chính Aurêlianô lại thích sống tự giam mình trong nỗi cô đơn và chẳng tỏ ra có một chút thích thú nào với việc làm quen thế giới bên ngoài khung cửa. Khi Ucsula mở cửa phòng Menkyađêt, Aurêlianô cứ lượn lờ xung quanh, tò mò nhìn cánh cửa khép hờ, và chẳng ai biết rằng quan hệ thân mật qua lại giữa chú và Hôsê Accađiô Sêgunđô đã nảy sinh từ lúc nào. Mãi về sau, khi nghe Aurêlianô nói về vụ thảm sát ở nhà ga xe lửa, Aurêlianô Sêgunđô mới phát hiện ra quan hệ đó. Số là, một hôm trong bữa ăn, có người nào đó than vãn về sự suy sụp và chìm đắm của làng xóm khi bị Công ty chuối bỏ rơi, và Aurêlianô đã bác bỏ ý

kiến đó với sự chín chắn và cách nói năng của người lớn. Theo quan điểm của chú đối lập với cách hiểu của mọi người nói chung, thì trước khi bị Công ty chuối làm cho điêu đứng, suy thoái và sau đó bị áp bức, Macôndô là một vùng giàu có và đang đi lên, và chính các kĩ sư của Công ty chuối đã gây nên nạn lụt để lấy cớ huỷ bỏ hợp đồng với những người lao động. Khi miêu tả với những chi tiết chính xác và có tính thuyết phục việc quân đội bắn chết hơn ba ngàn người bị vây chặt ở nhà ga rồi dùng một đoàn xe lửa hai trăm toa chở xác họ quăng xuống biển, Aurêlianô đã nói rõ ràng đến mức làm cho Phecnanđa có cảm tưởng như chú đang bắt chước Chúa Giêsu một cách vô lễ khi Chúa nói với các tông đồ của mình. Cũng như phần lớn những người khác, tin vào lẽ phải chính thống cho rằng không có chuyện ấy, Phecnanđa đùng đùng nổi giận và bắt Aurêlianô phải ngừng lời vì nghĩ rằng chú đã kế thừa những thói xấu vô chính phủ của đại tá Aurêlianô Buênđya. Ngược lại, Aurêlianô Sêgundô chấp nhận ý kiến của người anh em sinh đôi Hôsê Accađiô Sêgundô. Trên thực tế, mặc dù bị coi là điên dại, Hôsê Accađiô Sêgundô là người sáng láng nhất nhà. Hôsê Accađiô Sêgundô đã dạy chú bé Aurêlianô biết đọc biết viết, hướng dẫn chú bắt đầu nghiên cứu những thứ được ghi chép trên các tấm da thuộc và in sâu vào chú những cách lí giải rất riêng về ý nghĩa của Công ty chuối đối với Macôndô mà nhiều năm sau này, khi đã hoà mình vào cuộc sống chung, Aurêlianô vẫil còn nghĩ rằng Hôsê Accađiô Sêgundô đã kể chuyện huyền thoại, bởi vì nó khác hẳn với sự giảng giải lừa bịp mà các nhà sử học đã thừa nhận và đưa vào các bài giảng ở trường học. Trong căn phòng nhỏ hẹp, nơi không bao giờ có gió khô, bụi đỏ và sự nóng nực, Aurêlianô và Hôsê Accađiô Sêgundô nhớ lại hình ảnh cha truyền con nối về

một ông già đội chiếc mũ cánh quạ đang nói về thế giới ở đằng sau cánh cửa có từ rất nhiều năm trước khi họ ra đời. Cả hai cùng nhận ra rằng ở đó luôn luôn là tháng ba và luôn luôn là ngày thứ hai, cũng khi đó, họ hiểu rằng cụ cố Hôsê Accađiô Buênđya không phải điên dại như những người trong gia đình kể lại, mà là người duy nhất trong gia đình, với trí tuệ khá minh mẫn, đã thấy mơ hồ một chân lí là thời gian cũng bị vấp váp và bị tai nạn, bởi vậy nó có thể tự tan vỡ ra, và để lại trong phòng một mảnh đã được vĩnh cửu hoá. Ngoài ra, Hôsê Accađiô Sêgunđô còn phân loại được những mã chữ ghi trên các tấm da thuộc. Hôsê Accađiô Sêgunđô quả quyết rằng những mã chữ đó thuộc một loại hình văn tự có từ bốn mươi bảy đến năm mươi hai nét chữ cái, khi tách rời ra chúng như những con nhện và những con bọ, và với cách viết nắn nót của Menkyađêt chúng lại giống như những mảnh quần áo phơi trên dây. Aurêlianô nhớ lại rằng chú đã thấy một bảng chữ như vậy trong bộ bách khoa toàn thư của Anh, và thế là chú mang bảng của mình đến phòng để đối chiếu giới bảng của Hôsê Accađiô Sêgunđô. Hai bảng ấy hoàn toàn giống nhau. Trong thời kì mở xổ số với các câu đố, Aurêlianô Sêgunđô thường thức dậy khi bị nghẹn cứng ở cổ họng như thể phải cố nín khóc vậy. Pêtra Côtêt coi đó như là một trong những sự trắc trở do hoàn cảnh xấu đưa lại, và trong suốt thời gian hơn một năm, sáng nào cũng bôi vào vòm họng Aurêlianô Sêgunđô một ít mật ong và cho uống nước củ cải. Khi cái cổ họng sưng tấy lên đến mức gây khó thở, Aurêlianô Sêgunđô tìm đến Pila Tecnêra xem bà lão có biết dùng thứ cỏ gì để chữa hay không. Người bà nội có tính cách cứng rắn ấy, người đã sống đến trăm tuổi ngay trước một nhà chứa bí mật, không tin ở thuốc thang, mà chữa bằng cách bói bài tây. Bà lão thấy một con

ngựa vàng bị thương ở cổ họng vì mũi gươm của con "J" và bói rằng Phecnanđa đang cố lôi chồng trở về nhà bằng một thuật chẳng linh nghiệm gì là đóng đinh ghim lên ảnh chồng, nhưng do một sự hiểu biết ngu dốt về cái thuật xấu xa ấy mà làm cho chồng bị mọc mụn nhọt ở bên trong. Vì không có tấm chân dung nào khác ngoài những tấm hình chụp ngày cưới mà tất cả vẫn nằm trong tập ảnh gia đình, nên nhân những lúc vợ không để ý, Aurêlianô Sêgundô tiếp tục lục lọi khắp nơi trong nhà, cuối cùng ông tìm thấy ở dưới đáy hòm quần áo nửa tá vòng treo tử cung vẫn còn nằm nguyên trong hộp. Tin rằng những chiếc vòng đó là bùa chú, Aurêlianô Sêgundô bỏ một chiếc vào túi rồi mang đến cho Pila Tecnêra xem. Pila Tecnêra không thể xác định được bản chất của nó, nhưng đầy nghi ngờ, bà lão bảo Aurêlianô Sêgundô đưa cả nửa tá vòng ấy đến, rồi đem đốt trên một đống lửa nhóm ở trong sân. Để giải bùa của Phecnanđa, bà lão bảo Aurêlianô Sêgundô đem con gà mái đang ấp nhúng ướt rồi chôn ở dưới gốc cây dẻ; Aurêlianô Sêgundô làm theo lời bà lão với lòng đầy tin tưởng, đến mức ngay sau khi lấy lá khô che phủ chỗ đất mới đào, ông đã cảm thấy dễ thở rồi. Phecnanđa thì còi việc những chiếc vòng treo tử cung kia bị biến mất là sự báo thù của các thầy thuốc không thể nhìn thấy bởi vậy bà khâu một chiếc túi nhỏ ở bên trong chiếc áo khoác để đựng những chiếc vòng mới rnà con trai bà gửi về. Sáu tháng sau khi chôn con gà, một hôm giữa đêm Aurêlianô Sêgundô thức dậy vì một cơn ho và cảm thấy như có những chiếc càng cua đang kẹp xé ở bên trong. Lúc đó Aurêlianô Sêgundô hiểu rằng dù có đất nhiều vòng cao su và nhúng ướt nhiều gà mái đang ấp để giải bùa thì vẫn không tránh khỏi cái sự thật đau buồn cuối cùng là ông đang chết dần. Aurêlianô Sêgundô không nói điều ấy với

ai. Day dứt vì lo rằng chết mà vẫn không kịp gửi Amaranta Ucsula sang học ở Brucxen, Aurêlianô Sêgundô làm việc nhiều hơn bao giờ hết, và nếu trước đây mỗi tuần ông chỉ mở một kì xổ số thì bây giờ mở đến ba kì. Mới sáng sớm đã thấy Aurêlianô Sêgundô đi khắp nơi trong làng, và còn đến tận những xóm hẻo lánh và nghèo nàn nhất, cố gắng bán các vé xổ số, với một khát vọng mà chỉ có thể thấy ở một người hấp hối: "Vé số Đấng Toàn năng linh thiêng đây!", Aurêlianô Sêgundô rao, "đừng bỏ qua vận may trăm năm có một". Aurêlianô Sêgundô cố gắng một cách đầy cảm động, làm ra vẻ vui tươi, hồ hởi và cởi mở, nhưng chỉ nhìn mồ hôi và sắc mặt tái nhợt của ông, cũng biết rằng ông không thể thực hiện được điều mong muốn. Đôi khi Aurêlianô Sêgundô rẽ vào các khu ruộng hoang, ở đó không ai nhìn thấy, ông nghỉ ngơi chốc lát để giảm bớt cơn đau như kìm bóp kẹp ở bên trong. Đến nửa đêm, Aurêlianô Sêgundô vẫn còn ở trong khu gái điếm, cố an ủi những người đàn bà cô đơn đang sùi sụt khóc bên cạnh những chiếc máy hát quay tay, bằng những lời diễn thuyết về vận may: "Số này bốn tháng nay chưa về đấy!". Aurêlianô Sêgundô nói và chìa các vé số ra: "Đừng để vận may đi mất, vì cuộc đời còn ngắn hơn là người ta tưởng!". Aurêlianô Sêgundô không còn được coi trọng nữa, người ta nhạo báng ông, và những tháng sau cùng người ta không gọi ông là Ngài Aurêlianô nữa mà gọi thẳng vào mặt ông là "Đấng Toàn năng linh thiêng". Giọng nói của Aurêlianô Sêgundô ngày một lạc đi và cuối cùng, sau một cơn rống lên như tiếng chó, thì mất hẳn giọng, nhưng Aurêlianô Sêgundô vẫn mong rằng niềm hi vọng của ông không bị tiêu tan trong cuộc mở xổ số ở sân nhà Petra Côtêt. Nhưng vì mất tiếng nói nên Aurêlianô Sêgundô biết rằng chẳng bao lâu nữa ông sẽ không còn chịu đựng

nổi cơn đau, và ông thấy không thể bằng cách mở xổ số với những con lợn, con dê mà con gái ông có thể đi Bruxen, vậy nên ông nảy ra ý định mở xổ số với giải thưởng là miền đất đã bị nạn lụt lội tàn phá, đất đai ấy sẽ được phục hồi do người bỏ nhiều vốn. Đó là một sáng kiến đầy hấp dẫn, đến mức khiến cho ông thị trưởng đả đích thân cùng với một dàn nhạc đi quảng cáo, và người ta đã vào hội với nhau để mua xổ số với giá mỗi vé một trăm pêxô, do đó vé đã được bán hết trong thời gian chưa đầy một tuần. Trong đêm mở xổ số những người trúng thưởng tổ chức một cuộc vui linh đình có thể so sánh với những cuộc hội hè trong thời kì tốt đẹp nhất của Công ty chuối, và đêm ấy là lần cuối cùng Aurêlianô Sêgunđô biểu diễn những bài hát bị lãng quên của cụ Phranxiscô - Con Người bằng đàn phong cầm, ông không thể hát được nữa rồi.
Hai tháng sau đó, Amaranta Ucsula sang Bruxen, Aurêlianô Sêgunđô chẳng những đưa cho con gái số tiền thu được trong cuộc xổ số đặc biệt mà còn đưa cả tiền tiết kiệm trong mấy tháng trước đó cùng một ít tiền bán đàn pianô tự động, đàn tiểu phong cầm, và một vài đồ vật cũ. Theo Aurêlianô Sêgunđô tính toán thì số vốn đó đủ để Amaranta Ucsula ăn học, vậy là chỉ còn thiếu tiền mua vé trở về nữa thôi. Phecnanđa chống lại chuyến đi đó, bà bực bội vì nghĩ rằng Bruxen ở quá gần cái thành phố Paris đồi truỵ, nhưng cuối cùng, bà đã yên lòng khi xem bức thư của cha Anhen gửi một nhà trọ dành cho những thanh niên theo đạo Thiên chúa, nhà trọ ấy do những người phụ nữ có đạo trông nom, và Amaranta Ucsula đã hứa là sẽ ở đó cho đến khi học xong. Hơn nữa, vị cha cố còn tạo cơ hội cho Amaranta Ucsula đi cùng một nhóm nữ tu sĩ dòng Phranxiscô, những người này đến Tôlêđô, ở đó họ hi vọng gặp được người có thể tin tưởng để

gửi gắm cô ta sang Bỉ. Trong khi sự liên hệ được gấp rút thực hiện để có thể phối hợp được như vậy thì Aurêlianô Sêgundô, với sự giúp đỡ của Pêtra Côtêt, lo sắp xếp hành trang cho Amaranta Ucsula. Vào buổi tối mà họ sắp xếp một trong những chiếc rương đựng đồ cưới của Phecnanđa, mọi chuyện đã được chuẩn bị kĩ càng đến mức cô học sinh Amaranta Ucsula nhớ như in chỗ nào để bộ lễ phục và đôi dép nhung dùng khi qua Đại Tây Dương, chỗ nào để chiếc áo khoác bằng len dày màu xanh có khuy đồng cùng đôi giày da dê dùng khi cập bến. Amaranta Ucsula còn biết cách đi như thế nào để khỏi ngã xuống nước khi leo lên bờ, rằng không lúc nào được rời các nữ tu sĩ hoặc ra khỏi phòng ngủ trên tàu nếu không phải là di ăn, rằng khi ở ngoài biển khơi không được trả lời bất kì câu hỏi nào của bất kì ai, kể cả đàn ông và đàn bà. Cô mang theo một lọ thuốc để chống say sóng và một cuốn sổ có sáu câu cầu nguyện để tránh bão tố, do chính cha Anhen viết. Phecnanđa may cho cô một chiếc thắt lưng bằng vải bạt để đựng tiền và chỉ dẫn cho cô cách dùng, dặn cô luôn luôn buộc nó vào người, không lúc nào được tháo ra, kể cả khi ngủ cũng vậy. Phecnanđa còn định cho cô một chiếc bô nhỏ bằng vàng đã được tráng kiềm và tẩy rửa bằng cồn, nhưng Amaranta Ucsula không nhận vì sợ rằng các bạn gái ở trường sẽ chế nhạo. Vài tháng sau, vào lúc sắp qua đời, Aurêlianô Sêgundô còn nhớ lại lần cuối cùng ông nhìn thấy Amaranta Ucsula khi cô đang cố hạ tấm kính cửa sổ bám đầy bụi ở một toa hạng hai để nghe những lời căn dặn cuối cùng của Phecnanđa, nhưng không hạ được. Hôm đi, Amaranta Ucsula mặc bộ lễ phục bằng lụa hồng với một chùm hoa giả nho nhỏ cài trên cầu vai bên trái, đi đôi giày da dê gót thấp có dây thắt, đôi bít tất với những dây nịt bằng cao su nổi bật trên bắp chân. Amaranta Ucsula

có thân hình thon thả, mái tóc dài buông toả và đôi mắt linh lợi như mắt Ucsula khi bà ở tuổi cô. Lúc từ biệt, Amaranta Ucsula không khóc cũng không cười, điều đó cũng biểu lộ tính vững vàng như tính cách của Ucsula. Đi bên cạnh toa lúc tàu chuyển bánh, vịn vào cánh tay Phecnanđa để khỏi vấp ngã, Aurêlianô Sêgunđô vẫn còn có thể giơ một tay lên chào lại khi con gái ông đưa ngón tay lên miệng gửi cha chiếc hôn giã từ. Vợ chồng Aurêlianô Sêgunđô ngồi yên dưới ánh nắng gay gắt và nhìn theo đoàn tàu cho đến khi nó chỉ còn như một chấm nhỏ ở phía chân trời, và lúc ấy, lần đầu tiên kể từ ngày cưới, họ ôm lấy cánh tay nhau.

Ngày mồng chín tháng tám, trước khi có thư từ Bruxen gửi về, Hôsê Accađiô Sêgunđô trò chuyện với Aurêlianô trong phòng của Menkyađêt và bỗng nói bâng quơ:

- Hãy luôn luôn nhớ rằng họ, hơn ba ngàn người, đã bị quăng xuống biển đấy!

Sau đó Hôsê Accađiô Sêgunđô gục xuống những tấm da thuộc đầy chữ và chết với đôi mắt vẫn mở to. Cùng lúc đó, trên giường của Phecnanđa, người anh em sinh đôi của ông đã không còn phải chịu đựng nỗi đau kéo dài như thể do những chiếc càng cua bằng thép kẹp chặt một cách khủng khiếp trong cổ họng gây nên nữa. Một tuần trước đó, để thực hiện lời nguyền là sẽ chết bên cạnh vợ, Aurêlianô Sêgunđô đã trở về nhà, nói không được, thở không được, dường như chỉ còn da bọc xương, mang theo về những chiếc hòm của kẻ lang thang nay đây mai đó và chiếc phong cầm cũ kĩ. Pêtra Côtêt đã giúp ông thu dọn quần áo để mang về, và đã đưa tiễn ông mà không hề nhỏ một giọt nước mắt, nhưng lại quên không đưa cho Aurêlianô Sêgunđô đôi ủng da mà ông muốn được bỏ vào quan tài của mình.

Đến khi biết rằng Aurêlianô Sêgundô đã chết, Pêtra Côtêt liền mặc một bộ đồ đen và lấy báo gói đôi ủng lại, đến xin phép Phecnanđa vào viếng người quá cố. Phecnanđa không cho Pêtra Côtêt bước qua cửa.

- Bà hãy đặt mình vào địa vị tôi, - Pêtra Côtêt nói, - và bà hãy tưởng tượng xem tôi yêu ông ấy như thế nào để đến nỗi phải chịu sự khổ nhục này.

- Chẳng có sự khổ nhục nào mà lại không xứng với một con ở, - Phecnanđa nói. - Hãy chờ đến khi có một kẻ nào khác trong đám đàn ông ấy chết đi, để mà đặt đôi ủng đó vào quan tài!

Thực hiện lời hứa của mình, Santa Sôphia đê la Piêđat dùng một con dao làm bếp cắt cổ họng Hôsê Accađiô Sêgundô để đảm bảo chắc chắn rằng ông ta không bị chôn khi vẫn còn sống. Hai từ thi được đặt trong hai chiếc quan tài giống nhau, và ở đó người ta thấy họ trở lại giống nhau như đúc cũng như họ từng giống nhau từ thuở lọt lòng đến khi thành niên. Những người trong đám bạn ăn chơi ngày trước của Aurêlianô Sêgundô đặt lên quan tài của ông một vòng hoa đính một dải băng đen mang dòng chữ: "Những con bò cái hãy giạng háng ra, kẻo cuộc đời ngắn lắm!". Phecnanđa rất bực bội với sự bất kính đó và sai quẳng vòng hoa vào đống rác. Trong sự lộn xộn của những giờ phút cuối cùng, khi đưa thi hài hai người ra khỏi nhà, đám thanh niên say rượu và buồn bã đã lầm lẫn quan tài và do đó chôn quan tài người nọ vào huyệt người kia.

Chú thích:

(1) Đơn vị đo trọng lượng, mỗi libra bằng 0.445kg.

(2) Nghĩa: tên Do Thái lang thang.

Chương 18

Trong suốt một thời gian dài Aurêlianô không ra khỏi phòng của Menkyađêt. Chú học thuộc lòng các truyện cổ hoang đường trong cuốn sách đã rách rời, các bản tóm tắt những công trình nghiên cứu của Hecman, một người bại liệt, các chỉ dẫn về khoa quỉ thần học, các điểm mấu chất của loại đá giả kim, và cuốn Những lời sấm truyền… của Nôstrađam và những nghiên cứu của ông về bệnh dịch hạch, bởi vậy, khi đến tuổi trưởng thành chú không hề hiểu biết gì về thời đại mình, nhưng lại có những kiến thức cơ bản của người thời Trung cổ. Lúc nào bước vào căn phòng đó, Santa Sôphia đê la Piêđat cũng thấy chú vùi đầu vào sách vở. Cụ mang cho chú một tách cà phê không đường vào buổi sáng và một đĩa cơm với vài lát chuối rán vào buổi trưa, đó là món ăn duy nhất ở nhà này kể từ khi Aurêlianô Sêgundô mất. Santa Sôphia đê la Piêđat lo việc cắt tóc bắt chấy rận cho Aurêlianô, sửa quần áo cũ trong những chiếc rương đã bị lãng quên cho chú mặc, khi thấy râu ria chú nhú ra, cụ mang dao cạo và chổi bôi xà phòng của đại tá Aurêlianô Buêndya đến cho chú. Chẳng ai trong số những người con của đại tá, kể cả Aurêlianô Hôsê,

lại giống ngài đến như Aurêlianô, nhất là ở đôi gò má cao và đường nét cương nghị có chút vẻ tàn nhẫn của khoé miệng. Trước đây Ucsula tin rằng Aurêlianô Sêgundô thường nói một mình trong khi ngồi học ở trong phòng, bây giờ Santa Saphia đê la Piêđat cũng nghĩ như vậy Thực ra, Aurêlianô nói chuyện với Menkyađêt. Sau cái chết của hai anh em sinh đôi kia, vào một buổi trưa oi ả, qua sự phản chiếu của cánh cửa sổ, Aurêlianô nhìn thấy ông già tang thương với cái mũ cánh quạ, như đó là sự hiện hình cụ thể của một ký ức đã hình thành trong đầu óc chú từ rất lâu trước khi chú ra đời. Trước đó Aurêlianô đã hoàn thành việc phân loại thứ chữ cái viết trên các tấm da thuộc. Khi Menkyađêt hỏi Aurêlianô rằng chú đã biết người ta ghi thứ ngôn ngữ nào trên đó chưa, chú trả lời không chút do dự:

- Tiếng Phạn.

Menkyađêt hé cho Aurêlianô biết rằng mình chẳng còn nhiều dịp trở lại căn phòng này. Nhưng Menkyađêt bình tâm đi đến cái chết vĩnh hằng, bởi vì Aurêlianô có thời gian để học tiếng Phạn trong những năm tháng trước khi các tấm da thuộc kia tròn trăm tuổi và người ta có thể đọc được chúng. Chính Menkyađêt đã chỉ cho Aurêlianô biết rằng ở trên con đường chạy đến bờ sông, nơi ở thời kỳ Công ty chuối người ta thường xem hậu vận và đoán mộng, trong cửa hàng sách của một nhà thông thái người xứ Catalunha có cuốn Sánskrit Primer(l) mà nếu Aurêlianô không mua vội thì chỉ sáu năm sau sẽ bị gián nhấm hết. Lần đầu tiên trong rất nhiều năm tháng đã qua của đời mình, Santa Sôphia đê la Piêđat để lộ một tình cảm, và đó là một tình cảm sững sờ, khi Aurêlianô đòi hỏi cụ mang về cho chú cái cuốn sách nằm giữa tập Giêrudalem giải phóng(2) và tập thơ của Mintôn(3), phía bên phải cùng thuộc hàng thứ hai của giá sách. Vì

không biết chữ nên Santa Sôphia đê la Piêđat học thuộc lòng những lời hướng dẫn đó và cụ chạy tiền bằng cách đem bán một trong mười bảy con cá vàng còn lại ở xưởng kim hoàn mà chỉ có cụ và Aurêlianô biết chúng đã được cất giấu ở chỗ nào trong đêm bọn lính lục soát ngôi nhà.

Aurêlianô tiến bộ trong việc học tiếng Phạn, trong khi đó Menkyađêt ngày một thưa nhạt và xa vời, lẫn dần vào ánh sáng ban trưa rực rỡ. Lần cuối cùng Aurêlianô cảm thấy cụ là lúc Menkyađêt dường như chỉ còn là một cái bóng không thể nhìn thấy đang lầm rầm "Ta đã chết vì bị siết trên những cồn cát ở bờ biển Singapore". Căn phòng lúc đó bỗng trở nên thiếu sức đề kháng trước sự tấn công của bụi bặm và nóng bức, của mọt và kiến, của mối và gián, những con vật từng biến kiến thức trong sách vở và các tấm da thuộc kia thành bụi. Trong nhà không thiếu thức ăn, Aurêlianô Sêgunđô chết hôm trước thì hôm sau một trong những người bạn của ông từng đem tới chiếc vòng hoa với dòng chữ bất kính kia đã trả cho Phecnanđa một khoản tiền mà ông ta nợ chồng bà. Cũng từ hôm ấy một người làm nghề chuyển hàng cứ vào ngày thứ tư lại mang tới một làn thức ăn đủ cho cả một tuần lễ. Chẳng bao giờ có ai biết rằng những thức ăn đó là do Pêtra Côtêt gửi tới với ý nghĩ: bằng cách tỏ lòng thương hại kéo dài, bà sẽ làm khổ nhục người đã từng làm mình khổ nhục. Nhưng sự thù hằn đã tan biến nhanh hơn cả chính Pêtra Côtêt tưởng, và khi ấy bà vẫn tiếp tục gửi thực phẩm tới vì kiêu hãnh, và sau đó vì cảm thương. Có những lần khi Pêtra Côtêt không muốn đi bán vé xổ số nữa và dân chúng cũng đã mất hứng thú với trò cờ bạc ấy, bà đã nhịn để nhường thức ăn cho Phecnanđa, và Pêtra Côtêt luôn luôn thực hiện trách nhiệm gửi thực phẩm chừng nào Phecnanđa chưa

qua đời.

Đối với Santa Sôphia đê la Piêđat, việc giảm số người trong nhà có lẽ cho cụ một sự nghỉ ngơi mà cụ được quyền hưởng sau hơn nửa thế kỷ làm việc. Không bao giờ người ta nghe thấy một tiếng thở than của người đàn bà kín đáo và khó hiểu ấy, người đã gieo vào gia đình này những mầm mống thần thánh của Rêmêđiôt - Người đẹp và sự trịnh trọng bí ẩn của Hôsê Accađiô Sêgunđô, người đã dành cả cuộc đời cô đơn và thẳm lặng của mình vào việc nuôi nấng lũ trẻ mà chúng không nhớ rõ bằng mình là con hay cháu của cụ. Cụ chăm sóc Aurêlianô như thể chú ra đời từ sự mang nặng đẻ đau của mình, và chính cụ cụng không biết rằng mình là cố của chú nữa. Phải ở trong một gia đình như vậy mới có thể nghĩ được rằng Santa Sôphia đê la Piêđat thường ngủ trên một tấm thảm dệt bằng lá cọ trải trên nền nhà kho chứa ngũ cốc, giữa tiếng ếch nhái kêu đêm, và cụ cũng không kể với ai rằng có một đêm cụ đã thức dậy bởi một cảm giác hãi hùng là có ai đó đang nhìn mình trong bóng tối, thì ra đó là một con rắn độc trườn trên bụng cụ. Santa Sôphia đê la Piêđat biết rằng nếu thuở trước cụ kể với Ucsula chuyện đó thì thế nào Ucsula cũng bắt cụ phải ngủ trên giường của mình, nhưng ở thời buổi này chẳng ai để ý đến điều gì nếu cụ không kêu lên ở ngoài hành lang, bởi vì công việc chân tay ở lò bánh, những nỗi hãi hùng về chiến tranh, việc nhăn sóc con cháu khiến cho người ta không còn thời gian để nghĩ đến hạnh phúc của người khác nữa. Chỉ có Pêtra Côtêt, người mà Santa Sôphia đê la Piêđat chưa từng biết mặt, là nhớ đến cụ thôi. Sắm cho cụ một đôi giày đẹp và một bộ lễ phục, đó là món nợ mà Pêtra Côtêt vẫn chưa trả được ngay cả trong những ngày tháng tuyệt vời với khoản tiền do các cuộc xổ số đưa lại. Thuở mới đặt chân đốn nhà

này Phecnanđa có nhiều lý do để tin rằng Santa Sôphia đê la Piêđat là một người làm đày tớ suốt đời, và nếu có một vài lần Phecnanđa nghe nói đó là mẹ chồng mình thì đó cũng là điều rất khó tin, đến mức bà phải mất rất nhiều thời gian mới biết rằng quả đúng như vậy, nhưng chẳng bao lâu bà lại quên đi. Santa Sôphia đê la Piêđat không bao giờ thấy khó chịu với cái vị trí thấp kém đó. Ngược lại, cụ cảm thấy thích thú với việc đi hết từ xó xỉnh này đến xó xỉnh khác, không kêu ca một lời, luôn chân luôn tay sắp xếp và dọn dẹp lại ngôi nhà rộng thênh thang nơi mình đã sống từ khi còn trẻ, và riêng trong thời kỳ còn Công ty chuối ngôi nhà ấy giống một trại lính hơn là một cư xá. Nhưng khi Ucsula qua đời, tính cẩn thận đến mức khắc nghiệt và khả năng làm việc phi thường của Santa Sôphia đê la Piêđat cũng bắt đầu suy giảm. Không phải chỉ vì cụ đã tuổi cao sức kiệt, mà còn vì ngôi nhà đã nhanh chóng rơi vào tình trạng ọp ẹp. Một lớp rêu non xanh rờn phủ các bức tường. Khi ngoài vườn không còn chỗ đất nào trống, các loại cỏ dại liền đội vỡ nền xi măng ở hành lang như thể đội vỡ một tấm kính, và từ các kẽ nứt đã mọc lên chính những bông hoa nhỏ màu vàng mà trước đó đến gần một thế kỷ Ucsula từng nhìn thấy trong chiếc cốc đựng hàm răng giả của Menkyađêt. Chẳng có thời giờ và cũng chẳng có cách gì ngăn chặn những cuộc tấn công tàn bạo đó của thiên nhiên, suốt ngày Santa Sôphia đê la Piêđat xua đuổi những con thằn lằn đã chui vào phòng hồi đêm. Một buổi sáng cụ trông thấy những con kiến đỏ rời bỏ những chỗ xi măng đã bị đào thủng, bò qua vườn, leo lên những bờ thành của thang gác, nơi có những cây thu hải đường đã úa màu đất, và vào đến tận chỗ trong cùng của ngôi nhà. Thoạt đầu cụ dùng chổi, sau đó dùng thuốc sâu và cuối cùng dùng vôi để giết lũ kiến ấy, nhưng ngày

hôm sau chúng lại xuất hiện ở đúng chỗ cũ, thường xuyên qua lại, bền bỉ và bất khả chiến thắng. Lúc đó, vì đang viết thư cho các con mình nên Phecnanđa không hay biết gì về cuộc tấn công không thể ngăn chặn ấy của đám cỏ dại và lũ sâu bọ đang phá hoại. Một mình Santa Sôphia đê la Piêđat tiếp tục chiến đấu, chống chọi với cỏ dại để không không thể tràn vào nhà bếp, xua những bối mạng nhện sinh sôi nảy nở rất nhanh ở trên tường và miết xát lũ mọt. Nhưng khi thấy căn phòng của Menkyađêt cũng bị mạng nhện chăng và bụi phủ, thì Santa Sôphia đê la Piêđat bèn mỗi ngày quét dọn ba lần và khi thấy rằng, bất chấp sự dọn dẹp cần mẫn của mình, căn phòng vẫn bị đe doạ bởi những đống gạch ngói đổ vỡ và bầu không khí hôi hám mà chỉ có đại tá Aurêlianô Buênđya và viên sĩ quan trẻ xưa kia tiên đoán được thì cụ hiểu rằng mình đã thất bại. Lúc ấy Santa Sôphia đê la Piêđat mặc bộ lễ phục ngày chủ nhật đã sờn, đi đôi giày cũ của Ucsula và một đôi tất sợi bộng mà Amaranta Ucsula đã tặng mình, rồi gói hai hoặc ba bộ quần áo còn lại thành một bọc.
- Ta chịu rồi, - cụ bảo Aurêlianô, - cái nhà này thật là quá rộng, và cái thân còm này không thể nào kham nổi việc thu dọn cho nó tươm tất được.

Aurêlianô hỏi Santa Sôphia đê la Piêđat định đi đâu thì cụ trả lời bằng một cử chỉ mập mờ như thể chẳng hề có một chút ý thức nào về số phận của mình. Tuy vậy, cụ cũng cố xác định rằng sẽ sống những ngày cuối của đời mình với một bà em họ ở Riôacha. Điều ấy cũng không lấy gì làm chắc. Vì từ khi các vị thân sinh của Santa Sôphia đê la Piêđat qua đời, cụ không có quan hệ với ai trong làng, không hề có thư từ hoặc lời nhắn hẹn, và cũng chẳng ai nghe thấy cụ nói về một người họ hàng nào cả. Aurêlianô đưa cho Santa Sôphia

đê la Piêđat mười bốn con cá vàng, bởi vì cụ đã quyết ra đi khi trong túi chỉ còn một pêxô và hai mươi lăm xu. Qua cửa sổ, Aurêlianô nhìn thấy Santa Sôphia đê la Piêđat, với tấm thân còng vì tuổi tác, lê bước qua vườn mang theo một gói nhỏ quấn áo, và nhìn thấy cụ thò tay vào lỗ cửa để cài then lại sau khi đã ra khỏi nhà. Từ ấy không ai hay biết gì về cụ nữa.

Sau khi biết rằng Santa Sôphia đê la Piêđat đã bỏ chạy, Phecnanđa nói lảm nhảm suốt một ngày ròng trong khi xem lại từng chiếc rương một, từng chiếc tủ một để yên tâm rằng cụ đã không lấy một thứ gì mang đi. Lần đầu tiên trong đời Phecnanđa nhóm bếp và bà bị bỏng tay, rồi bà phải nhờ Aurêlianô bày cho cách thức pha cà phê. Từ đó về sau, chính Aurêlianô là người làm việc bếp núc. Khi Phecnanđa thức dậy thì thức ăn đã được Aurêlianô chuẩn bị sẵn và ủ trong tro nóng, bà chỉ cần ra khỏi phòng ngủ mang về ăn trên một chiếc bàn phủ khăn bằng vải gai, bên trên có đặt những cây đèn nến; khi ăn, bà ngồi trên chiếc ghế trong cùng của mười lăm chiếc ghế trống. Trong khung cảnh đó Aurêlianô và Phecnanđa không chia sẻ với nhau nỗi cô đơn, mà ai lo việc người nấy. Họ quét dọn phòng mình; trong khi mạng nhện giăng trên các khóm hồng, phủ trên xà nhà và dệt trên các bức tường. Đó là thời kỳ Phecnanđa có ấn tượng rằng ngôi nhà này đầy ma quái. Chẳng thế mà các đồ vật, nhất là những thứ hàng ngày thường dùng, luôn luôn tự nó thay đổi vị trí. Phecnanđa mất thời gian tìm kiếm chiếc kéo mà bà cứ đinh ninh rằng mình để trên giường, và sau khi lục lọi khắp nơi lại thấy nó trong chiếc tủ ở nhà bếp, nơi bà tin rằng đã bốn ngày rồi mình không đặt chân đến. Đột nhiên trong tủ đựng các bộ đồ ăn không còn lấy một chiếc đĩa, thế rồi lại thấy sáu chiếc trên bàn thờ và ba chiếc ở chậu rửa bát. Khi

Phecnanđa ngồi viết lại càng thấy các đồ vật di chuyển bất ngờ hơn. Lọ mực đặt ở bên phải sau lại thấy ở bên trái, bàn thấm giấy biến mất và hai ngày sau bà lại thấy nằm ở dưới gối, những trang viết cho Hôsê Accađiô lẫn với những trang viết cho Amaranta Ucsula, và bà luôn luôn băn khoăn là đã bỏ thư nọ vào bì kia như nhiều lần từng xảy ra trên thực tế. Có lần bà mất bút. Mười lăm ngày sau người đưa thư mang trả lại. Ông ta thấy ở trong túi của mình và đã đi khắp các nhà hỏi xem ai có cây bút đó. Thoạt đầu, Phecnanđa tin rằng những chuyện đó là do các thầy thuốc không thể nhìn thấy gây ra, giống như việc mất những chiếc vòng treo tử cung dạo trước, và bà bắt đầu viết một bức thư cầu xin họ để cho mình yên, nhưng rồi bà phải ngừng lại để làm một việc khác, và khi trở về phòng chẳng những bà không thấy lá thư bắt đầu viết ấy đâu, mà ngay cả mục đích của việc viết thư là gì bà cũng quên nốt. Có một dạo bà nghĩ là tại Aurêlianô. Bà theo dõi Aurêlianô, đặt các đồ vật ở lối đi với ý định sẽ bắt quả tang khi cnù đang mang chúng từ chỗ nọ bỏ vào chỗ kia, nhưng ngay sau đó bà lại yên trí rằng Aurêlianô không ra khỏi phòng của Menkyađêt nếu không cần đến nhà bếp hoặc nhà vệ sinh, và chú còn không phải là người thích đùa nữa. Thế rồi cuối cùng Phecnanđa tin rằng đó là sự quấy nhiễu của ma quái và bà chọn cách đối phó là để vật nào cần sử dụng vào đúng chỗ ấy thật chắc chắn. Bà buộc chiếc kéo vào đầu giường bằng một sợi dây dài, buộc ống bút và bàn thấm giấy vào chân bàn; dùng keo gắn lọ mực vào mặt bàn, ở phía bên phải chỗ bà thường ngồi viết. Nhưng rồi chẳng phải mọi chuyện êm đẹp ngay, bởi vì vừa ngồi may được một lúc lại không thể lôi cái kéo ra chỗ cần phải cắt, vì sợi dây buộc ngắn quá như thể ma quỉ đã cắt bớt đi. Sợi dây buộc ống bút cũng vậy và đến cả cánh tay

Phecnanđa cũng ngắn đi, vì vừa ngồi viết một lúc bà đã không với tới lọ mực nữa rồi. Cả Amaranta Ucsula ở Bruxen và Hôsê Accađiô ở Rôm, cả hai chẳng bao giờ biết những điều bất hạnh này. Phecnanđa viết cho các con ràng bà sống hạnh phúc, và quả có thế thực, chính là vì bà thấy mình thoát khỏi mọi sự ràng buộc, như thể một lần nữa cuộc đời đang kéo bà về thế giới của cha mẹ mình, ở đó bà sẽ không phải khổ sở về những chuyện hàng ngày bởi vì chúng đã được giải quyết ngay trong tưởng tượng. Việc trao đổi thư từ với con cái làm cho Phecnanđa quên mất khái niệm về thời gian, nhất là từ khi Santa Sôphia đê la Piêđat bỏ đi. Trước kia bà có thói quen tính ngày, tính tháng và tính năm xem còn bao lâu nữa thì các con bà trở về theo dự định. Nhưng khi hết lần này đến lần khác họ báo thay đổi thời hạn thì bà thấy ngày tháng lẫn lộn, và thời gian dường như không trôi đi. Lẽ ra phải sốt ruột lắm thì bà lại thấy hài lòng với sự chậm trễ. Phecnanđa không nóng lòng với chuyện nhiều năm sau khi Hôsê Accađiô thông báo với bà rằng sắp làm lễ tuyên thệ tu hành suốt đời, rồi sau đó lại nói rằng anh ta đang chờ kết thúc chương trình thần học cao cấp để học về ngoại giao, bởi vì bà nghĩ ràng có biết bao khó khăn trắc trở trên chiếc thang ốc rất dài dẫn đến chiếc ghế của Thánh Piôtr(4) Ngược lại, bà xốn xang bởi những tin tức mà đối với người khác chẳng có nghĩa gì, ví dụ như chuyện con trai bà đã nhìn thấy Giáo hoàng. Bà củng sung sướng như vậy khi Amaranta Ucsula cho biết rằng chương tnnh học của cô sẽ kéo dài thêm, vì cô được xếp loại ưu nên được ưu đãi, đó là điều cha cô không nghĩ đến trong khi tính toán.

Ba năm đã trôi qua kể từ khi Santa Sôphia đê la Piêđat mang về cho Aurêlianô cuốn sách ngữ pháp tới khi chú dịch được trang đầu tiên.

Việc làm của chú chẳng phải vô ích, nhưng cũng mới chỉ là bước đầu trên con đường dài như chẳng thể nào lường hết, bởi vì văn bản bằng tiếng Tây Ban Nha chẳng có ý nghĩa gì: đó chỉ là những bài thơ được mã hoá, Aurêlianô không còn các phương tiện để tạo cơ sở cho mình đi sâu vào các bài thơ đó, nhưng vì Menkyađêt đã từng nói với chú rằng ở cửa hàng sách của nhà thông thái xứ Catalunha có những cuốn sách sẽ giúp chú hiểu hết các tấm da thuộc nên chú quyết định xin phép Phecnanđa đi kiếm những cuốn sách đó. Trong căn phòng đầy gạch ngói đổ vỡ - mà sự gia tăng của những mảnh gạch ngói này sẽ dẫn đến cái kết cục là làm đổ căn phòng - Aurêlianô suy nghĩ tìm kiếm cách trình bày thích đáng yêu cầu của mình, chú dự đoán khung cảnh và cơ hội thích hợp, nhưng khi thấy Phecnanđa lấy thức ăn ủ trong tro nóng - cơ hội duy nhất để nói với bà - thì những lời yêu cầu đã chuẩn bị rất kỹ càng bị ứ lại trong cổ, không thể nói thành lời. Đó là lần duy nhất mà Aurêlianô theo dõi Phecnanđa. Chú lắng nghe tiếng chân Phecnanđa đi lại trong phòng ngủ. Chú nghe thấy tiếng bà bước ra cửa để nhận thư của con cái và gửi người đưa thư những lá thư bà viết cho họ; đến rất khuya chú còn nghe thấy tiếng bút dằn mạnh trên mặt giấy trước khi nghe thấy tiếng tắt đèn và tiếng cầu kinh lầm rầm trong bóng tối. Cho đến tận lúc ấy Aurêlianô mới ngủ và chú tin rằng ngày mai cơ hội mình mong mỏi sẽ đến. Aurêlianô có ảo tưởng rằng điều yêu cầu của mình sẽ không bị chối từ, nên một buổi sáng chú đã cắt đi mái tóc dài chấm vai, cạo đi bộ râu tua tủa, mặc chiếc quần chẽn và chiếc áo có cổ giả mà chẳng biết là đã được thừa hưởng của ai, rồi chú đến nhà bếp chờ Phecnanđa đi ăn. Nhưng không đến người đàn bà ngày ngày vẫn sống ở đây, người đàn bà đầu ngẩng cao, người đàn bà đi lại rắn rỏi

ấy, mà chỉ đến một bà lão đẹp tuyệt vời mặc chiếc áo khoác lông điêu thử màu vàng, đội chiếc miện bằng bìa cứng mạ vàng và có dáng vẻ yếu đuối của một người thường khóc thầm. Thực ra, từ khi thấy bộ trang phục hoa hậu đã bị gián nhấm ở trong rương của Aurêlianô Sêgundô, Phecnanđa đã mặc nó nhiều lần. Nếu có ai đó thấy bà đứng trước gương làm đáng với cử chỉ có vẻ đài các đế vương chắc hẳn sẽ cho rằng bà bị điên. Nhưng không phải thế. Phecnanđa chỉ biến bộ áo hoa hậu ấy thành một cái máy nhớ mà thôi. lần đầu tiên mặc nó vào người, Phecnanđa đã không tránh khỏi cảm giác ứ nghẹn trong tim và mắt bà đẫm lệ, vì lúc ấy Phecnanđa như cảm thấy mùi xi trên đôi ủng của một quân nhân đã đến tận nhà tìm mình để cho mình làm hoa hậu, và tâm hồn bà trở nên trong suốt với sự tiếc nuối những giấc mơ đã qua. Bà cảm thấy mình đã già yếu và cằn cỗi lắm rồi, đã khác xa biết bao nhiêu với Phecnanđa của những giờ phút đẹp đẽ nhất trong đời, đến mức bà cũng nhớ tiếc cả những giờ phút mà bà coi là tồi tệ nhất, và chỉ khi đó Phecnanđa mới thấy rằng những chùm hoa kinh giới ở ngoài hành lang và hơi nước bốc lên từ những khóm hồng vào lúc chiều về, thậm chí cả bản chất hung dữ của những kẻ đến từ nơi xa lạ, là cần thiết biết bao đối với mình. Trái tim nguội lạnh của bà, từng chống đỡ vững vàng với những miếng đòn rất chính xác của đời sống thường ngày, giờ đây bị rạn vỡ bởi cuộc tấn công đầu tiên của nỗi hoài nhớ. Cảm giác đau buồn đã trở thành một nhu cầu của bà, nó tăng lên theo năm tháng và dần dần trở thành một thói xấu. Bà làm cho mình trở thành một người nhân từ trong nỗi cô đơn. Nhưng buổi sớm ấy khi bà vào bếp và thấy tách cà phê mà chàng trai trẻ gầy gò, xanh xao và có ánh mắt mơ màng kia pha cho mình, thì bà cảm thấy như bị một cái gì đó

rất kỳ quặc đập vào mình. Chẳng những Phecnanđa đã không cho phép Aurêlianô đi, mà từ đó bà còn cất kỹ chìa khoá nhà trong chiếc túi đựng những chiếc vòng treo tử cung không dùng đến. Sự cẩn thận ấy là vô ích, bởi vì nếu như Aurêlianô muốn thì chú có thể ra đi rồi lại trở về mà bà không thể nhìn thấy. Nhưng sự giam hãm lâu ngày, sự mơ hồ về thế giới bên ngoài và thói quen phục tùng đã làm khô héo những mầm mống bướng bỉnh trong Aurêlianô. Thế là chú trở về phòng mình, xem đi xem lại những tấm da thuộc và đến tận đêm khuya vẫn nghe tiếng khóc sụt sùi của Phecnanđa ở phòng ngủ của bà. Một buổi sáng, như thường lệ, Aurêlianô đi nhóm bếp, chú thấy trong đống tro lạnh vẫn còn nguyên những thức ăn để cho Phecnanđa từ hôm trước. Aurêlianô vội ngó vào phòng và thấy Phecnanđa nằm trên giường, đắp chiếc áo khoác lông điêu thử, bà đẹp hơn bao giờ hết, và da bà trắng như ngà. Bốn tháng sau đó, khi Hôsê Accađiô trở về thì đã thấy bà bất động.
Không thể thấy ai giống mẹ hơn Hôsê Accađiô. Anh chàng mặc một bộ lễ phục bằng lụa màu đen, chiếc áo cổ tròn và cứng, và thắt một dải lụa mềm thay cà vạt. Đó là một chàng trai xanh xao, suy nhược, ánh mắt mệt mỏi và khoé miệng yếu đuối. Mái tóc đen, bóng và mượt, được phân đôi bởi một đường ngôi thẳng tắp và trắng bệch chạy giữa đầu, giống như tóc của các thánh mà người ta thường thấy qua tranh tượng. Bóng mờ của bộ râu đã được cạo trên khuôn mặt như được làm bằng nến là dấu hiệu của người đã trưởng thành. Đôi tay trắng nhợt với những đường gân xanh, những ngón tay như những con giun, trên ngón trỏ ở bàn tay trái có một chiếc nhẫn to bằng vàng gắn mặt đá quý. Khi mở cổng cho Hôsê Accađiô, Aurêlianô chẳng cần đoán xem là ai cũng biết rằng đây là người từ

xa đến. Khi Hôsê Accađiô vào, ngôi nhà ngào ngạt mùi nước hoa mà Ucsula đã rảy lên đầu khi anh chàng còn nhỏ để bà cụ trong cảnh mịt mù có thể nhận ra thằng chút. Không thể hiểu được vì sao mà sau rất nhiều năm đi xa, Hôsê Accađiô vẫn là một chú bé già trước tuổi, buồn và cô đơn ghê gớm. Hôsê Accađiô đến thẳng phòng của mẹ anh, ở đó Aurêlianô đã làm theo cách của Menkyađêt: cho thuỷ ngân bốc hơi bốn tháng trong cái ống của cụ tổ sáu đời, để giữ gìn thi thể. Hôsê Accađiô không hỏi một điều gì. Anh chàng hôn lên trán tử thi, rồi lấy từ dưới váy ra một chiếc túi nhỏ trong có ba chiếc vòng treo tử cung chưa dùng và chiếc khoá hòm quần áo Anh ta làm tất cả những việc đó một cách dứt khoát, khác hẳn với sự mềm yếu của mình. Hôsê Accađiô lấy từ hòm quần áo ra một chiếc hộp nhỏ có nạm gia huy và trong chiếc hộp ngào ngạt hương gỗ trắc bá ấy, anh ta thấy một bức thư rất dài, ở đó Phecnanđa như rút ruột rút gan kể biết bao nhiêu sự thật mà bà đã giấu kín. Anh chàng đứng đọc lá thư ấy một cách đầy khao khát nhưng không hề băn khoăn, đến trang thứ ba thì dừng lại nhìn Aurêlianô với vẻ hơi hờ hững.

- Vậy ra, - Hôsê Accađiô nói với giọng sắc ngọt như dao cạo, - Mày là một đứa con hoang.

- Cháu là Aurêlianô Buênđya mà!

- Cút về phòng của mày đi - Hôsê Accađiô nói.

Aurêlianô về phòng và không ra khỏi đấy nữa, kể cả khi nghe thấy tiếng ồn ào của đám tang cô đơn chú cũng không vì tò mò mà bước ra. Thỉnh thoảng, từ nhà bếp Aurêlianô nhìn thấy Hôsê Accađiô đi đi lại lại quanh nhà để mà lịm đi trong nhịp thở đầy khao khát dục vọng của mình, và đến quá nửa đêm chú vẫn còn dõi theo tiếng bước của Hôsê Accađiô trong các phòng ngủ đổ nát. Trong nhiều tháng

Aurêlianô không nghe thấy tiếng nói của Hôsê Accađiô, chẳng phải chỉ vì anh ta không nói với chú, mà còn vì chú chẳng muốn có chuyện gì xảy ra và chẳng muốn mất thời gian suy nghĩ về bất cứ việc gì ngoài những tấm da thuộc kia. Khi Phecnanđa chết, Aurêlianô đã lấy đến con cá vàng gần như là con cuối cùng và đã đến hiệu sách của nhà thông thái xứ Catalunha để mua những cuốn sách mà chú cần. Trên đường đi, Aurêlianô chẳng hề quan tâm tới những gì mà mắt mình nhìn thấy, có lẽ vì chú không có những ký ức về chúng để so sánh, và những con đường vắng vẻ, những ngôi nhà buồn tẻ cũng chẳng khác gì những con đường và những ngôi nhà chú đã từng tưởng tượng thấy trước đây, khi chú còn khao khát làm quen với chúng. Aurêlianô đã tự cho phép mình làm điều mà Phecnanđa cấm, đó là lần duy nhất với mục đích duy nhất và trong một khoảng thời gian vô cùng ngắn ngủi, chú đi một mạch qua mười một ô phố ngăn cách nhà mình với con đường mà ở đó trước đây người ta thường đoán mộng, rồi khó khăn lắm mới vào đến một nơi nhem nhuốc, tối tăm và chật chội đến mức dường như không thể xoay trở được thân mình. Ngôi nhà chẳng giống một hiệu sách mà giống như một nơi chứa rác với những cuốn sách cũ để lộn xộn trên những chiếc giá đã bị mọt, trong các xó xỉnh đầy mạng nhện, và ngay cả ở những chỗ lẽ ra là lối đi. Trên một chiếc bàn dài cũng chất đầy sách, chủ nhà đang viết một bài văn dài dằng dặc với những chữ bay bướm và hơi rối rắm trên những tờ giấy rời xé từ cuốn vở học trò. Ông ta có một mái tóc bạc rất đẹp và nhô ra trước trán, trông giống chiếc mào của con chim dẻ cùi; đôi mắt màu xanh, linh lợi và hẹp toát ra sự nhân từ của một người đã từng đọc tất cả các thứ sách. Ông ta mặc một quần cộc đẫm mồ hôi, và không ngừng viết để xem

ai đến. Aurêlianô dễ dàng thấy năm cuốn sách mình cần giữa đống sách hỗn độn đó, bởi vì nó nằm đúng ở chỗ Menkyađết đã bảo cho chú biết. Không nói một lời nào, Aurêlianô đưa cho ông già thông thái người xứ Catalunha năm cuốn ấy và con cá vàng; ông già ngắm nghía những thứ đó, đôi lông mày ông nhíu lại như hai con sâu róm. "Có lẽ mày điên chắc", ông già vừa nói bằng ngôn ngữ địa phương của mình vừa nhún vai, rồi đưa lại cho Aurêlianô năm cuốn sách và con cá vàng.

- Hãy mang chúng đi, - ông già nói tiếng Catalan(5) - Người duy nhất đọc những cuốn sách này là cụ Isăc, Người MÙ(6). Vậy chú mày hãy nghĩ kỹ về việc mình làm.

Hôsê Accađiô sửa chữa lại phòng ngủ của Mêmê, anh sai quét dọn, sửa lại các tấm rèm cửa bằng nhung và tấm trướng gấm trước chiếc giường phó vương, và sử dụng lại phòng tắm đã bị bỏ mà cái bồn chứa nước bằng xi măng ở đó bị váng nước đặc và bẩn làm cho đen lại. Trong hai căn phòng ấy, sự cao ngạo của các loại vật dụng, của những thứ hàng ngoại lai, của các thứ nước hoa rởm và của các loại đá trang sức rẻ tiền đã giảm hẳn đi. Thứ duy nhất ở trong phần còn lại của ngôi nhà cản trở Hôsê Accađiô là những bức tượng thánh trên bàn thờ, do đó một buổi chiều anh ta đem chúng đất thành tro trên một đống lửa nhóm ở sân. Hôsê Accađiô ngủ đến quá mười một giờ. Anh chàng vào nhà tắm với một chiếc áo rộng mặc trong nhà được trang điểm bằng cách rút chỉ và thêu hình con rồng màu đỏ, đi đôi dép có đường viền màu vàng; và ở đó, vừa cầu kinh chậm rãi và kéo dài, anh ta vừa nhớ đến Rêmêđiôt - Người đẹp. Trước khi tắm, Hôsê Accađiô dùng các chất muối đựng trong ba chiếc lọ bằng đá vân vẩy thơm bồn đựng nước. Anh chàng không lấy gáo làm bằng vỏ

quả bí để dội nước lên người mà lại ngâm mình trong nước thơm ngát, nằm ngửa ở đó đến hai giờ đồng hồ mơ màng với sự mát mẻ và với nỗi hoài nhớ Amaranta. Vài ngày sau khi trở về, Hôsê Accađiô đã bỏ bộ quần áo bằng lụa đen, không những vì nóng mà còn vì ở đây bộ đồ ấy chỉ mình anh ta có thôi thay vào đó anh ta mặc quần chẽn, rất giống quần của Piêtrô Crêspi mặc trong những buổi dạy khiêu vũ và chiếc áo bằng lụa tơ tằm có thêu những chữ viết tắt tên mình trên ngực. Mỗi tuần hai lần anh chàng giặt tất cả những quần áo thay ra, và trong khi chờ quần áo ấy kịp khi anh ta mặc bộ đồ rộng dùng trong nhà, vì chẳng còn bộ nào khác. Không bao giờ Hôsê Accađiô ăn ở nhà. Anh chàng đi khỏi nhà từ lúc cái nóng ban trưa bắt đầu dịu đi và khuya mới trở về. Khi ấy anh chàng tiếp tục đi đi lại lại buồn bã, thở hít như một con mèo, và nghĩ tới Amaranta. Bà ta và cái nhìn hết hoảng của cái vị thánh trong ánh sáng của ngọn đèn đêm là hai kỷ niệm còn lại trong anh chàng về ngôi nhà này. Rất nhiều lần, vào cái tháng tám kỳ lạ ở Rôm, giữa giấc mơ Hôsê Accađiô mở mắt trừng trừng và nhìn thấy Amaranta từ trong bể nước xây bằng đá vân chui lên, với chiếc váy mỏng và chiếc băng đen băng trên tay, bà đã được lý tưởng hoá bởi nỗi buồn khổ của kẻ sống biệt xứ. Nếu như Aurêlianô Hôsê cố gắng dìm nghẹt hình ảnh đó trong bùn máu của chiến tranh, thì ngược lại, Hôsê Accađiô lại cố gắng lưu giữ nó sống động trong bùn lầy của dực vọng, trong khi làm vui lòng bà mẹ với sự dơi trá về lòng ước muốn trở thành Giáo hoàng. Cả Hôsê Accađiô và Phecnanđa đều không bao giờ nghĩ rằng những thư từ họ viết cho nhau là sự trao đổi về những điều bịa đặt hoang đường. Hôsê Accađiô, từng bỏ lớp học chuyên đề ngay sau khi đến Rôm, vẫn tiếp tục đọc sách về thần học và luật tu hành để tránh nguy hiểm cho việc

thừa kế tài sản lớn lao mà mẹ anh ta thường nói đến trong những bức thư đầy cám dỗ, và nó có thể giải thoát cho anh ta khỏi cảnh sống nghèo khó và bẩn thỉu mà anh ta đang chung đụng với hai người bạn trên một chiếc gác xép ở Tristêvêra. Khi Hôsê Accađiô nhận được lá thư cuối cùng của Phecnanđa, lá thư được viết theo dự cảm về cái chết đang đến gần, anh chàng liền nhặt những mảnh cuối cùng của đồ trang sức giả của mình bỏ vào va-li, rồi chui vào hầm một chiếc tàu thuỷ để vượt biển, tại đó những người di cư chen chúc như một lũ bò ở lò sát sinh, họ ăn mì ống và pho mát đã có giòi. Trước khi đọc bản chúc thư của Phecnanđa - bản chúc thư chỉ là một bản tóm tắt vụn vặt và muộn màng những sự bất hạnh - thì những thứ đồ đạc đã rêu rã và những đám cỏ dại ở hành lang đã chỉ cho Hôsê Accađiô biết rằng anh ta đã rơi vào một cạm bẫy không bao giờ có thể thoát ra được, đã bị đẩy ra khỏi cái vầng sáng của kim cương và bầu không khí cổ kính của mùa xuân xứ Rôm. Những lúc mất ngủ đầy mệt mỏi vì bệnh hen, Hôsê Accađiô đo đi đo lại chiều sâu nỗi bất hạnh của mình, và lục lọi ngôi nhà u tối, ở đó tiếng la hét già nua của Ucsula đã từng khiến cho Hôsê Accađiô khiếp sợ thế giới bên ngoài. Để chắc chắn là chú bé Hôsê Accađiô không lạc trong sự mịt mù, xưa kia cụ đã bắt chú phải ở cố định trong một góc phòng ngủ, đó là nơi duy nhất của chú, còn những người chết thì thường đi đi lại lại trong nhà từ lúc trời về chiều. "Bất cứ một việc làm xấu gì của mày các thánh cũng sẽ nói với ta", Ucsula bảo chú thế. Những đêm hãi hùng thuở ấu thơ của Hôsê Accađiô đã thu lại trong góc nhà, ở đó chú bé phải ngồi yên như bất động trên một chiếc ghế cho đến giờ đi ngủ, toát mồ hôi vì khiếp sợ, dưới cái nhìn cảnh giác và lạnh lùng của các vị thánh mách lẻo. Cái hình phạt ấy thật là vô ích, bởi vì thuở

ấy Hôsê Accađiô đã sợ hãi tất cả những gì ở quanh mình và đã được chuẩn bị sẵn sàng để giật mình kinh sợ trước bất cứ cái gì sẽ gặp trong cuộc đời: những người đàn bà ngoài xã hội nếu không nghe lời cha mẹ sẽ bị băng huyết; những người đàn bà trong gia đình này nếu không cẩn thận sẽ đẻ ra những đứa con có đuối lợn, những con gà chọi đưa lại cái chết cho những người đàn ông và sự giày vò lương tâm cho những người khác; những khẩu súng mà chỉ sờ vào thôi cũng bị người ta kết án ra trận hai mươi năm; những công trình sai lệch chỉ đưa đến nỗi thất vọng và sự điên loạn, tất cả, tất cả những thứ mà Chúa trời đã sáng tạo nên với lòng từ thiện vô biên thì quỉ sứ đã làm cho hư hại. ánh sáng nơi cửa sổ cùng tiếng kỳ cọ của Amaranta ở trong bồn tắm và cảm giác thú vị do "củ khoai bằng lụa" đưa lại cứ lan lan trên đôi chân, tất cả đều đã giải thoát Hôsê Accađiô khỏi nỗi kinh hoàng từng khiến chú thẫn thờ sợ sệt khi thức dậy. Khi ấy, đến cả Ucsula cũng khác hẳn đi dưới ánh sáng rực rỡ rạng toả trên vườn, bởi vì ở đó cụ không nói với chú những chuyện khủng khiếp mà lại dùng bột than đánh bóng hàm răng cho chú để chú có nụ cười rạng rỡ của một Giáo hoàng, eắt và mài nhẵn móng tay cho chú để cho những người hành hương đến Rôm từ mọi nơi trên trái đất sẽ phải kinh ngạc trước sự thanh khiết của đôi tay Giáo hoàng khi ngài ban phước lành cho họ, và chải cho chú kiểu tóc của một Giáo hoàng, phun nước hoa vào chú để thân thể và quần áo chú toả hương thơm của một Giáo hoàng. Ở sân Castengandônphô, Hôsê Accađiô đã nhìn thấy Giáo hoàng trên ban công khi ngài đọc một bài diễn văn bằng bảy thử tiếng trước một đám đông khách hành hương, và quả thật là Hôsê Accađiô chỉ chú ý đến màu trắng ngần trên đôi tay như được nhúng bột của Giáo hoàng, sự rực sáng của

bộ áo quần mùa hè ngài mặc và mùi hương bí ẩn của thứ nước thơm ngài dùng.

Khoảng một năm sau khi trở về nhà, để có tiền ăn, Hôsê Accađiô đã bán hết những cây đèn nến bằng bạc và chiếc bô vàng có khảm gia huy mà đến phút cuối cùng anh chàng mới biết rằng thật ra chỉ có những đường khảm mới bằng vàng thôi, thì sự giải trí duy nhất của Hôsê Accađiô là tụ tập bọn trẻ trong làng lại để chơi đùa ở nhà mình. Anh chàng chơi với chúng từ trưa, bảo chúng nhảy dây ở vườn, hát ở hành lang và nhào lộn trên những chiếc ghế ở phòng khách, trong khi đó anh chàng đi đến từng nhóm dạy chung những bài học về cách cư xử tốt đẹp. Khi ấy, những chiếc quần chẽn và áo lụa chẳng còn, Hôsê Accađiô vận bộ đồ cũ xoàng xĩnh mua ở một kho của những người A-rập, nhưng anh chàng vẫn giữ vẻ trịnh trọng yếu đuối và phong thái giáo hoàng của mình. Bọn trẻ con xâm chiếm ngôi nhà giống như trước đây đám bạn gái của Mêmê từng làm. Đến tận đêm khuya vẫn còn thấy tiếng chúng hò reo nhảy múa, khiến cho ngôi nhà giống như một nhà trẻ không có kỷ luật. Aurêlianô không bận tâm về sự xâm lấn ấy khi bọn trẻ con chưa quấy rầy đến chú ở trong phòng của Menkyađêt. Một buổi sáng hai đứa nhỏ đẩy cửa và chúng kinh ngạc khi nhìn thấy một người đàn ông bẩn thỉu, râu tóc bù xù đang dịch những tấm da thuộc trên bàn làm việc. Chúng không dám vào nhưng vẫn tiếp tục lượn quanh căn phòng, chúng lấp ló và xì xào qua những kẽ hở, ném sâu bọ vào những ô cửa sổ tròn, và có lần chúng đóng đinh vít cửa ra vào và cửa sổ, khiến cho Aurêlianô tốn nửa ngày mới mở được. Khoái trá vì những trò nghịch ngợm của mình không bị trừng trị, một buổi sáng khác bốn đứa nhỏ đã vào phòng trong khi Aurêlianô đang ở bếp, chúng quyết định phá huỷ những tấm

da thuộc. Nhưng ngay khi chúng vừa mới túm lấy những tấm da ngả màu vàng ấy thì một sức mạnh thần linh đã nâng chúng lên khỏi mặt đất, giữ chúng lơ lửng trong không trung cho đến khi Aurêlianô quay trở về và giằng lại những tấm da thuộc đó. Từ ấy, bọn trẻ không còn đến quấy rầy Aurêlianô nữa.

Bốn đứa trẻ lớn nhất, những đứa vẫn còn mặc quần cộc mặc dù đã chớm bước vào tuổi thành niên, quan tâm đến dáng vẻ bên ngoài của Hôsê Accađiô. Chúng đến sớm hơn những đứa khác, dành cả buổi sáng để cạo râu, dùng khăn nóng xoa bóp, sửa sang móng tay móng chân và xức nước hoa cho anh ta. Có vài lần chúng vào bồn tắm, xát xà phòng từ chân tới đầu Hôsê Accađiô, trong khi đó anh chàng nằm ngửa trong nước nghĩ đến Amaranta. Sau đó chúng lau người, thoa phấn khắp người và mặc quần áo cho anh chàng. Trong đám trẻ ấy có một đứa tóc nâu và quăn, đôi mắt như thuỷ tinh nâu hồng giống mắt thỏi thường ngủ trong nhà. Nó gắn bó rất chặt chẽ với Hôsê Accađiô, thường ở bên cạnh anh chàng trong những đêm mất ngủ vì bệnh hen, im lặng và theo anh chàng đi đi lại lại trong ngôi nhà u tối. Một đêm, qua lớp xi măng trong, Hôsê Accađiô và đứa bé kia nhìn thấy trong phòng ngủ của Ucsula một thứ ánh sáng màu vàng, như thể mặt trời vừa từ trong lòng đất chiếu hắt ánh sáng lên đã biến nền nhà thành một tấm kính mờ. Họ không cần phải tìm tâm điểm nguồn sáng đó. Chỉ cần nâng những tấm kính vẽ hình đã vỡ ở góc nhà, nơi thường xuyên đặt chiếc giường của Ucsula và là nơi ánh sáng tập trung nhất, là thấy ngay cái hầm bí mật mà Aurêlianô Sêgundô đã tìm kiếm khổ sở trong những cuộc đào bới phát sốt lên mà không thấy. Trong hầm có ba chiếc túi tải được chằng buộc bằng dây đồng đựng bảy ngàn hai trăm mười bốn đồng đôblông và mỗi

đồng đôblông trị giá bốn đồng đôbla(7), những đồng tiền vàng ấy đang tiếp tục phát sáng như than hồng.
Việc tìm thấy kho báu giống như một cú bùng cháy vậy. Đáng lẽ trở lại Rôm với vận may trái mùa - đó là giấc mơ ấp ủ từ lâu trong cảnh nghèo khó - thì Hôsê Accađiô lại biến ngôi nhà thành thiên đường ở mặt đất. Anh chàng thay các rèm cửa sổ và tấm trướng ở phòng ngủ bằng nhung mới, sai lát gạch nền nhà tắm và ốp gạch men màu lên các bức tường. Chiếc tủ ở phòng ăn chất đầy các loại quả ngọt, giăm bông và hoa quả ướp vang nho; căn nhà kho chứa ngũ cốc bấy lâu nay bỏ không, nay lại được mở cửa để chứa các loại rượu mà chính Hôsê Accađiô lấy ở nhà ga xe lửa, đựng trong những chiếc hộp có ghi tên anh ta. Một đêm, Hôsê Accađiô và bốn đứa trẻ lớn nhất kia mở một cuộc liên hoan kéo dài đến tận sáng. Ngay từ sáu giờ sáng chúng trần truồng ra khỏi phòng ngủ, trút hết nước trong bồn tắm và đổ đầy rượu sâm banh vào đấy. Chúng đàn đúm lặn ngụp bơi lội trong đó giống như những con chim bay trên một bầu trời màu vàng đầy những bọt bong bóng thơm ngát, trong khi Hôsê Accađiô không đùa vui với chúng mà nằm ngửa thả nổi mình, đôi mắt mở to, đang tưởng nhớ tới Amaranta. Hôsê Accađiô nằm như vậy, suy tư và nhấm nháp lại vị đắng của những thú vui lầm lỗi của thình, cho đến khi bọn trẻ đã mệt và nháo nhác ùa vào trong phòng ngủ, ở đó chúng giật những tấm rèm nhung để lau người, trong cảnh nhốn nháo chúng làm tấm gương rạn vỡ làm bốn, chen nhau ngủ làm rách cả khăn trải giường. Hôsê Accađiô từ phòng tắm trở về thì thấy chúng đang trần truồng nằm ngủ chen chúc trong căn phòng ngột ngạt. Anh ta bực bội, vì sự phá hoại của chúng thì ít mà vì cảm giác ghê tởm và thương hại đối với chính bản thân mình trong cảnh trống rỗng buồn

tẻ do cuộc trác táng gây nên thì nhiều, liền túm vội lấy chiếc gậy đuổi chó của linh mục vẫn để ở dưới đáy hòm cùng những công cụ trừng phạt khoe mà giáo hội vẫn dùng, rồi đuổi chúng ra khỏi nhà, anh ta la hét như điên và quất vào chúng không thương xót. Hôsê Accađiô suy sụp vì một cơn hen kéo dài hàng mấy ngày, và trông như người hấp hối. Đến đêm thứ ba, vì không chịu nổi sự tức thở, Hôsê Accađiô đành tới phòng Aurêlianô nhờ đến một hiệu thuốc gần đấy mua giúp một ít thuốc bột để về xông đường hô hấp. Thế là Aurêlianô ra khỏi nhà lần thứ hai. Chú chỉ cần qua hai ô phố là đã đến một hiệu thuốc có những tủ kính đầy bụi bặm đựng những lọ sành nhãn ghi tên thuốc bằng tiếng Latinh; ở đó, một cô gái có sắc đẹp bí ẩn của một con rắn vùng sông Nin, bán cho chú thứ thuốc mà Hôsê Accađiô đã ghi trên giấy. Lần thứ hai nhìn thấy phố xá hoang vắng, lúc này đang nằm trong ánh sáng vàng vọt của những ngọn đèn đường, Aurêlianô cũng chẳng tò mò hơn lần trước. Khi Hôsê Accađiô tưởng rằng Aurêlianô đã trốn đi mất rồi thì thấy chú trở về, lúc ấy Aurêlianô hơi tức thở một chút vì vội vàng, vì cố lê đôi chân mềm yếu và chậm chạp do bị tù túng và thiếu hoạt động. Thái độ dửng dưng với thế giới bên ngoài của chú được thể hiện quá rõ ràng cho nên sau đó vài ngày, khi Hôsê Accađiô không thực hiện lời hứa với mẹ mình, đã cho phép Aurêlianô tự do đi đến nơi mà chú muốn, Aurêlianô đã trả lời:

- Cháu chẳng có việc gì làm ở ngoài đường cả.

Aurêlianô tiếp tục tự giam mình trong phòng và vùi đầu vào những tấm da thuộc, dần dần chú đọc được những điều ghi trên đó nhưng vẫn chưa diễn giải được nội dung của chúng. Hôsê Accađiô mang đến phòng cho Aurêlianô những lát giăm bông và những hoa trái ngọt ngào để lại trên miệng dư vị của mùa xuân, và có hai lần còn

cho cả rượu ngon nữa. Hôsê Accađiô không quan tâm đến những tấm da thuộc mà anh ta coi là một trò tiêu khiển bí ẩn, nhưng lại chú ý đến sự thông thái kỳ lạ và kiến thức về thế giới không hiểu vì sao có được ở thằng cháu ưu sầu ấy của mình. Anh ta biết rằng Aurêlianô có khả năng đọc được tiếng Anh và trong khi nghiên cứu những tấm da thuộc Aurêlianô còn đọc từ đầu chí cuối sáu tập bách khoa toàn thư như đọc tiểu thuyết. Thoạt đầu anh ta cho là như vậy khi thấy Aurêlianô có thể nói về Rôm như là đã từng sống ở đó nhiều năm, nhưng ngay sau đó anh ta biết rằng Aurêlianô còn biết nhiều thứ không có trong bách khoa toàn thư, ví dụ như giá hàng chẳng hạn. "Người ta biết tất", đó là câu trả lời duy nhất của Aurêlianô khi Hôsê Accađiô hỏi chú rằng làm thế nào mà có được hiểu biết đó. Về phần mình, Aurêlianô ngạc nhiên vì thấy khi nhìn gần Hôsê Accađiô rất khác với hình ảnh mà mình ghi nhận khi nhìn anh ta đi đi lại lại trong nhà: Hôsê Accađiô là người có thể cười, thỉnh thoảng có thể tự cho phép mình nuối tiếc quá khứ của gia đình, và có thể băn khoăn về cảnh nghèo nàn trong căn phòng của Menkyađêt. Việc nhích lại gần nhau ấy giữa hai người cô đơn cùng dòng máu còn xa mới đạt đến một tình hữu nghị, nhưng nó cho phép họ chịu đựng được nỗi cô đơn sâu lắng không thể nào đo, nỗi cô đơn ấy vừa làm cho họ xa nhau vừa làm cho họ gần nhau. Khi ấy, Hôsê Accađiô có thể nhờ Aurêlianô giải quyết giúp những khó khăn nhất định trong những việc nhà mỗi ngày một nặng nề thêm. Aurêlianô thì đã có thể ngồi đọc ở ngoài hành lang, nhận những bức thư thường xuyên đến đúng hạn của Amaranta Ucsula và có thể sử dụng cái phòng tắm mà khi mới về Hôsê Accađiô đã không cho chú bén mảng tới. Một sớm nóng nực cả hai người bị đánh thức bởi những tiếng gõ cổng khẩn cấp. Người

đến nhà là một ông già đen đủi có đôi mắt to và xanh đem lại cho gương mặt ông ta một thứ ánh lân tinh ma quái, trên trán in hình chữ thập tro thánh. Bộ quần áo mạt hạng, đôi giày rách, chiếc ba lô eũ đeo trên vai là hành trang duy nhất, những thử đó khiến ông ta có vẻ một người hành khất, nhưng tư thế của ông ta lại đĩnh đạc khác hẳn với cái vẻ ngoài ấy. Chỉ cần nhìn qua ông ta một lần, dù là ở trong phòng khách tối mờ, cũng đủ nhận biết rằng sức mạnh huyền bí đã cho phép ông ta sống được không phải là bản năng sinh tồn mà là thói quen sợ sệt. Đó là Aurêlianô Buênđya Amađô, người duy nhất trong số mười bảy người con của đại tá Aurêlianô Buênđya còn sống sót, đang đi tìm một chút nghỉ ngơi trong cuộc sống trốn tránh rất dài và đầy mạo hiểm của mình. Ông ta tự giới thiệu rồi cầu xin cho phép ẩn nấu trong ngôi nhà này, ngôi nhà mà trong những đêm khốn khổ ông ta vẫn hằng nghĩ tới và coi là nơi trú ẩn an toàn cuối cùng còn lại trong đời mình. Nhưng Hôsê Accađiô và Aurêlianô không nhận ra ông ta. Họ nghĩ rằng ông ta là một kẻ du thủ du thực nên đã đẩy ông ta ra đường. Đến lúc ấy, từ cổng hai người chứng kiến cái cảnh chót của tấn thảm kịch mở màn từ trước khi Hôsê Accađiô biết nhận xét. Hai nhân viên cảnh sát, từng truy nã Aurêlianô Amađô trong nhiều năm và như chó bám theo ông khắp nửa trái đất, bỗng nhô lên giữa đám những cây hạnh đào phía hàng rào đối diện, bắn ông hai phát súng mô de, đạn xuyên thẳng vào dấu chú thập tro thánh. Thực ra, từ khi đuổi bọn trẻ con khỏi nhà, Hôsê Accađiô thường đợi tin tức về một con tàu vượt Đại Tây Dương sẽ rời bến trước lễ Noen để đi Napôlet. Hôsê Accađiô đã nói với Aurêlianô điều đó, anh ta còn vạch kế hoạch để Aurêlianô tiến hành một cuộc kinh doanh lấy tiền sinh sống, vì từ sau đám tang Phecnanđa những chiếc làn thực

phẩm không được chuyển tới nữa. Nhưng, cái giấc mơ cuối cùng ấy của Hôsê Accađiô cũng không được thực hiện. Một buổi sáng tháng chín, sau khi uống cà phê với Aurêlianô ở nhà bếp, Hôsê Accađiô đi tắm theo lệ thường và khi anh ta sắp tắm xong, thì bốn đứa trẻ đã bị đuổi ra khỏi nhà bỗng ập vào theo lối những lỗ hổng trên mái ngói. Không để cho Hôsê Accađíô có thời gian tự vệ, chúng mặc nguyên cả quần áo nhảy vào bốn tắm, túm tóc và dìm đầu anh ta xuống nước, cho tới khi trên mặt nước không còn nổi lên một chút bọt nào của hơi thở hấp hối nữa, tấm thân như cá heo của Hôsê Accađiô bất động và tái nhợt nằm duỗi dài dưới đáy nước thơm. Sau đó chúng mang đi ba túi tiền vàng mà chỉ có chúng và nạn nhân của chúng mới biết nơi cất giấu. Đó là một việc làm nhanh chóng, có phương pháp và tàn bạo, giống như một cuộc tấn công của những nhà quân sự. Aurêlianô ở trong phòng kín nên không hay biết gì. Buổi chiều hôm ấy, khi ở bếp, Aurêlianô nhớ Hôsê Accađiô nên đi tìm anh ta khắp nhà và thấy anh ta nổi trên mặt nước thơm trong bồn tắm, đã trương phềnh, nhưng lòng vẫn còn nghĩ đến Amaranta. Đến lúc ấy Aurêlianô mới biết mình đã bắt đầu yêu mến anh ta như thế nào.
Chú thích:
(1) Tiếng Anh, "Giáo trình cơ sở về tiếng Phạn.
(2) Tập anh hùng ca gồm 20 chương của Torcualô Tatsô (1575-?)
(3) Mintôn (1608-1674) nhà thơ và nhà viết kịch người Anh. Một trong những tác phẩm nổi tiếng của ông là tập anh hùng ca mang nội dung tôn giáo Thiên đường đã mất, viết về sự ra đời và sự suy vong của nhân loại. Ông bị mù từ năm 1652. Tác phẩm trên được ông đọc để vợ và các con gái ghi chép lại.
(4) Thánh Piôtr là vị thánh tông đồ số một của Chúa Giêsu. Sinh

khoảng năm thứ 10 trước Công nguyên và mất khoảng năm 67 sau Công nguyên, dưới triều đại Nerô. Trên khu đất mai táng ông người ta đã xây dựng thánh đường Vaticăng. Ngày lễ. 29 tháng 6.

(5) Một thứ tiếng địa phương được dùng ở Catulut, thuộc Tây Ban Nha.

(6) Nhân vật trong Cựu ước, là con của Abraham và Sara và là cha của Jabơ.

(7) đôblông và đôbla: tiền vàng Tây Ban Nha từ thời Trung cổ.

Chương 19

Amaranta Ucsula trở về vào đầu tháng mười hai, vui tươi và hớn hở, dắt theo một anh chồng ngoan ngoãn bằng sợi thừng tơ buộc ở cổ. Cô trở về đột ngột, không hề báo trước mặc bộ đồ trắng ngà, đeo chuỗi ngọc dài đến tận đầu gối, cùng những chiếc nhẫn bằng ngọc bích và đá quí, mái tóc uốn tròn mượt mà, hai bên tóc mai uốn cong được cài mỏ chim én. Người đàn ông đã kết hôn với cô sáu tháng trước là một người Phần Lan, đã cứng tuổi, khoẻ đẹp và có dáng dấp của một thuỷ thủ. Chưa cần đẩy cửa phòng ngoài, Amaranta Ucsula đã nhận ngay ra rằng so với dự định, mình vắng mặt đã quá lâu và trở về quá chậm.

- Trời đất ơi, - cô kêu lên với vẻ vui sướng nhiều hơn là sợ hãi, - sao lại chẳng có một người đàn bà nào ở đây thế này!

Hành lý của Amaranta Ucsula xếp ở hành lang không xuể. Ngoài chiếc rương cũ của Phecnanđa mà cha mẹ đã gửi tới trường cho, Amaranta Ucsula còn mang về hai tủ đứng quần áo bốn va-li lớn, một bao tải đầy những chiếc ô che nắng, tám thùng mũ nan với chiếc lồng to đùng nhốt năm chục chim yến, chiếc xe đạp ẩy chân của

chồng đã được tháo rời và đựng trong một bọc có thể xách như xách một cây đàn viôlôngxen. Sau chuyến đi dài, cô không nghỉ ngơi dù chỉ một ngày. Amaranta Ucsula vận chiếc quần bảo hộ lao động bằng vải dày đã sờn mà chồng mang về cùng một vài thứ áo quần của các tay đua mô tô, rồi bắt tay vào việc sửa sang ngôi nhà. cô xua đuổi lũ kiến đỏ đã ngự trị hành lang, chăm sóc cho các khóm hồng tươi lại, nhổ sạch đến tận rễ các loại cỏ dại, trồng lại các chậu cây dương xỉ, kinh giới và thu hải đường ở cạnh cầu thang. Amaranta Ucsula chỉ huy một đội thợ mộc, thợ khoá và thợ nề tiến hành việc trát lại những chỗ nứt nẻ trên nền nhà, chữa lại các cửa, sửa các loại bàn ghế, giường tủ và quét vôi trắng các bức tường cả bên trong lẫn bên ngoài, cho nên chỉ ba tháng sau khi cô trở về, không khí tươi trẻ và hội hè của thời kỳ có chiếc đàn pianô tự động xưa kia đã trở lại với ngôi nhà. Ở nhà này chưa hề có ai luôn luôn vui vẻ, vào bất kỳ lúc nào và bất kỳ hoàn cảnh nào như Amaranta Ucsula, chưa có ai sẵn sàng nhảy múa, ca hát và sẵn sàng vứt bỏ mọi đồ vật và các tập tục khô khan vào đống rác như cô. Amaranta Ucsula chỉ quét một nhát chổi là hết sạch các kỷ mềm tang thương cùng các vật vô dụng và các thứ đồ tế lễ mê tín dị đoan xếp đống trong góc nhà, và cô chỉ giữ lại - để tỏ lòng biết ơn Ucsula - tấm hình của Rêmêđiôt ở phòng ngoài: "Đẹp quá này" - cô kêu lên và cười ngặt nghẽo - "Một bà cụ mười bốn tuổi!". Khi một người thợ nề bảo rằng trong nhà này có rất nhiều ma quái và chỉ có thể đuổi chúng đi bằng cách tìm ra những báu vật mà người ta đã chôn cất, thì Amaranta Ucsula cười khanh khách và nói rằng cô không tin vào những chuyện dị đoan. Amaranta Ucsula rất tự nhiên, thoải mái, có tinh thần mới mẻ và phóng khoáng đến mức khi nhìn thấy cô Aurêlianô đâm ra lúng túng. "Thật tuyệt

vời", - Amaranta Ucsula reo lên sung sướng, với đôi tay rộng mở. - "Người ăn thịt đồng loại đáng kính của tôi đã trưởng thành biết bao"! Trước khi Aurêlianô kịp phản ứng, Amaranta Ucsula đã đặt đĩa hát vào chiếc máy hát xách tay mà cô mang theo và dạy anh những điệu nhảy tân thời. Cô bắt Aurêlianô bỏ những chiếc quần bẩn thỉu thừa kế của đại tá Aurêlianô Buênđya, cô tặng Aurêlianô những chiếc áo kiểu trẻ trung và đôi giày hai màu, rồi bắt anh ra đường mỗi khi anh ở quá lâu trong căn phòng của Menkyađêt. Amaranta Ucsula hoạt bát, mảnh mai và bướng bỉnh như Ucsula, xinh đẹp và khêu gợi như Rêmêđiôt - Người đẹp, cô có một bản năng bẩm sinh rất lạ lùng về khả năng đi trước thời thượng. Khi qua đường bưu điện nhận hình vẽ các mốt mới nhất, ngay lập tức Amaranta Ucsula biết rằng cô đã không nhầm khi nghĩ ra những kiểu mẫu đó, và đó chính là những mẫu được cô may trên chiếc máy quay tay thô sơ của Amaranta. Cô đã đặt mua nhiều tạp chí về mốt thời trang và tờ thông tin về nghệ thuật và âm nhạc dân gian xuất bản ở châu âu, và chỉ thoáng qua Amaranta Ucsula đã biết ngay rằng mọi chuyện diễn ra đúng như cô mường tượng từ trước. Không thể hiểu nổi vì sao một người đàn bà có đời sống tinh thần như vậy lại trở về lột thị trấn lặng như chết và chìm đắm trong bụi bặm và nóng nực này, nhất là lại về với một người chồng có thừa tiền để sống ở bất kỳ nơi nào khác trên thế giới và yêu vợ đến mức để cho vợ dùng thừng tơ buộc cổ lôi đi. Nhưng, càng ngày càng thấy rõ rằng Amaranta Ucsula có ý định ở hẳn lại đây bởi vì cô chỉ chấp nhận những chương trình lâu dài, và chỉ làm những gì phục vụ việc chuẩn bị cho một cuộc sống thuận tiện và một tuổi già yên tĩnh ở Macôndô. Chiếc lồng chim yến cho thấy những ý định ấy không phải là ngẫu

nhiên. Khi Amaranta Ucsula nhớ lại rằng mẹ cô có viết trong một bức thư về chuyện chim chóc bị huỷ diệt, cô liền hoãn ngay lại một vài tháng chờ đến khi có một chiếc tàu từng ghé qua vùng đảo Aphortunađat và trên chiếc tàu đó cô đã chọn được hai mươi lăm đôi chim yến đẹp nhất để mang về gây lại giống trên bầu trời Macôndô. Trong rất nhiều sáng kiến không thực hiện được của Amaranta Ucsula, đây là điều đáng tiếc nhất. Cô đã thả từng đôi chim yến ra với ý định để cho chúng sinh sôi nảy nở, nhưng chúng đã vụt bay khỏi Macôndô trước khi nhận ra rằng chúng được tự do. Cô đã cố gắng giữ chúng lại một cách vô ích bằng chiếc lồng mà Ucsula đóng trong lần sửa sang nhà cửa đầu tiên. Cô đã làm những chiếc tổ giả bằng cói ở trên cây hạnh đào, rắc hạt kê lên mái ngói và dùng tiếng hót của những con chim trong lồng để gọi những con chim kia quay lại, nhưng tất cả đều vô ích, vì chúng càng có ý định bỏ đi, chúng chỉ bay một vòng trên trời để tìm đường trở về vùng đảo Aphortunađat. Một năm sau khi trở về, mặc dù chưa có một quan hệ bạn bè thân mật và chưa mở một hội vui nào, nhưng Amaranta Ucsula vẫn tin rằng có thể khôi phục được cái cộng đồng đang ở trong tình trạng bất hạnh đó. Gastôn, chồng cô, luôn luôn giữ ý để không va chạm với vợ, mặc dù ngay từ buổi trưa nhớ đời ấy khi từ tàu hoả bước xuống, ông ta đã cho rằng quyết định của vợ mình là do ảo giác của sự nhớ nhung quê hương gây nên. Tin chắc rằng quyết định đó sẽ bị thực tế làm thay đổi, nên ngay cả việc lắp lại chiếc xe đạp ông ta cũng chẳng làm, mà chỉ đi kiếm những trứng nhện đẹp nhất trong các mạng nhện mà đám thợ nề hất xuống, lấy móng tay xé ra rồi để hàng giờ dùng kính lúp xem những con nhện bé li ti từ trong đó chui ra. Sau đó, cho rằng Amaranta Ucsula tiếp tục làm các công việc cải

tạo kia vì không muốn cánh tay trở nên vụng về và biến dạng, Gastôn liền lắp lại chiếc xe đạp bánh trước lớn gấp bội bánh sau, rồi lại tìm bắt và mổ xẻ những con sâu bọ lạ mà ông ta thấy ở quanh nhà bỏ vào các lọ đựng mứt hoa quả rồi gửi cho người thầy cũ dạy lịch sử tự nhiên ở trường đại học Liêha, ở đó ông đã học rất tốt môn sinh vật mặc dù luôn luôn có ý muốn trở thành người lái máy bay. Khi đi xe đạp, Gastôn mặc loại quần của người làm xiếc trên dây, đi đôi tất sặc sỡ và đội chiếc mũ kiểu thám tử, nhưng khi đi bộ ông lại mặc một bộ đồ đẹp hết ý bằng vải gai thô, đi giày trắng, thắt cà vạt nhỏ bằng lụa, đội mũ nan vành phẳng và tay cầm gậy song. Gastôn có đôi mắt màu xám nhạt làm nổi thêm phong độ của một thuỷ thủ, bộ ria hung hung màu lông sóc. Mặc dù Gastôn hơn vợ chí ít là mười lăm tuổi, nhưng ông có những ý thích rất trẻ rung, luôn luôn muốn làm cho vợ được hạnh phúc và có những phẩm chất của một người tình tốt tất cả những điều đó bù đắp cho sự cách biệt về tuổi tác giữa hai người. Thực ra những ai nhìn thấy người đàn ông ngoại tứ tuần, có những thói quen rất thận trọng, luôn luôn phục tùng vợ ấy và thấy chiếc xe đạp ẩy chân - kiểu xe trong rạp xiếc - của ông ta, đều không thể nghĩ rằng giữa ông ta và người vợ trẻ có sự hoà hợp trong một tình yêu phóng túng, rằng ở những nơi không thuận tiện nhất, bất ngờ nhất, họ luôn luôn thoả mãn với nhau như thuở ban đầu gặp gỡ và có một cảm hứng yêu đương mỗi ngày một sâu sắc hơn, phong phú hơn. Gastôn không chỉ là một người tình mãnh liệt, có sự hiểu biết và trí tưởng tượng không bao giờ cạn, mà có lẽ là người đầu tiên trong lịch sử yêu đương đã làm một cuộc hạ cánh khẩn cấp để đến nỗi suýt nữa thì toi mạng cùng với người yêu, chỉ bởi vì muốn làm chuyện ái ân bên trên một cánh đồng hoa viôlet.

Gastôn và Amaranta Ucsula quen nhau từ ba năm trước ngày cưới, khi chiếc máy bay thể thao cánh kép có vỏ bằng vải dày và nhôm dát mỏng của Gastôn đã bay một đường bay dũng cảm để tránh đâm vào cột cờ và phần đuôi của nó bị mắc chặt vào dây điện nên Gastôn đã phải nhảy xuống sân trường của Amaranta Ucsula. Thế là từ đấy, mặc dù chân bị nẹp, cứ cuối tuần Gastôn lại đến nhà trọ của những người phụ nữ theo đạo, nơi Amaranta cư trú thường xuyên - ở đó nội qui cũng chẳng ngặt nghèo lắm như Phecnanđa mong muốn - để đón cô đến câu lạc bộ thể thao của anh. Họ bắt đầu yêu nhau trên độ cao năm trăm mét, trong ngày chủ nhật khi bay trên những cánh đồng hoang, và họ càng thấy gắn bó với nhau hơn khi thấy mình là những con người quá nhỏ bé trên trái đất. Amaranta Ucsula nói về Macôndô như thể đó là một xóm làng rực rỡ và thanh bình nhất trên thế giới, nói về ngôi nhà lớn luôn ngào ngạt mũi hoa kinh giới, cô muốn sống ở đó đến già với người chồng chung thuỷ và hai đứa con trai bướng bỉnh mà sẽ có tên là Rôđrigô và Gônxalô chứ không bao giờ chúng là Aurêlianô hoặc Hôsê Accađiô và một đứa con gái sẽ có tên là Virhinia chứ nhất định không là Rêmêđiôt. Amaranta Ucsula nhắc nhở thường xuyên đến làng quê đã được lý tưởng hoá bằng nỗi nhớ nhung, khiến cho Gastôn hiểu rằng cô sẽ không lấy chồng nếu như không được đưa về sống ở Macôndô. Gastôn chấp thuận cũng như sau này chấp thuận theo ý thích của vợ, bởi vì tin rằng đó chỉ là một khát vọng nhất thời mà rồi nó sẽ bị thời gian xoá đi. Nhưng khi đã qua hai năm sống ở Macôndô mà thấy Amaranta Ucsula vẫn hoan hỷ như ngày mới về thì Gastôn bắt đầu thấy dấu hiệu báo động. Cho đến lúc ấy, ông đã mổ xẻ biết bao nhiêu sâu bọ ở vùng này, đã nói tiếng Tây Ban Nha như người địa phương và đã điền kín

các ô đố chữ trên những tờ tạp chí mà họ nhận được qua đường bưu điện. Gastôn không thể lấy cớ về khí hậu để sớm trở về, vì thiên nhiên đã phú cho ông một buồng gan có thể thích nghi dễ dàng với những miền đất xa lạ, có thể chịu đựng được cái nóng ngột ngạt ban trưa và thứ nước có bọ gậy ở bên trong. Anh rất thích món ăn đặc sản của địa phương, có lần đã ăn hết tám mươi hai quả trứng thằn lằn. Ngược lại, Amaranta Ucsula mang theo cá và các loại hải sản ướp trong các thùng nước đá, thịt hộp và mứt hoa quả, vì cô chỉ ăn được những thứ đó thôi; cô vẫn mặc theo kiểu châu Âu và nhận hình vẽ các loại mốt ăn vận qua đường bưu điện dù chẳng đi đâu và chẳng thăm ai, và mặc dù anh chồng đã chẳng còn hào hứng lắm với việc khen ngợi những bộ đồ ngắn, những chiếc mũ len đội lệch và những dây trang sức quấn đến bảy vòng mới hết của cô. Có lẽ điều bí ẩn của Amaranta Ucsula là ở việc cô luôn luôn tìm cách để bận rộn, cô làm những việc trong nhà do mình nghĩ ra, làm ẩu một số việc để rồi ngày hôm sau lại sửa chữa, với một sự vội vàng nguy hiểm từng khiến Phecnanđa nghĩ đến cái tật xấu di truyền ở trong cái nhà này là làm để rồi phá. Amaranta Ucsula vẫn giữ tính vui nhộn, cho nên khi nhận được đĩa hát mới cô lại bảo Gastôn ở lại trong phòng ngoài rất lâu để tập những điệu nhảy mà các bạn học của cô đã minh hoạ bằng hình vẽ, và sau đó họ thường kết thúc bằng những cuộc mây mưa trên những chiếc ghế xích đu sản xuất ở thành phố Viên hoặc trên nền nhà không trải thảm. Chỉ cần có con nữa thôi là Amaranta Ucsula hạnh phúc hoàn toàn, nhưng cô tôn trọng điều đã cam kết với chồng là chưa sinh đẻ trước khi chung sống được đủ năm năm.

Để khỏi trống trải trong những giờ nhàn rỗi, Gastôn đến phòng

Menkyađêt với anh chàng Aurêlianô lánh đời. Gastôn rất thích thú kể với Aurêlianô về những nơi thân thuộc nhất trên quê hương mình mà Aurêlianô hiểu biết tường tận như thể từng sống ở đó nhiều năm. Khi Gastôn hỏi làm thế nào để biết được những điều không ghi trong bộ bách khoa toàn thư, ông nhận được chính câu mà Aurêlianô đã trả lời Hôsê Accađiô: "Người ta biết tất cả". Ngoài tiếng Phạn, Aurêlianô đã biết tiếng Anh, tiếng Pháp, chút ít tiếng Latinh và tiếng Hy Lạp. Vì trong thời gian đó Aurêlianô ra khỏi nhà vào các buổi chiều và được Amaranta Ucsula dành cho khoản tiền chi tiêu hàng tuần lên phòng anh giống một bộ phận của hiệu sách ông già thông thái xứ Catalunha. Aurêlianô đọc một cách tham lam cho đến tận khuya, mặc dù qua cách đọc của Aurêlianô, Gastôn nghĩ rằng không phải Aurêlianô mua sách để tìm các thông tin mà là để kiểm nghiệm xem những kiến thức của mình có chính xác không, và chẳng thích cuốn sách nào hơn những bản viết trên tấm da thuộc mà anh đã dành cho chúng những khoảng thời gian tốt nhất của buổi sớm mai. Cả Gastôn và vợ đều muốn hoà mình vào cuộc sống gia đình, nhưng Aurêlianô là một người thầm kín, trong anh có một lớp mây mù bí ẩn mỗi ngày một dày đặc thêm. Gastôn không thể nào thân mật với Aurêlianô được, và ông phải tìm trò tiêu khiển khác để giải buồn trong những lúc rỗi rãi. Lúc ấy ông nảy ra ý định lập một đường bưu điện hàng không.

Đó không phải là một đề án mới mẻ. Thực ra, Gastôn đã có ý định ấy ngay từ khi quen biết Amaranta Ucsula, có điều là khi xưa không phải ông định thiết lập cho Macôndô mà cho xứ Côngô thuộc Bỉ, nơi gia đình ông có những khoản vốn đầu tư vào việc sản xuất dầu cọ. Đến khi lấy Amaranta Ucsula rồi, ông quyết định sẽ sống ở Macôndô một

vài tháng để chiều lòng vợ nên đành huỷ bỏ dự kiến trên. Nhưng khi Gastôn thấy Amaranta Ucsula kiên trì tổ chức những cải cách công cộng và thậm chí còn cười khi ông nói bóng nói gió đến khả năng trở về quê hương, khi ông hiểu rằng mọi chuyện đã đi quá xa, và thế là Gastôn lại nối đường liên hệ với những người bạn thân ở Bruxen mà lâu nay ông quên lãng, và ông nghĩ rằng để trở thành một người hướng đạo thì vùng Caribê hay là châu Phi cũng như nhau mà thôi. Trong khi mọi việc đang tiến triển, Gastôn chuẩn bị một bãi hạ cánh trên khu đất rộng hoang vu giống như một cánh đồng khô cứng nứt nẻ, và ông nghiên cứu hướng gió, nghiên cứu địa lý vùng duyên hải và những đường bay thích hợp, mà không hề biết rằng việc làm cẩn thận của mình - rất giống với việc làm của ngài Hơcbơc đã gây nên một sự nghi ngờ rất nguy hiểm trong dân làng, họ nghĩ rằng mực đích của ông không phải là mở đường mà là trồng chuối. Phấn khởi với cái điều bất chợt nghĩ ra mà cuối cùng dẫu sao cũng xác định lý do của việc ông dứt khoát ở lại Macôndô, Gastôn đã đến tỉnh lị vài lần, gặp các nhà chức trách, lấy được giấy phép và ký được những hợp đồng độc quyền. Trong khi đó, ông tiếp tục trao đổi thư từ với những người bạn thân ở Bruxen, giống như quan hệ thư tín giữa Phecnanđa và các thầy thuốc không nhìn thấy được, thuyết phục họ rằng hãy gửi chiếc máy bay đầu tiên đến cùng với một tổ thợ máy lão luyện để lắp ráp nó ở hải cảng gần nhất rồi từ đó bay đến Macôndô. Một năm sau khi bắt đầu đo lường và tính toán về khí tượng, tin tưởng vào những lời hứa hẹn được nhắc đi nhắc lại của những người trao đổi thư từ với mình, Gastôn đã có thói quen vừa đi đường vừa nhìn lên trời, lắng nghe tiếng gió, chờ mong máy bay xuất hiện. Việc Amaranta Ucsula trở về đã đưa đến sự thay đổi căn bản trong

cuộc sống của Aurêlianô mặc dù cô không để ý thấy điều đó Sau khi Hôsê Accađiô chết, Aurêlianô trở thành một khách hàng thường xuyên của ông già thông thái người xứ Catalunha. Hơn nữa, lúc này Aurêlianô được tự do và có thời gian. Những điều ấy khơi dậy trong anh một sự tò mò nhất định đối với cái thị trấn mà anh chẳng hề lạ lùng. Trên những con đường vắng vẻ và bụi mù, với sự quan tâm mang tính khoa học hơn lâ tính nhân đạo, Aurêlianô vừa đi vừa xem xét phía bên trong của những ngôi nhà đổ nát, những tấm lưới sắt ở các cửa sổ đã bị gỉ, và các bầy chim hấp hối cùng những con người đã bị kỷ mềm làm cho nhu nhược đi. Với trí tưởng tượng, anh định khôi phục lại vẻ rực rỡ đã bị huỷ hoại của thành phố thời Công ty chuối mà lúc này chiếc bể bơi ở đó đã khô cạn, chất đầy giày đàn ông và dép đàn bà, trong những ngôi nhà hoang tàn Aurêlianô thấy bộ xương của một con chó Đức còn bị cột vào một chiếc vòng bằng sợi xích sắt, và một máy điện thoại chuông cứ réo liên hồi, khi Aurêlianô nhấc ống nghe lên, anh hiểu được điều mà một người đàn bà đau khổ và cổ xưa hỏi bằng tiếng Anh trong máy, anh trả lời rằng đúng như vậy, cuộc đình công đã kết thúc, ba ngàn xác người chết đã bị đổ xuống biển, Công ty chuối đã bỏ đi và đã từ nhiều năm nay Macôndô trở lại thanh bình. Những cuộc đi dạo đó đã đưa Aurêlianô đến xóm lầu xanh điêu tàn, ở đó xưa kia người ta đốt hàng nắm tiền để mua vui cho các cuộc sống nhảy nhót, bây giờ đó là khu vực của những đường phố tang thương nhất, với một vài ngọn đèn đỏ còn đang thắp, những phòng nhảy vắng tanh được trang trí bằng những chiếc miện bỏ đi, ở đó những người vợ goá chẳng của ai cả, xanh rớt và béo ị, những bà lão người Pháp và những chủ chứa người Babilon vẫn tiếp tục đợi chờ bên cạnh những chiếc máy hát quay tay.

Aurêlianô không thấy ai nhớ gì đến gia đình anh, ngay cả đến đại tá Aurêlianô Buênđya cũng không được nhớ tới nữa, trừ một người đàn ông già nhất trong số những người da đen ở vùng Antidat, một ông già có mái tóc trắng như bông trông giống hình người trong tấm phim âm bản, đang tiếp tục hát ở dưới mái hiên những khúc ca thê thảm về buổi chiều tàn. Aurêlianô nói chuyện với ông già bằng thứ thổ ngữ của vùng Curaxao anh đã học được trong có vài tuần, và thỉnh thoảng cùng ăn với ông món canh đầu gà do cô gái gọi ông ta bằng cố nấu cho. Đó là một cô gái da đen to lớn, xương cốt cứng cỏi, háng như háng ngựa, cặp vú như hai quả dưa tươi, mái đầu tròn và đẹp có chụp một chiếc lưới giữ tóc bằng dây đồng trông giống như chiếc mũ bịt đầu của một chiến binh thời Trung cổ. Cô ta tên là Nigrômanta. Dạo ấy Aurêlianô bán những bộ đồ ăn, giá cắm nến và những thứ đồ cũ khác của nhà để lấy tiền ăn. Khi không có một xu dính túi, và thường là như vậy, Aurêlianô đến các quán ăn trong chợ, ở đó người ta cho anh những đầu gà lẽ ra vứt vào đống rác, Aurêlianô mang về cho Nigrômanta nấu canh, cô ta còn bỏ rau thơm vào cho thêm ngon lành. Khi ông cụ chết rồi, Aurêlianô không năng lui tới nhà Nigrômanta như trước nữa, nhưng vẫn gặp cô ta dưới bóng tối những cây hạnh đào ở ngoài quảng trường khi cô ta đang gạ gẫm những khách chơi đêm hiếm hoi bằng tiếng huýt gió như tiếng thú rừng. Nhiều lần Aurêlianô cặp kè bên cạnh Nigrômanta và nói với cô, bằng thứ tiếng của xứ Curaxao về món canh đầu gà và những thứ ngon lành thú vị khác của cảnh nghèo hèn, và chắc là Aurêlianô cứ tiếp tục như vậy nếu như Nigrômanta không bảo cho anh biết rằng việc anh đi với cô sẽ làm cho cô mất khách. Mặc dù có những lần Aurêlianô cảm thấy thèm khát và chính Nigrômanta cũng

đồng cảm và muốn chia sẻ với anh, nhưng hai người vẫn chưa ăn nằm với nhau. Bởi vậy cho đến khi Amaranta Ucsula trở về Macôndô và ôm hôn anh một cách thân tình khiến anh lặng người đi, thì Aurêlianô vẫn còn là một chàng trai chưa biết mùi đời. Mỗi lần Aurêlianô nhìn thấy Amaranta Ucsula, và tệ nhất là những lúc cô dạy anh những điệu nhảy mới mẻ, Aurêlianô lại có cảm giác đê mê trong xương cốt, đó chính là cái cảm giác đã từng làm cho cụ tổ năm đời của anh mụ người đi khi Pila Tecnêra kiếm cớ xem bói bài cho cụ ở kho ngô. Cố nén nỗi đau khổ trong lòng, Aurêlianô vùi đầu vào những dòng chữ trên tấm da thuộc và tránh sự khêu gợi ngây thơ của người đàn bà đã từng làm anh mất ngủ nhiều đêm vì bị sự thèm khát không được thoả mãn giày vò; nhưng càng tránh Amaranta Ucsula thì anh lại càng khao khát chờ nghe tiếng cười khanh khách, tiếng rên như tiếng mèo gừ của cô cất lên trong khi đang sung sướng thoả mãn tình dục vào bất kỳ lúc nào và ở những chỗ bất ngờ nhất trong nhà. Một đêm, trên chiếc bàn lớn ở xưởng kim hoàn, chỉ cách giường của Aurêlianô mười mét, vợ chồng Amaranta Ucsula đã diễn các trò ái ân một cách cuồng nhiệt, không còn biết trời đất là gì nữa. Đêm ấy, chẳng những Aurêlianô không thể chợp mắt, mà ngay hôm sau anh vẫn còn hầm hập như sốt và bực tức đến phát khóc lên. Với Aurêlianô, sẽ chẳng bao giờ mất đi cái đêm đầu tiên anh chờ đợi Nigrômanta trong bóng tối những cây hạnh đào, cố vượt lên nỗi lo lắng, do dự, tay nắm chặt một đồng rưỡi pêxô mà anh đã xin của Amaranta Ucsula, không phải anh xin tiền vì cần tiêu, mà là để trả thù Amaranta Ucsula, làm nhục cô bằng việc dùng số tiền đó đi mua dâm ở người con gái khác. Nigrômanta dẫn Aurêlianô vào căn buồng có ánh sáng mờ ảo của những ngọn nến mạt hạng, đến chiếc giường

ngủ là tấm ván kê trên đôi mễ và có trải tấm vải đã nhàu bẩn sau những cuộc truy hoan, tiếp đón Aurêlianô bằng tấm thân đã dày dạn, trơ trẽn và không hề bộc lộ một chút tình cảm, cô chuẩn bị tư thế để vắt cổ Aurêlianô như vắt cổ một chú bé còn nhút nhát, nhưng ngay lập tức Nigrômanta đã nhận thấy ở anh ta một người đàn ông dữ dội khiến cô phải quằn quại toàn thân.
Aurêlianô và Nigrômanta cặp bồ với nhau. Aurêlianô dành buổi sáng để đọc các ký hiệu trên những tấm da thuộc, buổi trưa anh đến cái phòng ngủ đầy kích thích kia, ở đó Nigrômanta chờ đợi để bày cho anh hết ngón chơi này đến ngón chơi khác, cho đến khi cô ta phải rời Aurêlianô ra để đi rình bắt những "con bò lạc" khác. Cứ như vậy đến vài tuần sau Aurêlianô mới phát hiện ra rằng ở thắt lưng Nigrômanta có một sợi dây nhỏ như được làm bằng dây đàn viôlôngxen nhưng rắn như thép và không có chỗ nối vì nó sinh ra và lớn lên cùng với cô ta. Gần như lần nào cũng vậy, giữa các đợt mây mưa, họ trần truồng và ăn ngay trên giường, trong cái nóng khủng khiếp và dưới những ngôi sao ban ngày có thể nhìn thấy qua các lỗ thủng trên mái tôn bị gỉ. Lần đầu tiên Nigrômanta có một người đàn ông thường trực, một "cái cọc" như chính cô gọi trong khi cười ngất, điều đó khiến cho Nigrômanta đã bắt đầu có ảo tưởng ở tình yêu và ảo tưởng đó chỉ chấm dứt khi Aurêlianô thú thật nỗi khát khao không được thoả mãn với Amaranta Ucsula mà sự thay thế của Nigrômanta không thể làm nguôi đi, ngược lại, lòng anh lại càng bị giày vò hơn khi kinh nghiệm khiến cho chân trời tình ái rộng mở thêm. Thế là, tuy vẫn tiếp Aurêlianô nồng nàn như trước, nhưng Nigrômanta đòi thù lao một cách gay gắt, đến mức khi Aurêlianô không có tiền trả, cô đã ghi nợ, không phải ghi bằng chữ số mà bằng những vạch móng tay ở mặt

sau cánh cửa. Tối đến, khi Nigrômanta đi lang thang trong bóng tối ở quảng trường thì Aurêlianô đi đi lại lại ở hành lang như một người khánh lạ trong nhà, anh chào hỏi qua loa Amaranta Ucsula và Gastôn - hàng ngày vợ chồng họ ăn tối vào giờ này - rồi quay về phòng, đóng cửa lại, anh không thể đọc, không thể viết và thậm chí không thể nghĩ ngợi được gì, cứ nôn nao vì những tiếng cười đùa bỡn cợt dạo đầu và sự bùng nổ sau đó của việc tận hưởng lạc thú diễn ra suốt đêm của đôi vợ chồng kia. Đó là cuộc sống của Aurêlianô trong hai năm trước khi Gastôn bắt đầu chờ máy bay đến, và cứ như vậy cho tới một buổi chiều Aurêlianô đến quán sách của ông già thông thái người xứ Catalunha và gặp bốn chàng trai lắm mồm đang cãi nhau gay gắt về các biện pháp diệt gián ở thời Trung cổ. Ông chủ quán sách biết rằng Aurêlianô thích những chốn mà trước kia chỉ có thánh Bêđa Đấng chí tôn(1) đọc thôi, đã khôn khéo mời anh tham gia cuộc tranh luận, và Aurêlianô nói một thôi một hồi rằng gián, theo sách Cựu ước là loài vật cánh xuất hiện sớm nhất trên trái đất đã chết nhiều nhất do bị đập bằng dép, nhưng là loài vật hoàn toàn bất trị với bất cứ biện pháp tiêu diệt nào, từ cà chua trộn muối bôrăc đến bột mì trộn đường, bởi vì ngay từ thời rất xa xưa một ngàn sáu trăm lẻ ba loại gián đã chống đỡ lại sự truy đuổi rất bền bỉ và không thương xót của loài người đối với bất kỳ loài vật nào, kể cả đôi với chính bản thân loài người nữa, đến mức độ cùng với việc có bản năng sinh đẻ, loài người còn có bản năng giết gián, và nếu như loài gián thoát khỏi sự cuồng nộ của loài người thì chính là vì chúng đã ẩn nấp trong bóng tối, ở đó chúng không bị tổn thất, bởi loài người có nỗi sợ hãi bẩm sinh đôi với bóng tối, nhưng ngược lại, chúng lại rất sợ ánh sáng giữa trưa, do vậy ở thời kỳ Trung cổ, hiện

nay và mãi mãi sau này, biện pháp hữu hiệu duy nhất để diệt gián là dùng ánh sáng mặt trời.

Cái thuyết định mệnh mang tính chất bách khoa ấy là cơ sở cho một quan hệ thân hữu sâu sắc giữa những người trẻ tuổi này. Từ ấy, chiều nào Aurêlianô cũng gặp bốn chàng trai hay tranh biện kia, đó là Anvarô, Hecman, Anphônxô và Gabrien, những người bạn đầu tiên và cũng là cuối cùng trong cuộc đời anh. Đối với một người đàn ông từng giam mình trong sách vở như Aurêlianô, những buổi học bão táp, bắt đầu ở hiệu sách từ lúc sáu giờ chiều và kết thúc ở các nhà chửa vào lúc sớm mai, là một sự khám phá. Cho đến lúc ấy, Aurêlianô vẫn chưa nghĩ rằng văn chương là một trò chơi được bày đặt ra để bỡn cợt người khác, như Anvarô đã cho anh thấy trong một đêm chè chén. Phải một thời gian sau Aurêlianô mới nhận ra rằng rất nhiều sự kỳ cục đã bắt nguồn từ tấm gương của ông già thông thái người xứ Catalunha. Đối với ông ta, sự hiểu biết chẳng có giá trị gì nếu như nó không được sử dụng để phát minh ra một phương pháp thới làm sữa đậu.

Buổi chiều mà Aurêlianô giảng giải về loài gián, cuộc tranh luận được kết thúc ở ngôi nhà của những cô gái bán thân nuôi miệng, đó là một nhà chứa ma quái ở ngoại ô Macôndô. Chủ nhà là một người đàn bà tươi cười, luôn lo lắng về chuyện đóng cửa và mở cửa. Nụ cười vĩnh cửu của mụ dường như được tạo nên bởi sự nhẹ dạ của khách chơi, những người này cử tin chắc rằng cái nhà chứa này là có thật, là chắc chắn, mặc dù thực ra nó chỉ tồn tại trong tưởng tượng mà thôi, bởi vì ở đây ngay cả những đồ vật có thể sờ thấy được cũng là không có thực: những chiếc ghế sẽ rời ra khi người ta ngồi xuống, tròng chiếc máy hát quay tay có con gà mái đang ấp trứng, vườn hoa

gồm những bông hoa bằng giấy, lịch là lịch của những năm xa xưa, thuở Công ty chuối mới đến, những bức tranh là tranh cắt từ những tạp chí chưa in bao giờ. Đến cả những cô gái làm tiền nhút nhát từ những nhà bên chạy đến khi mụ ta thông báo là có khách đến cũng hoàn toàn không phải là người thật. Những cô gái ấy xuất hiện không chào hỏi ai, họ mặc những chiếc áo hoa của cái thuở lên năm tuổi hoặc ít hơn, họ cởi ra với cử chỉ ngây thơ như khi mặc vào, và trong lúc sự ân ái lên đến đỉnh cao thì họ lại kêu lên một cách kinh ngạc rằng sao mà dữ dội thế, rằng hãy nhìn xem trần nhà đang sập xuống kia kìa, và ngày sau khi nhận một đồng rưỡi pêxô họ liền đem tất cả số tiền đó mua một chiếc bánh và một mẩu pho-mát mà mụ chủ bán cho, lúc đó mụ ta vui vẻ hơn bất kỳ lúc nào khác vì chỉ có mụ mới biết rằng ngay cả những thứ đó cũng chẳng phải là thức ăn thật. Aurêlianô, mà lúc đó thế giới của anh chỉ bắt đầu ở những tấm da thuộc chi chít chữ và kết thúc ở chiếc phản của Nigrômanta, tìm thấy ở cái nhà chứa ma quái ấy một phương thuốc ngốc nghếch cho sự nhút nhát của mình. Thoạt đầu Aurêlianô không dám đến một căn phòng mà mụ chủ thường bước vào giữa những thời điểm tốt nhất của việc ân ái, ở đó mụ ta bình luận mọi kiểu về sự khoái lạc của những người trong cuộc mây mưa. Nhưng dần dần anh ta trở nên quen thuộc với những bổng lộc ấy của trái đất, đến mức một đêm buông tuồng nhất anh ta đã trút bỏ quần áo ở ngoài phòng tiếp đón, vừa đi khắp nơi trong nhà vừa giữ thăng bằng một chai bia đặt trên các bộ phận thuộc giống đực rất khác thường của mình. Chính Aurêlianô là người đã bày đặt ra những kiểu chơi kỳ quái mà mụ chủ hưởng ứng với nụ cười không biết tắt trên môi, mụ không phản đối cũng phòng tin những trò đó là có thật, cũng như thái độ của mụ khi

Hecman định đốt ngôi nhà này để chứng minh rằng nó không tồn tại, hay là khi Anphônxô vặn cổ con vẹt và ném nó vào cái thảo nước đang sôi bắt đầu luộc gà.

Dù Aurêlianô thấy gắn bó với cả nhóm bằng những tình thân thiện và yêu mến duy nhất, đến mức anh nghĩ rằng bốn người kia chỉ là một, anh vẫn gần gũi với Gabrien hơn với ba người kia. Sự gắn bó ấy nảy sinh trong cái đêm mà vô tình Aurêlianô nhắc tới đại tá Aurêlianô Buênđya, và Gabrien là người duy nhất không tin rằng Aurêlianô đang giễu cợt ai. Đến cả mụ chủ, thường không xen vào những cuộc chuyện trò, lúc ấy cũng gân cổ lên mà cãi rằng đại tá Aurêlianô Buênđya, người mà quả thật mụ có nghe nói tới một vài lần, chỉ là một nhân vật mà chính phủ bịa ra để kiếm cớ giết những người Tự do. Ngược lại, Gabrien không hề tỏ ra nghi ngờ đối với sự thật về đại tá Aurêlianô Buênđya, vì đại tá là chiến hữu và là người hạn nối khố của cụ tổ anh ta, đại tá Hêrinêndô Mackêt. Những sự gợi nhớ không hẳn là cố ý càng sâu sắc hơn khi họ nói về vụ tàn sát những người lao động. Mỗi khi Aurêlianô đụng đến chuyện đó, không chỉ mụ chủ mà cả một số người lớn tuổi hơn mụ đều phủ nhận những lời đồn đại về những người lao động bị vây chặt ở nhà ga, về đoàn tàu hai trăm toa chở xác chết, thậm chí họ còn khăng khăng tin vào những điều đã được ghi trong những hồ sơ pháp lý và trong sách của trường tiểu học là Công ty chuối không hề tồn tại bao giờ cả. Aurêlianô và Gabrien gắn bó với nhau bằng một sự đồng cảm được xây dựng trên những sự kiện có thật mà chẳng ai tin, những sự kiện tác động đến cuộc sống của hai người tới mức họ thấy mình lưu lạc trong sự chao đảo của một thế giới đã bị tàn phá, ở đó chỉ còn lại một sự nhớ nhung mà thôi. Gabrien ngủ ở bất kỳ chỗ nào khi anh ta buồn ngủ.

Một vài lần Aurêlianô để anh ta ngủ ở xưởng kim hoàn, nhưng ở đó anh ta thức trắng đêm vì bị váng đầu nhức óc bởi những tiếng động mà những người chết đi lại suốt đêm ở trong các phòng ngủ gây nên. Sau đó Aurêlianô gửi gắm Gabrien cho Nigrômanta. Những lúc rỗi rãi cô ta đưa Gabrien về căn phòng tiếp khách làng chơi của mình và cô lại ghi nợ bằng những vạch dọc trên mặt sau cánh cửa, ở những chỗ trống còn lại rất ít ỏi sau khi đã ghi nợ của Aurêlianô. Mặc dù sống rất bừa bãi, cả nhóm cũng cố gắng làm một việc gì đó có ý nghĩa lâu bền, theo yêu cầu của nhà thông thái xứ Catalunha. Với kinh nghiệm của một cựu giáo viên văn học cổ điển và với kho sách lạ lùng, cụ là người đã tạo điều kiện cho họ dành cả một đêm để tìm tình huống kịch thứ ba mươi bảy, ở một nơi mà chẳng một ai có ý muốn và có điều kiện để học quá bậc tiểu học. Bị quyến rũ bởi việc phát hiện ra tình bạn, mê mẩn bởi sự thôi miên của một thế giới mà trước đó bị tính hẹp hòi của Phecnanđa che lấp, Aurêlianô từ bỏ việc khám phá những chữ ghi trên tấm da thuộc, ngay giữa lúc những câu thơ bí ẩn đã bắt đầu hiện ra với anh. Nhưng sau khi biết chắc rằng vẫn còn đủ thời gian để làm tất cả mà vẫn không cần phải dứt bỏ những nhà chứa kia, Aurêlianô lại có ý chí để quay lại căn phòng của Menkyađêt, anh quyết định không nản lòng cho đến khi khám phá ra những khoá mã cuối cùng. Những điều đó xảy ra trong thời gian Gastôn bắt đầu chờ đợi máy bay đến, và Amaranta Ucsula sống rất cô đơn. Một buổi sớm cô ta vào phòng của Menkyađêt:
- Xin chào người ăn thịt đồng loại, - cô ta nói, - anh lại ở trong hang của mình rồi.
Amaranta Ucsula đẹp không chịu được, cô mặc bộ đồ do cô may và đeo một trong những sợi dây chuyền dài cũng do chính cô làm bằng

những đốt xương sống cá chăng. Amaranta Ucsula đã thả lỏng anh chồng, tin rằng chồng chung thuỷ, và đây là lần đầu tiên từ ngày về cô ta có vẻ thành thơi một chút.
Aurêlianô chẳng cần nhìn cũng biết rằng cô ta đến. Amaranta Ucsula chống khuỷu tay lên mặt bàn, rất gần và rất dịu dàng khiến Aurêlianô như cảm nhận được những tiếng lao xao trong xương cốt của cô, và Amaranta Ucsula hỏi về những tấm da thuộc có viết chữ. Aurêlianô cố gắng chế ngự sự bối rối, lấy lại tiếng nói, sức sống và trí nhớ như đã biến đâu mất và nói với cô về số phận của tiếng Phạn, về khả năng khoa học có thể nhìn thấy tương lai hiện rõ trong thời gian như có thể đọc được chữ viết qua mặt sau của tờ giấy khi giơ mặt trước có chữ viết về phía ánh sáng, về sự cần thiết phải giải mã được những lời tiên đoán để không tự mình làm mình thất bại, về Những lời sấm truyền của Nôstrađam và về sự huỷ diệt của xứ Cantabria mà thánh Midan(2) đã báo trước. Đột nhiên, trong khi vẫn tiếp tục nói, như bị kích thích bởi một sự thôi thúc im ngủ từ lâu trong mình, Aurêlianô đặt tay mình lên tay Amaranta Ucsula và tin rằng cái quyết định cuối cùng kia sẽ chấm dứt cơn sóng gió.
Nhưng Amaranta Ucsula nắm lấy ngón tay trỏ của anh với một cử chỉ âu yếm thơ ngây mà cô từng đối xử với anh nhiều lần thuở thơ bé, và cô cứ giữ như vậy trong khi Aurêlianô tiếp tục trả lời các câu hỏi của mình. Cứ như vậy, họ liên hệ với nhau qua một ngón tay trỏ giá lạnh chẳng truyền cảm gì cả, cho đến khi Amaranta Ucsula như sực tỉnh khỏi một giấc mơ thoáng qua và vỗ tay lên trán. "Lũ kiến!", cô ta kêu lên như vậy. Thế là Amaranta Ucsula quên những bản chữ viết trên tấm da thuộc và bước một bước nhẹ nhàng uyển chuyển ra đến cửa, và từ chỗ đó cô đưa ngón tay lên miệng gửi Aurêlianô một chiếc

hôn gió, như chiếc hôn cô gửi cha mình trong buổi chiều xưa khi cô lên đường đi Bruxen.
- Anh sẽ giảng giải cho tôi sau nhé, - cô ta nói. - Tôi quên mất rằng hôm nay là ngày phải bỏ vôi vào các tổ kiến.
Những khi có việc gì đó cần làm ở gần phòng Menkyađêt, Amaranta Ucsula vẫn vào phòng đó một cách ngẫu nhiên và ở lại một lát, trong khi chồng cô vẫn tiếp tục quan sát bầu trời.
Sự thay đổi này làm nảy sinh ảo tưởng trong Aurêlianô, từ ấy anh ta cùng ăn với gia đình, đó là điều khác so với những tháng Amaranta Ucsula mới về. Anh làm cho Gastôn thấy dễ chịu.
Trong những câu chuyện quanh bàn sau bữa ăn, thường kéo dài đến hơn một giờ đồng hồ, Gastôn tỏ ra đau khổ vì những người bạn thân đã lừa đối ông. Họ đã báo cho Gastôn biết rằng chiếc máy bay đã được chuyển xuống một chiếc tàu thuỷ chưa đến đây và mặc dù những người làm việc đường biển quen ông đã khẳng định rằng chẳng bao giờ chiếc tàu ấy tới vì nó không có tên trong danh sách những con tàu ở vùng biển Caribê, nhưng người bạn thân của ông vẫn cứ khăng khăng rằng tin của họ chính xác, thậm chí họ còn nói bóng nói gió là Gastôn đã lừa dối họ qua những bức thư của ông. Thư từ qua lại đã khiến họ nghi ngờ lẫn nhau tới mức Gastôn quyết định không viết nữa và ông đã bắt đầu nghĩ đến khả năng đi ngay về Bruxen để làm rõ mọi chuyện rồi sau đó sẽ quay lại đây với chiếc máy bay. Nhưng dự kiến ấy bị xẹp ngay, khi Amaranta Ucsula nhắc lại quyết định của mình là sẽ không đi khỏi Macôndô cho dù phải sống không chồng. Những ngày đầu Aurêlianô cũng nghĩ như những người khác rằng Gastôn là một thằng ngốc trên chiếc xe làm xiếc, và điều đó khiến cho Aurêlianô thoáng có chút thương hại đối với ông

ta. Sau đó, khi qua các nhà chứa, anh có được sự hiểu biết sâu sắc hơn về bản chất của những người đàn ông, thì anh nghĩ rằng tính hiền từ của Gastôn bắt nguồn từ một sự đam mê ương bướng. Nhưng khi hiểu Gastôn sâu sắc hơn, và khi biết rằng tính cách thực sự của Gastôn đối lập với cách cư xử nhũn nhặn của ông, thì Aurêlianô ngờ rằng đến cả việc Gastôn chờ máy bay cũng là chuyện dối trá. Từ ấy, Aurêlianô cho rằng Gastôn chẳng ngờ nghệch như ông ta thể hiện, mà ngược lại đó là một người đàn ông cực kỳ kiên nhẫn, khôn khéo và bình tĩnh, người dự tính sẽ chiến thắng vợ mình bằng cách làm cho vợ mệt mỏi với sự mãn nguyện hoàn toàn, với việc mình luôn luôn đồng tình tuyệt đối, để mặc cho vợ bối rối trong đám mạng nhện của cô ta, đến một ngày nào đó khi không chịu đựng nổi sự chán ngán của những ảo tưởng trong tầm tay nữa thì chính cô ta sẽ thu xếp va-li để quay lại châu Âu. Lòng thương hại trước đây của Aurêlianô chuyển thành một lòng căm ghét sâu sắc. Aurêlianô thấy những dự tính và việc làm của Gastôn thật tồi tệ nhưng đồng thời cũng rất có hiệu quả, bởi vậy anh đã liều lĩnh nói điều đó cho Amaranta Ucsula biết. Nhưng Amaranta Ucsula đã cười giễu sự đa nghi của Aurêlianô, cô ta không hề bộc lộ một sự rạn nứt nhỏ của tình yêu, một chút dao động hoặc ghen tuông trong lòng. Amaranta Ucsula không hề nghĩ rằng cô ta đã làm nảy sinh ở Aurêlianô một điều gì đó ngoài tình cảm chân thành, cho đến một hôm cô ta bị đứt tay vì cố mở nắp hộp mứt đào, và Aurêlianô vội chạy lại hút máu ở chỗ ngón tay rớm máu ấy với một sự khao khát và thèm thuồng đến mức cô gai người lên.

- Aurêlianô - cô ta cười, hồi hộp, - anh thật quá xấu, đến độ trở thành một con dơi ranh mãnh.

Lúc ấy, Aurêlianô đầy sung sướng. Anh đặt những chiếc hôn tội nghiệp lên bàn tay bị thương, anh bộc lộ những điều thầm kín nhất của trái tim, những nỗi niềm đau khổ và dằn vặt trong lòng mình. Aurêlianô kể với Amaranta Ucsula rằng nửa đêm anh đã thức dậy để khóc với sự cô đơn và thèm khát điên cuồng trên những chiếc quần áo lót mà cô phơi trong nhà tắm như thế nào. Anh kể rằng mình đã đòi hỏi da diết như thế nào để Nigrômanta kêu lên những tiếng kêu gừ gừ như tiếng một con mèo cái và rên rỉ bên tai những tiếng "Gastôn, Gastôn, Gastôn", và cả chuyện anh đã ma lanh cuỗm nhẹ những lọ nước hoa của cô như thế nào để xoa lên cổ những cô gái trẻ ăn nằm vì tiền với anh. Hoảng sợ trước dục vọng của anh chàng phóng đãng nọ, Amaranta Ucsula từ từ nắm tay lại, những ngón tay co dần như chú ốc thu mình, cho đến khi bàn tay bị thương của cô không còn thấy đau đớn, và mọi dấu vết của lòng thương hại biến thành một khối ngọc bích và thạch anh, biến thành những chiếc xương cứng vô tri vô giác.

- Đồ ngu! - cô gái nói như thể đang nhổ cái gì đó… - Tôi sẽ đi Bỉ trên chuyến tàu đầu tiên rời bến.

Một buổi chiều nọ Anvarô đã đến hiệu sách của nhà thông thái xứ Catalunha rao tướng lên điều phát hiện mới nhất của anh ta: một nhà thổ bách thú gọi là Cậu bé vàng, đấy là căn phòng rộng không có mái, có đến vài trăm chú diệc nhởn nhơ cứ lâu lâu lại kêu quàng quạc ầm ĩ. Trong những chiếc lồng lưới thép đặt xung quanh sàn nhảy, giữa những bụi hoa trà lớn gốc vùng Amazôn là những đàn cò lửa, những con cá sấu sùng sục rúc mõm vào chậu thức ăn như đàn lợn, những chú rắn mười hai chuông, và một con rùa mai vàng đang ngụp lặn dưới cái biển nhân tạo nho nhỏ. Có một con chó cái trắng,

thuốn, vừa làm nhiệm vụ của con đực chuyên đi tơ với những con chó cái khác, vừa phải làm cái việc của một con chó cái nuôi con để người ta cho ăn. Không khí dịu nhẹ, như vừa mới được sinh ra, và những cô gái lai xinh đẹp chờ đợi vô vọng giữa những cánh hoa ri máu và những đĩa hát lỗi thời, vốn hiểu rõ cái công việc làm tình mà con người đã để quên nơi thiên đường trần gian này. Đêm đầu tiên nhóm đến thăm căn nhà nghỉ đông tưởng tượng kia, bà cụ già rực rỡ và trầm lặng ngồi gác lối vào trên một chiếc ghế mây, cảm thấy thời gian như trở lại cội nguồn của nó khi bà lão phát hiện thấy trong số năm người vừa tới có một người đàn ông xương xẩu, vàng bủng, gò má cao như người tácta, mang dấu ấn cô đơn vĩnh viễn từ thuở khai thiên lập địa.

- Trời ơi! - bà lão kêu lên. - Aurêlianô!

Bà lão lại đang nhìn thấy đại tá Aurêlianô Buênđya như đã nhìn thấy ánh sáng ngọn đèn từ rất lâu trước các cuộc chiến tranh, trước sự tiêu tan của vinh quang và sự tàn lụi của niềm vui, cái buổi đêm về sáng xa xăm kia khi ông bước vào phòng ngủ để ra cái lệnh đầu tiên trong cuộc đời: lệnh ban cho ông sự ân ái. Đấy là Pila Tecnêra. Từ nhiều năm trước khi vào tuổi một trăm bốn lăm, bà lão đã từ bỏ cái thói quen có hại là tính tuổi của mình, và tiếp tục sống trong cái thời gian tĩnh tại, bên lề của những kỷ niệm, và sống trong một tương lai hoàn toàn được xác định, vượt ra ngoài những tương lai bị xáo trộn bởi sự ràng buộc và những phỏng đoán xúc xiểm từ những quân bài. Từ đêm ấy trở đi, Aurêlianô ẩn náu trong sự dịu hiền và thông cảm của cụ tổ năm đời chưa bao giờ biết tới. Ngồi trên chiếc ghế xích đu mây, bà lão nghĩ về quá khứ, nhớ lại những gì là vĩ đại và nỗi bất hạnh của gia đình và sự huy hoàng đã bị tàn phá của Macôndô,

trong khi Anvarô làm đám cá sấu hoảng sợ với những chuỗi cười ầm ĩ, và Anphônxô thì bịa ra những chuyện khủng khiếp về những con diệc đã mổ mắt người khách làng chơi cư xử không tốt vào tuần trước, còn Gabrien thì ngồi trong buồng của cô gái lai tư lự không lấy tiền của khách mà chỉ nhờ viết hộ những bức thư cho anh chàng người yêu buôn lậu đang bị tù ở bên kia sông Orinôcô vì bị đám lính biên phòng tóm được và bắt ngồi trên một chiếc bô buộc phải ỉa ra đầy cứt và kim cương. Cái nhà thổ thực sự với bà chủ như một người mẹ kìa, chính là cái thế giới mà Aurêlianô hằng mơ ước trong sự kìm hãm kéo dài. Anh cảm thấy sung sướng, cảm thấy gần đạt tới sự gặp gỡ hoàn hảo, đến mức chẳng nghĩ đến sự trốn tránh nào khác vào cái buổi chiều mà Amaranta Ucsula làm tan vỡ ảo mộng của mình. Anh sẵn sàng van nài để ai đó phá bỏ hộ cái sự tức tối như nghẹn lại trong lồng ngực, nhưng anh chỉ có thể bật khóc nức nở trong lòng Pila Tecnêra. Bà lão lấy tay xoa đầu anh, để cho anh khóc thoả thích. Và dẫu anh không nói ra là đang khóc vì tình, bà lão đã nhận ra ngay cái tiếng khóc cổ sơ nhất trong lịch sử con người.
- Nào thôi, chút bé bỏng của ta! - bà lão dỗ dành, - bây giờ chút hay nói xem người ấy là ai.
Khi Aurêlianô vừa nói, Pila Tecnêra bật lên cái cười sâu thẳm, tiếng cười lan toả từ xa xưa chấm dứt để rồi sau đó dần dần chuyển thành tiếng cười giống tiếng cù rục cù rục của loài chim bồ câu. Không có điều bí mật nào trong trái tim của người trong dòng họ Buênđya mà bà lão không hiểu được, bởi vì một thế kỷ ảo mộng và kinh nghiệm đã dạy cho bà lão biết lịch sử của gia đình giống như một chuỗi dài những điều lặp đi lặp lại không tránh khỏi, như một chiếc đĩa quay có thể cứ quay mãi, quay mãi đến vô tận, nếu không có sự hao mòn

dần dà vô phương cứu chữa của chiếc trục.
- Đừng lo chút ạ, - bà lão cười. - Dù nó đang ở đâu, lúc này nó cũng đang đợi chút.
Vào lúc bốn giờ rưỡi chiều, Amaranta Ucsula bước ra khỏi nhà tắm. Aurêlianô nhìn thấy cô bước qua cửa phòng mình trong chiếc váy tắm nếp là phẳng phiu, đầu quấn chiếc khăn. Anh liền nhón chân nhè nhẹ bước theo, ngất ngưởng như người say và anh bước vào phòng tân hôn của vợ chồng Amaranta Ucsula đúng lúc cô mở khuy chiếc váy tắm và bỗng giật mình khép lại. Cô lặng lẽ chỉ tay về phía buồng bên cạnh cửa hé mở. Aurêlianô biết là Gastôn đang bắt đầu viết thư ở đó.
- Ra ngay đi, - cô nói rít không thành tiếng.
Aurêlianô mỉm cười, hai tay bế thốc ngang lưng cô, như là bưng chậu thu hải đường, đặt ngửa lên giương. Phắt một cái, anh kéo tuột chiếc váy tắm trước khi cô kịp ngăn lại, và anh như rơi xuống vực thẳm trước tấm thân trần truồng vừa tắm rửa xong, trắng ngần, nõn nà, mà trong bóng tối của những căn buồng bên cạnh hầu như anh đã tưởng tượng ra hết cả, kể từ những lỗ chân lông đến những nốt ruồi ẩn kín. Amaranta Ucsula chống lại kịch liệt: với sự khôn khéo của giống cái thông minh, cô oằn mình, xoay giở thân hình uyển chuyển và thơm tho như một con chồn, đồng thời thúc hai đầu gối vào bụng còn hai tay thì cào lên mặt chàng trai, nhưng cả hai không ai thở mạnh khác với nhịp thở của người đang ngắm nhìn buổi chiều tà tháng tư qua cửa sổ. Đấy là một cuộc vật lộn dữ dội, một cuộc giành giật sống mái, tuy nhiên hầu như không có chút bạo lực nào, bởi vì đó là một cuộc vật lộn của những bóng ma, chậm rãi, thận trọng, trang nghiêm, nghĩa là khoảng thời gian hai bên giằng co nhau

đủ để cho cây khiên ngư nở hoa và Gastôn ở phòng bên thì quên hết ước mơ trở thành người lái máy bay, và họ như hai người yêu thù địch đang ra sức thoả hiệp với nhau dưới đáy ao sáng ngời. Trong sự co kéo quyết liệt và trang nghiêm đó, Amaranta Ucsula hiểu rằng sự im lặng thận trọng của cô thật là vô lý, nó có thể làm chồng mình ở buồng bên sinh nghi hơn cả những tiếng động mạnh mà cô đang ra sức tránh.

Cô bèn cười nhè nhẹ, và vẫn không ngừng chống trả, nhưng cô đang tự vệ bằng những miếng cắn giả tạo và dần dần thôi không oằn mình lẩn tránh nữa, cho đến lúc cả hai đều hiểu rằng họ vừa là địch thủ vừa là kẻ đồng loã, và cuộc giằng co đã biến thành một trò chơi vuốt ve nhau. Bỗng nhiên, như là để thử chơi, thử mạo hiểm một lần nữa, Amaranta Ucsula thôi không chống đỡ, và khi hoảng sợ trước điều mà chính cô đã tạo điều kiện cho nó diễn ra, cô ra sức phản ứng lại nhưng đã quá muộn mất rồi. Một sự rung động kỳ lạ đã chôn chặt cô, giữ chịt lấy cô, và ý chí tự vệ của cô đã bị nghiền nát bởi khát vọng không thể kìm lại được là phát hiện xem những tiếng hú màu vàng và những quả bóng vô hình đang đợi cô ở bên kia cái chết là gì. Cô chỉ còn kịp với tay quờ quạng tìm chiếc khăn nhét vào mồm và cắn chặt lấy để những tiếng gừ gừ của mèo cái đi tơ không bật ra từ trong sâu thẳm lòng mình.

Chú thích:

(1) Nhà sử học và tiến sĩ thần học người Anh, sinh năm 672 hoặc 573 và mất năm 735. Lễ thánh là ngày 27 tháng Năm.

(2) Người Tây Ban Nha, lễ thánh ngày 12 tháng Mười một.

Chương Kết

Một đêm vui nọ, trong lúc gác cổng ra vào thiên đường của mình, Pila Tecnêra chết trên chiếc ghế xích đu mây. Người ta đã chôn bà lão không có quan tài theo đúng nguyện vọng cuối cùng của người quá cố. Tám người đàn ông lực lưỡng dùng thừng chão từ từ hạ huyệt chiếc ghế xích đu có bà lão ngồi xuống một cái huyệt được đào ngay ở giữa sân khiêu vũ. Những cô gãi mulata(1) mặc đồ đen, khóe lóc đến xanh xám cả mặt mày, làm vội lễ cầu nguyện cho bà lão trong lúc tháo các chuỗi hạt đeo cổ, những dải nơ buộc đầu, những vòng tay, rồi ném chúng xuống huyệt, trước lúc người ta lấp kín mồ và dựng lên trên đó một bia mộ không tên tuổi, không năm tháng và phủ kín những vòng hoa trà xứ Amazôn. Sau khi đầu độc cho chết hết những con vật cảnh, dùng gạch và vữa bịt kín các cửa ra vào và cửa sổ, bọn họ tản mát mỗi người một ngả đi khắp thế gian mang theo những chiếc hòm gỗ bên trong trang trí ảnh thánh, ảnh hoạ báo nhiều màu sắc, ảnh người yêu, những người tình chốc lát, những người tình cũ lâu năm, những người tình ma quái, đó là những tay ỉa ra kim cương, những tay ăn thịt đồng loại những tay được phong là

vua cờ bạc ở ngoài khơi. Đó là sự phán xử cuối cùng. Trong phần mộ của Pila Tecnêra, giữa những bản nhã ca và vòng hạt của gái điếm, những rác rưởi của quá khứ đang mục rữa, đó là những gì còn lại ít ỏi ở Macôndô kể từ sau chuyến ra đi của nhà thương thái xứ Catalunha. Do nỗi nhớ một mùa xuân vĩnh viễn thôi thúc, ông già thông thái xứ Catalunha đã buộc phải đóng cửa hiệu sách và trở về làng quê ở ven bờ Địa Trung Hải. Không một ai cảm nhận được việc cụ quyết định hồi hương. Để chạy trốn các cuộc chiến tranh liên miên cụ đã đến Macôndô vào đúng lúc Công ty chuối thịnh vượng, và cụ không nghĩ sẽ làm gì khác hơn là mở một hiệu sách chuyên bán sách cổ được in bằng vài ngoại ngữ, mà những khách hàng ngẫu nhiên đến đã sợ hãi lật giở chúng như lật giở những cuốn sách bẩn tưởi trong lúc chờ đến lượt mình vào đoán mộng hoặc xem số ở căn nhà đối diện. Cụ đã bỏ một nửa đời người ngồi ở ngoài sân sau nóng bức, để miệt mài ghi lại thứ văn chương kiểu sức của mình bằng thứ mực màu viôlet trên những tờ giấy xé ra từ vở học trò mà không một ai biết đích xác cụ viết gì. Khi Aurêlianô biết cụ thì cụ đã có hai thùng to đựng đầy những trang viết như vẽ mà về một phương diện nào đó chúng khiến ta nghĩ đến những tấm da thuộc ghi chữ của Menkyađêt, và kể từ dạo ấy cho đến khi ra đi cụ lại viết đầy thùng thứ ba, do đó quả là có lý khi nghĩ rằng trong suốt thời kỳ ở Macôndô cụ không làm gì khác ngoài việc chỉ ngồi viết mà thôi. Những người duy nhất cụ có quan hệ là bốn người bạn, những người vẫn đến đây đổi những con quay và diều giấy để lấy sách của cụ và cụ đã cho họ đọc Sênêca(2) và đọc Ovidiô(3) khi bọn họ còn đang theo học bậc tiểu học. Với tình cảm trìu mến thân thương cụ đối xử với các nhà cổ điển như đối với

những người bạn cùng ngủ một phòng đã có trong đời mình. Và cụ thông hiểu nhiều điều đáng lẽ không nên biết, tỷ như Thánh Agustin bên trong chiếc áo khoác ngoài còn mặc thêm một chiếc áo gilê nỉ bó sát lấy người cho đến năm mười bốn tuổi và tỷ như cái ông Acnanđô đê Vilanôva, một thày đồng, vì bị bò cạp cắn mà trở nên liệt dương ngay từ khi còn nhỏ tuổi. Nhiệt tình của cụ dành cho các trang viết là một bức tranh đan lẫn những lời kính trọng và những lời đàm tiếu của dân địa phương. Vì phải học tiếng Catalan để dịch chúng ra tiếng Tây Ban Nha, Anphônxô đã đút vào túi quần vài trang viết ấy được cuộn lại cùng với những mẩu báo và cả những trang sách giáo khoa, rồi một đêm nọ anh đánh mất tất cả ở nhà một trong những cô điếm làm tình cho qua cái đận đói khát này. Khi cụ già thông thái biết chuyện, đáng lẽ phải mắng chửi anh một trận nên thân, thì cụ đã cả cười mà bình luận rằng đó là số phận hợp lẽ tạo hoá của văn chương. Trái lại, không có một sức mạnh nhân văn nào đủ sức thuyết phục cụ không mang theo ba thùng to đựng đầy các trang viết này khi hồi hương, và cụ đã xổ ra hàng tràng tiếng Cactagô(4) để đuổi bọn nhân viên kiểm soát trên tàu hoả khi bọn này định chuyển các thùng bản thảo xuống toa hàng coi chúng như là hàng hoá, cho đến khi cụ buộc bọn họ phải để cho mình mang chúng đi theo trên toa hành khách. "Thế giới chẳng còn gì nực cười hơn khi mà con người được ngồi ở toa khách còn văn chương phải nằm ở toa hàng". Đó là điều duy nhất nghe cụ nói thành lời. Cụ đã trải qua một tuần vất vả với những công việc cuối cùng cho chuyến ra đi, bởi vì cứ càng đến gần giờ khởi hành cụ càng kém vui hơn, ý nghĩ thiếu mạch lạc bị xáo trộn lung tung hết, và các đồ vật được để chỗ này lại thấy ở chỗ khác, cụ bị ám ảnh bởi chính đám ma quái từng trêu chọc

Phecnanđa.

- Collons(5) - cụ chửi. - Ta ngồi xổm lên điều luật hai mươi bảy của hội nghị Tôn giáo Luân Đôn.

Hecman và Aurêlianô khuân vác giúp cụ. Họ giúp cụ như giúp một đứa trẻ, họ để các vé và các giấy tờ di chuyển trong một cái túi rồi lấy ghim băng gài lại cho cụ, họ làm cho cụ cả một danh mục dài, tỉ mỉ ghi lại tất cả những việc làm từ khi rời khỏi Macôndô cho tới khi tàu cập bến ở Bacxêlôna(6), nhưng họ lại vô ý ném vào bãi rác chiếc quần có để một nửa số tiền cụ ki cóp được. Đêm trước ngày khởi hành, sau khi đã đóng đinh các thùng đựng giấy má lại và nhét hết quần áo vào chính cái va-li cụ mang tới đây, nheo đôi mi mắt hình con hến lại, với điệu bộ ban phước trơ trẽn, cụ chỉ vào những đống sách đã theo mình trong suốt cuộc lưu vong, và nói với các chiến hữu:

- Đấy ta để lại cho các bạn cái thứ cứt đái ấy.

Ba tháng sau, các bạn nhận được một bì thư to tướng gần hai mươi bức thư và hơn năm mươi bức ảnh, được tích lại trong suốt cuộc hành trình nhàn rỗi trên biển khơi. Mặc dù không đề ngày tháng nhưng thứ tự của chúng đã nói rõ trình tự cụ ngồi viết các bức thư này. Trong những bức thư đầu với giọng điệu hài hước vốn có của mình, cụ kể cho bọn họ nghe về những chuyện lý thú xảy ra trong chuyến vượt đại dương, về cơn bực tức muốn quật ngã lão áp tải hàng hoá không cho phép cụ đưa ba chiếc thùng đựng bản thảo vào phòng nằm trên hầm tàu, về sự yếu hèn mà thông thái của một mệnh phụ rất sợ hãi con số mười ba, không vì thói mê tín dị đoan mà vì hình như bà ta cảm thấy con số này báo trước bà ta sẽ ở lại mặc dù cuộc hành trình trên biển chưa được kết thúc, và về cuộc thi mà cụ

giành được phần thắng ngay trong bữa tối đầu tiên trên tàu thuỷ, vì cụ nhận ra mùi củ cải mặc ban đêm trong các suối ở vùng Leriđa(7) ngay trong thứ nước ăn mang trên tàu. Tuy nhiên, với ngày tháng tuần tự trôi, thực tại trên tàu ngày một ít khiến cụ phải để ý hơn; ngay cả những sự kiện xảy ra mới nhất, thông thường nhất cũng khiến cho cụ càng cảm thấy chúng xa xưa hơn, vì con tàu càng bỏ xa bờ châu Mỹ bao nhiêu thì ký ức càng trở nên buồn bã bấy nhiêu. Cái quá trình hoài nhớ diễn tiến ấy dường như cũng bộc lộ trên những tấm ảnh. Trong những tấm ảnh đầu tiên, cụ hiện hình trong dáng vẻ hạnh phúc, mặc chiếc áo của thương binh, mái tóc bạc như tuyết trong ánh nắng tháng mười chói chang của vùng biển Caribê. Trong những tấm ảnh sau, cụ hiện hình trong tấm áo khoác sẫm màu, cổ quàng một tấm khăn lụa, vẻ người buồn bã và trầm tư bởi sự trống vắng, ngồi trên sàn một chiếc tàu nặng nề đang chệnh choạng đi như kẻ mộng du trên mặt biển lúc đang thu. Hecman và Aurêlianô viết thư trả lời cụ. Trong các tháng đầu cụ viết thư rất chăm chỉ đến mức lúc ấy họ cảm thấy gần gũi cụ hơn ngay cả khi cụ còn ở Macôndô và họ cảm thấy như bớt đi nỗi bực dọc vì đã để cụ ra đi Lúc đầu cụ viết thư cho họ, báo cho họ hay rằng tất cả vẫn bình thường, rằng ở ngôi nhà cụ chào đời vẫn còn nguyên con ốc sên màu hồng, rằng những con cá trích khô vẫn thơm nguyên mùi trong thùng bánh, rằng nhttng thác nước của làng vẫn toả hương thơm khi chiều buông. Lại một lần nữa cụ gửi đến cho bọn họ những trang vở học trò được viết như vẽ bằng mực màu viôlet, trong đó cụ tặng cho mỗi người bạn một đoạn thơ đặc biệt. Tuy vậy mặc cho chính cụ đã không nhận ra, những bức thư đầy tâm huyết ấy đã dần dần chuyển thành những bài thơ điền viên mang đầy ý nghĩa của kẻ tỉnh mộng. Trong những đêm đông,

trong lúc ngồi trông nồi xúp sôi ở lò sưởi, cụ nhớ đến cái không khí oi nóng ở sân sau, nhớ tiếng kêu o o của ánh mặt trời trên những cây hạnh đào phủ đầy bụi, nhớ tiếng còi tàu trong không khí nóng hầm hập lúc đang trưa, chính là nỗi hoài nhớ mà cụ ngồi ở Macôndô nhớ nồi xúp sôi trong lò sưởi, nhớ những tiếng rao của người bán cà phê và nhớ những con chiền chiện lanh lẹn báo mùa xuân đến. Bị dằn vặt bởi những nỗi hoài nhớ đối diện nhau như những tấm gương soi vào nhau, cụ đánh mất cảm giác diệu kỳ về thực tại phi thực tại, cho đến khi cụ kết thúc bằng việc khuyên tất cả bọn họ hãy chạy khỏi Macôndô, hãy quên tất cả những gì cụ đã dạy họ về cuộc đời, về tình người, hãy ỉa vào Hôraxiô và bất kỳ nơi nào họ tới, hãy nhớ rằng quá khứ là bịp bợm, rằng kí ức con người không có đường trở lại, rằng tất cả mùa xuân cổ kính là không thể khôi phục lại và rằng ái tình phóng đãng và cuồng say là một sự thật chốc lát mà thôi. Anvarô là người đầu tiên quan tâm đến lời khuyên hãy rời bỏ Macôndô. Anh bán hết của cải, kể cả con hổ bị nhốt trong sân nhà vẫn thường nhe nanh doạ những khách bộ hành ở ngoài đường, và mua một chiếc vé đi mãi mãi trên một đoàn tàu hoả không bao giờ ngừng du lịch. Trên những tấm bưu ảnh mà anh gửi từ những nhà ga nghỉ lại dọc đường, anh miêu tả đầy thán phục những hình ảnh chốc lát mình nhìn thấy qua ô cửa sổ toa xe, như thể anh đang xé vụn và ném vào cõi lãng quên một bài thơ dài của sự chạy trốn: những người da đen mơ mộng trên những cánh đồng bông trắng xứ Luisiana, những chú ngựa có cánh trên thảm cỏ xanh xứ Kentucki, những đôi nhân tình Hy Lạp trong buổi hoàng hôn địa ngục xứ Anzôn, cô gái mặc áo len đỏ vẽ tranh thuỷ mặc trên những hồ xứ Misigơn đã lấy bút làm điệu bộ chào anh, nhưng đó không phải là lời

chào từ biệt mà là lời chào chứa chan hy vọng được gặp lại vì cô không biết rằng mình đang nhìn theo một đoàn tàu một đi không trở lại.

Sau đó Anphônxô và Hecman cùng bỏ đi vào một ngày thứ bảy với ý định sẽ trở về vào ngày thứ hai nhưng chẳng bao giờ người ta được biết tin tức gì về họ. Một năm sau kể từ ngày cụ già thông thái người Catalunha ra đi, người bạn duy nhất còn ở lại Macôndô là Gabrien, vẫn lêu lổng, hoàn toàn phụ thuộc vào lòng thương hại của Nigrômanta, để trả lời những câu hỏi thi của một tờ tạp chí Pháp, mà phần thưởng lớn nhất của nó là chuyến đi thăm thủ đô Pari. Aurêlianô, vốn là người nhận đặt báo, đã giúp anh điền các câu hỏi, đôi lúc ở ngay tại nhà anh, còn hầu như lúc nào cũng ở bên những lọ sứ xinh xinh và mùi cây thuốc nữ lang của hiệu thuốc duy nhất ở Macôndô, nơi ở của Mecxêđet, người yêu bí mật của Gabrien. Đó là cái duy nhất sẽ còn lại của một thời quá khứ mà sự huỷ diệt của nó không bao giờ trọn vẹn, bởi vì nó cứ tự huỷ hoại một cách chậm chạp, tự hao kiệt ngay trong chính nó và từng phút từng phút một nó tự kết liễu mà sẽ không bao giờ chấm dứt sự tự kết liễu. Thị trấn đã bước tới những điểm nút ấy của sự đình trệ, do đó khi Gabrien trúng thưởng và đi Pari với hai bọc xống áo, một đôi giày và toàn tập tác phẩm của Rabơle, anh đã buộc phải ra hiệu cho người thợ máy để ông tế dừng tàu lại nhận mình lên.

Đường phố Thổ Nhĩ Kỳ cũ lúc bấy giờ là một cái bãi hoang, nơi những người Arập cuối cùng đã chịu để cho thần đói lôi mình đến cõi chết theo tập quán ngàn đời ngồi trước cửa, bởi vì đã nhiều năm nay họ phải bán tới mét vải chéo go cuối cùng và trong những chiếc tủ kính tối om om chỉ còn lại những tượng người không đầu. Khu phố

của Công ty chuối, mà có lẽ Patrixia Brao cố kể lại cho con cháu mình nghe về nó trong những đêm buồn nhớ có dưa gang ngâm giấm xứ Pratvôn Alơbơmơ, đã là một đồng bằng đầy cỏ dại. Vị cha xứ già, người đến thay cha xứ Anhen và tên của cụ chẳng ai thèm biết đến, đang chờ đợi Thượng đế rủ lòng thương, nằm tênh hênh trên chiếc võng, đau đớn vì bệnh viêm khớp và mất ngủ vì sự hoài nghi, trong khi đó thằn lằn và chuột cãi cọ nhau xem ai sẽ được thừa kế ngôi nhà thờ bên cạnh. Ở thị trấn Macôndô bị lãng quên ấy, nơi ngay tới cả chim chóc cũng lãng quên nó, nơi bụi và hơi nóng đã trở nên rất khó chịu đến mức thở cũng phải vất vả lắm, Aurêlianô và Amaranta Ucsula là hai người duy nhất hạnh phúc và là những người sung sướng nhất trên trái đất này, mặc dù họ bị vây bọc bởi nỗi cô đơn và tình yêu, đặc biệt là nỗi cô đơn của tình yêu trong một ngôi nhà hầu như không tài nào ngủ được bởi tiếng động ầm ầm của bày kiến gây nên.

Gastôn đã trở về Bruxen, vì đợi máy bay chán chê mê mỏi vẫn không thấy nó đến nên có một ngày nọ ông đã nhét vào va-li những đồ dùng tuỳ thân và tài liệu thư tín của mình rồi ra đi với ý định trở về đây bằng máy bay trước khi những đặc ân của ông phải nhượng lại cho một nhóm phi công Đức, vốn đã trình lên các nhà chức trách tỉnh này một kế hoạch nhiều tham vọng hơn so với kế hoạch của ông. Kể từ buổi chiều hai người làm tình với nhau lần đầu tiên, Aurêlianô và Amaranta Ucsula vẫn tiếp tục tranh thủ những lúc vắng nhà hãn hữu của người chồng để mà yêu nhau cuồng nhiệt trong những phút giây gặp gỡ chốc lát và luôn luôn bị ngắt quãng bởi người chồng bất đồ trở về. Nhưng khi thấy chỉ còn lại hai người ở nhà thì họ liền mệt lử trong những giây phút ngây ngất của ái tình muộn mằn. Đó là một

cơn đam mê buông thả, điên loạn, đến mức khiến cho xương cốt của Phecnanđa ở trong mồ phải run lên vì sợ và ở trong trạng thái nhảy múa liên tức. Những tiếng rền rĩ đầy sướng vui, những bài hát đầy thèm khát của Amaranta Ucsula đã âm vang bùng lên vào lúc hai giờ chiều ngay trên chiếc bàn trong nhà ăn cũng như vào lúc hai giờ sáng ở trong kho lương thực. "Điều làm em đau khổ, - cô cười, - là chúng mình đã để mất quá nhiều thời gian". Và trong cơn cuồng nhiệt cho thoả đam mê ấy, cô nhìn thấy đám kiến đang phá trụi vườn hoa rồi gặm gỗ nhà cho thoả cơn đói lâu ngày, và cô nhìn thấy dòng kiến đỏ ấy lại một lần nữa chiếm cứ mất hành lang nhưng cô chỉ bận tâm chiến đấu với kiến đỏ khi nhìn thấy chúng ở trong phòng ngủ của mình. Aurêlianô bỏ bê các trang văn viết trên những tấm da thuộc, lại ở lý trong nhà, trả lời cho xong chuyện những bức thư của cụ già thông thái xứ Catalunha. Bọn họ đánh mất cảm giác về thực tại, ý niệm về thời gian và nhịp điệu của những thói quen hàng ngày. Bọn họ lại đóng kín cửa ra vào và cửa sổ để khỏi mất thời gian cởi quần áo, và tồng ngồng đi lại ở trong nhà như Rêmêđiôt - Người đẹp từng thường xuyên mong muốn, và cùng nhau lăn lộn trên những vũng bùn ngoài sân trong khi thân thể không một mảnh vải che, rồi có một buổi chiều nọ bọn họ suýt bị chết ngạt khi làm tình với nhau ngay trong bồn tắm. Trong một thời gian ngắn bọn họ phá tan hoang nhà cửa hơn cả sự phá phách của lũ kiến đỏ: làm gãy hết bàn, ghế, tủ ở phòng khách, làm rách bươm chiếc võng từng chịu đựng rất tốt những cuộc ái ân buồn tẻ nơi trại lính của đại tá Aurêlianô Buênđya, xổ tung ruột chăn, lấy bông lõi tung khắp sàn để làm nhau ngạt thở. Mặc dù Aurêlianô là một người tình cũng đủ ngón chơi dữ dằn như tình địch của anh, nhưng Amaranta Ucsula lại là người đạo diễn anh

các trò tiêu khiển trong thiên đường đổ vỡ ấy và cô làm việc này rất nhiệt tình như thể cô đã tập trung trong tình yêu cái nghị lực cuồng nhiệt mà cụ tổ Ucsula đã hiến dâng cho nghề làm kẹo nặn hình con giống Ngoài ra, trong lúc cô sung sướng hát và cười ngặt nghẽo trước những trò chơi của mình thì Aurêlianô ngày một trầm tư hơn, bởi nỗi niềm đam mê của anh vốn lặng lẽ và nguội lạnh. Tuy nhiên cả hai người đi tới những đỉnh điểm của nghệ thuật chơi bời, đến mức khi họ mệt lử trong lúc phè phỡn thì họ lại càng nghịch ngợm thú vị hơn trong lúc nghỉ ngơi. Bọn họ lại hiến dâng tâm sức cho sự sùng bái thần tượng đối với cơ thể mình, ấy là lúc họ phát hiện ra rằng những lúc nghỉ ngơi sau cơn hoan lạc có những khả năng không thể khai thác hết được, nó còn thích thú hơn nhiều so với những khả năng của dục tình. Trong lúc anh lấy lòng trắng trứng gà bôi lên bộ vú cứng dỏng lên của Amaranta Ucsula để mà bóp, hoặc lấy dầu dừa bôi lên đôi vế săn chắc và bụng mềm mại của cô để mà mơn trớn thì cô coi cơ thể cường tráng của Aurêlianô như một con búp bê để nghịch ngợm, lấy son bôi môi để vẽ mắt hề cho anh, dùng chì kẻ mày để vẽ cho anh bộ ria Thổ Nhĩ Kỳ, đeo cho anh chiếc cà vạt Organxa và đội cho anh chiếc mũ làm bằng giấy bạc. Có một đêm, bọn họ lấy mứt đào bôi khắp người từ chân đến đầu rồi như chó họ liếm cho nhau. Rồi như một lũ điên rồ, họ ân ái với nhau ngay ở hành lang và họ bị đánh thức bởi đàn kiến ăn thịt sắp nuốt sống họ. Trong lúc các cuộc truy hoan ngừng nghỉ, Amaranta Ucsula viết thư trả lời Gastôn. Cô cảm thấy ông quá bận rộn và xa lắc đến độ với cô cuộc trở về của ông là không thể có được. Ở một trong những bức thư gửi về trước tiên, ông kể rằng các bạn hữu của mình quả thật có gửi chiếc máy bay đi, nhưng một hãng đường biển ở Bruxen, vì nhầm

lẫn, đã gửi nó đến Tangandika, và tại hải cảng này nó sẽ được chuyển đến cho cộng đồng của những người Makôndô(8). Sự nhầm lẫn ấy đã gây ra nhiều phiền phức đến mức chỉ cần thu hồi lại chiếc máy bay cũng phải mất hai năm. Thế là Amaranta Ucsula không phải đề phòng sự trở về bất thình lình của chồng mình. Về phần mình, Aurêlianô không có liên hệ với thế giới bên ngoài nào khác, ngoài những lá thư của cụ già thông thái xứ Catalunha và những tin tức về Gabrien qua miệng Mecxêđet, cô gái bán thuốc lặng lẽ. Lúc chầu đó là những liên hệ thực sự. Để ở lại Pari, Gabrien đã trả lại chiếc vé khứ hồi để lấy tiền tiêu và sau đó anh sống bằng cách bán báo cũ và vỏ chai do các cô hầu phòng lôi ra từ trong khách sạn đô phin buồn tẻ. Lúc ấy, Aurêlianô có thể mường tượng thấy anh thường xuyên mặc chiếc áo len cổ to mà chỉ cởi ra khi các sân hiên Môngpacnat đầy những cặp uyên ương mùa xuân đi dạo và trong căn buồng nồng nặc mùi súp lơ sôi, nơi Rôcamatô đã chết đói, anh phải ngủ ngày và thức viết về ban đêm để khiến cơn đói lòng nhầm giờ đỡ hành hạ mình. Tuy nhiên, những tin tức về Gabrien mà anh nhận được ngày một kém chính xác hơn và các bức thư của cụ già thông thái ngày một thưa nhạt, buồn tẻ hơn, đến mức Aurêlianô đã quen nghĩ về họ như Amaranta Ucsula nghĩ đến chồng mình, và rồi cả hai người bồng bềnh sống trong một thế giới trống trải, nơi ái tình là thực tại duy nhất vừa có tính thường nhật lại vừa có tính vĩnh hằng. Bỗng nhiên, tin Gastôn sẽ trở về đến với họ như một tiếng sét đánh ngang tai ngay trong cái thế giới vô thức đầy hạnh phúc ấy. Aurêlianô và Amaranta Ucsula mở to hai con mắt, xem lại lòng mình, rồi tay đặt lên trái tim mình họ nhìn thẳng vào mặt nhau và hiểu rằng họ gắn bó với nhau đến mức sẽ nhận cái chết nếu phải xa nhau. Thế là cô viết

cho chồng mình một bức thư nói những sự thật trái ngược hẳn nhau, trong đó cô khẩn khoản nói rằng cô vẫn yêu ông và khao khát được gặp lại ông, đồng thời cô cũng nói rõ rằng mình sẽ không thể sống được nếu không có Aurêlianô và coi đó như một tiền định không thể nào tránh được. Trái với điều bọn họ mong đợi, với thái độ điềm tĩnh, có thể nói là thái độ của người cha, qua một thư dài hai trang kín đặc chữ, Gastôn đã trả lời họ, ông lưu ý bọn họ nên đề phòng những ý nguyện bồng bột nảy sinh từ chỗ bọn họ đang đam mê và đoạn cuối lá thư ông hoàn toàn đồng ý sẽ không trở lại Macôndô bởi vì ông tin rằng bọn họ sẽ hạnh phúc như ông đã hạnh phúc trong cuộc đời vợ chồng ngắn ngủi của mình. Đó là một thái độ hết sức bất ngờ đến mức Amaranta Ucsula cảm thấy mình bị sỉ nhục với ý nghĩ rằng mình đã chuẩn bị cho chồng một cái cớ mà ông ta từng mong đợi để phó mặc cô cho số phận. Sáu tháng sau, sự hận thù càng thêm sâu sắc hơn khi Gastôn từ Lêôpônvin là nơi ông đã nhận lại chiếc máy bay, lại viết thư cho cô chỉ yêu cầu gửi cho mình chiếc xe đạp ẩy chân mà theo ông nói nó là cái duy nhất trong số những gì ông để lại ở Macôndô còn có giá trị tình cảm. Aurêlianô bình tĩnh chăm sóc phòng ngủ của Amaranta Ucsula, cố gắng chứng tỏ cho cô biết rằng anh là một người chồng xứng đáng trong lúc thuận lợi cũng như trong lúc khó khăn, và những túng bấn hàng ngày đang vây hãm họ khi những đồng tiền cuối cùng của Gastôn để lại bị tiêu nhẵn đã tạo nên cho họ một sự ràng buộc của tình đoàn kết tuy không rực sáng và kiêu ngạo như nỗi đam mê nhưng đã giúp họ yêu nhau say đắm hơn và khiến họ rất hạnh phúc như đã từng hạnh phúc trong chính cái thời kỳ họ sống cuộc sống đầy sắc dục. Khi Pila Tecnêra mất, bọn họ đang chờ đón đứa con sắp ra đời.

Trong lúc có chửa, Amaranta Ucsula định hành nghề sản xuất những cái vòng làm từ xương sống cá. Nhưng ngoại trừ Mecxêđet, là người nhận mua của cô một tá, không có ai mua những chiếc vòng này. Lần đầu tiên trong đời, Aurêlianô ý thức được rằng cái tài ngoại ngữ, sự hiểu biết bách khoa, khả năng nhớ kỳ lạ không cần biết những chi tiết nhỏ nhặt của các sự kiện và địa điểm xa xưa của anh, mọi thử ấy đều vô dụng như cạnh cái hộp khảm ngọc của vợ anh, mà lúc này có lẽ trị giá bằng toàn bộ số tiền của tất cả những cư dân cuối cùng ở Macôndô cộng lại. Họ sống nhờ phép màu. Mặc dù Amaranta Ucsula không để mất tính tình vui vẻ cũng như những mánh khoé của cô trong các cuộc thác loạn, cô đã làm quen với việc sau bữa cơm trưa ngồi ở hành lang để mà suy tư và mơ màng ngủ. Aurêlianô ở bên cạnh cô. Đôi lúc họ lặng lẽ ngồi cho đến khi màn đêm buông xuống, người nọ nhìn vào mắt người kia, để trong im lặng ân ái với nhau bằng tất cả tâm hồn như trước đây họ từng ân ái với nhau trong sự ồn ĩ. Một tương lai bấp bênh không xác định buộc họ phải hướng tình cảm về quá khứ. Họ nhìn vào nhau mà thấy chính mình trong cái thiên đường thời mưa lụt đã mất, bì bõm lội trong những vũng nước bùn ở ngoài sân, giết những con thằn lằn để đeo lên người Ucsula, chơi trò chôn sống cụ và chính những hình ảnh được hồi tưởng lại ấy đã làm cho họ thấy rõ sự thật là mình hạnh phúc ngay từ khì mới có trí nhớ. Do dõi sâu vào quá khứ mà Amaranta Ucsula nhớ ra một buổi chiều cô bước vào xưởng kim hoàn và mẹ cô đã kể cho cô biết rằng chú nhóc Aurêlianô là đứa con vô thừa nhận bởi vì bà đã bắt được nó nằm trong chiếc làn. Mặc dù cảm thấy lời giải thích ấy là không có căn cứ xác thực, nhưng bọn họ cũng không có nguồn tài liệu nào khác để thay lời giải thích này bằng một lời giải thích đúng

đắn hơn. Sau khi suy đi tính lại tất cả các khả năng, điều duy nhất mà hai người chắc chắn hơn cả là Phecnanđa không phải là mẹ đẻ của Aurêlianô. Amaranta Ucsula thiên về ý nghĩ cho rằng Aurêlianô là con của Pêtra Côtêt, người mà cô chỉ còn nhớ được những chuyện nhơ nhuốc hoang đường và chính lời đoán định đó đã gây nên trong tâm hồn họ nỗi kinh hoàng.
Aurêlianô đau đớn trước ý nghĩ sáng tỏ rằng mình là em trai vợ mình nên anh đã trốn vào tu viện để tìm một dấu vết đáng tin nào đó về nguồn gốc của mình trong cái đống tài liệu bừa bộn đã bị gián nhấm. Lời ghi chú lễ đặt tên xa xưa nhất mà anh thấy là lời ghi chú về Amaranta Buênđya, người được cha Nicanô làm lễ đặt tên cho ở tuổi thiếu nữ, đó là thời kỳ cha đi lại khắp làng, bằng cách lợi dụng sự kích thích của sôcôla, cố chứng minh cho sự hiện tồn của Thượng đế. Sau khi lật hết bốn cuốn danh bạ anh thấy những lời ghi chú và ngày sinh của mười bảy anh em Aurêlianô thì anh đã tưởng rằng mình là một trong số mười bảy người này nhưng các ngày làm lễ rửa tội ấy lại quá xa xưa so với tuổi của anh. Thấy anh đang lạc lối trong cái mê cung để tìm cho ra gốc gác ruột thịt của mình và run rẩy vì hoang mang, vị cha sứ mắc chứng tê thấp nằm trên võng quan sát anh và với giọng chậm chạp, hỏi anh tên là gì.
- Aurêlianô Buênđya, - anh trả lời.
- Vậy con chớ mất công tìm kiếm. - Với thái độ dứt khoát cha sứ thốt lên. - Từ lâu rồi, ở đây có một con đường được gọi tên như thế, và bởi thế dân chúng lúc ấy quen đặt tên cho con mình bằng tên đường phố.
Aurêlianô run lên vì giận dữ:
- Trời ơi? - anh nói. - Vậy là cha cũng không tin.

- Tin cái gì kia?
- Cha không tin rằng ngài đại tá Aurêlianô Buênđya đã tiến hành ba mươi hai cuộc nội chiến và đã thất bại hoàn toàn. Cha cũng không tin rằng quân đội đã quây chặt rồi quét liên thanh giết chết ba ngàn người lao động và rằng chúng đã chất xác chết lên một đoàn tàu dài hai trăm toa để ném xuống biển.
Với cái nhìn thương hại, cha sứ nhìn anh:
- Ôi! Con ơi? - cha thở dài, - với cha, chỉ cần biết chắc rằng con và cha đang tồn tại trong lúc này là đủ rồi, đủ lắm rồi?
Vậy là Aurêlianô và Amaranta Ucsula chấp nhận câu chuyện chiếc làn là một bằng chứng về nguồn gốc của Aurêlianô, không phải vì họ tin nó mà chỉ vì nó có tác dụng khiến tâm hồn họ thanh thản. Trong lúc cái bào thai ngày càng lớn lên, bọn họ càng khăng khít với nhau đến mức tuy hai mà là một, ngày càng hoà tan mình vào cái cô đơn trong một ngôi nhà ọp ẹp mà chỉ một làn gió thổi cũng sập. Bọn họ tự hạn chế trường hoạt động của mình vào một không gian thực sự cần thiết nghĩa là từ phòng ngủ của Phecnanđa, nơi bừng sáng những giờ hoan lạc tĩnh tại, cho đến hành lang, nơi Amaranta Ucsula ngồi khâu giày và mũ cho trẻ sơ sinh, và là nơi Aurêlianô ngồi viết thư phúc đáp thư cụ già thông thái người xứ Catalunha mà thỉnh thoảng anh mới nhận được. Phần còn lại của ngôi nhà đã đầu hàng các lực lượng phá huỷ của thiên nhiên đang ngày càng siết chặt vòng vây. Xưởng kim hoàn, căn phòng của Menkyađết, những vương quốc nguyên thuỷ và trầm mặc của Santa Sôphia đê la Piêđat, tất thảy đều chìm trong một khu rừng hoang hiện tồn ngay trong nhà mà chẳng một ai dám bước chân vào. Bị thiên nhiên hung bạo vây chặt, Aurêlianô và Amaranta Ucsula vẫn tiếp tục trồng các cây kinh giới và

bảo vệ thế giới của mình bằng những vạch vôi để dựng lên những chiến luỹ cuối cùng của cuộc chiến tranh tự ngàn xưa giữa con người và lũ kiến đỏ. Mái tóc dài không được chải chuốt, gương mặt thâm tím những vết bầm máu, đôi chân xuống máu cứ nề ra vào buổi sáng, cái cơ thể son sẻ đầy yêu đương như thân con chồn của cô trước đây bây giờ đang xổ ra, tất cả những thứ đó đã khiến cho Amaranta Ucsula mất đi cái dáng vẻ trẻ trung hồi trở về nhà với lồng chim bạch yến bất hạnh và người chồng ngoan ngoãn, nhưng đã không làm thay đổi được sức mạnh tinh thần của cô. "Đồ cứt đái", cô vẫn thường cười cợt: "Ai mà dám nghĩ rằng thực ra chúng ta sẽ tự kết liễu mình bằng cách sống như những kẻ ăn thịt đồng loại". Sợi chỉ cuối cùng còn ràng buộc họ với thế giới bên ngoài bị đứt nốt vào lúc cái thai vừa được bảy tháng, khi bọn họ nhận được một lá thư, nhưng đó hiển nhiên không phải là thư của cụ già thông thái người xứ Catalunha. Phong thư được gửi đi từ Bacxêlôna bị rách mép, nhưng vì được viết với một nét chữ nắn nót bằng mực xanh nên nom ưa mắt. Nó có diện mạo đơn sơ và không đề tên người gửi, giống như những lá thư của kẻ thù. Aurêlianô giằng lấy lá thư từ tay Amaranta Ucsula khi cô sắp sủa bóc nó ra.

- Anh không thích lá thư này, - Aurêlianô nói. - Anh không muốn biết trong thư nói gì.

Quả như điều anh dự cảm, cụ già thông thái người xứ Catalunha không viết thư cho anh. Cái bức thư xa lạ, vốn không một ai đọc, nằm trên chiếc giá kệ nơi Phecnanđa đã có lần bỏ quên chiếc nhẫn cưới, mặc cho gián nhấm và tiếp tục nằm ở đấy để tự thiêu huỷ trong ngọn lửa nội tại của tin tức không lành, trong khi đó những người tình cô đơn bơi ngược dòng thời gian của những ngày cuối cùng ấy,

những ngày không thay đổi và bất hạnh, trôi nhanh đi trong nỗ lực vô ích nhằm ném họ xuống cõi hư vô buồn chán và lãng quên. Vốn hiểu rõ sự đe doạ ấy, Aurêlianô và Amaranta Ucsula tay cầm tay cùng sống cho đến những tháng cuối cùng để bằng tình yêu chung thuỷ hoàn thiện việc hoài hai đứa con trai được bắt đầu bằng những cơn thác loạn gian dâm. Về ban đêm, họ ôm nhau nằm trên giường không hề run sợ trước những tiếng động ầm ầm của bầy kiến đang làm tổ, tiếng bay rào rào của bày gián cũng như tiếng thở rền rĩ và âm vang của cỏ dại thi nhau mọc tại các phòng bên. Rất nhiều lần bọn họ bị các bóng ma đi lại đánh thức dậy. Họ nghe thấy Ucsula đang chiến đấu với luật lệ của sự sáng thế để duy trì dòng dõi của mình, nghe thấy Hôsê Accađiô Buênđya đang tìm kiếm chân lý hão huyền của những phát minh vĩ đại, nghe thấy Phecnanđa đang lầm rầm cầu kinh, nghe thấy đại tá Aurêlianô Buênđya đang ngây dại đi trước sự lừa phỉnh của chiến tranh và những con cá vàng, nghe thấy Aurêlianô Sêgunđô đang kiệt sức vì cô đơn trong các cuộc vui nhậu nhẹt điên cuồng, và thế là họ hiểu rằng những ám ảnh chủ yếu ấy có giá trị chống lại cái chết và họ lại hạnh phúc với ý nghĩ sáng tỏ rằng bọn họ sẽ tiếp tục yêu nhau với tư chất của mình khi đã chết, khi ấy một số loại động vật tương lai sẽ giúp họ tiêu diệt những loài sâu bọ đang quét sạch những con người ở cái thiên đường khốn cùng này. Vào lúc sáu giờ chiều một ngày chủ nhật, Amaranta Ucsula trở dạ đẻ. Bà đỡ vui vẻ của các cô gái làm tình nuôi miệng đã đặt cô nằm trên chiếc bàn ăn, rồi cưỡi trên bụng cô, đấm thùm thụp lên người cô, cho đến khi những tiếng kêu của cô bị tiếng khóc oe oe của đứa hài nhi bụ bẫm lấn át. Qua làn nước mắt, Amaranta Ucsula nhìn thấy nó là một Buênđya của những Buênđya vĩ đại, khoẻ mạnh và kiên

quyết như Hôsê Accađiô, với đôi mắt mở to thao láo và rực sáng như mắt của những người có tên Aurêlianô, và đã sẵn sàng làm lại nòi giống mình từ đầu, sẵn sàng thanh lọc những thói xấu nguy kịch và thiên hướng thích cô đơn của dòng họ mình, bởi đứa hài nhi này là người duy nhất trong một thế kỷ đã được hoài thai bằng tình yêu.
- Nó hoàn toàn là một kẻ ăn thịt đồng loại, - cô nói, - sẽ đặt tên cho nó là Rôđrigô.
- Không, - chồng cô phản đối, - sẽ đặt tên cho nó là Aurêlianô và nó sẽ thắng cả ba mươi hai cuộc chiến tranh.
Sau khi cắt rốn cho nó, bà đỡ liền lấy tấm giẻ lau thứ nước nhờn màu xanh bọc khắp cơ thể nó. Aurêlianô soi đèn cho bà làm. Chỉ đến khi lật sấp đứa hài nhi xuống, mọi người mới nhận thấy nó còn có một cái gì đó khác hẳn với mọi người đàn ông. Thế là họ cúi xuống nhìn cho kỹ. Đó là một cái đuôi lợn.
Họ không hề lo lắng. Aurêlianô và Amaranta Ucsula không biết rõ lai lịch gia đình mình cũng như không nhớ những lời nhắc nhủ tâm huyết của Ucsula, và bà đỡ đã an ủi họ với lời dự đoán rằng cái đuôi vô dụng ấy sẽ có thể rụng đi khi đứa trẻ thay răng sữa. Sau đó bọn họ không có dịp để nghĩ về cái đuôi lợn, bởi vì Amaranta Ucsula bị rong máu không thể nào cầm được. Với việc dùng mạng nhện và tro đã ngào nước người ta định cứu cô nhưng vô hiệu, việc làm này cũng chẳng khác gì lấy tay bịt miệng vòi nước đang phun. Trong những giờ đầu, cô cố lấy sức giữ thái độ vui vẻ. Cô cầm tay Aurêlianô đang hoảng hốt để van nài anh đừng lo, rồi nói với anh rằng người như cô sinh ra đời không phải để chết trái với ý nguyện, rồi cô cười chế giễu những biện pháp ngô nghê của bà đỡ. Nhưng rồi trong lúc Aurêlianô ngày một mất hy vọng thì hình bóng cô ngày

một nhoè dần như thể người ta đang xoá cô bằng ánh sáng, cho đến khi cô chìm đi trong cơn hôn mê. Buổi sáng ngày thứ hai người ta dẫn một người đàn bà đến bên giường cô nguyện cầu những bài kinh sôi nổi, đọc rõ tên người và tên con vật, nhưng bầu nhiệt huyết của Amaranta Ucsula vẫn lì trơ trước tất cả mọi trò nhân tạo khác với tình yêu. Chiều ngày thứ hai, sau hai mươi bốn giờ lo âu và thất vọng, bọn họ biết rằng cô đã chết bởi vì lượng máu trong cô đã cạn không phương cứu chữa, và gương mặt nhìn nghiêng của cô đanh lại, những nếp nhăn trên mặt biến đi khiến khuôn mặt cô trở thành một vầng mặt trời trắng bệch, và cô lại cười.
Cho đến lúc này Aurêlianô chưa hiểu được anh yêu các bạn mình đến như thế nào, anh cần có họ đến như thế nào và anh mong được gặp họ đến như thế nào. Anh đặt đứa hài nhi vào chiếc làn do mẹ nó đã chuẩn bị sẵn, lấy tấm khăn choàng đắp cho tử thi, rồi lang thang không phương hướng trong cái làng hoang vắng để tìm một hẻm núi dẫn về thời quá khứ. Anh gọi cửa hiệu thuốc, là nơi thời gian gần đây anh không đến, và cái mà anh thấy lại là một xưởng mộc. Bà già mở cửa cho anh, tay cầm một ngọn đèn dầu, tỏ lòng thương hại anh lạc đường và khăng khăng bảo anh rằng đây không phải là hiệu thuốc, rằng ở đây chưa bao giờ là hiệu thuốc, cũng không bao giờ quen một cô gái có cổ cao ba ngấn với đôi mắt mơ huyền được gọi tên là Mecxêđet. Anh gục đầu vào cửa hiệu sách cũ của cụ già thông thái người xứ Catalunha để khóc lóc mà tin rằng bằng những tiếng khóc muộn màng, mình đang trả nợ một cái chết mà anh không muốn khóc đúng lúc để khỏi làm đứt quãng sự quyến rũ của tình yêu. Anh nắm tay lại đấm mạnh vào những bức tường gạch của cái nhà chứa Cậu bé vàng, cái tên do Pila Tecnêra đặt, không hề để ý tới những

chiếc đĩa vàng màu da cam đang rực rỡ bay ngang bầu trời mà trước đây trong một đêm hội, đứng ở sân những chú diệc, anh đã háo hức ngắm nhìn. Một đội đàn phong cầm chơi những bài hát của Raphaen Escalôna, người cháu của đức giám mục, người kế thừa của cụ Phranxiscô - Con Người ở quán nhậu ngoài trời thuộc xóm cờ bạc đã hoang vắng bóng người. Chủ quán, người có cánh tay khô quắt, như thể bị cháy sẹo vì đã dùng nó để làm hại đời mẹ mình, đã mời Aurêlianô cùng uống một chai rượu mạnh, rồi sau đó Aurêlianô lại mời ông ta cùng uống một chai nữa. Chủ quán kể cho Aurêlianô nghe nỗi bất hạnh của cánh tay mình. Aurêlianô kể cho ông ta nghe nỗi bất hạnh của trái tim mình, khô quắt và sẹo cháy vì đã dùng nó để làm hại đời chị gái mình. Kể xong bọn họ cùng khóc lóc bên nhau rồi Aurêlianô bỗng thấy nỗi đau của lòng mình vợi hẳn đi. Nhưng khi đơn độc một mình đứng trong buổi đêm về sáng cuối cùng ở Macôndô, anh dang rộng hai cánh tay ngay giữa quảng trường, sẵn sàng đánh thức cả thế gian tỉnh giấc, với tất cả tâm hồn, anh gào:

- Bạn bè là một lũ con hoang.

Nigrômanta lôi anh ra khỏi vũng bùn nhầy nhụa những thứ nôn ra và nước mắt. Cô đưa anh về phòng, lau chùi cho anh và cho anh uống một ca nước mía. Cô lấy than xoá đi những vạch đánh dấu các khoản tiền anh còn nợ sau không biết bao nhiêu lần ngủ với cô mà nghĩ rằng bằng cách này cô sẽ an ủi anh và cô gợi lại những nỗi buồn cô đơn một cách thoải mái để anh khỏi phải khóc một mình. Khi tỉnh dậy, sau một giấc ngủ chập chờn và ngắn ngủi, Aurêlianô nhận ra mình đang đau đầu. Anh mở mắt và nhớ đến đứa hài nhi. Anh không thấy đứa hài nhi trong chiếc làn. Bỗng anh sướng ngây ngất vì tin rằng Amaranta Ucsula từ cõi chết đã tỉnh lại để chăm nom đứa

trẻ. Nhưng xác chết như một tảng dá vẫn nằm nguyên dưới tấm khăn choàng. Vì nhớ rõ rằng khi về đến nhà đã thấy của buồng ngủ mở toang nên Aurêlianô liền rảo bước đi qua hành lang sực nức mùi kinh giới mỗi buổi sáng, anh thò đầu vào phòng ăn nơi vẫn còn bừa bãi các thứ rác rưởi sau khi đỡ đẻ xong: cái chảo lớn, những tấm vải trải giường bê bết máu, những giành tro, và cả cái rốn quăn của đứa hài nhi nằm trong chiếc tã lót trải rộng trên mặt bàn bên cạnh chiếc kéo và cuộn chỉ. Ý nghĩ bà đỡ đã trở lại ôm ẵm đứa bé trong suốt đêm qua đã mang lại cho anh một chút thanh thản trong lòng để suy nghĩ. Anh gieo mình trên chiếc ghế xích đu mây, vẫn chính là chiếc ghế xích đu mà Rêbêca trong buổi đầu của gia đình này đã ngồi để dạy các bạn thêu, sau đó Amaranta ngồi chơi cờ đam với đại tá Hêrinêndô Mackêt, Amaranta Ucsula ngồi may quần áo cho trẻ sơ sinh, và trong ánh chớp rực sáng của trí thông minh anh đã ý thức được rằng mình không thể chịu đựng nổi sức nặng của quá khứ đang đè lên tâm hồn mình. Vì bị nỗi hoài nhớ của chính mình và của người khác phóng những mũi lao tử thương làm cho mệt mỏi, Aurêlianô ngạc nhiên nhìn những tấm mạng nhện ương bướng phủ trên vườn hồng chết đứng, nhìn cỏ dại bền bỉ mọc lên um tùm ở khắp nơi, nhìn không khí bình lặng ôm trùm trong buổi mai đỏ rực của tháng hai. Thế là anh nhìn ra đứa hài nhi. Lúc này nó chỉ còn là một bộ da phồng khô cứng mà loài kiến ở khắp trái đất đã kéo tới rồi nặng nhoè khiêng nó đi theo những lối mòn lởm chởm đá về tổ. Aurêlianô không thể cựa quậy được. Không cựa quậy được không phải vì nỗi sợ hãi kinh hoàng khiến anh ngồi yên mà vì trong phút giây kỳ ảo đó những khoá mã chính xác của cụ Menkyađêt đã hiện ra trước mắt anh và thứ văn tự viết trên những tấm da thuộc kia đã

được sắp đặt một cách chính xác trong thời gian và không gian của những con người: Người đầu tiên của dòng họ bị trói vào một gốc cây và kiến đang ăn người cuối cùng của dòng họ. Ở bất kỳ một hành động nào trong cuộc đời mình, Aurêlianô chưa bao giờ minh mẫn như khi anh quên đi những người thân đã chết của mình và quên đi nỗi đau thương cho họ, anh lấy then chắn cửa của Phecnanđa đóng chặt các cửa lại để ở yên trong nhà vì lúc đó anh hiểu số phận của mình đã được viết trên những tấm da thuộc của cụ Menkyađêt. Anh thấy chúng mới nguyên nằm bên cạnh những cây cối thời tiền sử và những vũng bùn ẩm ướt cùng những côn trùng rực sáng từng ném ra khỏi phòng tất cả dấu ấn của con người trên mặt đất, rồi anh không còn đủ bình tĩnh để đưa những tấm da thuộc ra chỗ sáng, trái lại anh đứng nguyên ở đấy, vẫn nhìn rất rõ chữ, như thể chúng được viết bằng tiếng Tây Ban Nha dưới ánh sáng rực rỡ lúc đang trưa. Anh bắt đầu đọc thành lời những trang viết đã được mã hoá ấy. Đó là chuyện về gia đình được cụ Menkyađêt viết tỉ mỉ đến từng chi tiết nhỏ nhặt nhất trước đây một trăm năm. Cụ đã viết nó bằng tiếng Phạn vốn là ngôn ngữ mẹ đẻ của mình, cụ đã mã hoá những bài thơ có vần của hoàng đế Augustô bằng mật mã riêng và những bài thơ không vần bằng mật mã của quân đội Hy Lạp. Ẩn ý cuối cùng của cụ mà Aurêlianô bắt đầu nhận ra khi anh thôi không để cho tình yêu của Amaranta Ucsula làm cho lú lẫn, nằm ở ngay chỗ Menkyađêt không sắp đặt các sự kiện theo thứ tự thời gian mà tập trung cả một thế kỷ những chuyện hàng ngày lại, làm cho chúng cùng tồn tại trong một lúc. Hào hứng trước thành tựu đạt được, Aurêlianô đọc to lên, không hề vấp váp, những bài nhã ca mà chính cụ Menkyađêt đọc cho Accađiô nghe và thực ra đó là

những lời tiên tri về sự hành hình của ông, rồi anh đọc lời tiên đoán trước về sự ra đời của người con gái đẹp nhất trần gian hoàn toàn bay lên trời, rồi đọc được cội nguồn của hai anh em sinh đôi sau ớ đã từ bỏ việc giải mã thứ văn chương khó hiểu được viết trên những tấm da thuộc, họ phải từ bỏ không vì họ thiếu quyết tâm và nhẫn nại mà vì những ý định của họ đến quá sớm trước khi những tấm da thuộc được trăm tuổi. Trong lúc này, vì háo hức muốn biết nguồn gốc của mình, Aurêlianô liền bỏ cách một đoạn. Lúc đó bắt đầu nổi gió, một thứ gió mới khởi phát, còn yếu ớt, mang theo nó những tiếng nói của quá khứ, những tiếng thì thào của hoa phong lữ cổ xưa, và những tiếng thở dài não nuột của những ai đã tỉnh mộng trước những nỗi hoài nhớ da diết nhất. Nhưng Aurêlianô không nhận ra nó vì cũng trong lúc đó anh đã phát hiện ra những dấu hiệu sẽ nói rõ con người mình ở trong một người ông hám của và háu gái từng để cho sự nhẹ dạ lôi mình đi qua hoang mạc để tìm một người đàn bà và đã không đem lại hạnh phúc cho bà. Aurêlianô nhận ra ông ngoại mình và tiếp tục dò tìm những con đường lẩn quất của cha mẹ mình, rồi anh bắt gặp cái giây phút hoài thai của mình giữa những con bò cạp và đàn bướm vàng trong một nhà tắm lúc hoàng hôn, nơi một anh thợ cơ khí đang thoả cơn thèm khát nhục dục của mình với một người đàn bà nổi loạn đã hiến thân cho anh ta. Anh đang quá sừng siết đến mức không nhận ra sự chuyển mình rùng rùng lần thứ hai của cơn gió mà sức mạnh bão tố của nó đang giật đứt những bản lề cửa, lật tung mái hiên nhà phía đông, và làm rạn nứt sàn xi măng. Chỉ đến lúc ấy anh mới phát hiện ra rằng Amaranta Ucsula không phải là chị gái mình, mà là dì ruột của mình, và rằng tên cướp biển Phranxixcô Đrăc đã tấn công Rioacha nhằm làm cho họ tìm kiếm lẫn

nhau hoài trong cái mê cung cùng huyết thống rắc rối nhất mãi cho đến khi đẻ ra một con vật huyền thoại sẽ kết thúc dòng họ mình. Lúc này Macôndô chi còn là một cơn lốc dữ dội đầy bụi và rác rưởi cứ xoáy tít mù nhờ cơn dông bão từng được nói tới trong Kinh thánh đang vần vũ, đó cũng là lúc Aurêlianô lật lướt nhanh mười một trang để khỏi mất thời gian vào những sự kiện đã quá quen biết, và khi bắt đầu giải mã đoạn nói về cái giờ phút mình đang sống, anh giải mã theo cách mình đã sống trong các sự kiện ấy. Và trong lúc giải mã trang cuối cùng, bằng cách đoán trước anh đọc nó như thể anh đang nhìn vào một tấm gương biết nói. Lúc này, anh lại bỏ qua một quãng để đọc trước những lời tiên tri và để xác định ngày và hoàn cảnh xảy ra cái chết của chính mình. Tuy nhiên, trước khi đọc đến bài thơ cuối cùng, anh đã hiểu rằng mình sẽ chẳng bao giờ ra khỏi căn phòng này nữa bởi anh đã thấy trước rằng thành phố những tấm gương (hay đúng hơn thành phố những ảo ảnh) sẽ bị gió cuốn đi và sẽ bị xoá sạch khỏi ký ức con người trong lúc anh, Aurêlianô Babilônia, giải mã xong các tấm da thuộc, và tất cả những gì được viết trong những tấm da thuộc này sẽ không được lặp lại và mãi mãi không bao giờ được lặp lại, bởi vì những dòng họ bị kết án trăm năm cô đơn không có dịp may lần thứ hai để trở lại làm người trên mặt đất này.

Chú thích:

(1) Gái lai đen.

(2) Luxiô Aunêô Sênêca (- 65). một triết gia Tây Ban Nha Latinh sinh tại Cordôba.

(3) Publiô Ovidiô Nasôn, nhà thơ Latinh sinh tại Sanmôra (sinh năm 43 trước Công nguyên và chết năm 17 sau Công nguyên), tác giả của Arte de Amor (Nghệ thuật tình yêu) và Metamorfosis (Sự biến

hình).

(4) Tiếng nói của cư dân sống ở thành Cactagô, một thành phố cổ xưa của châu Phi.

(5) Có lẽ là tiếng cactagô trong nguyên bản có nghĩa rất tục.

(6) Một thành phố Tây Ban Nha nằm trên bờ Địa Trung Hải.

(7) Lenđa: một tỉnh thuộc Tây Ban Nha nằm giữa sông Sêgrê và sông Ebrô.

(8) Makôndô ở đây thuộc châu Phi.

HẾT